

ĐẠI DIỄN GIẢI
(*MAHĀNIDDESAPĀḌI*)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Niddesa là tựa đề của tập kinh thứ 11 trong 15 tập¹ thuộc *Khuddakanikāya* (Tiểu bộ) - bộ thứ năm của *Suttantapiṭaka* (tạng Kinh) sau *Dīghanikāya* (Trường bộ), *Majjhimanikāya* (Trung bộ), *Samyuttanikāya* (Tương ưng bộ) và *Anguttaranikāya* (Tăng chi bộ). Việc xác định *Khuddakanikāya* gồm có 15 tập (*pannarasappabhedo khuddakanikāyo*) được căn cứ vào một số văn bản Chú giải do công soạn thảo của Ngài Buddhaghosa với thứ tự như được trình bày dưới đây:

1. *Khuddakapāṭha* (Tiểu tụng)
2. *Dhammapada* (Pháp cú)
3. *Udāna* (Phật tự thuyết)
4. *Itivuttaka* (Phật thuyết như vậy)
5. *Suttanipāta* (Kinh tập)
6. *Vimānavatthu* (Chuyện Thiên cung)
7. *Petavatthu* (Chuyện Ngạ quỷ)
8. *Theragāthā* (Trường lão kệ)
9. *Therīgāthā* (Trường lão Ni kệ)
10. *Jātaka* (Bốn sanh)
11. *Niddesa* (Diễn giải)
12. *Paṭisambhidāmagga* (Phân tích đạo)
13. *Apadāna* (Thánh nhân ký sự)
14. *Buddhavaṃsa* (Phật sử)
15. *Cariyāpiṭaka* (Hạnh tạng)²

Niddesa là danh từ nam tánh, có ý nghĩa là “sự chỉ ra, sự phân tích” và được phát xuất từ động từ *niddisati* (ni+√dis+a) có ý nghĩa là “chỉ ra, giải ra, định rõ.” Chúng tôi chọn tựa đề tiếng Việt cho tập Kinh *Niddesa* là “Diễn giải.” Kinh *Niddesa* được trình bày thành 2 cuốn: *Mahāniddesa* (Đại diễn giải) và *Cullaniddesa* / *Cūlaniddesa* (Tiểu diễn giải). Từ Pāli được gắn thêm sau mỗi tựa đề *Mahāniddesapāḷi* và *Cullaniddesapāḷi*, để khẳng định rằng

¹ Tiểu bộ thuộc Tam tạng Thánh điển PGVN có 16 tập. (BBT)

² DA. I. 17; VinA. I. 18; DhsA. 18.

văn bản này thuộc về Chánh tạng của Tam tạng (*Tipiṭaka*). Theo quan điểm cá nhân, chúng tôi hiểu rằng hai tính từ “*mahā*” và “*culla*” (hoặc “*cūla*” do sự khác biệt về cách phát âm) được thêm vào trước tựa đề của các tập sách hoặc bài kinh có thể hiểu theo nghĩa “đại” và “tiểu” (lớn và nhỏ), hoặc “thượng” và “hạ” (trên và dưới), hay đơn giản hơn chỉ là “tập 1” và “tập 2” (trước và sau). Nội dung *Mahāniddesapāli* và *Cullaniddesapāli* được ghi nhận như sau:

- *Mahāniddesapāli* giải thích về 210 câu kệ (*gāthā*) của 16 bài kinh (*sutta*) thuộc *Aṭṭhakavagga* (Phẩm Nhóm tám) của tập *Suttanipātapāli* (Kinh tập) thuộc Tiểu bộ, tạng Kinh.

- *Cullaniddesapāli* giải thích về 119 câu kệ thuộc *Pārāyanavagga* (Phẩm Đường đi đến bờ kia), cộng thêm vào 41 câu kệ của bài *Khaggavisāṇasutta* (Kinh Sừng tê ngưu) thuộc *Uragavagga* (Phẩm Rắn) cũng của tập *Suttanipātapāli* thuộc Tiểu bộ, tạng Kinh.

Tác giả của *Niddesa* được ghi nhận là Ngài Sāriputta, vị Thượng thủ Thánh văn của đức Phật. Điều này được thấy ghi lại ở phần mở đầu (*ganthārambhakathā*) của tài liệu *Chú giải Saddhammapajjotikā* của tập kinh này.³ Phần cuối của tập sách cho biết: *Chú giải* này⁴ còn có tên gọi khác nữa là *Niddesavaṇṇanā* và đã được thực hiện bởi vị Đại Trưởng lão Upasena lúc vị ấy cư ngụ ở một gian phòng được xây dựng bởi Kittisena tại phía Tây của Mahāthūpa thuộc Mahāvihāra (Đại tự), ở khu vực phía Nam của kinh thành Anurādhapura vào năm thứ 26 thuộc triều đại của đức Vua Sirinivāsa Sirisaṅghabodhi.⁵ Cũng có thể gọi tập *Chú giải* này với tên *Niddesa-aṭṭhakathā*, hoặc có thể gọi theo tên gọi riêng của từng tập là *Mahāniddesa-aṭṭhakathā* và *Cullaniddesa-aṭṭhakathā* theo sự phân chia thành hai tập như đã được đề cập ở trên.

Về thời điểm của tập *Niddesa* như đã được xác định bởi vị Đại Trưởng lão Upasena, tác giả của tài liệu *Chú giải Saddhammapajjotikā*, thì tập này đã có từ thời đức Phật còn tại tiền. Căn cứ vào những chứng cứ cụ thể qua văn tự được báo hiệu bởi cụm từ: “*Vuttaṃ hetam bhagavatā*” (bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến) và không có ghi thêm xuất xứ nào khác, chúng ta có thể đưa ra nhận xét rằng tập *Niddesa* được hình thành rất sớm, lúc lời dạy đức Phật đã được lưu truyền trong chúng đệ tử của Ngài, nhưng còn chưa được phân chia thành Tam tạng như cách trình bày hiện tại. Ngày nay, chúng ta có thể sử dụng máy vi tính để tìm thấy những trích dẫn ấy ở các văn bản Pāli thuộc tạng Kinh như là: *Dīghanikāya*, *Majjhimanikāya*, *Saṃyuttanikāya*, *Aṅguttaranikāya*, và các tập kinh thuộc *Khuddakanikāya* như là: *Dhammapada*, *Jātaka*, *Udāna*, *Itivuttaka*, *Theragāthā*, v.v... Bên cạnh đó, còn có một số câu trích dẫn được tìm thấy ở tạng

³ *MNiDa*. I. 1.

⁴ *CNiDa*. 151.

⁵ Vị vua này được xác định là Aggabodhi (564-598) (*Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VII, The Department of Buddhist Affairs, Ministry of Buddhasāsana, Sri Lanka, 2003, trang 170).

Abhidhamma (Vi diệu pháp) nữa. Một yếu tố về thời gian khác nữa là *Chú giải Samantapāsādikā* về tạng Luật có ghi lại câu chuyện rằng: Có một thời kỳ chỉ còn lại chỉ một vị thuộc lòng tập *Niddesa*,⁶ và điều này làm tiền đề cho việc kết tập Tam tạng lần thứ IV tại Sri Lanka, rồi được ghi xuống bằng chữ viết trên lá buông vào thế kỷ I TTL. Như vậy, có thể kết luận rằng tập *Kinh Niddesa* vốn đã được lưu truyền trước thời kỳ kết tập ấy.

Xét về thể loại, Giáo sư Oliver Abeynayake nhận xét ở sách *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* như sau: “*Niddesa* được xếp vào thể loại *Sutta* trong chín thể loại (*navāṅga*) bởi Chú giải sư Buddhaghosa. Ở tập *Chú giải của Nettipakaraṇa*, Chú giải sư Dhammapāla công nhận quan điểm của Ngài Buddhaghosa. Về vấn đề này, vị Upasena, tác giả của tập *Chú giải Niddesa* có quan điểm khác biệt. Vị ấy có ý kiến là *Niddesa* nên được xếp vào thể loại *Gāthā* và *Veyyākaraṇa* (*gāthāveyyākaraṇaṅgaddvaya saṅgahīto*). Điều đáng lưu ý ở đây là ý kiến của vị Upasena đã bị phê phán ở *Sāratthadīpanī* (Sớ giải của Chú giải *Samantapāsādikā*) được viết bởi vị Sāriputta ở thời kỳ Polonnaruwa (thế kỷ XII). Tác giả của *Sāratthadīpanī* có vẻ tán thành quan điểm của Buddhaghosa và Dhammapāla, mặc dầu vị ấy thừa nhận việc sắp xếp *Niddesa* vào thể loại *Veyyākaraṇa* là hợp lý, dựa trên nền tảng là các câu hỏi và các câu trả lời (*pucchāvissajjanā*) được tìm thấy ở *Niddesa*. Vị ấy hướng sự chú ý của chúng ta đến câu hỏi là *Niddesa* có nên hay không nên được xếp vào thể loại *Gāthā*. Phần trình bày ở *Sāratthadīpanī* đầu sao cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc trình bày về sự tranh luận phổ biến có tính chất truyền thống liên quan đến tập *Niddesa* của chúng ta” (160-161).

Về nội dung, *Niddesa* được xem là một tài liệu chú giải cổ. Cách thức giải thích của *Niddesa* có nhiều khác biệt so với các văn bản chú giải của các Chú giải sư Buddhaddatta, Buddhaghosa, Dhammapāla, v.v... từ thế kỷ V Tây lịch trở về sau. Cách thức giải thích được thấy ở *Niddesa* thường là một danh sách dài các từ đồng nghĩa, và sự giải thích như vậy được lặp lại mỗi khi từ cần giải thích xuất hiện. Một điểm được ghi nhận khác nữa là *Niddesa* chú trọng đến việc giải thích từng từ, nhóm từ hoặc một phần của kệ ngôn; qua việc làm đó, ý nghĩa của câu kệ được phô bày, chứ không có phần giải thích ý nghĩa tổng thể của toàn bộ câu kệ. Nhiều chỗ, việc giải thích được thực hiện bằng cách trích dẫn các lời dạy của đức Phật. *Niddesa* cũng không trình bày các giai thoại, các tích truyện có liên quan đến vấn đề đang được giải thích. Các thuật ngữ về văn phạm không được tìm thấy, nhưng lại có định nghĩa của một số từ vựng, ví dụ như: *iti*, *addha*, *āyasmā*, *na*, v.v... Hoặc một số thuật ngữ hầu như chỉ có riêng ở *Niddesa* mà không thấy ở các tập kinh khác, ví dụ như việc phân tích và giải nghĩa về 6 hạng *Muni*: *Agāramuni* (Hiền trí tại gia), *Anagāramuni* (Hiền trí xuất gia), *Sekhamuni* (Hiền

⁶ *VinA*. III. 695.

trí Hữu học), *Asekhamuni* (Hiền trí Vô học), *Paccekamuni* (Hiền trí Độc giác), *Munimuni* (Hiền trí của các bậc Hiền trí, Hiền trí Toàn Giác); 2 loại *kāma* (dục): *vatthukāma* (vật dục) và *kilesakāma* (ô nhiễm dục); 5 loại con mắt đã được khai mở (*vivaṭacakkhu*) của đức Phật: *maṃsacakkhu* (nhục nhãn), *dibbacakkhu* (thiên nhãn), *paññācakkhu* (tuệ nhãn), *Buddhacakkhu* (Phật nhãn), *samantacakkhu* (toàn nhãn), v.v... Tuy nội dung của *Niddesa* có tính chất chú giải, nhưng vẫn là văn bản được xếp vào *Tiểu bộ*, tạng Kinh, thuộc *Chánh tạng* như đã được ghi lại bởi Chú giải sư Buddhaghosa.

Nội dung của tập thứ nhất, *Mahāniddesapāḷi*, được chia thành 16 phần dựa theo 16 bài kinh (*sutta*) ở văn bản gốc (*Suttanipāṭapāḷi*, *Kinh tập*) cụ thể như sau:

1. *Kāmasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về dục)
2. *Guhaṭṭhakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về hang)
3. *Duṭṭhaṭṭhakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về xấu xa)
4. *Suddhaṭṭhakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch)
5. *Paramaṭṭhakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về tối thắng)
6. *Jarāsuttaniddeso* (Diễn giải kinh về sự già)
7. *Tissametteyyasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về Tissametteyya)
8. *Pasūrasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về Pasūra)
9. *Māgandiyasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về Māgandiya)
10. *Purābhedasuttaniddeso* (Diễn giải kinh trước khi hoại rã)
11. *Kalahavivādasuttaniddeso* (Diễn giải kinh cãi cọ và tranh cãi)
12. *Cūlaviyūhasuttaniddeso* (Diễn giải kinh sự dàn trận nhỏ)
13. *Mahāvīyūhasuttaniddeso* (Diễn giải kinh sự dàn trận lớn)
14. *Tuvaṭṭakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh một cách nhanh chóng)
15. *Attadaṇḍasuttaniddeso* (Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân)
16. *Sāriputtasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về Sāriputta)

Các kệ ngôn trong tổng số 210 kệ ngôn của 16 phần trên được giải thích tuần tự đúng theo thứ tự ở tập *Suttanipāṭapāḷi* và được trình bày theo chữ nghiêng hay tô đậm để tiện việc phân biệt.

Một cách tóm tắt, tập *Mahāniddesapāḷi* giúp cho người học Phật củng cố về mặt tri kiến, cũng như về lãnh vực tu tập với lời giải thích chi tiết phân giáo lý về các dục và sự đắm nhiễm tham ái của bản thân, từ đó dẫn đến các trạng thái ô nhiễm và chấp thủ tà kiến khiến con người không nắm được bản thể thật của thế gian, sanh-già-bệnh-chết, rồi lao vào các cuộc tranh cãi, sanh khởi ngã mạn, chìm đắm vào trạng thái mê muội và xa lìa sự giác ngộ.

Về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, chúng tôi đã ghi nghĩa Việt của các kệ ngôn bằng văn xuôi nhằm diễn tả trọn vẹn ý nghĩa của văn bản gốc. Trong phần nhiều các trường hợp, hai dòng kệ ngôn gồm bốn *pāda* là được hoàn chỉnh về ý nghĩa. Nhưng có một vài trường hợp, ý nghĩa được nối từ kệ ngôn này sang kệ ngôn khác, thì chúng tôi dịch gom chung các kệ ngôn có liên quan lại với nhau. Trong trường hợp một số các kệ ngôn Pāli gồm 3 hoặc 4 dòng có ý nghĩa được tách biệt theo từng dòng một, chúng tôi ngắt câu dịch Việt thành từng dòng riêng biệt tương ứng với từng câu Pāli để tiện việc đối chiếu, so sánh, tìm hiểu và học hỏi.

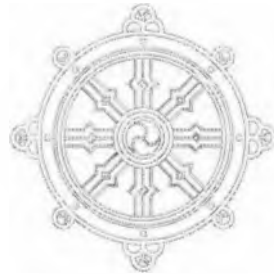
Về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại lời tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mấu chốt giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu Pāli thấy ra được cấu trúc của loại ngôn ngữ này, đồng thời tạo sự thuận tiện cho công việc hiệu đính trong tương lai. Việc làm này của chúng tôi không hẳn đã được hoàn hảo, dấu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu cổ ngữ Phật học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ có hạn.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ, song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

Ngày 16 tháng 4 năm 2018

Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)



1. DIỄN GIẢI KINH VỀ DỤC (KĀMASUTTANIDDESO)

1.1. *Đối với người ham muốn về dục, nếu điều ấy thành tựu đến người ấy, đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn.*

Đối với người ham muốn về dục.

Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. Các loại nào là vật dục? Các sắc hợp ý, các thanh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý, các vật trải lót, các vật đắp, các tô trai và tó gái, dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại và nhà kho; bất cứ vật gì đưa đến sự luyến ái là vật dục.

Thêm nữa là các dục quá khứ, các dục vị lai, các dục hiện tại, các dục nội phần, các dục ngoại phần, các dục nội và ngoại phần, các dục hạ liệt, các dục trung bình, các dục cao quý; các dục thuộc địa ngục, các dục thuộc loài người, các dục thuộc cõi trời; các dục hiện tiền, các dục được tạo ra, các dục được người khác tạo ra, các dục không được tạo ra, các dục thuộc sở hữu, các dục không thuộc sở hữu, các dục được chấp là của ta, các dục không được chấp là của ta; tính luôn tất cả các pháp dục giới, tất cả các pháp sắc giới, tất cả các pháp vô sắc giới; các dục có nền tảng là tham ái, có cảnh giới là tham ái, với ý nghĩa đưa đến sự ham muốn, với ý nghĩa đưa đến sự luyến ái, với ý nghĩa đưa đến sự say đắm.

Các điều này được gọi là vật dục.

Các loại nào là ô nhiễm dục? Mong muốn là dục, luyến ái là dục, mong muốn và luyến ái là dục, tư duy là dục, luyến ái là dục, tư duy và luyến ái là dục; [ô nhiễm dục] là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục liên quan đến ngũ dục.

“Này dục, ta đã nhìn thấy gốc rễ của người. Này dục, người sanh lên từ sự tư duy. Ta sẽ không tư duy về người nữa. Này dục, như vậy người sẽ không hình thành.”¹

Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

¹ Bốn sanh “Thọ cạo Gaṅgamāla” (Gaṅgamālajātakaṃ), số 421, TTPV, tập 32, trang 311, câu kệ 1185. (ND)

Đối với người ham muốn: Đối với người đang ham muốn, đối với người đang ước muốn, đối với người đang ưng thuận, đối với người đang ước nguyện, đối với người đang mong cầu, đối với người đang nguyện cầu.

“Đối với người ham muốn về dục” là như thế.

Nếu điều ấy thành tựu đến người ấy.

Đến người ấy: Đến người ấy tức là đến vị Sát-đế-ly, hoặc đến vị Bà-la-môn, hoặc đến thương nhân, hoặc đến kẻ nô lệ, hoặc đến người tại gia, hoặc đến vị xuất gia, hoặc đến vị trời, hoặc đến loài người.

Điều ấy: Tức là nói đến các vật dục: Các sắc hợp ý, các thanh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý.

Thành tựu: Tức là có kết quả, thành tựu, đạt được, tiếp nhận, đạt đến, tìm thấy.

“Nếu điều ấy thành tựu đến người ấy” là như thế.

Đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng.

Đương nhiên: Từ “đương nhiên” này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói không sai trái, lời nói khẳng định.

Vui mừng: Vui mừng là sự hân hoan, sự tùy hỷ, sự vui thích, sự cười đùa, sự hài hước, sự vui lòng, sự vui sướng, sự phấn khởi, sự hoan hỷ, sự sung sướng của tâm có liên quan đến năm loại dục.

Ý: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám; ý, ý xú, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên; điều này được gọi là ý. Ý này với sự vui mừng này là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đối tượng.

Có ý vui mừng: Có ý vui mừng là có ý vui vẻ, có ý vui thích, có ý thích thú, có ý hoan hỷ, có ý phấn khởi, có ý hài lòng, có ý mừng rỡ.

“Đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng” là như thế.

Sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn.

Sau khi đã đạt được: Là sau khi nhận được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận.

Con người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại.

Điều mà con người ước muốn: Điều mà con người ước muốn là điều mà con người ưng thuận, điều mà con người ước nguyện, điều mà con người mong cầu, điều mà con người nguyện cầu: Hoặc là sắc, hoặc là thanh, hoặc là hương, hoặc là vị, hoặc là xúc.

“Sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đối với người ham muốn về dục, nếu điều ấy thành tựu đến người ấy, đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn.”

1.2. Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn, đối với người có sự mong muốn đã sanh khởi; các dục ấy bị suy giảm thì [người ấy] bị khổ sở như là bị đâm xuyên bởi mũi tên.

Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn.

Nếu đối với người ấy: Tức là đối với vị Sát-đế-ly, hoặc đối với vị Bà-la-môn, hoặc đối với thương nhân, hoặc đối với kẻ nô lệ, hoặc đối với người tại gia, hoặc đối với vị xuất gia, hoặc đối với vị trời, hoặc đối với người nhân loại ấy.

Đối với người đang ham muốn: Là đối với người đang ước muốn, đối với người đang ưng thuận, đối với người đang ước nguyện, đối với người đang mong cầu, đối với người đang nguyện cầu các dục; hoặc là người bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi sự tham ái về dục. Giống như người bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bằng xe voi kéo, bằng xe ngựa kéo, bằng xe bò kéo, bằng xe dê kéo, bằng xe cừu kéo, bằng xe lạc đà kéo, bằng xe lừa kéo; tương tự như vậy là người bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi sự tham ái về dục.

“Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn” là như thế.

Đối với người có sự mong muốn đã sanh khởi.

Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn ở các dục. Đối với người ấy, sự mong muốn về dục đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện.

Đối với người: Là đối với chúng sanh, đối với đàn ông, đối với thanh niên, đối với người nam, đối với cá nhân, đối với mạng sống, đối với người còn sanh tử, đối với con người, đối với người đi theo nghiệp, đối với nhân loại.

“Đối với người có sự mong muốn đã sanh khởi” là như thế.

Các dục ấy bị suy giảm: Hoặc là các dục ấy bị suy giảm, hoặc là người ấy bị suy giảm về các dục. Các dục ấy bị suy giảm bằng cách nào? Ngay trong khi người ấy đang gìn giữ, các vị vua lấy đi các tài sản của người ấy, hoặc các kẻ trộm lấy đi, hoặc lửa thiêu đốt, hoặc nước cuốn trôi, hoặc những người thừa tự không được yêu mến lấy đi, hoặc không đạt được vật đã chôn giấu, hoặc các công việc bị đổ vỡ do xử lý kém, hoặc kẻ phá gia xuất hiện ở gia đình làm phân tán, tàn phá, hủy hoại các tài sản ấy, tính luôn tính chất vô thường là thứ tám.² Các dục ấy bị giảm thiểu, bị suy giảm, bị mất mát, đổ vỡ, biến mất, tiêu hoại là như vậy.

² Ở đây, có đến 9 yếu tố đã được trình bày. Lẽ ra phải ghi: “Tính chất vô thường là thứ chín”. (ND)

Người ấy bị suy giảm về các dục bằng cách nào? Ngay trong khi các tài sản ấy còn đang tồn tại thì người ấy từ trần, chết đi, biến mất, tiêu hoại. Như vậy, người ấy bị giảm thiểu, bị suy giảm, bị thiếu thốn, thất bại, mất mát, bị tiêu hoại về các dục.

1. *“Các kẻ trộm, các vị vua lấy đi, lửa đốt, bị mất mát, rồi cuối cùng thì người cũng phải từ bỏ thân mạng cùng với vật sở hữu.*

2. *Hiếu thông được điều này, các bậc thông minh nên thọ dụng và nên bố thí. Sau khi bố thí và thọ dụng tùy theo khả năng thì không bị chê trách và đi đến cõi trời.”*

Các dục ấy bị suy giảm, thì [người ấy] bị khổ sở như là bị đâm xuyên bởi mũi tên: Giống như bị đâm xuyên bởi mũi tên làm bằng sắt, hoặc bị đâm xuyên bởi mũi tên làm bằng xương, hay bởi mũi tên làm bằng ngà, hay bởi mũi tên làm bằng sừng, hay bởi mũi tên làm bằng gỗ thì bị khổ sở, bị bức tức, bị đụng chạm, bị hành hạ, bị bệnh hoạn, bị ưu phiền, tương tự y như thế, do trạng thái biến hoại và đổi khác của các vật dục, sáu-bi-khổ-ưu-não sanh lên. Bị đâm xuyên bởi mũi tên [ngũ] dục và mũi tên sáu muộn, người ấy bị khổ sở, bị bức tức, bị đụng chạm, bị hành hạ, bị bệnh hoạn, bị ưu phiền.

“Bị khổ sở như là bị đâm xuyên bởi mũi tên” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn, đối với người có sự mong muốn đã sanh khởi. Các dục ấy bị suy giảm, thì [người ấy] bị khổ sở như là bị đâm xuyên bởi mũi tên.”

1.3. Người nào lánh xa các dục tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn, người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian.

Người nào lánh xa các dục.

Người nào: Người nào là người như thế, được gấn bó như thế, được định đặt như thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy; hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên, hoặc là người nhân loại.

Lánh xa các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt) ... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Lánh xa các dục: Lánh xa các dục bởi hai lý do: Bởi sự đè nén hoặc bởi sự đoạn trừ.

Thế nào là bởi sự đè nén mà lánh xa các dục?

Trong khi nhìn thấy “các dục như là đồng xương [không còn thịt] với ý nghĩa chút ít hứng thú” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn

thấy “các dục như là miếng thịt [bị điều hâu tha đi] với ý nghĩa vật chung của số đông” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là cây đuốc cỏ với ý nghĩa thiêu đốt” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là hồ than hừng với ý nghĩa nóng bức dữ dội” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là giấc mơ với ý nghĩa hiện diện ngắn ngủi” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là vật vay mượn với ý nghĩa tạm thời” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là trái trên cây với ý nghĩa gãy đổ” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là lò sát sanh với ý nghĩa chặt chém” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là mũi lao nhọn với ý nghĩa đâm thủng” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là đầu rắn độc với ý nghĩa có sự sợ hãi” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là đồng lửa với ý nghĩa nóng bức dữ dội” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục.

Ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Phật thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Pháp,... (nt)... ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Tăng, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm giới, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm xả thí, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm thiên, ngay cả trong khi tu tập niệm hơi thở vào hơi thở ra, ngay cả trong khi tu tập niệm sự chết, ngay cả trong khi tu tập niệm đặt ở thân, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Niết-bàn thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục.

Ngay cả trong khi tu tập Sơ thiền thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục, ngay cả trong khi tu tập Nhị thiền, ngay cả trong khi tu tập Tam thiền, ngay cả trong khi tu tập Tứ thiền, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Không vô biên xứ, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Thức vô biên xứ, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Phi tướng phi phi tướng xứ thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Bởi sự đè nén mà lánh xa các dục là như vậy.

Thế nào là bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục?

Ngay cả trong khi tu tập đạo Nhập lưu thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục đưa đến khổ cảnh. Ngay cả trong khi tu tập đạo Nhất lai thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục thô thiền. Ngay cả trong khi tu tập đạo Bất lai thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục có tính chất vi tế. Ngay cả trong khi tu tập đạo A-la-hán thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục, tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót.

“Người nào lánh xa các dục” là như thế.

Tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn.

Con rắn: [*Sappa*] được gọi là *ahi*. Con rắn với ý nghĩa gì? *Sappa* là vì “nó di chuyển theo lối bò trườn”, *bhujago* là vì “nó di chuyển ngoằn ngoèo”, *urago* là vì “nó di chuyển bằng ngực”, *pannago* là vì “nó di chuyển với cái đầu ở tư

thế nằm”, *sirimsapo* là vì “nó ngủ bằng cái đầu”, *bilāsayo* là vì “nó nằm trong động”, *guhāsayo* là vì “nó nằm trong hang”, *dāthāvudho* là vì “răng nanh của nó là vũ khí”, *ghoraviso* là vì “chất độc của nó là dữ dội”, *dvijivho* là vì “lưỡi của nó có hai phần”, *dvirasaññū* là vì “nó ném vị bằng hai cái lưỡi.”³ Người đàn ông ham muốn sống, ham muốn không bị chết, ham muốn lạc, chán ghét khổ nên tránh né, nên lánh xa, nên tránh thật xa cái đầu con rắn bằng bàn chân như thế nào thì người ham muốn lạc, chán ghét khổ nên tránh né, nên tránh xa, nên lánh xa, nên tránh thật xa các dục y như thế ấy.

“Tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn” là như thế.

Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vương mắc này ở thế gian.

Người ấy: Là người lánh xa các dục.

Sự vương mắc: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, sự say đắm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm, ước muốn, mê mẩn, bám chặt, thèm khát, thèm thuồng, quyến luyến, đắm nhiễm, dục vọng, xảo trá, liên quan tái sanh, sự tạo ra khổ, người thợ may, cái lưới bẫy, sự cuốn trôi, sự vương mắc, sợi chỉ trói, sự lan rộng, có sự ra sức, bận đời, nguyện vọng, lối dẫn đến hữu, rừng cây, bụi rậm, sự thân thiết, sự thương yêu, sự trông mong, sự thân mật, sự mong mỏi, sự mong ước, trạng thái mong ước, sự mong mỏi về sắc, mong mỏi về thính, mong mỏi về hương, mong mỏi về vị, mong mỏi về xúc, mong mỏi về lợi lộc, mong mỏi về tài sản, mong mỏi về con trai, mong mỏi về mạng sống, tham muốn, khởi tham muốn, nguyện cầu, biểu hiện tham muốn, trạng thái tham muốn, tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, xao xuyến, ham muốn vật vừa ý, luyến ái sai pháp, tham sai trái, đeo đuổi, khao khát, ước nguyện, mong cầu, ước nguyện tốt đẹp, dục ái, hữu ái, phi hữu ái, ái cõi sắc, ái cõi vô sắc, ái Niết-bàn, ái cảnh sắc, ái cảnh thính, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, dòng nước lũ, sự ràng buộc, trói buộc, chấp thủ, ngăn trở, ngăn che, che đậy, cột trói, làm ô nhiễm, tiềm ẩn, thâm nhập, quán lấy, sự keo kiệt, cội nguồn của khổ, căn nguyên của khổ, nguồn sanh khổ, cạm bẫy của Ma vương, lưới câu của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, ái ví như dòng sông, ái ví như tấm lưới, ái ví như dây xích, ái ví như biển, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vương mắc: Sự vương mắc với ý nghĩa gì? “Được trải rộng” là vương mắc, “bao quát” là vương mắc, “được lan rộng” là vương mắc, “nó lôi kéo theo” là vương mắc, “nó mang lại chất độc” là vương mắc, “truyền bá chất độc” là vương mắc, “gốc rễ của chất độc” là vương mắc, “kết quả của chất độc” là vương mắc, “sự thọ dụng độc hại” là vương mắc. Hoặc hơn nữa, “tham ái ấy là bao quát ở sắc, ở thính, ở hương, ở vị, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc; ở y phục, ở đồ ăn khát thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh; ở dục giới, ở sắc giới, ở vô

³ Ở Pāli các từ *sappo*, *ahi*, *bhujago*, *urago*, *pannago*, *sirimsapo*, *bilāsayo*, *guhāsayo*, *dāthāvudho*, *ghoraviso*, *dvijivho*, *dvirasaññū* đều là tên gọi của loài rắn.

sắc giới; ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tướng, ở cõi vô tướng, ở cõi phi tướng phi phi tướng; ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn; ở quá khứ, ở vị lai, ở hiện tại; ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan rộng” là vương mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do lánh xa thất niệm, có niệm do trạng thái đã thực hành các pháp cần phải thực hành đối với niệm, có niệm do trạng thái đã tiêu diệt các pháp đối nghịch với niệm, có niệm do trạng thái không lơ là đối với các pháp ấn chứng của niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái đã thành tựu về niệm, có niệm do trạng thái đã trú ở niệm, có niệm do trạng thái quen thuộc với niệm, có niệm do trạng thái không thối thất đối với niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái tự tại, có niệm do trạng thái được an tịnh, có niệm do trạng thái được yên lặng, có niệm do trạng thái đã thành tựu pháp của bậc chân nhân. Có niệm do tùy niệm Phật, có niệm do tùy niệm Pháp, có niệm do tùy niệm Tăng, có niệm do tùy niệm giới, có niệm do tùy niệm xả thí, có niệm do tùy niệm thiên, có niệm do niệm hơi thở vào hơi thở ra, có niệm do tùy niệm sự chết, có niệm do niệm đặt ở thân, có niệm do tùy niệm Niết-bàn. Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo;⁴ điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu niệm này, người ấy được gọi là có niệm.

Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vương mắc này ở thế gian: Sự vương mắc này là ở ngay tại thế gian. Người có niệm vượt qua, vượt lên, vượt khỏi, vượt qua hẳn, vượt qua khỏi sự vương mắc này ở ngay tại thế gian.

“Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vương mắc này ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Người nào lánh xa các dục tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn, người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vương mắc này ở thế gian.”

1.4. Người nam nào thèm muốn ruộng, đất, hoặc vàng, gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu, người nữ, thân quyến, vô số các dục.

Ruộng, đất, hoặc vàng.

⁴ “Con đường độc đạo” hiểu theo nghĩa “con đường chỉ có một lối đi duy nhất, không rẽ thành hai nhánh”, không hiểu theo nghĩa “con đường duy nhất, con đường độc nhất.” *Ekāyanamaggo ti ekamaggo; ayam maggo na dvedhāpathabhūto ti evam attho dattābbo* (Nidā. I. 52).

Ruộng: Là ruộng lúa sālī, ruộng lúa mùa, ruộng đậu xanh, ruộng đậu māsā, ruộng lúa mạch, ruộng lúa mì, ruộng mè.

Đất: Là đất nhà, đất công ra vào, đất phía trước nhà, đất phía sau nhà, đất vườn, đất thổ cư.

Vàng: Vàng nói đến tiền vàng.

“Ruộng, đất, hoặc vàng” là như thế.

Gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu.

Gia súc: Là nói đến trâu bò.

Ngựa: Là nói đến các con thú như là dê, v.v...

Tôi tớ: Có bốn loại tôi tớ: Tôi tớ bẩm sinh, tôi tớ được mua bằng tài sản, hoặc tự nguyện trở thành tôi tớ, hoặc trở thành tôi tớ do sự ép buộc.

“Nhiều người trở thành tôi tớ do mẹ là tôi tớ,

Thậm chí do được mua bởi tài sản mà trở thành tôi tớ,

Và nhiều người tự nguyện trở thành tôi tớ,

Cũng có những người do sự sợ hãi mà bị bắt đi trở thành tôi tớ.”

Người hầu: Có ba hạng người hầu: Người làm thuê, người làm công, người sống nhờ.

“Gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu” là như thế.

Người nữ, thân quyến, vô số các dục.

Người nữ: Là nói đến sự sở hữu thân người nữ.

Thân quyến: Có bốn loại thân quyến: Thân quyến của cha mẹ là thân quyến, thân quyến của dòng tộc là thân quyến, thân quyến do [cùng học] chú thuật, thân quyến do [cùng học] nghề nghiệp.

Vô số các dục: Là nhiều loại dục. Vô số các dục này là các sắc hợp ý,... (nt)... các xúc hợp ý.

“Người nữ, thân quyến, vô số các dục” là như thế.

Người nam nào thềm muốn.

Người nào: Người nào là người như thế, được gán bó như thế, được định đặt như thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy, hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên, hoặc là người nhân loại.

Người nam: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, nam nhân, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại.

Thềm muốn: Là thềm khát, thềm muốn, thềm thường về ô nhiễm dục, về các vật dục.

“Người nam nào thềm muốn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Người nam nào thêm muốn ruộng, đất, hoặc vàng, gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu, người nữ, thân quyến, vô số các dục.”

1.5. Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy, các hiểm họa chà đạp người ấy; do việc ấy, khổ đau đi theo người ấy tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bị vỡ.

Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy.

Yếu ớt: Các ô nhiễm là yếu ớt, yếu sức, thiếu lực, thiếu dũng mãnh, thấp hèn, hèn kém, hèn mọn, thấp kém, thấp thời, tồi tệ, nhỏ nhoi. Các ô nhiễm ấy không chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. “Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy” là như vậy. Hoặc là [đề cập đến] nhân vật yếu ớt, yếu sức, thiếu lực, thiếu dũng mãnh, thấp hèn, hèn kém, hèn mọn, thấp kém, thấp thời, tồi tệ, nhỏ nhoi, là người không có tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tầm lực, quý lực; các ô nhiễm ấy không chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy.

“Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy” còn là như vậy.

Các hiểm họa chà đạp người ấy.

Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp.

Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự; bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụn, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiêu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, [bệnh tổng hợp do mật-dàm-gió] bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp; lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, hoặc là như thế; các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện.

Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý; pháp che lấp “mong muốn về dục”, pháp che lấp “sân hận”, pháp che lấp “đã dục buồn ngủ”, pháp che lấp “phóng dật và hối hận”, pháp che lấp “hoài nghi”; sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng; tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, [mọi sự nóng nảy] tất cả các pháp tạo tác bất thiện; các điều này được gọi là hiểm họa khuất lấp.

Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế”, các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm”, các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú.”

Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế” nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy không chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế” nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm” nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành đúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đối với sự thực hành không đối chọi, đối với sự thực hành đưa đến lợi ích, đối với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đối với việc làm đầy đủ các giới, đối với việc phòng vệ các giác quan, đối với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tỉnh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập bốn sự thiết lập niệm, đối với sự chuyên cần tu tập bốn chánh cần, đối với sự chuyên cần tu tập bốn nền tảng của thân thông, đối với sự chuyên cần tu tập năm quyền, đối với sự chuyên cần tu tập năm lực, đối với sự chuyên cần tu tập bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đối với sự chuyên cần tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; chúng đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm” nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” nghĩa là thế nào? “Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật ‘có hang là chỗ trú’ thì ngụ ở hang, các sinh vật có ‘nước là chỗ trú’ thì ngụ ở nước, các sinh vật ‘có rừng là chỗ trú’ thì ngụ ở rừng, các sinh vật ‘có cây cối là chỗ trú’ thì ngụ ở cây cối, tương tự y như thế, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa.” Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khuru, thế nào là vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái? Này các Tỳ-khuru, ở đây, đối với vị Tỳ-khuru, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngụ bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là ‘có học trò’. Chúng chi phối vị ấy, ‘các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy’; vì thế, được gọi là ‘có thầy dạy học’. Và thêm nữa, này các Tỳ-khuru, đối với vị Tỳ-khuru, sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngụ bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là

‘có học trò’. Chúng chi phối vị ấy, ‘các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy’, vì thế, được gọi là ‘có thầy dạy học’. Nay các Tỳ-khuru, quả là như vậy, vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái.” Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Nay các Tỳ-khuru, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Nay các Tỳ-khuru, sân... (nt)... Nay các Tỳ-khuru, si là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Thật vậy, này các Tỳ-khuru, ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong.”

1. *“Tham là sự sanh ra điều không lợi ích, tham là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

2. *Người bị khởi tham không biết được điều lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thấy lý lẽ. Tham không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.*

3. *Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

4. *Người bị nóng giận không biết được điều lợi ích, người bị nóng giận không nhìn thấy lý lẽ. Sự nóng giận không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.*

5. *Si là sự sanh ra điều không lợi ích, si là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

6. *Người bị si mê không biết được điều lợi ích, người bị si mê không nhìn thấy lý lẽ. Si không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.”*

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp được sanh lên thuộc nội phần; chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Ba pháp nào? Tham, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Sân, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Si, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâu Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người.”

7. “*Tham, sân và si hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ý xấu xa; tựa như việc kết trái hãm hại cây tre.*”

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

8. “*Luyến ái và sân hận có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này.*

Ghét, thương, sự rờn lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này.

Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này,

Tựa như những bé trai buông lời con quạ [bị cột chân bởi sợi chỉ dài].”

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Các hiểm họa chà đạp người ấy: Các hiểm họa ấy không chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy.

“Các hiểm họa chà đạp người ấy” là như thế.

Do việc ấy khổ đau đi theo người ấy.

Do việc ấy: Là do hiểm họa từ việc ấy, khổ đau đi theo, đi đến gần, đạt đến được cá nhân ấy; khổ sanh đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ già đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ bệnh đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ chết đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ do sầu-bi-khô-ưu-não đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ ở địa ngục... (nt)... khổ ở loài thú... (nt)... khổ ở thân phận naga quỷ... (nt)... khổ của loài người... (nt)... khổ bắt nguồn từ việc nhập thai... (nt)... khổ bắt nguồn từ việc trụ thai... (nt)... khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai... (nt)... khổ gắn liền sau khi sanh ra... (nt)... khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra... (nt)... khổ do sự ra sức của bản thân... (nt)... khổ do sự ra sức của kẻ khác... (nt)... khổ do [thọ] khổ đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ do pháp tạo tác... (nt)... khổ do sự biến đổi... (nt)... bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụn, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-dàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát là khổ... (nt)... cái chết của mẹ là khổ... (nt)... cái chết của cha là khổ... (nt)... cái chết của anh [em] trai là khổ... (nt)... cái chết của chị [em] gái là khổ... (nt)... cái chết của con trai là khổ... (nt)... cái chết của con gái là khổ... (nt)... sự tổn hại về thân quyền là khổ... (nt)... sự tổn hại về của cải là khổ... (nt)... sự tổn hại vì bệnh tật là khổ... (nt)... sự tổn hại về giới là khổ... (nt)... sự tổn hại về kiến thức là khổ đi theo, đi đến gần, đạt đến được cá nhân ấy.

“Do việc ấy khổ đau đi theo người ấy” là như thế.

Tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bị vỡ: Giống như do sự xâm nhập của nước, nước từ chỗ này chỗ khác đi theo, đi đến gần, đạt đến được; nước từ bên trên đi theo, đi đến gần, đạt đến được; nước từ bên dưới đi theo, đi đến gần, đạt đến được; nước từ bên hông đi theo, đi đến gần, đạt đến được chiếc thuyền đã bị vỡ; tương tự y như thế, do hiểm họa từ việc này, từ việc khác, khổ đau đi theo, đi đến gần, đạt đến được... (nt)... sự tổn hại về kiến thức là khổ đi theo, đi đến gần, đạt đến được cá nhân ấy.

“Tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bị vỡ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Các [ô nhiễm] yếu ớt thông trị người ấy, các hiểm họa chà đạp người ấy; do việc ấy khổ đau đi theo người ấy tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bị vỡ.”

1.6. Do đó, người luôn luôn có niệm có thể lánh xa các dục, sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ; tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đến bờ kia.

Do đó, người luôn luôn có niệm.

Do đó: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ sự bất lợi này ở các dục. “Do đó” là như thế.

Người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lura thừa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: ... (nt)... người ấy được gọi là có niệm.

“Do đó, người luôn luôn có niệm” là như thế.

Có thể lánh xa các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Có thể lánh xa các dục: Có thể lánh xa các dục bởi hai lý do: Bởi sự đè nén hoặc bởi sự đoạn trừ. Thế nào là bởi sự đè nén mà lánh xa các dục? Trong khi nhìn thấy “các dục như là đồng xương [không còn thịt] với ý nghĩa chút ít hứng thú” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là

miếng thịt [bị điều hâu tha đi] với ý nghĩa vật chung của số đông” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là cây đuốc cỏ với ý nghĩa thiêu đốt” thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. ... (nt)... Ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Phi tướng phi phi tướng xứ thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Bởi sự đè nén mà lánh xa các dục là như vậy. ... (nt)... Bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục là như vậy.

Sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ.

Chúng: Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp “mong muốn về dục”,... (nt)... pháp che lấp “sân hận”,... (nt)... pháp che lấp “đã dục buồn ngủ”,... (nt)... pháp che lấp “phóng dật và hối hận”; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp “hoài nghi” thì có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, [dòng lũ của hữu] dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

“Sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ” là như thế.

Tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đến bờ kia: Giống như sau khi tát cạn, sau khi tát sạch, sau khi đổ bỏ nước ra khỏi chiếc thuyền nặng nề chứa đầy nước thì có thể tức thời nhanh chóng đi đến bờ kia bằng chiếc thuyền nhẹ nhàng chỉ với chút ít khó nhọc; tương tự như vậy, sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp “mong muốn về dục”,... (nt)... pháp che lấp “sân hận”,... (nt)... pháp che lấp “đã dục buồn ngủ”,... (nt)... pháp che lấp “phóng dật và hối hận”,... (nt)... pháp che lấp “hoài nghi” thì có thể tức thời nhanh chóng đi đến bờ kia chỉ với chút ít khó nhọc.

Bờ kia: Nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Có thể đi đến bờ kia: Có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia.

Pāragū (người đi đến bờ kia): Luôn cả người nào có ý muốn đi đến bờ kia, người ấy cũng là *pāragū*; luôn cả người nào đang đi đến bờ kia, người ấy cũng là *pāragū*; luôn cả người nào đã đi đến bờ kia, người ấy cũng là *pāragū*.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, quả vậy, ‘người đã vượt qua, đã đi đến bờ kia, đứng ở đất liền là Bà-la-môn’, tên gọi này là dành cho vị A-la-hán. Vị ấy là *pāragū* (người đi đến bờ kia) do việc biết rõ, *pāragū* do việc biết toàn diện, *pāragū* do

việc dứt bỏ, *pāragū* do việc tu tập, *pāragū* do việc chứng ngộ, *pāragū* do việc chứng đạt [các thiền]; là *pāragū* do việc biết rõ tất cả các pháp, *pāragū* do việc biết toàn diện tất cả các khổ, *pāragū* do việc dứt bỏ tất cả các ô nhiễm, *pāragū* do việc tu tập bốn Thánh đạo, *pāragū* do việc chứng ngộ sự Tịch diệt, *pāragū* do việc chứng đạt mọi sự chứng đạt. Vị ấy đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giới; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh định; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh tuệ; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giải thoát. Vị ấy đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã hoàn mãn cuộc hành trình, đã hoàn mãn hướng đi, đã đi đến điểm cuối cùng, đã hộ trì Phạm hạnh, đã đạt đến kiến tối thượng, đã tu tập đạo lộ, đã dứt bỏ ô nhiễm, đã thấu triệt sự không chuyển đổi, đã chứng ngộ diệt đế.

Đối với vị ấy, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đạo đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ. Điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết toàn diện đã được biết toàn diện, điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điều cần được tu tập đã được tu tập, điều cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Vị ấy đã hất tung rào chắn [vô minh], đã san lấp mương rãnh [luân hồi tái sanh], đã nhổ lên cột trụ [tham ái], không còn chốt cửa, là thánh thiện, đã hạ xuống ngọn cờ [ngã mạn], đã đặt xuống gánh nặng, đã tháo khỏi ách, đã dứt bỏ hỷ ngữ dục, đã thành tựu sáu căn, có một sự bảo hộ [niệm], có bốn sự nâng đỡ,⁵ đã xua đi sự độc đoán, có sự tầm cầu đã được hoàn toàn cởi bỏ, có tâm tư không bị xáo trộn, có thân hành đã được an tịnh, có tâm khéo được giải thoát, có tuệ khéo được giải thoát, có sự toàn hảo, đã được hoàn mãn, là con người tối thượng, con người tốt đỉnh, đã đạt được sự thành đạt tốt đỉnh.

Vị ấy không tích lũy [ngiệp] cũng không loại trừ, tồn tại sau khi đã loại trừ [ô nhiễm]; không dứt bỏ [ô nhiễm] cũng không chấp thủ, tồn tại sau khi đã dứt bỏ; không tự kết nối [tham ái] cũng không tháo gỡ, tồn tại sau khi đã tháo gỡ; không dập tắt [lửa phiền não] cũng không đốt cháy, tồn tại sau khi đã dập tắt; tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giới uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về định uẩn của bậc Vô học, về tuệ uẩn của bậc Vô học, về giải thoát uẩn của bậc Vô học, về giải thoát tri kiến uẩn⁶ của bậc Vô học; tồn tại sau khi đã thấu suốt chân lý; tồn tại sau khi đã vượt qua hỷ ngữ

⁵ Bốn sự nâng đỡ (*caturāpassena*): “Vị Tỳ-khưu sau khi suy xét rồi thọ dụng, sau khi suy xét rồi chịu đựng, sau khi suy xét rồi tránh xa, sau khi suy xét rồi xua đuổi” (D. 33, *Saṅgītisuttaṃ*).

⁶ *Vimuttiñānadassana* được chúng tôi ghi nghĩa là “tri kiến về giải thoát” hoặc “sự biết và thấy về giải thoát.” Trường hợp liên kết với từ *khandha* (uẩn, khối, đồng) như ở trên, *vimuttiñānadassanakhandha* (tập hợp sự biết và thấy về giải thoát) được ghi nghĩa là “giải thoát tri kiến uẩn”. (ND)

vọng; tồn tại sau khi đã trấn áp lửa phiền não; tồn tại do không xoay vòng [ở luân hồi]; tồn tại sau khi đã thọ trì lời giảng; tồn tại do thân cận với giải thoát; tồn tại với sự thanh tịnh của từ; tồn tại với sự thanh tịnh của bi, của hỷ, của xả; tồn tại với sự thanh tịnh tột cùng; tồn tại với sự thanh tịnh của trạng thái không còn tham ái, tà kiến và ngã mạn; tồn tại với trạng thái đã được giải thoát, tồn tại với trạng thái đã được hài lòng; tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn; tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới; tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ; tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh; tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh; tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh; [tồn tại trong giai đoạn cuối của hiện hữu] tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi; tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển; tồn tại trong kiếp sống cuối cùng; tồn tại trong thân xác cuối cùng, với việc duy trì thân xác cuối cùng, là vị A-la-hán.”

“Đối với vị ấy, đây là lần cuối cùng, thân xác này là sau chót,

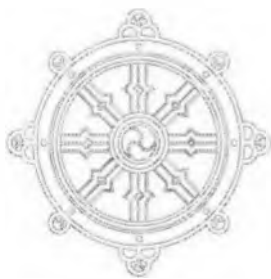
Việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy”;

“Tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đến bờ kia” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Do đó, người luôn luôn có niệm có thể lánh xa các dục, sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ, tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đến bờ kia.”

“Diễn giải kinh về dục” được đầy đủ - Phần thứ nhất.



2. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁM VỀ HANG (GUHAṬṬHAKASUTTANIDDESO)

Giờ phân “Diễn giải kinh nhóm tám về hang” được nói đến:

2.1. Bị dính mắc ở hang [thân xác], bị che đậy bởi nhiều [ô nhiễm], con người trong khi tồn tại, bị đắm chìm trong sự say mê [ngu dục]. Người thuộc hạng như thế ấy quả thật cách xa sự viên ly, bởi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt bỏ.

Bị dính mắc ở hang [thân xác], bị che đậy bởi nhiều [ô nhiễm].

Satto: [Với ý nghĩa “chúng sanh”] quả đã được nói đến. Và lại, cũng nên nói về từ *guhā*.

Guhā: Nói đến thân. “Thân” hay là “hang”, [hay là “thân thể”] hay là “thân hình”, hay là “con thuyền”, hay là “cỗ xe”, hay là “lá cờ”, hay là “ổ mối”, hay là “thành phố”, hay là “cái tổ”, hay là “cốc liêu”, hay là “khối u”, hay là “cái chum”, [hay là “con voi”] từ này là tên định đặt cho thân.¹

Bị dính mắc ở hang [thân xác]: Là bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở hang [thân xác]. Giống như gói hàng bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở chốt gấn trên tường hoặc ở móc ngà voi; tương tự như vậy là bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở hang [thân xác].

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này Rādhā, quả vậy mong muốn nào, duyên ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết định; sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở sắc, bị dính mắc (*satto*) vào đó, bị dính liền (*visatto*) vào đó, vì thế được gọi là ‘*satto*’ (chúng sanh). Này Rādhā, quả vậy mong muốn nào, duyên ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vướng bận và chấp thủ nào là sự quyết định; sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở thọ... (nt)... ở tưởng... (nt)... ở các hành... (nt)... ở thức, bị dính mắc (*satto*) vào đó, bị dính liền (*visatto*) vào đó, vì thế được gọi là ‘*satto*’² (chúng sanh).”

¹ Các từ *guhā*, *deho*, *sandeho*, *nāvā*, *ratho*, *dhajo*, *vammiko*, *nagaram*, *nīḍam*, *kuṭi*, *gaṇḍo*, *kumbho*, *nāgo* đã được đức Phật sử dụng để ví von với cái thân (*kāyo*) này.

² *Satto* là quá khứ phân từ của *sajjati* với ý nghĩa “bị dính mắc”, và danh động từ *satto* là từ gọi chung cho những “kẻ bị dính mắc”; trong trường hợp này, nghĩa dịch Việt ghi là “chúng sanh.” Đoạn văn trên giải thích rằng, bởi vì “chúng sanh” bị dính mắc (*satto*) vào xác thân ngũ uẩn nên từ *satto* trở thành tên định đặt cho “chúng sanh”. (ND)

“*Satto*” là từ định đặt cho sự vướng vào. “Bị dính mắc ở hang [thân xác]” là như thế.

Bị che đậy bởi nhiều [ô nhiễm] là bị che đậy bởi nhiều loại ô nhiễm: Bị che đậy bởi duyên ái, bị che đậy bởi sân hận, bị che đậy bởi si mê, bị che đậy bởi giận dữ, bị che đậy bởi thù hằn, bị che đậy bởi gièm pha, bị che đậy bởi ác ý, bị che đậy bởi ganh tỵ, bị che đậy bởi bòn xén, bị che đậy bởi xảo trá, bị che đậy bởi lừa gạt, bị che đậy bởi bướng bỉnh, bị che đậy bởi hung hăng, bị che đậy bởi ngã mạn, bị che đậy bởi cao ngạo, bị che đậy bởi đam mê, bị che đậy bởi xao lãng, bị che đậy bởi tất cả ô nhiễm, bởi tất cả uế hạnh, bởi mọi sự lo lắng, bởi mọi sự bức bối, bởi mọi sự nóng nảy, bởi tất cả các pháp tạo tác bất thiện, bị che đậy lên, bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đậy kín.

“Bị dính mắc ở hang [thân xác], bị che đậy bởi nhiều [ô nhiễm]” là như thế.

Con người trong khi tồn tại, bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục].

Con người trong khi tồn tại: Trong lúc đang tồn tại, kẻ bị duyên ái tồn tại do tác động của duyên ái, kẻ bị sân hận tồn tại do tác động của sân hận, kẻ bị si mê tồn tại do tác động của si mê, kẻ bị trói buộc tồn tại do tác động của ngã mạn, kẻ bị bám víu tồn tại do tác động của tà kiến, kẻ bị tán loạn tồn tại do tác động của phóng dật, kẻ không dứt khoát tồn tại do tác động của hoài nghi, kẻ cứng cỏi tồn tại do tác động của pháp tiềm ẩn. “Con người trong khi tồn tại” là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, có các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gọi tình; nếu vị Tỳ-khuru thích thú điều ấy, tán thưởng, bám chặt rồi tồn tại. Này các Tỳ-khuru, có các thanh được nhận thức bởi tai... (nt)... các hương được nhận thức bởi mũi... (nt)... các vị được nhận thức bởi lưỡi... (nt)... các xúc được nhận thức bởi thân... (nt)... các pháp được nhận thức bởi ý là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gọi tình; nếu vị Tỳ-khuru thích thú điều ấy, tán thưởng, bám chặt rồi tồn tại.” “Con người trong khi tồn tại” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, có sự vướng bận với sắc thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là sắc, có chỗ nâng đỡ là sắc, có sự rải rắc niềm vui, và [sẽ] đạt đến sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh. Này các Tỳ-khuru, hoặc là có sự vướng bận với thọ,... (nt)... Này các Tỳ-khuru, hoặc là có sự vướng bận với tưởng,... (nt)... Này các Tỳ-khuru, hoặc là có sự vướng bận với các hành, thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là các hành, có chỗ nâng đỡ là các hành, có sự rải rắc niềm vui, và [sẽ] đạt đến sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh.” “Con người trong khi tồn tại” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, nếu ở đoàn thực mà có sự duyên ái, có sự vui mừng, có

sự tham ái thì ở nơi ấy thức được thiết lập, được tăng trưởng. Ở nơi nào thức được thiết lập, được tăng trưởng; ở nơi ấy có sự hạ sanh của danh sắc. Ở nơi nào có sự hạ sanh của danh sắc, ở nơi ấy có sự phát triển của các hành. Ở nơi nào có sự phát triển của các hành, ở nơi ấy có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai. Ở nơi nào có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai, ở nơi ấy có sanh-già-chết trong tương lai. Ở nơi nào có sanh-già-chết trong tương lai, này các Tỳ-khuru, ta nói rằng việc ấy có sầu muộn, có phiền muộn, có lo âu.” “Con người trong khi tồn tại” còn là như vậy.

“Này các Tỳ-khuru, nếu ở xúc thực... (nt)... “Này các Tỳ-khuru, nếu ở tư niệm thực... (nt)... “Này các Tỳ-khuru, nếu ở thức thực mà có sự luyến ái, có sự vui mừng, có sự tham ái thì ở nơi ấy thức được thiết lập, được tăng trưởng. Ở nơi nào thức được thiết lập, được tăng trưởng; ở nơi ấy có sự hạ sanh của danh sắc. Ở nơi nào có sự hạ sanh của danh sắc, ở nơi ấy có sự phát triển của các hành. Ở nơi nào có sự phát triển của các hành, ở nơi ấy có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai. Ở nơi nào có sự sanh ra và hiện hữu lần nữa trong tương lai, ở nơi ấy có sanh-già-chết trong tương lai. Ở nơi nào có sanh-già-chết trong tương lai, này các Tỳ-khuru, ta nói rằng việc ấy có sầu muộn, có phiền muộn, có lo âu.” “Con người trong khi tồn tại” còn là như vậy.

Bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục]: Các sự say mê được gọi là năm loại dục: Các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gọi tình, các thính được nhận thức bởi tai... (nt)... các hương được nhận thức bởi mũi... (nt)... các vị được nhận thức bởi lưỡi... (nt)... các xúc được nhận thức bởi thân... (nt)... các pháp được nhận thức bởi ý là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gọi tình. Vì lý do gì mà các sự say mê được gọi là năm loại dục? Phần nhiều chư thiên và loài người mê mẩn, mê đắm, mê muội, bị mê mẩn, bị mê đắm, bị mê muội, bị vô minh làm mù, bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đầy kín trong năm loại dục; vì lý do ấy mà các sự say mê được gọi là năm loại dục.

Bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục]: Là bị đắm chìm, bị đắm xuống, bị chìm xuống trong sự say mê [ngũ dục].

“Con người trong khi tồn tại, bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục]” là như thế.

Người thuộc hạng như thế ấy quả thật cách xa sự viễn ly.

Sự viễn ly: Có ba sự viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh.

Thế nào là viễn ly về thân? Ở đây, vị Tỳ-khuru thân cận chỗ trú ngụ tách biệt, khu rừng rậm, góc cây, sườn núi, thung lũng, khe núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đồng rom, và sống tách biệt về thân. Vị ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khát thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình,

thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Đây là viễn ly về thân.

Thế nào là viễn ly về tâm? Đối với vị thể nhập Sơ thiền, tâm được tách biệt khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tâm được tách biệt khỏi tầm và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiền, tâm được tách biệt khỏi hỷ. Đối với vị thể nhập Tứ thiền, tâm được tách biệt khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi sắc tướng, bất bình tướng, dị biệt tướng. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi Không vô biên xứ tướng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm được tách biệt khỏi Thức vô biên xứ tướng. Đối với vị thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ, tâm được tách biệt khỏi Vô sở hữu xứ tướng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được tách biệt khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Nhất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Bất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị A-la-hán, tâm được tách biệt khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, [hữu ái tiềm ẩn] vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy, và mọi hiện tượng ở bên ngoài. Đây là viễn ly về tâm.

Thế nào là viễn ly về mầm tái sanh? Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các hành. Viễn ly về mầm tái sanh nói đến bất tử, Niết-bàn; là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là viễn ly về mầm tái sanh.

Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly; viễn ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối; và viễn ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác.

Quả thật cách xa sự viễn ly: Người nào bị dính mắc ở hang [thân xác], như vậy, và bị che đậy bởi nhiều ô nhiễm như vậy, bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục] như vậy; người ấy là cách xa sự viễn ly về thân, cách xa sự viễn ly về tâm, cách xa sự viễn ly về mầm tái sanh, cách xa hẳn, cách xa lắm, không ở gần, không ở bên cạnh, không ở kề cận, ở nơi tách biệt.

Thuộc hạng như thế: Là giống như thế ấy, được tồn tại thế ấy, có kiểu cách ấy, có biểu hiện ấy; người ấy bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục].

“Người thuộc hạng như thế ấy quả thật cách xa sự viễn ly” là như thế.

Bởi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt bỏ.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.

Các loại nào là vật dục? Các sắc hợp ý, các thanh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý, các vật trải lót, các vật đắp, các tôi trai và tở gái, dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho, và bất cứ vật gì đưa đến sự luyến ái là vật dục.

Thêm nữa là các dục quá khứ, các dục vị lai, các dục hiện tại, các dục nội phần, các dục ngoại phần, các dục nội và ngoại phần, các dục hạ liệt, các dục trung bình, các dục cao quý, các dục thuộc địa ngục, các dục thuộc loài người, các dục thuộc cõi trời, các dục hiện tiền, các dục được tạo ra, các dục được người khác tạo ra, các dục không được tạo ra, các dục thuộc sở hữu, các dục không thuộc sở hữu, các dục được chấp là của ta, các dục không được chấp là của ta, tính luôn tất cả các pháp dục giới, tất cả các pháp sắc giới, tất cả các pháp vô sắc giới, các dục có nền tảng là tham ái, có cảnh giới là tham ái, với ý nghĩa đưa đến sự ham muốn, với ý nghĩa đưa đến sự luyến ái, với ý nghĩa đưa đến sự say đắm. Các điều này được gọi là vật dục.

Ô nhiễm dục là các loại nào? Mong muốn là dục, luyến ái là dục, mong muốn và luyến ái là dục, tư duy là dục, luyến ái là dục, tư duy và luyến ái là dục, là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục ở các dục.

“Này dục, ta đã nhìn thấy gốc rễ của ngươi. Này dục, ngươi sanh lên từ sự tư duy. Ta sẽ không tư duy về ngươi nữa. Này dục, như vậy ngươi sẽ không hình thành.”³

Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Bởi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt bỏ: Bởi vì các dục ở thế gian là khó dứt bỏ, khó từ bỏ, khó từ bỏ hẳn, khó đè nén, khó tháo gỡ, khó tháo bỏ, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi.

“Bởi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt bỏ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bị dính mắc ở hạng [thân xác], bị che đậy bởi nhiều [ô nhiễm], con người trong khi tồn tại, bị đắm chìm trong sự say mê [ngũ dục]. Người thuộc hạng như thế ấy quả thật cách xa sự viễn ly, bởi vì các dục ở thế gian thật không dễ gì dứt bỏ.”

³ Bốn sanh “Thợ cạo Gaṅgamāla” (Gaṅgamāla-jātakaṃ), số 421, TTPV, tập 32, trang 311, câu kệ 1185.

2.2. Có ước muốn là căn nguyên, bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu, đang trông mong về sau này hoặc luôn cả trước đây, đang tham muốn chính các dục này đây hoặc vào thời trước đây, những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát.

Có ước muốn là căn nguyên, bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu.

Ước muốn: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, sự say đắm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm, ước muốn, mê mẩn, bám chặt, thèm khát, thèm thuồng, quyến luyến, đắm nhiễm, dục vọng, xảo trá, liên quan tái sanh, sự tạo ra khổ, người thợ may, cái lưới bẫy, sự cuốn trôi, sự vướng mắc, sợi chỉ trói, sự lan rộng, có sự ra sức, bận đời, nguyện vọng, lối dẫn đến hữu, rừng cây, bụi rậm, sự thân thiết, sự thương yêu, sự trông mong, sự thân mật, sự mong mỏi, sự mong ước, trạng thái mong ước, sự mong mỏi về sắc, mong mỏi về thanh, mong mỏi về hương, mong mỏi về vị, mong mỏi về xúc, mong mỏi về lợi lộc, mong mỏi về tài sản, mong mỏi về con trai, mong mỏi về mạng sống, tham muốn, khởi tham muốn, nguyện cầu, biểu hiện tham muốn, trạng thái tham muốn, tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, xao xuyến, ham muốn vật vừa ý, luyến ái sai pháp, tham sai trái, đeo đuổi, khao khát, ước nguyện, mong cầu, ước nguyện tốt đẹp, dục ái, hữu ái, phi hữu ái, ái cõi sắc, ái cõi vô sắc, ái Niết-bàn, ái cảnh sắc, ái cảnh thanh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, dòng nước lũ, sự ràng buộc, trói buộc, chấp thủ, ngăn trở, ngăn che, che đậy, cột trói, làm ô nhiễm, tiềm ẩn, thâm nhập, quán lấy, sự keo kiệt, cội nguồn của khổ, căn nguyên của khổ, nguồn sanh khổ, cạm bẫy của Ma vương, lưới câu của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, ái ví như dòng sông, ái ví như tấm lưới, ái ví như dây xích, ái ví như biên, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Có ước muốn là căn nguyên. Có ước muốn là căn nguyên: Có ước muốn là nhân, có ước muốn là duyên, có ước muốn là lý do, có ước muốn là nguồn phát khởi. “Có ước muốn là căn nguyên” là như thế.

Bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu: Một lạc thú ở hiện hữu: Cảm thọ lạc. Hai lạc thú ở hiện hữu: Cảm thọ lạc và sự việc được ước muốn. Ba lạc thú ở hiện hữu: Tuổi trẻ, sức khỏe, mạng sống. Bốn lạc thú ở hiện hữu: Lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc. Năm lạc thú ở hiện hữu: Các sắc hợp ý, các thanh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý. Sáu lạc thú ở hiện hữu: Sự thỏa mãn của mắt, sự thỏa mãn của tai, sự thỏa mãn của mũi, sự thỏa mãn của lưỡi, sự thỏa mãn của thân, sự thỏa mãn của ý.

Bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu: Bị dính mắc, bị trói buộc vào cảm thọ lạc, vào sự việc được ước muốn, bị trói buộc vào tuổi trẻ, bị trói buộc vào sức khỏe, bị trói buộc vào mạng sống, bị trói buộc vào lợi lộc, bị trói buộc vào danh vọng, bị trói buộc vào lời khen, bị trói buộc vào hạnh phúc, bị trói buộc vào các sắc hợp ý, các thanh... các hương... các vị hợp ý, bị trói buộc vào các

xúc hợp ý, bị trói buộc vào sự thỏa mãn của mắt, bị trói buộc vào sự thỏa mãn của tai, bị trói buộc vào sự thỏa mãn của mũi... lưỡi... thân... ý, bị trói chặt, bị trói vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại.

“Có ước muốn là căn nguyên, bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu” là như thế.

Những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát: Các sự việc lạc thú ở hiện hữu ấy là khó giải thoát, hoặc là chúng sanh khó được giải thoát khỏi sự việc ấy.⁴

Các sự việc lạc thú ở hiện hữu ấy là khó giải thoát nghĩa là thế nào? Cảm thọ lạc là khó giải thoát, sự việc được ước muốn là khó giải thoát, tuổi trẻ là khó giải thoát, sức khỏe là khó giải thoát, mạng sống là khó giải thoát, lợi lộc là khó giải thoát, danh vọng là khó giải thoát, lời khen là khó giải thoát, hạnh phúc là khó giải thoát, các sắc hợp ý là khó giải thoát, các thỉnh... các hương... các vị... các xúc hợp ý là khó giải thoát, sự thỏa mãn của mắt là khó giải thoát, sự thỏa mãn của tai, mũi, lưỡi, thân, ý là khó giải thoát, khó được giải thoát, khó được phóng thích, khó tháo gỡ, khó tháo bỏ, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi. Các sự việc lạc thú ở hiện hữu ấy là khó giải thoát nghĩa là như vậy.

Chúng sanh khó được giải thoát khỏi sự việc ấy nghĩa là thế nào? Chúng sanh là khó được giải thoát khỏi cảm thọ lạc, khó được giải thoát khỏi sự việc được ước muốn, khó được giải thoát khỏi tuổi trẻ, khó được giải thoát khỏi sức khỏe, khó được giải thoát khỏi mạng sống, khó được giải thoát khỏi lợi lộc, khó được giải thoát khỏi danh vọng, khó được giải thoát khỏi lời khen, khó được giải thoát khỏi hạnh phúc, khó được giải thoát khỏi các sắc hợp ý, khó được giải thoát khỏi các thỉnh... các hương... các vị... các xúc hợp ý, khó được giải thoát khỏi sự thỏa mãn của mắt, khó được giải thoát khỏi sự thỏa mãn của tai, mũi, lưỡi, thân, ý, khó được phóng thích, khó nâng lên, khó nâng bổng, khó nhắc lên, khó nhắc bổng, khó tháo gỡ, khó tháo bỏ, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi. Chúng sanh khó được giải thoát khỏi sự việc ấy nghĩa là như vậy. “Những kẻ ấy là khó giải thoát” là như thế.

Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát: Những kẻ ấy, tự thân đã bị lún ở bãi lầy, không thể nâng lên kẻ khác đã bị lún ở bãi lầy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này Cunda, thật vậy, kẻ ấy tự thân đã bị lún ở bãi lầy, sẽ nâng lên kẻ khác đã bị lún ở bãi lầy, sự kiện này không thể có được. Này Cunda, thật vậy, kẻ ấy tự thân không được thuần phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn tịch diệt, sẽ thuần phục, sẽ huấn luyện, sẽ giúp cho kẻ khác hoàn toàn tịch diệt; sự kiện này không thể có được.” “Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát” là như vậy.

⁴ *Te duppamuñcā*: Cụm từ này được giải thích theo hai cách như văn bản đã trình bày ở trên, chúng tôi ghi nghĩa theo cách thứ hai. (ND)

Hoặc là, không có kẻ nào khác là người giúp cho giải thoát.⁵ Nếu họ có thể giải thoát, thì có thể giải thoát bằng sức mạnh của mình, bằng năng lực của mình, bằng tinh tấn của mình, bằng nỗ lực của mình, bằng sức mạnh con người của mình, bằng năng lực con người của mình, bằng tinh tấn con người của mình, bằng nỗ lực con người của mình, trong khi tự thân thực hành sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp. “Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát” còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

1. *“Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát bất cứ người nào có nổi nghi hoặc ở thế gian, này Dhotaka. Nhưng trong khi biết rõ giáo pháp tôi thượng, như vậy người có thể vượt qua dòng lũ này.”*⁶ “Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát” còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

2. *“Việc ác đã được làm bởi chính bản thân, trở thành ô nhiễm bởi bản thân. Việc ác đã không được làm bởi bản thân, trở thành trong sạch bởi chính bản thân. Trong sạch [hay] không trong sạch tùy thuộc vào bản thân, không ai có thể làm cho người khác trở thành trong sạch.”*⁷ “Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát” còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này Bà-la-môn, tương tự y như thế, Niết-bàn quả là có thật, con đường đưa đến Niết-bàn là có thật, Ta là người chỉ dẫn là có thật, và hơn nữa các đệ tử của Ta, trong khi được Ta giáo huấn như vậy, trong khi được chỉ dạy như vậy, một số đệ tử đạt đến mục đích tốt cùng là Niết-bàn, một số không đạt đến. Này Bà-la-môn, ở đây Ta làm được điều gì? Này Bà-la-môn, Như Lai là người chỉ đường. Đức Phật chỉ ra con đường. Chúng sanh, trong khi tự thân thực hành, thì có thể giải thoát.” “Đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát” còn là như vậy.

“Những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát” là như thế.

Đang trông mong về sau này hoặc luôn cả trước đây: Sau này nói đến tương lai. Trước đây nói đến quá khứ. Thêm nữa, so sánh với quá khứ, tương lai và hiện tại là sau này; so sánh với tương lai, quá khứ và hiện tại là trước đây.

Thế nào là “tiến hành sự trông mong về trước đây”? [Nghĩ rằng:] “Ta đã có sắc như vậy vào thời quá khứ”, rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy; “Ta đã có thọ như vậy... (nt)... “Ta đã có tưởng như vậy... (nt)... “Ta đã có hành như vậy... (nt)... “Ta đã có thức như vậy vào thời quá khứ”, rồi tự lấy làm vui mừng

⁵ *Na hi aññamokkhā*: Cụm từ này cũng được giải thích theo 2 cách như văn bản đã trình bày ở trên, chúng tôi ghi nghĩa theo cách thứ nhất. (ND)

⁶ *Suttanipāṭapāḷi* (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 327, câu kệ 1068. (ND)

⁷ *Dhammapadapāḷi* (Pháp cú), TTPV, tập 28, trang 67, câu kệ 165. (ND)

về điều ấy; như vậy là “tiến hành sự trông mong về trước đây.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Mắt của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các sắc đã là như vậy”, thức bị trói buộc vào sự mong muốn và duyên ái về điều ấy. Do trạng thái bị trói buộc vào sự mong muốn và duyên ái của thức, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là “tiến hành sự trông mong về trước đây.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Tai của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các thanh đã là như vậy”,... (nt)... “Mũi của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các hương đã là như vậy”,... (nt)... “Lưỡi của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các vị đã là như vậy”,... (nt)... “Thân của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các xúc đã là như vậy”,... (nt)... “Ý của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các pháp đã là như vậy”, thức bị trói buộc vào sự mong muốn và duyên ái về điều ấy. Do trạng thái bị trói buộc vào sự mong muốn và duyên ái của thức, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là “tiến hành sự trông mong về trước đây.” Hoặc là, người ấy có các việc cười hót, chuyện trò, đùa giỡn với người nữ lúc trước đây, rồi hứng thú điều ấy, khao khát điều ấy, và do điều ấy đạt được sự vui lòng; như vậy cũng là “tiến hành sự trông mong về trước đây.”

Thế nào là “tiến hành sự trông mong về sau này”? [Nghĩ rằng:] “Ta sẽ có sắc như vậy vào thời vị lai”, rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy. “Ta sẽ có thọ như vậy... (nt)... “Ta sẽ có tướng như vậy... (nt)... “Ta sẽ có hành như vậy... (nt)... “Ta sẽ có thức như vậy vào thời vị lai”, rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy; như vậy là “tiến hành sự trông mong về sau này.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Mắt của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các sắc sẽ là như vậy”, rồi chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên chuyên chú của tâm, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là “tiến hành sự trông mong về sau này.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Tai của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các thanh sẽ là như vậy”,... (nt)... “Mũi của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các hương sẽ là như vậy”,... (nt)... “Lưỡi của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các vị sẽ là như vậy”,... (nt)... “Thân của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các xúc sẽ là như vậy”,... (nt)... “Ý của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các pháp sẽ là như vậy”, rồi chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên chuyên chú của tâm, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là “tiến hành sự trông mong về sau này.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Với giới này, hay với phận sự này, hay với sự khắc khổ này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên vương hoặc một thiên nhân nào đó”, rồi chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên chuyên chú của tâm, rồi thích thú điều ấy; trong khi thích thú điều ấy, như vậy cũng là “tiến hành sự trông mong về sau này.”

“Đang trông mong về sau này hoặc luôn cả trước đây” là như thế.

Đang tham muốn chính các dục này đây hoặc vào thời trước đây.

Chính các dục này đây: Trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi nguyện cầu năm loại dục trong hiện tại.

Đang tham muốn [các dục] vào thời trước đây: Trong khi tham muốn, trong khi khởi tham muốn, trong khi nguyện cầu năm loại dục ở quá khứ.

“Đang tham muốn chính các dục này đây hoặc vào thời trước đây” là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Có ước muốn là căn nguyên, bị trói buộc vào lạc thú ở hiện hữu, đang trông mong về sau này hoặc luôn cả trước đây, đang tham muốn chính các dục này đây hoặc vào thời trước đây, những kẻ ấy là khó giải thoát, đương nhiên không thể giúp cho những người khác giải thoát.”

2.3. Bị thèm khát ở các dục, bị đeo níu, bị mê đắm, là những người thấp kém, họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái.

Bị dẫn dắt đến khổ đau, họ than vãn: “VẬY CHÚNG TA SẼ TRỞ THÀNH CÁI GÌ SAU KHI ĐÃ CHẾT TỪ NƠI ĐÂY?”

Bị thèm khát ở các dục, bị đeo níu, bị mê đắm.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gài gủi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở ô nhiễm dục, ở các vật dục. “Bị thèm khát ở các dục” là như thế.

Bị đeo níu: Những kẻ nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các dục, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các sắc... (nt)... các thính... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, tiếp nhận các sắc... (nt)... các thính... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... tiếp nhận các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, thọ hưởng các sắc... (nt)... các thính... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... thọ hưởng các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Giống như người gây nên sự cãi cọ thì bị đeo níu ở sự cãi cọ, người làm công việc thì bị đeo níu ở công việc, người đang sống ở nơi sinh sống thì bị đeo níu ở nơi sinh sống, người có thiện thì bị đeo níu bởi thiện; tương tự như vậy, những kẻ nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các dục, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem

trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các sắc... (nt)... các thính... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, tiếp nhận các sắc... (nt)... các thính... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... tiếp nhận các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục. Những kẻ nào, do tác động của tham ái, thọ hưởng các sắc... (nt)... các thính... (nt)... các hương... (nt)... các vị... (nt)... thọ hưởng các xúc, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những kẻ ấy là bị đeo níu ở các dục.

Bị mê đắm: Phần nhiều chư thiên và loài người mê mẩn, mê đắm, mê muội, mê mệt, bị mê mẩn, bị mê đắm, bị mê muội, bị mê mệt, bị vô minh làm mù, bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đầy kín trong năm loại dục.

“Bị thèm khát ở các dục, bị đeo níu, bị mê đắm” là như thế.

Là những người thấp kém, họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái.

Những người thấp kém: “Những người đi xuống” là những người thấp kém, những người bòn xén được gọi là những người thấp kém, “những người không nắm giữ lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của chư Phật, của chư Thánh văn của đức Phật” là những người thấp kém.

“Những người đi xuống” là những người thấp kém nghĩa là thế nào? “Những người đi xuống” là những người đi đến địa ngục, [đi đến loài thú] đi đến thân phận ngựa quỳ, “những người đi xuống” là những người thấp kém nghĩa là như vậy.

Những người bòn xén được gọi là những người thấp kém nghĩa là thế nào? Có năm loại bòn xén: Bòn xén về chỗ ở, bòn xén về gia tộc, bòn xén về lợi lộc, bòn xén về danh tiếng, bòn xén về pháp; bòn xén nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bòn xén, trạng thái của bòn xén, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bòn xén, trạng thái bị nắm giữ của tâm; điều này được gọi là bòn xén. Còn nữa, bòn xén về uân cũng là bòn xén, bòn xén về giới cũng là bòn xén, bòn xén về xứ cũng là bòn xén, sự nắm lấy, điều này được gọi là bòn xén.⁸ Do sự bòn xén này, những người không có sự hào phóng trở nên xao lãng, “những người bòn xén được gọi là những người thấp kém” nghĩa là như vậy.

⁸ Ở các trang 114, 205, 315, 347 trong tập này được thấy ghi: “*Gāho vuccati macchariyam*” (sự nắm lấy được gọi là bòn xén), thay vì: “*Gāho, idam vuccati macchariyam*” (sự nắm lấy, điều này được gọi là bòn xén) như ở đây và ở trang 186. (ND)

“Những người không nắm giữ lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời giáo huấn của chư Phật, của chư Thánh văn của đức Phật” là những người thấp kém nghĩa là thế nào? “Những người không nắm giữ, không lắng nghe, không để tai, không lập tâm để hiểu lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời giáo huấn của chư Phật, của chư Thánh văn của đức Phật” là những người không nghe theo, không làm theo lời dạy, có hành vi nghịch lại, quay mặt về hướng khác. “Những người không nắm giữ lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời giáo huấn của chư Phật, của chư Thánh văn của đức Phật” là những người thấp kém nghĩa là như vậy. “Những người thấp kém” là như thế.

Họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái.

[Sở hành] sai trái: Họ đã lún sâu vào thân nghiệp sai trái, đã lún sâu vào khẩu nghiệp sai trái, đã lún sâu vào ý nghiệp sai trái, đã lún sâu vào việc giết hại sinh mạng sai trái, đã lún sâu vào việc trộm cắp sai trái, đã lún sâu vào tà hạnh trong các dục sai trái, đã lún sâu vào việc nói dối sai trái, đã lún sâu vào việc nói đâm thọc sai trái, đã lún sâu vào việc nói thô lỗ sai trái, đã lún sâu vào việc nói nhảm nhí sai trái, đã lún sâu vào tham đắm sai trái, đã lún sâu vào sân hận sai trái, đã lún sâu vào tà kiến sai trái, đã lún sâu vào các pháp tạo tác sai trái, đã lún sâu vào năm loại dục sai trái, đã lún sâu vào năm pháp che lấp sai trái, đã đi theo vào, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại.

“Là những người thấp kém, họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái” là như thế.

Bị dẫn dắt đến khổ đau, họ than vãn.

Bị dẫn dắt đến khổ đau: Đã đi đến khổ đau, đã đạt đến khổ đau, đã đến gần khổ đau, đã đi đến Ma vương, đã đạt đến Ma vương, đã đến gần Ma vương, đã đi đến sự chết, đã đạt đến sự chết, đã đến gần sự chết.

Họ than vãn: Họ rên rỉ, lâm nhảm, sầu muộn, mệt mỏi, than vãn, đắm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội.

“Bị dẫn dắt đến khổ đau, họ than vãn” là như thế.

Vậy chúng ta sẽ trở thành cái gì sau khi đã chết từ nơi đây? Họ bị rơi vào ngờ vực, bị rơi vào nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: “Sau khi chết từ nơi đây, chúng ta sẽ trở thành cái gì? Chúng ta sẽ trở thành người địa ngục? Sẽ trở thành loài thú? Sẽ trở thành thân phận ngạ quỷ? Sẽ trở thành loài người? Sẽ trở thành chư thiên? Sẽ trở thành hữu sắc? Sẽ trở thành vô sắc? Sẽ trở thành hữu tướng? Sẽ trở thành vô tướng? Sẽ trở thành phi tướng phi phi tướng? Phải chăng chúng ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai? Phải chăng chúng ta sẽ không hiện hữu trong thời vị lai? Chúng ta sẽ trở thành cái gì trong thời vị lai? Chúng ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai như thế nào? Chúng ta sẽ trở thành cái gì rồi sẽ trở thành cái gì trong thời vị lai?” Họ rên rỉ, lâm nhảm, sầu muộn, mệt mỏi, than vãn, đắm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội.

“Vậy chúng ta sẽ trở thành cái gì sau khi đã chết từ nơi đây?” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bị thềm khát ở các dục, bị đeo níu, bị mê đắm, là những người thấp kém, họ đã lún sâu vào [sở hành] sai trái.

Bị dẫn dắt đến khổ đau, họ than vãn: ‘Vậy chúng ta sẽ trở thành cái gì sau khi đã chết từ nơi đây?’”

2.4. Chính vì điều ấy, con người ở ngay tại đây nên học tập,
*Nên biết bất cứ điều gì là “sai trái” ở thế gian,
 Không nên thực hành điều sai trái do nhân của điều ấy,
 Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi.*

Chính vì điều ấy, con người ở ngay tại đây nên học tập.

Vì điều ấy: Vì điều ấy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy điều bất lợi này ở các dục. “Vì điều ấy” là như thế.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ.

Việc nào là sự học tập về thắng giới? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp; việc này là sự học tập về thắng giới.

Việc nào là sự học tập về thắng tâm? Ở đây, vị Tỳ-khưu ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tầm, có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly; do sự vắng lặng của tầm và tứ, đạt đến và trú thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng thuộc nội phần, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định; do sự không còn duyên ái ở hỷ, an trú xả, có niệm và có sự nhận biết rõ, và cảm nhận lạc bằng thân, đó là điều mà các bậc Thánh gọi là: “Có xả, có niệm, có sự trú vào lạc”, đạt đến và trú thiền thứ ba; và do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khổ [ở thân], do sự biến mất của hỷ tâm và ưu phiền [đã có] ngay trước đó, đạt đến và trú thiền thứ tư, có sự thanh tịnh của xả và niệm, không khổ không lạc; việc này là sự học tập về thắng tâm.

Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? Ở đây, vị Tỳ-khưu là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khô. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là nhân sanh khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự diệt tận khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là nhân sanh các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự diệt tận các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc”; việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập; trong khi thấy, thì nên học tập; trong khi quán xét lại, thì nên học tập; trong khi quyết định tâm, thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin, thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn, thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm, thì nên học tập; trong khi tập trung tâm, thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập, thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

Ở tại đây: Ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở bản ngã này, ở thế giới loài người này; vì thế được gọi là “ở tại đây.”

Con người là chúng sanh, đàn ông,... (nt)... nhân loại.

“Chính vì điều ấy, con người ở ngay tại đây nên học tập” là như thế.

Nên biết bất cứ điều gì là “sai trái” ở thế gian.

Bất cứ điều gì: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ “*yam kiñci*” này là lõi nói của sự bao gồm.

Nên biết là “sai trái”: Nên biết thân nghiệp sai trái là “sai trái”, nên biết khẩu nghiệp sai trái là “sai trái”, nên biết ý nghiệp sai trái là “sai trái”, nên biết việc giết hại sinh mạng sai trái là “sai trái”, nên biết việc trộm cắp sai trái là “sai trái”, nên biết tà hạnh trong các dục sai trái là “sai trái”, nên biết việc nói dối sai trái là “sai trái”, nên biết việc nói đâm thọc sai trái là “sai trái”, nên biết việc nói thô lỗ sai trái là “sai trái”, nên biết việc nói nhảm nhí sai trái là “sai trái”, nên biết tham đắm sai trái là “sai trái”, nên biết sân hận sai trái là “sai trái”, nên biết tà kiến sai trái là “sai trái”, nên biết các hành sai trái là “sai trái”, nên biết năm loại dục sai trái là “sai trái”, nên biết năm pháp che lấp sai trái là “sai trái”, nên biết, nên hiểu, nên nhận thức, nên thừa nhận, nên thấu triệt.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Nên biết bất cứ điều gì là ‘sai trái’ ở thế gian” là như thế.

Không nên thực hành điều sai trái do nhân của điều ấy: Không nên thực hành điều sai trái do nhân của thân nghiệp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của khẩu nghiệp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của ý nghiệp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc giết hại sinh mạng sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc trộm cắp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của tà hạnh trong các dục sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc nói dối sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc nói đâm thọc sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của việc nói thô lỗ sai trái, không nên thực

hành điều sai trái do nhân của việc nói nhảm nhí sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của tham đắm sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của sân hận sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của tà kiến sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của các pháp tạo tác sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của năm loại dục sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của năm pháp che lấp sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của ý định sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của ước nguyện sai trái, không nên thực hành điều sai trái do nhân của nguyện vọng sai trái, không nên hành xử, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng.

“Không nên thực hành điều sai trái do nhân của điều ấy” là như thế.

Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi.

Mạng sống: Là tuổi thọ, sự tồn tại, sự di chuyển, sự làm cho di chuyển, sự thay đổi oai nghi, sự vận hành, sự hộ trì, mạng sống, mạng quyền. Và hơn nữa, mạng sống là ngắn ngủi bởi hai lý do: Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại, hoặc là mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất. Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại nghĩa là thế nào? Đã sống ở sát-na tâm quá khứ thì không sống [ở hiện tại], thì sẽ không sống [ở vị lai]; sẽ sống ở sát-na tâm vị lai thì không sống [ở hiện tại], thì đã không sống [ở quá khứ]; đang sống ở sát-na tâm hiện tại thì đã không sống [ở quá khứ], thì sẽ không sống [ở vị lai].

1. “Mạng sống, bản ngã, toàn bộ hạnh phúc và khổ đau được gắn liền với một [sát-na] tâm; và sát-na [tâm] trôi qua một cách nhanh chóng.”⁹

2. Ngay cả những vị thiên nhân tồn tại tám vạn bốn ngàn kiếp cũng không có trường hợp các vị ấy sinh tồn với hai tâm đã được kết hợp chung lại [trong cùng một sát-na, mà sinh tồn theo từng tâm một].

3. Các uẩn nào của người đang chết hoặc đang tồn tại ở thế gian này mà đã bị diệt tận, hết thấy tất cả các uẩn ấy là tương tự nhau; chúng đã ra đi, không tiếp nối sanh lên nữa.

4. Và các uẩn đã bị tan rã liền trước đó, các uẩn sẽ bị tan rã ở tương lai, đối với các uẩn [đang] bị diệt tận vào khoảng giữa của chúng [ở hiện tại], không có trạng thái khác nhau về tương trạng.

5. Với uẩn chưa hạ sanh thì chưa được sanh ra, con người sống với uẩn hiện tại, thân này bị chết đi do sự tan rã của tâm thức, [đây là] định luật theo ý nghĩa tuyệt đối.

6. Nước di chuyển đến các chỗ thấp như thế nào, thì con người bị thay đổi vì sự mong muốn như thế ấy. Các dòng chảy không bị đứt đoạn [của tâm] vận hành do duyên của sáu xứ.

⁹ Đa phần các câu kệ ở đây được ghi nghĩa Việt dựa theo Chú giải. (ND)

7. Các uẩn không đi đến việc tồn trữ, chúng bị tan rã. Không có sự tích lũy của các uẩn ở tương lai. Chúng tồn tại ngay khi vừa được sanh lên, tương tự như hạt cải ở đầu mũi kim.

8. Và đối với các pháp đã được sanh lên, sự tan rã của chúng là ở phía trước. Các uẩn có trạng thái tiêu hoại, chúng tồn tại không bị trộn lẫn với các uẩn trước đó.

9. Chúng đi đến không được nhìn thấy; bị tan rã, chúng ra đi không được nhìn thấy. Chúng sanh lên và diệt đi tựa như sự xuất hiện của tia chớp ở không trung.”

Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại nghĩa là như vậy.

Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất nghĩa là thế nào? Mạng sống được gắn liền với hơi thở ra, mạng sống được gắn liền với hơi thở vào, mạng sống được gắn liền với hơi thở ra và hơi thở vào, mạng sống được gắn liền với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió], mạng sống được gắn liền với vật thực ăn uống, mạng sống được gắn liền với hơi nóng, mạng sống được gắn liền với thức; nguồn gốc của các pháp này là yếu ớt, nhân quả khứ của các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp nào là duyên các pháp ấy cũng là yếu ớt, pháp nào là nguồn sanh khởi pháp ấy cũng là yếu ớt, các pháp cùng hiện hữu của các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp kết hợp với các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp đồng sanh của các pháp này cũng là yếu ớt, pháp nào nối tiếp pháp ấy cũng là yếu ớt, các pháp này luôn yếu ớt giống như nhau, các pháp này không trụ lại cùng với nhau, các pháp này tiêu hoại giống như nhau, không có sự bảo vệ giữa chúng với nhau, và các pháp này cũng không cùng cố lẫn nhau; pháp nào sản sinh ra [pháp khác] thì nó không còn hiện hữu.

10. “Và không có cái nào bị loại bỏ bởi cái nào, bởi vì toàn bộ những cái này đều đạt đến sự tan rã. Do những cái trước mà những cái này được tạo ra, những cái là nguồn phát sanh trước đó rồi cũng bị chết đi, thậm chí những cái trước và luôn cả những cái sau không bao giờ nhìn thấy lẫn nhau.”

Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất nghĩa là như vậy.

Và hơn nữa, so sánh với mạng sống của chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương thì loài người có mạng sống ngắn ngủi, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng sống chút ít, có mạng sống chớp nhoáng, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn tại lâu. So sánh với mạng sống của chư thiên cõi Đạo-lợi... (nt)... của chư thiên cõi Dạ-ma... (nt)... của chư thiên cõi Đâu-suất... (nt)... của chư thiên cõi Hóa Lạc... (nt)... của chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại... (nt)... của chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên thì loài người có mạng sống ngắn ngủi, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng sống chút ít, có mạng sống chớp nhoáng, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn tại lâu. Và điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khưu, tuổi thọ này của loài người là ngắn ngủi, kiếp sau rồi sẽ

được đi đến, nên làm cho giác ngộ nhờ vào trí tuệ, nên làm việc thiện, nên thực hành Phạm hạnh, đã được sanh ra không có việc không chết. Nay các Tỳ-khưu, người nào sống lâu, người ấy sống một trăm năm, ít hơn hoặc nhiều hơn.

11. *Tuổi thọ của loài người là ngắn ngủi, bậc thiện nhân nên xem thường nó, nên thực hành tựa như người có cái đầu đã bị cháy rục, việc không xảy đến cái chết là không có.*

12. *Ngày và đêm trôi qua, mạng sống bị hoại diệt, tuổi thọ của loài người bị cạn kiệt, tựa như nước của những con rạch nhỏ.*”

Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi.

Các bậc sáng trí: “Có trí hiểu biết” là các bậc sáng trí, “thành tựu trí hiểu biết” là các bậc sáng trí, “nhờm gồm việc ác” là các bậc sáng trí. Sáng trí nói đến tuệ. Tuệ là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự suy xét, sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suốt, sự cân nhắc, sự có trí, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi, sự thông minh, pháp dẫn đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ, vật xuyên thủng; tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu đài, tuệ là ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là cây đèn, tuệ là báu vật; sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến, trạng thái thành tựu với tuệ ấy là sáng trí. Thêm nữa, sáng trí về uân, sáng trí về giới, sáng trí về xứ, sáng trí về tùy thuận duyên khởi, sáng trí về việc thiết lập niệm, sáng trí về chánh cần, [sáng trí về nền tảng của thân thông] sáng trí về quyền, [sáng trí về lực] sáng trí về yếu tố đưa đến giác ngộ, sáng trí về Đạo, sáng trí về Quả, sáng trí về Niết-bàn.

Các bậc sáng trí ấy đã nói như vậy: “Loài người có mạng sống ngắn ngủi, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng sống chút ít, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn tại lâu.” Các vị đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Chính vì điều ấy, con người ở ngay tại đây nên học tập,
Nên biết bất cứ điều gì là ‘sai trái’ ở thế gian,
Không nên thực hành điều sai trái do nhân của điều ấy,
Bởi vì các bậc sáng trí đã nói mạng sống này là ngắn ngủi.”*

2.5. Ta nhìn thấy con người này, bị nhiễm tham ái trong các cõi, đang chao đảo ở thế gian. Những người thấp hèn, chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu, rên rỉ ở cửa miệng tứ thần.

Ta nhìn thấy [người] đang chao đảo ở thế gian.

Ta nhìn thấy: Ta nhìn thấy bằng nhục nhãn, Ta nhìn thấy bằng thiên nhãn,

Ta nhìn thấy bằng tuệ nhãn, Ta nhìn thấy bằng Phật nhãn, Ta nhìn thấy bằng toàn nhãn, Ta nhận thấy, Ta quan sát, Ta suy xét, Ta khảo sát.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

[Người] đang chao đảo: Đang chao động với sự chao động bởi tham ái, đang chao động với sự chao động bởi tà kiến, đang chao động với sự chao động bởi ô nhiễm, đang chao động với sự chao động bởi sự kết nối, đang chao động với sự chao động bởi nghiệp quả, đang chao động với sự chao động bởi uế hạnh; kẻ bị luyến ái đang chao động bởi luyến ái; kẻ bị sân hận đang chao động bởi sân hận; kẻ bị si mê đang chao động bởi si mê; kẻ bị trói buộc đang chao động bởi ngã mạn; kẻ bị bám víu đang chao động bởi tà kiến; kẻ bị tán loạn đang chao động bởi sự phóng dật; kẻ không dứt khoát đang chao động bởi hoài nghi; kẻ cứng cỏi đang chao động bởi các pháp tiềm ẩn, đang chao động bởi lợi lộc, đang chao động bởi không lợi lộc, đang chao động bởi danh vọng, đang chao động bởi không danh vọng, đang chao động bởi lời khen, đang chao động bởi tiếng chê, đang chao động bởi hạnh phúc, đang chao động bởi khổ đau, đang chao động bởi sanh, đang chao động bởi già, đang chao động bởi bệnh, đang chao động bởi chết, đang chao động bởi sâu-bi-khổ-ưu-não, đang chao động bởi khổ ở địa ngục, đang chao động bởi khổ ở loài thú, đang chao động bởi khổ ở thân phận ngựa quý, đang chao động bởi khổ của loài người, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai, đang chao động bởi khổ gắn liền sau khi sanh ra, đang chao động bởi khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, đang chao động bởi khổ do sự ra sức của bản thân, đang chao động bởi khổ do sự ra sức của kẻ khác, đang chao động bởi khổ do [thọ] khổ, đang chao động bởi khổ do pháp tạo tác, đang chao động bởi khổ do sự biến đổi, đang chao động bởi khổ do bệnh ở mắt, đang chao động bởi khổ do bệnh ở tai trong, bởi khổ do bệnh ở mũi, bởi khổ do bệnh ở lưỡi, bởi khổ do bệnh ở thân, [bởi khổ do bệnh ở đầu] bởi khổ do bệnh ở lỗ tai, bởi khổ do bệnh ở miệng, bởi khổ do bệnh ở răng, bởi ho, bởi suyễn, bởi sổ mũi, bởi nhiệt, bởi cảm sốt, bởi đau bụng, bởi xây xâm, bởi kiết lỵ, bởi đau bụng bão, bởi dịch tả, bởi phong cùi, bởi khối u, bởi bệnh chàm, bởi lao phổi, bởi động kinh, bởi mụn, bởi nhọt, bởi ghẻ ngứa, bởi sảy, bởi loét tay chân, bởi máu, bởi mật, bởi bệnh tiểu đường, bởi bệnh trĩ, bởi ghẻ lở, bởi loét hậu môn, bởi bệnh phát khởi từ mật, bởi bệnh phát khởi từ đàm, bởi bệnh phát khởi từ gió, bởi bệnh tổng hợp do mật-dàm-gió, bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bởi bệnh thuộc dạng cấp tính, bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, bởi khổ do sự xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, bởi khổ do cái chết của mẹ, bởi khổ do cái chết của cha, bởi khổ do cái chết của anh [em] trai, bởi khổ do cái chết của chị [em] gái, bởi khổ do cái chết của con trai, bởi khổ do cái chết

của con gái, bởi khổ do sự tổn hại về thân quyền, bởi khổ do sự tổn hại về của cải, bởi khổ do sự tổn hại vì bệnh tật, bởi khổ do sự tổn hại về giới, bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức; Ta nhìn thấy, Ta nhận thấy, Ta quan sát, Ta suy xét, Ta khảo sát người đang chao động, đang lay động, đang xáo động, đang run rẩy, đang chấn động, đang rung động.

“Ta nhìn thấy [người] đang chao đảo ở thế gian” là như thế.

Con người này bị nhiễm tham ái trong các cõi.

Con người: Là tên gọi cho chúng sanh.

Tham ái: Là ái cảnh sắc, ái cảnh thanh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, hữu ái, phi hữu ái, đi theo tham ái, di chuyển theo tham ái, đạt đến tham ái, bị rơi vào tham ái, bị ngự trị, có tâm bị khuất phục.

Trong các cõi: Ở dục giới, ở sắc giới, ở vô sắc giới.

“Con người này, bị nhiễm tham ái trong các cõi” là như thế.

Những người thấp hèn rên rỉ ở cửa miệng tử thần.

Những người thấp hèn: “Người có thân nghiệp thấp hèn” là những người thấp hèn, “người có khẩu nghiệp thấp hèn” là những người thấp hèn, “người có ý nghiệp thấp hèn” là những người thấp hèn, “người có việc giết hại sinh mạng thấp hèn” là những người thấp hèn, “người có việc trộm cắp thấp hèn... tà hạnh thấp hèn trong các dục... việc nói dối thấp hèn... việc nói đâm thọc thấp hèn... việc nói thô lỗ thấp hèn... việc nói nhảm nhí thấp hèn... tham đắm thấp hèn... sân hận thấp hèn... tà kiến thấp hèn... các pháp tạo tác thấp hèn... năm loại dục thấp hèn... năm pháp che lấp thấp hèn... ý định thấp hèn... ước nguyện thấp hèn... nguyện vọng thấp hèn” là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi. “Những người thấp hèn” là như thế.

Rên rỉ ở cửa miệng tử thần.

Ở cửa miệng tử thần: Ở cửa miệng Ma vương, ở cửa miệng sự chết. Đã đi đến tử thần, đã đạt đến tử thần, đã đến gần tử thần, đã đi đến Ma vương, đã đạt đến Ma vương, đã đến gần Ma vương, đã đi đến sự chết, đã đạt đến sự chết, đã đến gần sự chết; họ rên rỉ, họ lâm nhảm, họ sầu muộn, họ mệt mỏi, họ than vãn, họ đầm ngực khóc lóc, họ đi đến sự mê muội.

“Những người thấp hèn rên rỉ ở cửa miệng tử thần” là như thế.

Chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu.

Tham ái: Ái cảnh sắc,... (nt)... ái cảnh pháp.

Ở hữu và phi hữu: Ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự sanh ra của bản ngã được lặp đi lặp lại; [những kẻ ấy] có tham ái chưa được xa lìa, có tham ái

chưa được tách lìa, có tham ái chưa được từ bỏ, có tham ái chưa được tẩy trừ, có tham ái chưa được giải thoát, có tham ái chưa được dứt bỏ, có tham ái chưa được buông bỏ.

“Chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Ta nhìn thấy con người này, bị nhiễm tham ái trong các cõi, đang chao đảo ở thế gian. Những người thấp hèn, chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu, rên rỉ ở cửa miệng tử thân.”

2.6. Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta tựa như những con cá ở chỗ ít nước, ở dòng chảy bị cạn kiệt. Và sau khi nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta, không tạo nên sự dính mắc ở các hữu.

Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến.

Trạng thái chấp là của ta do tham ái là điều nào? Cho đến vật đã được tạo lập ranh giới, đã được tạo lập biên giới, đã được tạo lập giới hạn, đã được tạo lập hạn định, đã thuộc sở hữu, đã được chấp là của ta bởi cái gọi là tham ái rằng: Cái này là của tôi, cái ấy là của tôi, chừng này là của tôi, cho đến chừng này là của tôi; các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc, các vật trái, các vật đắp, các tôi trai, tứ gái, các con dê, cừu, các con gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, lông mặc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho của tôi; và luôn cả toàn thể đại địa cầu đều được chấp là của ta do tác động của tham ái, được giải rộng ra cho đến một trăm lẻ tám ái; điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái.

Trạng thái chấp là của ta do tà kiến là điều nào? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng; quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến; là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến.

Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta:

Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ chao động, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng chao động, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng chao động; có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta nên họ chao động, trong khi vật đang biến đổi họ cũng chao động, khi vật đã bị biến

đôi họ cũng chao động, họ lay động, họ xáo động, họ run rẩy, họ chấn động, họ rung động. Trong khi họ đang chao động, đang lay động, đang xáo động, đang run rẩy, đang chấn động, đang rung động như vậy; các người hãy nhìn xem, hãy nhận thấy, hãy quan sát, hãy suy xét, hãy khảo sát họ.

“Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta” là như thế.

Tựa như những con cá ở chỗ ít nước, ở dòng chảy bị cạn kiệt: Giống như những con cá ở chỗ ít nước, ở chỗ cạn nước, ở chỗ kiệt nước, đang bị tấn công, đang bị gấp lên, đang bị ngấu nghiến bởi những con quạ, bởi những con điều hâu, bởi những con hạc nâu, chúng chao động, chúng lay động, chúng xáo động, chúng run rẩy, chúng chấn động, chúng rung động; tương tự như vậy, những người có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ chao động, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng chao động, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng chao động; [những người] có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta nên họ chao động, trong khi vật đang biến đổi họ cũng chao động, khi vật đã bị biến đổi họ cũng chao động, họ lay động, họ xáo động, họ run rẩy, họ chấn động, họ rung động.

“Tựa như những con cá ở chỗ ít nước, ở dòng chảy bị cạn kiệt” là như thế.

Và sau khi nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi ấy ở các trạng thái chấp là của ta. “Và sau khi nhìn thấy điều ấy” là như thế.

Nên sống không chấp là của ta.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, trong khi không chấp mắt là của ta, trong khi không chấp tai là của ta, trong khi không chấp mũi là của ta, trong khi không chấp lưỡi là của ta, trong khi không chấp thân là của ta, trong khi không chấp ý là của ta, trong khi không chấp các sắc, các thanh, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tướng, cõi vô tướng, cõi phi tướng phi phi tướng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt, nên thực hành, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng.

“Và sau khi nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta” là như thế.

Không tạo nên sự dính mắc ở các hữu.

Ở các hữu: Ở dục hữu, ở sắc hữu, ở vô sắc hữu. Sự dính mắc: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Không tạo nên sự dính mắc ở các hữu: Không tạo nên, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh sự mong muốn, sự yêu thương, sự luyến ái, sự chấp nhận.

“Không tạo nên sự dính mắc ở các hữu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Hãy nhìn xem những kẻ đang chao động về vật đã được chấp là của ta tựa như những con cá ở chỗ ít nước, ở dòng chảy bị cạn kiệt. Và sau khi nhìn thấy điều ấy, nên sống không chấp là của ta, không tạo nên sự dính mắc ở các hữu.”

2.7. Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thái cực, sau khi biết toàn diện về xúc, không còn thêm khát, có sự chẻ trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấy, người sáng trí không bị lắm nhor ở những điều đã được thấy, đã được nghe.

Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thái cực.

Thái cực: Có hai thái cực: Xúc là một thái cực, nhân sanh ra xúc là thái cực thứ hai. Quá khứ là một thái cực, vị lai là thái cực thứ hai. Cảm thọ lạc là một thái cực, cảm thọ khổ là thái cực thứ hai. Danh là một thái cực, sắc là thái cực thứ hai. Sáu nội xứ là một thái cực, sáu ngoại xứ là thái cực thứ hai. Sự chấp thân này là một thái cực, nhân sanh ra sự chấp thân này là thái cực thứ hai.

Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục ở các dục.

Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thái cực: Là sau khi dẹp bỏ, sau khi dẹp hẳn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn ở cả hai thái cực.

“Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thái cực” là như thế.

Sau khi biết toàn diện về xúc, không còn thêm khát.

Xúc: Là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn], xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn], xúc tạo ra thọ lạc, xúc tạo ra thọ khổ, xúc tạo ra thọ không khổ không lạc, xúc [ở tâm] thiện, xúc [ở tâm] bất thiện, xúc [ở tâm] vô ký, xúc thuộc dục giới, xúc thuộc sắc giới, xúc thuộc vô sắc giới, xúc [do quán xét] không tánh, xúc [do quán xét] vô tướng, xúc [do quán xét] vô nguyện, xúc hiệp thể, xúc xuất thể, xúc quá khứ, xúc vị lai, xúc hiện tại, xúc nào có hình thức như vậy là sự chạm vào, biểu hiện chạm vào, trạng thái chạm vào; điều này được gọi là xúc.

Sau khi biết toàn diện về xúc: Sau khi biết toàn diện về xúc với ba trường hợp biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán và biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về xúc. Biết rằng, thấy rằng: “Cái này là nhãn xúc, cái này là nhĩ xúc, cái này là tỷ xúc, cái này là thiệt xúc, cái này là thân xúc, cái này là ý xúc, cái này là xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn], cái này là xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn], cái này là xúc tạo ra thọ lạc, cái này là xúc tạo ra thọ khổ, cái này là xúc tạo ra thọ không khổ không lạc, cái này là xúc [ở tâm] thiện, cái này là xúc [ở tâm] bất thiện, cái này là xúc [ở tâm] vô ký, cái này là xúc thuộc dục giới, cái này là xúc thuộc sắc giới, cái này là xúc thuộc vô sắc giới, cái này là xúc [do quán xét] không tánh, cái này là xúc [do quán xét] vô tướng, cái này là xúc [do quán xét] vô nguyên, cái này là xúc hiệp thể, cái này là xúc xuất thể, cái này là xúc quá khứ, cái này là xúc vị lai, cái này là xúc hiện tại”; điều này là sự biết toàn diện về điều đã được biết.

Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như thế thì xét đoán về xúc, xét đoán là vô thường, là khổ, là con bệnh, là mụt ghê, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyên, là không sai khiến được, là biến hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai, là không bền, là không nơi nương náu, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, là trạng thái không có nơi nương nhờ, là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là bất lợi, là có bản chất biến đổi, là không có cốt lõi, là gốc gác của tai ương, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác, là mối nhử của Ma vương, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có bản chất chết, là có bản chất sàu-bi-khổ-ưu-não, là có bản chất ô nhiễm, là nhân sanh khởi, là sự tiêu hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi, là sự thoát ra; điều này là sự biết toàn diện về sự xét đoán.

Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi xét đoán như vậy thì dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn và luyện ái ở xúc.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khưu, cái gì là sự mong muốn và luyện ái ở các xúc, các người hãy dứt bỏ cái ấy. Như vậy, xúc ấy sẽ được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai”; điều này là sự biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Sau khi biết toàn diện về xúc: Sau khi biết toàn diện về xúc với ba trường hợp biết toàn diện này.

Không còn thèm khát.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyện ái, luyện ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, sự thèm khát ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi

là không còn thèm khát. Người ấy không thèm khát ở sắc, không thèm khát ở thanh, không thèm khát ở hương, không thèm khát ở vị, không thèm khát ở xúc, không thèm khát ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc, ở y phục, ở đồ ăn khát thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh, ở dục giới, ở sắc giới, ở vô sắc giới, ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tướng, ở cõi vô tướng, ở cõi phi tướng phi phi tướng, ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn, ở quá khứ, ở vị lai, ở hiện tại, ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

“Sau khi biết toàn diện về xúc, không còn thèm khát” là như thế.

Có sự chê trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấy.

Điều nào: Là việc nào.

Có sự chê trách bản thân: Chê trách bản thân bởi hai lý do: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm.

Chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm [nghĩa] là thế nào? Chê trách bản thân rằng: “Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã làm uế hạnh về ý, ta đã không làm thiện hạnh về ý.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã trộm cắp, ta đã không tránh xa sự trộm cắp.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã làm tà hạnh trong các dục, ta đã không tránh xa sự tà hạnh trong các dục.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã nói dối, ta đã không tránh xa việc nói dối.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã nói đâm thọc, ta đã không tránh xa việc nói đâm thọc.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã nói thô lỗ, ta đã không tránh xa việc nói thô lỗ.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã nói nhảm nhí, ta đã không tránh xa việc nói nhảm nhí.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã hành động tham đắm, ta đã không hành động không tham đắm.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã hành động sân hận, ta đã không hành động không sân hận.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến.” Chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm [nghĩa] là như vậy. Hoặc là, chê trách bản thân rằng: “Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới.” Chê trách bản thân rằng: “Ta là người có các giác quan không được gìn giữ.” Chê trách bản thân rằng: “Ta là người không biết chừng mực về vật thực.” Chê trách bản thân rằng:

“Ta không luyện tập về tinh thức.” Chê trách bản thân rằng: “Ta không có niệm và sự nhận biết rõ.” Chê trách bản thân rằng: “Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập.” Chê trách bản thân rằng: “Bốn chánh cần chưa được ta tu tập.” Chê trách bản thân rằng: “Bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập.” Chê trách bản thân rằng: “Năm quyền chưa được ta tu tập.” Chê trách bản thân rằng: “Năm lực chưa được ta tu tập.” Chê trách bản thân rằng: “Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập.” Chê trách bản thân rằng: “Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập.” Chê trách bản thân rằng: “Khổ chưa được ta biết toàn diện.” Chê trách bản thân rằng: “Tập chưa được ta dứt bỏ.” Chê trách bản thân rằng: “Đạo chưa được ta tu tập.” Chê trách bản thân rằng: “Diệt chưa được ta chứng ngộ.” Chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm [nghĩa] là như vậy. Không tạo ra, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra nghiệp khiến cho có sự chê trách bản thân [nghĩa] là như vậy.

“Có sự chê trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấy” là như thế.

Người sáng trí không bị lầm nhớ ở những điều đã được thấy, đã được nghe.

Lầm nhớ: Có hai sự lầm nhớ: Lầm nhớ do tham ái và lầm nhớ do tà kiến. ... (nt)... điều này là lầm nhớ do tham ái. ... (nt)... điều này là lầm nhớ do tà kiến.

Người sáng trí: Người sáng trí là người sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. Người sáng trí sau khi dứt bỏ lầm nhớ do tham ái, sau khi buông bỏ lầm nhớ do tà kiến, không bị lầm nhớ ở điều đã được thấy, không bị lầm nhớ ở điều đã được nghe, không bị lầm nhớ ở điều đã được cảm giác, không bị lầm nhớ ở điều đã được nhận thức, không bị nhiễm bần, không bị vấy bần, [là người] đã không bị lầm nhớ, đã không bị nhiễm bần, đã không bị vấy bần, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Người sáng trí không bị lầm nhớ ở những điều đã được thấy, đã được nghe” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi dẹp bỏ sự mong muốn ở cả hai thái cực, sau khi biết toàn diện về xúc, không còn thêm khát, có sự chê trách bản thân về điều nào thì không làm điều ấy, người sáng trí không bị lầm nhớ ở những điều đã được thấy, đã được nghe.”

2.8. Sau khi biết toàn diện về tướng, có thể vượt khỏi dòng lũ,
 Bạc Hiền trí không bị vấy bần ở các sự sở hữu,
 Có mũi tên đã được lấy ra, không bị xao lãng trong khi sống,
 Không mong ước đời này và đời khác.

Sau khi biết toàn diện về tướng, có thể vượt khỏi dòng lũ.

Tướng: Dục tướng, sân tướng, hại tướng, xuất ly tướng, vô sân tướng, vô hại tướng, sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng; tướng nào có hình thức như vậy là biểu hiện của tướng, trạng thái của tướng; điều này được gọi là tướng.

Sau khi biết toàn diện về tướng: Sau khi biết toàn diện về tướng với ba trường hợp biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán và biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về tướng là biết rằng, thấy rằng: “Cái này là dục tướng, cái này là sân tướng, cái này là hại tướng, cái này là xuất ly tướng, cái này là vô sân tướng, cái này là vô hại tướng, cái này là sắc tướng, cái này là thanh tướng, cái này là hương tướng, cái này là vị tướng, cái này là xúc tướng, cái này là pháp tướng”; điều này là sự biết toàn diện về điều đã được biết.

Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như thế thì xét đoán về tướng, xét đoán là vô thường, là khổ, là con bệnh, là mụt ghè, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyên, là không sai khiến được, là sự biến hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai,... (nt)... là nhân sanh khởi, là sự tiêu hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi, là sự thoát ra; điều này là sự biết toàn diện về sự xét đoán.

Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như vậy, sau khi xét đoán như vậy thì dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn và luyến ái ở tướng.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khưu, cái gì là sự mong muốn và luyến ái ở tướng, các người hãy dứt bỏ cái ấy. Như vậy, tướng ấy sẽ được dứt bỏ, có rồi đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai”; điều này là sự biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Sau khi biết toàn diện về tướng: Sau khi biết toàn diện về tướng với ba trường hợp biết toàn diện.

Có thể vượt khỏi dòng lũ: Có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

“Sau khi biết toàn diện về tướng, có thể vượt khỏi dòng lũ” là như thế.

Bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở các sự sở hữu.

Các sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà kiến. ... (nt)... điều này là sở hữu do tham ái. ... (nt)... điều này là sở hữu do tà kiến.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến; được thành tựu với trí ấy bậc Hiền trí có sự đạt đến bản thể hiền trí.

Ba hiền trí hạnh: Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh về ý.

Hiền trí hạnh về thân là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, ba loại thiện hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, trí ở đối tượng thân là hiền trí hạnh về thân, sự biết toàn diện về thân là hiền trí hạnh về thân, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về thân, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở thân là hiền trí hạnh về thân, sự chứng đạt tứ thiên có sự diệt của thân hành là hiền trí hạnh về thân; điều này là hiền trí hạnh về thân.

Hiền trí hạnh về khẩu là điều nào? Sự dứt bỏ bốn loại uế hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, bốn loại thiện hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, trí ở đối tượng khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự biết toàn diện về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt nhị thiên có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh về khẩu; điều này là hiền trí hạnh về khẩu.

Hiền trí hạnh về ý là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, ba loại thiện hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, trí ở đối tượng tâm là hiền trí hạnh về ý, sự biết toàn diện về tâm là hiền trí hạnh về ý, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về ý, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở tâm là hiền trí hạnh về ý, sự chứng đạt Diệt thọ tưởng có sự diệt của tâm hành là hiền trí hạnh về ý; điều này là hiền trí hạnh về ý.

1. *“[Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có sự dứt bỏ tất cả.*

2. *[Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có điều ác đã được rửa sạch.”*

Được thành tựu ba pháp hiền trí hạnh này là sáu hạng hiền trí: Các bậc Hiền trí tại gia, các bậc Hiền trí xuất gia, các bậc Hiền trí Hữu học, các bậc Hiền trí Vô học, các bậc Hiền trí Độc Giác, các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí. Các bậc Hiền trí tại gia là các hạng nào? Những người tại gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí tại gia. Các bậc Hiền trí xuất gia là các hạng nào? Những vị xuất gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí xuất gia. Bảy hạng Hữu học là các bậc Hiền trí Hữu học. Các vị A-la-hán là các bậc Hiền trí Vô học. Các vị Phật Độc Giác là các bậc Hiền trí Độc Giác. Các đức Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác là các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí.

3. *“Không phải do trạng thái im lặng mà kẻ có bộ dạng khờ khạo, ngu dốt trở thành bậc Hiền trí. Nhưng người nào, tựa như người cầm lấy cái cân rồi chọn lấy vật quý giá, là người sáng suốt.*

4. *Người lánh xa hẳn các điều ác, người ấy là bậc Hiền trí; do việc ấy,*

người ấy trở thành bậc Hiền trí. Người nào hiểu rõ cả hai thế giới [nội tâm và ngoại cảnh], do việc ấy được gọi là bậc Hiền trí.

5. *Vị biết được bản chất của những kẻ xấu và của những người tốt, nội phần và ngoại phần, ở tất cả thế gian, vị được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại, vị đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.*”

Lầm nhớ. Có hai sự lầm nhớ: Lầm nhớ do tham ái và lầm nhớ do tà kiến. ... (nt)... điều này là lầm nhớ do tham ái. ... (nt)... điều này là lầm nhớ do tà kiến. Bậc Hiền trí sau khi dứt bỏ lầm nhớ do tham ái, sau khi buông bỏ lầm nhớ do tà kiến, không bị lầm nhớ ở các sự sở hữu, không bị nhiễm bần, không bị vấy bần, [là người] đã không bị lầm nhớ, đã không bị nhiễm bần, đã không bị vấy bần, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Bậc Hiền trí không bị vấy bần ở các sự sở hữu” là như thế.

Có mũi tên đã được lấy ra, không bị xao lãng trong khi sống.

Mũi tên: Có bảy mũi tên: Mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê, mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sầu muộn, mũi tên uế hạnh. Đối với người nào, những mũi tên này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là có mũi tên đã được lấy lên, có mũi tên đã được lấy ra, có mũi tên đã được nhổ lên, có mũi tên đã được nhổ ra, có mũi tên đã được rút lên, có mũi tên đã được rút ra, có mũi tên đã được từ bỏ, có mũi tên đã được tẩy trừ, có mũi tên đã được giải thoát, có mũi tên đã được dứt bỏ, có mũi tên đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. “Có mũi tên đã được lấy ra” là như thế.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi hộ trì, trong khi bảo dưỡng.

Không bị xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bốn phần trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] “Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giới uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tuệ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thôi chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] “Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ định uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ định uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tuệ?” ... (nt)... trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] “Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ tuệ uẩn chưa được đầy đủ,... (nt)... có thể làm đầy đủ giải thoát uẩn... (nt)... giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giải thoát tri kiến uẩn đã được

đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tuệ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp. [Nghĩ rằng:] “Bằng cách nào ta có thể biết toàn diện về Khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc có thể tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc có thể chứng ngộ diệt chưa được chứng ngộ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

“Có mũi tên đã được lấy ra, không bị xao lãng trong khi sống” là như thế.

Không mong ước đời này và đời khác: Không mong ước đời này tức là bản ngã của bản thân, không mong ước đời khác tức là bản ngã ở đời khác; không mong ước đời này tức là sắc-thọ-tưởng-hành-thức của bản thân, không mong ước đời khác tức là sắc-thọ-tưởng-hành-thức ở đời khác; không mong ước đời này tức là sáu nội xứ, không mong ước đời khác tức là sáu ngoại xứ; không mong ước đời này tức là thể giới loài người, không mong ước đời khác tức là thể giới chư thiên; không mong ước đời này tức là dục giới, không mong ước đời khác tức là sắc giới, vô sắc giới; không mong ước đời này tức là dục giới, sắc giới, không mong ước đời khác tức là vô sắc giới; không mong ước, không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu cảnh giới tái sinh, sự tái sinh, sự nối liền tái sanh, sự hiện hữu, sự luân hồi, hoặc sự luân chuyển.

“Không mong ước đời này và đời khác” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Sau khi biết toàn diện về tướng, có thể vượt khỏi dòng lũ,
Bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở các sự sở hữu,
Có mũi tên đã được lấy ra, không bị xao lãng trong khi sống,
Không mong ước đời này và đời khác.”*

“Diễn giải kinh nhóm tám về hàng” - Phần thứ nhì.

3. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁM VỀ XẤU XA (*DUTṬHAṬṬHAKASUTTANIDDESO*)

Giờ sẽ nói đến “Diễn giải kinh nhóm tám về xấu xa”:

3.1. Thật vậy, một số người nói [bôi nhọ] với tâm ý xấu xa.

Quả vậy, một số người có tâm ý chân thật cũng nói [bôi nhọ].

Bậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên,

Bởi vậy, bậc Hiền trí không có sự cứng cỏi ở bất cứ đâu.

Thật vậy, một số người nói [bôi nhọ] với tâm ý xấu xa: Một số ngoại đạo, với tâm ý xấu xa, với tâm ý tồi bại, với tâm ý chống đối, với tâm ý đối chọi, với tâm ý hằn học, với tâm ý thù hận, với tâm ý căm hờn, với tâm ý thù hận, nói [bôi nhọ], gièm pha đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khuru với việc không có thật.

“Thật vậy, một số người nói [bôi nhọ] với tâm ý xấu xa” là như thế.

Quả vậy, một số người có tâm ý chân thật cũng nói [bôi nhọ]: Là những người đang tin tưởng, đang tin cậy, đang hướng đến, có tâm ý chân thật, có suy nghĩ chân thật, có tâm ý ngay thật, có suy nghĩ ngay thật, có tâm ý đúng đắn, có suy nghĩ đúng đắn, có tâm ý xác đáng, có suy nghĩ xác đáng, có tâm ý không sai quấy, có suy nghĩ không sai quấy đối với những kẻ ngoại đạo ấy; họ nói [bôi nhọ], gièm pha đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khuru với việc không có thật.

“Quả vậy, một số người có tâm ý chân thật cũng nói [bôi nhọ]” là như thế.

Bậc Hiền trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên: Lời nói [bôi nhọ] ấy là đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện, là tiếng nói từ những người khác, là sự sỉ vả, sự gièm pha về đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khuru với việc không có thật.

“Lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên” là như thế.

Bậc Hiền trí không tiếp cận.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến; được thành tựu với trí ấy bậc Hiền trí đạt đến bản thể hiền trí. ... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí. Người nào tiếp cận lời nói [bôi nhọ], người ấy tiếp cận lời nói [bôi nhọ] bởi hai lý do: Người đã làm tiếp cận lời nói [bôi nhọ] do tình trạng [vị ấy] là người đã làm; hoặc là, trong khi bị nói [bôi nhọ], trong khi bị gièm pha, [vị ấy] bị bực tức, tức giận, phản kháng, rồi bày tỏ sự bực tức, sự sân hận, sự không bằng lòng rằng: “Tôi không có làm.” Người nào tiếp cận lời nói [bôi nhọ], người ấy tiếp cận lời nói [bôi nhọ] bởi hai lý do

này. Bạc Hiên trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] bởi hai lý do: Không phải là người đã làm, bạc Hiên trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] do tình trạng không phải là người đã làm; hoặc là, trong khi bị nói [bôi nhọ], trong khi bị gièm pha, [vị ấy] không bị bức tức, không tức giận, không phản kháng, không bày tỏ sự bức tức, sự sân hận, sự không bằng lòng rằng: “Tôi không có làm.” Bạc Hiên trí không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt lời nói [bôi nhọ] bởi hai lý do này.

“Bạc Hiên trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên” là như thế.

Bởi vậy, bạc Hiên trí không có sự cứng cỏi ở bất cứ đâu.

Bởi vậy: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, đối với bạc Hiên trí, trạng thái tâm hân học, bản tánh cứng cỏi là không có và năm sự cứng cỏi của tâm¹ cũng là không có. Ba sự cứng cỏi cũng là không có: Sự cứng cỏi của luyến ái, sự cứng cỏi của sân hận, sự cứng cỏi của si mê là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

“Bởi vậy, bạc Hiên trí không có sự cứng cỏi ở bất cứ đâu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Thật vậy, một số người nói [bôi nhọ] với tâm ý xấu xa.

Quả vậy, một số người có tâm ý chân thật cũng nói [bôi nhọ].

Bạc Hiên trí không tiếp cận lời nói [bôi nhọ] đã khởi lên,

Bởi vậy, bạc Hiên trí không có sự cứng cỏi ở bất cứ đâu.”

3.2. Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích,
Trong khi tự mình làm cho [các quan điểm trở nên] đầy đủ,
Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình?
Bởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy.

Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình: Những kẻ ngoại đạo sau khi giết chết nữ du sĩ Sundarī rồi vu khống cho các vị Sa-môn, những người con trai dòng Sakya [nghĩ rằng]: “Như vậy chúng ta sẽ đoạt lại lợi lộc, danh vọng, sự trọng vọng, sự kính nể này.” Với quan điểm như vậy, với sự chấp nhận như vậy, với sự ưa thích như vậy, với quan niệm như vậy, với ý định như vậy, với chủ tâm như vậy; họ đã không có thể bước qua quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của mình, quan niệm của mình, ý

¹ Năm sự cứng cỏi của tâm: Dịch theo sự hiệu đính của Tam tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS. Năm sự cứng cỏi của tâm (*cetokhīlā*): Là 5 bản tánh cứng cỏi của tâm đối với đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng, việc học tập, và các vị đồng Phạm hạnh (*Nidā. II. 469*). Năm sự cứng cỏi của tâm là: Nghi ngờ bậc Đạo sư; nghi ngờ Giáo pháp; nghi ngờ Hội chúng; nghi ngờ việc học tập; bị bức tức, không hoan hỷ, có trạng thái tâm hân học, có bản tánh cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh (*M. 16, Cetokhīlasuttam*). (ND)

định của mình, chủ tâm của mình. Sau đó, chính sự mất danh vọng đã quay trở về với họ. “Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình” là như vậy.

Hoặc là, người nào có học thuyết như vậy: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rỗng đại”, người ấy làm thế nào có thể vượt trội, có thể vượt quá, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của mình, quan niệm của mình, ý định của mình, chủ tâm của mình? Điều ấy có nguyên nhân là gì? Đối với người ấy, quan điểm ấy như thế là được đầy đủ, được thọ trì, được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến. “Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình” còn là như vậy.

Hoặc là, người nào có học thuyết như vậy: “Thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh² hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rỗng đại”, người ấy làm thế nào có thể vượt trội, có thể vượt quá, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của mình, quan niệm của mình, ý định của mình, chủ tâm của mình? Điều ấy có nguyên nhân là gì? Đối với người ấy, quan điểm ấy như thế là được đầy đủ, được thọ trì, được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến.

“Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình” còn là như vậy.

Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích.

Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn: Bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi quan điểm của mình, bởi sự chấp nhận của mình, bởi sự ưa thích của mình, bởi quan niệm của mình. Giống như người bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bằng phương tiện voi, bằng phương tiện ngựa, bằng phương tiện bò, bằng phương tiện cừu, bằng phương tiện lạc đà; tương tự như vậy, là người bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi quan điểm của mình, bởi sự chấp nhận của mình, bởi sự ưa thích của mình, bởi quan niệm của mình. “Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn” là như thế.

Đã đi theo sự ưa thích: Đã đi theo, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến quan điểm của mình, sự chấp nhận của mình, sự ưa thích của mình, quan niệm của mình.

“Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích” là như thế.

Trong khi tự mình làm cho [các quan điểm trở nên] đầy đủ: Tự mình làm cho đủ, làm cho hoàn hảo, làm cho không thiếu sót, làm cho cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý. [Nghĩ rằng:] “Bậc Đạo sư này là

² Từ *tathāgata* ở đây được *Chú giải* giải thích là *satta*, nghĩa là “chúng sanh, sinh vật, loài hữu tình” (*Nidā. I. 194*), chứ không phải là danh hiệu “Như Lai” của đức Thế Tôn. (ND)

đăng Toàn tri” rồi tự mình làm cho đủ, làm cho hoàn hảo, làm cho không thiếu sót, làm cho cao cả, nhất hạm, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý. [Nghĩ rằng:] “Giáo pháp này khéo được thuyết giảng, tập thể này đã thực hành tốt đẹp, quan điểm này là tốt lành, lối thực hành này đã khéo được quy định, đạo lộ này dẫn dắt ra khỏi”; rồi tự mình làm cho đủ, làm cho hoàn hảo, làm cho không thiếu sót, làm cho cao cả, nhất hạm, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, làm sanh ra, làm sanh khỏi, làm hạ sanh, làm phát sanh.

“Trong khi tự mình làm cho [các quan điểm trở nên] đầy đủ” là như thế.

Bởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy: Người biết thế nào thì sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả thế ấy. Người biết thế nào về: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại” thì sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả thế ấy. Người biết thế nào về: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại” thì sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả thế ấy.

“Bởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Bị dẫn dắt bởi lòng mong muốn, đã đi theo sự ưa thích,
Trong khi tự mình làm cho [các quan điểm trở nên] đầy đủ,
Làm thế nào có thể vượt trội quan điểm của chính mình?
Bởi vì người biết thế nào thì sẽ nói thế ấy.”*

3.3. Người nào, dầu không được hỏi đến, mà nói với những người khác về giới và phạm sự của bản thân, người nào tự chính mình nói về bản thân, các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thánh pháp.

Người nào... về giới và phạm sự của bản thân.

Người nào: Người nào là người như thế, được gắn bó như thế, được định đặt như thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy; hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại.

Giới và phạm sự: Có việc là giới và còn là phạm sự, có việc là phạm sự mà không phải là giới.

Việc nào là giới và còn là phạm sự? Ở đây, vị Tỳ-khưu là người có giới, sống thu thúc với sự thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học. Việc nào, trong trường hợp ấy, là sự tự chế ngự, sự thu thúc, sự không vi phạm; cái này là giới. Cái nào là sự thọ trì, cái ấy là phạm sự. Giới với ý nghĩa thu thúc, phạm sự với ý nghĩa thọ trì. Việc này được gọi là giới và còn là phạm sự.

Việc nào là phận sự mà không phải là giới? Tám pháp từ khước: Pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vị chuyên đi khát thực, pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà, pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định; việc này được gọi là phận sự mà không phải là giới. Việc thọ trì sự tinh tấn được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Hãy sẵn lòng để cho còn lại chỉ da, gân, xương; hãy để cho thịt và máu ở thân xác khô cạn. Việc nào có thể đạt được với sức mạnh của người nam, với sức lực của người nam, với tinh tấn của người nam, với nỗ lực của người nam; khi còn chưa đạt được việc ấy thì sẽ không ngừng lại sự tinh tấn.” Việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới.

Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Khi mũi tên tham ái chưa được nhổ lên, ta sẽ không ăn, ta sẽ không uống, ta không đi ra khỏi trú xá, ta cũng sẽ không nằm xuống một bên hông”; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Ta sẽ không lìa khỏi tư thế kiết-già này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ”; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Ta sẽ không đứng dậy khỏi chỗ ngồi này, ta sẽ không bước khỏi đường kinh hành, ta sẽ không rời khỏi trú xá, ta sẽ không rời khỏi nhà một mái, ta sẽ không rời khỏi tòa lâu đài, ta sẽ không rời khỏi tòa nhà dài, ta sẽ không rời khỏi hang động, ta sẽ không rời khỏi thạch thất, ta sẽ không rời khỏi cốc liêu, ta sẽ không rời khỏi nhà mái nhọn, ta sẽ không rời khỏi chòi canh, ta sẽ không rời khỏi ngôi nhà tròn, ta sẽ không rời khỏi căn lều, ta sẽ không rời khỏi hội trường, ta sẽ không rời khỏi mái che, ta sẽ không rời khỏi gốc cây này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ”; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi sáng này”; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phận sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi trưa này... (nt)... trong buổi chiều... trước bữa ăn... sau bữa ăn... vào canh đầu... vào canh giữa... vào canh cuối... vào hậu bán nguyệt... vào tiền bán nguyệt... vào mùa mưa... vào mùa lạnh... vào mùa nóng... ở chặng đầu của tuổi thọ... ở chặng giữa của tuổi thọ... ở chặng cuối của tuổi thọ”; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phận sự mà không phải là giới.

Người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, sinh vật, nhân loại.

“Người nào... về giới và phận sự của bản thân” là như thế.

Dầu không được hỏi đến, mà nói với những người khác.

Với những người khác: Với các vị Sát-đế-ly, với các vị Bà-la-môn, với các thương buôn, với các kẻ nô lệ, với các người tại gia, với các vị xuất gia, với chư thiên, với loài người.

Không được hỏi đến: Không được hỏi, không được vấn, không được yêu cầu, không được thỉnh cầu, không được đặt niềm tin.

Mà nói: Phát biểu về giới, hoặc về phạm sự, hoặc về giới và phạm sự của bản thân rằng: “Tôi thành tựu về giới”, hoặc “tôi thành tựu về phạm sự”, hoặc “tôi thành tựu về giới và phạm sự”; phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác rằng: “Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc lớn”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá”, hoặc “tôi được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia”, hoặc “tôi có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh”, hoặc “tôi là vị trì Luật”, hoặc “tôi là vị chuyên về Kinh”, hoặc “tôi là vị thuyết Pháp”, hoặc “tôi là vị ngụ ở rừng”, hoặc “tôi là vị ngụ ở gốc cây”, hoặc “tôi là vị chuyên đi khát thực”, hoặc “tôi là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ”, hoặc “tôi là vị chỉ sử dụng ba y”, hoặc “tôi là vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà”, hoặc “tôi là vị không ăn vật thực dăng sau”, hoặc “tôi là vị chuyên về oai nghi ngồi” (không nằm), “tôi là vị ở chỗ đã được chỉ định”, hoặc “tôi đạt Sơ thiên”, hoặc “tôi đạt Nhị thiên”, hoặc “tôi đạt Tam thiên”, hoặc “tôi đạt Tứ thiên”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Không vô biên xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Vô sở hữu xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ.”

“Dầu không được hỏi đến, mà nói với những người khác” là như thế.

Các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thánh pháp.

Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về sự thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn. Các bậc thiện xảo ấy đã nói như vậy: “Việc ấy là pháp của các kẻ không phải Thánh, việc ấy không phải là pháp của các bậc Thánh, việc ấy là pháp của các kẻ ngu, việc ấy không phải là pháp của các bậc sáng suốt, việc ấy là pháp của các kẻ phi chân nhân, việc ấy không phải là pháp của các bậc chân nhân”; các vị đã nói như vậy, các vị thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“Các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thánh pháp” là như thế.

Người nào tự chính mình nói về bản thân.

Bản thân: Nói đến tự ngã.

Tự chính mình nói: Tự chính mình phát biểu về bản thân rằng: “Tôi thành tựu về giới”, hoặc “tôi thành tựu về phận sự”, hoặc “tôi thành tựu về giới và phận sự”; phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, [về công việc] về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải; hoặc về sự việc này khác rằng: “Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc lớn”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá”, hoặc “tôi được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia”, hoặc “tôi có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh”, hoặc “tôi là vị chuyên về Kinh”, hoặc “tôi là vị tri Luật”, hoặc “tôi là vị thuyết Pháp”, hoặc “tôi là vị ngụ ở rừng”, hoặc “tôi là vị chuyên đi khát thực”, hoặc “tôi là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ”, hoặc “tôi là vị chỉ sử dụng ba y”, hoặc “tôi là vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà”, hoặc “tôi là vị không ăn vật thực dâng sau”, hoặc “Tôi là vị chuyên về oai nghi ngồi” (không nằm), hoặc “tôi là vị ở chỗ đã được chỉ định”, hoặc “tôi đạt Sơ thiền”, hoặc “tôi đạt Nhị thiền”, hoặc “tôi đạt Tam thiền”, hoặc “tôi đạt Tứ thiền”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Không vô biên xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Vô sở hữu xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ.”

“Người nào tự chính mình nói về bản thân” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Người nào, dầu không được hỏi đến, mà nói với những người khác về giới và phận sự của bản thân, người nào tự chính mình nói về bản thân, các bậc thiện xảo đã nói kẻ ấy là không có Thánh pháp.”

3.4. Và vị Tỳ-khưu an tịnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt, Không khoe khoang về các giới rằng: “Tôi là thế này”, Đối với vị nào không có các sự kiêu ngạo ở bất cứ đâu ở thế gian, Các bậc thiện xảo nói vị ấy là có Thánh pháp.

Và vị Tỳ-khưu an tịnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt.

An tịnh: Trạng thái được yên lặng của duyên ái là an tịnh, trạng thái được yên lặng của sân hận là an tịnh, trạng thái được yên lặng của si mê là an tịnh, trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tịnh của giận dữ, của thù hận, của gièm pha, của ác ý, của ganh tỵ, của bòn xén, của xảo trá, của lừa gạt, của bướng bỉnh, của hung hăng, của ngã mạn, của cao ngạo, của đam mê, của xao lãng, của tất cả ô nhiễm, của tất cả uế hạnh, của mọi sự lo lắng, của mọi sự bức bối, của mọi sự nóng nảy, của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. “An tịnh” là như thế.

Vị Tỳ-khưu: Tỳ-khưu do trạng thái đã phá vỡ bảy pháp: Thân kiến được

phá vỡ, hoại nghi được phá vỡ, sự bám víu vào giới và phận sự được phá vỡ, luyến ái được phá vỡ, sân hận được phá vỡ, si mê được phá vỡ, ngã mạn được phá vỡ; các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai của vị này được phá vỡ.

[Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] vị đã tự mình thực hành theo đường lối, đã đi đến sự tịch diệt hoàn toàn [ô nhiễm], đã vượt khỏi sự nghi ngờ, đã lìa bỏ [hai thái cực] phi hữu và hữu, đã được hoàn mãn, có sự tái sanh đã được cạn kiệt; vị ấy là ‘Tỳ-khuru’.”³

Và vị Tỳ-khuru an tịnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt: Do trạng thái đã được tịch diệt luyến ái, vị ấy có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt; do trạng thái đã được tịch diệt sân hận, vị ấy có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt; do trạng thái đã được tịch diệt si mê, vị ấy có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt; do trạng thái đã được tịch diệt sự giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện, vị ấy có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt.

“Và vị Tỳ-khuru an tịnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt” là như thế.

Không khoe khoang về các giới rằng: “Tôi là thế này.”

Tôi là thế này: Từ “*itihan*” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.⁴

Không khoe khoang về các giới: Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó là có sự khoe khoang, có sự phô trương; vị ấy khoe khoang rằng: “Tôi thành tựu về giới”, hoặc “Tôi thành tựu về phận sự”, hoặc “Tôi thành tựu về giới và phận sự”; khoe khoang, phô trương về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da,... (nt)... “Tôi đạt sự thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ.” Vị không khoe khoang, không phô trương như vậy là đã tránh khỏi sự khoe khoang, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không khoe khoang về các giới rằng: Tôi là thế này” là như thế.

Các bậc thiện xảo nói vị ấy là có Thánh pháp.

Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về sự thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn, các bậc thiện xảo ấy nói như vậy: “Việc ấy là pháp của các bậc Thánh, việc ấy không phải là pháp của các kẻ không phải Thánh;

³ *Suttanipāṭapāli* (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 157, câu kệ 517. (ND)

⁴ Ở đây, *itihanti* được hiểu là “*iti aham tī*” và tương đương với nghĩa Việt là: “Tôi là thế này”. (ND)

việc ấy là pháp của các bậc sáng suốt, việc ấy không phải là pháp của các kẻ ngu; việc ấy là pháp của bậc chân nhân, việc ấy không phải là pháp của các kẻ phi chân nhân”; các vị nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“Các bậc thiện xảo nói vị ấy là có Thánh pháp” là như thế.

Đối với vị nào không có các sự kiêu ngạo ở bất cứ đâu ở thế gian.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Các sự kiêu ngạo. Có bảy sự kiêu ngạo: Kiêu ngạo do luyến ái, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê, kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp. Đối với vị ấy, các sự kiêu ngạo này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

“Đối với vị nào không có các sự kiêu ngạo ở bất cứ đâu ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Và vị Tỳ-khưu an tịnh, có trạng thái đã được hoàn toàn diệt tắt,

Không khoe khoang về các giới rằng: ‘Tôi là thế này’,

Đối với vị nào không có các sự kiêu ngạo ở bất cứ đâu ở thế gian,

Các bậc thiện xảo nói vị ấy là có Thánh pháp.”

3.5. Các quan điểm của người nào là được xếp đặt, được tạo tác, Được chú trọng, [thì các quan điểm ấy] là không trong sạch, [Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân, Thì nương vào điều ấy, vào sự an tịnh bị thay đổi, thuận theo điều kiện.

Các quan điểm của người nào là được xếp đặt, được tạo tác.

Sự xếp đặt: Có hai sự xếp đặt: Xếp đặt do tham ái và xếp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là xếp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là xếp đặt do tà kiến. Đây là hai sự xếp đặt.

Được tạo tác: Được tạo tác là được tạo lập, được tác thành, được thành lập. “Được tạo tác” là như thế; hoặc là, không thường còn, được tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt. “Được tạo tác” còn là như thế.

Của người nào: Của người có tà kiến.

Các quan điểm: Nói đến sáu mươi hai tà kiến.

“Các quan điểm của người nào là được xếp đặt, được tạo tác” là như thế.

Được chú trọng, [thì các quan điểm ấy] là không trong sạch.

Được chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến. ... (nt)... điều này là chú trọng do tham ái. ... (nt)... điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với vị ấy, sự chú trọng do tham ái chưa được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến chưa được buông bỏ. Đối với vị ấy, do trạng thái chưa được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái chưa được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến; vị ấy sống, chú trọng tham ái hoặc tà kiến. Có tham ái là ngọn cỏ, có tham ái là biểu hiện, có tham ái là chủ đạo, có tà kiến là ngọn cỏ, có tà kiến là biểu hiện, có tà kiến là chủ đạo; vị ấy sống, bị vây quanh bởi tham ái hoặc bởi tà kiến. “Được chú trọng” là như thế.

Là: Hiện hữu, được tìm thấy, có, được tồn tại.

Không trong sạch: Không trong sạch là không trong trắng, không thanh tịnh, bị ô nhiễm, liên quan phiền não.

“Được chú trọng, [thì các quan điểm ấy] là không trong sạch” là như thế.

[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân.

Điều nào... cho bản thân: Điều nào... liên quan đến bản thân. Bản thân: Nói đến việc đi theo tà kiến [của bản thân]. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích: Lợi ích ở đời hiện tại và lợi ích ở đời vị lai.

Lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm là lợi ích nào? Vị thầy có quan điểm nào thì các đệ tử có cùng quan điểm ấy. Các đệ tử trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, nể nang vị thầy có quan điểm ấy. Và do điều đó, [vị thầy] nhận được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Điều này là lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm.

Lợi ích ở đời vị lai do quan điểm là lợi ích nào? Là người có sự mong đợi kết quả ở vị lai rằng: “Quan điểm này đủ để đưa đến bản thể loài rồng, hoặc đưa đến bản thể nhân điều, hoặc đưa đến bản thể dạ-xoa, hoặc đưa đến bản thể a-tu-la, hoặc đưa đến bản thể càn-thát-bà, hoặc đưa đến bản thể Đại Thiên vương, hoặc đưa đến bản thể Thiên chủ, hoặc đưa đến bản thể Phạm thiên, hoặc đưa đến bản thể thiên nhân. Quan điểm này đủ để đưa đến sự trong sạch, đưa đến sự thanh tịnh, đưa đến sự hoàn toàn trong sạch, đưa đến sự thoát khỏi, đưa đến sự giải thoát, đưa đến sự hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này, họ trở nên trong sạch, họ trở nên thanh tịnh, họ trở nên hoàn toàn trong sạch, họ được thoát khỏi, họ được giải thoát, họ được hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này, ta sẽ trở nên trong sạch, ta sẽ trở nên thanh tịnh, ta sẽ trở nên hoàn toàn trong sạch, ta sẽ được thoát khỏi, ta sẽ được giải thoát, ta sẽ được hoàn toàn thoát khỏi.” Điều này là lợi ích ở đời vị lai do quan điểm. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát hai sự lợi ích này.

“[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân” là như thế.

Thì nương vào điều ấy, vào sự an tịnh bị thay đổi, thuận theo điều kiện.
Có ba sự an tịnh: Sự an tịnh tốt cùng, sự an tịnh tạm thời, sự an tịnh theo quy ước.

Sự an tịnh tốt cùng là điều nào? Sự an tịnh tốt cùng nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là sự an tịnh tốt cùng.

Sự an tịnh tạm thời là điều nào? Đối với vị đã thể nhập Sơ thiền, các pháp che lấp [thiền định] được an tịnh. Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tầm và tứ được an tịnh. Đối với vị thể nhập Tam thiền, hỷ được an tịnh. Đối với vị thể nhập Tứ thiền, lạc và khổ được an tịnh. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, sắc tướng, bất bình tướng, dị biệt tướng được an tịnh. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, Không vô biên xứ tướng được an tịnh. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tướng được an tịnh. Đối với vị thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ, Vô sở hữu xứ tướng được an tịnh. Đây là sự an tịnh tạm thời.

Sự an tịnh theo quy ước là điều nào? Sự an tịnh theo quy ước nói đến sáu mươi hai tà kiến, các điều này là sự an tịnh của tà kiến. Thêm nữa, sự an tịnh theo quy ước là sự an tịnh được đề cập ở ý nghĩa này.

Thì nương vào điều ấy, vào sự an tịnh bị thay đổi, thuận theo điều kiện:
Thì [người ấy] nương tựa, dựa dẫm, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến sự an tịnh bị thay đổi, sự an tịnh bị khuấy động, sự an tịnh bị di động, sự an tịnh bị chuyển động, sự an tịnh bị dao động, sự an tịnh bị đụng chạm, sự an tịnh được sắp đặt, sự an tịnh được xếp đặt, không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt.

“Thì nương vào điều ấy, vào sự an tịnh bị thay đổi, thuận theo điều kiện” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Các quan điểm của người nào là được xếp đặt, được tạo tác,

Được chú trọng, [thì các quan điểm ấy] là không trong sạch,

[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân,

Thì nương vào điều ấy, vào sự an tịnh bị thay đổi, thuận theo điều kiện.”

3.6. Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua

Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến].

Vì thế, trong số các sự chấp chặt ấy, loài người

Rời bỏ và nắm giữ tà kiến [này đến tà kiến khác].

Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua.

Các sự chấp chặt vào tà kiến: Sự chấp chặt và bám víu rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rỗng đại” là sự chấp chặt vào tà kiến. Sự chấp chặt và bám víu rằng: “Thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng

sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò rỉ” là sự chấp chặt vào tà kiến. “Các sự chấp chặt vào tà kiến” là như thế.

Quả thật không dễ vượt qua: Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua, khó vượt qua, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi.

“Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua” là như thế.

Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp.

Trong số các pháp: Trong số sáu mươi hai tà kiến.

Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy cứu, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt.

Điều đã được nắm bắt: Là sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự nắm lấy tổng thể ở các sự chấp chặt rằng: “Điều này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, có bản thể thật, không bị sai lệch”, được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến.

“Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp” là như thế.

Vì thế, trong số các sự chấp chặt ấy, loài người.

Vì thế: Bởi điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy.

Loài người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, con người, người đi theo nghiệp, sinh vật, nhân loại.

Trong số các sự chấp chặt ấy: Trong số các sự chấp chặt vào tà kiến ấy.

“Vì thế, trong số các sự chấp chặt ấy, loài người” là như thế.

Rời bỏ và nắm giữ tà kiến.

Rời bỏ: Rời bỏ bởi hai lý do: Rời bỏ do sự can ngăn của người khác, hoặc là trong khi không thành tựu rời rời bỏ.

Rời bỏ do sự can ngăn của người khác là thế nào? Người khác can ngăn rằng: “Vị Đạo sư ấy không phải là đáng Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể không thực hành tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy định, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở đây không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.” “Người khác can ngăn” là như

vậy. Trong khi bị can ngăn như vậy rồi rời bỏ vị Đạo sư, rời bỏ giáo lý, rời bỏ tập thể, rời bỏ quan điểm, rời bỏ lối thực hành, rời bỏ đạo lộ. “Rời bỏ do sự can ngăn của người khác” là như vậy.

Trong khi không thành tựu rồi rời bỏ là thế nào? Trong khi không thành tựu giới rồi rời bỏ giới, trong khi không thành tựu phạm sự rồi rời bỏ phạm sự, trong khi không thành tựu giới và phạm sự rồi rời bỏ giới và phạm sự.

Và nắm giữ tà kiến: Nắm lấy vị thầy, nắm lấy giáo lý, nắm lấy tập thể, nắm lấy quan điểm, nắm lấy lối thực hành, nắm lấy đạo lộ, rồi bám víu, chấp chặt.

“Rời bỏ và nắm giữ tà kiến” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Các sự chấp chặt vào tà kiến quả thật không dễ vượt qua
Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến].*

Vì thế, trong số các sự chấp chặt ấy, loài người

Rời bỏ và nắm giữ tà kiến [này đến tà kiến khác].”

3.7. Quả thật, đối với vị đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian. Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn, thì bởi điều gì mà vị ấy có thể đi [tái sanh] khi vị ấy không có sự vương bận?

Quả thật, đối với vị đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian.

Vị đã rũ sạch: Việc rũ sạch được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự suy xét, sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suốt, sự cân nhắc, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi, sự thông minh, pháp dẫn đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ, vật xuyên thủng; tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu đài, tuệ là ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là báu vật, là sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Vì lý do gì mà việc rũ sạch được gọi là tuệ? Nhờ vào tuệ ấy, uế hạnh về thân được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về khẩu được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về ý được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sự duyên ái được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sân hận... si mê... giận dữ... thù hằn... gièm pha... ác ý được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; ganh tỵ được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; lừa gạt được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; bướng bỉnh được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; hung hăng... ngã mạn... cao ngạo... đam mê... xao lãng được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; tất cả ô nhiễm... tất cả uế hạnh... mọi sự lo lắng... mọi sự bức bối... mọi sự nóng nảy... tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Vì lý do ấy mà việc rũ sạch được gọi là tuệ.

Hoặc là, nhờ vào chánh kiến, tà kiến được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh tư duy, tà tư duy được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh ngữ, tà ngữ được rũ bỏ...; nhờ vào chánh nghiệp, tà nghiệp được rũ bỏ...; nhờ vào chánh mạng, tà mạng được rũ bỏ...; nhờ vào chánh tinh tấn, tà tinh tấn được rũ bỏ...; nhờ vào chánh niệm, tà niệm được rũ bỏ...; nhờ vào chánh định, tà định được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh trí, tà trí được rũ bỏ...; nhờ vào chánh giải thoát, tà giải thoát được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch.

Hoặc là, nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rũ bỏ, được rũ sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Bậc A-la-hán đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu các pháp cần được rũ sạch này; vì thế, bậc A-la-hán là vị đã được rũ sạch. Vị ấy có luyến ái đã được rũ bỏ, có điều ác đã được rũ bỏ, có ô nhiễm đã được rũ bỏ, có sự bức bối đã được rũ bỏ. “Vị đã rũ sạch” là như thế.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uân, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Được xếp đặt: Có hai sự xếp đặt: Xếp đặt do tham ái và xếp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là xếp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là xếp đặt do tà kiến.

Ở hữu và phi hữu: Ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái sinh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sinh được lặp đi lặp lại, ở sự sanh ra của bản ngã được lặp đi lặp lại.

Quả thật, đối với vị đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian: Đối với vị đã rũ sạch, quan điểm đã được sắp đặt, [đã được xếp đặt] đã được tác thành, đã được thành lập liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian thì không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Quả thật, đối với vị đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian” là như thế.

Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn.

Xảo trá: Nói đến hành vi trá trở. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó, sau khi làm uế hạnh bằng thân, sau khi làm uế hạnh bằng lời nói, sau khi làm uế hạnh

bằng ý, vì nguyên nhân che đậy việc ấy mà hoạch định ước muốn xấu xa; [vị ấy] ước muốn rằng: “Chớ ai biết về ta”, tư duy rằng: “Chớ ai biết về ta”, nói lời rằng: “Chớ ai biết về ta”, nỗ lực bằng thân rằng: “Chớ ai biết về ta.” Sự xảo trá nào có hình thức như vậy là trạng thái xảo trá, sự cố tình không nhớ, sự trá trở, gian lận, thay đổi, tránh né, cất giấu, che giấu, che đậy, che lấp, không phơi bày, không làm rõ, khéo che đậy việc làm ác; điều này được gọi là xảo trá.

Ngã mạn: Ngã mạn theo một loại: Là sự kiêu hãnh của tâm. Ngã mạn theo hai loại: Ngã mạn do tăng bốc bản thân và ngã mạn do khinh bỉ người khác. Ngã mạn theo ba loại: [Nghĩ rằng:] “Ta là tốt hơn” là ngã mạn, [nghĩ rằng:] “Ta là ngang bằng” là ngã mạn, [nghĩ rằng:] “Ta là thua kém” là ngã mạn. Ngã mạn theo bốn loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do khen ngợi rồi sanh khởi ngã mạn, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo năm loại: [Nghĩ rằng:] “Ta đạt được các sắc hợp ý” rồi sanh khởi ngã mạn, [nghĩ rằng:] “Ta đạt được các thính... các hương... các vị... các xúc hợp ý” rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo sáu loại: Do sự thành tựu của mắt rồi sanh khởi ngã mạn, do sự thành tựu của tai... do sự thành tựu của mũi... do sự thành tựu của lưỡi... do sự thành tựu của thân... do sự thành tựu của ý rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo bảy loại: Ngã mạn, cao ngạo, cao ngạo dựa trên ngã mạn, tự ti, tăng thượng mạn, ngã mạn về bản thân, ngã mạn do hiểu biết sai trái. Ngã mạn theo tám loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do không có lợi lộc rồi sanh khởi tự ti, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do không có danh vọng rồi sanh khởi tự ti, do lời khen rồi sanh khởi ngã mạn, do lời chê rồi sanh khởi tự ti, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn, do khổ rồi sanh khởi tự ti. Ngã mạn theo chín loại: [Nghĩ rằng:] “Ta là tốt hơn so với người tốt hơn” là ngã mạn, “ta là ngang bằng so với người tốt hơn” là ngã mạn, “ta là thua kém so với người tốt hơn” là ngã mạn, “ta là tốt hơn so với người ngang bằng” là ngã mạn, “ta là ngang bằng so với người ngang bằng” là ngã mạn, “ta là thua kém so với người ngang bằng” là ngã mạn, “ta là tốt hơn so với người thua kém” là ngã mạn, “ta là ngang bằng so với người thua kém” là ngã mạn, “ta là thua kém so với người thua kém” là ngã mạn. Ngã mạn theo mười loại: Ở đây một người nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, hoặc về dòng dõi, hoặc về con nhà gia thế; hoặc về vẻ đẹp của làn da; hoặc về tài sản; hoặc về học vấn; hoặc về công việc; hoặc về tài nghệ; hoặc về kiến thức; hoặc về sự học hỏi; hoặc về tài biện giải; hoặc về sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; điều này được gọi là ngã mạn.

Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn: Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu xảo trá và ngã mạn.

“Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn” là như thế.

Bởi điều gì mà vị ấy có thể đi [tái sanh] khi vị ấy không có sự vướng bận?

Sự vương bận: Có hai sự vương bận: Sự vương bận do tham ái và sự vương bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tà kiến. Đối với vị ấy, sự vương bận do tham ái đã được dứt bỏ, sự vương bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vương bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vương bận do tà kiến, thì vị không có sự vương bận có thể đi [tái sanh] bởi sự luyến ái gì, có thể đi [tái sanh] bởi sự sân hận gì, có thể đi [tái sanh] bởi sự si mê gì, có thể đi [tái sanh] bởi sự ngã mạn gì, có thể đi [tái sanh] bởi tà kiến gì, có thể đi [tái sanh] bởi sự phóng dật gì, có thể đi [tái sanh] bởi hoài nghi gì, có thể đi [tái sanh] bởi các pháp tiềm ẩn gì; [làm thế nào có thể là] “kẻ bị luyến ái”, hoặc là “kẻ bị sân hận”, hoặc là “kẻ bị si mê”, hoặc là “kẻ bị trói buộc”, hoặc là “kẻ bị bám víu”, hoặc là “kẻ bị tán loạn”, [hoặc là “kẻ không dứt khoát”] hoặc là “kẻ cứng cỏi”? [Đối với vị ấy] các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì bởi điều gì vị ấy có thể đi đến cảnh giới tái sanh [trở thành] “người địa ngục”, hoặc là “loài thú”, hoặc là “thân phận ngựa quỳ”, hoặc là “loài người”, hoặc là “thiên nhân”, hoặc là “người hữu sắc”, hoặc là “người vô sắc”, hoặc là “người hữu tướng”, hoặc là “người vô tướng”, hoặc là “người phi tướng phi phi tướng”? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy vị ấy có thể đi [tái sanh].

“Bởi điều gì mà vị ấy có thể đi [tái sanh] khi vị ấy không có sự vương bận?” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Quả thật, đối với vị đã rũ sạch thì không có quan điểm được xếp đặt liên quan đến hữu và phi hữu ở bất cứ đâu ở thế gian. Vị đã rũ sạch sau khi dứt bỏ xảo trá và ngã mạn, thì bởi điều gì mà vị ấy có thể đi [tái sanh] khi vị ấy không có sự vương bận?”

3.8. Quả thật, kẻ có sự vương bận tiếp cận sự tranh luận về các pháp,
Bởi điều gì, bằng cách nào, có thể nói về vị không có sự vương bận?
Bởi vì điều nắm giữ và được rời bỏ là không có đối với vị ấy;
Vị ấy đã rũ bỏ mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây.

Quả thật, kẻ có sự vương bận tiếp cận sự tranh luận về các pháp.

Wang bận: Có hai sự vương bận: Sự vương bận do tham ái và sự vương bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tà kiến. Đối với kẻ ấy, sự vương bận do tham ái chưa được dứt bỏ, sự vương bận do tà kiến chưa được buông bỏ. Do trạng thái chưa được dứt bỏ đối với sự vương bận do tham ái, do trạng thái chưa được buông bỏ đối với sự vương bận do tà kiến, kẻ ấy tiếp cận sự tranh luận về các pháp [nói rằng]: “[Người là] ‘kẻ bị luyến ái’, hoặc là ‘kẻ bị sân hận’, hoặc là ‘kẻ bị si mê’, hoặc là ‘kẻ bị trói buộc’, hoặc là ‘kẻ bị bám víu’, hoặc là ‘kẻ bị tán loạn’, hoặc là ‘kẻ không dứt khoát’, hoặc là ‘kẻ cứng cỏi’.” [Đối với kẻ ấy] các pháp tạo

tác ấy chưa được dứt bỏ. Do trạng thái chưa được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, kẻ ấy tiếp cận sự tranh luận về cảnh giới tái sanh [nói rằng]: “[Người sẽ trở thành] ‘người địa ngục’, hoặc là ‘loài thú’, hoặc là ‘thân phận ngạ quỷ’, hoặc là ‘loài người’, hoặc là ‘thiên nhân’, hoặc là ‘người hữu sắc’, hoặc là ‘người vô sắc’, hoặc là ‘người hữu tướng’, hoặc là ‘người vô tướng’, hoặc là ‘người phi tướng phi phi tướng’”, kẻ ấy tiếp cận sự tranh luận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt.

“Quả thật, kẻ có sự vương bận tiếp cận sự tranh luận về các pháp” là như thế.

Bởi điều gì, bằng cách nào có thể nói về vị không có sự vương bận?

Vương bận: Có hai sự vương bận: Sự vương bận do tham ái và sự vương bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tà kiến. Đối với vị ấy, sự vương bận do tham ái đã được dứt bỏ, sự vương bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vương bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vương bận do tà kiến, thì [kẻ có sự vương bận] có thể nói bởi sự luyến ái gì, có thể nói bởi sự sân hận gì, có thể nói bởi sự si mê gì, có thể nói bởi sự ngã mạn gì, có thể nói bởi tà kiến gì, có thể nói bởi sự phóng dật gì, có thể nói bởi hoài nghi gì, có thể nói bởi các pháp tiềm ẩn gì về vị không có sự vương bận [rằng]: “[Người là] ‘kẻ bị luyến ái’, hoặc là ‘kẻ bị sân hận’, hoặc là ‘kẻ bị si mê’, hoặc là ‘kẻ bị trói buộc’, hoặc là ‘kẻ bị bám víu’, hoặc là ‘kẻ bị tán loạn’, hoặc là ‘kẻ không dứt khoát’, hoặc là ‘kẻ cứng cỏi’?” [Đối với vị ấy] các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì bởi điều gì có thể nói về cảnh giới tái sanh [của vị ấy] là: “[Người sẽ trở thành] ‘người địa ngục’, ... (nt)... hoặc là ‘người phi tướng phi phi tướng’?” Không có nhân, không có duyên, không có lý do mà bởi điều ấy có thể nói, có thể thuyết, có thể phát ngôn, có thể giảng giải, có thể diễn tả [về vị ấy].

“Bởi điều gì, bằng cách nào có thể nói về vị không có sự vương bận?” là như thế.

Bởi vì điều nắm giữ và được rời bỏ là không có đối với vị ấy: Không có thường kiến rằng: “Có tự ngã.” Không có đoạn kiến rằng: “Không có tự ngã.”⁵ Không có điều đã được nắm lấy rằng: “Có tự ngã.” Không có điều cần được giải thoát rằng: “Không có tự ngã.” Người nào có điều đã được nắm lấy thì người ấy có điều cần được giải thoát, người nào có điều cần được giải thoát thì người ấy có điều đã được nắm lấy. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sự tiến tu và sự thoái thất. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã đi qua cuộc hành trình, đã đi đến nơi. Việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

⁵ Ở đây có trường hợp chơi chữ giữa *attam*, *nirattam* (điều nắm giữ, được rời bỏ) và *attā*, *nirattā* (có tự ngã, không có tự ngã). Có thể phân tích hai từ *attam* và *nirattam* như sau: 1. *Atta* là quá khứ phân từ của *ādadāti*, còn *niratta* (*nir-atta*) là từ phân nghĩa; 2. *Atta* là quá khứ phân từ của *ādiyati*, còn *niratta* là quá khứ phân từ của *nirassati*. (ND)

“Bởi vì điều nắm giữ và được rời bỏ là không có đối với vị ấy” là như thế.

Vị ấy đã rũ bỏ mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây. Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy đã rũ bỏ, đã giữ bỏ, đã giữ đi, đã giữ sạch, đã từ bỏ, đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây.

“Vị ấy đã rũ bỏ mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Quả thật, kẻ có sự vương bận tiếp cận sự tranh luận về các pháp,
Bởi điều gì, bằng cách nào, có thể nói về vị không có sự vương bận?
Bởi vì điều nắm giữ và được rời bỏ là không có đối với vị ấy;
Vị ấy đã rũ bỏ mọi tà kiến ở ngay tại nơi đây.”*

“Diễn giải kinh nhóm tám về xấu xa” - Phần thứ ba.



4. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁM VỀ TRONG SẠCH (SUDDHATTHAKASUTTANIDDESO)

Giờ phần “Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch” được nói đến:

4.1. “Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không bệnh.

Do việc nhìn thấy, con người có được sự thanh khiết”,

Trong khi biết rõ như thế, sau khi biết [việc ấy] là “tối thắng”,

Kẻ có sự quan sát đối tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ.

Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không bệnh.

Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch: Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tôi nhận thấy đối tượng trong sạch, tôi quan sát đối tượng trong sạch, tôi suy xét đối tượng trong sạch, tôi khảo sát đối tượng trong sạch.

Tối thắng, không bệnh: Là tối thắng, đạt đến sự không bệnh, đạt đến sự an toàn, đạt đến nơi nương náu, đạt đến nơi trú ẩn, đạt đến nơi nương nhờ, đạt đến nơi không sợ hãi, đạt đến bất hoại, đạt đến bất tử, đạt đến Niết-bàn.

“Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không bệnh” là như thế.

Do việc nhìn thấy, con người có được sự thanh khiết: Do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thấy sắc, sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi thành tựu đến con người; con người được trong sạch, được thanh tịnh, được hoàn toàn trong sạch, được thoát khỏi, được giải thoát, được hoàn toàn thoát khỏi.

“Do việc nhìn thấy, con người có được sự thanh khiết” là như thế.

Trong khi biết rõ như thế, sau khi biết [việc ấy] là “tối thắng”: Trong khi biết rõ, trong khi hiểu, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt như vậy; sau khi biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Việc này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.”

“Trong khi biết rõ như thế, sau khi biết [việc ấy] là tối thắng” là như thế.

Kẻ có sự quan sát đối tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ: Người nào nhìn thấy đối tượng trong sạch, người ấy có sự quan sát đối tượng trong sạch.

Tin rằng [điều ấy] là trí tuệ: Do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thấy sắc, [kẻ ấy] tin rằng [điều ấy] là “trí tuệ”, tin rằng [điều ấy] là “đạo lộ”, tin rằng [điều ấy] là “con đường”, tin rằng [điều ấy] là “lối dẫn dắt ra khỏi.”

“Kẻ có sự quan sát đối tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Tôi nhìn thấy đối tượng trong sạch là tối thắng, không bệnh.
Do việc nhìn thấy, con người có được sự thanh khiết,
Trong khi biết rõ như thế, sau khi biết [việc ấy] là ‘tối thắng’,
Kẻ có sự quan sát đối tượng trong sạch tin rằng [điều ấy] là trí tuệ.”*

4.2. Nếu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch, hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ khổ, thì người ấy (người còn mầm mống tái sanh) được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thánh đạo], chính quan điểm [thế ấy] phát biểu về người ấy trong khi người ấy nói như thế.

Nếu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch: Nếu do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thấy sắc, mà sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi thành tựu đến con người; con người được trong sạch, được thanh tịnh, được hoàn toàn trong sạch, được thoát khỏi, được giải thoát, được hoàn toàn thoát khỏi.

“Nếu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch” là như thế.

Hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ khổ: Nếu do sự nhận thức của mắt, do việc nhìn thấy sắc, mà con người dứt bỏ khổ sanh, dứt bỏ khổ già, dứt bỏ khổ bệnh, dứt bỏ khổ chết, dứt bỏ khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não.

“Hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ khổ” là như thế.

Thì người ấy (người còn mầm mống tái sanh) được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thánh đạo]: Do [đạo lộ] khác là do đạo lộ không trong sạch, do cách thực hành sai trái, do đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; con người được trong sạch, được thanh tịnh, được hoàn toàn trong sạch, được thoát khỏi, được giải thoát, được hoàn toàn thoát khỏi.

Còn mầm mống tái sanh: Là có luyến ái, có sân hận, có si mê, có ngã mạn, có tham ái, có tà kiến, có ô nhiễm, có chấp thủ.

“Thì người ấy – người còn mầm mống tái sanh – được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thánh đạo]” là như thế.

Chính quan điểm [thế ấy] phát biểu về người ấy trong khi người ấy nói như thế: Và quan điểm ấy phát biểu về nhân vật ấy rằng: “Và như vậy thì người này là người có tà kiến, có cái nhìn sai lệch.”

Trong khi người ấy nói như thế: Là trong khi đang nói, đang thuyết, đang phát ngôn, đang giảng giải, đang diễn tả như thế; trong khi đang nói, đang thuyết, đang phát ngôn, đang giảng giải, đang diễn tả như thế này: “Thế giới là

thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại”; trong khi đang nói, đang thuyết, đang phát ngôn, đang giảng giải, đang diễn tả như thế này: “Thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”

“Chính quan điểm [thế ấy] phát biểu về người ấy trong khi người ấy nói như thế” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Nếu do nhìn thấy mà con người có được sự trong sạch, hoặc do nhận biết mà người ấy dứt bỏ khổ, thì người ấy (người còn mê mờ mong tái sanh) được trong sạch do [đạo lộ] khác [so với Thánh đạo], chính quan điểm [thế ấy] đã phát biểu về người ấy trong khi người ấy nói như thế.”

4.3. *Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phạm sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, là người không bị vấy bẩn bởi phước và tội, buông bỏ điều đã được nắm giữ, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây.*

Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phạm sự, hoặc đến điều đã được cảm giác.

Không: Là sự phủ định.

Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phạm sự được loại trừ, luyến ái được loại trừ, sân hận được loại trừ, si mê được loại trừ, ngã mạn được loại trừ; các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai của vị này là đã được loại trừ.

[Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] sau khi loại trừ tất cả các điều ác, là người không còn vết nhơ, tốt lành, định tĩnh, có bản thân vững chãi, vị ấy đã vượt qua luân hồi, có sự toàn hảo, không nương nhờ, tự tại; vị ấy được gọi là Bà-la-môn.”

Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác: Vị Bà-la-môn đã không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do [đạo lộ] khác, do đạo lộ không trong sạch, do cách thực hành sai trái, do đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền

tăng của thân thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. “Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác” là như thế.

Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do điều đã được thấy. Các vị ấy tin rằng việc nhìn thấy một số cảnh sắc là điềm lành, tin rằng việc nhìn thấy một số cảnh sắc là điềm gở.

Họ tin rằng việc nhìn thấy các cảnh sắc nào là điềm lành? Các vị ấy, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm, nhìn thấy các cảnh sắc đem lại điều tốt lành: Nhìn thấy chim bồ câu, nhìn thấy chồi măng vào mùa lễ hội Phussa, nhìn thấy phụ nữ mang thai, nhìn thấy người đang đi có đứa bé trai được đặt ở vai, nhìn thấy cái chậu đầy [nước], nhìn thấy cá hồng, nhìn thấy ngựa nòi, nhìn thấy cỗ xe kéo bởi ngựa nòi, nhìn thấy bò mộng, nhìn thấy bò cái màu hung; họ tin rằng việc nhìn thấy các cảnh sắc có hình thức như thế là điềm lành.

Họ tin rằng việc nhìn thấy các cảnh sắc nào là điềm gở? Họ nhìn thấy đồng vỏ trâu, nhìn thấy chậu bơ sữa, nhìn thấy chậu trống rỗng, nhìn thấy vũ công, nhìn thấy vị Sa-môn lỏa thể, nhìn thấy con lừa, nhìn thấy xe lừa kéo, nhìn thấy xe do một con thú kéo, nhìn thấy người chột, nhìn thấy người cụt tay, nhìn thấy người què, nhìn thấy người bại liệt, nhìn thấy người già, nhìn thấy người bệnh, nhìn thấy người chết; họ tin rằng việc nhìn thấy các cảnh sắc có hình thức như thế là điềm gở.

Các vị Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan điểm trong sạch do điều đã được thấy. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do điều đã được thấy.

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do điều đã được nghe. Các vị ấy tin rằng việc nghe được một số âm thanh là điềm lành, tin rằng việc nghe được một số âm thanh là điềm gở.

Họ tin rằng việc nghe các âm thanh nào là điềm lành? Các vị ấy, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm, nghe các âm thanh đem lại điều tốt lành: “Tăng trưởng”, “đang tăng trưởng”, “tràn đầy”, “may mắn”, “vô ưu”, “thiện ý”, “sao tốt”, “điềm rất lành”, “thịnh vượng”, hoặc “thịnh vượng và phát triển”; họ tin rằng việc nghe các âm thanh có hình thức như thế là điềm lành.

Họ tin rằng việc nghe các âm thanh nào là điềm gở? [Nghe rằng:] “Chột”, “cụt tay”, “què”, “bại liệt”, “già”, “bệnh”, “chết”, “bị đứt”, “bị vỡ”, “bị cháy”, “bị mất”, hoặc “không có”; họ tin rằng việc nghe các âm thanh có hình thức như thế là điềm gở.

Các vị Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan điểm trong sạch do điều đã được nghe. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do điều đã được nghe.

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do giới. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi chỉ với giới, chỉ với sự ngăn giữ, chỉ với sự thu thúc, chỉ với sự không vi phạm.

Sa-môn Maṇḍikāputta đã nói như vậy: “Này ông thợ mộc, ta tuyên bố rằng một người nam được thành tựu bốn pháp là người có thiện pháp đầy đủ, có thiện pháp tối thắng, là vị Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt tối thượng, không bị đánh bại. Với bốn pháp nào? Này ông thợ mộc, ở đây là không làm việc ác bằng thân, không nói lời nói ác, không tư duy ý nghĩ ác, không sống theo lối nuôi mạng ác xấu. Này ông thợ mộc, ta tuyên bố rằng một người nam được thành tựu bốn pháp này là người có thiện pháp đầy đủ, có thiện pháp tối thắng, là vị Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt tối thượng, không bị đánh bại.” Tương tự y như thế, có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do giới. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi chỉ với giới, chỉ với sự ngăn giữ, chỉ với sự thu thúc, chỉ với sự không vi phạm.

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do phận sự. Các vị ấy là người hành trì hạnh loài voi, là người hành trì hạnh loài ngựa, là người hành trì hạnh loài bò, là người hành trì hạnh loài chó, là người hành trì hạnh loài quạ, là người hành trì hạnh thần tài, là người hành trì hạnh thần sức mạnh, là người hành trì hạnh thần Puṇṇabhaddā, là người hành trì hạnh thần Maṇibhaddā, là người hành trì hạnh của lửa, là người hành trì hạnh loài rồng, là người hành trì hạnh linh điều, là người hành trì hạnh dạ-xoa, là người hành trì hạnh a-tu-la, là người hành trì hạnh càn-thát-bà, là người hành trì hạnh đại vương, là người hành trì hạnh mặt trăng, là người hành trì hạnh mặt trời, là người hành trì hạnh Thiên vương, là người hành trì hạnh Phạm thiên, là người hành trì hạnh thiên nhân, là người hành trì hạnh [lễ bái theo] phương hướng. Các vị Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan điểm trong sạch do phận sự. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do phận sự.

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo quan điểm trong sạch do điều đã được cảm giác. Các vị ấy, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm, chạm vào mặt đất, chạm vào cây xanh, chạm vào phân bò, chạm vào con rùa, đập lên lưỡi cày, chạm vào xe chở hạt mè, nhai hạt mè trắng, thoa dầu mè trắng, nhai tằm xía răng màu trắng, tắm đất sét trắng, mặc vải trắng, quần khăn trắng. Các vị Sa-môn và Bà-la-môn này đây theo quan điểm trong sạch do điều đã được cảm giác. Các vị ấy tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do điều đã được cảm giác.

Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phận sự, hoặc đến điều đã được cảm giác: Vị Bà-la-môn đã không nói rằng

sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do điều đã được thấy, đã không nói rằng sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do điều đã được nghe, đã không nói rằng sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do giới, đã không nói rằng sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do phạm sự, đã không nói rằng sự trong sạch nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả.

“Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phạm sự, hoặc đến điều đã được cảm giác” là như thế.

Là người không bị vấy bẩn bởi phước và tội: Phước nói đến bất cứ pháp tạo tác thiện nào thuộc tam giới, vô phước nói đến tất cả các pháp bất thiện. Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành¹ được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã đi đến sự không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì [vị ấy] không bị lấm nhơ ở phước và tội, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là người] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Là người không bị vấy bẩn bởi phước và tội” là như thế.

Buông bỏ điều đã được nắm giữ, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây.

Buông bỏ điều đã được nắm giữ: Là buông bỏ tà kiến đã được nắm giữ; “buông bỏ điều đã được nắm giữ” là buông bỏ sự nắm lấy; “buông bỏ điều đã được nắm giữ” là điều [nào] đã bị nắm lấy, đã bị bám víu, đã bị chấp chặt, đã bị bám chặt, đã bị hướng đến do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến, toàn bộ điều ấy là đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ.

Không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây: Trong khi không tạo nên, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh ra phúc hành, phi phúc hành, hoặc bất động hành.

“Buông bỏ điều đã được nắm lấy, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị Bà-la-môn đã nói rằng sự trong sạch là không do [đạo lộ] khác, không liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phạm sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, là người không bị vấy bẩn bởi phước và tội, buông bỏ điều đã được nắm lấy, không tạo ra [nghiệp gì] ở nơi đây.”

¹ Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành: Phúc hành là hành vi tạo tác thiện có quả đưa đi tái sanh ở cõi người, các cõi trời dục giới và sắc giới. Phi phúc hành là hành vi tạo tác bất thiện có quả đưa đi tái sanh ở 4 cõi khổ. Bất động hành là hành vi tạo tác thiện có quả đưa đi tái sanh ở vô sắc giới.

4.4. Dứt bỏ cái trước rồi nương vào cái khác, đeo đuổi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyến luyến. Họ nắm bắt rồi rời bỏ, tựa như con khỉ với việc nắm lấy cành cây trước mặt.

Dứt bỏ cái trước rồi nương vào cái khác: Dứt bỏ bậc Đạo sư trước rồi nương tựa bậc Đạo sư khác, dứt bỏ giáo lý trước rồi nương tựa giáo lý khác, dứt bỏ tập thể trước rồi nương tựa tập thể khác, dứt bỏ quan điểm trước rồi nương tựa quan điểm khác, dứt bỏ lối thực hành trước rồi nương tựa lối thực hành khác, dứt bỏ đạo lộ trước rồi nương tựa đạo lộ khác, nương tựa vào, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến.

“Dứt bỏ cái trước rồi nương vào cái khác” là như thế.

Đeo đuổi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyến luyến.

Dục vọng: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Đeo đuổi dục vọng: Đeo đuổi dục vọng là đi theo dục vọng, di chuyển theo dục vọng, đặt đến dục vọng, bị rơi vào, bị ngự trị, có tâm bị khuất phục.

Những người ấy không vượt qua sự quyến luyến: Không vượt qua, không vượt lên, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi sự quyến luyến bởi luyến ái, sự quyến luyến bởi sân hận, sự quyến luyến bởi si mê, sự quyến luyến bởi ngã mạn, sự quyến luyến bởi tà kiến, sự quyến luyến bởi ô nhiễm, sự quyến luyến bởi uế hạnh.

“Đeo đuổi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyến luyến” là như thế.

Họ nắm bắt rồi rời bỏ: Họ nắm lấy bậc Đạo sư, rồi buông vị ấy ra và nắm lấy bậc Đạo sư khác; họ nắm lấy giáo lý, rồi buông giáo lý ấy ra và nắm lấy giáo lý khác; họ nắm lấy tập thể, rồi buông tập thể ấy ra và nắm lấy tập thể khác; họ nắm lấy quan điểm, rồi buông quan điểm ấy ra và nắm lấy quan điểm khác; họ nắm lấy lối thực hành, rồi buông lối thực hành ấy ra và nắm lấy lối thực hành khác; họ nắm lấy đạo lộ, rồi buông đạo lộ ấy ra và nắm lấy đạo lộ khác; họ nắm lấy và buông ra, họ nắm giữ và rời bỏ.

“Họ nắm bắt rồi rời bỏ” là như thế.

Tựa như con khỉ với việc nắm lấy cành cây trước mặt: Giống như con khỉ trong khi di chuyển ở khu rừng nhỏ, ở khu rừng lớn thì nắm lấy cành cây, rồi buông cành cây ấy ra và nắm lấy cành cây khác, rồi lại buông cành cây khác ấy ra và nắm lấy cành cây khác nữa; tương tự y như thế, các vị Sa-môn và Bà-la-môn khác nhau nắm lấy và buông ra, nắm giữ và rời bỏ các tà kiến khác nhau.

“Tựa như con khỉ với việc nắm lấy cành cây trước mặt” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Dứt bỏ cái trước rồi nương vào cái khác, đeo đuổi dục vọng, những người ấy không vượt qua sự quyến luyến. Họ nắm bắt rồi rời bỏ, tựa như con khỉ với việc nắm lấy cành cây trước mặt.”

4.5. Sau khi tự mình thọ trì các phạm sự, con người

Đi đến chỗ cao chỗ thấp, bị dính mắc vào tường;

*Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết,
Không đi đến chỗ cao chỗ thấp, là người có tuệ bao la.*

Sau khi tự mình thọ trì các phạm sự, con người.

Sau khi tự mình thọ trì: Là sau khi thọ trì cho mình.

Các phạm sự: Là sau khi nhận lấy, sau khi thọ trì, sau khi nắm giữ, sau khi nắm giữ đúng đắn, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt hạnh loài voi, hoặc hạnh loài ngựa, hoặc hạnh loài bò, hoặc hạnh loài chó, hoặc hạnh loài quạ, hoặc hạnh thần tài, hoặc hạnh thần sức mạnh, hoặc hạnh thần Punṇabhaddā, hoặc hạnh thần Maṇibhaddā, hoặc hạnh của lửa, hoặc hạnh loài rồng, hoặc hạnh linh điều, hoặc hạnh dạ-xoa, hoặc hạnh a-tu-la,... (nt)... hoặc hạnh [lẽ bái theo] phương hướng.

Con người: Là chúng sanh, đàn ông,... (nt)... nhân loại.

“Người sau khi tự mình thọ trì các phạm sự” là như thế.

Đi đến chỗ cao chỗ thấp, bị dính mắc vào tường: Là từ bậc Đạo sư [này] đi đến bậc Đạo sư [khác], từ giáo lý [này] đi đến giáo lý [khác], từ tập thể [này] đi đến tập thể [khác], từ quan điểm [này] đi đến quan điểm [khác], từ lối thực hành [này] đi đến lối thực hành [khác], từ đạo lộ [này] đi đến đạo lộ [khác].

Bị dính mắc vào tường: Là bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại dục tướng, ở sân tướng, ở hại tướng, ở tà kiến tướng. Giống như gói hàng bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở chốt gấn trên tường hoặc ở móc ngà voi, tương tự y như thế, là bị dính mắc, bị dính liền, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở dục tướng, ở sân tướng, ở hại tướng, ở tà kiến tướng.

“Đi đến chỗ cao chỗ thấp, bị dính mắc vào tường” là như thế.

Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết.

Người có sự hiểu biết: Người có sự hiểu biết là người đã đạt đến kiến thức, có trí, [có sự giác ngộ] có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Nhờ các sự hiểu biết: Các sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thâm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Với các sự hiểu biết ấy, [vị ấy] đã đi đến điểm cuối đối với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. “Người đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết” là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc “người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết” là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc “do trạng thái đã

hiếu biết về bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân đã được hiểu biết, sự hoài nghi đã được hiểu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyện ái đã được hiểu biết, sân hận đã được hiểu biết, si mê đã được hiểu biết, ngã mạn đã được hiểu biết” là bậc đã đạt được sự hiểu biết; đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết.

[Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-môn, vị đã xa lìa sự luyện ái ở tất cả các cảm thọ, vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là bậc đã đạt được sự hiểu biết.”

Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết: Sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Tất cả các hành là vô thường”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Tất cả các hành là khổ”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Tất cả các pháp là vô ngã”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Vô minh duyên cho các hành”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Các hành duyên cho thức”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Thức duyên cho danh sắc”;... “Danh sắc duyên cho sáu xứ”;... “Sáu xứ duyên cho xúc”;... “Xúc duyên cho thọ”;... “Thọ duyên cho ái”;... “Ái duyên cho thủ”;... “Thủ duyên cho hữu”;... “Hữu duyên cho sanh”;... “Sanh duyên cho lão, tử”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Do sự diệt tận của các hành [đưa đến] sự diệt tận của thức”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Do sự diệt tận của thức [đưa đến] sự diệt tận của danh sắc”;... “Do sự diệt tận của danh sắc [đưa đến] sự diệt tận của sáu xứ”;... “Do sự diệt tận của sáu xứ [đưa đến] sự diệt tận của xúc”;... “Do sự diệt tận của xúc [đưa đến] sự diệt tận của thọ”;... “Do sự diệt tận của thọ [đưa đến] sự diệt tận của ái”;... “Do sự diệt tận của ái [đưa đến] sự diệt tận của thủ”;... “Do sự diệt tận của thủ [đưa đến] sự diệt tận của hữu”;... “Do sự diệt tận của hữu [đưa đến] sự diệt tận của sanh”;... “Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Đây là khổ”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Đây là nhân sanh khổ”;... “Đây là sự diệt tận khổ”;... “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Đây là các lậu hoặc”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Đây là nhân sanh các lậu hoặc”;... “Đây là sự diệt tận các lậu hoặc”;... “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Các pháp này cần được biết rõ”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Các pháp này cần được biết toàn diện”;... “Các pháp này cần được dứt bỏ”;... “Các pháp này cần được tu tập”;... “Các pháp này cần được chứng ngộ”; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp là nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hưng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra đối với sáu xúc xứ; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp là nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hưng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra đối với năm thủ uẩn; sau khi thông hiểu, sau khi thấu

hiếu pháp là nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra đối với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió]; sau khi thông hiểu, sau khi thấu hiểu pháp: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

“Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết” là như thế.

Không đi đến chỗ cao chỗ thấp, là người có tuệ bao la: Là không từ bậc Đạo sư [này] đi đến bậc Đạo sư [khác], không từ giáo lý [này] đi đến giáo lý [khác], không từ tập thể [này] đi đến tập thể [khác], không từ quan điểm [này] đi đến quan điểm [khác], không từ lối thực hành [này] đi đến lối thực hành [khác], không từ đạo lộ [này] đi đến đạo lộ [khác].

Người có tuệ bao la: Người có tuệ bao la là người có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiểu, có tuệ tộc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt; bao la nói đến trái đất, là người được thành tựu với tuệ ấy, [là tuệ] bao quát, trải rộng, sánh bằng trái đất.

“Không đi đến chỗ cao chỗ thấp, là người có tuệ bao la” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Sau khi tự mình thọ trì các phạm sự, con người
Đi đến chỗ cao chỗ thấp, bị dính mắc vào tướng;
Còn người có sự hiểu biết, sau khi thông hiểu pháp nhờ các sự hiểu biết,
Không đi đến chỗ cao chỗ thấp, là người có tuệ bao la.”*

4.6. Vị ấy là người diệt đạo binh [ô nhiễm] ở tất cả các pháp,
*Ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác.
Vị ấy, người có nhãn quan, đang hành xử một cách minh bạch,
Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây?*

Vị ấy là người diệt đạo binh [ô nhiễm] ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác: Đạo binh nói đến đạo binh của Ma vương; uế hạnh về thân là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về khẩu là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về ý là đạo binh của Ma vương, sự luyến ái là đạo binh của Ma vương, sân hận là đạo binh của Ma vương, si mê là đạo binh của Ma vương, giận dữ... thù hằn... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đạo binh của Ma vương. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

1. “Các dục là đạo binh thứ nhất của người, thứ nhì nói đến sự không thích thú, thứ ba của người là đói và khát, thứ tư gọi là tham ái.

2. Thứ năm của người là đã dục và buồn ngủ, thứ sáu gọi là sự khiếp đảm, thứ bảy của người là hoài nghi, thứ tám của người là gièm pha, bướng bỉnh.

3. Lợi lộc, sự nổi tiếng, sự trọng vọng và danh vọng nào đã đạt được một cách sai trái; kẻ nào đề cao bản thân và khi dễ những người khác.

4. – *Này Namuci, chúng là đạo binh của người, là quân xung kích của Hắc ám. Kẻ khiếp nhược không chiến thắng nó, và vị đã chiến thắng thì đạt được sự an lạc.*”

Khi nào tất cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đối kháng đã bị đánh bại và đã bị khuất phục, đã bị đổ vỡ, đã bị tan rã, không còn hiện diện nhờ vào bốn Thánh đạo; vị ấy được gọi là người diệt đạo binh; vị ấy là người diệt đạo binh ở điều đã được thấy, người diệt đạo binh ở điều đã được nghe, người diệt đạo binh ở điều đã được cảm giác, người diệt đạo binh ở điều đã được nhận thức.

“Vị ấy là người diệt đạo binh [ô nhiễm] ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác” là như thế.

Vị ấy, người có nhãn quan, đang hành xử một cách minh bạch: Vị ấy có nhãn quan trong sạch, có nhãn quan thanh tịnh, có nhãn quan hoàn toàn trong sạch, có nhãn quan tinh khiết, có nhãn quan hoàn toàn tinh khiết; hoặc là có cái nhìn trong sạch, có cái nhìn thanh tịnh, có cái nhìn hoàn toàn trong sạch, có cái nhìn tinh khiết, có cái nhìn hoàn toàn tinh khiết.

Một cách minh bạch: Sự che đậy do tham ái, sự che đậy do tà kiến, sự che đậy do ô nhiễm, sự che đậy do uế hạnh, các sự che đậy ấy được mở ra, được hủy hoại, được mở rộng, được mở toang, được dứt bỏ, được trừ tuyệt, được vắng lặng, được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

Đang hành xử: Là đang thực hành, đang cư xử, [đang trú ngụ] đang sinh hoạt, đang vận hành, đang bảo hộ, đang hộ trì, đang bảo dưỡng.

“Vị ấy, người có nhãn quan, đang hành xử một cách minh bạch” là như thế.

Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến thì có thể sắp đặt bởi duyên ái gì, có thể sắp đặt bởi sân hận gì, có thể sắp đặt bởi si mê gì, có thể sắp đặt bởi ngã mạn gì, có thể sắp đặt bởi tà kiến gì, có thể sắp đặt bởi phóng dật gì, có thể sắp đặt bởi hoài nghi gì, có thể sắp đặt bởi các pháp tiềm ẩn gì [nghĩ rằng]: “[Vị này là] ‘kẻ bị duyên ái’, hoặc là ‘kẻ bị sân hận’, hoặc là ‘kẻ bị si mê’, hoặc là ‘kẻ bị trói buộc’, hoặc là ‘kẻ bị bám víu’, hoặc là ‘kẻ bị tán loạn’, hoặc là ‘kẻ không dứt khoát’, hoặc là ‘kẻ cứng cỏi’”? [Đối với vị ấy] các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác thì bởi điều gì có thể sắp đặt về cảnh giới tái sanh [của vị ấy rằng]: “[Vị này sẽ trở thành] ‘người địa ngục’, hoặc là ‘loài thú’, hoặc là ‘thân phận ngựa quỳ’, hoặc là ‘loài người’, hoặc là ‘thiên nhân’, hoặc là ‘người hữu sắc’, hoặc là ‘người vô

sắc’, hoặc là ‘người hữu tướng’, hoặc là ‘người vô tướng’, hoặc là ‘người phi tướng phi phi tướng’”? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy có thể sắp đặt, có thể sắp xếp, có thể đạt đến việc sắp xếp.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uân, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

“Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Vị ấy là người diệt đạo bình [ô nhiễm] ở tất cả các pháp,
Ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác.
Vị ấy, người có nhãn quan, đang hành xử một cách minh bạch,
Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây?”*

4.7. Các vị ấy không sắp đặt, không chú trọng,

Không nói về ‘sự trong sạch tột cùng’.

*Sau khi tháo gỡ sự trói buộc vào chấp thủ đã bị buộc trói,
Các vị không tạo lập sự mong mỏi ở bất cứ đâu ở thế gian.*

Không sắp đặt, không chú trọng.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với các vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến; các vị không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. “Không sắp đặt” là như thế.

Không chú trọng.

Chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến. ... (nt)... điều này là chú trọng do tham ái. ... (nt)... điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với các vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến, các vị sống, chú trọng không phải là tham ái hoặc không phải là tà kiến, không có tham ái là ngọn cờ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cờ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo; các vị sống, được vây quanh không bởi tham ái hoặc không bởi tà kiến.

“Không sắp đặt, không chú trọng” là như thế.

Các vị ấy không nói về “sự trong sạch tột cùng”: Các vị không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả về sự trong

sạch tốt cùng, về sự trong sạch do luân hồi, về quan điểm không hành động, về học thuyết thường còn.

“Các vị ấy không nói về ‘sự trong sạch tốt cùng’” là như thế.

Sau khi tháo gỡ sự trói buộc vào chấp thủ đã bị buộc trói.

Sự trói buộc: Có bốn sự trói buộc: Tham đắm là sự trói buộc về thân, sân hận là sự trói buộc về thân, sự bám víu vào giới và phận sự là sự trói buộc về thân, sự chấp chặt “chỉ điều này là chân lý” là sự trói buộc về thân. Sự luyến ái, tham đắm vào quan điểm của bản thân là sự trói buộc về thân. Sự tức tối, sự không bằng lòng, sự sân hận đối với các học thuyết của những người khác là sự trói buộc về thân. Sự bám víu vào giới và phận sự rằng: “Họ bám víu vào giới, hoặc phận sự, hoặc giới và phận sự của bản thân” là sự trói buộc về thân. Quan điểm của bản thân có sự chấp chặt “chỉ điều này là chân lý” là sự trói buộc về thân. Vì lý do gì được gọi là sự trói buộc vào chấp thủ? Bởi vì các sự trói buộc ấy, họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt về sắc; họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt về thọ, tưởng, các hành, thức, cảnh giới tái sanh, sự tái sinh, sự nối liền tái sanh, sự hiện hữu, sự luân hồi và sự luân chuyển. Vì lý do ấy được gọi là sự trói buộc vào chấp thủ.

Sau khi tháo gỡ: Sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc; hoặc là sau khi tháo rời hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bị buộc trói, các vật bị buộc ràng, các vật bị cột chặt, các vật bị cột kỹ, các vật bị cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bị vướng vào, các vật bị giữ lại, các sự trói chặt. Giống như những người thực hiện sự tháo gỡ, phá vỡ cái kiêu khiêng, hoặc cỗ xe, hoặc xe tải, hoặc cỗ xe kéo liền lặn, tương tự như vậy, sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc; hoặc là sau khi tháo rời, hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bị buộc trói, các vật bị buộc ràng, các vật bị cột chặt, các vật bị cột kỹ, các vật bị cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bị vướng vào, các vật bị giữ lại, các sự trói chặt.

“Sau khi tháo gỡ sự trói buộc vào chấp thủ đã bị buộc trói” là như thế.

Các vị không tạo lập sự mong mỏi ở bất cứ đâu ở thế gian.

Sự mong mỏi: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Không tạo lập sự mong mỏi: Không tạo lập, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh niềm mong mỏi.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Các vị không tạo lập sự mong mỏi ở bất cứ đâu ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Các vị ấy không sắp đặt, không chú trọng,
Không nói về ‘sự trong sạch tột cùng’.
Sau khi tháo gỡ sự trói buộc vào chấp thủ đã bị cột trói,
Các vị không tạo lập sự mong mỏi ở bất cứ đâu ở thế gian.”*

**4.8. Vị Bà-la-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vị ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thấy,
Không có sự luyến ái với ái dục, không bị luyến ái ở pháp ly ái dục;
Đối với vị ấy, không có điều đã được nắm bắt là tối thắng ở nơi đây.**

Vị Bà-la-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vị ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thấy.

Ranh giới: Có bốn ranh giới: Sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phạm sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy; đây là ranh giới thứ nhất. Sự ràng buộc của ái dục [luyến ái về dục] và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiên, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiên, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy; đây là ranh giới thứ nhì. Sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy; đây là ranh giới thứ ba. Ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, hữu ái tiềm ẩn, vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy; đây là ranh giới thứ tư. Và khi nào bốn ranh giới này đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi nhờ vào bốn Thánh đạo; vị ấy được gọi là có sự vượt quá ranh giới.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phạm sự được loại trừ,... (nt)... Không nương nhờ, tự tại; vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt.

Sau khi đã biết: Sau khi đã biết bằng trí biết tâm người khác hoặc sau khi đã biết bằng trí nhớ về các kiếp sống trước.

Sau khi đã thấy: Sau khi đã thấy bằng nhục nhãn hoặc sau khi đã thấy bằng thiên nhãn.

Vị Bà-la-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vị ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thấy: Đối với vị ấy, điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được hướng đến [ràng]: “Cái này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý” là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Vị Bà-la-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vị ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thấy” là như thế.

Không có sự luyến ái với ái dục, không bị luyến ái ở pháp ly ái dục: Bị luyến ái ở ái dục nói đến những người nào bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở năm loại dục. Bị luyến ái ở pháp ly ái dục nói đến những người nào bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở các sự thể nhập vào sắc giới và vô sắc giới.

Không có sự luyến ái với ái dục, không bị luyến ái ở pháp ly ái dục: Khi nào sự luyến ái ở dục giới, sự luyến ái ở sắc giới và sự luyến ái ở vô sắc giới được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì “không có sự luyến ái với ái dục, không bị luyến ái ở pháp ly ái dục.”

Đối với vị ấy, không có điều đã được nắm bắt là tối thắng ở nơi đây.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt. Đối với vị ấy, điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: “Cái này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý” là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị ấy, không có điều đã được nắm bắt là tối thắng ở nơi đây” là như thế.

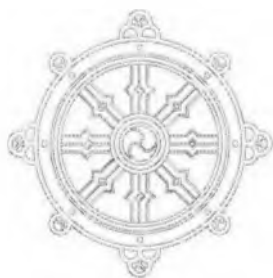
Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị Bà-la-môn, có sự vượt quá ranh giới, đối với vị ấy không có điều gì được nắm bắt, sau khi đã biết và sau khi đã thấy,

Không có sự luyến ái với ái dục, không bị luyến ái ở pháp ly ái dục;

Đối với vị ấy, không có điều đã được nắm bắt là tối thắng ở nơi đây.”

“Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch” - Phần thứ tư.



5. DIỄN GIẢI KINH NHÓM TÁM VỀ TỐI THẮNG (PARAMATTHAKASUTTANIDDESO)

Giờ phần “Diễn giải kinh nhóm tám về tối thắng” được nói đến:

5.1. *Trong khi sống theo các tà kiến, [nghĩ rằng:] “[Điều này] là tối thắng”,
Con người làm nổi trội điều ấy ở thế gian,
Rồi đã nói tất cả những điều khác là “thấp hèn” so với điều ấy,
Vì thế không vượt qua khỏi các sự tranh cãi.*

Trong khi sống theo các tà kiến, [nghĩ rằng:] “[Điều này] là tối thắng”:
Có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Các vị ấy chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt rằng: “Điều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý” rồi trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. Giống như những người tại gia trú trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm; tương tự y như thế, có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Các vị ấy chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt rằng: “Điều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý” rồi trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình.

“Trong khi sống theo các tà kiến, [nghĩ rằng:] “[Điều này] là tối thắng” là như thế.

Con người làm nổi trội điều ấy ở thế gian.

Điều ấy: Là điều nào đó.

Làm nổi trội: Là làm cho nổi trội, làm thành tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý. Làm cho nổi trội, làm thành tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý rằng: “Bậc Đạo sư này là đáng Toàn tri.” Làm cho nổi trội, làm thành tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, làm sanh khởi, làm phát sanh ra rằng: “Giáo pháp này khéo được thuyết giảng, tập thể này đã thực hành tốt đẹp, quan điểm này là tốt lành, lối thực hành này đã khéo được quy định, đạo lộ này dẫn dắt ra khỏi.”

Con người: Là chúng sanh, đàn ông,... (nt)... nhân loại.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Con người làm nổi trội điều ấy ở thế gian” là như thế.

Rồi đã nói tất cả những điều khác là “thấp hèn” so với điều ấy: Quảng bỏ, ném bỏ, vất bỏ tất cả các học thuyết khác ngoại trừ bậc Đạo sư, giáo lý, tập

thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ của bản thân, rồi đã nói như vậy: “Vị Đạo sư ấy không là đáng Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể đã thực hành không tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy định, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở nơi ấy không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.” Họ thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“Rồi đã nói tất cả những điều khác là ‘thấp hèn’ so với điều ấy” là như thế.

Vì thế không vượt qua khỏi các sự tranh cãi.

Vì thế: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy.

Các sự tranh cãi: Các sự cãi cọ về quan điểm, các sự cãi lộn về quan điểm, các sự cãi vã về quan điểm, các sự tranh cãi về quan điểm, các sự gây gổ về quan điểm.

Không vượt qua khỏi: Trong khi không vượt quá, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi.

“Vì thế không vượt qua khỏi các sự tranh cãi” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Trong khi sống theo các tà kiến, [nghĩ rằng:] ‘[Điều này] là tối thắng’,
Con người làm nổi trội điều ấy ở thế gian,
Rồi đã nói tất cả những điều khác là ‘thấp hèn’ so với điều ấy,
Vì thế không vượt qua khỏi các sự tranh cãi.”*

5.2. *[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, ở giới và phạm sự, hoặc ở điều đã được cảm giác, sau khi nắm bắt chính cái ấy ở điều ấy; người ấy nhìn thấy mọi điều khác đều là hèn kém.*

[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, ở giới và phạm sự, hoặc ở điều đã được cảm giác.

Điều nào... cho bản thân: Điều nào... liên quan đến bản thân. Bản thân: Nói đến việc đi theo tà kiến [của bản thân]. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích: Lợi ích ở đời hiện tại và lợi ích ở đời vị lai.

Lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm là lợi ích nào? Vị thầy có quan điểm nào thì các đệ tử có cùng quan điểm ấy. Các đệ tử trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường vị thầy có quan điểm ấy. Và do điều đó, [vị thầy] nhận được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Điều này là lợi ích ở đời hiện tại do quan điểm.

Lợi ích ở đời vị lai do quan điểm là lợi ích nào? Là người có sự mong đợi kết quả ở vị lai rằng: “Quan điểm này đủ để đưa đến bản thể loài rồng, hoặc đưa đến bản thể nhân điều, hoặc đưa đến bản thể dạ-xoa, hoặc đưa đến bản thể a-tu-la, hoặc đưa đến bản thể càn-thát-bà, hoặc đưa đến bản thể Đại Thiên vương, hoặc đưa đến bản thể Thiên chủ, hoặc đưa đến bản thể Phạm thiên, hoặc đưa đến bản thể thiên nhân. Quan điểm này đủ để đưa đến sự trong sạch, đưa đến sự thanh tịnh, đưa đến sự hoàn toàn trong sạch, đưa đến sự thoát khỏi, đưa đến sự giải thoát, đưa đến sự hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này, họ trở nên trong sạch, họ trở nên thanh tịnh, họ trở nên hoàn toàn trong sạch, họ được thoát khỏi, họ được giải thoát, họ được hoàn toàn thoát khỏi. Do quan điểm này, ta sẽ trở nên trong sạch, ta sẽ trở nên thanh tịnh, ta sẽ trở nên hoàn toàn trong sạch, ta sẽ được thoát khỏi, ta sẽ được giải thoát, ta sẽ được hoàn toàn thoát khỏi.” Điều này là lợi ích ở đời vị lai do quan điểm. Do quan điểm của bản thân, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích này.

Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được thấy, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích... Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được nghe, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích... Cũng nhờ vào sự trong sạch do giới, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích... Cũng nhờ vào sự trong sạch do phạm sự, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích... Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác, [người ấy] nhìn thấy hai sự lợi ích: Lợi ích ở đời hiện tại và lợi ích ở đời vị lai.

Lợi ích ở đời hiện tại nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác là lợi ích nào? Vị thầy có quan điểm nào thì các đệ tử có cùng quan điểm ấy. ... (nt)... Điều này là lợi ích ở đời hiện tại nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác.

Lợi ích ở đời vị lai nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác là lợi ích nào? [Là người có sự mong đợi kết quả ở vị lai rằng:] “Quan điểm này đủ để đưa đến bản thể loài rồng,... (nt)...” Điều này là lợi ích ở đời vị lai nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác. Cũng nhờ vào sự trong sạch do điều đã được cảm giác, [người ấy] nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát hai sự lợi ích này.

“[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, ở giới và phạm sự, hoặc ở điều đã được cảm giác” là như thế.

Người ấy sau khi nắm bắt chính cái ấy ở điều ấy.

Chính cái ấy: Là việc đi đến tà kiến ấy.

Ở điều ấy: Là ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình.

Sau khi nắm bắt: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt rằng: “Điều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.”

“Người ấy sau khi nắm bắt chính cái ấy ở điều ấy” là như thế.

Nhìn thấy mọi điều khác đều là hèn kém: Là nhìn xem, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ khác đều là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

“Nhìn thấy mọi điều khác đều là hèn kém” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“[Người ấy] nhìn thấy điều nào có lợi ích cho bản thân ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, ở giới và phạm sự, hoặc ở điều đã được cảm giác, sau khi nắm bắt chính cái ấy ở điều ấy; người ấy nhìn thấy mọi điều khác đều là hèn kém.”

5.3. *Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điều ấy là sự trói buộc, người nương tựa vào điều ấy nhìn thấy điều khác là thấp hèn. Chính vì thế, vị Tỳ-khưu không nên nương tựa vào điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, hoặc vào giới và phạm sự.*

Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điều ấy là sự trói buộc.

Các bậc thiện xảo: Các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về việc thiết lập niêm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về yếu tố đưa đến giác ngộ, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn; các bậc thiện xảo ấy nói như vậy: “Điều này là sự trói buộc, điều này là sự vướng mắc, điều này là sự cột trói, điều này là sự vướng bận”; các vị nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điều ấy là sự trói buộc” là như thế.

Người nương tựa vào điều ấy nhìn thấy điều khác là thấp hèn.

Nương tựa vào điều ấy: Là nương tựa, nương tựa vào, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ ấy.

Nhìn thấy điều khác là thấp hèn: Là nhìn xem, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, nhận xét, khảo sát bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ khác là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

“Người nương tựa vào điều ấy nhìn thấy điều khác là thấp hèn” là như thế.

Chính vì thế, vị Tỳ-khưu không nên nương tựa vào điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, hoặc vào giới và phạm sự.

Vì thế: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, không nên nương tựa, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt vào điều đã được thấy hoặc sự trong sạch do điều đã được thấy, vào điều đã được nghe hoặc sự trong sạch do điều đã được nghe, vào điều

đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác, vào giới hoặc sự trong sạch do giới, vào phận sự hoặc sự trong sạch do phận sự.

“Chính vì thế, vị Tỳ-khưu không nên nương tựa vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, vào điều đã được cảm giác, hoặc vào giới và phận sự” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Hơn nữa, các bậc thiện xảo gọi điều ấy là sự trói buộc, người nương tựa vào điều ấy nhìn thấy điều khác là thấp hèn. Chính vì thế, vị Tỳ-khưu không nên nương tựa vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, vào điều đã được cảm giác, hoặc vào giới và phận sự.”

5.4. Cũng không nên hình thành quan điểm [nào nữa] ở thế gian dựa vào trí [chứng đắc] hoặc dựa vào giới và phận sự.

Không nên tự nhủ bản thân là “ngang bằng”,

Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biệt.

Cũng không nên hình thành quan điểm [nào nữa] ở thế gian dựa vào trí [chứng đắc] hoặc dựa vào giới và phận sự: Không nên hình thành, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra quan điểm [nào nữa] dựa vào trí của tám sự chứng đạt [về thiện], hoặc dựa vào trí của năm thắng trí, hoặc dựa vào trí sáu quấy, hoặc dựa vào giới, hoặc dựa vào phận sự, hoặc dựa vào giới và phận sự.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Cũng không nên hình thành quan điểm [nào nữa] ở thế gian dựa vào trí [chứng đắc] hoặc dựa vào giới và phận sự” là như thế.

Không nên tự nhủ bản thân là “ngang bằng.” Không nên tự nhủ bản thân rằng: “Ta là ngang bằng” dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng dõi, dựa vào con nhà gia thế, dựa vào vẻ đẹp của làn da, dựa vào tài sản, dựa vào học vấn, dựa vào công việc, dựa vào tài nghệ, dựa vào kiến thức, dựa vào sự học hỏi, dựa vào tài biện giải, hoặc dựa vào sự việc này khác.

“Không nên tự nhủ bản thân là ‘ngang bằng’” là như thế.

Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biệt. Không nên tự nhủ bản thân rằng: “Ta là thua kém” dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng dõi,... (nt)... hoặc dựa vào sự việc này khác. Không nên tự nhủ bản thân rằng: “Ta là tốt hơn” dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng dõi,... (nt)... hoặc dựa vào sự việc này khác.

“Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biệt” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Cũng không nên hình thành quan điểm [nào nữa] ở thế gian dựa vào trí [chứng đắc] hoặc dựa vào giới và phận sự.

*Không nên tự nhủ bản thân là ‘ngang bằng’,
Không nên nghĩ mình là thấp hèn hoặc là có sự đặc biệt.”*

5.5. Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ, không còn chấp thủ,
*Vị ấy không tạo lập sự nương tựa đầu là ở trí.
Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, vị ấy không theo phe nhóm,
Vị ấy không quay trở lại bất cứ tà kiến nào nữa.*

Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ, không còn chấp thủ.

Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ: Sau khi dứt bỏ tà kiến đã nắm giữ. Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ là sau khi dứt bỏ sự nắm lấy đã nắm giữ. Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ là sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu điều đã bị nắm lấy, đã bị bám víu, đã bị chấp chặt, đã bị bám chặt, đã bị hướng đến do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến. “Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ” là như thế.

Không còn chấp thủ: Trong khi không còn chấp thủ, không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt vào bốn điều chấp thủ.

“Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ, không còn chấp thủ” là như thế.

Vị ấy không tạo lập sự nương tựa đầu là ở trí: Là không tạo lập, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự nương tựa vào tham ái hoặc sự nương tựa vào tà kiến dựa vào trí của tám sự chứng đạt [về thiên], hoặc dựa vào trí của năm thắng trí, hoặc dựa vào trí sai quấy.

“Vị ấy không tạo lập sự nương tựa đầu là ở trí” là như thế.

Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, vị ấy không theo phe nhóm: Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, đã bị chia rẽ, đã bị phân thành hai, đã bị sanh làm hai, có quan điểm khác biệt, có sự chấp nhận khác biệt, có sự ưa thích khác biệt, có quan niệm khác biệt, đã nương tựa vào những quan điểm khác biệt; giữa những người đi đến sự thiên vị vì mong muốn, đi đến sự thiên vị vì sân hận, đi đến sự thiên vị vì si mê, đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, vị ấy không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi; không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm.

“Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, vị ấy không theo phe nhóm” là như thế.

Vị ấy không quay trở lại bất cứ tà kiến nào nữa: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được

tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không quay trở lại, không quay về lại bất cứ tà kiến nào nữa.

“Vị ấy không quay trở lại bất cứ tà kiến nào nữa” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi dứt bỏ điều đã nắm giữ, không còn chấp thủ, Vị ấy không tạo lập sự nương tựa dầu là ở trí.

Quả vậy, giữa những người đã bị phân ly, vị ấy không theo phe nhóm, Vị ấy không quay trở lại bất cứ tà kiến nào nữa.”

5.6. Đối với vị nào, ở đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này hay đời khác,
Đối với vị ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào
Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến].

Đối với vị nào, ở đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này hay đời khác.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Thái cực: Xúc là một thái cực, nhân sanh ra xúc là thái cực thứ hai. Quá khứ là một thái cực, vị lai là thái cực thứ hai. Cảm thọ lạc là một thái cực, cảm thọ khổ là thái cực thứ hai. Danh là một thái cực, sắc là thái cực thứ hai. Sáu nội xứ là một thái cực, sáu ngoại xứ là thái cực thứ hai. Sự chấp thân này là một thái cực, nhân sanh ra sự chấp thân này là thái cực thứ hai.

Nguyện vọng: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Về hữu và phi hữu: Về dục giới, sắc giới, vô sắc giới, về sự hiện hữu của nghiệp, về sự hiện hữu lần nữa; về sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, về sự hiện hữu lần nữa là dục giới, về sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, về sự hiện hữu lần nữa là sắc giới; về sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, về sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; về sự hiện hữu được lập đi lập lại, về cảnh giới tái sanh được lập đi lập lại, về sự tiếp nối tái sanh được lập đi lập lại, về sự sanh ra của bản ngã được lập đi lập lại.

Đời này: Là bản ngã của bản thân. **Đời khác:** Là bản ngã của người khác. Đời này là sắc-thọ-tưởng-hành-thức của bản thân; đời khác là sắc-thọ-tưởng-hành-thức của người khác. Đời này là sáu nội xứ; đời khác là sáu ngoại xứ. Đời này là thế giới loài người; đời khác là thế giới chư thiên. Đời này là dục giới; đời khác là sắc giới, vô sắc giới. Đời này là dục giới, sắc giới; đời khác là vô sắc giới.

Đối với vị nào, ở đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này hay đời khác: Đối với vị nào, nguyện vọng, tham ái về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này và đời khác là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã

được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị nào, ở đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này hay đời khác” là như thế.

Đối với vị ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào.

Các sự chấp chặt: Có hai sự chấp chặt: Sự chấp chặt do tham ái và sự chấp chặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự chấp chặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự chấp chặt do tà kiến.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Đối với vị ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào: Đối với vị ấy, bất cứ các sự chấp chặt nào là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào” là như thế.

Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp.

Trong số các pháp: Là trong số sáu mươi hai tà kiến.

Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt.

Điều đã được nắm bắt: Là sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự nắm lấy tổng thể rằng: “Điều này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch”; điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như thế là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đối với vị nào, ở đây, không có nguyện vọng về cả hai thái cực, về hữu và phi hữu, về đời này hay đời khác,

Đối với vị ấy, không có bất cứ các sự chấp chặt nào

Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến].”

5.7. Tưởng được xếp đặt liên quan đến điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác ở nơi đây, dầu là nhỏ nhoi, cũng không có đối với vị ấy; vị Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến, bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây?

Tưởng được xếp đặt liên quan đến điều đã được thấy, đã được nghe,

hoặc đã được cảm giác ở nơi đây, dầu là nhỏ nhoi, cũng không có đối với vị ấy.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Đối với vị ấy, tà kiến liên quan đến điều đã được thấy hoặc sự trong sạch do điều đã được thấy, liên quan đến điều đã được nghe hoặc sự trong sạch do điều đã được nghe, liên quan đến điều đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác, có sự dẫn đầu của tướng, có sự sắp xếp của tướng, đã được lập nên, đã được thiết lập, đã được sắp đặt, đã được xếp đặt, đã được tạo tác, đã được tác thành, đã được thành lập do tướng, do sự chiếm lấy của tướng; [tà kiến ấy] là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Tướng được xếp đặt liên quan đến điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác ở nơi đây, dầu là nhỏ nhoi, cũng không có đối với vị ấy” là như thế.

Vị Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến.

Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ,... (nt)... Không nương nhờ, tự tại; vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Vị Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến: Vị Bà-la-môn ấy trong khi không nắm giữ, trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt tà kiến.

“Vị Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến” là như thế.

Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, thì có thể sắp đặt bởi luyến ái gì, có thể sắp đặt bởi sân hận gì, có thể sắp đặt bởi si mê gì, có thể sắp đặt bởi ngã mạn gì, có thể sắp đặt bởi tà kiến gì, có thể sắp đặt bởi phóng dật gì, có thể sắp đặt bởi hoài nghi gì, có thể sắp đặt bởi các pháp tiềm ẩn gì [nghĩ rằng]: “[Vị này là] ‘kẻ bị luyến ái’, hoặc là ‘kẻ bị sân hận’, hoặc là ‘kẻ bị si mê’, hoặc là ‘kẻ bị trói buộc’, hoặc là ‘kẻ bị bám víu’, hoặc là ‘kẻ bị tán loạn’, hoặc là ‘kẻ không dứt khoát’, hoặc là ‘kẻ cứng cỏi’”? [Đối với vị ấy], các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì bởi điều gì có thể sắp đặt về cảnh giới tái sanh [của vị ấy rằng]: “[Vị này sẽ trở thành] ‘người địa ngục’, hoặc là ‘loài thú’, hoặc là ‘thân phận ngạ quỷ’, hoặc là ‘loài người’, hoặc là ‘thiên nhân’, hoặc là ‘người hữu sắc’, hoặc là ‘người vô sắc’, hoặc là ‘người hữu tướng’, hoặc là ‘người vô tướng’, hoặc là

‘người phi tướng phi phi tướng’”? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy có thể sắp đặt, có thể sắp xếp, có thể đặt đến việc sắp xếp.

Ở thế gian: Ở thế gian của khô cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

“Bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Tướng được xếp đặt liên quan đến điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác ở nơi đây, dầu là nhỏ nhoi, cũng không có đối với vị ấy; vị Bà-la-môn ấy không nắm giữ tà kiến, bởi điều gì có thể sắp xếp vị ấy ở thế gian này đây?”

5.8. [Các bậc A-la-hán] không sắp đặt, không chú trọng

Luôn cả các pháp [tà kiến] đối với các vị ấy đều không được chấp nhận.

Vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bởi giới và phận sự,

Là bậc Tự tại, đã đi đến bờ kia, không quay trở lại.

[Các bậc A-la-hán] không sắp đặt, không chú trọng.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến.

Điều nào là sự sắp đặt do tham ái? Cho đến vật đã được tạo lập ranh giới, đã được tạo lập biên giới, đã được tạo lập giới hạn, đã được tạo lập hạn định, đã thuộc sở hữu, đã chấp là của ta bởi cái gọi là tham ái rằng: Cái này là của tôi, cái ấy là của tôi, chùng này là của tôi, cho đến chùng này là của tôi; các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc, các vật trải, các vật đắp, các tôi trai, tứ gái, các con dê, cừu, các con gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho của tôi, và luôn cả toàn thể đại địa cầu, đều được chấp là của ta do tác động của tham ái, được giải rộng ra cho đến một trăm lẻ tám ái; điều này là sự sắp đặt do tham ái.

Điều nào là sự sắp đặt do tà kiến? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng, quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiềm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; điều này là sự sắp đặt do tà kiến.

Đối với các vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, các vị ấy không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không

làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. “Không sắp đặt” là như thế.

Không chú trọng.

Chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến. ... (nt)... điều này là chú trọng do tham ái. ... (nt)... điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với các vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến; các vị sống, chú trọng không phải là tham ái hoặc không phải là tà kiến; không có tham ái là ngọn cỏ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cỏ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo; các vị sống, được vây quanh không bởi tham ái hoặc không bởi tà kiến.

“Không sắp đặt, không chú trọng” là như thế.

Luôn cả các pháp [tà kiến] đối với các vị ấy đều không được chấp nhận.

Các pháp: Nói đến sáu mươi hai tà kiến.

Đối với các vị ấy: Đối với các vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt ấy.

Không được chấp nhận: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò rỉ” là không được chấp nhận. “Thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò rỉ” là không được chấp nhận.

“Luôn cả các pháp [tà kiến] đối với các vị ấy đều không được chấp nhận” là như thế.

Vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bởi giới và phận sự.

Không: Là sự phủ định.

Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: ... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bởi giới và phận sự: Vị Bà-la-môn không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi giới, hoặc bởi phận sự, hoặc bởi giới và phận sự.

“Vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bởi giới và phận sự” là như thế.

Là bậc Tự tại, đã đi đến bờ kia, không quay trở lại.

Bờ kia: Nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Vị ấy đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm

cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh [có sự giảng rộng], việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. “Đã đi đến bờ kia” là như thế.

Không quay trở lại: Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo Nhập lưu, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo Nhất lai, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo Bất lai, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. Các ô nhiễm nào được dứt bỏ do đạo A-la-hán, vị ấy không đi đến nữa, không quay trở lại, không quay về lại các ô nhiễm ấy. “Đã đi đến bờ kia, không quay trở lại” là như thế.

Bậc Tự tại: Bậc A-la-hán tự tại với năm biểu hiện: Tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn, tự tại với ý nghĩa “đã từ bỏ”, tự tại với ý nghĩa “đã vượt qua”, tự tại với ý nghĩa “đã giải thoát”, tự tại với việc diễn giải điều ấy.

Bậc A-la-hán tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn nghĩa là thế nào? Bậc A-la-hán là tự tại về lợi lộc, tự tại về không lợi lộc, tự tại về danh vọng, tự tại về không danh vọng, tự tại về lời khen, tự tại về lời chê, tự tại về hạnh phúc, tự tại về khổ đau; nếu người ta thoa một cánh tay với dầu thơm, nếu người ta đeo một cánh tay với cái rìu, thì không có sự luyến ái về việc ấy, không có sự bất bình về việc ấy; vị đã lìa bỏ sự ưa chuộng và bất bình, đã vượt qua khỏi sự hưng phấn và chán nản, đã vượt qua hẳn sự chiều chuộng và chống đối; bậc A-la-hán tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn nghĩa là như vậy.

Bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa “đã từ bỏ” nghĩa là thế nào? Đối với bậc A-la-hán, sự luyến ái đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; sự sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa “đã từ bỏ” nghĩa là như vậy.

Bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa “đã vượt qua” nghĩa là thế nào? Bậc A-la-hán đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy; bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa “đã vượt qua” nghĩa là như vậy.

Bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa “đã giải thoát” nghĩa là thế nào? Đối với bậc A-la-hán, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái; tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự sân

hận; tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự si mê; tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự giận dữ, thù hận, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện; bậc A-la-hán tự tại với ý nghĩa “đã giải thoát” nghĩa là như vậy.

Bậc A-la-hán tự tại với việc diễn giải điều ấy nghĩa là thế nào? Bậc A-la-hán, khi giới hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có giới”; khi tín hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có tín”; khi tấn hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có tấn”; khi niệm hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có niệm”; khi định hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta được định tĩnh”; khi tuệ hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có tuệ”; khi minh hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có ba minh”; khi thắng trí hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có sáu thắng trí”; bậc A-la-hán tự tại với việc diễn giải điều ấy nghĩa là như vậy.

“Là bậc Tự tại, đã đi đến bờ kia, không quay trở lại” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“[Các bậc A-la-hán] không sắp đặt, không chú trọng
Luôn cả các pháp [tà kiến] đối với các vị ấy đều không được chấp nhận.
Vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt đi bởi giới và phận sự,
Là bậc Tự tại, đã đi đến bờ kia, không quay trở lại.”*

“Diễn giải kinh nhóm tám về tối thắng” - Phần thứ năm.



6. DIỄN GIẢI KINH VỀ SỰ GIÀ (*JARĀSUTTANIDDESO*)

Giờ phần “Diễn giải kinh về sự già” được nói đến:

- 6.1.** *Quả thật, mạng sống này là ngắn ngủi,
Thậm chí kém hơn trăm tuổi cũng chết rồi.
Nếu người nào vượt qua [hạn tuổi ấy] vẫn còn sống,
Người ấy rồi cũng chết vì già.*

Quả thật, mạng sống này là ngắn ngủi.

Mạng sống: Là tuổi thọ, sự tồn tại, sự di chuyển, sự làm cho di chuyển, sự thay đổi oai nghi, sự vận hành, sự hộ trì, mạng sống, mạng quyền. Và hơn nữa, mạng sống là ngắn ngủi, mạng sống là chút ít bởi hai lý do: Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại, hoặc mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất.

Mạng sống là ngắn ngủi vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại nghĩa là thế nào? Đã sống ở sát-na tâm quá khứ thì không sống [ở hiện tại], sẽ không sống [ở vị lai]; sẽ sống ở sát-na tâm vị lai thì không sống [ở hiện tại], đã không sống [ở quá khứ]; đang sống ở sát-na tâm hiện tại thì đã không sống [ở quá khứ], sẽ không sống [ở vị lai].

1. “Mạng sống, bản ngã, toàn bộ hạnh phúc và khổ đau được gắn liền với một [sát-na] tâm; và sát-na [tâm] trôi qua một cách nhanh chóng.”¹

2. Ngay cả những vị thiên nhân tồn tại tám mươi bốn ngàn kiếp cũng không có trường hợp các vị ấy sinh tồn với hai tâm đã được kết hợp chung lại [trong cùng một sát-na].

3. Các uẩn nào của người đang chết, hoặc đang tồn tại ở thế gian này, mà đã bị diệt tận, hết thấy tất cả các uẩn ấy là tương tự nhau, chúng đã ra đi, không tiếp nối sanh lên nữa.

4. Và các uẩn đã bị tan rã liền trước đó, các uẩn sẽ bị tan rã ở tương lai, đối với các uẩn [đang] bị diệt tận vào khoảng giữa của chúng [ở hiện tại], không có trạng thái khác nhau về tương trạng.

5. Với uẩn chưa hạ sanh thì chưa được sanh ra, con người sống với uẩn hiện tại, thân này bị chết đi do sự tan rã của tâm thức, [đây là] định luật theo ý nghĩa tuyệt đối.

¹ Một số trong các câu kệ ở đây được ghi nghĩa Việt dựa theo *Chú giải*. (ND)

6. Nước di chuyển đến các chỗ thấp như thế nào, thì con người bị thay đổi vì sự mong muốn như thế ấy. Các dòng chảy không bị đứt đoạn [của tâm] vận hành do duyên của sáu xứ.

7. Các uẩn không đi đến việc tồn trữ, chúng bị tan rã. Không có sự tích lũy của các uẩn ở tương lai. Chúng tồn tại chỉ trong khi vừa được sanh lên, tương tự như hạt cải ở đầu mũi kim.

8. Và đối với các pháp đã được sanh lên, sự tan rã của chúng là ở phía trước. Các uẩn có trạng thái tiêu hoại, chúng tồn tại không bị trộn lẫn với các uẩn trước đó.

9. Chúng đi đến không được nhìn thấy; bị tan rã, chúng ra đi không được nhìn thấy. Chúng sanh lên và diệt đi tựa như sự xuất hiện của tia chớp ở không trung.” Mạng sống là ngăn ngại vì tính chất nhỏ nhoi của sự tồn tại nghĩa là như vậy.

Mạng sống là ngăn ngại vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất nghĩa là thế nào? Mạng sống được gắn liền với hơi thở ra, mạng sống được gắn liền với hơi thở vào, mạng sống được gắn liền với hơi thở ra và hơi thở vào, mạng sống được gắn liền với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió], mạng sống được gắn liền với vật thực ăn uống, mạng sống được gắn liền với hơi nóng, mạng sống được gắn liền với thức. Nguồn gốc của các pháp này là yếu ớt, nhân quá khứ của các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp nào là duyên các pháp ấy cũng là yếu ớt, pháp nào là nguồn sanh khởi pháp ấy cũng là yếu ớt, các pháp cùng hiện hữu của các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp kết hợp với các pháp này cũng là yếu ớt, các pháp đồng sanh của các pháp này cũng là yếu ớt, pháp nào chỉ huy thì pháp ấy cũng là yếu ớt, các pháp này luôn yếu ớt giống như nhau, các pháp này không trụ lại cùng với nhau, các pháp này tiêu hoại giống như nhau, không có sự bảo vệ giữa chúng với nhau, các pháp này cũng không cùng cố lẫn nhau. Pháp nào sản sinh ra [pháp khác] thì nó không còn hiện hữu.

10. “Và không có cái nào bị loại trừ bởi cái nào, bởi vì toàn bộ những cái này đều đạt đến sự tan rã. Do những cái trước mà những cái này được tạo ra, những cái là nguồn phát sanh trước đó rồi cũng bị chết đi, thậm chí những cái trước và luôn cả những cái sau không bao giờ nhìn thấy lẫn nhau.” Mạng sống là ngăn ngại vì tính chất nhỏ nhoi của phẩm chất nghĩa là như vậy.

Và hơn nữa, so sánh với mạng sống của chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương thì loài người có mạng sống ngăn ngại, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng sống chút ít, có mạng sống chớp nhoáng, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn tại lâu. So sánh với mạng sống của chư thiên cõi Đạo-lợi... (nt)... của chư thiên cõi Dạ-ma... (nt)... của chư thiên cõi Đâu-suất... (nt)... của chư thiên cõi Hóa Lạc... (nt)... của chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại... (nt)... của chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên thì loài người có mạng sống ngăn ngại, có mạng sống nhỏ nhoi, có mạng

sống chút ít, có mạng sống chớp nhoáng, có mạng sống mau lẹ, có mạng sống chóng qua, có mạng sống không lâu dài, có mạng sống không tồn tại lâu. Và điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, tuổi thọ này của loài người là ngắn ngủi, kiếp sau rồi sẽ được đi đến, nên làm cho giác ngộ nhờ vào trí tuệ, nên làm việc thiện, nên thực hành Phạm hạnh, đã được sanh ra không có việc không chết. Này các Tỳ-khuru, người nào sống lâu, người ấy sống một trăm năm, ít hơn hoặc nhiều hơn.

11. *Tuổi thọ của loài người là ngắn ngủi, bậc thiện nhân nên xem thường nó, nên thực hành tựa như người có cái đầu đã bị cháy rục, việc không xảy đến cái chết là không có.*

12. *Ngày và đêm trôi qua, mạng sống bị hoại diệt, tuổi thọ của loài người bị cạn kiệt, tựa như nước của những con rạch nhỏ.”*

“Quả thật, mạng sống này là ngắn ngủi” là như thế.

Thậm chí kém hơn trăm tuổi cũng chết rồi: Có người từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai một tuần tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai hai tuần tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai ba tuần tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai bốn tuần tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở giai đoạn thai hai tháng tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ngay khi vừa được sanh ra; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời ở tại nhà bảo sanh; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời lúc nửa tháng tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời lúc một tháng tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời lúc hai tháng tuổi, lúc ba tháng tuổi, lúc bốn tháng tuổi, lúc năm tháng tuổi; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời lúc sáu tháng tuổi, lúc bảy tháng tuổi, lúc tám tháng tuổi, lúc chín tháng tuổi, lúc mười tháng tuổi, lúc tròn một năm; từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời lúc hai năm, lúc ba năm, lúc bốn năm, lúc năm năm, lúc sáu năm, lúc bảy năm, lúc tám năm, lúc chín năm, lúc mười năm, lúc hai mươi năm, lúc ba mươi năm, lúc bốn mươi năm, lúc năm mươi năm, lúc sáu mươi năm, lúc bảy mươi năm, lúc tám mươi năm, lúc chín mươi năm.

“Thậm chí kém hơn trăm tuổi cũng chết rồi” là như thế.

Nếu người nào vượt qua [hạn tuổi ấy] vẫn còn sống: Người nào còn sống sau khi vượt qua một trăm tuổi, người ấy hoặc là sống thêm một năm, hoặc sống thêm hai năm, hoặc sống thêm ba năm, hoặc sống thêm bốn năm, hoặc sống thêm năm năm, hoặc sống thêm mười năm, hoặc sống thêm hai mươi năm, hoặc sống thêm ba mươi năm, hoặc sống thêm bốn mươi năm.

“Nếu người nào vượt qua [hạn tuổi ấy] vẫn còn sống” là như thế.

Người ấy rồi cũng chết vì già: Vào lúc già yếu, lớn tuổi, trưởng thượng, đã trải qua cuộc đời, đã đạt đến tuổi thọ, răng rụng, tóc bạc, lưa thưa, đầu sói, nhăn nheo, thân thể điểm đồi mồi, lưng còng, lom khom, chóng gậy; người ấy từ trần, chết đi, quá vãng, lìa đời cũng vì tuổi già, không có việc thoát khỏi sự chết.

13. Giống như nỗi sợ hãi về sự rơi rụng vào buổi sáng của những trái cây đã chín, nỗi sợ hãi thường xuyên về sự chết của những con người đã được sinh ra là như vậy.

14. Cũng giống như bát đĩa bằng đất sét đã được làm ra bởi người thợ gốm, tất cả có sự bế vỡ là chạng cuối, mạng sống của loài người là như vậy.

15. Những ai ngu si và những ai sáng suốt, các trẻ con và những người lớn, tất cả đều sa vào quyền lực của thần chết, tất cả đều có sự chết là nơi cuối cùng.

16. “Đối với những người ấy, đã bị chế ngự bởi thần chết và đang đi đến thế giới khác, người cha không thể bảo vệ con trai, hoặc ngay cả thân nhân không thể bảo vệ các quyền thuộc.

17. Hãy xem, trong số các thân quyến thật sự đang nhìn, đang than khóc thê thảm, và từng người một trong số loài người bị đưa đi, ví như loài bò là để giết thịt; thế gian bị hành hạ như vậy bởi cái chết và sự già.”

“Người ấy rồi cũng chết vì già” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Quả thật, mạng sống này là ngắn ngủi,
Thậm chí kém hơn trăm tuổi cũng chết rồi.
Nếu người nào vượt qua [hạn tuổi ấy] vẫn còn sống,
Người ấy rồi cũng chết vì già.”

6.2. Loài người sầu muộn về vật đã được chấp là của ta,
Bởi vì các sự sở hữu được trường tồn là không có,
Sự chia lìa này thật sự đang hiện diện,
Sau khi nhìn thấy như thế thì không nên sống đời tại gia.

Loài người sầu muộn về vật đã được chấp là của ta.

Loài người: Là các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ sầu muộn, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng sầu muộn, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng sầu muộn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta nên họ sầu muộn; trong khi vật đang biến đổi, họ cũng sầu muộn; khi vật đã bị biến đổi, họ cũng sầu muộn, mệt mỏi, than vãn, đấm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội.

“Loài người sầu muộn về vật đã được chấp là của ta” là như thế.

Bởi vì các sự sở hữu được trường tồn là không có.

Các sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà

kiến. ... (nt)... điều này là sở hữu do tham ái. ... (nt)... điều này là sở hữu do tà kiến. Sự sở hữu do tham ái là không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt, có sự biến đổi. Sự sở hữu do tà kiến là không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt, có sự biến đổi.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, các người có thấy sự sở hữu nào là thường còn, bền vững, trường tồn, không có sự biến đổi, sẽ tồn tại y như thế một cách vĩnh viễn?”

“Bạch Ngài, điều ấy không đúng.”

“Này các Tỳ-khuru, tốt lắm! Này các Tỳ-khuru, Ta cũng không nhìn thấy sự sở hữu nào là thường còn, bền vững, trường tồn, không có sự biến đổi, sẽ tồn tại y như thế một cách vĩnh viễn.”

Các sự sở hữu thường còn, bền vững, trường tồn, không có sự biến đổi là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

“Bởi vì các sự sở hữu được trường tồn là không có” là như thế.

Sự chia lìa này thật sự đang hiện diện: Trong khi bản tánh thay đổi, bản tánh chia lìa, bản tánh đổi khác đang hiện hữu, đang được tìm thấy, đang được tồn tại. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Ānanda, thôi đi! Chớ sầu muộn, chớ than vãn. Này Ānanda, chẳng phải điều này đã được Ta nói ngay từ trước rằng: ‘Với tất cả các vật đáng yêu đáng mến, thì đều có bản tánh thay đổi, bản tánh chia lìa, bản tánh đổi khác’? Này Ānanda, ở đây làm sao có thể đạt được sự kiện ấy? Là sự kiện vật được sanh ra, được hiện hữu, bị tạo tác, có pháp tiêu hoại, nhưng mà vật ấy chớ có tiêu hoại, sự kiện này không được biết đến.” Do bản tánh biến hoại và đổi khác của các uẩn, của các giới, của các xứ ngay trước đây mà các uẩn, các giới và các xứ kế liền đó vận hành.

“Sự chia lìa này thật sự đang hiện diện” là như thế.

Sau khi nhìn thấy như thế thì không nên sống đời tại gia.

Như thế: Từ “*iti*” này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Sau khi nhìn thấy như thế: Sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt về các trạng thái chấp là của ta. “Sau khi nhìn thấy như thế” là như thế.

Không nên sống đời tại gia: Sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia; sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con; sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến; sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu; sau khi cắt đứt sự vướng bận về việc tích trữ; sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà; sau khi đi đến trạng thái không

có gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. “Không nên sống đời tại gia” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Loài người sầu muộn về vật đã được chấp là của ta,
Bởi vì các sự sở hữu được trường tồn là không có,
Sự chia lìa này thật sự đang hiện diện,
Sau khi nhìn thấy như thế thì không nên sống đời tại gia.”*

6.3. *Cái nào mà người suy nghĩ rằng: “Cái này là của tôi”,*

Cái ấy bị dứt bỏ cũng bởi sự chết.

Sau khi nhìn thấy điều này, vị sáng suốt,

Là người [đệ tử] thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta.

Cái ấy bị dứt bỏ cũng bởi sự chết.

Sự chết: Là sự quá vãng, trạng thái hủy diệt, sự tan rã, sự biến mất, sự tử vong, sự chết, sự qua đời, sự tan rã của các uẩn, sự quăng bỏ thân xác, sự bẻ gãy mạng quyền khỏi từng chủng loại này khác của các chúng sanh này khác.

Cái ấy: Liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

Bị dứt bỏ: Bị dứt bỏ là bị từ bỏ, bị lìa bỏ, bị biến mất, bị tiêu hoại.

Bởi vì, điều này cũng đã được nói đến:

1. *Các của cải rời bỏ con người trước [của cải bị mất mát lúc còn sống],*

Hoặc con người lìa bỏ các của cải trước [chết không đem theo của cải].

Này kẻ mong muốn ngũ dục, các của cải không được trường tồn,

Vì thế, Ta không sầu muộn ở thời điểm của sầu muộn.

2. *Mặt trăng mọc lên, tròn dần rồi lại khuyết.*

Mặt trời sau khi lặn xuống thì biến mất.

Này Sattuka, các pháp thế gian đã được Ta nhận biết;

Vì thế, Ta không sầu muộn ở thời điểm của sầu muộn.²

“Cái ấy bị dứt bỏ cũng bởi sự chết” là như thế.

Cái nào mà người suy nghĩ rằng: “Cái này là của tôi.”

Cái nào: Liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

Người: Là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

Suy nghĩ rằng: “Cái này là của tôi.” Là suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi tham ái, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi tà kiến, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi ngã mạn, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi ô nhiễm, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi

² Bốn sanh “Bông tai ngọc ma-ni” (*Maṇikuṇḍalajātakaṃ*), số 351, TTPV, tập 32, trang 207, câu kệ 709, 710. (ND)

uế hạnh, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi thực dụng, suy nghĩ với sự suy nghĩ bởi kết quả.

“Cái nào mà người suy nghĩ rằng: ‘Cái này là của tôi’” là như thế.

Sau khi nhìn thấy điều này, vị sáng suốt: Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi này ở các trạng thái chấp là của ta. “Sau khi nhìn thấy điều này” là như thế.

Vị sáng suốt: Là người sáng trí, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

“Sau khi nhìn thấy điều này, vị sáng suốt” là như thế.

Là người thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến.

Là người thành tín: Người thành tín là người thành tín với đức Phật, người thành tín với giáo pháp, người thành tín với Tăng chúng; người ấy thành tín với đức Thế Tôn ấy, đức Thế Tôn thừa nhận người ấy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, những vị Tỳ-khuru nào là gặt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, này các Tỳ-khuru, đối với Ta, các vị Tỳ-khuru ấy không phải là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khuru, các vị Tỳ-khuru ấy là đã lìa khỏi Pháp và Luật này; hơn nữa, các vị Tỳ-khuru ấy không đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Và này các Tỳ-khuru, những vị Tỳ-khuru nào là không gặt gẫm, không nói nhiều, thông minh, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, này các Tỳ-khuru, đối với Ta, các vị Tỳ-khuru ấy là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khuru, các vị Tỳ-khuru ấy là không lìa khỏi Pháp và Luật này; các vị Tỳ-khuru ấy đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này.”

3. “*Những kẻ gặt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, những người ấy không tiến triển trong giáo pháp đã được đấng Chánh Đẳng Giác chỉ bảo.*”

4. “*Các vị không gặt gẫm, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, thật vậy các vị ấy tiến triển trong giáo pháp đã được đấng Chánh Đẳng Giác chỉ bảo.*”

Là người [đệ tử] thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta: Người [đệ tử] thành tín sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, không nên thiên về, không nên nghiêng xuống, không nên nghiêng theo nó, không chiều theo nó, không xuôi theo nó, không hướng đến nó, không xem nó là chủ đạo.

“Là người [đệ tử] thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Cái nào mà người suy nghĩ rằng: ‘Cái này là của tôi’,

Cái ấy bị đứt bỏ cũng bởi sự chết.

Sau khi nhìn thấy điều này, vị sáng suốt,

Là người [đệ tử] thành tín, không nên thiên về trạng thái chấp là của ta.”

6.4. Cũng giống như sự việc đã được gặp gỡ qua giấc chiêm bao,

Khi thức giấc, người không còn nhìn thấy,

Tương tự như vậy, với người được yêu mến

Đã từ trần, đã qua đời, thì không nhìn thấy nữa.

Cũng giống như sự việc đã được gặp gỡ qua giấc chiêm bao: Sự việc đã được gặp gỡ, đã được hợp lại, đã được tập trung, đã được tụ hội.

“Cũng giống như sự việc đã được gặp gỡ qua giấc chiêm bao” là như thế.

Khi thức giấc, người không còn nhìn thấy: Giống như người ở trong giấc chiêm bao nhìn thấy mặt trăng, nhìn thấy mặt trời, nhìn thấy đại dương, nhìn thấy núi chúa Sineru, nhìn thấy voi, nhìn thấy ngựa, nhìn thấy cỗ xe, nhìn thấy người lính, nhìn thấy đoàn quân, nhìn thấy khu vườn đáng yêu, nhìn thấy cánh rừng đáng yêu, nhìn thấy vùng đất đáng yêu, nhìn thấy hồ nước đáng yêu; khi thức giấc thì không còn nhìn thấy bất cứ thứ gì.

“Khi thức giấc, người không còn nhìn thấy” là như thế.

Tương tự như vậy, với người được yêu mến.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Với người được yêu mến: Với người được yêu mến, đã được chấp là của ta, là mẹ, hoặc cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chị [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc bạn bè, hoặc thân hữu, hoặc thân quyến và những người cùng huyết thống.

“Tương tự như vậy, với người được yêu mến” là như thế.

Đã từ trần, đã qua đời, thì không nhìn thấy nữa: Đã từ trần nói đến đã chết, đã qua đời, với người đã từ trần ấy thì không nhìn thấy nữa, không trông thấy nữa, không đạt đến nữa, không tìm thấy nữa, không đạt được nữa.

“Đã từ trần, đã qua đời, thì không nhìn thấy nữa” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Cũng giống như sự việc đã được gặp gỡ qua giấc chiêm bao,

Khi thức giấc, người không còn nhìn thấy,

Tương tự như vậy, với người được yêu mến

Đã từ trần, đã qua đời, thì không nhìn thấy nữa.”

6.5. Những người ấy dầu đã được thấy, dầu đã được nghe,

Đề cập đến họ, tên gọi này được nói ra.

Chỉ mỗi tên gọi sẽ còn ở lại,

Sẽ được nhắc đến đối với người đã từ trần.

Những người ấy dầu đã được thấy, dầu đã được nghe.

Đã được thấy: Những gì được hình thành nhờ vào nhãn thức.

Đã được nghe: Những gì được hình thành nhờ vào nhĩ thức.

Những người ấy: Là các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

“Những người ấy dầu đã được thấy, dầu đã được nghe” là như thế.

Đề cập đến họ, tên gọi này được nói ra.

Đề cập đến họ: Đề cập đến các Sát-đế-ly, đề cập đến các Bà-la-môn, đề cập đến các thương buôn, đề cập đến các nô lệ, đề cập đến các người tại gia, đề cập đến các vị xuất gia, đề cập đến chư thiên, đề cập đến loài người.

Tên gọi: Là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

Được nói ra: Được gọi là, được nói ra, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả.

“Đề cập đến họ, tên gọi này được nói ra” là như thế.

Chỉ mỗi tên gọi sẽ còn ở lại, sẽ được nhắc đến: Cái liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức [đã được sanh lên đều] bị dứt bỏ, bị từ bỏ, bị rời bỏ, bị biến mất, bị tiêu hoại. “Chỉ mỗi tên gọi sẽ còn ở lại” là như thế.

Sẽ được nhắc đến: Đề nhắc đến, đề thuyết, đề phát ngôn, đề giảng giải, đề diễn tả.

“Chỉ mỗi tên gọi sẽ còn ở lại, sẽ được nhắc đến” là như thế.

Đối với người đã từ trần.

Đã từ trần: Đã từ trần là đã qua đời.

Đối với người: Là đối với chúng sanh, đối với đàn ông, đối với thanh niên, đối với người nam, đối với cá nhân, đối với mạng sống, đối với người còn sanh tử, đối với con người, đối với người đi theo nghiệp, đối với sinh vật, đối với nhân loại.

“Sẽ được nhắc đến đối với người đã từ trần” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Những người ấy dầu đã được thấy, dầu đã được nghe,

Đề cập đến họ, tên gọi này được nói ra.

Chỉ mỗi tên gọi sẽ còn ở lại,

Sẽ được nhắc đến đối với người đã từ trần.”

6.6. Những người bị thêm khát ở vật đã được chấp là của ta, không từ bỏ sầu muộn, than vãn và bồn xển. Do đó, các bậc Hiền trí, với việc nhìn thấy sự an toàn, sau khi từ bỏ sự sở hữu, đã du hành.

Những người bị thêm khát ở vật đã được chấp là của ta không từ bỏ sầu muộn, than vãn và bồn xển.

Sầu muộn: Sầu muộn là sự buồn rầu, trạng thái buồn rầu, sự sầu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở nội tâm, sự bức tức ở nội tâm, nổi ưu phiền do trạng thái bức bối của tâm, mũi tên sầu muộn của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyền, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Than vãn: Sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyên thuyên, nói kẻ lẽ, lối nói kẻ lẽ, trạng thái nói kẻ lẽ của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyền, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Bồn xển: Có năm sự bồn xển: Bồn xển về chỗ ở, bồn xển về gia tộc, bồn xển về lợi lộc, bồn xển về danh tiếng, bồn xển về pháp; bồn xển nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bồn xển, trạng thái của bồn xển, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm; điều này được gọi là bồn xển. Còn nữa, bồn xển về uẩn cũng là bồn xển, bồn xển về giới cũng là bồn xển, bồn xển về xứ cũng là bồn xển, sự nắm lấy; điều này được gọi là bồn xển.

Thêm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ sầu muộn, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng sầu muộn, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng sầu muộn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta nên họ sầu muộn, trong khi vật đang bị biến đổi họ cũng sầu muộn, [khi vật đã bị biến đổi họ cũng sầu muộn.] Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta nên họ than vãn, trong khi đang bị chiếm đoạt họ cũng than vãn, khi đã bị chiếm đoạt họ cũng than vãn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta nên họ than vãn, trong khi vật đang bị biến đổi họ cũng than vãn, khi vật đã bị biến đổi họ cũng than vãn. Họ bảo vệ, gìn giữ, bám giữ, sở hữu, bồn xển vật đã được chấp là của ta. Họ [sầu muộn] không từ bỏ sự sầu muộn liên quan đến vật đã được chấp là của ta, không từ bỏ sự than vãn, không từ bỏ

sự bỏn xẻn, không từ bỏ sự thèm khát, không dứt bỏ, không xua đi, không làm chấm dứt, không làm cho không còn hiện hữu.

“Những người bị thèm khát ở vật đã được chấp là của ta không từ bỏ sâu muộn, than vãn và bỏn xẻn” là như thế.

Do đó, các bậc Hiền trí, với việc nhìn thấy sự an toàn, sau khi từ bỏ sự sở hữu, đã du hành.

Do đó: Do đó là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy điều bất lợi này ở các trạng thái chấp là của ta. “Do đó” là như thế.

Các bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến; được thành tựu với trí ấy, các bậc Hiền trí đạt đến bản thể hiền trí. Ba hiền trí hạnh: Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh về ý... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến]; vị ấy là Hiền trí.

Sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà kiến. ... (nt)... điều này là sở hữu do tham ái. ... (nt)... điều này là sở hữu do tà kiến. Sau khi từ bỏ hoàn toàn sự sở hữu do tham ái, sau khi buông bỏ sự sở hữu do tà kiến, sau khi từ bỏ, sau khi từ bỏ hoàn toàn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu; các bậc Hiền trí đã sống, đã cư xử, đã sinh hoạt, đã vận hành, đã bảo hộ, đã hộ trì, đã bảo dưỡng.

Với việc nhìn thấy sự an toàn.

Sự an toàn: Nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Với việc nhìn thấy sự an toàn: Nhìn thấy sự an toàn là nhìn thấy nơi nương náu, nhìn thấy nơi trú ẩn, nhìn thấy nơi nương nhờ, nhìn thấy nơi không sợ hãi, nhìn thấy bất hoại, nhìn thấy bất tử, nhìn thấy Niết-bàn.

“Do đó, các bậc Hiền trí, với việc nhìn thấy sự an toàn, sau khi từ bỏ sự sở hữu, đã du hành” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Những người bị thèm khát ở vật đã được chấp là của ta, không từ bỏ sâu muộn, than vãn và bỏn xẻn. Do đó, các bậc Hiền trí, với việc nhìn thấy sự an toàn, sau khi từ bỏ sự sở hữu, đã du hành.”

6.7. Đối với vị Tỳ-khưu có hạnh sống tách ly,

Đang thân cận chỗ ngồi tách biệt,

Các vị đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy,

Vị ấy sẽ không thị hiện bản thân ở cảnh giới [tái sanh nào nữa].

Đối với vị Tỳ-khưu có hạnh sống tách ly.

Có hạnh sống tách ly: Được gọi là bảy hạng Hữu học; bậc A-la-hán là bậc đã tách ly. Vì lý do gì có hạnh sống tách ly được gọi là bảy hạng Hữu học? Các vị ấy, trong khi thu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm đối với cảnh này, cảnh khác, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Trong khi thu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm ở nhãn môn; các vị sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Trong khi thu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm ở nhĩ môn... tâm ở tỷ môn... tâm ở thiệt môn... tâm ở thân môn... tâm ở ý môn, các vị sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Giống như cọng lông gà, hoặc sợi dây gân, bị ném vào ngọn lửa thì bị thu hẹp, bị co rút, bị cuốn tròn lại, không được duỗi ra; tương tự như vậy, các vị ấy, trong khi thu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm đối với cảnh này, cảnh khác, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Trong khi thu hẹp tâm, co rút tâm, cuốn tròn lại, kiềm chế, khống chế, ngăn chặn, bảo vệ, gìn giữ tâm ở nhãn môn... tâm ở nhĩ môn... tâm ở tỷ môn... tâm ở thiệt môn... tâm ở thân môn... tâm ở ý môn; các vị sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng [bản thân]. Vì lý do ấy, có hạnh sống tách ly được gọi là bảy hạng Hữu học.

Đối với vị Tỳ-khưu: Đối với vị Tỳ-khưu phạm nhân tốt lành hoặc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Hữu học.

“Đối với vị Tỳ-khưu có hạnh sống tách ly” là như thế.

Đang thân cận chỗ ngồi tách biệt.

Chỗ ngồi: Nói đến nơi nào các vị ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm đan, tấm da thú, thảm cỏ, thảm lá, thảm rơm. Chỗ ngồi ấy là trống vắng, tách biệt, tách rời với việc thấy các cảnh sắc không thích hợp; là trống vắng, tách biệt, tách rời với việc nghe các âm thanh không thích hợp... với việc ngửi các hương không thích hợp... với việc nếm các vị không thích hợp... với việc đụng chạm các xúc không thích hợp... với năm loại dục không thích hợp; đối với vị đang thân cận, đang gần gũi, đang phục vụ, đang phục dịch, đang kê cận, đang sử dụng chỗ ngồi tách biệt ấy.

“Đang thân cận chỗ ngồi tách biệt” là như thế.

Các vị đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy, vị ấy sẽ không thi hiện bản thân ở cảnh giới [tái sanh nào nữa].

Sự hợp nhất: Có ba sự hợp nhất: Sự hợp nhất của nhóm, sự hợp nhất của pháp, sự hợp nhất ở việc vô sanh.

Sự hợp nhất của nhóm là việc nào? Nếu nhiều vị Tỳ-khưu sống có sự hợp nhất, thân thiện, không tranh cãi, có trạng thái như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt yêu mến; đây là sự hợp nhất của nhóm.

Sự hợp nhất của pháp là việc nào? Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; các pháp ấy tiến vào, có niềm tin, tự thiết lập vững chắc, được giải thoát đồng nhau. Không có sự tranh cãi, sự tranh chấp giữa các pháp ấy; đây là sự hợp nhất của pháp.

Sự hợp nhất ở việc vô sanh là việc nào? Nếu nhiều vị Tỳ-khuru vô dư Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, không vì điều ấy mà cảnh giới Niết-bàn được xem là vui hay đây; đây là sự hợp nhất ở việc vô sanh.

Ở cảnh giới [tái sanh nào nữa]: Đối với các người ở địa ngục, địa ngục là cảnh giới; đối với các loài thú, loài thú là cảnh giới; đối với các thân phận ngạ quỷ, thân phận ngạ quỷ là cảnh giới; đối với loài người, thế giới loài người là cảnh giới; đối với chư thiên, thế giới chư thiên là cảnh giới.

Các vị đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy, vị ấy sẽ không thị hiện bản thân ở cảnh giới [tái sanh nào nữa]: Sự hợp nhất ấy là dành cho vị ấy, điều này là thích đáng, điều này là phù hợp, điều này là đúng đắn, điều này là hợp lẽ; là vị khi đã thực hành như vậy thì sẽ không thị hiện bản thân ở địa ngục, sẽ không thị hiện bản thân ở loài thú, sẽ không thị hiện bản thân ở thân phận ngạ quỷ, sẽ không thị hiện bản thân ở thế giới loài người, sẽ không thị hiện bản thân ở thế giới chư thiên. Các vị đã nói như vậy, đã thốt ra như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“Các vị đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy, vị ấy sẽ không thị hiện bản thân ở cảnh giới [tái sanh nào nữa]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đối với vị Tỳ-khuru có hạnh sống tách ly,

Đang thân cận chỗ ngồi tách biệt,

Các vị đã nói rằng có sự hợp nhất này dành cho vị ấy,

Vị ấy sẽ không thị hiện bản thân ở cảnh giới [tái sanh nào nữa].”

6.8. Bạc Hiền trí không nương tựa vào tất cả các nơi,
Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến,
Than vãn và oán hận không làm lắm như ở vị ấy,
Giống như nước không làm lắm như ở lá sen.³

Bạc Hiền trí không nương tựa vào tất cả các nơi: Tất cả nói đến mười hai xứ: Mắt và các sắc, tai và các thanh, mũi và các hương, lưỡi và các vị, thân và các xúc, ý và các pháp.

Bạc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

³ *Lippati* là động từ thụ động, “bị làm như.” Tam tạng Miến Điện, Thái Lan, PTS hiệu đính là *limpati*, “làm làm như.” *Pāli - English Dictionary* của PTS giới thiệu nghĩa trừu tượng là “bị dính vào” và “dính vào.” Trong trường hợp này, chúng tôi chọn cách hiệu đính *limpati* của ba bộ Tam tạng kia và ghi nghĩa Việt là “làm làm như”. (ND)

Không nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Bậc Hiền trí sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến; không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý; không nương tựa vào các sắc, các thanh, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tướng, cõi vô tướng, cõi phi tướng phi phi tướng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, điều đã được thấy, điều đã được nghe, điều đã được cảm giác, điều đã được nhận thức; [bậc Hiền trí] không nương tựa vào tất cả các pháp, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Bậc Hiền trí, không nương tựa vào tất cả các nơi” là như thế.

Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến.

Vật yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh được yêu mến? Ở đây, đối với người nào mà những người ấy có lòng mong muốn điều tốt đẹp, có lòng mong muốn điều lợi ích, có lòng mong muốn sự thoải mái, có lòng mong muốn sự an toàn trong mỗi ràng buộc: Là người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chị [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc các bạn bè, hoặc các thân hữu, hoặc các thân quyến, hoặc những người cùng huyết thống; những người này là các chúng sanh được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác được yêu mến? Các sắc hợp ý, các thanh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác được yêu mến.

Vật không yêu mến: Có hai đối tượng không được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh không được yêu mến? Ở đây, đối với người nào mà những người ấy không có lòng mong muốn sự tấn hóa, không có lòng mong muốn điều lợi ích, không có lòng mong muốn sự thoải mái, không có lòng mong muốn sự an toàn trong mỗi ràng buộc, có lòng mong muốn đoạt lấy mạng sống; những người này là các chúng sanh không được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác không được yêu mến? Các sắc không hợp ý, các thanh không hợp ý, các hương không hợp ý, các vị không hợp ý, các xúc không hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác không được yêu mến.

Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến: Không tạo ra vật yêu mến do tác động của luyến ái rằng: “Người này được tôi yêu mến, và các pháp tạo tác này hợp ý tôi.” Không tạo ra vật không yêu mến do tác động của bất bình rằng: “Người này không được tôi yêu mến, các pháp tạo tác này

không hợp ý tôi”, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh.

“Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến” là như thế.

Than vãn và bòn xén không làm lấm nhơ ở vị ấy, giống như nước không làm lấm nhơ ở lá sen.

Ở vị ấy: Ở cá nhân vị A-la-hán không còn lậu hoặc ấy.

Than vãn: Sự than van, sự than trách, sự than thờ, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lấm nhảm, nói huyền thuyên, nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Bòn xén: Có năm sự bòn xén: Bòn xén về chỗ ở, bòn xén về gia tộc, bòn xén về lợi lộc, bòn xén về danh tiếng, bòn xén về pháp; bòn xén nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bòn xén, trạng thái của bòn xén, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bòn xén, trạng thái bị nắm giữ của tâm, điều này được gọi là bòn xén. Còn nữa, bòn xén về uẩn cũng là bòn xén, bòn xén về giới cũng là bòn xén, bòn xén về xứ cũng là bòn xén, sự nắm lấy được gọi là bòn xén.

Giống như nước không làm lấm nhơ ở lá cây.

Lá cây: Nói đến cánh hoa sen trắng.

Nước: Nói đến nước [thông thường]. Giống như nước không làm lấm nhơ, không làm nhiễm bẩn, không làm vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở cánh hoa sen trắng; tương tự như vậy, than vãn và bòn xén không làm lấm nhơ, không làm nhiễm bẩn, không làm vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở cá nhân vị A-la-hán không còn lậu hoặc ấy; và cá nhân vị ấy không bị lấm nhơ, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn bởi các ô nhiễm ấy, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Than vãn và bòn xén không làm lấm nhơ ở vị ấy, giống như nước không làm lấm nhơ ở lá sen” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Bậc Hiền trí không nương tựa vào tất cả các nơi,
Không tạo ra vật yêu mến cũng không tạo ra vật không yêu mến,
Than vãn và bòn xén không làm lấm nhơ ở vị ấy,
Giống như nước không làm lấm nhơ ở lá sen.”*

6.9. Cũng giống như giọt nước ở lá sen,
Giống như nước không làm lấm nhơ ở hoa sen,
Tương tự như vậy, bậc Hiền trí không bị vấy bẩn
Ở những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác.

Cũng giống như giọt nước ở lá sen.

Giọt nước: Nói đến một giọt nước.

Lá sen: Nói đến cánh hoa sen trắng. Giống như giọt nước không làm lấm nhơ, không làm nhiễm bẩn, không làm vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở cánh hoa sen trắng.

“Cũng giống như giọt nước ở lá sen” là như thế.

Giống như nước không làm lấm nhơ ở hoa sen.

Hoa sen: Nói đến bông sen trắng.

Nước: Nói đến nước [thông thường]. Giống như nước không làm lấm nhơ, không làm nhiễm bẩn, không làm vấy bẩn, đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn ở bông sen trắng.

“Giống như nước không làm lấm nhơ ở hoa sen” là như thế.

Tương tự như vậy, bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tham ái. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tà kiến. Bậc Hiền trí, sau khi dứt bỏ sự lấm nhơ do tham ái, sau khi buông bỏ sự lấm nhơ do tà kiến, không bị lấm nhơ ở điều đã được thấy, không bị lấm nhơ ở điều đã được nghe, không bị lấm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bị lấm nhơ ở điều đã được nhận thức, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn; [là người] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Tương tự như vậy, bậc Hiền trí không bị vấy bẩn ở những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Cũng giống như giọt nước ở lá sen,
Giống như nước không làm lấm nhơ ở hoa sen,
Tương tự như vậy, bậc Hiền trí không bị vấy bẩn
Ở những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác.”

6.10. *Thật vậy, vị đã rửa sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác, [cũng] không ước muốn sự thanh tịnh theo cách nào khác, bởi vì vị ấy không luyến ái, [cũng] không lìa luyến ái.*

Thật vậy, vị đã rửa sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác.

Vị đã rửa sạch: Việc rửa sạch được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Vì lý do gì mà việc rửa sạch được gọi là tuệ? Nhờ vào tuệ ấy, uế hạnh về thân được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về khẩu được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về ý được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sự luyến ái được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; sân hận... si mê... giận dữ... thù hằn... gièm pha... ác ý... ganh tỵ... bòn xén... xảo trá... lừa gạt... bướng bỉnh... hung hăng... ngã mạn... cao ngạo... đam mê... xao lãng... tất cả ô nhiễm... tất cả uế hạnh... mọi sự lo lắng... mọi sự bức bối... mọi sự nóng nảy... tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Vì lý do ấy mà việc rửa sạch được gọi là tuệ.

Hoặc là, nhờ vào chánh kiến, tà kiến được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh tư duy, tà tư duy được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh ngữ, tà ngữ được rửa bỏ, được rửa sạch... nhờ vào chánh nghiệp, tà nghiệp được rửa bỏ, được rửa sạch... nhờ vào chánh mạng, tà mạng được rửa bỏ, được rửa sạch... nhờ vào chánh tinh tấn, tà tinh tấn được rửa bỏ, được rửa sạch... nhờ vào chánh niệm, tà niệm được rửa bỏ, được rửa sạch... nhờ vào chánh định, tà định được rửa bỏ, được rửa sạch... nhờ vào chánh trí, tà trí được rửa bỏ, được rửa sạch... nhờ vào chánh giải thoát, tà giải thoát được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch.

Hoặc là, nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Bạc A-la-hán đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu các pháp cần được rửa sạch này; vì thế, bậc A-la-hán là vị đã rửa sạch. Vị ấy có luyến ái đã được rửa bỏ, có điều ác đã được rửa bỏ, có ô nhiễm đã được rửa bỏ, có sự bức bối đã được rửa bỏ. “Vị đã rửa sạch” là như thế.

Thật vậy, vị đã rửa sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác: Vị đã rửa sạch không suy nghĩ đến điều đã được thấy, không suy nghĩ về điều đã được thấy, không suy nghĩ theo điều đã được thấy; không suy nghĩ đến điều đã được nghe, không suy nghĩ về điều đã được nghe, không suy nghĩ theo điều đã được nghe; không suy nghĩ đến điều đã được cảm giác, không suy nghĩ về điều đã được cảm giác, không suy nghĩ theo điều đã được cảm giác; không suy nghĩ đến điều đã được

nhận thức, không suy nghĩ về điều đã được nhận thức, không suy nghĩ theo điều đã được nhận thức, không suy nghĩ rằng: “Điều đã được nhận thức của tôi.” Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, ‘tôi là’ điều này là sự suy nghĩ; ‘tôi là cái này’ điều này là sự suy nghĩ; ‘tôi sẽ là’ điều này là sự suy nghĩ; ‘tôi sẽ không là’ điều này là sự suy nghĩ; ‘tôi sẽ là có sắc’ điều này là sự suy nghĩ; ‘tôi sẽ là vô sắc’ điều này là sự suy nghĩ; ‘tôi sẽ là có tướng’ điều này là sự suy nghĩ; ‘tôi sẽ là vô tướng’ điều này là sự suy nghĩ; ‘tôi sẽ là phi tướng phi phi tướng’ điều này là sự suy nghĩ. Này các Tỳ-khuru, sự suy nghĩ là bệnh tật, sự suy nghĩ là mụn ghẻ, sự suy nghĩ là mũi tên, sự suy nghĩ là sự bất hạnh. Này các Tỳ-khuru, vì thế ở đây chúng ta sẽ sống với tâm ý không suy nghĩ. Này các Tỳ-khuru, các người nên học tập đúng như vậy.”⁴

“Thật vậy, vị đã rũ sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác” là như thế.

Không ước muốn sự thanh tịnh theo cách nào khác: Vị đã rũ sạch không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi theo đạo lộ không trong sạch khác, theo sự thực hành sai trái, theo đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ bốn sự thiết lập niệm, ngoại trừ bốn chánh cần, ngoại trừ bốn nền tảng của thần thông, ngoại trừ năm quyền, ngoại trừ năm lực, ngoại trừ bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

“Không ước muốn sự thanh tịnh theo cách nào khác” là như thế.

Bởi vì vị ấy không luyện ái, [cũng] không lìa luyện ái: Tất cả phạm nhân ngu si đều luyện ái. Bảy hạng Thánh Hữu học tính luôn phạm nhân tốt lành lìa luyện ái. Bạc A-la-hán chẳng những không luyện ái mà cũng không lìa luyện ái. Vị ấy đã lìa luyện ái, do sự cạn kiệt của luyện ái có trạng thái luyện ái đã được xa lìa, do sự cạn kiệt của sân hận có trạng thái sân hận đã được xa lìa, do sự cạn kiệt của si mê có trạng thái si mê đã được xa lìa. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành... (nt)... việc sanh-lão-tử luân hồi, việc hiện hữu lần nữa không có đối với vị ấy.

“Bởi vì vị ấy không luyện ái, [cũng] không lìa luyện ái” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Thật vậy, vị đã rũ sạch không suy nghĩ theo lối ấy, tức là về những điều đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác, [cũng] không ước muốn sự thanh tịnh theo cách nào khác, bởi vì vị ấy không luyện ái, [cũng] không lìa luyện ái.”

“Diễn giải kinh về sự già” - Phần thứ sáu.

⁴ Xem S. IV. 173, *Āsīvisavagga* (Phẩm Rắn độc).

7. DIỄN GIẢI KINH VỀ TISSA METTEYYA (*TISSAMETTEYYASUTTANIDDESO*)

Giờ phần “Diễn giải kinh về Tissa Metteyya” được nói đến:

7.1. *“Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về sự tàn hại dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa. Sau khi lắng nghe lời dạy của Ngài, chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly”* [vị Đại đức Tissa Metteyya đã nói thế ấy].

Dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, có kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa, là việc bí mật, là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. Vì lý do gì được gọi là pháp đôi lứa? Khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy được gọi là pháp đôi lứa. Giống như hai người gây nên sự cãi cọ được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự cãi lộn được gọi là tay đôi, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh cãi được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh tụng được gọi là tay đôi, hai người tranh luận được gọi là tay đôi, hai người chuyện trò được gọi là tay đôi; tương tự như vậy, khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy được gọi là pháp đôi lứa.

Dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa: Dành cho kẻ gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền ở pháp đôi lứa, đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo.

“Dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa” là như thế.

Đại đức Tissa Metteyya đã nói thế ấy.

Thế ấy: Từ “*icca*” này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Đại đức: Từ “*āyasmā*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Tissa: Là tên của vị Trưởng lão ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

Metteyya: Là họ của vị Trưởng lão ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả.

“Vị Tissa Metteyya đã nói thế ấy” là như thế.

Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về sự tàn hại.

Sự tàn hại: Sự tàn hại là sự phá hại, sự hành hạ, sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ.

Xin Ngài hãy nói: Xin Ngài hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

Thưa Ngài: Từ “*mārisa*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

“Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về sự tàn hại” là như thế.

Sau khi lắng nghe lời dạy của Ngài: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi suy xét lời nói, lời giải bày, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngài.

“Sau khi lắng nghe lời dạy của Ngài” là như thế.

Chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly.

Hạnh viễn ly: Có ba hạnh viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh.

Thế nào là viễn ly về thân? Ở đây, vị Tỳ-khuru thân cận chỗ trú ngụ tách biệt, khu rừng rậm, gốc cây, sườn núi, thung lũng, khe núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đồng rom, và sống tách biệt về thân. Vị ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khát thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Đây là viễn ly về thân.

Thế nào là viễn ly về tâm? Đối với vị thể nhập Sơ thiền, tâm được tách biệt khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tâm được tách biệt khỏi tầm và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiền, tâm được tách biệt khỏi hỷ. Đối với vị thể nhập Tứ thiền, tâm được tách biệt khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi sắc tướng, bất bình tướng, dị biệt tướng. Đối với vị thể nhập thức Vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi Không vô biên xứ tướng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm được tách biệt khỏi Thức vô biên xứ tướng. Đối với vị thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ, tâm được tách biệt khỏi Vô sở hữu xứ tướng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được tách biệt khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phạm sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Nhất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não đồng hành theo với mỗi pháp ấy. Đối với vị Bất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế,

và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị A-la-hán, tâm được tách biệt khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, hữu ái tiềm ẩn, vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy, và mọi hiện tượng ở bên ngoài. Đây là viễn ly về tâm.

Thế nào là viễn ly về mầm tái sanh? Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các hành. Viễn ly về mầm tái sanh nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là viễn ly về mầm tái sanh.

Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly; viễn ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối; và viễn ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác.

Chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly: Vị Trưởng lão ấy có việc học tập đã được học tập bình thường. Và thêm nữa, liên quan đến việc chỉ bảo giáo pháp, trong khi thỉnh cầu sự chỉ bảo giáo pháp, vị Trưởng lão ấy đã nói như vậy: “Chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly.”

Vì thế, [Trưởng lão] Tissa Metteyya đã nói rằng:

“Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về sự tàn hại dành cho kẻ đeo bám việc đôi lứa. Sau khi lắng nghe lời dạy của Ngài, chúng con sẽ học tập về hạnh viễn ly”[vị Đại đức Tissa Metteyya đã nói thế ấy].

7.2. [Đức Thế Tôn đã nói rằng: “Này Metteyya] đối với kẻ đeo bám việc đôi lứa, lời giảng dạy thậm chí còn bị quên lãng và là kẻ thực hành sai trái; điều này ở kẻ ấy là không Thánh thiện.”

Đối với kẻ đeo bám việc đôi lứa.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, có kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa, là việc bí mật, là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. Vì lý do gì mà được gọi là pháp đôi lứa? Khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Giống như hai người gây nên sự cãi cọ được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự cãi lộn được gọi là tay đôi, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh luận được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự tranh tụng được gọi là tay đôi, hai người tranh luận được gọi là tay đôi, hai người chuyện trò được gọi là tay đôi; tương tự như vậy, khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

Đối với kẻ đeo bám việc đôi lứa: Đối với kẻ gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền ở pháp đôi lứa, đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo.

“Đối với kẻ đeo bám việc đôi lứa” là như thế.

Metteyya: Đức Thế Tôn xung hô với vị Trưởng lão ấy bằng họ.

Đức Thế Tôn: Là từ xung hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vị có luyện ái đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có sân hận đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có si mê đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ngã mạn đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có tà kiến đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có cây gai đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ô nhiễm đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo” là đức Thế Tôn; “vị thực hiện sự chấm dứt các hữu” là đức Thế Tôn; “vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của Pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiên, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tướng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasina*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tứ thi” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật” là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế Tôn” này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn đã nói rằng: Này Metteyya” là như thế.

Lời giảng dạy thậm chí còn bị quên lãng: Lời giảng dạy bị quên lãng bởi hai lý do: Lời giảng dạy về pháp học bị quên lãng, lời giảng dạy về pháp hành bị quên lãng. Lời giảng dạy về pháp học ấy là lời giảng dạy nào? Điều nào đã

được học bởi vị ấy, là *Sutta*, *Geyya*, *Veyyākaraṇa*, *Gāthā*, *Udāna*, *Itivuttaka*, *Jātaka*, *Abbhutadhamma*, *Vedalla*,¹ đây là lời giảng dạy về pháp học; điều ấy cũng bị quên lãng, bị quên hẳn, bị quên lửng, bị quên bằng, là hoàn toàn xa lạ. “Lời giảng dạy thậm chí còn bị quên lãng” là như vậy. Lời giảng dạy về pháp hành là lời giảng dạy nào? Là sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tinh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, đây là lời giảng dạy về pháp hành; điều ấy cũng bị quên lãng, bị quên hẳn, bị quên lửng, bị quên bằng, là hoàn toàn xa lạ.

“Lời giảng dạy thậm chí còn bị quên lãng” là như vậy.

Và là kẻ thực hành sai trái: Giết hại sanh mạng, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá.

“Và là kẻ thực hành sai trái” là như thế.

Điều này ở kẻ ấy là không Thánh thiện: Điều này ở kẻ ấy là pháp không Thánh thiện, là pháp ngu dốt, là pháp lầm lạc, là pháp vô trí, là pháp trườn uốn như con lươn [không thể nắm bắt], tức là lỗi thực hành sai trái.

“Điều này ở kẻ ấy là không Thánh thiện” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn đã nói rằng: “Này Metteyya] đối với kẻ đeo bám việc đời lứa, lời giảng dạy thậm chí còn bị quên lãng, và là kẻ thực hành sai trái; điều này ở kẻ ấy là không Thánh thiện.”

¹ Chín thể loại giáo pháp: Ở tài liệu *Saddhammasaṅgaha* (*Diệu pháp yếu lược*) có lời giải thích chi tiết về 9 thể loại này như sau: “Thể nào là có 9 phần khi nói về thể (*aṅga*)? Bởi vì toàn bộ gồm có 9 hình thức khác biệt, đó là *Sutta*, *Geyya*, *Veyyākaraṇa*, *Gāthā*, *Udāna*, *Itivuttaka*, *Jātaka*, *Abbhutadhamma*, *Vedalla*. Trong trường hợp này, *Ubhatovibhaṅga*, *Niddesa*, *Khandhaka*, *Parivāra*, các bài kinh *Maṅgalasutta*, *Ratanasutta*, *Nalakasutta*, *Tuvaṭṭakasutta* trong *Suttanipāta* (*Kinh tập*) và các lời dạy của đảng Như Lai có tựa đề là *Kinh* (*sutta*) thì được xếp vào thể *Sutta*. Các bài kinh có xen các bài kệ vào được biết là thể *Geyya*; đặc biệt toàn bộ *Thiên cô kệ* (*Sagāthāvagga*) trong *Kinh Tương ưng bộ* là thể *Geyya*. Toàn bộ tạng *Vi diệu pháp*, các bài kinh không có xen các bài kệ, và các lời dạy khác của đức Phật không thuộc 8 loại trên được xếp vào thể *Veyyākaraṇa*. *Kinh Pháp cú*, *Trường lão Tăng kệ*, *Trường lão Ni kệ*, các bài có tên là kinh nhưng chỉ là kệ trong *Suttanipāta* (*Kinh tập*) thì được xếp vào thể *Gāthā*. Tám mươi hai bài kinh liên quan đến các bài kệ do tuệ giác hoan hỷ được xếp vào thể *Udāna*. Một trăm mười hai bài kinh được giới thiệu bằng: “*Vuttam h’etaṃ Bhagavatā tī*” (Đức Thế Tôn thuyết về điều ấy như vậy) thì được xếp vào thể *Itivuttaka*. Năm trăm năm mươi câu chuyện *Bốn sanh* bắt đầu bằng *Bốn sanh Apannaka* được xếp vào thể *Jātaka*. Tất cả các bài kinh liên quan đến pháp kỳ diệu phi thường và được giới thiệu như sau: “Này các Tỳ-khưu, có bốn pháp kỳ diệu phi thường ở Ananda”, được xếp vào thể *Abbhutadhamma*. Tất cả các bài kinh được hỏi và được liên tục ghi nhận trong sự hiểu biết và hoan hỷ như các bài kinh *Cullavedalla*, *Mahāvedalla*, *Sammāditthi*, *Sakkapañhā*, *Saṅkhāra-bhāṇiya*, *Mahāpunṇama*, v.v... được xếp vào thể *Vedalla*. Như thế, khi đề cập đến thể loại thì có 9 phần” (*Saddhammasaṅgaha* - *Diệu pháp yếu lược*, chương I, câu 28).

7.3. Sau khi sống một mình trước đây,
Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa,
Kẻ ấy ở thế gian, tựa như chiếc xe bị chao đảo,
Người ta đã gọi là kẻ phàm phu thấp hèn.

Sau khi sống một mình trước đây: Đã sống một mình trước đây bởi hai lý do: Với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia hoặc với ý nghĩa rời xa tập thể.

Thế nào là đã sống một mình trước đây với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia? Sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vướng bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vướng bận về thân quyến, sau khi cắt đứt sự vướng bận về bạn bè và thân hữu, sau khi cắt đứt sự vướng bận về việc tích trữ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. Như vậy là đã sống một mình trước đây với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia.

Thế nào là đã sống một mình trước đây với ý nghĩa rời xa tập thể? Trong khi đã được xuất gia như vậy, vị ấy một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Vị ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khát thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Như vậy là đã sống một mình trước đây với ý nghĩa rời xa tập thể.

Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp,... (nt)... việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. ... (nt)... vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa: Kẻ nào, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn rồi phục vụ, phục dịch, kẻ cận, thực hiện việc đôi lứa.

“Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa” là như thế.

Kẻ ấy ở thế gian, tựa như chiếc xe bị chao đảo.

Chiếc xe: Là xe voi kéo, xe ngựa kéo, xe bò kéo, xe dê kéo, xe cừu kéo, xe lạc đà kéo, xe lừa kéo, đã bị chao đảo, không được kiểm chế, không được xử lý, không được điều khiển, chọn lấy lối đi sai trái, va vào chỗ gập ghềnh, góc cây, tảng đá, làm bể vỡ chiếc xe luôn cả người cỡi xe và rơi xuống vực thẳm.

Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiểm chế, không được xử lý, không được điều khiển, chọn lấy lối đi sai trái, tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bị chao đảo, chọn lấy lối đi sai trái, chọn lấy tà kiến,... (nt)... chọn lấy tà định.

Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiểm chế, không được

xử lý, không được điều khiển, va vào chỗ gập ghềnh, gốc cây, tảng đá, tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bị chao đảo, phạm vào thân nghiệp sai trái, phạm vào khẩu nghiệp sai trái, phạm vào ý nghiệp sai trái, phạm vào việc sát sanh sai trái, phạm vào việc trộm cắp sai trái, phạm vào việc tà hạnh trong các dục sai trái, phạm vào việc nói dối sai trái, phạm vào việc nói đâm thọc sai trái, phạm vào việc nói thô lỗ sai trái, phạm vào việc nói nhảm nhí sai trái, phạm vào việc tham đắm sai trái, phạm vào việc sân hận sai trái, phạm vào tà kiến sai trái, phạm vào các hành sai trái, phạm vào năm loại dục sai trái, phạm vào năm pháp che lấp sai trái.

Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiểm chế, không được xử lý, không được điều khiển, làm bể vỡ chiếc xe luôn cả người cỡi xe; tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bị chao đảo, làm đổ vỡ bản thân ở địa ngục, làm đổ vỡ bản thân ở loài thú, làm đổ vỡ bản thân ở thân phận ngựa quý, làm đổ vỡ bản thân ở thế giới loài người, làm đổ vỡ bản thân ở thế giới chư thiên.

Giống như chiếc xe đã bị chao đảo ấy không được kiểm chế, không được xử lý, không được điều khiển, rơi xuống vực thẳm; tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, tựa như chiếc xe đã bị chao đảo, rơi xuống vực thẳm của sự sinh, rơi xuống vực thẳm của sự già, rơi xuống vực thẳm của bệnh tật, rơi xuống vực thẳm của sự chết, rơi xuống vực thẳm của sầu-bi-khổ-uru-não.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của loài người.

“Tựa như chiếc xe bị chao đảo, kẻ ấy ở thế gian” là như thế.

Người ta đã gọi là kẻ phạm phu thấp hèn.

Phạm phu: Phạm phu với ý nghĩa gì? “Những người sản sanh ra các ô nhiễm khác nhau” là phạm phu. “Những người có sự nhận thức sai trái về thân khác nhau chưa được phá tan” là phạm phu. “Những người tin theo nhiều vị thầy khác nhau” là phạm phu. “Những người chưa được ra khỏi mọi cảnh giới tái sanh khác nhau” là phạm phu. “Những người tạo ra các sự tạo tác khác nhau” là phạm phu. “Những người bị cuốn trôi bởi nhiều dòng lũ khác nhau” là phạm phu. “Những người bị nóng nảy bởi nhiều sự nóng nảy khác nhau” là phạm phu. “Những người bị thiêu đốt bởi nhiều sự bức bối khác nhau” là phạm phu. “Những người bị luyện ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở năm loại dục đa dạng” là phạm phu. “Những người bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đầy kín bởi năm pháp che lấp đa dạng” là phạm phu.

Người ta đã gọi là kẻ phạm phu thấp hèn: “Phạm phu là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tội tệ, nhỏ nhoi”, các vị đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“Người ta đã gọi là kẻ phạm phu thấp hèn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Sau khi sống một mình trước đây,
Kẻ nào [giờ] phục dịch việc đôi lứa,
Kẻ ấy ở thế gian, tựa như chiếc xe bị chao đảo,
Người ta đã gọi là kẻ phạm phu thấp hèn.”*

**7.4. Danh vọng và tiếng tăm nào [đã có] trước đây,
Điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bị giảm thiểu.
Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập
Nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa.**

Danh vọng và tiếng tăm nào [đã có] trước đây, điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bị giảm thiểu: Danh vọng nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó trước đây được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; điều này là danh vọng.

Tiếng tăm nào? Ở đây, một người nào đó trước đây trong bản thể Sa-môn đã duy trì tiếng tăm và đức hạnh: Là vị sáng suốt, kinh nghiệm, thông minh, nghe nhiều, có tài nói năng uyên bác, có tài ứng đối nhanh nhạy, là “vị chuyên về Kinh”, hoặc là “vị trì Luật”, hoặc là “vị thuyết giảng Pháp”, hoặc là “vị ngụ ở rừng”, hoặc là “vị chuyên đi khát thực”, hoặc là “vị chỉ mặc y may bằng vải bị quảng bỏ”, hoặc là “vị chỉ sử dụng ba y”, hoặc là “vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà”, hoặc là “vị không ăn vật thực dâng sau”, hoặc là “vị chuyên về oai nghi ngồi” (không nằm), hoặc là “vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định”, hoặc là “vị có đạt Sơ thiên”, hoặc là “vị có đạt Nhị thiên”, hoặc là “vị có đạt Tam thiên”, hoặc là “vị có đạt Tứ thiên”, hoặc là “vị có đạt Không vô biên xứ”, hoặc là “vị có đạt Thức vô biên xứ”, hoặc là “vị có đạt Vô sở hữu xứ”, hoặc là “vị có đạt Phi tướng phi phi tướng xứ.” Điều này là tiếng tăm. “Danh vọng và tiếng tăm trước đây” là như thế.

Điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bị giảm thiểu: Đối với vị ấy, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, danh vọng ấy và tiếng tăm ấy của vị đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn bị giảm thiểu, bị suy giảm, bị mất mát, đồ vỡ, biên mất, tiêu hoại.

“Danh vọng và tiếng tăm nào [đã có] trước đây, điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bị giảm thiểu” là như thế.

Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa.

Điều này: Trước đây ở bản thể Sa-môn có tiếng tăm và đức hạnh, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, vị đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn có sự mất danh vọng và mất tiếng tăm; điều này là sự hư hỏng về thành đạt.

Sau khi nhìn thấy: Là sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. “Sau khi nhìn thấy điều này” là như thế.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ.

Việc nào là sự học tập về thắng giới? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp; việc này là sự học tập về thắng giới.

Việc nào là sự học tập về thắng tâm? Ở đây, vị Tỳ-khuru ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tâm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly;... (nt)... đạt đến và trú thiền thứ nhì... (nt)... thiền thứ ba... (nt)... thiền thứ tư; việc này là sự học tập về thắng tâm.

Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là nhân sanh khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự diệt tận khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là nhân sanh các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự diệt tận các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc”; việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp,... (nt)... việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. ... (nt)... vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa: Nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh pháp đôi lứa, nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập; trong khi thấy, thì nên học tập; trong khi quán xét lại, thì nên học tập; trong khi quyết định tâm, thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin, thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn, thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm, thì nên học tập; trong khi tập trung tâm, thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập, thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

“Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập nhằm dứt bỏ hẳn việc đôi lứa” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Danh vọng và tiếng tăm nào [đã có] trước đây,
Điều ấy của kẻ ấy [giờ] hiển nhiên cũng bị giảm thiểu.
Sau khi nhìn thấy điều này, nên học tập
Nhằm dứt bỏ hẳn việc đòi hỏi.”*

7.5. Kẻ ấy bị chế ngự bởi các tư duy,
*Trầm tư như là kẻ khốn khổ.
Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của những người khác,
Kẻ thuộc hạng như thế trở nên tủi hổ.*

Kẻ ấy bị chế ngự bởi các tư duy, trầm tư như là kẻ khốn khổ: Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu, bị bao trùm bởi các tư duy về dục, bởi các tư duy về sân hận, bởi các tư duy về hãm hại, bởi các tư duy về tà kiến; như là kẻ khốn khổ, như là kẻ ngu khờ, như là kẻ ngớ ngẩn trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng. Giống như con chim cú ở cành cây đang rình bắt chuột, trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng; giống như con chó rừng ở bờ sông đang rình bắt những con cá, trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng; giống như con mèo đang rình bắt chuột ở cống rãnh, ở đồng rác dơ bẩn, ở bờ sông, trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng; giống như con lừa được trút bỏ gánh nặng, trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng ở cống rãnh, ở đồng rác dơ bẩn, ở bờ sông; tương tự như vậy, kẻ hoàn tục ấy, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu, bị bao trùm bởi các tư duy về dục, bởi các tư duy về sân hận, bởi các tư duy về hãm hại, bởi các tư duy về tà kiến; như là kẻ khốn khổ, như là kẻ ngu khờ, như là kẻ ngớ ngẩn trầm tư, suy gẫm, suy xét, suy tưởng.

“Kẻ ấy bị chế ngự bởi các tư duy, trầm tư như là kẻ khốn khổ” là như thế.

Sau khi lắng nghe lời quở trách của những người khác, kẻ thuộc hạng như thế trở nên tủi hổ.

Của những người khác: Các vị thầy tế độ, hoặc các vị thầy dạy học, hoặc các vị đồng thầy tế độ, hoặc các vị đồng thầy dạy học, hoặc các bạn bè, hoặc các vị đồng quan điểm, hoặc các vị thân thiết, hoặc các đồng đạo khiển trách rằng: “Này Đại đức, người đây có sự bất lợi, người đây đã nhận lãnh điều tệ hại, là việc sau khi đạt được bậc Đạo sư cao quý như vậy, sau khi đã xuất gia ở Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy, thậm chí sau khi đạt được hội chúng Thánh nhân như vậy, vì lý do của pháp đòi hỏi ấy, người đã lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, rồi quay trở lại cuộc sống thấp hèn. Luôn cả cái gọi là đức tin trong các thiện pháp đã không có ở người. Luôn cả cái gọi là tâm ở các thiện pháp đã không có ở người. Luôn cả cái gọi là quý trong các thiện pháp đã không có ở người. Luôn cả cái gọi là tinh tấn trong các thiện pháp đã không có ở người. Luôn cả cái gọi là niệm trong các thiện pháp đã không có ở người. Luôn cả cái gọi là tuệ trong các thiện pháp đã không có ở người.”

Sau khi lắng nghe: Sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận,

sau khi suy xét lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của các vị ấy, thì **trở nên tội hồ**: Bị dẫn vật, bị đụng chạm, bị bệnh hoạn, bị ưu phiền.

Kẻ thuộc hạng như thế: Thuộc hạng như thế là giống như thế ấy, được tồn tại thế ấy, có kiểu cách ấy, có biểu hiện ấy, là kẻ hoàn tục.

“Sau khi lắng nghe lời quở trách của những người khác, kẻ thuộc hạng như thế trở nên tội hồ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Kẻ ấy bị chế ngự bởi các tư duy,

Trầm tư như là kẻ khốn khổ.

Sau khi lắng nghe lời quở trách của những người khác,

Kẻ thuộc hạng như thế trở nên tội hồ.”

7.6. Ròi [kẻ ấy] tự tạo ra các vũ khí [các uế hạnh về thân, khẩu, ý],

[Khi] bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác.

Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vương vীu lớn lao;

[Kẻ ấy] lún sâu vào việc nói lời dối trá.

Ròi [kẻ ấy] tự tạo ra các vũ khí, [khi] bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác.

Ròi: Từ “*atha*” này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Các vũ khí: Có ba loại vũ khí: Vũ khí bằng thân, vũ khí bằng khẩu, vũ khí bằng ý. Ba loại uế hạnh về thân là vũ khí bằng thân, bốn loại uế hạnh về khẩu là vũ khí bằng khẩu, ba loại uế hạnh về ý là vũ khí bằng ý.

Bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác: Bị khiển trách bởi các vị thầy tế độ, hoặc bởi các vị thầy dạy học, hoặc bởi các vị đồng thầy tế độ, hoặc bởi các vị đồng thầy dạy học, hoặc bởi các bạn bè, hoặc bởi các vị đồng quan điểm, hoặc bởi các vị thân thiết, hoặc bởi các đồng đạo, rồi cố tình nói điều dối trá rằng: “Thưa ngài, tôi đã được thỏa thích trong việc xuất gia. Mẹ cần được tôi nuôi; vì thế tôi hoàn tục”; nói rằng: “Cha cần được tôi nuôi; vì thế tôi hoàn tục”; nói rằng: “Anh [em] trai cần được tôi nuôi; vì thế tôi hoàn tục”; nói rằng: “Chị [em] gái cần được tôi nuôi; vì thế tôi hoàn tục”; nói rằng: “Con trai cần được tôi nuôi, thân quyến cần được tôi nuôi, những người cùng huyết thống cần được tôi nuôi; vì thế tôi hoàn tục.” [Kẻ ấy] tạo ra, tự làm ra, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh ra vũ khí bằng khẩu.

“Ròi [kẻ ấy] tự tạo ra các vũ khí [các uế hạnh về thân, khẩu, ý], [khi] bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác” là như thế.

Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vương vীu lớn lao: Điều ấy quả là sự vương vীu lớn lao của kẻ ấy, là khu rừng lớn lao, khu rừng rậm lớn lao, bãi sa mạc lớn lao, khu vực gặp ghềnh lớn lao, khúc quanh co lớn lao, bãi lầy lớn

lao, ao hồ lớn lao, sự vương bận lớn lao, sự trôi buộc lớn lao; tức là việc cố tình nói dối.

“Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vương vịu lớn lao” là như thế.

[Kẻ ấy] lún sâu vào việc nói lời dối trá.

Việc nói lời dối trá: Nói đến việc nói dối. Ở đây, một người nào đó đi đến đoàn thể, hoặc đi đến hội chúng, hoặc đi đến giữa thân quyến, hoặc đi đến giữa đoàn thể, hoặc đi đến giữa các vương tộc, rồi bị mời đến, bị tra hỏi rằng: “Thưa ông, hãy đến. Ông biết điều nào thì ông hãy nói điều ấy.” Kẻ ấy trong khi không biết đã nói là: “Tôi biết”, hoặc trong khi biết đã nói là: “Tôi không biết”, hoặc trong khi không thấy đã nói là: “Tôi thấy”, hoặc trong khi thấy đã nói là: “Tôi không thấy.” Như thế, vì nguyên nhân bản thân, hoặc vì nguyên nhân người khác, hoặc vì nguyên nhân tài sản, hoặc vì nguyên nhân vật chất nhỏ nhen rồi cố tình nói dối; việc này được gọi là việc nói lời dối trá.

Thêm nữa, việc nói dối là với ba yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói.” Thêm nữa, việc nói dối là với bốn yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm. Thêm nữa, việc nói dối là với năm yếu tố ... với sáu yếu tố ... với bảy yếu tố ... với tám yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý tưởng, đã che giấu sự việc. Việc nói dối là với tám yếu tố này.

Lún sâu vào việc nói lời dối trá: Lún sâu, chìm xuống, chìm sâu xuống, đi vào việc nói lời dối trá.

“[Kẻ ấy] lún sâu vào việc nói lời dối trá” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Rồi [kẻ ấy] tự tạo ra các vũ khí [các uế hạnh về thân, khẩu, ý],

[Khi] bị khiển trách bởi các lời nói của những người khác.

Điều ấy, đối với kẻ này, quả là sự vương vịu lớn lao,

[Kẻ ấy] lún sâu vào việc nói lời dối trá.”

7.7. Đã được công nhận là “bậc sáng suốt”, đã phát nguyện hạnh sống một mình, nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa, tựa như gà ngu khờ, bị sấu muợn.

Đã được công nhận là “bậc sáng suốt”: Ở đây, một người nào đó, trước đây ở bản thể Sa-môn, đã duy trì tiếng tăm và đức hạnh: Là vị sáng suốt, kinh nghiệm, thông minh, nghe nhiều, có tài nói năng uyên bác, có tài ứng đối nhanh nhay, là “vị chuyên về Kinh”, hoặc là “vị trì Luật”, hoặc là “vị thuyết giảng

Pháp”,... (nt)... hoặc là “vị có đạt Phi tướng phi phi tướng xứ”, đã được biết đến, đã được nhận biết, đã được công nhận như vậy.

“Đã được công nhận là bậc sáng suốt” là như thế.

Đã phát nguyện hạnh sống một mình: Đã phát nguyện hạnh sống một mình bởi hai lý do: Với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia hoặc với ý nghĩa rời xa tập thể. Thế nào là đã phát nguyện hạnh sống một mình với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia? Sau khi cắt đứt mọi sự vướng bận của đời sống tại gia,... (nt)... Như vậy là đã phát nguyện hạnh sống một mình với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia. Thế nào là đã phát nguyện hạnh sống một mình với ý nghĩa rời xa tập thể? Trong khi đã được xuất gia như vậy, vị ấy một mình thân cận các khu rừng, các khu rừng thưa,... (nt)... Như vậy là đã phát nguyện hạnh sống một mình với ý nghĩa rời xa tập thể.

“Đã phát nguyện hạnh sống một mình” là như thế.

Nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém,... (nt)... vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

Nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa: Kẻ ấy, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn, rồi gắn bó, gần gũi, gắn vào, gắn chặt, gắn liền ở pháp đôi lứa. “Nếu cũng gắn bó vào việc đôi lứa” là như thế.

Tựa như gã ngu khờ, bị sâu muộn: Tựa như kẻ khốn khổ, tựa như kẻ ngu khờ, tựa như kẻ ngớ ngẩn bị phiền muộn, bị sâu muộn, bị sâu khô rồi giết hại sanh mạng, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá. Bị phiền muộn, bị sâu muộn, bị sâu khô là như vậy.

Các vị vua sau khi bắt giữ chính kẻ ấy rồi cho áp dụng các hình phạt nhiều loại: Họ đánh đập bằng những cây roi, họ đánh đập bằng các dây mây, họ đánh đập bằng các gậy ngắn, họ chặt bàn tay, họ chặt bàn chân, họ chặt bàn tay và bàn chân, họ cắt tai, họ xẻo mũi, họ cắt tai và xẻo mũi, họ [đập vỡ đầu] làm thành như hũ cháo chua, họ lột da đầu, họ đốt lửa ở miệng, họ thiêu sống, họ đốt cháy ở bàn tay, họ lột da thành sợi, họ lột da thành đồng để ở chân, họ kéo căng thân người ở trên đất, họ xiên da thịt bằng lưỡi câu, họ khoét thịt thành đồng tiền, họ chà xát với chất kiềm, họ quay tròn ở trên thập tự giá, họ đánh cho như tử, họ rưới bằng dầu sôi, họ cho những con chó gặm, họ đặt trên giáo nhọn lúc còn sống, họ chặt đầu bằng gươm. Bị phiền muộn, bị sâu muộn, bị sâu khô còn là như vậy.

Hoặc là, kẻ ấy bị ngự trị bởi tham ái về dục, có tâm bị khuất phục, dùng tàu thuyền lao vào đại dương tầm cầu các của cải, đối diện sự lạnh, đối diện sự nóng, trong khi bị khổ sở bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, bị chết bởi đói khát,

đi đến Tigumba, đi đến Takkola, đi đến Takkasilā, đi đến Kālamukha, đi đến Parammukha, đi đến Vesuṅga, đi đến Verāpatha, đi đến Java, đi đến Tāmālī, đi đến Vaṅga, đi đến Eḷavaddhana, đi đến Suvannakūṭa, đi đến Suvannabhūmi, đi đến Tambapaṇṇī, đi đến Suppāraka, đi đến Bharukaccha, đi đến Surattṭha, đi đến Aṅgaloka, đi đến Gaṅga, đi đến Paramagaṅga, đi đến Yona, đi đến Paramayona, đi đến Allasanda, đi đến Navaka, đi đến Mūlapada, đi đến sa mạc cát, đi đến lối đi phải bò gỏi, đi đến lối đi của dê, đi đến lối đi của cừu, đi đến lối đi phải chống gậy, đi đến lối đi bằng dù, đi đến lối đi phía trên lùm tre, đi đến lối đi của loài chim, đi đến lối đi của loài chuột, đi đến lối đi khe núi, đi đến lối đi vịn vào lau sậy. Bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ còn là như vậy.

Trong khi tìm kiếm nhưng không đạt được, rồi cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc không có lợi lộc. Bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ còn là như vậy. Trong khi tìm kiếm mà đạt được, và do đã đạt được mà cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc bảo vệ [nghĩ rằng]: “Làm cách nào để các vị vua không có thể lấy đi, các kẻ trộm cướp không thể mang đi, lửa không thể thiêu cháy, nước không thể cuốn đi, những kẻ thừa tự không được yêu mến không thể lấy đi các của cải của ta?” Trong khi được kẻ ấy bảo vệ, gìn giữ như vậy, các của cải ấy bị hư hoại. Kẻ ấy cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc xa lìa. Bị phiền muộn, bị sầu muộn, bị sầu khổ còn là như vậy.

“Nếu cũng gán bó vào việc đôi lứa, tựa như gã ngu khờ, bị sầu muộn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đã được công nhận là ‘bạc sáng suốt’, đã phát nguyện hạnh sống một mình, nếu cũng gán bó vào việc đôi lứa, tựa như gã ngu khờ, bị sầu muộn.”

7.8. *Sau khi biết được điều bất lợi này, ở đây bậc Hiền trí trước đó và sau này, nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình, không nên phục dịch việc đôi lứa.*

Sau khi biết được điều bất lợi này, ở đây bậc Hiền trí trước đó và sau này.

Điều này: Trước đây ở bản thể Sa-môn có tiếng tăm và đức hạnh, vào lúc khác, sau khi lìa bỏ đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng và việc học tập, vị đã quay trở lại cuộc sống thấp hèn có sự mất danh vọng và mất tiếng tăm; điều này là sự hư hỏng về thành đạt. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Ở đây: Ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở Phạm hạnh này, ở bản ngã này, ở thế giới loài người này.

“Sau khi biết được điều bất lợi này, ở đây bậc Hiền trí trước đó và sau này” là như thế.

Nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình: Nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình bởi hai lý do: Với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia hoặc với ý nghĩa rời xa tập thể.

Thế nào là nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia? Sau khi cắt đứt mọi sự vương bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vương bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vương bận về thân quyến, sau khi cắt đứt sự vương bận về bạn bè và thân hữu, sau khi cắt đứt sự vương bận về việc tích trữ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình nên thực hành, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng. Như vậy là nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình với việc đã chấp nhận đời sống xuất gia.

Thế nào là nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình với ý nghĩa rời xa tập thể? Trong khi đã được xuất gia như vậy, vị ấy một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Vị ấy nên đi một mình, nên đứng một mình, nên ngồi một mình, nên nằm một mình, nên đi vào làng để khát thực một mình, nên đi trở về một mình, nên ngồi nơi vắng vẻ một mình, nên quyết định kinh hành một mình, nên thực hành, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng một mình. Như vậy là nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình với ý nghĩa rời xa tập thể, nên thực hành chắc chắn, nên thực hành tinh tấn, nên có sự thọ trì vững chãi, nên có sự thọ trì kiên định trong các thiện pháp.

“Nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình” là như thế.

Không nên phục dịch việc đôi lứa.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng,... (nt)... vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Không nên phục vụ, không nên phục dịch, không nên kê cận, không nên thực hiện, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng pháp đôi lứa.

“Không nên phục dịch việc đôi lứa” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi biết được điều bất lợi này, ở đây bậc Hiền trí trước đó và sau này, nên thực hành vững chãi hạnh sống một mình, không nên phục dịch việc đôi lứa.”

7.9. *Nên học tập chỉ mỗi hạnh viễn ly, điều này đối với các bậc Thánh là tối thượng, với điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất; vị ấy quả nhiên ở gần Niết-bàn.*

Nên học tập chỉ mỗi hạnh viễn ly.

Sự viển ly: Có ba sự viển ly: Viển ly về thân, viển ly về tâm, viển ly về mầm tái sanh. Thế nào là viển ly về thân? ... (nt)... đây là viển ly về mầm tái sanh. Viển ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly. Viển ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối. Và viển ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác.

Sự học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Nên học tập chỉ mỗi hạnh viển ly: Nên học tập, nên thực hành, nên hành theo, nên tiếp nhận và duy trì chỉ mỗi hạnh viển ly.

“Nên học tập chỉ mỗi hạnh viển ly” là như thế.

Điều này đối với các bậc Thánh là tối thượng.

Các bậc Thánh: Nói đến chư Phật, các vị đệ tử của đức Phật và các vị Phật Độc Giác. Đối với các bậc Thánh, điều này là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, tức là sự thực hành hạnh viển ly.

“Điều này đối với các bậc Thánh là tối thượng” là như thế.

Với điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất: Với sự thực hành hạnh viển ly ấy, không nên tạo sự kiêu hãnh, không nên tạo sự hãnh diện, không nên tạo sự ngã mạn, không nên tạo sự mạnh bạo, không nên tạo sự bướng bỉnh, không do điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không do điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngạo cao đầu.

“Với điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất” là như thế.

Vị ấy quả nhiên ở gần Niết-bàn: Vị ấy ở gần, ở xung quanh, ở tại chỗ ngồi, ở không xa, ở kề bên Niết-bàn.

“Vị ấy quả nhiên ở gần Niết-bàn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Nên học tập chỉ mỗi hạnh viển ly, điều này đối với các bậc Thánh là tối thượng, với điều ấy không nên nghĩ [bản thân] là hạng nhất; vị ấy quả nhiên ở gần Niết-bàn.”

7.10. Đối với bậc Hiền trí đang sống, trống vắng [mọi ô nhiễm], không có sự trông mong các dục, đối với vị đã vượt qua [bốn] dòng nước lũ, người đời, bị buộc trôi ở các dục, mong cầu [được như vị ấy].

Đối với bậc Hiền trí đang sống, trống vắng [mọi ô nhiễm].

Trống vắng: Trống vắng, tách biệt, tách rời là trống vắng, tách biệt, tách rời với uế hạnh về thân; trống vắng, tách biệt, tách rời với uế hạnh về khẩu; trống vắng, tách biệt, tách rời với uế hạnh về ý; trống vắng, tách biệt, tách rời với sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất

cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

Đối với bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Đang sống: Là đang thực hành, đang trú ngụ, đang sinh hoạt, đang vận hành, đang bảo hộ, đang hộ trì, đang bảo dưỡng.

“Đối với bậc Hiền trí đang sống, trống vắng [mọi ô nhiễm]” là như thế.

Không có sự trông mong các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục; trong khi không trông mong các dục, dục được từ bỏ, dục được tẩy trừ, dục được giải thoát, dục được dứt bỏ, dục được buông bỏ, luyến ái được xa lìa, luyến ái được từ bỏ, luyến ái được tẩy trừ, luyến ái được giải thoát, luyến ái được dứt bỏ, luyến ái được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

“Không có sự trông mong các dục” là như thế.

Đối với vị đã vượt qua [bốn] dòng nước lũ, người đời bị buộc trói ở các dục, mong cầu [được như vị ấy].

Người đời: Là từ ngữ đề cập đến chúng sanh; người đời bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở các dục. Những người ấy ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu đối với vị đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi mọi nẻo đường luân hồi, đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến sự bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn.

Giống như những người thiếu nợ ước nguyện, mong cầu việc thoát khỏi nợ; giống như những người bệnh ước nguyện, mong cầu việc hết bệnh; giống như những người bị trói buộc vào sự cột trói ước nguyện, mong cầu việc thoát khỏi sự cột trói; giống như những người nô lệ ước nguyện, mong cầu sự tự do, giống như những người lao vào đường xa hiểm trở ước nguyện, mong cầu vùng đất an toàn; tương tự như vậy, người đời bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở các dục. Những người

ấy ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu đối với vị đã vượt dòng lũ [ngũ] đục, đã vượt dòng lũ của hữu... (nt)... đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn.

“Đối với vị đã vượt qua [bốn] dòng nước lũ, người đời, bị buộc trói ở các đục, mong cầu [được như vị ấy]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đối với bậc Hiền trí đang sống, trông vắng [mọi ô nhiễm], không có sự trông mong các đục, đối với vị đã vượt qua [bốn] dòng nước lũ, người đời, bị buộc trói ở các đục, mong cầu [được như vị ấy].”

“Diễn giải kinh về Tissametteyya” - Phần thứ bảy.



8. DIỄN GIẢI KINH VỀ PASŪRA (PASŪRASUTTANIDDESO)

Giờ phần “Diễn giải kinh về Pasūra” được nói đến:

8.1. *Họ [những kẻ theo tà kiến] nói rằng: “Chính ở đây là trong sạch.”*

Họ đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác.

Nương tựa vào nơi nào, họ nói sự tốt đẹp về nơi ấy,

Phần đông đã đi theo những chân lý riêng biệt.

Họ nói rằng: “Chính ở đây là trong sạch”: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả về sự trong sạch, về sự thanh tịnh, về sự hoàn toàn trong sạch, về sự thoát khỏi, về sự giải thoát, về sự hoàn toàn thoát khỏi ở chính nơi đây. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả về sự trong sạch, về sự thanh tịnh, về sự hoàn toàn trong sạch, về sự thoát khỏi, về sự giải thoát, về sự hoàn toàn thoát khỏi rằng: “Thế giới là thường còn, thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò dại.”

“Họ nói rằng: ‘Chính ở đây là trong sạch’” là như thế.

Họ đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác: Họ quăng bỏ, ném bỏ, vất bỏ tất cả các học thuyết khác, ngoại trừ bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ của bản thân. Họ đã nói như vậy: “Bậc Đạo sư ấy không là đáng Toàn tri, giáo pháp ấy không khéo được thuyết giảng, tập thể ấy đã không thực hành tốt đẹp, quan điểm ấy không tốt đẹp, lối thực hành ấy đã không khéo được quy định, đạo lộ ấy không dẫn dắt ra khỏi, ở nơi ấy không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở nơi ấy không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi, họ là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi”, họ nói như vậy, họ thuyết như vậy, họ phát ngôn như vậy, họ giảng giải như vậy, họ diễn tả như vậy.

“Họ đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác” là như thế.

Nương tựa vào nơi nào, họ nói sự tốt đẹp về nơi ấy.

Nương tựa vào nơi nào: Vào bậc Đạo sư, vào giáo lý, vào tập thể, vào quan điểm, vào lối thực hành, vào đạo lộ nào mà họ đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến.

Về nơi ấy: Là về quan điểm của mình, về sự chấp nhận của mình, về sự ưa thích của mình, về quan niệm của mình.

Họ nói sự tốt đẹp: Là có học thuyết tốt đẹp, có học thuyết lịch sự, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Nương tựa vào nơi nào, họ nói sự tốt đẹp về nơi ấy” là như thế.

Phản đông đã đi theo những chân lý riêng biệt: Phản đông các Sa-môn và Bà-la-môn đã đi theo, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến những chân lý riêng biệt của cá nhân. Họ đã đi theo, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại”; họ đã đi theo, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến rằng: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”

“Phản đông đã đi theo những chân lý riêng biệt” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Họ [những kẻ theo tà kiến] nói rằng: ‘Chính ở đây là trong sạch.’

Họ đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác.

Nương tựa vào nơi nào, họ nói sự tốt đẹp về nơi ấy.

Phản đông đã đi theo những chân lý riêng biệt.”

8.2. Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khi chen vào hội chúng,

Từng đôi, chúng đánh giá lẫn nhau là ngu dốt.

Dựa dẫm vào người khác, chúng nói lời bàn cãi,

Mong muốn lời ca ngợi, chúng nói [học thuyết] là thiện xảo.

Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khi chen vào hội chúng.

Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy: Những kẻ ấy có sự mong muốn tranh luận, có mục đích tranh luận, có chủ tâm tranh luận, có sự chú trọng tranh luận, có sự tâm cầu tranh luận trong khi đi đến.

Sau khi chen vào hội chúng: Là sau khi chen vào, sau khi xen vào, sau khi lặn sâu vào, sau khi đi vào hội chúng Sát-đế-ly, hội chúng Bà-la-môn, hội chúng gia chủ, hội chúng Sa-môn.¹

“Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khi chen vào hội chúng” là như thế.

Từng đôi, chúng đánh giá lẫn nhau là ngu dốt.

¹ Đã dịch theo sự hiệu đính của Tam tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS. (ND)

Tùng đôi: Là hai người, hai người gây nên sự cãi cọ, hai người gây nên sự cãi lộn, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí, hai người gây nên sự tranh cãi, hai người gây nên sự tranh tụng, hai người tranh luận, hai người chuyện trò. Chúng đánh giá, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát lẫn nhau là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

“Tùng đôi, chúng đánh giá lẫn nhau là ngu dốt” là như thế.

Dựa dẫm vào người khác, chúng nói lời bàn cãi: Những người ấy nương tựa, dựa dẫm, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ khác.

Lời bàn cãi: Nói đến sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ. Hoặc là, **lời bàn cãi:** Lời nói ấy là vô bổ. Chúng nói lời bàn cãi, nói lời cãi cọ, nói lời cãi lộn, nói lời cãi vã, nói lời tranh cãi, nói lời gây gổ, chúng thuyết, chúng phát ngôn, chúng giảng giải, chúng diễn tả.

“Dựa dẫm vào người khác, chúng nói lời bàn cãi” là như thế.

Mong muốn lời ca ngợi, chúng nói [học thuyết] là thiện xảo.

Mong muốn lời ca ngợi: Là có sự mong muốn lời ca ngợi, có mục đích về lời ca ngợi, có chủ tâm về lời ca ngợi, có sự chú trọng về lời ca ngợi, có sự tâm cầu về lời ca ngợi trong khi đi đến.

Chúng nói là thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Mong muốn lời ca ngợi, chúng nói [học thuyết] là thiện xảo” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Mong muốn tranh luận, những kẻ ấy sau khi chen vào hội chúng,
Tùng đôi, chúng đánh giá lẫn nhau là ngu dốt.
Dựa dẫm vào người khác, chúng nói lời bàn cãi,
Mong muốn lời ca ngợi, chúng nói [học thuyết] là thiện xảo.”*

8.3. Kẻ gán bó với sự phát biểu ở giữa hội chúng,

Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thì trở nên lo lắng.

Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ,

Vì sự chê bai, kẻ ấy bị bức tức, có sự tìm kiếm điểm thiếu sót.

Kẻ gán bó với sự phát biểu ở giữa hội chúng: Kẻ gán bó, gán vào, gán chặt, gán liền, kết gán với sự phát biểu của bản thân ở hội chúng Sát-đế-ly, hoặc ở hội chúng Bà-la-môn, hoặc ở hội chúng gia chủ, hoặc ở hội chúng Sa-môn để phát biểu.

“Kẻ gán bó với sự phát biểu ở giữa hội chúng” là như thế.

Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thì trở nên lo lắng.

Trong khi ước muốn lời ca ngợi: Trong khi ước muốn là trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu lời ca ngợi, sự tán dương, sự nổi tiếng, sự rạng danh.

Thì trở nên lo lắng: Ngay trước cuộc nói chuyện thì có nỗi nghi hoặc, có sự lo lắng rằng: “Phải chăng sẽ có sự chiến thắng cho ta? Phải chăng sẽ có sự thất bại cho ta? Ta sẽ thực hiện việc chỉ trích như thế nào? Ta sẽ thực hiện việc bào chữa như thế nào? Ta sẽ tạo sự đề cao như thế nào? Ta sẽ tạo sự gây ấn tượng như thế nào? Ta sẽ tạo sự gút mắc như thế nào? Ta sẽ tạo sự gỡ rối như thế nào? Ta sẽ tạo sự cắt ngang như thế nào? Ta sẽ tạo sự kết nối như thế nào?” Ngay trước cuộc nói chuyện thì có nỗi nghi hoặc, có sự lo lắng là như vậy.

“Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thì trở nên lo lắng” là như thế.

Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ: Những người nào là các vị xem xét câu hỏi, các hội đoàn, các thành viên, các kiểm tra viên, những người ấy bác bỏ. Họ bác bỏ vì ý nghĩa: “Điều đã nói xa rời ý nghĩa.” Họ bác bỏ vì văn tự: “Điều đã nói xa rời văn tự.” Họ bác bỏ vì ý nghĩa và văn tự: “Điều đã nói xa rời ý nghĩa và văn tự.” Họ bác bỏ rằng: “Ý nghĩa đã được ông trình bày sai, văn tự đã được ông trích dẫn tời, nghĩa và văn tự đã được ông trình bày sai và trích dẫn tời, ông đã không thực hiện việc chỉ trích, ông đã thực hiện tời việc bào chữa, ông đã không tạo sự đề cao, ông đã làm dở việc gây ấn tượng, ông đã không tạo sự gút mắc, ông đã làm dở việc gỡ rối, ông đã không tạo sự cắt ngang, ông đã làm dở việc kết nối. Điều đã thuyết là không suông sẻ, đã được thuyết dở, đã được phát ngôn dở, đã được đối đáp tời, đã được thốt ra tời, đã bị nói vụng về.”

Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ: Khi bị chối từ thì trở nên xấu hổ, bị dấn vật, bị đụng chạm, bị bệnh hoạn, bị ưu phiền.

“Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ” là như thế.

Vì sự chê bai, kẻ ấy bị bức tức, có sự tìm kiếm điểm thiếu sót: Vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự không nổi tiếng, vì sự không ca tụng, nên bị bức tức, tức giận, phản kháng bày tỏ sự bức tức, sự sân hận, sự không bằng lòng. “Vì sự chê bai, kẻ ấy bị bức tức” là như thế.

Có sự tìm kiếm điểm thiếu sót: Có sự tìm kiếm điểm thiếu sót là có sự tìm kiếm chỗ thủng, có sự tìm kiếm khuyết điểm, có sự tìm kiếm sự lầm lỡ, có sự tìm kiếm sự vấp ngã, có sự tìm kiếm sự đụng chạm, có sự tìm kiếm kẻ hở.

“Vì sự chê bai, kẻ ấy bị bức tức, có sự tìm kiếm điểm thiếu sót” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Kẻ gần bó với sự phát biểu ở giữa hội chúng,

Trong khi ước muốn lời ca ngợi, thì trở nên lo lắng.

Hơn nữa, khi bị bác bỏ thì trở nên xấu hổ,

Vì sự chê bai, kẻ ấy bị bức tức, có sự tìm kiếm điểm thiếu sót.”

8.4. Họ đã nói rằng cuộc tranh luận của người này là hèn mọn,
Những vị xem xét câu hỏi đã bác bỏ.
Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn,
Phản nản rằng: “Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi.”

Họ đã nói rằng cuộc tranh luận của người này là hèn mọn: Cho rằng cuộc tranh luận của người này là thấp hèn, hèn kém, hèn mọn, bị bỏ qua, không được hoàn hảo; các vị đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“Họ đã nói rằng cuộc tranh luận của người này là hèn mọn” là như thế.

Những vị xem xét câu hỏi đã bác bỏ: Những người nào là các vị xem xét câu hỏi, các hội đoàn, các thành viên, các kiểm tra viên, những người ấy bác bỏ. Họ bác bỏ vì ý nghĩa: “Điều đã nói xa rời ý nghĩa.” Họ bác bỏ vì văn tự: “Điều đã nói xa rời văn tự.” Họ bác bỏ vì ý nghĩa và văn tự: “Điều đã nói xa rời ý nghĩa và văn tự.” Họ bác bỏ rằng: “Ý nghĩa của ông được trình bày sai, văn tự của ông được trích dẫn tồi, ý nghĩa và văn tự của ông được trình bày sai và được trích dẫn tồi, ông đã không thực hiện việc chỉ trích, ông đã thực hiện tồi việc bào chữa, ông đã không tạo sự đề cao, ông đã làm dờ việc gây ấn tượng, ông đã không tạo sự gút mắc, ông đã làm dờ việc gỡ rối, ông đã không tạo sự cắt ngang, ông đã làm dờ việc kết nối. Điều đã thuyết là không suông sẻ, đã được thuyết dở, đã được phát ngôn dở, đã được đối đáp tồi, đã được thốt ra tồi, đã bị nói vụng về.”

“Những vị xem xét câu hỏi đã bác bỏ” là như thế.

Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn.

Than vãn [rằng]: “Ta đã suy tính cách khác, đã suy nghĩ cách khác, đã suy luận cách khác, đã học tập cách khác, đã suy xét cách khác. Kẻ ấy có phe cánh đông hơn, có hội chúng đông hơn, có tùy tùng đông hơn. Hội chúng này là phe nhóm, không hợp nhất. Hãy có cuộc thuyết giảng và nói chuyện ở hội chúng hợp nhất, ta sẽ bẻ gãy lại”, lời nói nào có hình thức như vậy là nói lảm nhảm, nói huyền thuyên, nói kẻ lể, lồi nói kẻ lể, trạng thái nói kẻ lể. “Than vãn” là như thế.

Sầu muộn: Sầu muộn rằng: “Chiến thắng thuộc về kẻ ấy”, sầu muộn rằng: “Thất bại thuộc về ta”, sầu muộn rằng: “Lợi lộc thuộc về kẻ ấy”, sầu muộn rằng: “Thất lợi thuộc về ta”, sầu muộn rằng: “Danh vọng thuộc về kẻ ấy”, sầu muộn rằng: “Không danh vọng thuộc về ta”, sầu muộn rằng: “Khen ngợi thuộc về kẻ ấy”, sầu muộn rằng: “Chê bai thuộc về ta”, sầu muộn rằng: “Hạnh phúc thuộc về kẻ ấy”, sầu muộn rằng: “Đau khổ thuộc về ta.” Sầu muộn rằng: “Kẻ ấy được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; ta không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường, không được nể nang, không nhận được y phục,

vật thực, chỗ trú ngụ và vật dụng là thuốc men chữa bệnh”; rồi mệt mỏi, than vãn, đắm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội. “Than vãn, sầu muộn” là như thế.

Cuộc tranh luận thấp hèn: Cuộc tranh luận thấp hèn là cuộc tranh luận hèn mọn, cuộc tranh luận bị bỏ qua, cuộc tranh luận không được hoàn hảo.

“Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn” là như thế.

Phản nản rằng: “Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi.” “Kẻ ấy đã vượt trội, đã vượt khỏi, là đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi tôi trong lúc tranh luận với tôi bằng cuộc tranh luận.” “Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi” là như vậy. Hoặc là, “Trong lúc tranh luận với tôi bằng cuộc tranh luận, sau khi ngự trị, sau khi đề bệ, sau khi trấn áp, sau khi chà đạp tôi, kẻ ấy sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.” “Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi” còn là như vậy.

Phản nản: Đề cập đến lời nói, việc nói làm nhảm, việc nói huyền thuyên, việc nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể.

“Phản nản rằng: ‘Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi.’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Họ đã nói rằng cuộc tranh luận của người này là hèn mọn,

Những vị xem xét câu hỏi đã bác bỏ.

Người có cuộc tranh luận thấp hèn than vãn, sầu muộn,

Phản nản rằng: ‘Kẻ ấy đã vượt hẳn tôi.’”

8.5. Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vị Sa-môn.

Ở những việc này có sự hưng phấn và chán nản.

Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn cãi,

Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi.

Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vị Sa-môn.

Các vị Sa-môn: Bất cứ những vị nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này. Các sự cãi cọ về quan điểm, các sự cãi lộn về quan điểm, các sự cãi vã về quan điểm, các sự tranh cãi về quan điểm, các sự gây gổ về quan điểm này đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện giữa các vị Sa-môn.

“Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vị Sa-môn” là như thế.

Ở những việc này có sự hưng phấn và chán nản: Là có chiến thắng và thất bại, có lợi lộc và không lợi lộc, có danh vọng và không danh vọng, có ca ngợi và chê bai, có hạnh phúc và khổ đau, có hỷ tâm và ưu tâm, có ưa thích và không ưa thích, có ưa chuộng và bất bình, có hưng phấn và chán nản, có chiều chuộng và chống đối; do chiến thắng tâm được hưng phấn, do thất bại tâm bị chán nản; do có lợi lộc tâm được hưng phấn, do không có lợi lộc tâm bị chán nản; do có danh vọng tâm được hưng phấn, do không có danh vọng tâm bị chán nản; do lời ca ngợi tâm được hưng phấn, do lời chê bai tâm bị chán nản; do hạnh phúc tâm được hưng phấn, do khổ đau tâm bị chán nản; do hỷ tâm tâm được

hưng phấn, do ưu tâm tâm bị chán nản; do kiêu hãnh tâm được hưng phấn, do mặc cảm tâm bị chán nản.

“Ở những việc này có sự hưng phấn và chán nản” là như thế.

Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn cãi.

Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi này ở các sự cãi cọ về quan điểm, ở các sự cãi lộn về quan điểm, ở các sự cãi vã về quan điểm, ở các sự tranh cãi về quan điểm, ở các sự gây gổ về quan điểm. “Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này” là như thế.

Nên xa lánh sự bàn cãi: Sự bàn cãi nói đến sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ. Hoặc là, **sự bàn cãi:** Lời nói ấy là vô bổ. Không nên tạo ra sự bàn cãi, không nên tạo ra sự cãi cọ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, cãi lộn, cãi vã, tranh cãi, gây gổ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gổ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn cãi” là như thế.

Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi: Ngoài việc đạt được lời ca ngợi, không có lợi ích nào khác, lợi ích cho bản thân hay lợi ích cho người khác hoặc lợi ích cho cả hai, lợi ích liên quan đời này hay lợi ích liên quan đời sau, lợi ích hời hợt hay lợi ích thâm sâu, lợi ích được giấu kín hay lợi ích được che đậy, lợi ích tiềm tàng hoặc lợi ích hiển hiện, lợi ích có tội lỗi hay lợi ích không ô nhiễm, lợi ích trong trắng hay lợi ích tối thượng là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

“Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Những sự tranh cãi này đã sanh khởi giữa các vị Sa-môn.

Ở những việc này có sự hưng phấn và chán nản.

Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, nên xa lánh sự bàn cãi,

Bởi vì không có lợi ích nào khác ngoài việc đạt được lời ca ngợi.”

8.6. Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ở nơi ấy,
Sau khi đã nói lên lời tranh luận ở giữa hội chúng,
Kẻ ấy cười về điều ấy, kiêu hãnh vì điều ấy,
Sau khi đã đạt được mục đích ấy theo như ý định đã có.

Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ở nơi ấy.

Ở nơi ấy: Được ca ngợi, được tán dương, được nổi tiếng, được rạng danh bởi quan điểm của mình, bởi sự chấp nhận của mình, bởi sự ưa thích của mình, bởi quan niệm của mình.

“Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ở nơi ấy” là như thế.

Sau khi đã nói lên lời tranh luận ở giữa hội chúng: Sau khi đã nói lên, sau khi đã nêu ra lời tranh luận; sau khi đã nói lên, sau khi đã nêu ra, sau khi đã kiện toàn, sau khi đã tăng cường, sau khi đã giảng giải, sau khi đã làm rõ, sau khi đã diễn tả, sau khi đã nắm vững lời biện luận của mình ở giữa hội chúng Sát-đế-ly, hội chúng Bà-la-môn, hội chúng gia chủ, hội chúng Sa-môn.

“Sau khi đã nói lên lời tranh luận ở giữa hội chúng” là như thế.

Kẻ ấy cười về điều ấy, kiêu hãnh vì điều ấy: Kẻ ấy với thắng lợi ấy trở nên vui sướng, vui vẻ, thích thú, hoan hỷ, có tâm tư được trọn vẹn; hoặc là trong lúc cười nhe răng, kẻ ấy cười.

Kiêu hãnh vì điều ấy: Kẻ ấy được kiêu hãnh với thắng lợi ấy. Sự kiêu hãnh, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm.

“Kẻ ấy cười về điều ấy, kiêu hãnh vì điều ấy” là như thế.

Sau khi đã đạt được mục đích ấy theo như ý định đã có: Sau khi đã đạt được, sau khi đã đến nơi, sau khi đã đạt đến, sau khi đã tìm thấy, sau khi đã tiếp nhận thắng lợi ấy.

Theo như ý định đã có: Theo như ý định đã có là theo như tâm ý đã có, theo như tâm tư đã có, theo như tâm thức đã có.

“Sau khi đã đạt được mục đích ấy theo như ý định đã có” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Hoặc hơn nữa, kẻ được ca ngợi ở nơi ấy,
Sau khi đã nói lên lời tranh luận ở giữa hội chúng,
Kẻ ấy cười về điều ấy, kiêu hãnh vì điều ấy,
Sau khi đã đạt được mục đích ấy theo như ý định đã có.”*

8.7. Cái nào là sự kiêu hãnh, cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt.

Hơn nữa, kẻ ấy nói một cách ngã mạn và cao ngạo.

Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh cãi,

Bởi vì các bậc thiện xảo nói sự trong sạch là không do việc ấy.

Cái nào là sự kiêu hãnh, cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt.

Cái nào: Cái nào là sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; “cái nào là sự kiêu hãnh” là như thế.

Cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt: Cái ấy là vùng đất tiêu diệt, vùng đất phá hại, vùng đất hành hạ, vùng đất đụng chạm, vùng đất bất hạnh, vùng đất nguy cơ đối với kẻ ấy.

“Cái nào là sự kiêu hãnh, cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt” là như thế.

Hơn nữa, kẻ ấy nói một cách ngã mạn và cao ngạo: Nhân vật ấy nói một cách ngã mạn và nói một cách cao ngạo.

“Hơn nữa, kẻ ấy nói một cách ngã mạn và cao ngạo” là như thế.

Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh cãi: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều bất lợi này ở các sự cãi cộ về quan điểm, ở các sự cãi lộn về quan điểm, ở các sự cãi vã về quan điểm, ở các sự tranh cãi về quan điểm, ở các sự gây gổ về quan điểm. “Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này” là như thế.

Không nên tranh cãi: Không nên tạo ra sự cãi cộ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cộ, cãi lộn, cãi vã, tranh cãi, gây gổ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cộ, cãi lộn, cãi vã, tranh cãi, gây gổ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh cãi” là như thế.

Bởi vì các bậc thiện xảo nói sự trong sạch là không do việc ấy.

Các bậc thiện xảo: Những bậc thiện xảo về uân, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về tùy thuận duyên khởi, thiện xảo về việc thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về yếu tố đưa đến giác ngộ, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn, [các bậc thiện xảo ấy] không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do sự cãi cộ về quan điểm, do sự cãi lộn về quan điểm, do sự cãi vã về quan điểm, do sự tranh cãi về quan điểm, do sự gây gổ về quan điểm.

“Bởi vì các bậc thiện xảo nói sự trong sạch là không do việc ấy” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Cái nào là sự kiêu hãnh, cái ấy đối với kẻ ấy là vùng đất tiêu diệt.

Hơn nữa, kẻ ấy nói một cách ngã mạn và cao ngạo.

Sau khi nhìn thấy luôn cả điều này, không nên tranh cãi,

Bởi vì các bậc thiện xảo nói sự trong sạch là không do việc ấy.”

8.8. Giống như vị dũng sĩ, được chu cấp với thức ăn của nhà vua,

Đi đến, la hét, ước muốn có dũng sĩ đối địch.

Này dũng sĩ, người hãy đi đến nơi kẻ [dũng sĩ đối địch] ấy,

Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiễm] gì để mà chiến đấu.

Giống như vị dũng sĩ, được chu cấp với thức ăn của vua.

Vị dũng sĩ: Vị dũng sĩ là vị anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy.

Được chu cấp với thức ăn của vua: Được chu cấp, được nuôi dưỡng, được cung cấp, được tăng trưởng nhờ vào vật thực cứng của nhà vua, nhờ vào vật thực mềm của nhà vua.

“Giống như vị dũng sĩ, được chu cấp với thức ăn của nhà vua” là như thế.

Đi đến, la hét, ước muốn có dũng sĩ đối địch: Vị ấy đi đến, tiếp cận, đi đến gần, vừa kêu la, vừa la lên, vừa la hét, trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu có dũng sĩ đối địch, có người nam đối địch, có kẻ thù đối địch, có võ sĩ đối địch.

“Đi đến, la hét, ước muốn có dũng sĩ đối địch” là như thế.

Này dũng sĩ, người hãy đi đến nơi kẻ [dũng sĩ đối địch] ấy: Kẻ theo tà kiến ấy hiện ở nơi nào, thì người hãy đi đến nơi ấy, hãy tiến đến nơi ấy, hãy đến gần nơi ấy, hãy tiến về nơi ấy. Kẻ ấy là dũng sĩ đối địch, người nam đối địch, kẻ thù đối địch, võ sĩ đối địch của người.

“Này dũng sĩ, người hãy đi đến nơi kẻ [dũng sĩ đối địch] ấy” là như thế.

Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiễm] gì để mà chiến đấu: Quả thật trước đây ở gốc cây Bồ-đề, những ô nhiễm có hành động đối kháng, có hành động đối nghịch, có hành động chống đối, có hành động đối lập là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

Để mà chiến đấu: Tức là nhằm mục đích chiến đấu, nhằm mục đích cãi cộ, nhằm mục đích cãi lộn, nhằm mục đích cãi vã, nhằm mục đích tranh cãi, nhằm mục đích gây gổ.

“Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiễm] gì để mà chiến đấu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Giống như vị dũng sĩ, được chu cấp với thức ăn của nhà vua,

Đi đến, la hét, ước muốn có dũng sĩ đối địch.

Này dũng sĩ, người hãy đi đến nơi kẻ [dũng sĩ đối địch] ấy,

Quả thật trước đây đã không còn [ô nhiễm] gì để mà chiến đấu.”

8.9. Những kẻ nào sau khi tiếp thu tà kiến, rồi tranh cãi và nói rằng: “Chỉ mỗi điều này là chân lý.” *Người hãy nói với những kẻ ấy rằng: “Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với người ở đây thật sự không có.”*

Những kẻ nào sau khi tiếp thu tà kiến, rồi tranh cãi: Những kẻ nào sau khi chấp nhận, sau khi nắm lấy, sau khi tiếp thu, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt bất cứ tà kiến nào thuộc về sáu mươi hai tà kiến rồi tranh cãi, rồi gây ra sự cãi cộ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: “Người không biết Pháp và Luật này, ta biết Pháp và Luật này, người sẽ biết gì về Pháp và Luật này? Người thực hành sai trái, ta thực hành đúng đắn, có lợi ích cho ta, không có lợi ích cho người, điều nên nói trước đã nói sau, điều nên nói sau đã nói trước, lẽ thói của người đã bị đảo lộn, học thuyết của người đã bị lên án, người bị phản đối, người hãy hành xử cho việc thoát ra khỏi lời nói [của mình], hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng.”

“Những kẻ nào sau khi tiếp thu tà kiến, rồi tranh cãi” là như thế.

Và nói rằng: “Chỉ mỗi điều này là chân lý”: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rô đại”; họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rô đại.”

“Và nói rằng: Chỉ mỗi điều này là chân lý” là như thế.

Người hãy nói với những kẻ ấy rằng: “Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với người ở đây thật sự không có”: Người hãy nói với những kẻ theo tà kiến ấy về sự tranh luận bằng sự tranh luận, về sự chỉ trích bằng sự chỉ trích, về sự bào chữa bằng sự bào chữa, về sự đề cao bằng sự đề cao, về sự gây ấn tượng bằng sự gây ấn tượng, về sự gút mắc bằng sự gút mắc, về sự gỡ rối bằng sự gỡ rối, về sự cắt ngang bằng sự cắt ngang, về sự kết nối bằng sự kết nối. Người hãy nói với những kẻ ấy rằng: “Những người ấy là các dũng sĩ đối địch, các người nam đối địch, các kẻ thù đối địch, các võ sĩ đối địch đối với người.”

“Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với người ở đây thật sự không có”: Khi cuộc tranh luận đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện, những người nào thật sự là những người đối kháng, những người đối nghịch, những người chống đối, những người đối lập có thể tạo ra sự cãi cọ, có thể tạo ra sự cãi lộn, có thể tạo ra sự cãi vã, có thể tạo ra sự tranh cãi, có thể tạo ra sự gây gổ; những người ấy là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Người hãy nói với những kẻ ấy rằng: ‘Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với người ở đây thật sự không có’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Những kẻ nào sau khi tiếp thu tà kiến, rồi tranh cãi và nói rằng: ‘Chỉ mỗi điều này là chân lý.’ Người hãy nói với những kẻ ấy rằng: ‘Khi cuộc tranh luận sanh khởi, người đối kháng với người ở đây thật sự không có.’”

8.10. *Hơn nữa, sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vị nào sống không chống đối quan điểm [này] bằng các quan điểm [khác], này Pasūra, người có thể đạt được gì ở những vị ấy, là những vị ở đây không có điều gì được nắm bắt là tối thắng.*

Hơn nữa, sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vị nào sống: Đạo binh nói đến đạo binh của Ma vương; uế hạnh về thân là đạo binh của Ma vương; uế hạnh về khẩu là đạo binh của Ma vương; uế hạnh về ý là đạo binh của Ma vương; tham lam là đạo binh của Ma vương; sân hận là đạo binh của Ma vương; si mê là đạo binh của Ma vương; giận dữ là đạo binh của Ma vương;

thù hằn là đạo binh của Ma vương; gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xảo lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đạo binh của Ma vương.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Các dục là đạo binh thứ nhất của người, thứ nhì nói đến sự không thích thú,... (nt)... và vị đã chiến thắng thì đạt được sự an lạc.”²

Vào lúc tất cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đối kháng đã bị đánh bại và đã bị khuất phục, đã bị đổ vỡ, đã bị tan rã, không còn hiện diện, nhờ vào bốn Thánh đạo; vì thế, được gọi là “sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm].”

Những vị nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Sống: Các vị sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

“Hơn nữa, sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vị nào sống” là như thế.

Không chống đối quan điểm [này] bằng các quan điểm [khác]: Đối với những vị nào, sáu mươi hai tà kiến đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, những vị ấy không chống đối, không chống báng, không đụng chạm, không công kích, không phản công quan điểm [này] bằng các quan điểm [khác].

“Không chống đối quan điểm [này] bằng các quan điểm [khác]” là như thế.

Này Pasūra, người có thể đạt được gì ở những vị ấy: Người có thể đạt được dừng sĩ đối địch, người nam đối địch, kẻ thù đối địch, võ sĩ đối địch gì ở các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt ấy?

“Này Pasūra, người có thể đạt được gì ở những vị ấy” là như thế.

Là những vị ở đây không có điều gì được nắm bắt là tối thắng: Đối với các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, điều được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến rằng: “Điều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý” thì không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Là những vị ở đây không có điều gì được nắm bắt là tối thắng” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Hơn nữa, sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], những vị nào sống không chống đối quan điểm [này] bằng các quan điểm [khác], này Pasūra, người có thể đạt được gì ở những vị ấy, là những vị ở đây không có điều gì được nắm bắt là tối thắng.”

² Xem đầy đủ ở câu kệ 4.6, trang 81. (ND)

8.11. Giờ người đã đi đến sự suy xét,

Trong khi dùng ý suy nghĩ về các tà kiến.

Người đã gặp gỡ đối đầu với vị đã rửa sạch,

Người quả không có khả năng để đi cùng.

Giờ người đã đi đến sự suy xét.

Giờ: Từ “*atha*” này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Đã đi đến sự suy xét: Trong khi suy nghĩ, trong khi suy tư, trong khi tư duy rằng: “Phải chăng sẽ có sự chiến thắng cho ta? Phải chăng sẽ có sự thất bại cho ta? Ta sẽ thực hiện việc chỉ trích như thế nào? Ta sẽ thực hiện việc bào chữa như thế nào? Ta sẽ tạo sự đề cao như thế nào? Ta sẽ tạo việc gây ấn tượng như thế nào? Ta sẽ tạo sự gút mắc như thế nào? Ta sẽ tạo sự gỡ rối như thế nào? Ta sẽ tạo sự cắt ngang như thế nào? Ta sẽ tạo sự kết nối như thế nào?” Trong khi suy nghĩ, trong khi suy tư, trong khi tư duy như vậy, người đã đi đến, người đã đi đến gần, người đã đạt đến, người đã đi đến gặp gỡ ta.

“Giờ người đã đi đến sự suy xét” là như thế.

Trong khi dùng ý suy nghĩ về các tà kiến.

Ý: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám; ý, ý xú, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Trong khi nghĩ đến, trong khi nghĩ về tà kiến bằng tâm rằng: “Thế giới là thường còn”, hoặc “thế giới là không thường còn”,... (nt)... hoặc “chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết.”

“Trong khi dùng ý suy nghĩ về các tà kiến” là như thế.

Người đã gặp gỡ đối đầu với vị đã rửa sạch, người quả không có khả năng để đi cùng.

Việc rửa sạch: Được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Vì lý do gì mà việc rửa sạch được gọi là tuệ? Nhờ vào tuệ ấy, uế hạnh về thân được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; uế hạnh về khẩu... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Hoặc là, nhờ vào chánh kiến, tà kiến được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch; nhờ vào chánh tư duy, tà tư duy... (nt)... nhờ vào chánh giải thoát, tà giải thoát được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Hoặc là, nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện được rửa bỏ, được rửa sạch, được tẩy sạch, được gột sạch. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu các pháp cần được rửa sạch này, vì thế đức Thế Tôn là vị đã được rửa sạch. Vị ấy có luyến ái đã được rửa bỏ, có điều ác đã được rửa bỏ, có ô nhiễm đã được rửa bỏ, có sự bức bối đã được rửa bỏ. “Vị đã rửa sạch” là như thế.

Người đã gặp gỡ đối đầu với vị đã rũ sạch, người quả không có khả năng để đi cùng: Du sĩ ngoại đạo Pasūra không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh, để đàm luận, để thảo luận, để đạt đến sự đàm luận cùng với đức Phật, với đức Thế Tôn. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Du sĩ ngoại đạo Pasūra là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi; còn đức Thế Tôn ấy là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng và cao quý. Giống như con thỏ không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với con voi về khối lượng; giống như con chó rừng không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với con sư tử, vua của loài thú; giống như con bê còn nhỏ đang bú mẹ không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với con bò đực về mức độ di chuyển; giống như con quạ không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với con nhơn điều là loài linh thú; giống như hạng người hạ tiện không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với đức vua là vị Chuyển Luân Vương; giống như loài địa tinh không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh cùng với vị Indra, vua của chư thiên; tương tự như vậy, du sĩ ngoại đạo Pasūra không có khả năng để đi đến gặp gỡ đối đầu, để nắm lấy sự cạnh tranh, để đàm luận, để thảo luận, để đạt đến sự đàm luận cùng với đức Phật, với đức Thế Tôn, bậc đã rũ sạch. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Du sĩ ngoại đạo Pasūra là có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi; còn đức Thế Tôn ấy có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi diệu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt, bậc thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, có trí đã được phát triển, đã đạt đến tuệ phân tích, đã đạt được bốn pháp tự tin, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Nguru, bậc Nhân Sư, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hường Đạo, bậc Hường Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thu, bậc Khởi Mở, bậc Khởi Tín.

Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy].

Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vị công bố, là vị tuyên thuyết, là vị chỉ dẫn mục đích, là vị ban cho bất tử, là bậc Pháp Chủ, là đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại với mọi biểu hiện đều đi đến phạm vi ở trong tầm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải

biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích sâu sắc, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lợi ích không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong sạch, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng; tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí. Tất cả khẩu nghiệp đều vận hành theo trí. Tất cả ý nghiệp đều vận hành theo trí.

Đức Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, có trí không bị chướng ngại về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liền đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chúng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều-có-thể-biết và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp.

Tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với sự chú tâm, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Và đức Phật Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nét hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cỗi chư thiên, cỗi Ma vương, cỗi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn cỗi chư thiên, cỗi Ma vương, cỗi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điều là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bầu trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí.

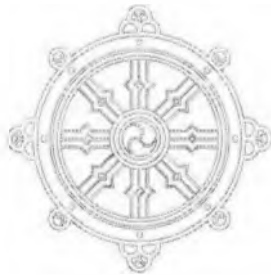
Phật trí thâm nhập tuệ của chư thiên và loài người, ngự trị và còn trụ lại. Những vị Sát-đế-ly sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suốt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bẻ đôi các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ.

“Người đã gặp gỡ đôi đầu với vị đã rũ sạch, người quả không có khả năng để đi cùng” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Giờ người đã đi đến sự suy xét,
Trong khi dùng ý suy nghĩ về các tà kiến.
Người đã gặp gỡ đôi đầu với vị đã rũ sạch,
Người quả không có khả năng để đi cùng.”*

“Diễn giải kinh về Pasūra” - Phần thứ tám.



9. DIỄN GIẢI KINH VỀ MĀGANDIYA (MĀGANDIYASUTTANIDDESO)

Giờ phần “Diễn giải kinh về Māgandiya” được nói đến:

- 9.1.** *Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái,
Ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có.
Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây?
Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân.*

Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái, ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có: Sau khi nhìn thấy ba người con gái của Ma vương là Taphā, Aratī và Ragā (tham ái, bất mãn và luyến ái), sự mong muốn về việc đôi lứa, hoặc luyến ái, hoặc yêu thương đã không hiện hữu.

“Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái, ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có” là như thế.

Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây? Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân: Thân xác này được chứa đầy nước tiểu, được chứa đầy phân, được chứa đầy mủ, được chứa đầy máu, được kết nối bởi những khúc xương, được buộc chung lại bằng những sợi gân, được bôi trét với máu và thịt, được bao bọc bởi lớp da trong, được che đậy bởi lớp da ngoài, được đục thủng ở nhiều lỗ đang rò rỉ bên trên, đang rò rỉ bên dưới, được lai vãng bởi tập thể dòi bọ, được tràn đầy bởi những thứ xấu xa dơ bẩn nhiều loại, là cái gì đây? Ta không muốn đặt bàn chân lên nó, vậy thì làm sao có được sự sống chung hay sự kết hợp với nhau?

“Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây? Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái,
Ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có.
Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây?
Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân.”*

- 9.2.** *Nếu Ngài không ước muốn báu vật như thế này, một người nữ được ước nguyện bởi nhiều vị vua chúa, vậy Ngài nói về quan điểm, về giới, về phận sự, về cuộc sống, và về sự sanh lên của hiện hữu [của bản thân] thuộc loại như thế nào?*

Māgandiya hỏi rằng: “Con người trong khi ước nguyện các dục ở cõi trời

thì không ước muốn các dục thuộc loài người, hoặc là trong khi ước nguyện các dục thuộc loài người thì không ước muốn các dục ở cõi trời, điều này không kỳ lạ chút nào; còn Ngài lại không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu luôn cả hai điều này, vậy quan điểm của Ngài là gì? Ngài có quan điểm thuộc loại nào?”

“Nếu Ngài không ước muốn báu vật như thế này, một người nữ được ước nguyện bởi nhiều vị vua chúa, vậy Ngài nói về quan điểm, về giới, về phạm sự, về cuộc sống, và về sự sanh lên của hiện hữu [của bản thân] thuộc loại như thế nào?”

9.3. [Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] việc: ‘Ta nói điều này’ là không có đối với Ta đây, sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến, trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần.”

Việc: “Ta nói điều này” là không có đối với Ta đây.

Ta nói điều này: Ta nói điều này, Ta nói điều ấy, Ta nói chừng này, Ta nói bấy nhiêu, Ta nói tà kiến này: “Thế giới là thường còn”,... (nt)... hoặc “Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết.”

Là không có đối với Ta đây: Là không thuộc về Ta; việc “Ta nói bấy nhiêu” là không có đối với Ta đây.

Việc: ‘Ta nói điều này’ là không có đối với Ta đây” là như thế.

Māgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya” là như thế.

Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp.

Trong số các pháp: Trong số sáu mươi hai tà kiến.

Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy cứu, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt, sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự nắm lấy tổng thể rằng: “Điều này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch”, điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như thế là không có, không hiện diện, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp” là như thế.

Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến: Trong khi

nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. “Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” là như vậy.

Hoặc là “‘thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rõ đại’, điều này là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, có sự khổ, có sự tàn hại, có sự lo âu, có sự bức bối, không đưa đến nhàm chán, không đưa đến việc xa lìa duyên ái, không đưa đến sự tịch diệt, không đưa đến sự yên tịnh, không đưa đến thắng trí, không đưa đến sự giác ngộ, không đưa đến Niết-bàn”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. “Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” là như vậy.

Hoặc là “‘thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rõ đại’, điều này là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, có sự khổ, có sự tàn hại, có sự lo âu, có sự bức bối, không đưa đến nhàm chán, không đưa đến việc xa lìa duyên ái, không đưa đến sự tịch diệt, không đưa đến sự yên tịnh, không đưa đến thắng trí, không đưa đến sự giác ngộ, không đưa đến Niết-bàn”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. “Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” còn là như vậy.

Hoặc là “các tà kiến này được nắm lấy như vậy, được bám víu như vậy sẽ có cảnh giới tái sanh như vậy, có đời sống sau như vậy”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. “Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” còn là như vậy.

Hoặc là “các tà kiến này dẫn đến địa ngục, dẫn đến loài thú, dẫn đến thân phận ngã quý”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. “Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” còn là như vậy.

Hoặc là “các tà kiến này là không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt.

“Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” còn là như vậy.

Trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần.

Sự an tịnh ở nội phần: Là sự an tịnh của luyến ái, sự an tịnh của sân hận, sự an tịnh của si mê; sự an tịnh, sự yên tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự tịch tịnh của giận dữ;... của thù hằn;... của gièm pha;... của ác ý;... của ganh tỵ;... của bòn xén;... của xảo trá;... của lừa gạt;... của bưng bình;... của hung hăng;... của ngã mạn;... của cao ngạo;... của đam mê;... của xao lãng;... của tất cả ô nhiễm;... của tất cả uế hạnh;... của mọi sự lo lắng;... của mọi sự bức bối;... của mọi sự nóng nảy;... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện thuộc nội phần.

Trong khi khảo xét: Là đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”;... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Ta đã nhìn thấy: Ta đã nhìn thấy là Ta đã nhận thấy, Ta đã nhìn xem, Ta đã thấu triệt.

“Trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] việc: ‘Ta nói điều này’ là không có đối với Ta đây, sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến, trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần.”

9.4. [Māgandiya nói rằng:] “Các phán đoán nào đã được xếp đặt, này bậc Hiền trí, Ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là ‘sự an tịnh ở nội phần’, điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?”

Các phán đoán nào đã được xếp đặt.

Các phán đoán: Nói đến sáu mươi hai tà kiến.

Đã được xếp đặt: Đã được sắp đặt, đã được xếp đặt, đã được tác thành, đã được thành lập. “Đã được xếp đặt” là như thế. Hoặc là, không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt, có sự biến đổi. “Đã được xếp đặt” còn là như thế.

“Các phán đoán nào đã được xếp đặt” là như thế.

Māgandīya nói rằng.

Rằng: Từ “*iti*” này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Māgandīya: Là tên gọi, sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả về người Bà-la-môn ấy.

“Māgandīya nói rằng” là như thế.

Này bậc Hiền trí, ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là “sự an tịnh ở nội phần.”

Chính chúng: Là sáu mươi hai tà kiến.

Này bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyền uyên và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Mà không bám níu: Ngài nói rằng: “Trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến”, và Ngài nói rằng: “Sự an tịnh ở nội phần.”

Điều nào có ý nghĩa: Điều nào có ý nghĩa tuyệt đối.

“Này bậc Hiền trí, Ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là ‘sự an tịnh ở nội phần’” là như thế.

Điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?

Thế nào? Các cụm từ “*evannu kho*”, “*na nu kho*”, “*kinnu kho*”, “*kathannu kho*” là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì hai nghĩa, câu hỏi do không dứt khoát. “Thế nào?” là như thế.

Bởi các bậc sáng trí: Do các bậc sáng trí, bởi các bậc sáng suốt, bởi các bậc có tuệ, bởi các bậc có sự giác ngộ, bởi các bậc có trí, bởi các bậc rành rẽ, bởi các bậc thông minh.

Đã được tuyên bố: Đã được cho biết, đã được tuyên bố, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được quy định, đã được thiết lập, đã được giải bày, đã được phơi bày, đã được tuyên thuyết.

“Điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn đã nói rằng:

[*Māgandīya nói rằng:*] “*Các phán đoán nào đã được xếp đặt, này bậc Hiền trí, Ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là ‘sự an tịnh ở nội phần’, điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?*”

9.5. [Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự. Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này, được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu.”

Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả¹ sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do nghe. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy và chỉ do nghe. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do trí.

“Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya.

Māgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya” là như thế.

Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phận sự: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do phận sự. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới và phận sự.

“Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phận sự” là như thế.

Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không

¹ Các động từ này đã được dịch theo văn bản của Miến Điện, Thái Lan và PTS. (ND)

nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự: Thấy cũng cần được mong muốn là việc thấy đúng [chánh kiến] về mười sự việc: Có bố thí, có dâng hiến, có cúng tế, có kết quả và sự thành tựu quả của các nghiệp đã được làm tốt hoặc được làm xấu, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các chúng sanh thuộc loại hóa sanh, có ở thế gian các vị Sa-môn và Bà-la-môn sống chân chánh, thực hành đúng đắn là những vị với thắng trí của mình chứng ngộ và công bố về thế giới này và thế giới khác. Nghe cũng cần được mong muốn là âm thanh từ người khác: [Gồm chín thể loại] *Sutta, Geyya, Veyyākaraṇa, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhutadhamma, Vedalla*.² Trí cũng cần được mong muốn là trí về nghiệp của mình đã tạo, trí thuận theo chân lý, trí nhờ vào thắng trí và trí do sự chứng đạt. Giới cũng cần được mong muốn là sự thu thúc theo Giới bốn (*Pātimokkha*). Phạm sự cũng cần được mong muốn là tám pháp từ khước: Pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vị chuyên đi khát thực, pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị đi khát thực tuân tợ theo từng nhà, pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định. “Do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự” là như thế.

Cũng không phải do [không có] điều ấy: Người đã đạt được sự an tịnh ở nội phần không phải chỉ nhờ vào việc thấy đúng [chánh kiến], không phải chỉ nhờ vào nghe, không phải chỉ nhờ vào trí, không phải chỉ nhờ vào giới, không phải chỉ nhờ vào phạm sự. Tuy nhiên, thiếu vắng các pháp ấy thì cũng không đạt đến sự an tịnh ở nội phần. Và hơn nữa, các pháp này là cần thiết để đạt đến, để chứng đắc, để chạm đến, để chứng ngộ sự an tịnh ở nội phần.

“Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự” là như thế.

Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này.

Các điều này: Sự dứt bỏ do việc thủ tiêu đối với các pháp thuộc phần đen là cần được mong muốn, trạng thái không còn tham ái ở các pháp thiện thuộc tam giới là cần được mong muốn. Khi nào các pháp thuộc phần đen được dứt bỏ nhờ vào sự dứt bỏ do việc thủ tiêu, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, và có trạng thái không còn tham ái ở các pháp thiện thuộc tam giới, cho đến như thế thì [vị ấy] không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt [các pháp ấy]; hoặc là [các pháp ấy] sẽ không được nắm lấy, sẽ không được bám víu, sẽ không được chấp chặt. “Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này” là như vậy. Khi nào tham ái, tà kiến và ngã mạn được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong

² Xem chú thích về ‘Chín thể loại giáo pháp’ ở trang 122. (ND)

tương lai, cho đến như thế thì [vị ấy] không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt [các pháp ấy]. “Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này” còn là như vậy. Khi nào phúc hành, phi phúc hành, và bất động hành³ được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì [vị ấy] không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt.

“Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này” còn là như vậy.

Được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu.

Được an tịnh: Trạng thái được yên lặng của luyến ái là an tịnh, trạng thái được yên lặng của sân hận là an tịnh, trạng thái được yên lặng của si mê là an tịnh; trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tịnh của giận dữ;... của thù hận;... của gièm pha;... của ác ý;... của ganh ty;... của bòn xén;... của xảo trá;... của lừa gạt;... của bướng bỉnh;... của hung hăng;... của ngã mạn;... của cao ngạo;... của đam mê;... của xao lãng;... của tất cả ô nhiễm;... của tất cả uế hạnh;... của mọi sự lo lắng;... của mọi sự bức bối;... của mọi sự nóng nảy;... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. “Được an tịnh” là như thế.

Không nương tựa: Có hai sự nương tựa: Nương tựa vào tham ái và nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến, không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý, không nương tựa vào các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tướng, cõi vô tướng, cõi phi tướng phi phi tướng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt. “Được an tịnh, không nương tựa” là như thế.

Thì không còn tham muốn hữu: Sẽ không tham muốn dục hữu, sẽ không tham muốn sắc hữu, sẽ không tham muốn vô sắc hữu, sẽ không khởi tham muốn, sẽ không nguyện cầu.

“Được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

³ Xem chú thích về “phúc hành, phi phúc hành, bất động hành” ở trang 77. (ND)

[Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phạm sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự. Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này, được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu.”

9.6. *[Māgandiya nói rằng:] “Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phạm sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự, tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ; một số người tin rằng trong sạch là do thấy.”*

Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy; người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do nghe;... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy và chỉ do nghe;... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do trí.

“Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí” là như thế.

Māgandiya nói rằng:

Rằng: Là sự nối liền các câu văn,... (nt).

Māgandiya: Tên của vị Bà-la-môn ấy... (nt).

“Māgandiya nói rằng” là như thế.

Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phạm sự: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới;... (nt)... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do phạm sự;... (nt)... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới và phạm sự.

“Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phạm sự” là như thế.

Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự: Người ta đã nói như

vậy: “Thấy cũng cần được mong muốn.” Người ta đã nói như vậy: “Nghe cũng cần được mong muốn.” Người ta đã nói như vậy: “Trí cũng cần được mong muốn.” Người ta đã nói như vậy: “Giới cũng cần được mong muốn.” Người ta đã nói như vậy: “Phận sự cũng cần được mong muốn.” Người ta đã không thể chấp thuận một cách dứt khoát, người ta đã không thể phủ nhận một cách dứt khoát.

“Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự” là như thế.

Tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ: “Giáo lý mù mờ này của Ngài là giáo lý ngu dốt, là giáo lý lầm lạc, là giáo lý vô lý trí, là giáo lý trườn uốn như con lươn [không thể nắm bắt]”; tôi nghĩ như vậy, tôi biết như vậy, tôi hiểu như vậy, tôi nhận thức như vậy, tôi thừa nhận như vậy, tôi thấu triệt như vậy.

“Tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ” là như thế.

Một số người tin rằng trong sạch là do thấy: Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy. Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy [rằng]: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.” Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy [rằng]: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”

“Một số người tin rằng trong sạch là do thấy” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn đã nói rằng:

[Māgandīya nói rằng:] “Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự, tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ; một số người tin rằng trong sạch là do thấy.”

9.7. [Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandīya] sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu, người đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt. Và từ đây người đã không tiếp thu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi; do đó, người ghi nhận [điều ấy] là mù mờ.”

Sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu: Bà-la-môn Māgandīya nương tựa vào việc thấy rồi hỏi về việc thấy, nương tựa vào sự dính mắc rồi hỏi về sự dính mắc, nương tựa vào sự cột trói rồi hỏi về sự cột trói, nương tựa vào sự vương bận rồi hỏi về sự vương bận.

Trong khi tìm hiểu: Là hỏi đi hỏi lại.

“Sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu” là như thế.

Māgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya” là như thế.

Người đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt: Việc thấy nào đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến bởi người; chính do bởi việc thấy ấy người bị mê mẩn, người bị mê đắm, người bị mê muội, người đã đi đến sự mê mẩn, người đã đi đến sự mê đắm, người đã đi đến sự mê muội, người đã lao vào bóng tối.

“Người đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt” là như thế.

Và từ đây người đã không tiếp thu sự nhận thức đầu là nhỏ nhoi: Từ đây là từ sự an tịnh ở nội phần, hoặc từ sự thực hành, hoặc từ sự chỉ bảo pháp, [nếu] người không đạt được sự nhận thức đúng đắn, hoặc sự nhận thức chính xác, hoặc sự nhận thức về tướng trạng, hoặc sự nhận thức về nguyên nhân, hoặc sự nhận thức về sự việc, thì từ đâu mà người đạt được trí? “Và từ đây người đã không tiếp thu sự nhận thức đầu là nhỏ nhoi” là như vậy. Hoặc là [nếu] người không đạt được vô thường, hoặc sự phù hợp với nhận thức về vô thường, hoặc khổ não, hoặc sự phù hợp với nhận thức về khổ não, hoặc vô ngã, hoặc sự phù hợp với nhận thức về vô ngã, hoặc hiện tượng sanh khởi của tướng, hoặc ẩn chứng về tướng, thì từ đâu mà người đạt được trí?

“Và từ đây người đã không tiếp thu sự nhận thức đầu là nhỏ nhoi” còn là như vậy.

Do đó, người ghi nhận [điều ấy] là mù mờ.

Do đó: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. Người ghi nhận, người nhìn thấy, người nhận thấy, người quan sát, người suy xét, người khảo sát là giáo lý ngu dốt, là giáo lý lầm lạc, là giáo lý vô trí, là giáo lý trườn uốn như con lươn [không thể nắm bắt].

“Do đó, người ghi nhận [điều ấy] là mù mờ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu, người đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt. Và từ đây người đã không tiếp thu sự nhận thức đầu là nhỏ nhoi; do đó, người ghi nhận [điều ấy] là mù mờ.”

9.8. Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém,

Kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi vì điều ấy.

Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn,

Đối với người ấy không có [ý nghĩ]: “Bằng nhau” hay “đặc biệt.”

Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém, kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi

vì điều ấy: Kẻ nào nghĩ rằng: “Ta là ngang bằng”, hoặc “ta là tốt hơn”, hoặc “ta là thua kém”, do ngã mạn ấy, do quan điểm ấy, kẻ ấy gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ với người kia rằng: “Người không biết Pháp và Luật này, ta biết Pháp và Luật này, người sẽ biết gì về Pháp và Luật này? Người thực hành sai trái, ta thực hành đúng đắn, có lợi ích cho ta, không có lợi ích cho người, điều nên nói trước đã nói sau, điều nên nói sau đã nói trước, lẽ thói của người đã bị đảo lộn, học thuyết của người đã bị lên án, người bị phản đối, người hãy hành xử cho việc thoát ra khỏi lời nói [của mình], hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng.”

“Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém, kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi vì điều ấy” là như thế.

Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn, đối với người ấy không có [ý nghĩ]: “Bằng nhau” hay “đặc biệt”: Đối với người nào, ba trạng thái kiêu mạn này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy không rung động, không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn. Đối với người không lay động [ý nghĩ]: “Ta là ngang bằng”, hoặc “ta là tốt hơn”, hoặc “ta là thua kém.”

Đối với người ấy không có: Đối với ta không có.

“Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn, đối với người ấy không có [ý nghĩ]: ‘Bằng nhau’ hay ‘đặc biệt’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém,

Kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi vì điều ấy.

Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn,

Đối với người ấy không có [ý nghĩ]: ‘Bằng nhau’ hay ‘đặc biệt’.”

9.9. Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: “Đây là chân lý”?

Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: “Đây là sai trái”?

Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có,

Vị ấy có thể vướng víu vào sự tranh luận với ai đây?

Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: “Đây là chân lý”?

Bà-la-môn: Do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:⁴ ... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: “Đây là chân lý”? Vị Bà-la-môn có thể nói gì, có thể thuyết gì, có thể phát ngôn gì, có thể giảng giải gì, có thể diễn tả gì [cho rằng]: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại”? Và vị Bà-la-môn có thể nói gì, có thể thuyết gì, có thể phát

⁴ Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ 7 pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, v.v... (xem 7 pháp ở trang 74). (ND)

ngôn gì, có thể giảng giải gì, có thể diễn tả gì [cho rằng]: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”

“Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: Đây là chân lý?” là như thế.

Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: “Đây là sai trái”? Do ngã mạn gì, do quan điểm gì mà vị Bà-la-môn [nghĩ rằng]: “Chân lý thuộc về chính ta, sai trái thuộc về người”, rồi gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ với người nào rằng: “Người không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng”?

“Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: Đây là sai trái?” là như thế.

Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có.

Ở vị nào: Ở người nào là bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sự ngã mạn [với ý nghĩ]: “Ta là ngang bằng” là không có, sự cao ngạo [với ý nghĩ]: “Ta là tốt hơn” là không có, sự tự ti [với ý nghĩ]: “Ta là thua kém” là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có” là như thế.

Vị ấy có thể vương vী vào sự tranh luận với ai đây? Do ngã mạn gì, do quan điểm gì, vị ấy có thể vương vী vào sự tranh luận, có thể công kích, có thể gây ra sự cãi cọ, có thể gây ra sự cãi lộn, có thể gây ra sự cãi vã, có thể gây ra sự tranh cãi, có thể gây ra sự gây gổ với người nào rằng: “Người không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng”?

“Vị ấy có thể vương vী vào sự tranh luận với ai đây?” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: ‘Đây là chân lý’?”

Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: ‘Đây là sai trái’?

Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có,

Vị ấy có thể vương vী vào sự tranh luận với ai đây?”

9.10. Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở,
Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng,
[Vị ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng,
Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác].

Khi ấy, gia chủ Haliddakānī đã đi đến gặp Đại đức Mahākaccāna, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Mahākaccāna rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, gia chủ Haliddakānī đã nói với Đại đức Mahākaccāna điều này: “Thưa Ngài Kaccāna, điều này đã được nói đến bởi đức Thế Tôn ở câu hỏi của Māgandiya thuộc Phẩm Nhóm tám:

“Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở,
Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng,
[Vị ấy] là trông vắng đối với các dục, không ước vọng,
Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác].”⁵

“Thưa ngài Kaccāna, ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói một cách vắn tắt này nên được hiểu một cách rộng rãi như thế nào?”

“Này gia chủ, sắc giới⁶ là **chỗ ngụ** của thức. Hơn nữa, thức bị trói buộc bởi sự luyến ái ở sắc giới được gọi là ‘có sự vương vấn chỗ ngụ’. Này gia chủ, thọ giới... Này gia chủ, tưởng giới... Này gia chủ, hành giới là chỗ ngụ của thức. Hơn nữa, thức bị trói buộc bởi sự luyến ái ở hành giới được gọi là ‘có sự vương vấn chỗ ngụ’. Này gia chủ, ‘có sự vương vấn chỗ ngụ’ là như vậy.”

Và này gia chủ, thế nào là **không có sự vương vấn chỗ ngụ**? Này gia chủ, mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vương bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở sắc giới, đối với đức Như Lai các việc ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là “không có sự vương vấn chỗ ngụ.” Này gia chủ, mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vương bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở thọ giới... Này gia chủ,... ở tưởng giới... Này gia chủ,... ở hành giới... Này gia chủ,... ở thức giới, đối với đức Như Lai các việc ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là “không có sự vương vấn chỗ ngụ.” Này gia chủ, “không có sự vương vấn chỗ ngụ” là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **có sự vương vấn nhà ở**? Này gia chủ, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của sắc tướng được gọi là “có sự vương vấn nhà ở.” Này gia chủ, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của tinh tướng... của hương tướng... của vị tướng... của xúc tướng... của pháp tướng được gọi là “có sự vương vấn nhà ở.” Này gia chủ, “có sự vương vấn nhà ở” là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **không có sự vương vấn nhà ở**? Này gia chủ, đối với đức Như Lai, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của sắc tướng đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là “không có sự vương vấn nhà ở.” Này gia chủ, đối với đức Như Lai, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của tinh tướng... của hương tướng... của vị tướng... của xúc tướng... của pháp

⁵ *Suttanipāṭapāḷi* (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 269. (ND)

⁶ Theo Chú giải, sắc giới có nghĩa là sắc uẩn, “*rūpadhātūti rūpakkhando adhippeto*” (*NidA*. II. 310).

tướng đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là “không có sự vương vấn nhà ở.” Đây gia chủ, “không có sự vương vấn nhà ở” là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **đã sanh ra các sự thân thiết ở trong làng**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu sống gắn bó với hàng tại gia: Cùng vui, cùng buồn, hạnh phúc khi họ hạnh phúc, đau khổ khi họ đau khổ, tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Đây gia chủ, đã sanh ra các sự thân thiết ở trong làng là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **đã không sanh ra các sự thân thiết ở trong làng**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu sống không gắn bó với hàng tại gia: Không cùng vui, không cùng buồn, không hạnh phúc khi họ hạnh phúc, không đau khổ khi họ đau khổ, không tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Đây gia chủ, đã không sanh ra các sự thân thiết ở trong làng là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **không trông vắng đối với các dục**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu không xa lìa sự duyên ái, không xa lìa sự mong muốn, không xa lìa sự yêu mến, không xa lìa sự khát khao, không xa lìa sự nồng nhiệt, không xa lìa tham ái ở các dục. Đây gia chủ, không trông vắng đối với các dục là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **trông vắng đối với các dục**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu xa lìa sự duyên ái, xa lìa sự mong muốn, xa lìa sự yêu mến, xa lìa sự khát khao, xa lìa sự nồng nhiệt, xa lìa tham ái ở các dục. Đây gia chủ, trông vắng đối với các dục là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **có ước vọng**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu khởi ý như vậy: “Mong sao có sắc như vậy ở thời vị lai”, rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy; “Mong sao có thọ như vậy... “Mong sao có tướng như vậy... “Mong sao có hành như vậy... “Mong sao có thức như vậy ở thời vị lai”, rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Đây gia chủ, có ước vọng là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **không ước vọng**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu khởi ý như vậy: “Mong sao có sắc như vậy ở thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy; “Mong sao có thọ như vậy... “Mong sao có tướng như vậy... “Mong sao có hành như vậy... “Mong sao có thức như vậy ở thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Đây gia chủ, không ước vọng là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là người **tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác]**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu là người tạo ra cuộc nói chuyện có hình thức như vậy: “Người không biết Pháp và Luật này,... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng.” Đây gia chủ, người tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác] là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là người **tạo ra cuộc nói chuyện không cãi vã**

với người [khác]? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu là người tạo ra cuộc nói chuyện không có hình thức như vậy: “Người không biết Pháp và Luật này,... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng.” Đây gia chủ, người tạo ra cuộc nói chuyện không cãi vã với người [khác] là như vậy. Đây gia chủ, như thế là điều đã được nói đến bởi đức Thế Tôn ở câu hỏi của Māgandiya thuộc *Phẩm Nhóm tám*:

“Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở,
Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng,
[Vị ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng,
Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác].”

Này gia chủ, ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói một cách vắn tắt này nên được hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở,
Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng,
[Vị ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng,
Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác].”

9.11. *Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào, Bạc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy. Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy bẩn bởi nước và bùn, Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thêm khát, không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian.*

Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào.

Với những điều nào: Là với những tà kiến nào.

Đã được tách biệt: Là đã được trống vắng, đã được tách biệt, đã được tách rời với uế hạnh về thân; đã được trống vắng, đã được tách biệt, đã được tách rời với uế hạnh về khẩu... với uế hạnh về ý... với luyện ái... (nt)... với tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

Sống: Là thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào” là như thế.

Bạc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy.

Bạc Long Tượng: “Vị không làm điều tội lỗi” là bậc Long Tượng, “vị không đi đến” là bậc Long Tượng, “vị không trở về” là bậc Long Tượng.

“Vị không làm điều tội lỗi” là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Điều tội

lỗi nói đến các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai.

“Vị không làm bất cứ điều tội lỗi nào ở thế gian, sau khi tháo gỡ tất cả các sự ràng buộc [và] các sự trói buộc, không bám víu vào bất cứ nơi đâu, đã được giải thoát, vị tự tại, có bản thể như thế, được gọi là ‘bậc Long Tượng.’”⁷

“Vị không làm điều tội lỗi” là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy.

“Vị không đi đến” là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Vị không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến do tác động của duyên ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. “Vị không đi đến” là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy.

“Vị không trở về” là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhập lưu, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhất lai... bởi đạo Bất lai... bởi đạo A-la-hán, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. “Vị không quay về” là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy.

Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy: Không có trường hợp bậc Long Tượng sẽ chấp nhận, sẽ tiếp thu, sẽ nắm lấy, sẽ bám víu, sẽ chấp chặt; rồi sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả các tà kiến ấy rằng: “Thế giới là thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”

“Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy” là như thế.

Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy bẩn bởi nước và bùn.

Elam: Nói đến nước.

Ambujam: Nói đến cây sen.

Có gai [ở cuống]: Nói đến có cuống sắc sù.

Vāri: Nói đến nước.

Được sanh ra ở trong nước: Nói đến cây sen có nguồn sanh khởi từ nước.

Jalam: Nói đến nước.

⁷ *Suttanipāṭapāli (Kinh tập)*, TTPV, tập 29, trang 159, câu kệ 525. (ND)

Bùn: Nói đến đất lầy. Giống như hoa sen được sanh ra ở trong nước, có nguồn sanh khởi từ nước, không bị lấm nhơ, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn bởi nước và bùn.

“Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy bẩn bởi nước và bùn” là như thế.

Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thèm khát, không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Nói về sự an tịnh: Bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, nói về nơi nương náu, nói về nơi trú ẩn, nói về nơi nương nhờ, nói về nơi không sợ hãi, nói về bất hoại, nói về bất tử, nói về Niết-bàn. “Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh” là như thế.

Không bị thèm khát: Thèm khát nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, thèm khát ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không bị thèm khát. Vị ấy không bị thèm khát ở sắc, không bị thèm khát ở thính... ở hương... ở vị... ở xúc... ở gia tộc... ở đồ chúng... ở chỗ ngụ... ở lợi lộc... ở danh vọng... ở lời khen... ở hạnh phúc... ở y phục... ở đồ ăn khát thực... ở chỗ nằm ngồi và ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh... ở dục giới... ở sắc giới... ở vô sắc giới... ở cõi dục... ở cõi sắc... ở cõi vô sắc... ở cõi hữu tướng... ở cõi vô tướng... ở cõi phi tướng phi phi tướng... ở cõi một uẩn... ở cõi bốn uẩn... ở cõi năm uẩn... ở quá khứ... ở vị lai... ở hiện tại... ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị găn gù, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. “Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thèm khát” là như thế.

Không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Lắm nhớ: Có hai sự lắm nhớ: Lắm nhớ do tham ái và lắm nhớ do tà kiến. ... (nt)... điều này là lắm nhớ do tham ái. ... (nt)... điều này là lắm nhớ do tà kiến. Bậc Hiền trí sau khi dứt bỏ lắm nhớ do tham ái, sau khi buông bỏ lắm nhớ do tà kiến, không bị lắm nhớ ở dục và ở thế gian, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là người] đã không bị lắm nhớ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thêm khát, không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào,
Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy.
Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy bẩn bởi nước và bùn,*

Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thêm khát, không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian.”

9.12. *Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn, bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính. Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi; vị ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt.*

Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn.

Không: Là sự phủ định.

Bậc đã đạt được sự hiểu biết: Sự hiểu biết nói đến trí [ở bốn đạo], tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thâm xét, sự thấy rõ, chánh kiến ở bốn đạo. Với các sự hiểu biết ấy, [vị ấy] đã đi đến điểm cuối đối với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn đối với sanh-già-chết. “Người đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết” là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc “người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết” là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc bậc đã đạt được sự hiểu biết là người có trạng thái đã hiểu biết về bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân đã được hiểu biết, sự hoài

nghe đã được hiểu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyện ái đã được hiểu biết, sân hận đã được hiểu biết, si mê đã được hiểu biết, ngã mạn đã được hiểu biết; đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết.

[Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-môn, vị đã xa lìa sự luyện ái ở tất cả các cảm thọ, vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là ‘bậc đã đạt được sự hiểu biết.’”⁸

Không do tà kiến: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi tà kiến, cũng không xem tà kiến ấy là có cốt lõi và cũng không quay về lại. “Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến” là như thế.

Không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn: Vị ấy không đi đến ngã mạn do [hương, vị, xúc] đã được cảm giác, hoặc do thỉnh từ người khác, hoặc do quy ước của số đông người, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt.

“Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn” là như thế.

Bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính: Không do tác động của tham ái, không do tác động của tà kiến mà [vị ấy] có điều ấy là bản tính, có điều ấy là tối hậu, có điều ấy là cứu cánh. Khi nào tham ái, tà kiến và ngã mạn của vị này là được dứt bỏ, có lẽ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thế thì [vị ấy] không có điều ấy là bản tính, không có điều ấy là tối hậu, không có điều ấy là cứu cánh.

“Bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính” là như thế.

Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi.

Không do hành động: Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi phúc hành, hoặc bởi phi phúc hành, hoặc bởi bất động hành.⁹ “Không do hành động” là như thế.

Cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi: Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi sự trong sạch do điều đã được nghe, hoặc do nghe từ người khác, hoặc do quy ước của số đông người.

⁸ *Suttanipāṭapāḷi* (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 161, câu kệ 532. (ND)

⁹ Xem chú thích về “phúc hành, phi phúc hành, bất động hành” ở trang 77. (ND)

“Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi” là như thế.

Vị ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt.

Sự vương bận: Có hai sự vương bận: Sự vương bận do tham ái và sự vương bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tà kiến. Đối với vị ấy, sự vương bận do tham ái đã được dứt bỏ, sự vương bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vương bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vương bận do tà kiến, vị ấy không bị dẫn dắt vào các sự chấp chặt, không bị vấy bẩn, không tiến vào, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Vị ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn, bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính. Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi; vị ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt.”

9.13. Đối với vị đã xa lìa tướng, các trói buộc không hiện hữu,
Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu.
Và những người nào nắm giữ tướng và tà kiến,
Những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian.

Đối với vị đã xa lìa tướng, các trói buộc không hiện hữu: Vị nào tu tập Thánh đạo có thiên chỉ tịnh là yếu tố đi trước, các trói buộc liên quan đến giai đoạn đầu của vị ấy được đè nén; khi đạt đến quả vị A-la-hán, các trói buộc, các si mê, các pháp che lấp, và các dục tướng, sân tướng, hại tướng, tà kiến tướng được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai.

“Đối với vị đã xa lìa tướng, các trói buộc không hiện hữu” là như thế.

Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu: Vị nào tu tập Thánh đạo có thiên minh sát là yếu tố đi trước, các si mê liên quan đến giai đoạn đầu của vị ấy được đè nén; khi đạt đến quả vị A-la-hán, các si mê, các trói buộc, các pháp che lấp, và các dục tướng, sân tướng, hại tướng, tà kiến tướng được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai.

“Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu” là như thế.

Và những người nào nắm giữ tướng và tà kiến, những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian: Những kẻ nào nắm lấy tướng, dục tướng, sân tướng, hại tướng; do tác động của tướng, những kẻ ấy gây đụng chạm, gây xung

đột. Các vị vua tranh cãi với các vị vua, các Sát-đế-ly tranh cãi với các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn tranh cãi với các Bà-la-môn, các gia chủ tranh cãi với các gia chủ, mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh [em] trai tranh cãi với anh [em] trai, chị [em] gái tranh cãi với chị [em] gái, anh [em] trai tranh cãi với chị [em] gái, chị [em] gái tranh cãi với anh [em] trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè. Tại nơi ấy, chúng đạt đến sự cãi cọ, sự cãi vã, sự tranh cãi, rồi công kích lẫn nhau bằng những bàn tay, công kích lẫn nhau bằng những cục đất, công kích lẫn nhau bằng những gậy gộc, công kích lẫn nhau bằng những gươm đao. Tại nơi ấy, chúng đi đến cái chết, thậm chí sự khổ đau kề cận cái chết. Những kẻ nào nắm lấy tà kiến rằng: “Thế giới là thường còn”,... (nt)... hoặc: “Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết”; do tác động của tà kiến, những kẻ ấy gây đụng chạm, gây xung đột; chúng gây đụng chạm bậc Đạo sư [này] với bậc Đạo sư [khác], chúng gây đụng chạm giáo lý [này] với giáo lý [khác], chúng gây đụng chạm tập thể [này] với tập thể [khác], chúng gây đụng chạm quan điểm [này] với quan điểm [khác], chúng gây đụng chạm lối thực hành [này] với lối thực hành [khác], gây đụng chạm đạo lộ [này] với đạo lộ [khác].

Hoặc là, chúng tranh cãi, rồi gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: “Người không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc người hãy gỡ rồi nêu người có khả năng.” Các sự tạo tác của chúng chưa được dứt bỏ; do trạng thái chưa được dứt bỏ của các sự tạo tác, chúng gây đụng chạm ở địa ngục, chúng gây đụng chạm ở loài thú, chúng gây đụng chạm ở thân phận ngạ quỷ, chúng gây đụng chạm ở nhân giới, chúng gây đụng chạm ở thiên giới, chúng gây đụng chạm, chúng gây xung đột cảnh giới tái sanh [này] với cảnh giới tái sanh [khác], sự tái sanh [này] với sự tái sanh [khác], sự nối liền tái sanh [này] với sự nối liền tái sanh [khác], sự hiện hữu [này] với sự hiện hữu [khác], sự luân hồi [này] với sự luân hồi [khác], sự luân chuyển [này] với sự luân chuyển [khác]. Trong khi gây đụng chạm, chúng sống, cư xử, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của loài người.

“Và những người nào nắm giữ tưởng và tà kiến, những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Đối với vị đã xa lìa tưởng, các trói buộc không hiện hữu,
Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu.
Và những người nào nắm giữ tưởng và tà kiến,
Những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian.”*

“Diễn giải kinh về Māgandiya” - Phần thứ chín.

10. DIỄN GIẢI KINH TRƯỚC KHI HOẠI RÃ (PURĀBHEDASUTTANIDDESO)

Giờ phân “Diễn giải kinh trước khi hoại rã” được nói đến:

10.1. *Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là “yên tịnh”? Thưa Ngài Gotama, được hỏi về con người tối thượng, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy.*

Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là “yên tịnh”?

Có sự hiểu biết thế nào: Được thành tựu sự hiểu biết như thế nào, được hình thành thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì. “Có sự hiểu biết thế nào” là như thế.

Có giới thế nào: Được thành tựu giới như thế nào, được hình thành thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì. “Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào” là như thế.

Được gọi là “yên tịnh”: Được gọi là, được nói ra, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, không còn khao khát, tịch diệt, tịch tịnh. “Có sự hiểu biết thế nào” là hỏi về thắng tuệ; “có giới thế nào” là hỏi về thắng giới; “yên tịnh” là hỏi về thắng tâm.

“Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là ‘yên tịnh’?” là như thế.

Thưa Ngài Gotama, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy.

Vị ấy: Là vị tôi hỏi, vị tôi yêu cầu, vị tôi thỉnh cầu, vị tôi đặt niềm tin.

Thưa Ngài Gotama: Vị [Phật] đã được hóa hiện ấy xung hô với đức Phật Thế Tôn bằng họ.

Xin Ngài hãy nói về: Xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Thưa Ngài Gotama, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy” là như thế.

Được hỏi về con người tối thượng.

Được hỏi về: Được vấn, được hỏi, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin.

Con người tối thượng: Là con người cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

“Được hỏi về con người tối thượng” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra¹ đã hỏi rằng:

“Có sự hiểu biết thể nào, có giới thể nào, được gọi là ‘yên tịnh’? Thưa Ngài Gotama, được hỏi về con người tối thượng, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy.”

10.2. *[Đức Thế Tôn nói:] “Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác] thì không nương tựa vào thời gian trước [quá khứ], không thể phân hạng vào khoảng giữa [hiện tại]; đối với vị ấy, việc chú trọng [vị lai] là không có.”*

Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác]: Trước khi hoại rã thân thể, trước khi hoại rã bản thân, trước khi quăng bỏ thân xác, trước khi cắt đứt mạng quyền, vị có tham ái đã được xa lìa, có tham ái đã được tách lìa, có tham ái đã được từ bỏ, có tham ái đã được tẩy trừ, có tham ái đã được giải thoát, có tham ái đã được dứt bỏ, có tham ái đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vị có luyến ái đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có sân hận đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có si mê đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ngã mạn đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có tà kiến đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có cây gai đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ô nhiễm đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo” là đức Thế Tôn; “vị thực hiện sự chấm dứt các hữu” là đức Thế Tôn; “vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tướng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasīṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục từ thi” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa

¹ Nhằm tế độ chư thiên và nhân loại thuộc 6 tánh khác nhau (tánh tham, tánh sân, tánh si, tánh tầm, tánh tín, tánh giác), đức Phật đã dùng thần thông hóa hiện ra một vị Phật thứ hai cùng với 1.250 vị Tỷ-khưu đi đến nơi ấy bằng đường không trung, và vị Phật đã được hóa hiện ra ấy đã hỏi câu hỏi trên. Đức Phật đã hướng tâm đến các chúng sanh có tánh giác trong lúc thuyết bài *Kinh Purābheda* này (*Nidā*. II. 316).

đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật” là đức Thế Tôn.

Thế Tôn: Tên gọi này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Thế Tôn.”

“Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác]” là như thế.

Không nương tựa vào thời gian trước: Thời gian trước nói đến thời quá khứ. Liên quan đến thời quá khứ, tham ái là đã được dứt bỏ, tà kiến là đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với tà kiến. Như vậy là “không nương tựa vào thời gian trước.” Hoặc là [nghĩ rằng]: “Ta đã có sắc như vậy vào thời quá khứ”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. “Ta đã có thọ như vậy... “Ta đã có tưởng như vậy... “Ta đã có hành như vậy... “Ta đã có thức như vậy vào thời quá khứ”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là “không nương tựa vào thời gian trước.” Hoặc là [nghĩ rằng]: “Mắt của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các sắc đã là như vậy”, thức không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái về điều ấy; do không có trạng thái bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “không nương tựa vào thời gian trước.” “Tai của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các thanh đã là như vậy”,... “Mũi của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các hương đã là như vậy”,... “Lưỡi của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các vị đã là như vậy”,... “Thân của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các xúc đã là như vậy”,... “Ý của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các pháp đã là như vậy”, thức không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái về điều ấy; do trạng thái không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “không nương tựa vào thời gian trước.” Hoặc là các việc cười hót, chuyện trò, đùa giỡn nào với người nữ đã có trước đây, thì không hứng thú điều ấy, không khao khát điều ấy, và không do điều ấy mà đạt được sự vui lòng.

Như vậy cũng là “không nương tựa vào thời gian trước.”

Không thể phân hạng vào khoảng giữa: Khoảng giữa nói đến thời hiện tại. Liên quan đến thời hiện tại, tham ái là đã được dứt bỏ, tà kiến là đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với tà kiến, không thể phân hạng là “bị luyến ái”, không thể phân hạng là “bị sân hận”, không thể phân hạng là “bị si mê”, không thể phân hạng là “bị trói buộc”, không thể phân hạng là “bị bám víu”, không thể phân hạng là “bị tán loạn”, không thể phân hạng là “không dứt khoát”, không thể phân hạng là

“cứng cỏi”; các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, không thể phân hạng theo cảnh giới tái sanh là “người địa ngục”, hoặc “loài thú”, hoặc “thân phận nga quý”, hoặc “loài người”, hoặc “thiên nhân”, hoặc “người hữu sắc”, hoặc “người vô sắc”, hoặc “người hữu tướng”, hoặc “người vô tướng”, hoặc “người phi tướng phi phi tướng”? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy vị ấy có thể đi đến sự phân hạng.

“Không thể phân hạng vào khoảng giữa” là như thế.

Đối với vị ấy, việc chú trọng là không có.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Việc chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến... (nt)... điều này là chú trọng do tham ái... (nt)... điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến, vị ấy sống không chú trọng tham ái hoặc tà kiến, không có tham ái là ngọn cỏ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cỏ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo, vị ấy sống không bị vây quanh bởi tham ái hoặc bởi tà kiến. “Đối với vị ấy, việc chú trọng là không có” là như vậy. Hoặc là [nghĩ rằng]: “Ta sẽ có sắc như vậy vào thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy là “đối với vị ấy, việc chú trọng là không có.” “Ta sẽ có thọ như vậy... “Ta sẽ có tướng như vậy... “Ta sẽ có hành như vậy... “Ta sẽ có thức như vậy vào thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là “đối với vị ấy, việc chú trọng là không có.” Hoặc là [nghĩ rằng]: “Mắt của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các sắc sẽ là như vậy”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “đối với vị ấy, việc chú trọng là không có”; “Tai của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các thanh sẽ là như vậy”,... “Mũi của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các hương sẽ là như vậy”,... “Lưỡi của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các vị sẽ là như vậy”,... “Thân của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các xúc sẽ là như vậy”,... “Ý của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các pháp sẽ là như vậy”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “đối với vị ấy, việc chú trọng là không có.” Hoặc là: “Với giới này, hay với phận sự này, hay với sự khắc khổ này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên vương hoặc một thiên nhân nào đó”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy.

Như vậy cũng là “đối với vị ấy, việc chú trọng là không có.”

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói:] “Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác] thì không nương tựa vào thời gian trước [quá khứ]; không thể phân hạng vào khoảng giữa [hiện tại]; đối với vị ấy, việc chú trọng [vị lai] là không có.”

10.3. *Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ, không có sự phô trương, không có sự hối hận, có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng; vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiểm chế về khẩu.*

Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ.

Bởi vì “**sự không giận dữ**” được nói đến, như thế sự giận dữ cũng nên được nói đến. Sự giận dữ sanh khởi theo mười biểu hiện: [nghĩ rằng:] “Nó đã làm điều bất lợi cho ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó đang làm điều bất lợi cho ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó sẽ làm điều bất lợi cho ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó đã làm điều bất lợi... đang làm điều bất lợi... sẽ làm điều bất lợi cho người yêu quý, hợp ý của ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó đã làm điều có lợi... đang làm điều có lợi... sẽ làm điều có lợi cho người không yêu quý, không hợp ý của ta”, giận dữ sanh khởi; thêm nữa là sự giận dữ sanh khởi vô cớ. Sự tức tối nào của tâm có hình thức như vậy là sự tức giận, sự thù hận, sự đố kỵ, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự tức giận, biểu hiện tức giận, trạng thái tức giận, sự chống đối, sự đố kỵ, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; điều này được gọi là sự giận dữ.

Thêm nữa, trạng thái nhiều ít của sự giận dữ nên được biết đến: Có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm xáo trộn tâm, nhưng chưa nhúu mày nhăn mặt; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhúu mày nhăn mặt, nhưng chưa nghiêng hai hàm răng; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nghiêng hai hàm răng, nhưng chưa thốt ra lời nói thô lỗ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ thốt ra lời nói thô lỗ, nhưng chưa nhìn quanh các hướng [tìm vũ khí]; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhìn quanh các hướng [tìm vũ khí], nhưng chưa nắm lấy gậy gộc gươm đao; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nắm lấy gậy gộc gươm đao, nhưng chưa giơ gậy gộc gươm đao lên; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giơ gậy gộc gươm đao lên, nhưng chưa giáng gậy gộc gươm đao xuống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giáng gậy gộc gươm đao xuống, nhưng chưa làm việc băm chém; có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm việc băm chém, nhưng chưa có sự tổn thương gãy vỡ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự tổn thương gãy vỡ, nhưng chưa có sự đứt lìa các phần cơ thể; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đứt lìa các phần cơ thể, nhưng chưa có sự đoạt lấy mạng sống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đoạt lấy mạng sống, nhưng chưa đến mức buông bỏ tất cả, luôn cả việc tự sát. Khi nào sự giận dữ khiến cho giết chết người khác rồi giết chết mình, đến chừng ấy thì sự giận dữ [của người ấy] đã đạt đến mức quá lỗ, đã đạt đến mức tận cùng.

Đối với người nào, sự giận dữ ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không có sự giận dữ. Trạng thái đã dứt bỏ đối với sự giận dữ là “không có sự giận dữ.” Trạng thái đã biết toàn diện về nền tảng của sự giận dữ là “không có sự giận dữ.” Trạng thái đã chặt đứt nhân của sự giận dữ là “không có sự giận dữ.” “Không có sự giận dữ” là như thế.

Không có sự kinh sợ: Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có sự run sợ, có sự khiếp sợ, có sự hoảng sợ, vị ấy run sợ, khiếp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ [nghĩ rằng]: “Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến”; như thế là run sợ, khiếp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ.

Ở đây, vị Tỳ-khuru là không có sự kinh sợ, không có sự khiếp sợ, không có sự hoảng sợ, vị ấy không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ [nghĩ rằng]: “Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến”; như thế là không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ.

“Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ” là như thế.

Không có sự phô trương, không có sự hối hận: Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có sự khoe khoang, có sự phô trương, vị ấy khoe khoang, phô trương rằng: “Tôi thành tựu về giới”, hoặc “tôi thành tựu về phạm sự”, hoặc “tôi thành tựu về giới và phạm sự”; khoe khoang, phô trương về xuất thân, về dòng họ, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác rằng: “Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc lớn”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá”, hoặc “tôi được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia”, hoặc “tôi có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh”, hoặc “tôi là vị chuyên về kinh”, hoặc “tôi là vị trì luật”, hoặc “tôi là vị thuyết pháp”, hoặc “tôi là vị ngụ ở rừng”, hoặc “tôi là vị ngụ ở gốc cây”, hoặc “tôi là vị chuyên đi khát thực”, hoặc “tôi là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ”, hoặc “tôi là vị chỉ sử dụng ba y”, hoặc “tôi là vị đi

khất thực tuần tự theo từng nhà”, hoặc “tôi là vị không ăn vật thực dăng sau”, hoặc “tôi là vị chuyên về oai nghi ngồi” (không nằm), “tôi là vị ở chỗ đã được chỉ định”, hoặc “tôi đạt Sơ thiên”, hoặc “tôi đạt Nhị thiên”, hoặc “tôi đạt Tam thiên”, hoặc “tôi đạt Tứ thiên”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Không vô biên xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Vô sở hữu xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ.” Vị không khoe khoang, không phô trương như vậy là vị đã tránh khỏi sự khoe khoang, khỏi sự phô trương, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Không có sự phô trương” là như thế.

Không có sự hối hận.

Hối hận: Vẻ bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn chân cũng là hối hận, vẻ bối rối ở bàn tay và bàn chân cũng là hối hận, làm tướng là được phép trong việc không được phép, làm tướng là không được phép trong việc được phép, làm tướng là đúng thời vào lúc phi thời, làm tướng là phi thời vào lúc đúng thời, làm tướng là có tội ở việc vô tội, làm tướng là vô tội ở việc có tội. Sự hối hận nào có hình thức như vậy là biểu hiện hối hận, trạng thái hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý, việc này gọi là hối hận.

Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã làm uế hạnh về ý, ta đã không làm thiện hạnh về ý.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã trộm cắp, ta đã không tránh xa sự trộm cắp.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã tà hạnh trong các dục, ta đã không tránh xa sự tà hạnh trong các dục.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã nói dối, ta đã không tránh xa việc nói dối.”... “Ta đã nói đâm thọc, ta đã không tránh xa việc nói đâm thọc.”... “Ta đã nói thô lỗ, ta đã không tránh xa việc nói thô lỗ.”... “Ta đã nói nhảm nhí, ta đã không tránh xa việc nói nhảm nhí.”... “Ta đã hành động tham đắm, ta đã không hành động không tham đắm.”... “Ta đã hành động sân hận, ta đã không hành động không sân hận.”... “Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến.” Như vậy là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm.

Hoặc là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm,

sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta là người có các giác quan không được gìn giữ.”... “Ta là người không biết chừng mực về vật thực.”... “Ta chưa luyện tập về tỉnh thức.”... “Ta chưa đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ.”... “Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập.”... “Bốn chánh căn chưa được ta tu tập.”... “Bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập.”... “Năm quyền chưa được ta tu tập.”... “Năm lực chưa được ta tu tập.”... “Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập.”... “Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập.”... “Khổ chưa được ta biết toàn diện.”... “Tập chưa được ta dứt bỏ.”... “Đạo chưa được ta tu tập.”... “Diệt chưa được ta chứng ngộ.” Đối với người nào, sự hối hận ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không có sự hối hận.

“Không có sự phô trương, không có sự hối hận” là như thế.

Có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng. Khôn khéo được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Sau khi nắm vững sự khôn khéo rồi nói lời nói, dầu thuyết nhiều, dầu phát ngôn nhiều, dầu giảng giải nhiều, dầu diễn tả nhiều, cũng không nói lời nói được thuyết vụng về, được phát ngôn vụng về, được đối đáp vụng về, được thốt ra vụng về, được nói vụng về. “Có lời nói khôn khéo” là như thế.

Không bị phóng túng: Ở nơi ấy, sự phóng dật là việc nào? Sự phóng dật nào của tâm là sự không vắng lặng, là sự tán loạn của ý, là trạng thái bị rối loạn của tâm, việc này là sự phóng dật của tâm. Đối với người nào, sự phóng dật ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không bị phóng túng.

“Có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng” là như thế.

Vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiềm chế về khẩu: Ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi dứt bỏ việc nói dối, là người tránh xa việc nói dối, có lời nói chân thật, liên quan đến sự thật, chắc chắn, đáng tin, không lường gạt thế gian. Sau khi dứt bỏ lời nói đâm thọc, là người tránh xa lời nói đâm thọc; sau khi nghe ở chỗ này, không là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, không là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người kết hợp những kẻ đã bị chia rẽ, là người khuyến khích những kẻ hòa hợp, là người thỏa thích việc hợp nhất, thích thú việc hợp nhất, hân hoan việc hợp nhất, là người nói lời tạo ra sự hợp nhất. Sau khi dứt bỏ lời nói thô lỗ, là người tránh xa lời nói thô lỗ; lời nói nào là dịu ngọt, êm tai, đáng yêu, đi vào tim, tao nhã, làm đẹp lòng nhiều người, làm hợp ý nhiều người, là người nói lời có hình thức như thế. Sau khi dứt bỏ việc nói nhảm nhí, là người tránh xa việc nói nhảm nhí, là người nói đúng thời, nói về sự thật, nói về mục đích, nói về Pháp, nói về Luật, là người nói lời có giá trị, hợp thời, có lý lẽ, có chủ đề, liên quan đến mục đích. Là người được thành tựu

bốn thiện hạnh về khẩu, [vị ấy] nói lời nói tránh xa bốn sự sai trái, là vị đã tránh khỏi ba mươi hai việc nói phù phiếm, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Là người nói về mười đề tài nói chuyện, như là nói về ít ham muốn, nói về sự tự biết đủ, nói về viễn ly, nói về không giao du, nói về sự ra sức tinh tấn, nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về sự biết và thấy về giải thoát,² nói về sự thiết lập niệm, nói về chánh cần, nói về nền tảng của thân thông, nói về quyền, nói về lực, nói về yếu tố đưa đến giác ngộ, nói về Đạo, nói về Quả, nói về Niết-bàn; là người đã kiểm chế ở lời nói, đã cố sức, đã kiểm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đã hộ trì, đã vắng lặng.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

“Vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiểm chế về khẩu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ, không có sự phô trương, không có sự hối hận, có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng; vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiểm chế về khẩu.”

10.4. Vị không có sự dính mắc ở tương lai, không sầu muộn về quá khứ, nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc, và không bị dẫn đi bởi các tà kiến.

Vị không có sự dính mắc ở tương lai: Sự dính mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, sự dính mắc, tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Như vậy là “vị không có sự dính mắc ở tương lai.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Ta sẽ có sắc như vậy vào thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy; “Ta sẽ có thọ như vậy... “Ta sẽ có tưởng như vậy... “Ta sẽ có hành như vậy... “Ta sẽ có thức như vậy vào thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là “vị không có sự dính mắc ở tương lai.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Mắt của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các sắc sẽ là như vậy”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “vị không có sự dính mắc ở tương lai.” “Tai của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các thanh sẽ là như vậy”,... “Ý của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các pháp sẽ là như vậy”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “vị

² Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

không có sự dính mắc ở tương lai.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Với giới này, hay với phận sự này, hay với sự khắc khổ này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên vương hoặc một thiên nhân nào đó”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy.

Như vậy cũng là “vị không có sự dính mắc ở tương lai.”

Không sầu muộn về quá khứ: Không sầu muộn về vật đã bị biến đổi; hoặc không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] “Mắt của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn; [nghĩ rằng:] “Tai của ta... Mũi của ta... Lưỡi của ta... Thân của ta... Các sắc của ta... Các thính của ta... Các hương của ta... Các vị của ta... Các xúc của ta... Gia tộc của ta... Đồ chúng của ta... Chỗ ngụ của ta... Lợi lộc của ta... Danh vọng của ta... Lời khen của ta... Hạnh phúc của ta... Y phục của ta... Đồ ăn khát thực của ta... Chỗ nằm ngồi của ta... Vật dụng là thuốc men chữa bệnh của ta... Mẹ của ta... Cha của ta... Anh [em] trai của ta... Chị [em] gái của ta... Con trai của ta... Con gái của ta... Bạn bè của ta... Thân hữu của ta... Thân quyến của ta... Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đắm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội.

“Không sầu muộn về quá khứ” là như thế.

Nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc.

Xúc: Là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn], xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn], xúc tạo ra thọ lạc, xúc tạo ra thọ khổ, xúc tạo ra thọ không khổ không lạc, xúc [ở tâm] thiện, xúc [ở tâm] bất thiện, xúc [ở tâm] vô ký, xúc thuộc dục giới, xúc thuộc sắc giới, xúc thuộc vô sắc giới, xúc [do quán xét] không tánh, xúc [do quán xét] vô tướng, xúc [do quán xét] vô nguyện, xúc hiệp thể, xúc xuất thể, xúc quá khứ, xúc vị lai, xúc hiện tại, xúc nào có hình thức như vậy là sự chạm vào, biểu hiện chạm vào, trạng thái chạm vào; điều này được gọi là xúc.

Nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc: Nhìn thấy nhãn xúc được tách biệt với tự ngã, hoặc với vật thuộc về tự ngã, hoặc với nghĩa thường còn, hoặc với nghĩa bền vững, hoặc với nghĩa trường tồn, hoặc với tình trạng không bị biến đổi; nhìn thấy nhĩ xúc được tách biệt... nhìn thấy tỷ xúc được tách biệt... nhìn thấy thiệt xúc được tách biệt... nhìn thấy thân xúc được tách biệt... nhìn thấy ý xúc được tách biệt... nhìn thấy xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn] được tách biệt... nhìn thấy xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn] được tách biệt... nhìn thấy xúc tạo ra thọ lạc... xúc tạo ra thọ khổ... xúc tạo ra thọ không khổ không lạc... xúc [ở tâm] thiện... xúc [ở tâm] bất thiện... xúc [ở tâm] vô ký... xúc thuộc dục giới... xúc thuộc sắc giới... xúc thuộc vô sắc giới... xúc hiệp thể được tách biệt với tự ngã, hoặc với vật thuộc về tự ngã, hoặc với nghĩa thường còn, hoặc với nghĩa bền vững, hoặc với nghĩa trường tồn, hoặc với tình trạng không bị biến đổi. Hoặc là nhìn thấy xúc quá khứ được tách biệt với các xúc vị

lai và hiện tại, nhìn thấy xúc vị lai được tách biệt với các xúc quá khứ và hiện tại, nhìn thấy xúc hiện tại được tách biệt với các xúc quá khứ và vị lai. Hoặc là những xúc nào thuộc bậc Thánh, không có lậu hoặc, thuộc siêu thế, liên hệ với không tánh, thì nhìn thấy những xúc ấy được tách biệt với duyên ái, với sân hận, với si mê, với giận dữ, với thù hằn, với gièm pha, với ác ý, với ganh tỵ, với bòn xén, với xảo trá, với lừa gạt, với bướng bỉnh, với hung hăng, với ngã mạn, với cao ngạo, với đam mê, với xao lãng, với tất cả ô nhiễm, với tất cả uế hạnh, với mọi sự lo lắng, với mọi sự bức bối, với mọi sự nóng nảy, với tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

“Nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc” là như thế.

Và không bị dẫn đi bởi các tà kiến: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi tà kiến; cũng không xem tà kiến ấy là có cốt lõi và cũng không quay về lại.

“Và không bị dẫn đi bởi các tà kiến” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị không có sự dính mắc ở tương lai, không sầu muộn về quá khứ, nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc, và không bị dẫn đi bởi các tà kiến.”

10.5. Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gặt gẫm, không mong cầu, không bòn xén, không xác xược, không đáng nhờm gớm, và không dính dấp đến việc nói đâm thọc.

Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gặt gẫm.

Đã xa rời: Đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với duyên ái, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sân hận, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với si mê, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với giận dữ... đối với thù hằn... đối với gièm pha... đối với ác ý... đối với ganh tỵ... đối với bòn xén... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Và này các Tỳ-khuru, thế nào vị Tỳ-khuru đã xa rời? Đây các Tỳ-khuru, ngã mạn về bản thân của vị Tỳ-khuru này đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Đây các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru đã xa rời là như vậy.” “Vị đã xa rời” là như thế.

Không gặt gẫm: Ba kiểu cách gặt gẫm: Kiểu cách gặt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng, kiểu cách gặt gẫm liên quan đến các oai nghi, kiểu cách gặt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Kiểu cách gặt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng là kiểu cách nào? Ở đây, các gia chủ thỉnh mời vị Tỳ-khuru về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy có ước muốn xấu xa,

bị thúc đẩy bởi ước muốn, có sự tâm cầu, do sự mong muốn được nhiều hơn về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; rồi từ chối y phục, từ chối đồ ăn khát thực, từ chối chỗ nằm ngồi, từ chối vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy đã nói như sau: “Lợi ích gì cho vị Sa-môn với y phục đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên nhặt các mảnh vải từ bãi tha ma, hoặc từ đồng rác, hoặc từ vải bỏ của tiệm vải, rồi làm y hai lớp và mặc vào. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với đồ ăn khát thực đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên duy trì mạng sống bằng vắt thức ăn do việc đi khát thực. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với chỗ nằm ngồi đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên ngụ ở gốc cây, hoặc là ngụ ở mộ địa, hoặc là ngụ ở ngoài trời. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với vật dụng là thuốc men chữa bệnh đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên chế tạo thuốc men với nước tiểu bò hoặc với mẫu cây harītakī.” Từ đó trở đi, vị ấy mặc y thô tẻ, ăn đồ ăn khát thực thô tẻ, sử dụng chỗ nằm ngồi thô tẻ, sử dụng vật dụng là thuốc men chữa bệnh thô tẻ. Các gia chủ biết về vị ấy như vậy: “Vị Sa-môn này ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách biệt, không giao du, có sự ra sức tinh tấn, thuyết về hạnh từ khước”; rồi thỉnh mời [vị ấy] về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh nhiều hơn nữa. Vị ấy đã nói như sau: “Do sự hiện diện của ba pháp, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của đức tin, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của vật thí, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của các bậc xứng đáng được cúng dường, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu. Và các người là có đức tin, có vật thí, còn tôi là người thọ nhận. Nếu tôi không thọ nhận, như vậy các người sẽ mất phần phước báu. Không có lợi ích gì cho tôi với việc này, nhưng vì lòng thương tưởng đến các người mà tôi thọ nhận.” Từ đó trở đi, vị ấy thọ nhận nhiều y phục, thọ nhận nhiều đồ ăn khát thực, thọ nhận nhiều chỗ nằm ngồi, thọ nhận nhiều vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Những sự nhú mảy có hình thức như vậy là trạng thái nhú mảy, sự gặt gẫm, thái độ gặt gẫm, trạng thái gặt gẫm; đây là kiểu cách gặt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng.

Kiểu cách gặt gẫm liên quan đến các oai nghi là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính [nghĩ rằng]: “Như vậy mọi người sẽ tôn kính ta”, rồi tạo dáng đi, tạo dáng đứng, tạo dáng ngồi, tạo dáng nằm, lập nguyện rồi mới đi, lập nguyện rồi mới đứng, lập nguyện rồi mới ngồi, lập nguyện rồi mới nằm, đi như là đã đắc định, đứng như là đã đắc định, ngồi như là đã đắc định, nằm như là đã đắc định, là người tham thiền giữa công chúng. Những việc tạo dáng ra vẻ nghiêm trang của các oai nghi có hình thức như vậy là biểu hiện tạo dáng, việc tạo dáng, sự nhú mảy, trạng thái nhú mảy, sự gặt gẫm, thái độ gặt gẫm, trạng thái gặt gẫm; đây là kiểu cách gặt gẫm liên quan đến các oai nghi.

Kiểu cách gặt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính [nghĩ rằng]: “Như vậy mọi người sẽ tôn kính ta”, rồi

nói lời liên quan đến Thánh pháp. Nói rằng: “Vị nào mặc y như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào mang bình bát như vậy, mang bát nhỏ bằng đồng, mang bình nước, mang đồ lọc nước, mang chìa khóa, mang dép, mang dây thắt lưng, mang dây buộc, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào có thầy tể độ như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào có thầy dạy học như vậy, có các vị đồng thầy tể độ, có các vị đồng thầy dạy học, có các bạn bè, có các vị đồng quan điểm, có các vị thân thiết, có các vị thân hữu như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào ngụ ở trú xá như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào ngụ ở nhà một mái, ngụ ở tòa lâu đài, ngụ ở tòa nhà dài, ngụ ở hang động, ngụ ở thạch thất, ngụ ở cốc liêu, ngụ ở nhà mái nhọn, ngụ ở chòi canh, ngụ ở ngôi nhà tròn, ngụ ở căn lều, ngụ ở hội trường, ngụ ở mái che, ngụ ở gốc cây như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.”

Hoặc là vị giả nhân giả nghĩa, vị nhú mặt nhần mày, vị gạt gắm lừa dối, vị tỉ tê nài nỉ, thể hiện ở khuôn mặt [để người khác hiểu lầm rằng]: “Vị Sa-môn này đã đạt được các sự thể nhập an tịnh có hình thức như thế này”, rồi thuyết bài giảng thâm sâu, bí hiểm, vi tế, ẩn tàng, vô thượng ở thế gian, gắn liền với không tánh có tính chất như thế ấy. Những sự nhú mày có hình thức như vậy là trạng thái nhú mày, sự gạt gắm, thái độ gạt gắm, trạng thái gạt gắm; đây là kiểu cách gạt gắm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Đối với vị nào, ba kiểu cách gạt gắm này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không gạt gắm

“Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gạt gắm” là như thế.

Không mong cầu, không bồn xển.

Mong cầu: Nói đến tham ái, nghĩa là luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, sự mong cầu, tham ái này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không mong cầu. Vị ấy không mong cầu các sắc, không mong cầu các thanh, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không nguyện cầu. “Không mong cầu” là như thế.

Không bồn xển: Có năm loại bồn xển: Bồn xển về chỗ ở, bồn xển về gia tộc, bồn xển về danh tiếng, bồn xển về lợi lộc, bồn xển về pháp; bồn xển nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bồn xển, trạng thái của bồn xển, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm, điều này được gọi là

bồn xén. Còn nữa, bồn xén về uẩn cũng là bồn xén, bồn xén về giới cũng là bồn xén, bồn xén về xứ cũng là bồn xén, sự nắm lấy, điều này được gọi là bồn xén. Đối với vị nào, sự bồn xén này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không bồn xén.

“Không mong cầu, không bồn xén” là như thế.

Không xác xược, không đáng nhòem góm.

Xác xược: Có ba sự xác xược: Xác xược bằng thân, xác xược bằng khẩu, xác xược bằng ý.

Xác xược bằng thân là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà ăn, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến bến nước, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi vào xóm nhà, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khuru trưởng lão khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: [Vị ấy] đi kinh hành có mang dép trong khi các vị Tỳ-khuru trưởng lão đi kinh hành không mang dép, đi kinh hành ở đường kinh hành cao hơn trong khi các ngài đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi các ngài đi kinh hành ở nền đất, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân ở nhà ăn? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở nhà ăn: [Vị ấy] chen vào [chỗ] các Tỳ-khuru trưởng lão rồi ngồi xuống, xua đuôi các Tỳ-khuru mới tu khỏi chỗ ngồi, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân ở nhà ăn.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân ở nhà tắm hơi? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở nhà tắm hơi: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khuru trưởng lão khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, thêm củi lửa vào không hỏi [xin phép], đóng cửa nhà tắm hơi không hỏi [xin phép], vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân ở nhà tắm hơi.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân ở bên nước? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở bên nước: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khuru trưởng lão khi đi xuống, đi xuống ở phía trước, đụng chạm khi tắm, tắm ở phía trước, tắm ở phía trên, đụng chạm khi đi lên, đi lên ở phía trước, đi lên ở phía trên. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân ở bên nước.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ trong khi đi vào xóm nhà: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khuru trưởng lão khi đi, đi ở phía trước, vượt qua các vị Tỳ-khuru trưởng lão rồi đi ở phía trước. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ đi vào” vẫn đi vào; trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ đứng” vẫn đứng; trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ ngồi” vẫn ngồi; đi vào nơi không thích hợp, đứng ở nơi không thích hợp, ngồi ở nơi không thích hợp, những nội phòng bí mật và kín đáo của gia đình, là nơi có các phụ nữ, các cô con gái, các cô con dâu, các cô thiếu nữ của gia đình đang ngồi, [vị ấy] đi vào nơi ấy một cách vội vã và xoa đầu bé trai. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xác xược bằng thân.

Xác xược bằng khẩu là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến tập thể, thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Khi chưa xin phép các Tỳ-khuru trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp, trả lời câu hỏi, tụng đọc Giới bản (*Pātimokkha*), đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến tập thể? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Khi chưa xin phép các Tỳ-khuru trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp cho các vị Tỳ-khuru đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói, nói pháp cho các vị Tỳ-khuru-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến tập thể.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, đã nói với người phụ nữ hoặc cô thiếu nữ như vậy: “Này cô tên thế này, này cô họ thế này, có vật gì không? Có cháo không, có thức ăn không, có đồ uống không? Chúng tôi sẽ uống gì, chúng tôi sẽ ăn gì, chúng tôi sẽ nhai gì?” Hoặc là nói lái nhái: “Có vật gì không?”, hoặc: “Cô sẽ bỏ thí cái gì?” Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xác xược bằng khẩu.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng ý? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc thượng lưu mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc thượng lưu, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc lớn mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc lớn, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có nhiều của cải mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải,... trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có của cải quý giá... trong khi không phải là vị chuyên về Kinh mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị chuyên về Kinh, trong khi không phải là vị trì Luật... trong khi không phải là vị thuyết giảng pháp... trong khi không phải là vị ngụ ở rừng... trong khi không phải là vị chuyên đi khát thực... trong khi không phải là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ... trong khi không phải là vị chỉ sử dụng ba y... trong khi không phải là vị đi khát thực tuân tữ theo từng nhà... trong khi không phải là vị không ăn vật thực dăng sau... trong khi không phải là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)... trong khi không phải là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định... trong khi không phải là vị có đạt sơ thiên mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt sơ thiên... (nt)... trong khi không phải là vị có đạt Phi tướng phi phi tướng xứ mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là sự xác xược bằng ý.

Đối với vị nào, ba sự xác xược này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không xác xược. “Không xác xược” là như thế.

Không đáng nhờm góm: Có người đáng nhờm góm, có người không đáng nhờm góm. Và người nào là người đáng nhờm góm? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có giới tồi, có ác pháp, có sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, không phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, không có Phạm hạnh mà tự xưng là có Phạm hạnh, nội tâm thô nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn; người này được gọi là người đáng nhờm góm. Hoặc là, người có sự giận dữ, có nhiều lo âu, trong khi bị nói đến chút ít thì nổi giận, bực tức, tức giận, phản kháng, bày tỏ sự bực tức, sự sân hận và sự không bằng lòng; người này được gọi là người đáng nhờm góm. Hoặc là, người có sự giận dữ, có sự thù hận, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, lừa gạt, xảo trá, ương ngạnh, cao ngạo, có ham muốn xấu xa, có tà kiến, bám víu vào quan điểm của mình, nắm giữ điều đã chấp nhận, khó buông bỏ; người này được gọi là người đáng nhờm góm.

Và người không đáng nhờm góm là người nào? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học; người này được gọi là người không đáng nhờm góm. Hoặc là, người không có sự giận dữ, không có nhiều lo âu, trong khi bị nói đến nhiều vẫn không nổi giận, không bực tức, không tức giận, không phản kháng, không

bày tỏ sự bức tức, sự sân hận và sự không bằng lòng; người này được gọi là người không đáng nhờm góm. Hoặc là, người không có sự giận dữ, không có sự thù hận, không gièm pha, không ác ý, không ganh tỵ, không bòn xén, không lừa gạt, không xảo trá, không ương ngạnh, không cao ngạo, không có ham muốn xấu xa, không có tà kiến, không bám víu vào quan điểm của mình, không nắm giữ điều đã chấp nhận, dễ buông bỏ; người này được gọi là người không đáng nhờm góm. Tất cả phạm phu ngu si là người đáng nhờm góm. Tám hạng Thánh nhân tính luôn phạm nhân tốt lành là những người không đáng nhờm góm.

“Không xác xược, không đáng nhờm góm” là như thế.

Và không dính dấp đến việc nói đâm thọc.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc.

Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Ta sẽ được người này yêu mến, ta sẽ được quý mến, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phúc”; đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy. Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?” Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy. Đối với người nào, việc nói đâm thọc này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy không dính dấp, không gắn bó, không gắn vào, không gắn liền với việc nói đâm thọc.

“Và không dính dấp đến việc nói đâm thọc” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gạt găm, không mong cầu, không bòn xén, không xác xược, không đáng nhờm góm, và không dính dấp đến việc nói đâm thọc.”

10.6. Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc, không dính dấp đến vi cao ngạo, nhuần nhuyễn và có tài biện giải, không cả tin, không lìa luyến ái.

Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc.

Khoái lạc: Là nói đến năm loại dục. Vì lý do gì khoái lạc là nói đến năm loại dục? Phần đông chư thiên và nhân loại ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu năm loại dục, vì lý do ấy khoái lạc là nói đến năm loại dục. Đối với những người nào, khoái lạc tham ái này chưa được dứt bỏ, đối với những người ấy tham ái ở sắc từ con mắt chảy tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục, tham ái ở thanh từ lỗ tai... tham ái ở hương từ lỗ mũi... tham ái ở vị từ lưỡi... tham ái ở xúc từ thân... tham ái ở pháp từ ý chảy tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục. Đối với những vị nào, khoái lạc tham ái này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, đối với những vị ấy tham ái ở sắc từ con mắt không chảy tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục, tham ái ở thanh từ lỗ tai... (nt)... tham ái ở pháp từ ý không chảy tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

“Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc” là như thế.

Không dính dấp đến việc cao ngạo: Cao ngạo là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó khinh khi người khác theo sự sanh ra, hoặc theo dòng họ,... (nt)... hoặc theo sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm, việc này được gọi là cao ngạo. Đối với vị nào, cao ngạo này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy là không dính dấp, không gắn bó, không gắn vào, không gắn liền với việc cao ngạo.

“Không dính dấp đến việc cao ngạo” là như thế.

Nhuần nhuyễn và có tài biện giải.

Nhuần nhuyễn: “Có thân nghiệp nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn, “có khẩu nghiệp nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn, “có ý nghiệp nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn, “có các sự thiết lập niệm nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn, “có các chánh cần nhuần nhuyễn”... “có các nền tảng của thân thông nhuần nhuyễn”... “có các quyền nhuần nhuyễn”... “có các lực nhuần nhuyễn”... “có các yếu tố đưa đến giác ngộ nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn; “có đạo lộ Thánh thiện tám chi phần nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn.

Có tài biện giải: Có ba hạng người có tài biện giải: Có tài biện giải do pháp học, có tài biện giải do vấn hỏi, có tài biện giải do chứng đắc.

Có tài biện giải do pháp học là thế nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó được học tinh thông một cách tự nhiên về *Sutta*, *Geyya*, *Veyyākaraṇa*, *Gāthā*, *Udāna*, *Itivuttaka*, *Jātaka*, *Abbhutadhamma*, *Vedalla*;³ nhờ vào pháp học, vấn đề được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do pháp học.

³ Xem chú thích về “Chín thể loại giáo pháp” ở trang 122. (ND)

Có tài biện giải do vấn hỏi là thế nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó là người vấn hỏi về mục đích của bản thân, về ý nghĩa của cách thức, về tướng trạng, về nguyên nhân và về tính chất hợp lý hay không hợp lý; nhờ vào việc vấn hỏi, điều ấy được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do vấn hỏi.

Có tài biện giải do chứng đắc là thế nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó đạt đến bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, bốn Thánh đạo, bốn quả vị Sa-môn, bốn tuệ phân tích, sáu thẳng trí; đối với vị ấy, ý nghĩa đã được biết, pháp đã được biết, ngôn từ đã được biết. Khi ý nghĩa đã được biết thì ý nghĩa được sáng tỏ, khi pháp đã được biết thì pháp được sáng tỏ, khi ngôn từ đã được biết thì ngôn từ được sáng tỏ, trí ở ba sự nhận biết này là tuệ phân tích về phép biện giải. Vị đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu tuệ phân tích về phép biện giải này, vị ấy được gọi là người có tài biện giải.

Đối với người nào, pháp học không có, vấn hỏi không có, chứng đắc không có, đối với người ấy, cái gì sẽ được sáng tỏ?

“Nhuần nhuyễn và có tài biện giải” là như thế.

Không cả tin, không lìa luyện ái.

Không cả tin: Khi pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét thì không cần đặt niềm tin vào bất cứ ai, vào vị Sa-môn khác, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên nhân, hoặc Ma vương, hoặc Phạm thiên. Khi “tất cả các hành là vô thường” đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi “tất cả các hành là khổ”... (nt)... Khi “tất cả các pháp là vô ngã”... (nt)... Khi “vô minh duyên cho các hành”... (nt)... Khi “sanh duyên cho lão, tử”... (nt)... Khi “do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành”... (nt)... Khi “do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử”... (nt)... Khi “đây là khổ”... (nt)... Khi “đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”... (nt)... Khi “đây là các lậu hoặc”... (nt)... Khi “đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc”... (nt)... Khi “các pháp này cần được biết rõ”... (nt)... Khi “các pháp này cần được chứng ngộ” đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hưng thú, sự bất lợi và sự thoát ra đối với sáu xúc xứ... (nt)... Khi nhân sanh khởi... đối với năm thủ uẩn... (nt)... Khi nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hưng thú, sự bất lợi và sự thoát ra đối với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi “điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt” đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét, thì không cần đặt niềm tin vào bất cứ ai, vào vị Sa-môn khác, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên nhân, hoặc Ma vương, hoặc Phạm thiên.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này Sāriputta, người có tin rằng: ‘Tín quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng? Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng?’” “Bạch Ngài, về điều này quả thật không phải do niềm tin đối với đức Thế Tôn mà con đi đến [ý niệm] rằng: ‘Tín quyền... Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.’ Bạch Ngài, nhưng đối với những người nào điều này là không được biết, không được thấy, không được hiểu, không được chứng ngộ, không được chạm đến bằng tuệ, những người ấy do niềm tin đối với những người khác mà đi đến điều ấy [ý niệm] rằng: ‘Tín quyền... Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.’ Bạch Ngài, còn đối với những người nào điều này là được biết, được thấy, được hiểu, được chứng ngộ, được chạm đến bằng tuệ, không có nghi ngờ, những người ấy không có hoài nghi về điều ấy rằng: ‘Tín quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng. Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.’” “Bạch Ngài, đối với con, quả thật điều này là được biết, được thấy, được hiểu, được chứng ngộ, được chạm đến bằng tuệ. Con không có nghi ngờ, không có hoài nghi về điều ấy rằng: ‘Tín quyền... Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.’”

“Người nào, không phải do niềm tin, biết sự không tạo tác [Niết-bàn], cắt đứt sự tiếp nối [tái sanh], đã tiêu diệt duyên có, đã buông bỏ niềm ước muốn, chính vị ấy là con người tối thượng.”

Không lìa luyến ái: Tất cả phàm phu ngu si đều luyến ái. Bảy hạng Hữu học tính luôn phàm nhân tốt lành lìa luyến ái. Bạc A-la-hán chẳng những không luyến ái mà cũng không lìa luyến ái. Vị ấy đã được xa lìa luyến ái do sự cạn kiệt của luyến ái, do trạng thái đã xa lìa luyến ái, do sự cạn kiệt của sân hận, do trạng thái đã xa lìa sân hận, do sự cạn kiệt của si mê, do trạng thái đã xa lìa si mê. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

“Không cả tin, không lìa luyện ái” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc, không dính dấp đến việc cao ngạo, nhuần nhuyễn, và có tài biện giải, không cả tin, không lìa luyện ái.”

10.7. Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc và không bức tức khi không được lợi lộc, không chống đối, và không thêm muốn các vị nể do tham ái.

Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc và không bức tức khi không được lợi lộc: Thế nào là vị học tập vì ham muốn lợi lộc? “Ồ đây, vị Tỳ-khuru nhìn thấy vị Tỳ-khuru [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh.” Vị ấy khởi ý như vậy: “Vì điều gì mà vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?” Vị ấy khởi ý như vậy: “Vị Đại đức này là vị chuyên về Kinh; vì thế, vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh.” Vị ấy, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy học kỹ lưỡng về Kinh. Như vậy là vị học tập vì ham muốn lợi lộc.

Hoặc là, vị Tỳ-khuru nhìn thấy vị Tỳ-khuru [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy khởi ý như vậy: “Vì điều gì mà vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?” Vị ấy khởi ý như vậy: “Vị Đại đức này là vị trì Luật... (nt)... là vị thuyết Pháp; vì thế, vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh.” Vị ấy, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy học kỹ lưỡng về Thắng pháp. Như vậy cũng là vị học tập vì ham muốn lợi lộc.

Hoặc là, vị Tỳ-khuru nhìn thấy vị Tỳ-khuru [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy khởi ý như vậy: “Vì điều gì mà vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?” Vị ấy khởi ý như vậy: “Vị Đại đức này là vị ngụ ở rừng... là vị chuyên đi khát thực... là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ... là vị chỉ sử dụng ba y... là vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà... là vị không ăn vật thực dâng sau... là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)... là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định; vì thế, vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh.” Vị ấy, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy là vị hành pháp chuyên đi khát thực... (nt)... là vị hành pháp ngụ ở chỗ đã được chỉ định. Như vậy cũng là vị học tập vì ham muốn lợi lộc.

Thế nào là vị học tập không vì ham muốn lợi lộc? Ở đây, vị Tỳ-khuru không do nhân lợi lộc, không do duyên lợi lộc, không vì lý do lợi lộc, không vì sự

phát sinh lợi lộc, trong khi không làm cho thành tựu lợi lộc, vì ấy học kỹ lưỡng về Kinh, học kỹ lưỡng về Luật, học kỹ lưỡng về Thắng pháp chỉ để nhắm đến mục đích huấn luyện bản thân, đến mục đích yên lặng bản thân, đến mục đích diệt tắt hoàn toàn [ô nhiễm] của bản thân. Như vậy là vị học tập không vì ham muốn lợi lộc.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu không do nhân lợi lộc, không do duyên lợi lộc, không vì lý do lợi lộc, không vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi không làm cho thành tựu lợi lộc, vì ấy là vị ngụ ở rừng, là vị chuyên đi khát thực, là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, là vị chỉ sử dụng ba y, là vị đi khát thực tuân tữ theo từng nhà, là vị không ăn vật thực dâng sau, là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định, chỉ để nương vào sự ít ham muốn, để nương vào sự tự biết đủ, để nương vào sự đoạn giảm [ô nhiễm], để nương vào sự viên ly, để nương vào sự hiện diện của các thiện pháp. Như vậy cũng là vị học tập không vì ham muốn lợi lộc. “Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc” là như thế.

Và không bức tức khi không được lợi lộc. Thế nào là bức tức khi không được lợi lộc? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó [nghĩ rằng]: “Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến”, rồi bức tức, tức giận, phản kháng, bày tỏ sự bức tức, sự sân hận, sự không bằng lòng. Như vậy là bức tức khi không được lợi lộc.

Thế nào là không bức tức khi không được lợi lộc? Ở đây, có vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: “Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng,... (nt)... tôi không được biết đến”, rồi không bức tức, không tức giận, không phản kháng, không bày tỏ sự bức tức, sự sân hận, sự không bằng lòng. Như vậy là không bức tức khi không được lợi lộc.

“Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc và không bức tức khi không được lợi lộc” là như thế.

Không chống đối, và không thêm muốn các vị nếm do tham ái.

Không chống đối: Sự tức tối nào của tâm là sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; điều này được gọi là sự chống đối. Đối với người nào, sự chống đối này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không chống đối.

Tham ái: Tham ái đối với cảnh sắc, tham ái đối với cảnh thanh, tham ái đối với cảnh khí, tham ái đối với cảnh vị, tham ái đối với cảnh xúc, tham ái đối với cảnh pháp.

Vị nếm: Vị của rễ củ, vị của thân cây, vị của vỏ cây, vị của lá cây, vị của hoa, vị của trái, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, lạt, gắt, chát, dễ chịu, khó chịu, lạnh, nóng. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn thèm khát vị nếm, họ lang thang đó đây tìm cầu các vị nếm tuyệt vời bằng đầu lưỡi. Có được vị chua, họ tìm cầu vị không chua; có được vị không chua, họ tìm cầu vị chua. Có được vị ngọt, họ tìm cầu vị không ngọt; có được vị không ngọt, họ tìm cầu vị ngọt. Có được vị đắng, họ tìm cầu vị không đắng; có được vị không đắng, họ tìm cầu vị đắng. Có được vị cay, họ tìm cầu vị không cay; có được vị không cay, họ tìm cầu vị cay. Có được vị mặn, họ tìm cầu vị không mặn; có được vị không mặn, họ tìm cầu vị mặn. Có được vị lạt, họ tìm cầu vị không lạt; có được vị không lạt, họ tìm cầu vị lạt. Có được vị gắt, họ tìm cầu vị chát; có được vị chát, họ tìm cầu vị gắt. Có được vị dễ chịu, họ tìm cầu vị khó chịu; có được vị khó chịu, họ tìm cầu vị dễ chịu. Có được vị lạnh, họ tìm cầu vị nóng; có được vị nóng, họ tìm cầu vị lạnh. Khi có được vị nếm nào thì họ lại không vừa lòng với vị nếm ấy, và tiếp tục tìm cầu, họ bị luyến ái ở các vị nếm hợp ý, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gài gửi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Đối với người nào, tham ái ấy ở vị nếm đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: “Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc điếm tô, mà chỉ để duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ, và sẽ không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không làm lỗi, và sự sống được thoải mái.”

Giống như người bơi thuốc ở vết thương chỉ nhắm đến mục đích làm cho lành lặn, hoặc giống như người nhỏ dầu ở trục xe chỉ nhắm đến mục đích chuyên chở khỏi hàng, hoặc giống như người thọ dụng thức ăn là thịt của đứa con trai chỉ nhắm đến mục đích thoát khỏi bãi sa mạc; tương tự y như thế, vị Tỳ-khuru suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: “Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc điếm tô, mà chỉ để duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ, và không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không làm lỗi, và sự sống được thoải mái”; rồi dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tham ái ở vị nếm. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái ở vị nếm, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không chống đối, và không thèm muốn các vị nếm do tham ái” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc, và không bực tức khi không được lợi lộc, không chống đối, và không thèm muốn các vị nếm do tham ái.”

10.8. *Vị hành xả, luôn luôn có niệm, ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng, không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém; đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo.*

Vị hành xả, luôn luôn có niệm.

Vị hành xả: Là vị có pháp hành xả ở sáu tình huống: Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, không có ý ưa thích, không có ý ghét bỏ, vị hành xả sống có niệm, có sự nhận biết rõ; sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, không có ý ưa thích, không có ý ghét bỏ, vị hành xả sống có niệm, có sự nhận biết rõ.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý, [vị ấy] không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc không hợp ý, [vị ấy] không khó chịu, không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát.

Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... Sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... Sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, [vị ấy] không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp không hợp ý, [vị ấy] không khó chịu, không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý hay không hợp ý, thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... Sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... Sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp hợp ý hay không hợp ý, thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, [vị ấy] không bị luyến ái ở vật đáng luyến ái, không bị sân hận ở vật đáng sân hận, không bị si mê ở vật đáng si mê, không bị bực tức ở vật đáng bực tức, không bị ô nhiễm ở vật đáng ô nhiễm, không bị say đắm ở vật đáng say đắm. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, [vị ấy] không bị luyến ái ở vật đáng luyến ái, không bị sân hận ở vật đáng sân hận, không bị si mê ở vật đáng si mê, không bị bực tức ở vật đáng bực tức, không bị ô nhiễm ở vật đáng ô nhiễm,

không bị say đắm ở vật đáng say đắm. Ở điều đã được nghe chỉ là điều đã được nghe, ở điều đã được thấy chỉ là điều đã được thấy, ở điều đã được cảm giác chỉ là điều đã được cảm giác, ở điều đã được nhận thức chỉ là điều đã được nhận thức, [vị ấy] không bị lamm nhơ ở điều đã được thấy, không bị lamm nhơ ở điều đã được nghe, không bị lamm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bị lamm nhơ ở điều đã được nhận thức. Về điều đã được thấy, [vị ấy] không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không nương tựa, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Về điều đã được nghe, về điều đã được cảm giác, về điều đã được nhận thức, [vị ấy] không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không nương tựa, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Mắt của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nhìn cảnh sắc bằng mắt. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Tai của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nghe âm thanh bằng tai. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Mũi của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán ngửi hương bằng mũi. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Lưỡi của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nếm vị bằng lưỡi. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Thân của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán xúc chạm bằng thân... (nt)... Ý của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nhận thức pháp bằng ý. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát.

Mắt có sự thỏa thích ở sắc, thích thú ở sắc, vui thích ở sắc; mắt của vị A-la-hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và vị ấy thuyết pháp về sự thu thúc đối với mắt. Tai có sự thỏa thích ở âm thanh... (nt)... Mũi có sự thỏa thích ở hương... Lưỡi có sự thỏa thích ở vị nếm, thích thú ở vị nếm, vui thích ở vị nếm; lưỡi của vị A-la-hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và vị ấy thuyết pháp về sự thu thúc đối với lưỡi. Thân có sự thỏa thích ở xúc chạm... (nt)... Ý có sự thỏa thích ở pháp, thích thú ở pháp, vui thích ở pháp; ý của vị A-la-hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và vị ấy thuyết pháp về sự thu thúc đối với ý.

1. *“Người ta đưa [ngựa] đã được rèn luyện đến nơi tụ hội. Đức vua cỡi lên [ngựa] đã được rèn luyện. Người đã được rèn luyện chịu đựng lời mắng nhiếc là hạng nhất giữa loài người.*

2. *Quý báu thay những con lừa đã được thuần hóa, những con ngựa Sindhu thuần chủng, và những con voi thuộc loài khổng tượng; người đã tự rèn luyện bản thân là quý báu hơn cả.*

3. *Bởi vì chẳng phải nhờ vào những cỗ xe ấy mà có thể đi đến nơi chưa đi*

đến [Niết-bàn], như là nhờ vào bản thân đã khéo được rèn luyện. Do nhờ đã được rèn luyện mà người đã được rèn luyện đi đến [Niết-bàn].

4. Các vị không lay động ở các trạng thái kiêu mạn, đã được thoát khỏi việc sanh ra lần nữa, đã đạt đến lãnh vực của các bậc đã được rèn luyện; các vị ấy là những người chiến thắng ở thế gian.

5. Vị nào có các giác quan đã được tu tập, ở nội phần, ở ngoại phần, và ở toàn thể thế gian, sau khi thấu hiểu đời này và đời sau, vị đã được tu tập chờ đợi thời điểm, vị ấy là đã được huấn luyện.”

Vị hành xả, luôn luôn có niệm.

Luôn luôn: Là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. ... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

“Vị hành xả, luôn luôn có niệm” là như thế.

Ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng: Không làm sanh khởi ngã mạn [nghĩ rằng]: “Ta là ngang bằng” về xuất thân, hoặc về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác.

“Ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng” là như thế.

Không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém. Không làm sanh khởi cao ngạo [nghĩ rằng]: “Ta là tốt hơn” về xuất thân, hoặc về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác. Không làm sanh khởi ngã mạn [nghĩ rằng]: “Ta là thua kém” về xuất thân, hoặc về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác.

“Không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém” là như thế.

Đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Các sự kiêu ngạo: Có bảy sự kiêu ngạo: Kiêu ngạo do luyến ái, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê, kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp. Đối với vị ấy, các sự kiêu ngạo này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị hành xả, luôn luôn có niệm, ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng, không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém; đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo.”

10.9. Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa, sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa, đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy.

Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Trạng thái nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Đối với vị ấy, sự nương tựa vào tham ái được dứt bỏ, sự nương tựa vào tà kiến được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự nương tựa vào tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự nương tựa vào tà kiến; đối với vị ấy sự nương tựa là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa” là như thế.

Sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa.

Sau khi đã hiểu biết: Sau khi đã hiểu biết là sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt. Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”, “Tất cả các hành là khổ”, “Tất cả các pháp là vô ngã”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Không còn nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến thì không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý, không nương tựa vào các sắc, các thanh, các hương, các vị, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ,... (nt)... các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa” là như thế.

Đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy.

Tham ái: Là tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thanh, tham ái cảnh khí, tham ái cảnh vị, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Ở hữu: Ở hữu kiến; **ở phi hữu:** Phi hữu kiến; **ở hữu:** Ở thường kiến; **ở phi hữu:** Ở đoạn kiến; **ở hữu:** Ở sự sanh lên được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái

sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự sanh ra của bản ngã được lặp đi lặp lại. Đối với vị ấy, tham ái là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa, sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa, đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy.”

10.10. Ta nói rằng vị ấy là “bậc Yên tịnh” không trông mong về các dục. Đối với vị ấy, các sự trói buộc không tìm thấy; vị ấy đã vượt qua sự vương mắc.

Ta nói rằng vị ấy là “bậc Yên tịnh”: Ta nói về vị ấy, Ta thuyết về vị ấy, Ta phát ngôn về vị ấy, Ta giảng giải về vị ấy, Ta diễn tả về vị ấy là “bậc Yên tịnh, bậc Vắng lặng, bậc Tịch diệt, bậc Tịch tịnh.”

Ta nói rằng vị ấy là “bậc Yên tịnh” là như thế.

Không trông mong về các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi khiến cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục; vị **không trông mong về các dục:** Là vị có dục đã được xa lìa, có dục đã được từ bỏ, có dục đã được tẩy trừ, có dục đã được giải thoát, có dục đã được dứt bỏ, có dục đã được buông bỏ; là vị có luyến ái ở các dục đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, đã không còn khao khát, đã được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

“Không trông mong về các dục” là như thế.

Đối với vị ấy các sự trói buộc không tìm thấy.

Các sự trói buộc: Có bốn sự trói buộc: Tham đắm là sự trói buộc về thân, sân hận là sự trói buộc về thân, sự bám víu vào giới và phận sự là sự trói buộc về thân, sự chấp chặt “chỉ điều này là chân lý” là sự trói buộc về thân. Sự luyến ái, tham đắm vào quan điểm của bản thân là sự trói buộc về thân. Sự tức tối, sự không bằng lòng, sự sân hận về các học thuyết khác là sự trói buộc về thân. Sự bám víu vào giới và phận sự rằng: “Họ bám víu vào giới, hoặc phận sự, hoặc giới và phận sự của bản thân” là sự trói buộc về thân. Quan điểm của bản thân có sự chấp chặt “chỉ điều này là chân lý” là sự trói buộc về thân.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt; đối với vị ấy,

các sự trôi buộc là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị ấy các sự trôi buộc không tìm thấy” là như thế.

Vị ấy đã vượt qua sự vương mắc.

Sự vương mắc: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vương mắc: Sự vương mắc với ý nghĩa gì? “Được trải rộng” là vương mắc, “bao quát” là vương mắc, “được lan rộng” là vương mắc, “nó lôi kéo theo” là vương mắc, “nó mang lại chất độc” là vương mắc, “truyền bá chất độc” là vương mắc, “gốc rễ của chất độc” là vương mắc, “kết quả của chất độc” là vương mắc, “sự thọ dụng chất độc” là vương mắc. Hoặc hơn nữa, “tham ái ấy là bao quát ở sắc, ở thính, ở hương, ở vị, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ,... (nt)... ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan rộng” là vương mắc.

Vị ấy đã vượt qua sự vương mắc: Vị ấy đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sự vương mắc, tham ái này.

“Vị ấy đã vượt qua sự vương mắc” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Ta nói rằng vị ấy là ‘bậc Yên tịnh’ không trông mong về các dục. Đối với vị ấy, các sự trôi buộc không tìm thấy; vị ấy đã vượt qua sự vương mắc.”

10.11. Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy. Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy.

Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy.

Không: Là sự phủ định.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Con cái: Có bốn loại con cái: Con ruột là con, con nhặt được là con, con nuôi là con, học trò là con.

Các thú nuôi: Dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa.

Ruộng: Là ruộng lúa sāli, ruộng lúa mùa, ruộng đậu xanh, ruộng đậu māsā, ruộng lúa mạch, ruộng lúa mì, ruộng mè.

Đất: Là đất nhà, đất công ra vào, đất phía trước nhà, đất phía sau nhà, đất vườn, đất thổ cư.

Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy: Đối với vị ấy, sở hữu về con cái, hoặc sở hữu về các thú nuôi, hoặc sở hữu về ruộng vườn, hoặc sở hữu về đất đai là không có, không

hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy” là như thế.

Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy: Không có thường kiến rằng: “Có tự ngã.” Không có đoạn kiến rằng: “Không có tự ngã.” Không có điều đã được nắm lấy rằng: “Có tự ngã.” Không có điều cần được giải thoát rằng: “Không có tự ngã.” Người nào không có điều đã được nắm lấy thì người ấy không có điều cần được giải thoát, người nào không có điều cần được giải thoát thì người ấy không có điều đã được nắm lấy. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sự tiến tu và thối thất. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

“Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy” là như thế.⁴

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng :

“Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy. Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy.”

10.12. *Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy, việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng; vì thế, vị ấy không xao động vì những lời nói [buộc tội].*

Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy.

Các phàm phu: “Những người sản sanh ra các ô nhiễm khác nhau” là phàm phu. “Những người có sự nhận thức sai trái về thân khác nhau chưa được phá tan” là phàm phu. “Những người tin theo nhiều vị thầy khác nhau” là phàm phu. “Những người chưa được ra khỏi mọi cảnh giới tái sanh khác nhau” là phàm phu. “Những người tạo ra các sự tạo tác khác nhau” là phàm phu. “Những người bị cuốn trôi bởi nhiều dòng lũ khác nhau” là phàm phu. “Những người bị nóng nảy bởi nhiều sự nóng nảy khác nhau” là phàm phu. “Những người bị thiêu đốt bởi nhiều sự bức bối khác nhau” là phàm phu. “Những người bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gần gũi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở năm loại dục đa dạng” là phàm phu. “Những người bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đầy kín bởi năm pháp che lấp đa dạng” là phàm phu.

Các Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Các Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ “ông.”

⁴ Xem đoạn dịch tương tự ở trang 70. (ND)

Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy: Các phàm phu vì sự luyến ái nào mà có thể nói, vì sự sân hận nào mà có thể nói, vì sự si mê nào mà có thể nói, vì sự ngã mạn nào mà có thể nói, vì tà kiến nào mà có thể nói, vì sự phóng dật nào mà có thể nói, vì hoài nghi nào mà có thể nói, vì các pháp tiềm ẩn nào mà có thể nói [rằng]: “Ngài là ‘kẻ bị luyến ái’, hoặc là ‘kẻ bị sân hận’, hoặc là ‘kẻ bị si mê’, hoặc là ‘kẻ bị trói buộc’, hoặc là ‘kẻ bị bám víu’, hoặc là ‘kẻ bị tán loạn’, hoặc là ‘kẻ không dứt khoát’, hoặc là ‘kẻ cứng cỏi.’” Các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác thì với cảnh giới tái sanh nào mà chúng có thể nói về vị ấy [rằng]: “[Ngài sẽ trở thành] ‘người địa ngục’, hoặc là ‘loài thú’, hoặc là ‘thân phận ngạ quỷ’, hoặc là ‘loài người’, hoặc là ‘thiên nhân’, hoặc là ‘người hữu sắc’, hoặc là ‘người vô sắc’, hoặc là ‘người hữu tướng’, hoặc là ‘người vô tướng’, hoặc là ‘người phi tướng phi phi tướng.’” Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà vì việc ấy họ có thể nói, có thể thuyết, có thể phát ngôn, có thể giảng giải, có thể diễn tả về vị ấy.

“Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy” là như thế.

Việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Được chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến. ... (nt)... điều này là chú trọng do tham ái. ... (nt)... điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến; vị ấy sống, không chú trọng tham ái hoặc tà kiến, không có tham ái là ngọn cỏ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cỏ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo; vị ấy sống không bị vây quanh bởi tham ái hoặc bởi tà kiến.

“Việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng” là như thế.

Vì thế, vị ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc tội].

Vì thế: Bởi điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, vị ấy không chao đảo, không xao động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động vì những lời nói [buộc tội], vì những lời gièm pha, vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự không nổi tiếng, vì sự không ca tụng.

“Vì thế, vị ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc tội]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy, việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng; vì thế, vị ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc tội].”

10.13. *Có sự thèm khát đã được xa lìa, không bòn xén, bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến].*

Có sự thèm khát đã được xa lìa, không bòn xén.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, sự thèm khát ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không còn thèm khát. Người ấy không thèm khát ở sắc,... (nt)... không thèm khát ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, không còn khao khát,... (nt)... sống với trạng thái cao thượng tự thân. “Có sự thèm khát đã được xa lìa” là như thế.

Không bòn xén.

Bòn xén: Có năm sự bòn xén: Bòn xén về chỗ ở, bòn xén về gia tộc, bòn xén về lợi lộc, bòn xén về danh tiếng, bòn xén về pháp; bòn xén có hình thức như vậy là... (nt)... sự nắm lấy được gọi là bòn xén. Đối với người nào, sự bòn xén này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không bòn xén.

“Có sự thèm khát đã được xa lìa, không bòn xén” là như thế.

Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyn luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí. [Bậc Hiền trí] không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng: “Ta là tốt hơn”, hoặc “Ta là ngang bằng”, hoặc “Ta là thua kém.”

“Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém” là như thế.

Là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến].

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái,

do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến; vị ấy không đi đến, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. “Không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến]” là như thế.

Là vị không bị sắp đặt.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Đối với vị ấy, do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, vị ấy không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến.

“Là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Có sự thêm khát đã được xa lìa, không bồn xồn, bậc Hiền trí không mớ tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến].”

10.14. *Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có, [là vị] không sâu muộn do tình trạng không có, và không đi đến [sự làm lẫn] ở các pháp; thật vậy, vị ấy được gọi là “bậc An tịnh.”*

Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Vật sở hữu là không có: Đối với vị nào, bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: “Hoặc là cái này thuộc về tôi, hoặc là cái này thuộc về những người khác” là không có, không hiện diện,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có” là như thế.

Không sâu muộn do tình trạng không có: Không sâu muộn về vật đã bị biến đổi, hoặc là không sâu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] “Mất của ta bị biến đổi” mà không sâu muộn; [nghĩ rằng:] “Tai của ta... Mũi của ta... Lưỡi của ta... Thân của ta... Ý của ta... Các sắc của ta... Các tinh của ta... Các hương của ta... Các vị của ta... Các xúc của ta... Gia tộc của ta... Đồ chúng của ta... Chỗ ngụ của ta... Lợi lộc của ta... Danh vọng của ta... Lời khen của ta... Hạnh phúc của ta... Y phục của ta... Đồ ăn khát thực của ta... Chỗ nằm ngồi của ta... Vật dụng là thuốc men chữa bệnh của ta... Mẹ của ta... Cha của

ta... Anh [em] trai của ta... Chị [em] gái của ta... Con trai của ta... Con gái của ta... Bạn bè của ta... Thân hữu của ta... Thân quyến của ta... Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đầm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. “Không sầu muộn do tình trạng không có” là như vậy.

Hoặc là, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi thọ khổ không có khoái lạc, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đầm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi bệnh ở mắt mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đầm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi bệnh ở tai trong, bởi bệnh ở mũi, bởi bệnh ở lưỡi, bởi bệnh ở thân, bởi bệnh ở đầu, bởi bệnh ở lỗ tai, bởi bệnh ở miệng, bởi bệnh ở răng, bởi ho, bởi suyễn, bởi sổ mũi, bởi nhiệt, bởi cảm sốt, bởi đau bụng, bởi xây xẩm, bởi kiết lỵ, bởi đau bụng bão, bởi dịch tả, bởi phong cùi, bởi khô u, bởi bệnh chàm, bởi lao phổi, bởi động kinh, bởi mụn, bởi nhọt, bởi ghẻ ngứa, bởi sảy, bởi loét tay chân, bởi máu, bởi mật, bởi bệnh tiểu đường, bởi bệnh trĩ, bởi ghẻ lở, bởi loét hậu môn, bởi bệnh phát khởi từ mật, bởi bệnh phát khởi từ đàm, bởi bệnh phát khởi từ gió, bởi bệnh tổng hợp từ mật-dàm-gió, bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bởi bệnh thuộc dạng cấp tính, bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, bởi lạnh, bởi nóng, bởi đói, bởi khát, bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đầm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. “Không sầu muộn do tình trạng không có” còn là như vậy.

Hoặc là, trong khi không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại [nghĩ rằng]: “Quả thật đã có cho ta chăng? Cái ấy quả thật không có cho ta! Quả thật sẽ có cho ta chăng? Quả thật ta không đạt được cái ấy!”, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đầm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội.

“Không sầu muộn do tình trạng không có” còn là như vậy.

Và không đi đến [sự làm lẫn] ở các pháp: Vị không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến do tác động của duyên ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, và không bởi các pháp có tính chất phe nhóm mà bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi.

“Và không đi đến [sự làm lẫn] ở các pháp” là như thế.

Thật vậy, vị ấy được gọi là “bậc An tịnh”: Vị ấy được gọi là, được nói ra,

được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là: “Bạc An tịnh, bậc Yên tịnh, bậc Vắng lặng, bậc Tịch diệt, bậc Tịch tịnh.”

“Thật vậy, vị ấy được gọi là ‘bậc An tịnh’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có, [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có, và không đi đến [sự làm lẫn] ở các pháp; thật vậy, vị ấy được gọi là ‘bậc An tịnh’.”

“Diễn giải kinh trước khi hoại rã” - Phần thứ mười.



11. DIỄN GIẢI KINH CẢI CỌ VÀ TRANH CẢI (KALAHAVIVĀDASUTTANIDDESO)

Giờ phần “Diễn giải kinh cải cọ và tranh cãi” được nói đến:

- 1.1. Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi,**
Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bồn xồn,
Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc?
Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi.

Sự cãi cọ: Theo một cách thức, sự cãi cọ và sự tranh cãi cũng y như nhau; cái nào là cãi cọ, cái ấy là tranh cãi; cái nào là tranh cãi, cái ấy là cãi cọ. Hoặc là, theo một cách thức khác nói về tranh cãi: Tranh cãi là phần đi trước của cãi cọ. Các vị vua tranh cãi với các vị vua, các Sát-đế-ly tranh cãi với các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn tranh cãi với các Bà-la-môn, các gia chủ tranh cãi với các gia chủ, mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh [em] trai tranh cãi với anh [em] trai, chị [em] gái tranh cãi với chị [em] gái, anh [em] trai tranh cãi với chị [em] gái, chị [em] gái tranh cãi với anh [em] trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; việc này là tranh cãi.

Sự cãi cọ là việc nào? Các người tại gia, [trong khi tức giận] cầm lấy gậy gộc, thực hiện việc cãi cọ bằng thân, bằng khẩu; các bậc xuất gia, trong khi vi phạm tội, thực hiện việc cãi cọ bằng thân, bằng khẩu; việc này là cãi cọ.

Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi: Là hỏi về nguồn gốc, hỏi về nguyên nhân, hỏi về căn nguyên, hỏi về sự xuất phát, hỏi về nguồn sanh khởi, hỏi về nguồn phát khởi, hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, hỏi về đối tượng, hỏi về duyên khởi, hỏi về nhân sanh khởi của sự cãi cọ và sự tranh cãi: “Các sự cãi cọ và các sự tranh cãi phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?” là chất vấn, là yêu cầu, là thỉnh cầu, là đặt niềm tin.

“Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi” là như thế.

Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bồn xồn.

Sự than vãn: Là sự than van, sự than trách, sự than thờ, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói làm nhảm, nói huyền thuyên, nói kẻ lẽ, lối nói kẻ lẽ, trạng thái nói kẻ lẽ của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì

bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Nỗi sầu muộn: Nỗi sầu muộn là sự buồn rầu, trạng thái buồn phiền, sự sầu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở nội tâm, sự bức tức ở nội tâm, nỗi ưu phiền do trạng thái bức bối của tâm, mũi tên sầu muộn của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Sự bồn xئن: Có năm loại bồn xئن: Bồn xئن về chỗ ở, bồn xئن về gia tộc, bồn xئن về lợi lộc, bồn xئن về danh tiếng, bồn xئن về pháp. Bồn xئن có hình thức như vậy là biểu hiện của bồn xئن, trạng thái của bồn xئن, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm, điều này được gọi là bồn xئن. Còn nữa, bồn xئن về uân cũng là bồn xئن, bồn xئن về giới cũng là bồn xئن, bồn xئن về xứ cũng là bồn xئن, sự nắm lấy được gọi là bồn xئن.

“Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bồn xئن” là như thế.

Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc.

Ngã mạn: Ở đây một người nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác.

Cao ngạo: Ở đây một người nào đó khinh khi người khác theo sự sanh ra, theo dòng họ,... (nt)... hoặc theo sự việc này khác.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một người nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc. Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Đối với người này, ta sẽ được yêu thương, ta sẽ được quý mến, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phúc.” Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy. Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?” Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy.

“Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc” là như thế.

Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy: Sự cãi cọ, sự tranh cãi, sự than vãn, nỗi sầu muộn, sự bòn xén, sự ngã mạn, sự cao ngạo và việc nói đâm thọc; tám điều ô nhiễm này phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi? [Vị ấy] hỏi về nguồn gốc, hỏi về nhân, hỏi về căn nguyên, hỏi về sự xuất phát, hỏi về nguồn sanh khởi, hỏi về nguồn phát khởi, hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, hỏi về đối tượng, hỏi về duyên khởi, hỏi về nhân sanh khởi của tám điều ô nhiễm này, chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin. “Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy” là như thế. Nào, xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

*“Từ đâu phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi,
Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bòn xén,
Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc?
Từ đâu chúng phát khởi? Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy.”*

11.2. *Từ vật được yêu mến phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi,
Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bòn xén,
Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc.
Các sự cãi cọ, các sự tranh cãi là có liên quan đến sự bòn xén.
Và ở các cuộc tranh cãi đã được sanh ra, có các việc nói đâm thọc.*

Từ vật được yêu mến phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi, các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bòn xén.

Vật được yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh được yêu mến? Ở đây, đối với người nào mà những người ấy có lòng mong muốn điều tốt đẹp, có lòng mong muốn điều lợi ích, có lòng mong muốn sự thoải mái, có lòng mong muốn sự an toàn trong mỗi ràng buộc: Là người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chị [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc các bạn bè, hoặc các thân hữu, hoặc các thân quyến, hoặc những người cùng huyết thống; những người này là các chúng sanh được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác được yêu mến? Các sắc hợp ý, các thanh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý; các pháp tạo tác này là được yêu mến.

Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật được yêu mến, họ gây ra cãi cọ; trong khi đang bị chiếm đoạt, họ gây ra cãi cọ; khi đã bị chiếm đoạt, họ gây ra cãi cọ. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật được yêu mến, họ gây ra cãi cọ; trong khi vật đang bị biến đổi, họ gây ra cãi cọ; khi vật đã bị biến đổi, họ gây ra cãi cọ. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật được yêu mến, họ tranh cãi; trong khi đang bị

chiếm đoạt, họ tranh cãi; khi đã bị chiếm đoạt, họ tranh cãi. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật được yêu mến, họ tranh cãi; trong khi vật đang bị biến đổi, họ tranh cãi; khi vật đã bị biến đổi, họ tranh cãi. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật được yêu mến, họ than vãn; trong khi đang bị chiếm đoạt, họ than vãn; khi đã bị chiếm đoạt, họ than vãn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật được yêu mến, họ than vãn; trong khi vật đang bị biến đổi, họ than vãn; khi vật đã bị biến đổi, họ than vãn. Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật được yêu mến, họ sầu muộn; trong khi đang bị chiếm đoạt, họ sầu muộn; khi đã bị chiếm đoạt, họ sầu muộn. Có sự lo âu về việc biến đổi của vật được yêu mến, họ sầu muộn; trong khi vật đang bị biến đổi, họ sầu muộn; khi vật đã bị biến đổi, họ sầu muộn. Họ bảo vệ, gìn giữ, sở hữu, chấp là của tôi, bỏn xẻn vật được yêu mến.

Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc: Nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi ngã mạn; nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi cao ngạo. Nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi ngã mạn nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Chúng ta có sự đạt được các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc hợp ý. Còn những người này, những người khác không có sự đạt được các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc hợp ý”; nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi ngã mạn nghĩa là như vậy. Nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi cao ngạo nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Chúng ta có sự đạt được các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc hợp ý. Còn những người này, những người khác không có sự đạt được các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc hợp ý”; nương vào vật được yêu mến, họ sanh khởi cao ngạo nghĩa là như vậy.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một người nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này,... (nt)... đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy.

“Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc” là như thế.

Các sự cãi cọ, các sự tranh cãi là có liên quan đến sự bỏn xẻn: Sự cãi cọ, sự tranh cãi, sự than vãn, nỗi sầu muộn, sự ngã mạn, sự cao ngạo và việc nói đâm thọc; bảy điều ô nhiễm này được gắn bó, được gắn vào, được gắn chặt, được gắn liền với sự bỏn xẻn.

“Các sự cãi cọ, các sự tranh cãi là có liên quan đến sự bỏn xẻn” là như thế.

Và ở các cuộc tranh cãi đã được sanh ra, có các việc nói đâm thọc: Khi cuộc tranh cãi đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện, họ đem lại việc nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là những người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là những người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là những người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là những người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc. Thêm nữa, những người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do:

Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Chúng ta sẽ được người này yêu thương, chúng ta sẽ được quý mến, chúng ta sẽ được tin cậy, chúng ta sẽ trở thành thân tín, chúng ta sẽ trở thành tâm phúc”; đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?” Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy.

“Và ở các cuộc tranh cãi đã được sanh ra, có các việc nói đâm thọc” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Từ vật được yêu mến, phát khởi các sự cãi cọ, các sự tranh cãi,
Các sự than vãn, các nỗi sầu muộn và thêm các sự bồn xồn,
Các sự ngã mạn và cao ngạo, rồi thêm các việc nói đâm thọc.
Các sự cãi cọ, các sự tranh cãi là có liên quan đến sự bồn xồn.
Và ở các cuộc tranh cãi đã được sanh ra, có các việc nói đâm thọc.”*

11.3. *Vậy các vật được yêu mến ở thế gian có căn nguyên từ đâu, và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham, [tham ấy có căn nguyên từ đâu]? Mong mỏi và sự thành tựu, những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người, có căn nguyên từ đâu?*

Vậy các vật được yêu mến ở thế gian có căn nguyên từ đâu: Là hỏi về nguồn gốc... (nt)... hỏi về nhân sanh khởi của các vật được yêu mến: “Các vật được yêu mến phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?” là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

“Vậy các vật được yêu mến ở thế gian có căn nguyên từ đâu” là như thế.

Và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham.

Và luôn cả những ai: Là các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Do tham: Tức là sự tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, sự luyến ái mãnh liệt, biểu hiện luyến ái mãnh liệt, trạng thái luyến ái mãnh liệt, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sống: Là cư xử, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

“Và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham” là như thế.

Mong mỗi và sự thành tựu có căn nguyên từ đâu: Là hỏi về nguồn gốc... (nt)... hỏi về nhân sanh khởi của mong mỗi và sự thành tựu [của mong mỗi]: “Mong mỗi và sự thành tựu phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?” là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

“Mong mỗi và sự thành tựu có căn nguyên từ đâu” là như thế.

Những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người: Những gì là sự nâng đỡ, là hòn đảo, là nơi nương tựa, là nơi trú ẩn, là nơi nương nhờ của con người. Con người có sự thành tựu nhờ vào sự nâng đỡ.

“Những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

“Vật được yêu mến ở thế gian có căn nguyên từ đâu, và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham, [tham ấy có căn nguyên từ đâu]? Mong mỗi và sự thành tựu, những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người, có căn nguyên từ đâu?”

11.4. *Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên, và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham, [tham ấy có căn nguyên từ mong muốn]. Mong mỗi và sự thành tựu “những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người” có căn nguyên từ đây.*

Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên.

Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục ở các dục. Thêm nữa, có năm sự mong muốn: Mong muốn tầm cầu, mong muốn đạt được, mong muốn thọ dụng, mong muốn tích lũy, mong muốn ban phát.

Mong muốn tầm cầu là việc nào? Ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi tầm cầu các sắc, tầm cầu các thanh... các hương... các vị... các xúc; việc này là mong muốn tầm cầu.

Mong muốn đạt được là việc nào? Ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi đạt được các sắc, đạt được các thanh... các hương... các vị... các xúc; việc này là mong muốn đạt được.

Mong muốn thọ dụng là việc nào? Ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi thọ dụng các sắc, thọ dụng các thanh... các hương... các vị... các xúc; việc này là mong muốn thọ dụng.

Mong muốn tích lũy là việc nào? Ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có

ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi thực hiện việc tích lũy tài sản [nghĩ rằng]: “Sẽ dùng vào những lúc rủi ro”; việc này là mong muốn tích lũy.

Mong muốn ban phát là việc nào? Ở đây, một người nào đó bị dính mắc, có ý định, đã sanh khởi lòng mong muốn, rồi ban phát tài sản đến các tượng phư, các mã phư, các xa phư, các cung thủ, các binh lính [nghĩ rằng]: “Những người này sẽ bảo vệ, sẽ gìn giữ, sẽ tháp tùng ta”; việc này là mong muốn ban phát.

Vật được yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. ... (nt)... các chúng sanh này là được yêu mến. ... (nt)... các pháp tạo tác này là được yêu mến.

Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên: Vật được yêu mến có mong muốn là căn nguyên, có mong muốn là nhân sanh khởi, có mong muốn là mầm sanh khởi, có mong muốn là nguồn sanh khởi.

“Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên” là như thế.

Và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham.

Và luôn cả những ai: Là các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Do tham: Tức là sự tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, sự luyến ái mãnh liệt, biểu hiện luyến ái mãnh liệt, trạng thái luyến ái mãnh liệt, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sống: Là cư xử, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham” là như thế.

Mong mỗi và sự thành tựu có căn nguyên từ đây: Mong mỗi nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự thành tựu: Ở đây, một người nào đó, trong lúc tâm cầu các sắc và đạt được sắc, là có sự thành tựu về sắc; trong lúc tâm cầu các thính... các hương... các vị... các xúc... gia tộc... đồ chúng... chỗ ngụ... lợi lộc... danh vọng... lời khen... hạnh phúc... y phục... đồ ăn khát thực... chỗ nằm ngồi... vật dụng là thuốc men chữa bệnh... Kinh... Luật... Thắng pháp... pháp của vị ngụ ở rừng... pháp của vị chuyên đi khát thực... pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ... pháp của vị chỉ sử dụng ba y... pháp của vị đi khát thực tuân tự theo từng nhà... pháp của vị không ăn vật thực dâng sau... pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)... pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định... Sơ thiên... Nhị thiên... Tam thiên... Tứ thiên... sự thể nhập Không vô biên xứ... sự thể nhập Thức vô biên xứ... sự thể nhập Vô sở hữu xứ... sự thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ và đạt được sự thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ, là có sự thành tựu về sự thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ.

“Thừa ruộng được cày với sự mong mỗi, hạt giống được gieo với sự mong

mỗi, những thương buồn là những người mang theo của cải đi biển với sự mong mỗi. Với sự mong mỗi nào mà tôi đứng [ở đây], mong rằng sự mong mỗi ấy của tôi được thành tựu.”

Sự thành đạt do mong mỗi được gọi là sự thành tựu.

Mong mỗi và sự thành tựu có căn nguyên từ đây: Mong mỗi và sự thành tựu là từ đây, có mong muốn là căn nguyên, có mong muốn là nhân sanh khởi, có mong muốn là mầm sanh khởi, có mong muốn là nguồn sanh khởi.

“Mong mỗi và sự thành tựu có căn nguyên từ đây” là như thế.

Những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người: Những gì là sự nâng đỡ, là hòn đảo, là nơi nương náu, là nơi trú ẩn, là nơi nương nhờ của con người. Con người có sự thành tựu là sự nâng đỡ.

“Những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Các vật được yêu mến ở thế gian có mong muốn là căn nguyên, và luôn cả những ai sống ở thế gian cũng do tham [tham ấy có căn nguyên từ mong muốn]. Mong mỗi và sự thành tựu ‘những sự việc đưa đến đời sống kế tiếp của con người’ có căn nguyên từ đây.”

11.5. Vậy mong muốn ở thế gian có căn nguyên từ đâu?

Và luôn cả các phán đoán được phát khởi từ đâu?

Sự giận dữ, lời nói giả dối và nổi nghi hoặc,

Và luôn cả các pháp nào đã được bậc Sa-môn nói đến?

Vậy mong muốn ở thế gian có căn nguyên từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc... (nt)... hỏi về nhân sanh khởi của mong muốn: “Mong muốn phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?” là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

“Vậy mong muốn ở thế gian có căn nguyên từ đâu?” là như thế.

Và luôn cả các phán đoán được phát khởi từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc... (nt)... về nhân sanh khởi của các phán đoán: “Các phán đoán phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?” là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

“Và luôn cả các phán đoán được phát khởi từ đâu?” là như thế.

Sự giận dữ, lời nói giả dối và nổi nghi hoặc.

Sự giận dữ: Sự tức tối nào của tâm có hình thức như vậy là sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi

sân, sự sân nô, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mẫn, trạng thái không hoan hỷ của tâm.

Lời nói giả dối: Nói đến việc nói dối.

Nổi nghi hoặc: Nói đến sự hoài nghi.

“Sự giận dữ, lời nói giả dối và nổi nghi hoặc” là như thế.

Và luôn cả các pháp nào đã được bậc Sa-môn nói đến.

Và luôn cả các pháp nào: Là những pháp đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đối tượng với sự giận dữ, với lời nói giả dối và với nổi nghi hoặc; các điều này được gọi là “và luôn cả các pháp nào.” Hoặc là, những ô nhiễm có bản thể khác, được tồn tại với trạng thái khác; các ô nhiễm này được gọi là “và luôn cả các pháp nào.”

Đã được bậc Sa-môn nói đến: Đã được nói, đã được phát biểu, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ bởi bậc Sa-môn có điều ác xấu đã được yên lặng, bởi vị Bà-la-môn có ác pháp đã được loại trừ, bởi vị Tỳ-khưu có gốc rễ ô nhiễm đã được phá vỡ, đã được thoát khỏi sự trói buộc của tất cả gốc rễ bất thiện.

“Và luôn cả các pháp nào đã được bậc Sa-môn nói đến” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vậy mong muốn ở thế gian có căn nguyên từ đâu?

Và luôn cả các phán đoán được phát khởi từ đâu?

Sự giận dữ, lời nói giả dối và nổi nghi hoặc,

Và luôn cả các pháp nào đã được bậc Sa-môn nói đến?”

11.6. Khoái lạc, không khoái lạc là điều con người ở thế gian đã nói;

Nương tựa vào điều ấy, mong muốn phát khởi.

Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc,

Con người ở thế gian thực hiện sự phán đoán.

Khoái lạc, không khoái lạc là điều con người ở thế gian đã nói.

Khoái lạc: Là cảm thọ lạc và sự việc được ước muốn.

Không khoái lạc: Là cảm thọ khổ và sự việc không được ước muốn.

Là điều con người ở thế gian đã nói: Là điều họ đã nói, điều họ thuyết, điều họ phát ngôn, điều họ giảng giải, điều họ diễn tả.

“Khoái lạc, không khoái lạc là điều con người ở thế gian đã nói” là như thế.

Nương tựa vào điều ấy, mong muốn phát khởi: Nương tựa vào khoái lạc và không khoái lạc, nương tựa vào hạnh phúc và khổ đau, nương tựa vào hỷ tâm

và ưu tâm, nương tựa vào vật ước muốn và không ước muốn, nương tựa vào sự ưa chuộng và bất bình, mong muốn hiện diện, phát khởi, phát xuất, sanh ra, sanh khởi, hạ sanh, phát sanh.

“Nương tựa vào điều ấy, mong muốn phát khởi” là như thế.

Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc.

Ở các sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính. Sự hiện hữu của các sắc là việc nào? Là sự hiện hữu, sự sanh ra, sự sanh khởi, sự hạ sanh, sự phát sanh, sự xuất hiện của các sắc; việc này là sự hiện hữu của các sắc. Sự không hiện hữu của các sắc là việc nào? Là sự tiêu hoại, sự hoại diệt, sự tan rã, sự sụp đổ, trạng thái không thường còn, sự biến mất của các sắc; việc này là sự không hiện hữu của các sắc.

Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc: Là sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc.

“Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc” là như thế.

Con người ở thế gian thực hiện sự phán đoán.

Sự phán đoán: Có hai sự phán đoán: Sự phán đoán do tham ái và sự phán đoán do tà kiến.

Thực hiện sự phán đoán do tham ái là thế nào? Ở đây, các của cải của một người nào đó còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Người ấy khởi ý như sau: “Bởi cách thức gì mà các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt?” Người ấy lại khởi ý như sau: “Khi ta gắn bó với việc dễ duôi uống chất say là rượu và chất lên men, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Khi ta gắn bó với việc lai vãng ở các đường phố vào ban đêm, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Khi ta gắn bó với việc thăm viếng các cuộc hội hè,... Khi ta gắn bó với việc dễ duôi ở các trò cờ bạc,... Khi ta gắn bó với các bạn ác xấu, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt. Khi ta gắn bó với việc lười biếng, các của cải của ta còn chưa được sanh lên thì không sanh lên, và các tài sản đã được sanh lên thì đi đến hoại diệt.” Sau khi lập trí như vậy thì không thân cận với sáu đường lối làm tiêu tán của cải và thân cận với sáu đường lối đem lại của cải; thực hiện sự phán đoán do tham ái là như vậy. Hoặc là, thực hành nghề nông, hoặc nghề buôn bán, hoặc chăn trâu bò, hoặc nghề bắn cung, hoặc hầu hạ vua chúa, hoặc một nghề nghiệp nào đó; thực hiện sự phán đoán do tham ái còn là như vậy.

Thực hiện sự phán đoán do tà kiến là thế nào? Khi mắt sanh lên thì biết rằng: “Tự ngã của ta sanh lên.” Khi mắt biến mất thì biết rằng: “Tự ngã của ta

biến mất, tự ngã của ta đã đi khỏi”; thực hiện sự phán đoán do tà kiến là như vậy. Khi tai... Khi mũi... Khi lưỡi... Khi thân... Khi sắc... Khi thính... Khi hương... Khi vị... Khi xúc sanh lên thì biết rằng: “Tự ngã của ta sanh lên.” Khi xúc biến mất thì biết rằng: “Tự ngã của ta biến mất, tự ngã của ta đã đi khỏi”; thực hiện sự phán đoán do tà kiến, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh còn là như vậy.

Con người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên,... (nt)... nhân loại.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ .

“Con người ở thế gian thực hiện sự phán đoán” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Khoái lạc, không khoái lạc là điều con người ở thế gian đã nói;

Nương tựa vào điều ấy, mong muốn phát khởi.

Sau khi nhìn thấy sự hiện hữu và không hiện hữu ở các sắc,

Con người ở thế gian thực hiện sự phán đoán.”

11.7. Sự giận dữ, lời nói giả dối và nổi nghi hoặc,

Các pháp này [sanh lên] trong khi cặp đôi¹ có mặt.

Kẻ có nổi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí.

Sau khi hiểu biết, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên.

Sự giận dữ, lời nói giả dối và nổi nghi hoặc.

Sự giận dữ: Sự tức tối nào của tâm có hình thức như vậy là sự tức giận,... (nt)...

Lời nói giả dối: Nói đến việc nói dối.

Nổi nghi hoặc: Nói đến sự hoài nghi. Sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc được ước muốn, sự giận dữ sanh ra cũng nương vào sự việc không được ước muốn. Sự nói dối sanh ra nương vào sự việc được ước muốn, sự nói dối sanh ra cũng nương vào sự việc không được ước muốn. Nổi nghi hoặc sanh ra nương vào sự việc được ước muốn, nổi nghi hoặc sanh ra cũng nương vào sự việc không được ước muốn.

Sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là thế nào? Thông thường, sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn: “Nó đã làm điều bất lợi cho ta”, [nghĩ vậy] giận dữ sanh ra. “Nó đang làm điều bất lợi cho ta”, [nghĩ vậy] giận dữ sanh ra. “Nó sẽ làm điều bất lợi cho ta”, [nghĩ vậy] giận dữ sanh ra. “Nó đã làm điều bất lợi... đang làm điều bất lợi... sẽ làm điều bất lợi cho người yêu quý, hợp ý của ta”, [nghĩ vậy] giận dữ sanh ra. “Nó đã làm điều có lợi... đang làm điều có lợi... sẽ làm điều có lợi cho người không yêu quý, không hợp ý của ta”, [nghĩ vậy] giận dữ sanh ra; sự giận dữ sanh ra nương vào sự việc không được ước muốn nghĩa là như vậy.

¹ Là khoái lạc và không khoái lạc (*Nidā*. II. 355).

Sự giận dữ sanh ra nung vào sự việc được ước muốn nghĩa là thế nào? Người có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được chấp là của ta thì giận dữ sanh ra; trong khi đang bị chiếm đoạt, giận dữ sanh ra; khi đã bị chiếm đoạt, giận dữ sanh ra. Người có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được chấp là của ta thì giận dữ sanh ra; trong khi vật đang bị biến đổi, giận dữ sanh ra; khi vật đã bị biến đổi, giận dữ sanh ra; sự giận dữ sanh ra nung vào sự việc được ước muốn nghĩa là như vậy.

Sự nói dối sanh ra nung vào sự việc không được ước muốn nghĩa là thế nào? Ở đây, một người nào đó bị giam cầm với việc trói bằng xiềng, rồi cố tình nói dối nhằm thoát khỏi sự giam cầm ấy; ... hoặc bị giam cầm với việc trói bằng dây thừng, hoặc bị giam cầm với việc trói bằng dây xích, hoặc bị giam cầm với việc trói bằng dây mây, hoặc bị giam cầm với việc trói bằng dây leo, hoặc bị giam cầm với việc giam trong hồ, hoặc bị giam cầm với việc giam trong hào, hoặc bị giam cầm với việc giam trong làng, trong thị trấn, trong thành phố, hay trong quốc độ, hoặc bị giam cầm với việc giam trong xứ sở, rồi cố tình nói dối nhằm thoát khỏi sự giam cầm ấy; sự nói dối sanh ra nung vào sự việc không được ước muốn nghĩa là như vậy.

Sự nói dối sanh ra nung vào sự việc được ước muốn nghĩa là thế nào? Ở đây, một người nào đó vì nhân các sắc hợp ý rồi cố tình nói dối... vì nhân các thính... các hương... các vị... các xúc... vì nhân y phục... vì nhân đồ ăn khát thực... vì nhân chỗ nằm ngồi... vì nhân vật dụng là thuốc men chữa bệnh hợp ý rồi cố tình nói dối; sự nói dối sanh ra nung vào sự việc được ước muốn nghĩa là như vậy.

Nỗi nghi hoặc sanh ra nung vào sự việc không được ước muốn nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Phải chăng ta sẽ thoát khỏi bệnh ở mắt, phải chăng ta sẽ không thoát khỏi bệnh ở mắt? Phải chăng ta sẽ thoát khỏi bệnh ở tai trong... khỏi bệnh ở mũi... khỏi bệnh ở lưỡi... khỏi bệnh ở thân... khỏi bệnh ở đầu... khỏi bệnh ở lỗ tai... khỏi bệnh ở miệng? Phải chăng ta sẽ thoát khỏi bệnh ở răng, phải chăng ta sẽ không thoát khỏi bệnh ở răng?” Nỗi nghi hoặc sanh ra nung vào sự việc không được ước muốn nghĩa là như vậy.

Nỗi nghi hoặc sanh ra nung vào sự việc được ước muốn nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Phải chăng ta sẽ đạt được các sắc hợp ý, phải chăng ta sẽ không đạt được các sắc hợp ý? Phải chăng ta sẽ đạt được các thính, các hương, các vị, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngủ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh hợp ý?” Nỗi nghi hoặc sanh ra nung vào sự việc được ước muốn nghĩa là như vậy.

“Sự giận dữ, lời nói giả dối và nỗi nghi hoặc” là như thế.

Các pháp này [sanh lên] trong khi cặp đôi có mặt: Trong khi khoái lạc và không khoái lạc có mặt, trong khi hạnh phúc và khổ đau có mặt, trong khi hỷ tâm và ưu phiền có mặt, trong khi ước muốn và không ước muốn có mặt, trong

khi thiện cảm và bất bình có mặt, trong khi đang được tìm thấy, đang có, trong khi đang tồn tại.

“Các pháp này [sinh lên] trong khi cặp đôi có mặt” là như thế.

Kẻ có nổi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí: Trí cũng là đường lối của trí, đối tượng của trí cũng là đường lối của trí, các pháp sanh cùng với trí cũng là đường lối của trí. Giống như Thánh đạo là đường đi của các bậc Thánh, Thiên đạo là đường đi của chư thiên, Phạm thiên đạo là đường đi của Phạm thiên; tương tự y như thế, trí cũng là đường lối của trí, đối tượng của trí cũng là đường lối của trí, các pháp sanh cùng với trí cũng là đường lối của trí.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ.

Việc nào là sự học tập về thắng giới? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp. Việc này là sự học tập về thắng giới.

Việc nào là sự học tập về thắng tâm? Ở đây, vị Tỳ-khuru ngay sau khi tách ly khỏi các dục... (nt)... đạt đến và trú thiền thứ tư. Việc này là sự học tập về thắng tâm.

Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là khổ”,... (nt)... nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là các lậu hoặc”,... (nt)... nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.” Việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Kẻ có nổi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí: Người có nổi nghi hoặc, có sự nghi ngờ, có sự bối rối, có sự lưỡng lự, có sự hoài nghi nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm chứng đắc trí, nhằm chạm đến trí, nhằm chứng ngộ trí; trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập; trong khi thấy thì nên học tập; trong khi quán xét lại thì nên học tập; trong khi quyết định tâm thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm thì nên học tập; trong khi tập trung tâm thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập thì nên học tập; trong khi

chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

“Kẻ có nổi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí” là như thế.

Sau khi hiểu biết, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên.

Sau khi hiểu biết: Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt thì đã được nói ra, đã được nói lên, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt. “Tất cả các hành là vô thường” đã được nói lên, đã được phát biểu, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt. “Tất cả các hành là khổ”... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”... (nt)... “Vô minh duyên cho các hành”... (nt)... “Sanh duyên cho lão, tử”... (nt)... “Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành”... (nt)... “Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử”... (nt)... “Đây là khổ”... (nt)... “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”... (nt)... “Đây là các lậu hoặc”... (nt)... “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc”... “Các pháp này cần được biết rõ”... “Các pháp này cần được biết toàn diện”... “Các pháp này cần được dứt bỏ”... “Các pháp này cần được tu tập”... “Các pháp này cần được chứng ngộ”... nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra khỏi sáu xúc xú, đối với năm thủ uân, đối với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió]. “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt” đã được nói lên, đã được phát biểu, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, Ta thuyết giảng giáo pháp với sự biết rõ, không phải với sự không biết rõ. Này các Tỳ-khuru, Ta thuyết giảng giáo pháp có nhân duyên, không phải không có nhân duyên. Này các Tỳ-khuru, Ta thuyết giảng giáo pháp có lợi ích giải thoát, không phải không có lợi ích giải thoát. Này các Tỳ-khuru, trong khi Ta đây đang thuyết giảng giáo pháp với sự biết rõ, không phải với sự không biết rõ; trong khi Ta đây đang thuyết giảng giáo pháp có nhân duyên, không phải không có nhân duyên; trong khi Ta đây đang thuyết giảng giáo pháp có lợi ích giải thoát, không phải không có lợi ích giải thoát, lời giáo huấn của Ta nên được thực hành, lời chỉ dạy của Ta nên được thực hành. Hơn nữa, này các Tỳ-khuru, đối với các người là vừa đủ để vui mừng, vừa đủ để hân hoan, vừa đủ để hài lòng rằng: ‘Đức Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, giáo pháp đã khéo

được tuyên thuyết, hội chúng đã thực hành tốt đẹp.’ Và hơn nữa, trong khi bài giảng này đang được nói ra, mười ngàn thế giới² đã rung động.”

“Sau khi hiểu biết, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Sự giận dữ, lời nói giả dối và nổi nghi hoặc,
Các pháp này [sinh lên] trong khi cặp đôi có mặt.
Kẻ có nổi nghi hoặc nên học tập theo đường lối của trí.
Sau khi hiểu biết, các pháp đã được bậc Sa-môn nói lên.”*

11.8. Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu?

Khi cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt?

Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa?

Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ đâu?

Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc... (nt)... hỏi về nhân sanh khởi của khoái lạc và không khoái lạc: “Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?” là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

“Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu?” là như thế.

Khi cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt? Khi cái gì không có mặt, không được tìm thấy, không có, không tồn tại, thì khoái lạc và không khoái lạc không có mặt, không sanh ra, không sanh khởi, không hạ sanh, không phát sanh?

“Khi cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt?” là như thế.

Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa? Sự hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc là việc nào? Là sự hiện hữu, sự phát khởi, sự sanh ra, sự sanh khởi, sự hạ sanh, sự phát sanh, sự xuất hiện của khoái lạc và không khoái lạc; việc này là sự hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc. Sự không hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc là việc nào? Là sự tiêu hoại, sự hoại diệt, sự tan rã, sự sụp đổ, trạng thái không thường còn, sự biến mất của khoái lạc và không khoái lạc; việc này là sự không hiện hữu của khoái lạc và không khoái lạc. Điều nào là ý nghĩa? Điều nào là ý nghĩa tuyệt đối?

“Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa?” là như thế.

Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ đâu?

² Lokadhātu (thế giới) tức là cakkavāḷa (vũ trụ, thái dương hệ) (Nidā. II. 383). Trung tâm của vũ trụ là núi Sineru. Xung quanh núi Sineru là 7 dãy núi có tên theo thứ tự là Yugandhara, Isadhara, Karavīka, Sudassana, Nemindhara, Vinataka và Assakanna. Thuộc về vũ trụ còn có mặt trăng, mặt trời, cõi Tam Thập Tam, cõi A-tu-la, đại địa ngục Avīci, và bốn đại lục là Jambudīpa, Aparagoyāna, Pubbavideha và Uttarakuru (xem DPPN). (ND)

Điều ấy: Là điều mà tôi hỏi, điều mà tôi yêu cầu, điều mà tôi thỉnh cầu, điều mà tôi đặt niềm tin.

Xin Ngài hãy nói: Xin Ngài hãy nói ra, hãy nói về, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. “Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy” là như thế.

Có căn nguyên từ đâu? Là có cái nào là căn nguyên, có cái nào là nhân sanh khởi, có cái nào là mầm sanh khởi, có cái nào là nguồn sanh khởi?

“Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ đâu?” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

“Khoái lạc và không khoái lạc có căn nguyên từ đâu?

Khi cái gì không có mặt thì hai pháp này không có mặt?

Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa?

Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy có căn nguyên từ đâu?”

11.9. Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên.

Khi xúc không có mặt thì hai pháp này không có mặt.

Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa,

Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ đây.

Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên: Do duyên xúc tương ưng với thọ lạc, cảm thọ lạc sanh lên. Do sự diệt tận của xúc tương ưng với chính thọ lạc ấy, cảm thọ lạc nào đã sanh lên do duyên xúc tương ưng với thọ lạc đã được cảm thọ, đã được sanh lên từ xúc ấy; cảm thọ ấy được diệt tận, được yên lặng. Do duyên xúc tương ưng với thọ khổ, cảm thọ khổ sanh lên. Do sự diệt tận của xúc tương ưng với chính thọ khổ ấy, cảm thọ khổ nào đã sanh lên do duyên xúc tương ưng với thọ khổ đã được cảm thọ, đã được sanh lên từ xúc ấy; cảm thọ ấy được diệt tận, được yên lặng. Do duyên xúc tương ưng với thọ không khổ không lạc, cảm thọ không khổ không lạc sanh lên. Do sự diệt tận của xúc tương ưng với chính thọ không khổ không lạc ấy, cảm thọ không khổ không lạc nào đã sanh lên do duyên xúc tương ưng với thọ không khổ không lạc đã được cảm thọ, đã được sanh lên từ xúc ấy; cảm thọ ấy được diệt tận, được yên lặng.

Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên: Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên, có xúc là nhân sanh khởi, có xúc là mầm sanh khởi, có xúc là nguồn sanh khởi.

“Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên” là như thế.

Khi xúc không có mặt thì hai pháp này không có mặt: Khi xúc không có mặt, không được tìm thấy, không có, không tồn tại, thì khoái lạc và không khoái lạc không có mặt, không phát khởi, không sanh ra, không sanh khởi, không hạ sanh, không phát sanh, không xuất hiện.

“Khi xúc không có mặt thì hai pháp này không có mặt” là như thế.

Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa: Quan điểm về hiện hữu có xúc là căn nguyên, quan điểm về không hiện hữu cũng có xúc là căn nguyên.

Điều nào là ý nghĩa: Điều nào là ý nghĩa tuyệt đối.

“Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa” là như thế.

Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ đây.

Điều ấy: Là điều mà ngài hỏi, điều mà ngài yêu cầu, điều mà ngài thỉnh cầu, điều mà ngài đặt niềm tin.

Ta nói: Ta nói về, Ta nêu ra, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ. “Ta nói cho ngài điều ấy” là như thế.

Có căn nguyên từ đây: Từ đây là có xúc là căn nguyên, có xúc là nhân sanh khởi, có xúc là mầm sanh khởi, có xúc là nguồn sanh khởi.

“Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ đây” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Khoái lạc và không khoái lạc có xúc là căn nguyên.

Khi xúc không có mặt thì hai pháp này không có mặt.

Về sự hiện hữu và không hiện hữu, điều nào là ý nghĩa,

Ta nói cho ngài điều ấy có căn nguyên từ đây.”

11.10. Vậy xúc ở thế gian có căn nguyên từ đâu?

Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu?

Khi cái gì không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta?

Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm?

Vậy xúc ở thế gian có căn nguyên từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc, hỏi về nhân... (nt)... hỏi về nhân sanh khởi của xúc: “Xúc có căn nguyên từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?” là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

“Vậy xúc ở thế gian có căn nguyên từ đâu?” là như thế.

Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu? Là hỏi về nguồn gốc, hỏi về nhân... (nt)... hỏi về nhân sanh khởi của các sự sở hữu: “Các sự sở hữu phát khởi từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?” là chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

“Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu?” là như thế.

Khi cái gì không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta? Khi cái gì không có mặt, không được tìm thấy, không có, không tồn tại, thì trạng thái chấp là của ta là không có, không có mặt, không được tìm thấy, không tồn tại,

đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Khi cái gì không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta?” là như thế.

Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm? Khi cái gì không hiện hữu, không có mặt, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thì các xúc không xúc chạm.

“Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm?” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

“Vậỵ xúc ở thể gian có căn nguyên từ đâu?

Và các sự sở hữu được khởi sanh từ đâu?

Khi cái gì không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta?

Khi cái gì không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm?”

11.11. Xúc tùy thuộc vào danh và sắc.

Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên.

Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta.

Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm.

Xúc tùy thuộc vào danh và sắc: Tùy thuộc vào mắt và các cảnh sắc, nhãn thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Mắt và các cảnh sắc là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ nhãn xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc là như vậy.

Tùy thuộc vào tai và các cảnh thanh, nhĩ thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Tai và các cảnh thanh là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ nhĩ xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào mũi và các cảnh khí, tỷ thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Mũi và các cảnh khí là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ tỷ xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào lưỡi và các cảnh vị, thiệt thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Lưỡi và các cảnh vị là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ thiệt xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào thân và các cảnh xúc, thân thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Thân và các cảnh xúc là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ thân xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy. Tùy thuộc vào ý và các cảnh pháp, ý thức sanh lên; sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Sắc ý vật là thuộc về sắc, các pháp có sắc là thuộc về sắc, các pháp có liên quan ngoại trừ ý xúc là thuộc về danh; xúc tùy thuộc vào danh và sắc còn là như vậy.

Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên: Ước muốn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự sở hữu: Có hai sự sở hữu: Sự sở hữu do tham ái và sự sở hữu do tà kiến. ... (nt)... điều này là sở hữu do tham ái. ... (nt)... điều này là sở hữu do tà kiến.

Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên: Các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên, có ước muốn là nhân, có ước muốn là duyên, có ước muốn là lý do, có ước muốn là nguồn sanh khởi.

“Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên” là như thế.

Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta: Ước muốn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, ... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến.

Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta: Khi ước muốn không có mặt, không được tìm thấy, không có, không tồn tại thì trạng thái chấp là của ta là không có, không có mặt, không được tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta” là như thế.

Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm.

Sắc: Bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió], và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Khi sắc không hiện hữu: Sắc không hiện hữu với bốn hình thức: Với việc không hiện hữu do đã được biết, với việc không hiện hữu do sự xét đoán, với việc không hiện hữu do sự dứt bỏ, với việc không hiện hữu do sự vượt qua.

Sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do đã được biết nghĩa là thế nào? Vị ấy biết về sắc. Vị ấy biết và thấy rằng: “Bất cứ loại sắc nào, mọi loại sắc đều là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió], và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính”; sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do đã được biết nghĩa là như vậy.

Sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự xét đoán nghĩa là thế nào? Sau khi đã được biết như vậy, vị ấy xét đoán về sắc. Vị ấy xét đoán là vô thường, là khổ, là con bệnh, là mụn ghẻ, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyên, là không sai khiến được, là biến hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai, là không bền, là không nơi nương náu, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là bất lợi, là có bản chất biến đổi, là không có cốt lõi, là gốc gác của tai ương, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác, là mỗi nhử của Ma vương, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có

bản chất chết, là có bản chất sâu-bi-khổ-ưu-não, là có bản chất ô nhiễm, là nhân sanh khởi, là sự tiêu hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi, là sự thoát ra; sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự xét đoán nghĩa là như vậy.

Sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự dứt bỏ nghĩa là thế nào? Sau khi xét đoán như vậy thì vị ấy dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn và luyến ái ở sắc. Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, cái gì là sự mong muốn và luyến ái ở sắc, các người hãy dứt bỏ cái ấy. Như vậy sắc ấy sẽ được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai”; sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự dứt bỏ nghĩa là như vậy.

Sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự vượt qua nghĩa là thế nào? Đối với người đã đạt được bốn sự chứng đạt về vô sắc thì các sắc không còn hiện hữu, không có mặt, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi; sắc không hiện hữu với việc không hiện hữu do sự vượt qua nghĩa là như vậy. Sắc không hiện hữu với bốn lý do này.

Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm: Khi sắc không hiện hữu, không có mặt, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thì năm xúc: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc không xúc chạm.

“Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Xúc tùy thuộc vào danh và sắc.

Và các sự sở hữu có ước muốn là căn nguyên.

Khi ước muốn không có mặt thì không có trạng thái chấp là của ta.

Khi sắc không hiện hữu thì các xúc không xúc chạm.”

11.12. Đối với vị đã thành đạt thế nào thì sắc không hiện hữu?

Hạnh phúc hoặc luôn cả khổ đau không hiện hữu như thế nào?

Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao,

“Chúng tôi sẽ biết điều ấy”, ý nghĩ của tôi đã là thế ấy.

Đối với vị đã thành đạt thế nào thì sắc không hiện hữu?

Đối với vị đã thành đạt thế nào: Đối với vị đã thành đạt thế nào là đối với vị đã thực hành thế nào, đối với vị đã sinh hoạt thế nào, đối với vị đã vận hành thế nào, đối với vị đã bảo hộ thế nào, đối với vị đã hộ trì thế nào, đối với vị đã bảo dưỡng thế nào thì sắc không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi.

“Đối với vị đã thành đạt thế nào thì sắc không hiện hữu?” là như thế.

Hạnh phúc hoặc luôn cả khổ đau không hiện hữu như thế nào? Hạnh phúc và khổ đau không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi như thế nào?

“Hạnh phúc hoặc luôn cả khổ đau không hiện hữu như thế nào?” là như thế.

Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao.

Điều ấy: Là điều mà tôi hỏi, điều mà tôi yêu cầu, điều mà tôi thỉnh cầu, điều mà tôi đặt niềm tin.

Xin Ngài hãy nói cho tôi: Xin Ngài hãy nói ra, hãy nói về, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ cho tôi. “Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy” là như thế.

Không hiện hữu ra sao: Không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi ra sao.

“Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao” là như thế.

“Chúng tôi sẽ biết điều ấy”, ý nghĩ của tôi đã là thế ấy.

Chúng tôi sẽ biết điều ấy: Chúng tôi có thể biết, chúng tôi có thể hiểu biết, chúng tôi có thể nhận thức, chúng tôi có thể thừa nhận, chúng tôi có thể thấu triệt điều ấy. “Chúng tôi sẽ biết điều ấy” là như thế.

Ý nghĩ của tôi đã là thế ấy: Ý của tôi đã là thế ấy, tâm của tôi đã là thế ấy, tư duy của tôi đã là thế ấy, nhận thức của tôi đã là thế ấy.

“Chúng tôi sẽ biết điều ấy, ý nghĩ của tôi đã là thế ấy” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

“Đối với vị đã thành đạt thế nào thì sắc không hiện hữu?”

Hạnh phúc hoặc luôn cả khổ đau không hiện hữu như thế nào?

Xin Ngài hãy nói cho tôi điều ấy không hiện hữu ra sao,

‘Chúng tôi sẽ biết điều ấy’, ý nghĩ của tôi đã là thế ấy.”

11.13. Không phải là có tướng do tướng, không phải là có tướng do tướng sai lệch, cũng không phải là không có tướng, không phải là có tướng không được hiện hữu; đối với vị đã thành đạt như vậy thì sắc không hiện hữu, bởi vì cái gọi là vọng tướng có tướng là căn nguyên.

Không phải là có tướng do tướng, không phải là có tướng do tướng sai lệch: Những người có tướng do tướng nói đến những người trú vào tướng bình thường, vị ấy cũng không trú vào tướng bình thường. Những người có tướng do tướng sai lệch nói đến những người bị điên hoặc có tâm bị rối loạn; vị ấy không phải là người bị điên, cũng không phải là người có tâm bị rối loạn.

“Không phải là có tướng do tướng, không phải là có tướng do tướng sai lệch” là như thế.

Cũng không phải là không có tướng, không phải là có tướng không được hiện hữu: Những người không có tướng nói đến những vị đã đạt đến Diệt thọ tướng định hoặc các chúng sanh cõi vô tướng; vị ấy không phải là người đã đạt đến Diệt thọ tướng định, cũng không phải là chúng sanh cõi vô tướng. Những người có tướng không được hiện hữu nói đến những vị có sự đạt đến

sự chứng đạt bốn thiên vô sắc; vị ấy cũng không phải là người có sự đạt đến sự chứng đạt bốn thiên vô sắc.

“Cũng không phải là không có tướng, không phải là có tướng không được hiện hữu” là như thế.

Đối với vị đã thành đạt như vậy thì sắc không hiện hữu: Ở đây, vị Tỳ-khuru do sự từ bỏ lạc... (nt)... đạt đến và trú Thiên thứ tư. Khi tâm được định tĩnh, thuần tịnh, tinh khiết, không bận nhơ, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đã đạt đến trạng thái vững chắc như thế, vị ấy đem tâm, hướng dẫn tâm nhằm mục đích đạt đến sự chứng đạt Không vô biên xứ, là vị có được đạo lộ vô sắc.

Đối với vị đã thành đạt như vậy: Là đối với vị đã thực hành như vậy, đối với vị đã sinh hoạt như vậy, đối với vị đã vận hành như vậy, đối với vị đã bảo hộ như vậy, đối với vị đã hộ trì như vậy, đối với vị đã bảo dưỡng như vậy thì sắc không hiện hữu, không có mặt, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi.

“Đối với vị đã thành đạt như vậy thì sắc không hiện hữu” là như thế.

Bởi vì cái gọi là vọng tưởng có tướng là căn nguyên: Vọng tưởng chính là các pháp có tên gọi là vọng tưởng; tham ái có tên gọi là vọng tưởng, tà kiến có tên gọi là vọng tưởng, ngã mạn có tên gọi là vọng tưởng, có tướng là căn nguyên, có tướng là nhân sanh khởi, có tướng là mầm sanh khởi, có tướng là nguồn sanh khởi.

“Bởi vì cái gọi là vọng tưởng có tướng là căn nguyên” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không phải là có tướng do tướng, không phải là có tướng do tướng sai lệch, cũng không phải là không có tướng, không phải là có tướng không được hiện hữu; đối với vị đã thành đạt như vậy thì sắc không hiện hữu, bởi vì cái gọi là vọng tưởng có tướng là căn nguyên.”

11.14. Điều mà chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã trả lời chúng tôi. Chúng tôi hỏi Ngài điều khác. Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy. Có phải một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa đến chừng này là cao nhất,³ hay là họ còn nói về điều khác so với điều này?

Điều mà chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã trả lời chúng tôi: Điều mà chúng tôi đã hỏi, đã yêu cầu, đã thỉnh cầu, đã đặt niềm tin vào Ngài.

Ngài đã trả lời chúng tôi: Là [điều mà chúng tôi hỏi] đã được trả lời, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ.

“Điều mà chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã trả lời chúng tôi” là như thế.

³ Nói về sự chứng đạt các tầng thiên vô sắc (NidA. II. 359).

Chúng tôi hỏi Ngài điều khác. Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy: Chúng tôi hỏi Ngài điều khác là chúng tôi chất vấn Ngài điều khác, chúng tôi yêu cầu Ngài điều khác, chúng tôi thỉnh cầu Ngài điều khác, chúng tôi đặt niềm tin vào Ngài điều khác, chúng tôi hỏi Ngài thêm điều nữa.

Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy: Nào, xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Chúng tôi hỏi Ngài điều khác. Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy” là như thế.

Có phải một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa đến chừng này là cao nhất: Một số Sa-môn và Bà-la-môn nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng các sự chứng đạt về vô sắc này là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

Của hàng dạ-xoa: Là của chúng sanh, của đàn ông, của thanh niên, của người nam, của cá nhân, của mạng sống, của người còn sanh tử, của con người, của người đi theo nghiệp, của nhân loại.

Sự trong sạch: Sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi.

[Một số] bậc sáng suốt ở nơi đây: Ở đây, các vị có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Có phải một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa đến chừng này là cao nhất” là như thế.

Hay là họ còn nói về điều khác so với điều này: Hay là một số Sa-môn và Bà-la-môn sau khi đã vượt quá, sau khi đã vượt qua hẳn, sau khi đã vượt qua khỏi các sự chứng đạt về vô sắc này; [các vị ấy] nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng có sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi của hàng dạ-xoa là sự vượt trội khác so với sự chứng đạt về vô sắc này.

“Hay là họ còn nói về điều khác so với điều này” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thân thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

“Điều mà chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã trả lời chúng tôi. Chúng tôi hỏi Ngài điều khác. Nào, xin Ngài hãy nói về điều ấy. Có phải một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa đến chừng này là cao nhất, hay là họ còn nói về điều khác so với điều này?”

11.15. Một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa chỉ đến chừng này là cao nhất. Trái lại, một số trong số đó nói về sự tịch diệt (đoạn kiến), trong khi tuyên bố là thiện xảo về trạng thái không còn dư sót.

Một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạ-xoa

chỉ đến chừng này là cao nhất: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn theo học thuyết về thường kiến nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng các sự chứng đạt về vô sắc này là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

Cửa hàng dạy-xoa: Cửa chúng sanh, của đàn ông, của thanh niên, của người nam, của cá nhân, của mạng sống, của người còn sanh tử, của con người, của người đi theo nghiệp, của nhân loại.

Sự trong sạch: Sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi.

[Một số] bậc sáng suốt ở nơi đây: Ở đây, các vị có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của hàng dạy-xoa chỉ đến chừng này là cao nhất” là như thế.

Trái lại, một số trong số đó nói về sự tịch diệt (đoạn kiến), trong khi tuyên bố là thiện xảo về trạng thái không còn dư sót: Ngay trong số các Sa-môn và Bà-la-môn ấy, một số Sa-môn và Bà-la-môn theo học thuyết về đoạn kiến, khiếp sợ sự hiện hữu, thích thú sự không hiện hữu. Các vị ấy nói về sự an tịnh, sự yên tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự tịch tịnh của chúng sanh rằng: “Thưa ngài, nghe nói khi nào bản thân này, do sự hoại rã của thân thể, bị hủy hoại, bị tiêu hoại, không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; cho đến chừng ấy là trạng thái không còn dư sót.”

Trong khi tuyên bố là thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Trái lại, một số trong số đó nói về sự tịch diệt (đoạn kiến), trong khi tuyên bố là thiện xảo về trạng thái không còn dư sót” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Một số bậc sáng suốt ở nơi đây nói rằng sự trong sạch của chúng sanh chỉ đến chừng này là cao nhất. Trái lại, một số trong số đó nói về sự tịch diệt (đoạn kiến), trong khi tuyên bố là thiện xảo về trạng thái không còn dư sót.”

11.16. *Và sau khi nhận biết những người này là những kẻ nương tựa,⁴ Sau khi nhận biết, bậc Hiền trí ấy có sự cân nhắc về các sự nương tựa, Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đến tranh cãi, Bậc sáng trí không đi đến tái sanh ở hữu và phi hữu.*

Và sau khi nhận biết những người này là những kẻ nương tựa.

⁴ Những người này nương tựa vào thường kiến hoặc đoạn kiến (NidA. II. 359).

Những người này: Những người theo tà kiến.

Những kẻ nương tựa: Sau khi nhận biết là “những kẻ nương theo thường kiến”, sau khi nhận biết là “những kẻ nương theo đoạn kiến”, sau khi nhận biết là “những kẻ nương theo thường và đoạn kiến”, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

“Và sau khi nhận biết những người này là những kẻ nương tựa” là như thế.

Sau khi nhận biết, bậc Hiền trí ấy có sự cân nhắc về các sự nương tựa.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí. Bậc Hiền trí sau khi nhận biết là “những kẻ nương theo thường kiến”, sau khi nhận biết là “những kẻ nương theo đoạn kiến”, sau khi nhận biết là “những kẻ nương theo thường và đoạn kiến”, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

Vị ấy có sự cân nhắc: Là vị sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

“Sau khi nhận biết, bậc Hiền trí ấy có sự cân nhắc về các sự nương tựa” là như thế.

Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đến tranh cãi: Sau khi nhận biết là sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

Đã được giải thoát: Là đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát, đã được giải thoát hoàn toàn với sự giải thoát tuyệt đối không còn chấp thủ. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”, thì đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát, đã được giải thoát hoàn toàn với sự giải thoát tuyệt đối không còn chấp thủ. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”,... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt”, thì đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát, đã được giải thoát hoàn toàn với sự giải thoát tuyệt đối không còn chấp thủ. “Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát” là như thế.

Không đi đến tranh cãi: Không gây ra sự cãi cọ, không gây ra sự cãi lộn, không gây ra sự cãi vã, không gây ra sự tranh cãi, không gây ra sự gây gổ. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Aggivessana, với tâm đã được giải thoát như vậy, vị Tỳ-khưu không nói hòa theo bất cứ ai, không tranh cãi với bất cứ ai, sử dụng ngôn từ được thông dụng ở thế gian và không bám víu [vào ngôn từ ấy].”

“Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đến tranh cãi” là như thế.

Bậc sáng trí không đi đến tái sanh ở hữu và phi hữu.

Ở hữu và phi hữu: Ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lập đi lập lại, ở cảnh giới tái sinh được lập đi lập lại, ở sự tiếp nối tái sinh được lập đi lập lại, ở sự tái sinh của bản ngã được lập đi lập lại; không đi đến tái sinh, không đi đến gặp gỡ, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt.

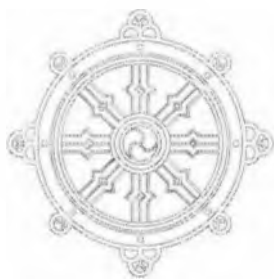
Bậc sáng trí: Bậc sáng trí là vị sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

“Bậc sáng trí không đi đến tái sinh ở hữu và phi hữu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Và sau khi nhận biết những người này là những kẻ nương tựa,
Sau khi nhận biết, bậc Hiền trí ấy có sự cân nhắc về các sự nương tựa,
Sau khi nhận biết, bậc đã được giải thoát không đi đến tranh cãi,
Bậc sáng trí không đi đến tái sinh ở hữu và phi hữu.”*

“Diễn giải kinh cãi cọ và tranh cãi” được đầy đủ - Phần thứ mười một.



12. DIỄN GIẢI KINH SỰ DÀN TRẬN NHỎ (CŪḶAVIYŪHASUTTANIDDESO)

Giờ phần “Diễn giải kinh sự dàn trận nhỏ” được nói đến:

12.1. *Trong khi sống theo quan điểm riêng của từng cá nhân, nhiều vị [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau [rằng]: Người nào nhận biết như vậy, người ấy đã hiểu biết pháp. Kẻ khinh miệt điều này, kẻ ấy là không toàn hảo.*

Trong khi sống theo quan điểm riêng của từng cá nhân: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Họ chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt tà kiến này khác trong số sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. Giống như những người tại gia trú trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm; tương tự như vậy, có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Họ chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt tà kiến này khác trong số sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình.

“Trong khi sống theo quan điểm riêng của từng cá nhân” là như thế.

Nhiều vị [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau.

Giữ khư khư [quan điểm của mình]: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau, nói khác biệt, nói cách này cách khác, nói một cách riêng biệt, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả không đồng nhất.

Thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Nhiều vị [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau” là như thế.

Người nào nhận biết như vậy, người ấy đã hiểu biết pháp: Người nào nhận biết pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ này, người ấy đã hiểu biết, đã thông hiểu, đã nhìn thấy, đã thấu triệt pháp.

“Người nào nhận biết như vậy, người ấy đã hiểu biết pháp” là như thế.

Kẻ khinh miệt điều này, kẻ ấy là không toàn hảo: Kẻ nào khinh miệt pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ này, kẻ ấy là không toàn hảo, không đầy đủ, không tròn đủ, là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

“Kẻ khinh miệt điều này, kẻ ấy là không toàn hảo” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thân thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

“Trong khi sống theo quan điểm riêng của từng cá nhân, nhiều vị [tự xưng là] thiện xảo, giữ khư khư [quan điểm của mình], rồi nói khác nhau [rằng]: Người nào nhận biết như vậy, người ấy đã hiểu biết pháp. Kẻ khinh miệt điều này, kẻ ấy là không toàn hảo.”

12.2. *Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi, và đã nói rằng: “Người khác là ngu si, không thiện xảo.” Vậy thì lời nói nào trong số này là chân lý, bởi vì tất cả những người này đều tuyên bố [họ] là thiện xảo?*

Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi:

Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi, chúng gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: “Người không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc người hãy gỡ rồi nếu người có khả năng.”

“Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi” là như thế.

Và đã nói rằng: “Người khác là ngu si, không thiện xảo.” “Người khác là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, không thiện xảo, không có sự hiểu biết, không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, có tuệ tồi”, chúng đã nói như vậy, thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“Và đã nói rằng: Người khác là ngu si, không thiện xảo” là như thế.

Vậy thì lời nói nào trong số này là chân lý: Lời nói nào trong số các Sa-môn và Bà-la-môn này là chân lý, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch.

“Vậy thì lời nói nào trong số này là chân lý” là như thế.

Bởi vì tất cả những người này đều tuyên bố [họ] là thiện xảo: Tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này đều là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Bởi vì tất cả những người này đều tuyên bố [họ] là thiện xảo” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi, và đã nói rằng: ‘Người khác là ngu si, không thiện xảo.’ Vậy thì lời nói nào trong số này là chân lý, bởi vì tất cả những người này đều tuyên bố [họ] là thiện xảo?”

12.3. Nếu kẻ không thừa nhận pháp của người khác,

*[Cho rằng người khác] là ngu si, là loài thú, là có tuệ thấp kém,
Thì tất cả quả là những kẻ ngu si, có tuệ vô cùng thấp kém,
Tất cả những người này quả đang sống theo quan điểm [của mình].*

Nếu kẻ không thừa nhận pháp của người khác: Trong khi không chấp thuận, trong khi không nhìn nhận, trong khi không tùy thuận, trong khi không thừa nhận, trong khi không tùy hỷ pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ của người khác.

“Nếu kẻ không thừa nhận pháp của người khác” là như thế.

[Cho rằng người khác] là ngu si, là loài thú, là có tuệ thấp kém: Người khác là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thời, tồi tệ, nhỏ nhoi, có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thời, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi.

“[Cho rằng người khác] là ngu si, là loài thú, là có tuệ thấp kém” là như thế.

Thì tất cả quả là những kẻ ngu si, có tuệ vô cùng thấp kém: Tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này quả là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thời, tồi tệ, nhỏ nhoi, tất cả quả là có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thời, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi.

“Thì tất cả quả là những kẻ ngu si, có tuệ vô cùng thấp kém” là như thế.

Tất cả những người này quả đang sống theo quan điểm [của mình]: Tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này quả là những người theo tà kiến. Chúng chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt tà kiến này khác trong số sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. Giống như những người tại gia trú trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm, tương tự như vậy, tất cả những Sa-môn và Bà-la-môn này quả là những người theo tà kiến. ... (nt)... rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình.

“Tất cả những người này quả đang sống theo quan điểm [của mình]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

¹ Theo cấu trúc văn phạm của 2 dòng kệ đầu: “Kẻ không thừa nhận pháp của người khác” và các từ “ngu si”, “loài thú”, “có tuệ thấp kém” đều là chủ cách, số ít, nên “kẻ không thừa nhận pháp của người khác” quả “là kẻ ngu, là loài thú, là có tuệ thấp kém.” Tuy nhiên, lời giải thích ở trên có phần khác biệt; vì để phù hợp với lời giải thích ấy mà cụm từ ở trong ngoặc vuông [cho rằng người khác] đã được thêm vào. (ND)

*“Nếu kẻ không thừa nhận pháp của người khác,
[Cho rằng người khác] là ngu si, là loài thú, là có tuệ thấp kém,
Thì tất cả quả là những kẻ ngu si, có tuệ vô cùng thấp kém,
Tất cả những người này quả đang sống theo quan điểm [của mình].”*

12.4. *Và nếu do quan điểm của mình, những kẻ không trong trắng
Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức,
Thì không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém,
Bởi vì quan điểm của họ đã được thâm nhận cũng là như thế ấy.*

Và nếu do quan điểm của mình, những kẻ không trong trắng: Do quan điểm của mình, do sự chấp nhận của mình, do sự ưa thích của mình, do quan niệm của mình, những kẻ không là người trong trắng, là người không trong trắng, không thuần khiết, có ô nhiễm.

“Và nếu do quan điểm của mình, những kẻ không trong trắng” là như thế.

Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức.

Có tuệ thanh khiết: Là có tuệ trong sạch, có tuệ hoàn toàn trong sạch, có tuệ trong trắng, có tuệ thuần khiết. Hoặc là, có sự thấy trong sạch, có sự thấy thanh tịnh, có sự thấy hoàn toàn trong sạch, có sự thấy trong trắng, có sự thấy thuần khiết. “Có tuệ thanh khiết” là như thế.

Thiện xảo: Thiện xảo là sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh. “Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo” là như thế.

Có sự nhận thức: Có sự nhận thức là sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

“Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức” là như thế.

Thì không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém: Không có ai trong số các Sa-môn và Bà-la-môn ấy là có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thời, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi; toàn bộ tất cả [các vị ấy] đều có tuệ nhất hạng, có tuệ thù thắng, có tuệ dẫn đầu, có tuệ tối thượng, có tuệ cao quý.

“Thì không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém” là như thế.

Bởi vì quan điểm của họ đã được thâm nhận cũng là như thế ấy: Quan điểm của các Sa-môn và Bà-la-môn ấy là được thâm nhận, được thọ trì, được nắm lấy, được bám víu, được chấp chặt, được bám chặt, được hướng đến là như thế ấy.

“Bởi vì quan điểm của họ đã được thâm nhận cũng là như thế ấy” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Và nếu do quan điểm của mình, những kẻ không trong trắng
Trở nên có tuệ thanh khiết, thiện xảo, có sự nhận thức,
Thì không ai trong số họ là có tuệ hoàn toàn thấp kém,
Bởi vì quan điểm của họ đã được thâm nhận cũng là như thế ấy.”*

12.5. Nhưng Ta không nói rằng: “Điều ấy là bản thể thật”,
*Là điều mà các kẻ ngu đã nói đối chọi lẫn nhau.
 Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý;
 Chính vì điều ấy, chúng xem người khác là “kẻ ngu si.”*

Nhưng Ta không nói rằng: “Điều ấy là bản thể thật.”

Không: Là sự phủ định.

Điều ấy: Là sáu mươi hai tà kiến. Không có việc Ta nói, Ta nêu ra, Ta chỉ báo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Điều ấy là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch.”

“Nhưng Ta không nói rằng: Điều ấy là bản thể thật” là như thế.

Là điều mà các kẻ ngu đã nói đối chọi lẫn nhau.

Đối chọi: Là hai người, hai người gây nên sự cãi cọ, hai người gây nên sự cãi lộn, hai người gây nên cuộc nói chuyện nhằm nhí, hai người gây nên sự tranh cãi, hai người gây nên sự tranh tụng, hai người tranh luận, hai người chuyện trò. Chúng đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy [đối chọi] lẫn nhau là ngu si, là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

“Là điều mà các kẻ ngu đã nói đối chọi lẫn nhau” là như thế.

Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý: Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò đại”;... (nt)... “Thế giới là không thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò đại”;... (nt)... “Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò đại.”

“Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý” là như thế.

Chính vì điều ấy, chúng xem người khác là “kẻ ngu si.”

Vì điều ấy: Vì điều ấy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, chúng đánh giá, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát người khác là ngu si, là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

“Chính vì điều ấy, chúng xem người khác là ‘kẻ ngu si’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Nhưng Ta không nói rằng: ‘Điều ấy là bản thể thật’,
 Là điều mà các kẻ ngu đã nói đối chọi lẫn nhau.
 Chúng đã tạo lập quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý;
 Chính vì điều ấy, chúng xem người khác là ‘kẻ ngu si’.”*

12.6. Điều mà một số kẻ đã nói: “*Là chân lý, là bản thể thật*”,
Những kẻ khác đã nói điều ấy: “Là rỗng không, là sai trái.”
Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi.
Vì sao các vị Sa-môn nói không đồng nhất?

Điều mà một số kẻ đã nói: “Là chân lý, là bản thể thật”: Giáo pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ nào mà một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy [rằng]: “Điều này là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch.”

“Điều mà một số kẻ đã nói: ‘Là chân lý, là bản thể thật’” là như thế.

Những kẻ khác đã nói điều ấy: “Là rỗng không, là sai trái”: Một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy về giáo pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ ấy rằng: “Điều ấy là rỗng không, điều ấy là sai trái, điều ấy là không xảy ra, điều ấy là không thật, điều ấy là không xác đáng.”

“Những kẻ khác đã nói điều ấy: ‘Là rỗng không, là sai trái’” là như thế.

Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi, họ gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: “Người không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng.”

“Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi” là như thế.

Vì sao các vị Sa-môn nói không đồng nhất?

Vì sao: Là vì điều gì, bởi lý do gì, bởi nhân gì, bởi duyên gì, bởi căn nguyên gì, bởi nhân sanh khởi gì, bởi mầm sanh khởi gì, bởi nguồn sanh khởi gì, họ nói không đồng nhất, nói khác nhau, nói khác biệt, nói cách này cách khác, họ nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả một cách riêng biệt.

“Vì sao các vị Sa-môn nói không đồng nhất?” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

“Điều mà một số kẻ đã nói: ‘Là chân lý, là bản thể thật’,
Những kẻ khác đã nói điều ấy: ‘Là rỗng không, là sai trái.’
Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, họ tranh cãi.
Vì sao các vị Sa-môn nói không đồng nhất?”

12.7. Bởi vì chân lý chỉ có một, không có cái thứ hai,
Trong khi nhận biết về điều ấy, loài người sẽ không tranh cãi.
Chúng tự mình kể lể về các sự thật khác nhau;
Vì thế, các vị Sa-môn nói không đồng nhất.

Bởi vì chân lý chỉ có một, không có cái thứ hai: Một chân lý nói đến sự

diệt khổ, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Hoặc là, một chân lý nói đến chân lý về đạo lộ, chân lý về lối dẫn dắt ra khỏi, sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

“Bởi vì chân lý chỉ có một, không có cái thứ hai” là như thế.

Trong khi nhận biết về điều ấy, loài người sẽ không tranh cãi.

Về điều ấy: Về chân lý ấy.

Loài người: Là tên gọi cho chúng sanh.

Trong khi nhận biết: Trong khi nhận biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt chân lý ấy, chúng sẽ không gây ra sự cãi cọ, sẽ không gây ra sự cãi lộn, sẽ không gây ra sự cãi vã, sẽ không gây ra sự tranh cãi, sẽ không gây ra sự gây gổ, chúng sẽ dứt bỏ, sẽ xua đi, sẽ làm chấm dứt, sẽ làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ.

“Trong khi nhận biết về điều ấy, loài người sẽ không tranh cãi” là như thế.

Chúng tự mình kể lể về các chân lý khác nhau: Chúng tự mình kể lể, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về các chân lý khác nhau. Chúng tự mình kể lể, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về các chân lý khác nhau rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò rỉ.” Chúng tự mình kể lể, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về các chân lý khác nhau rằng: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò rỉ.”

“Chúng tự mình kể lể về các chân lý khác nhau” là như thế.

Vì thế, các vị Sa-môn nói không đồng nhất.

Vì thế: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, chúng nói không đồng nhất, nói khác nhau, nói khác biệt, nói cách này cách khác, chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả một cách riêng biệt.

“Vì thế, các vị Sa-môn nói không đồng nhất” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bởi vì chân lý chỉ có một, không có cái thứ nhì,

Trong khi nhận biết về điều ấy, loài người sẽ không tranh cãi.

Chúng tự mình kể lể về các chân lý khác nhau;

Vì thế, các vị Sa-môn nói không đồng nhất.”

12.8. *Nhưng vì sao họ, những nhà biện luận tuyên bố [mình] là thiện xảo, lại nói về các chân lý khác nhau? Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều và khác nhau? Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]?*

Nhưng vì sao họ lại nói về các chân lý khác nhau?

Vì sao: Là vì điều gì, bởi lý do gì, bởi nhân gì, bởi duyên gì, bởi căn nguyên gì, họ nói khác nhau về các chân lý, họ nói về các loại khác biệt, họ nói cách này cách khác, họ nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả nhiều cách riêng biệt.

“Nhưng vì sao họ lại nói về các chân lý khác nhau?” là như thế.

Những nhà biện luận tuyên bố [mình] là thiện xảo.

Tuyên bố: “Họ phát biểu dứt khoát” cũng là tuyên bố. Hoặc là, họ phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả quan điểm riêng của từng cá nhân. Họ phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rô đại.” Họ phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rô đại.”

Những nhà biện luận thiện xảo: Là những người có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Những nhà biện luận tuyên bố [mình] là thiện xảo” là như thế.

Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều và khác nhau? Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều, khác nhau, nhiều loại khác biệt, các loại này loại khác, nhiều loại riêng biệt?

“Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều và khác nhau?” là như thế.

Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]? Hay là họ bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi bởi sự suy tư, bởi sự suy tầm, bởi sự tư duy. “Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]?” là như vậy. Hoặc là, họ nói, họ thuyết giảng, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả về điều đã thu thập được do sự suy tư, về điều đã đeo đuổi với sự thẩm xét, về điều phát hiện của bản thân.

“Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]?” còn là như vậy.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

“Nhưng vì sao họ, những nhà biện luận tuyên bố [mình] là thiện xảo, lại nói về các chân lý khác nhau? Phải chăng các chân lý đã được nghe là có nhiều và khác nhau? Hay là các vị ấy theo đuổi sự suy tư [của riêng mình]?”

12.9. *Đương nhiên là không có nhiều chân lý khác nhau và thường còn ở thế gian, ngoại trừ [các chân lý] do tưởng [tạo ra]. Và sau khi xếp đặt sự suy tư về các quan điểm [do chúng tạo ra], chúng đã nói về hai pháp là: Đúng và sai.*

Đương nhiên là không có nhiều chân lý khác nhau: Đương nhiên là không có các chân lý nhiều loại, khác nhau, nhiều loại khác biệt, các loại này loại khác, nhiều loại riêng biệt.

“Đương nhiên là không có nhiều chân lý khác nhau” là như thế.

Và thường còn ở thế gian, ngoại trừ [các chân lý] do tưởng [tạo ra]: Ngoại trừ việc nắm bắt thường xuyên do tưởng, chỉ có một chân lý ở thế gian được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là sự diệt khổ, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Hoặc là, một chân lý nói đến chân lý về đạo lộ, chân lý về lối dẫn dắt ra khỏi, sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần tức là: Chánh kiến,... (nt)... chánh định.

“Và thường còn ở thế gian, ngoại trừ [các chân lý] do tưởng [tạo ra]” là như thế.

Và sau khi xếp đặt sự suy tư về các quan điểm [do chúng tạo ra], chúng đã nói về hai pháp là: Đúng và sai: Sau khi suy tư, sau khi suy tầm, sau khi tư duy về sự suy tư, về sự suy tầm, về sự tư duy, chúng làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh các quan điểm; sau khi làm sanh ra, sau khi làm sanh khởi, sau khi làm hạ sanh, sau khi làm phát sanh các quan điểm, [rồi cho rằng:] “Của tôi là đúng, của anh là sai”, chúng đã nói như vậy, thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“Và sau khi xếp đặt sự suy tư về các quan điểm [do chúng tạo ra], chúng đã nói về hai pháp là: Đúng và sai” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đương nhiên là không có nhiều chân lý khác nhau và thường còn ở thế gian, ngoại trừ [các chân lý] do tưởng [tạo ra]. Và sau khi xếp đặt sự suy tư về các quan điểm [do chúng tạo ra], chúng đã nói về hai pháp là: Đúng và sai.”

12.10. *Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phạm sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác], sau khi ý vào các sự phán đoán, trong lúc hờn hờ, [kẻ ấy] đã nói rằng: “Người khác là ngu si, là không thiện xảo.”*

Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phạm sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác]: Sau khi nương tựa, sau khi dựa

vào, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt vào điều đã được thấy hoặc sự trong sạch do điều đã được thấy, vào điều đã được nghe hoặc sự trong sạch do điều đã được nghe, vào giới hoặc sự trong sạch do giới, vào phạm sự hoặc sự trong sạch do phạm sự, vào điều đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác. “Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phạm sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác]” là như thế.

Sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác]: “Kẻ không kính nể” là có sự coi khinh. Hoặc là, “kẻ làm sanh ra sự ưu phiền” cũng có sự coi khinh.

“Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phạm sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác]” là như thế.

Sau khi ý vào các sự phán đoán, trong lúc hớn hờ: Các sự phán đoán nói đến sáu mươi hai quan điểm sai trái. Sau khi ý vào, sau khi thiết lập, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt vào sự phán đoán theo quan điểm sai trái, vào quan điểm sai trái của sự phán đoán. “Sau khi ý vào các sự phán đoán” là như thế.

Trong lúc hớn hờ: Là trở nên vui sướng, vui vẻ, thích thú, hoan hỷ, có tâm tư được trọn vẹn. Hoặc là, nhe răng trong lúc [cười] hớn hờ.

“Sau khi ý vào các sự phán đoán, trong lúc hớn hờ” là như thế.

[Kẻ ấy] đã nói rằng: “Người khác là ngu si, là không thiện xảo”: “Người khác là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, không thiện xảo, không có sự hiểu biết, không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, không có sự thông minh, có tuệ tồi”, [kẻ ấy] đã nói như vậy, thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“[Kẻ ấy] đã nói rằng: ‘Người khác là ngu si, là không thiện xảo’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Liên quan đến điều đã được thấy, đến điều đã được nghe, đến giới và phạm sự, hoặc đến điều đã được cảm giác, sau khi nương tựa vào những điều này, rồi có sự coi khinh [người khác], sau khi ý vào các sự phán đoán, trong lúc hớn hờ, [kẻ ấy] đã nói rằng: ‘Người khác là ngu si, là không thiện xảo.’”

12.11. Bởi chính lý do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là “ngu si”,

Thì bởi lý do ấy kẻ ấy đã nói về bản thân là “thiện xảo.”

Kẻ ấy, trong khi tự mình tuyên bố chính mình là thiện xảo,

Rồi khinh thường người khác và phát biểu chính điều ấy.

Bởi chính lý do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là “ngu si”: Bởi chính nhân nào, duyên nào, lý do nào, nguồn sanh khởi nào mà kẻ ấy đánh giá, nhìn thấy, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát người khác là ngu si, là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

“Bởi chính lý do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là ‘ngu si’” là như thế.
Thì bởi lý do ấy kẻ ấy đã nói về bản thân là “thiện xảo.”

Bản thân: Đề cập đến mình. Kẻ ấy bởi chính nhân nào, duyên nào, lý do nào, nguồn sanh khởi nào đã nói về mình rằng: “Ta là thiện xảo, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.”

“Thì bởi lý do ấy kẻ ấy đã nói về bản thân là ‘thiện xảo’” là như thế.

Kẻ ấy, trong khi tự mình tuyên bố chính mình là thiện xảo: Tự chính mình [tuyên bố] về mình là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Kẻ ấy, trong khi tự mình tuyên bố chính mình là thiện xảo” là như thế.

Rồi khinh thường người khác và phát biểu chính điều ấy: “Kẻ không kính nể” là khinh thường người khác. Hoặc là, “kẻ làm sanh ra sự ưu phiền” cũng là khinh thường người khác.

Phát biểu chính điều ấy: Phát biểu về chính tà kiến ấy rằng: “Như vậy thì người này là người có tà kiến, có cái nhìn sai lệch.”

“Rồi khinh thường người khác và phát biểu chính điều ấy” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Bởi chính lý do nào mà kẻ ấy đánh giá người khác là ‘ngu si’,
 Thì bởi lý do ấy kẻ ấy đã nói về bản thân là ‘thiện xảo’.
 Kẻ ấy, trong khi tự mình tuyên bố chính mình là thiện xảo,
 Rồi khinh thường người khác và phát biểu chính điều ấy.”*

12.12. Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn,
*Bị say đắm vì ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn,
 Rồi tự chính mình đăng quang cho mình bằng tâm ý;
 Chính quan điểm ấy của kẻ ấy đã được thấu nhận như thế.*

Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn: Các quan điểm vượt quá giới hạn nói đến sáu mươi hai tà kiến. Vì lý do gì mà các quan điểm vượt quá giới hạn là nói đến sáu mươi hai tà kiến? Tất cả các quan điểm ấy là vượt quá lý lẽ, vượt quá đặc tính, vượt quá nền tảng; vì lý do ấy mà các quan điểm vượt quá giới hạn là nói đến sáu mươi hai tà kiến; tất cả các ngoại đạo đều có quan điểm vượt quá giới hạn. Vì lý do gì mà tất cả các ngoại đạo đều được gọi là có quan điểm vượt quá giới hạn? Chúng sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi lẫn nhau, thì làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh ra các tà kiến; vì lý do ấy mà các ngoại đạo đều được gọi là có quan điểm vượt quá giới hạn.

² Dịch theo sự hiệu đính của Tam tạng Thái Lan và PTS. (ND)

Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn: Nhờ vào quan điểm vượt quá giới hạn, [kẻ ấy] được thỏa mãn, được toàn vẹn, không thiếu sót.

“Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn” là như thế.

Bị say đắm vì ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn: Bị say đắm, bị xao lãng, bị điên cuồng, bị say đắm thái quá bởi tà kiến, bởi sự ngã mạn do tà kiến của mình. “Bị say đắm vì ngã mạn” là như thế.

Có sự tự cao là toàn vẹn: Có sự tự cao là toàn vẹn, có sự tự cao là đầy đủ, có sự tự cao là không thiếu sót.

“Bị say đắm vì ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn” là như thế.

Rồi tự chính mình đăng quang cho mình bằng tâm ý: Tự chính mình đăng quang cho bản thân bằng tâm rằng: “Ta là thiện xảo, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.”

“Rồi tự chính mình đăng quang cho mình bằng tâm ý” là như thế.

Chính quan điểm ấy của kẻ ấy đã được thâm nhận như thế: Quan điểm ấy của kẻ ấy là đã được thâm nhận, đã được thọ trì, đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như thế.

“Chính quan điểm ấy của kẻ ấy đã được thâm nhận như thế” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Với quan điểm vượt quá giới hạn, kẻ ấy được thỏa mãn,
Bị say đắm vì ngã mạn, có sự tự cao là toàn vẹn,
Rồi tự chính mình đăng quang cho mình bằng tâm ý;
Chính quan điểm ấy của kẻ ấy đã được thâm nhận như thế.”*

**12.13. Bởi vì, nếu do lời nói của kẻ khác mà trở thành thấp kém,
Thì bản thân [kẻ nói], do điều ấy [cũng] trở thành có tuệ thấp kém.
Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí,
Thì không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong số các vị Sa-môn.**

Bởi vì, nếu do lời nói của kẻ khác mà trở thành thấp kém: Nếu do lời nói, do việc nói, bởi lý do bị chê bai, bởi lý do bị chê trách, bởi lý do bị gièm pha của kẻ khác, mà người khác trở thành ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

“Bởi vì, nếu do lời nói của kẻ khác mà trở thành thấp kém” là như thế.

Thì bản thân [kẻ nói], do điều ấy [cũng] trở thành có tuệ thấp kém: Kẻ ấy, cũng do chính điều ấy, trở thành có tuệ ngu si, có tuệ thấp hèn, có tuệ hèn kém, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, có tuệ nhỏ nhoi.

“Thì bản thân [kẻ nói], do điều ấy [cũng] trở thành có tuệ thấp kém” là như thế.

³ Do việc kẻ khác cũng khinh chê lại người này như vậy (SnA. II. 256).

Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí: Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

“Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí” là như thế.

Thì không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong số các vị Sa-môn: Thì trong số các vị Sa-môn, không có người nào là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, toàn bộ tất cả [các vị ấy] đều có tuệ nhất hạng, có tuệ thù thắng, có tuệ dẫn đầu, có tuệ tối thượng, có tuệ cao quý.

“Thì không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong số các vị Sa-môn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Bởi vì, nếu do lời nói của kẻ khác mà trở thành thấp kém,
Thì bản thân [kẻ nói], do điều ấy [cũng] trở thành có tuệ thấp kém.
Còn nếu do tự mình mà trở thành người thông hiểu, sáng trí,
Thì không có bất cứ người nào là kẻ ngu trong số các vị Sa-môn.”*

12.14. Những kẻ nào thuyết về pháp khác so với điều này,

Những kẻ ấy bị thất bại về [đạo lộ] trong sạch; chúng không toàn hảo.

Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau,

Bởi vì chúng bị nhiễm nặng do sự luyến ái với quan điểm của mình.

Những kẻ nào thuyết về pháp khác so với điều này, những kẻ ấy bị thất bại về [đạo lộ] trong sạch; chúng không toàn hảo: Những kẻ nào thuyết về pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ khác so với điều này, những kẻ ấy bị mất mát, bị thất bại, bị lầm lỡ, bị rơi khỏi đạo lộ trong sạch, đạo lộ thanh tịnh, đạo lộ hoàn toàn trong sạch, đạo lộ trong trắng, đạo lộ thuần khiết, bị thất bại do không hiểu biết. **Chúng không toàn hảo:** Chúng không được đầy đủ, chúng không được toàn vẹn, chúng là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

“Những kẻ nào thuyết về pháp khác so với điều này, những kẻ ấy bị thất bại về [đạo lộ] trong sạch; chúng không toàn hảo” là như thế.

Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau: Ngoại đạo nói đến tà kiến.

Những kẻ ngoại đạo: Nói đến những kẻ theo tà kiến. Vô số kẻ ngoại đạo nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả vô số tà kiến.

“Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau” là như thế.

Bởi vì chúng bị nhiễm nặng do sự luyến ái với quan điểm của mình: Chúng bị luyến ái, bị luyến ái nặng bởi quan điểm, bởi sự luyến ái với quan điểm của mình.

“Bởi vì chúng bị nhiễm nặng do sự luyến ái với quan điểm của mình” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Những kẻ nào thuyết về pháp khác so với điều này,
Những kẻ ấy bị thất bại về [đạo lộ] trong sạch; chúng không toàn hảo.
Những kẻ ngoại đạo cũng nói như vậy theo nhiều cách khác nhau,
Bởi vì chúng bị nhiễm nặng do sự luyến ái với quan điểm của mình.”*

12.15. “Chỉ nơi đây có sự trong sạch”, chúng nói như thế ấy;

Chúng đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác.

*Những kẻ ngoại đạo cũng đã gây dựng như vậy theo kiểu cách riêng
Về đường lối của mình, trong khi nói một cách chắc chắn về điều ấy.*

“Chỉ nơi đây có sự trong sạch”, chúng nói như thế ấy: Chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi ở nơi đây. Chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi ở nơi đây rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rô đại.” Chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi ở nơi đây rằng: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rô đại.”

“Chỉ nơi đây có sự trong sạch”, chúng nói như thế ấy” là như thế.

Chúng đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác: Chúng quăng bỏ, ném bỏ, vất bỏ tất cả các học thuyết khác ngoại trừ bậc Đạo sư, giáo lý, tập thể, quan điểm, lối thực hành, đạo lộ của bản thân, rồi đã nói như vậy: “Bậc Đạo sư ấy không là đáng Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể không thực hành tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy định, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở đây không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi”; chúng thuyết giảng như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy.

“Chúng đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác” là như thế.

Những kẻ ngoại đạo cũng đã gây dựng như vậy theo kiểu cách riêng: Ngoại đạo nói đến tà kiến. Những kẻ ngoại đạo nói đến những kẻ theo tà kiến. Những kẻ ngoại đạo khác biệt đã gây dựng, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến những tà kiến khác biệt nhau.

“Những kẻ ngoại đạo cũng đã gây dựng như vậy theo kiểu cách riêng” là như thế.

Về đường lối của mình, trong khi nói một cách chắc chắn về điều ấy: Pháp là đường lối của mình, quan điểm là đường lối của mình, lối thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng có lời nói chắc chắn, có lời nói vững chắc, có lời nói vững mạnh, có lời nói kiên định về đường lối của mình.

“Về đường lối của mình, trong khi nói một cách chắc chắn về điều ấy” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Chỉ nơi đây có sự trong sạch”, chúng nói như thế ấy;

Chúng đã nói sự thanh tịnh không có ở các giáo pháp khác.

Những kẻ ngoại đạo cũng đã gây dựng như vậy theo kiểu cách riêng

Về đường lối của mình, trong khi nói một cách chắc chắn về điều ấy.”

12.16. *Và trong khi nói một cách chắc chắn về đường lối của mình,*

Người nào khác ở đó mà kẻ ấy có thể đánh giá là “ngu si”?

Kẻ ấy tự chính mình đem lại sự gây gổ,

Trong khi nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch.

Và trong khi nói một cách chắc chắn về đường lối của mình: Pháp là đường lối của mình, quan điểm là đường lối của mình, lối thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng có lời nói chắc chắn, có lời nói vững chắc, có lời nói vững mạnh, có lời nói kiên định về đường lối của mình.

“Và trong khi nói một cách chắc chắn về đường lối của mình” là như thế.

Người nào khác ở đó mà kẻ ấy có thể đánh giá là “ngu si”?

Ở đó: Ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình, [kẻ ấy] có thể đánh giá người nào, có thể nhìn thấy người nào, có thể nhận thấy người nào, có thể quan sát người nào, có thể suy xét người nào, có thể khảo sát người nào khác là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

“Người nào khác ở đó mà kẻ ấy có thể đánh giá là ‘ngu si’?” là như thế.

Kẻ ấy tự chính mình đem lại sự gây gổ, trong khi nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch: “Người khác là ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, có pháp không trong sạch, có pháp không thanh tịnh, có pháp không hoàn toàn trong sạch, có pháp không trong trắng”, trong khi nói như vậy, trong khi thuyết giảng như vậy, trong khi phát ngôn như vậy, trong khi giảng giải như vậy, trong khi diễn tả như vậy, tự chính mình có thể đem lại, có thể đem lại trọn vẹn, có thể mang đến, có thể mang đến trọn vẹn,

có thể kéo đến, có thể kéo đến trọn vẹn, có thể nắm lấy, có thể bám víu, có thể chấp chặt vào sự cãi cò, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ.

“Kẻ ấy tự chính mình đem lại sự gây gổ, trong khi nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Và trong khi nói một cách chắc chắn về đường lối của mình,

Người nào khác ở đó mà kẻ ấy có thể đánh giá là ‘ngu si’?

Kẻ ấy tự chính mình đem lại sự gây gổ,

Trong khi nói người khác là ngu si, là có pháp không trong sạch.”

12.17. *Sau khi đứng vững ở sự phán đoán, sau khi tự mình ước lượng,*

Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian.

Sau khi từ bỏ tất cả các sự phán đoán,

Con người không tạo ra sự gây gổ ở thế gian.

Sau khi đứng vững ở sự phán đoán, sau khi tự mình ước lượng: Các sự phán đoán nói đến sáu mươi hai tà kiến. Sau khi đứng vững ở quan điểm của sự phán đoán, sau khi thiết lập, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt. “Sau khi đứng vững ở sự phán đoán” là như thế.

Sau khi tự mình ước lượng: Sau khi tự mình ước lượng, sau khi xác định. Sau khi tự mình ước lượng, sau khi xác định rằng: “Bậc Đạo sư này là đáng Toàn tri”; sau khi tự mình ước lượng, sau khi xác định rằng: “Giáo pháp này khéo được thuyết giảng, tập thể này đã thực hành tốt đẹp, quan điểm này là tốt lành, lối thực hành này đã khéo được quy định, đạo lộ này dẫn dắt ra khỏi.”

“Sau khi đứng vững ở sự phán đoán, sau khi tự mình ước lượng” là như thế.

Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian.

Còn ở phía trước: Nói đến thời vị lai. Trừ ra sự tranh luận còn ở phía trước của bản thân, kẻ ấy tự chính mình tiếp cận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt sự cãi cò, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ. “Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian” là như vậy. Hoặc là, với sự tranh luận khác còn ở phía trước, kẻ ấy gây ra sự cãi cò, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: “Người không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc người hãy gỡ rồi nêu người có khả năng.”

“Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian” còn là như vậy.

Sau khi từ bỏ tất cả các sự phán đoán: Các sự phán đoán nói đến sáu mươi hai tà kiến; sau khi từ bỏ, sau khi phứt bỏ, sau khi buông bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các sự phán đoán từ sự phán đoán về quan điểm.

“Sau khi từ bỏ tất cả các sự phán đoán” là như thế.

Con người không tạo ra sự gây gổ ở thế gian: Không gây ra sự cãi cò, không gây ra sự cãi lộn, không gây ra sự cãi vã, không gây ra sự tranh cãi,

không gây ra sự gây gổ. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Aggivessana, với tâm đã được giải thoát như vậy, vị Tỳ-khưu không nói hòa theo bất cứ ai, không tranh cãi với bất cứ ai, sử dụng ngôn từ được thông dụng ở thế gian và không bám víu [vào ngôn từ ấy].”

Con người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, con người, người đi theo nghiệp, nhân loại.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Con người không tạo ra sự gây gổ ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

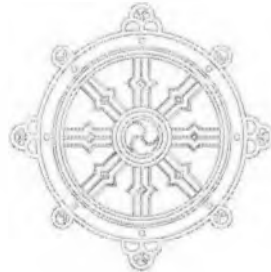
“Sau khi đứng vững ở sự phán đoán, sau khi tự mình ước lượng,

Kẻ ấy đi đến sự tranh cãi còn ở phía trước ở thế gian.

Sau khi từ bỏ tất cả các sự phán đoán,

Con người không tạo ra sự gây gổ ở thế gian.”

“Diễn giải kinh sự dàn trận nhỏ” được đầy đủ - Phần thứ mười hai.



13. DIỄN GIẢI KINH SỰ DÀN TRẬN LỚN (MAHĀVĪYŪHASUTTANIDDESO)

Giờ phần “Diễn giải kinh sự dàn trận lớn” được nói đến:

13.1. *Bất cứ những người nào, trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân], tranh cãi rằng: “Chỉ điều này là chân lý”, phải chăng tất cả những người ấy đều mang lại sự chê bai, hay họ cũng đạt được sự khen ngợi về việc ấy?*

Bất cứ những người nào, trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân].

Bất cứ những người nào: Tất cả theo tông thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ “*ye kecī*” này là lời nói của sự bao gồm.

Trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân]: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn là những người theo tà kiến. Các vị ấy chấp nhận, tiếp thu, nắm lấy, bám víu, chấp chặt tà kiến này khác trong số sáu mươi hai tà kiến, rồi trú, cộng trú, cư trú, lưu trú theo tà kiến của riêng mình. Giống như những người tại gia trú trong các ngôi nhà, những người có tội lỗi trú trong các tội lỗi, những người có ô nhiễm trú trong các ô nhiễm, tương tự như vậy, có một số... (nt)... lưu trú theo tà kiến của riêng mình.

“Bất cứ những người nào, trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân]” là như thế.

Tranh cãi rằng: “Chỉ điều này là chân lý”: Họ nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò đại.” Họ nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả rằng: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò đại.”

“Tranh cãi rằng: ‘Chỉ điều này là chân lý’” là như thế.

Phải chăng tất cả những người ấy đều mang lại sự chê bai: Có phải tất cả các Sa-môn và Bà-la-môn ấy đều đi đến sự chê bai, đều đi đến sự chê trách, đều đi đến sự không nổi tiếng; có phải tất cả đều bị chê bai, tất cả đều bị chê trách, tất cả đều không được nổi tiếng?

“Phải chăng tất cả những người ấy đều mang lại sự chê bai” là như thế.

Hay họ cũng đạt được sự khen ngợi về việc ấy? Về việc ấy, do quan điểm của mình, do sự chấp nhận của mình, do sự ưa thích của mình, do quan niệm của mình, họ đạt được, họ tiếp nhận, họ đạt đến, họ tìm thấy sự ca ngợi, sự khen ngợi, sự nổi tiếng, sự ca tụng.

“Hay họ cũng đạt được sự khen ngợi về việc ấy?” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

“Bất cứ những người nào, trong khi sống theo quan điểm [riêng của cá nhân], tranh cãi rằng: ‘Chỉ điều này là chân lý’, phải chăng tất cả những người ấy đều mang lại sự chê bai, hay họ cũng đạt được sự khen ngợi về việc ấy?”

13.2. *Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ để đưa đến sự yên lặng. Ta nói đến hai kết quả của sự tranh cãi. Và sau khi nhìn thấy như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi, trong khi nhận thấy vùng đất không tranh cãi là an toàn [Niết-bàn].*

Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ để đưa đến sự yên lặng.

Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi: Việc này là ít ỏi, việc này là thấp kém, việc này là chút ít, việc này là thấp thỏm, việc này là tồi tệ, việc này là nhỏ nhoi. “Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi” là như thế.

Không đủ để đưa đến sự yên lặng: Là không đủ để đưa đến sự yên lặng của luyến ái, để đưa đến sự yên lặng của sân hận, để đưa đến sự yên lặng của si mê, để đưa đến sự yên lặng, sự an tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự buông bỏ, sự tịch tịnh của giận dữ, của thù hận, của gièm pha, của ác ý, của ganh tỵ, của bòn xén, của xảo trá, của lừa gạt, của bướng bỉnh, của hung hăng, của ngã mạn, của cao ngạo, của đam mê, của xao lãng, của tất cả ô nhiễm, của tất cả uế hạnh, của mọi sự lo lắng, của mọi sự bức bối, của mọi sự nóng nảy, của tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

“Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ để đưa đến sự yên lặng” là như thế.

Ta nói đến hai kết quả của sự tranh cãi: Ta nói, Ta nêu ra, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Đối với sự cãi cọ về quan điểm, đối với sự cãi lộn về quan điểm, đối với sự cãi vã về quan điểm, đối với sự tranh cãi về quan điểm, đối với sự gây gổ về quan điểm, có hai kết quả: Là chiến thắng và thất bại, là lợi lộc và không lợi lộc, là danh vọng và không danh vọng, là chê bai và ca ngợi, là hạnh phúc và khổ đau, là hỷ tâm và ưu tâm, là ưa thích và không ưa thích, là ưa chuộng và bất bình, là hưng phấn và chán nản, là chiều chuộng và chống đối. Hoặc là, việc làm ấy dẫn đến địa ngục, dẫn đến loài thú, dẫn đến thân phận ngựa quỳ.”

“Ta nói đến hai kết quả của sự tranh cãi” là như thế.

Và sau khi nhìn thấy như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi.

Và sau khi nhìn thấy như vậy: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau

khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt sự bất lợi này ở các sự cãi cộ về quan điểm, ở các sự cãi lộn về quan điểm, ở các sự cãi vã về quan điểm, ở các sự tranh cãi về quan điểm, ở các sự gây gổ về quan điểm. “Và sau khi nhìn thấy như vậy” là như thế.

Thì không nên tạo ra sự tranh cãi: Là không nên tạo ra sự cãi cộ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cộ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cộ, với sự cãi lộn, với sự cãi vã, với sự tranh cãi, với sự gây gổ; nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Và sau khi nhìn thấy như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi” là như thế.

Trong khi nhận thấy vùng đất không tranh cãi là an toàn [Niết-bàn]: Vùng đất không tranh cãi nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Trong khi nhìn thấy, trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát vùng đất không tranh cãi này là an toàn, là nơi nương tựa, là nơi trú ẩn, là nơi nương nhờ, là nơi không sợ hãi, là bất hoại, là bất tử, là Niết-bàn.

“Trong khi nhận thấy vùng đất không tranh cãi là an toàn [Niết-bàn]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bởi vì việc [ca ngợi] này là ít ỏi, không đủ để đưa đến sự yên lặng. Ta nói đến hai kết quả của sự tranh cãi. Và sau khi nhìn thấy như vậy thì không nên tạo ra sự tranh cãi, trong khi nhận thấy vùng đất không tranh cãi là an toàn [Niết-bàn].”

13.3. *Bất cứ những quy ước nào được sanh ra từ số đông, bậc đã hiểu biết không tiếp cận tất cả những điều ấy. Trong khi không thể hiện sự chấp nhận ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, vị ấy không có sự vương bận, tại sao lại đi đến với sự vương bận?*

Bất cứ những quy ước nào được sanh ra từ số đông.

Bất cứ những [quy ước] nào: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ “yā kācī” này là lỗi nói của sự bao gồm.

Những quy ước: Những quy ước nói đến sáu mươi hai tà kiến là những quy ước về quan điểm.

Được sanh ra từ số đông: “Các quy ước được tạo ra bởi các phàm nhân.” “Được sanh ra bởi số đông” là như thế, hoặc “các quy ước được tạo ra bởi số đông gồm nhiều người khác nhau.” “Được sanh ra bởi số đông” là như thế.

“Bất cứ những quy ước nào được sanh ra từ số đông” là như thế.

Bậc đã hiểu biết không tiếp cận tất cả những điều ấy: Bậc đã hiểu biết, người đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh không đi đến, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt toàn bộ tất cả những quy ước về quan điểm ấy.

“Bậc đã hiểu biết không tiếp cận tất cả những điều ấy” là như thế.

Vị ấy không có sự vương bận, tại sao lại đi đến với sự vương bận?

Sự vương bận: Có hai sự vương bận: Sự vương bận do tham ái và sự vương bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tà kiến. Đối với vị ấy, sự vương bận do tham ái đã được dứt bỏ, sự vương bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vương bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vương bận do tà kiến, là người không có sự vương bận; vị ấy có thể tiếp cận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào sắc gì, [nghĩ rằng]: “Tự ngã của ta” có thể tiếp cận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào thọ gì, ... tưởng gì, ... các hành gì, ... thức gì, ... cảnh giới tái sanh gì, ... sự tái sanh gì, ... sự nối liền tái sanh gì, ... sự hiện hữu gì, ... sự luân hồi gì, ... sự luân chuyển gì?

“Vị ấy, không có sự vương bận, tại sao lại đi đến với sự vương bận?” là như thế.

Trong khi không thể hiện sự chấp nhận ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe: Trong khi không tạo nên sự chấp nhận, trong khi không tạo nên sự mong muốn, trong khi không tạo nên sự yêu thương, trong khi không tạo nên sự luyện ái ở điều đã được thấy hoặc ở sự trong sạch do điều đã được thấy, ở điều đã được nghe hoặc ở sự trong sạch do điều đã được nghe, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh.

“Trong khi không thể hiện sự chấp nhận ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bất cứ những quy ước nào được sanh ra từ số đông, bậc đã hiểu biết không tiếp cận tất cả những điều ấy. Trong khi không thể hiện sự chấp nhận ở điều đã được thấy, ở điều đã được nghe, vị ấy không có sự vương bận, tại sao lại đi đến với sự vương bận?”

13.4. Những kẻ chủ trương giới là tối thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự chế ngự. Sau khi thọ trì phận sự, họ duy trì [nghĩ rằng]: “Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi, rồi sẽ có sự trong sạch”; họ bị dẫn dắt đến hữu trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo.

Những kẻ chủ trương giới là tối thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự chế ngự: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết cho rằng giới là tối

thượng. Các vị ấy đã nói, phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới, chỉ do sự thu thúc, chỉ do sự phòng hộ, chỉ do sự không vi phạm. Người con trai của Sāmaṇamundikā đã nói như vậy: “Này ông thợ mộc, ta tuyên bố rằng một người nam được thành tựu bốn pháp là người có thiện pháp đầy đủ, có thiện pháp tối thắng, là vị Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt tối thượng, không bị đánh bại. Với bốn pháp nào?”

Này ông thợ mộc, ở đây là không làm việc ác bằng thân, không nói lời nói ác, không tư duy ý nghĩ ác, không nuôi mạng theo lối nuôi mạng ác xấu. Này ông thợ mộc, ta tuyên bố rằng một người nam được thành tựu bốn pháp này là người có thiện pháp đầy đủ, có thiện pháp tối thắng, là vị Sa-môn đã đạt được sự chứng đạt tối thượng, không bị đánh bại.” Tương tự như vậy, có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết cho rằng giới là tối thượng. Các vị ấy đã nói, phát biểu, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới, chỉ do sự thu thúc, chỉ do sự phòng hộ, chỉ do sự không vi phạm.

“Những kẻ chủ trương giới là tối thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự chế ngự” là như thế.

Sau khi thọ trì phạm sự, họ duy trì.

Phạm sự: Sau khi nhận lấy, sau khi thọ trì, sau khi nhận lấy cho mình, sau khi thọ trì cho mình, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt hạnh loài voi, hoặc hạnh loài ngựa, hoặc hạnh loài bò, hoặc hạnh loài chó, hoặc hạnh loài quạ, hoặc hạnh thần tài, hoặc hạnh thần sức mạnh, hoặc hạnh thần Puṇṇabhaddā, hoặc hạnh thần Maṇibhaddā, hoặc hạnh của lửa, hoặc hạnh loài rồng, hoặc hạnh linh điều, hoặc hạnh dạ-xoa, hoặc hạnh a-tu-la, hoặc hạnh càn-thát-bà, hoặc hạnh đại vương, hoặc hạnh mặt trăng, hoặc hạnh mặt trời, hoặc hạnh Thiên vương, hoặc hạnh Phạm thiên, hoặc hạnh thiên nhân, hoặc hạnh [lễ bái theo] phương hướng, họ đã duy trì, đã thiết lập, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến.

“Sau khi thọ trì phạm sự, họ duy trì” là như thế.

Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi, rồi sẽ có sự trong sạch.

Ở lãnh vực này: Ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình.

Chúng ta hãy học tập: Chúng ta hãy học tập, hãy hành xử, hãy hành theo, hãy thọ trì và vận dụng. “Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi” là như thế.

Rồi sẽ có sự trong sạch: Rồi sẽ có sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi.

“Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi, rồi sẽ có sự trong sạch” là như thế.

Họ bị dẫn dắt đến hữu trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo.

Họ bị dẫn dắt đến hữu: Họ bị dẫn dắt đến hữu là họ đến gần hữu, bám chặt hữu, hướng đến hữu. “Họ bị dẫn dắt đến hữu” là như thế.

Trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo: Là có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Họ bị dẫn dắt đến hữu trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Những kẻ chủ trương giới là tối thượng đã nói sự trong sạch là do sự tự chế ngự. Sau khi thọ trì phạm sự, họ duy trì [nghĩ rằng]: ‘Chúng ta hãy học tập ở lãnh vực này thôi, rồi sẽ có sự trong sạch’; họ bị dẫn dắt đến hữu trong khi tuyên bố [mình] là thiện xảo.”

13.5. Nếu đã lìa khỏi giới và phạm sự, kẻ ấy run rẩy sau khi thất bại về hành động; kẻ ấy tham muốn và ước nguyện sự trong sạch, ví như người bị thất lạc với đoàn lũ hành trong khi sống xa nhà.

Nếu đã lìa khỏi giới và phạm sự: Lìa khỏi giới và phạm sự bởi hai lý do: Lìa khỏi do sự can ngăn của người khác, hoặc là trong khi không thành tựu rồi lìa khỏi. Lìa khỏi do sự can ngăn của người khác là thế nào? Người khác can ngăn rằng: “Vị Đạo sư ấy không là đáng Toàn tri, pháp không khéo được thuyết giảng, tập thể không thực hành tốt đẹp, quan điểm không tốt lành, lối thực hành không khéo được quy định, đạo lộ không dẫn dắt ra khỏi; ở đây không có sự trong sạch, hay sự thanh tịnh, hay sự hoàn toàn trong sạch, hay sự thoát khỏi, hay sự giải thoát, hay sự hoàn toàn thoát khỏi; ở đây không có những người được trong sạch, hay được thanh tịnh, hay được hoàn toàn trong sạch, hay được thoát khỏi, hay được giải thoát, hay được hoàn toàn thoát khỏi; họ là thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.” “Người khác can ngăn” là như vậy. Trong khi bị can ngăn như vậy rồi lìa khỏi vị Đạo sư, lìa khỏi giáo lý, lìa khỏi tập thể, lìa khỏi quan điểm, lìa khỏi lối thực hành, lìa khỏi đạo lộ. “Lìa khỏi do sự can ngăn của người khác” là như vậy. Trong khi không thành tựu rồi lìa khỏi là thế nào? Trong khi không thành tựu giới rồi lìa khỏi giới, trong khi không thành tựu phạm sự rồi lìa khỏi phạm sự, trong khi không thành tựu giới và phạm sự rồi lìa khỏi giới và phạm sự. “Trong khi không thành tựu rồi lìa khỏi” là như vậy.

“Nếu đã lìa khỏi giới và phạm sự” là như thế.

Kẻ ấy run rẩy sau khi thất bại về hành động.

Kẻ ấy run rẩy: “Ta bị mất mát, ta bị thất bại, ta bị lầm lỡ, ta bị rơi khỏi giới, hoặc phạm sự, hay giới và phạm sự; ta bị thất bại do không hiểu biết”, [nghĩ vậy] kẻ ấy run rẩy, chấn động, rung động. “Kẻ ấy run rẩy” là như thế.

Sau khi thất bại về hành động: “Ta bị mất mát, ta bị thất bại, ta bị lầm lỡ,

ta bị rơi khỏi phúc hành, hoặc phi phúc hành, hoặc bất động hành;¹ ta bị thất bại do không hiểu biết”, [nghĩ vậy] kẻ ấy run rẩy, chấn động, rung động.

“Kẻ ấy run rẩy sau khi thất bại về hành động” là như thế.

Kẻ ấy tham muốn và ước nguyện sự trong sạch.

Kẻ ấy tham muốn: Là tham muốn giới, hoặc tham muốn phận sự, hoặc tham muốn giới và phận sự, khởi tham muốn, nguyện cầu. “Kẻ ấy tham muốn” là như thế.

Và ước nguyện sự trong sạch: Là ước nguyện sự trong sạch về giới, hoặc ước nguyện sự trong sạch về phận sự, hoặc ước nguyện sự trong sạch về giới và phận sự, mong cầu, nguyện cầu.

“Kẻ ấy tham muốn và ước nguyện sự trong sạch” là như thế.

Ví như người bị thất lạc với đoàn lũ hành trong khi sống xa nhà: Giống như người nam, trong lúc rời khỏi nhà sống cùng đoàn lũ hành và bị rớt lại phía sau đoàn lũ hành, thì: Hoặc là đuổi theo đoàn lũ hành ấy, hoặc là trở về lại nhà của mình; tương tự y như thế, kẻ theo tà kiến ấy nắm lấy vị Đạo sư ấy hoặc là nắm lấy vị Đạo sư khác, nắm lấy giáo lý ấy hoặc là nắm lấy giáo lý khác, nắm lấy tập thể ấy hoặc là nắm lấy tập thể khác, nắm lấy quan điểm ấy hoặc là nắm lấy quan điểm khác, nắm lấy lối thực hành ấy, hoặc là nắm lấy lối thực hành khác, nắm lấy đạo lộ ấy hoặc là nắm lấy đạo lộ khác, bám víu, chấp chặt.

“Ví như người bị thất lạc với đoàn lũ hành trong khi sống xa nhà” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Nếu đã lìa khỏi giới và phận sự, kẻ ấy run rẩy sau khi thất bại về hành động; kẻ ấy tham muốn và ước nguyện sự trong sạch, ví như người bị thất lạc với đoàn lũ hành trong khi sống xa nhà.”

13.6. Và sau khi đã dứt bỏ tất cả giới và phận sự,

Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy,

Trong khi không ước nguyện “sự trong sạch hay không trong sạch”,

Đã xa lánh, vị ấy sống, không nắm bắt sự an tịnh [do tà kiến].

Và sau khi đã dứt bỏ tất cả giới và phận sự: Sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các sự trong sạch do giới; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các sự trong sạch do phận sự; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả các sự trong sạch do giới và phận sự.

“Và sau khi đã dứt bỏ tất cả giới và phận sự” là như thế.

¹ Xem chú thích về “phúc hành, phi phúc hành, bất động hành” ở trang 77. (ND)

Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy: Hành động có tội nói đến pháp đen với quả thành tựu đen; hành động không có tội nói đến pháp trắng với quả thành tựu trắng. Sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu hành động có tội và hành động không có tội.

“Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy” là như thế.

Trong khi không ước nguyện “sự trong sạch hay không trong sạch.”

Sự không trong sạch: Ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện. **Sự trong sạch:** Ước nguyện sự trong sạch là ước nguyện năm loại dục. Ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện, ước nguyện năm loại dục; ước nguyện sự trong sạch là ước nguyện sáu mươi hai tà kiến; ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện, ước nguyện năm loại dục, ước nguyện sáu mươi hai tà kiến; ước nguyện sự trong sạch là ước nguyện các pháp thiện liên quan đến Tam giới; ước nguyện sự không trong sạch là ước nguyện các pháp bất thiện, ước nguyện năm loại dục, ước nguyện sáu mươi hai tà kiến, ước nguyện các pháp thiện liên quan đến Tam giới; ước nguyện sự trong sạch là các phàm phu tốt lành ước nguyện sự nhập vào dòng Thánh, các bậc Hữu học ước nguyện pháp tốt đỉnh là phẩm vị A-la-hán; khi đã đạt được phẩm vị A-la-hán, bậc A-la-hán không còn ước nguyện các pháp bất thiện, cũng không ước nguyện năm loại dục, cũng không ước nguyện sáu mươi hai tà kiến, cũng không ước nguyện các pháp thiện liên quan đến Tam giới, cũng không ước nguyện sự nhập vào dòng Thánh, cũng không ước nguyện pháp tốt đỉnh là phẩm vị A-la-hán. Trong khi vượt qua hẳn sự ước nguyện, bậc A-la-hán đã vượt qua khỏi sự tiến tu và thối thất, vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã vượt khỏi việc sanh-lão-tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

“Trong khi không ước nguyện ‘sự trong sạch hay không trong sạch’” là như thế.

Đã xa lánh, vị ấy sống, không nắm bắt sự an tịnh [do tà kiến].

Đã xa lánh: Đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã rời ra, đã thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự trong sạch và không trong sạch, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Vị ấy sống: Vị ấy sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. “Đã xa lánh, vị ấy sống” là như thế.

Không nắm bắt sự an tịnh [do tà kiến]: Các sự an tịnh nói đến sáu mươi hai tà kiến; trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt các sự an tịnh do tà kiến.

“Đã xa lánh, vị ấy sống, không nắm bắt sự an tịnh [do tà kiến]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Và sau khi đã dứt bỏ tất cả giới và phạm sự,
Cùng hành động có tội hoặc không có tội ấy,
Trong khi không ước nguyện ‘sự trong sạch hay không trong sạch’,
Đã xa lánh, vị ấy sống, không nắm bắt sự an tịnh [do tà kiến].”*

13.7. Sau khi nương tựa vào điều đã bị chán ghét ấy [khổ hạnh], hoặc vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giác, những kẻ chủ trương luân hồi hướng thượng kể lể về sự trong sạch, họ chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu.

Sau khi nương tựa vào điều đã bị chán ghét ấy [khổ hạnh]: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết chán ghét khổ hạnh, có chủ trương chán ghét khổ hạnh, đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến sự chán ghét khổ hạnh.

“Sau khi nương tựa vào điều đã bị chán ghét ấy [khổ hạnh]” là như thế.

Hoặc vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giác: Sau khi nương tựa, sau khi dựa vào, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt vào điều đã được thấy hoặc sự trong sạch do điều đã được thấy, vào điều đã được nghe hoặc sự trong sạch do điều đã được nghe, vào điều đã được cảm giác hoặc sự trong sạch do điều đã được cảm giác.

“Hoặc vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giác” là như thế.

Những kẻ chủ trương luân hồi hướng thượng kể lể về sự trong sạch: Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết luân hồi hướng thượng. Các Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết luân hồi hướng thượng ấy là các vị nào? Các Sa-môn và Bà-la-môn nào là các vị tin vào sự trong sạch tột cùng, các vị tin rằng sự trong sạch do luân hồi, các vị theo quan điểm không hành động, các vị có học thuyết thường còn, các vị này là các Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết luân hồi hướng thượng. Các vị ấy kể lể, nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là thông qua sự tái sinh luân hồi.

“Những kẻ chủ trương luân hồi hướng thượng kể lể về sự trong sạch” là như thế.

Chúng chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu.

Tham ái: Ái cảnh sắc, ái cảnh thanh, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp.

Ở hữu và phi hữu: Ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự

hiện hữu được lập đi lập lại, ở cảnh giới tái sinh được lập đi lập lại, ở sự tiếp nối tái sinh được lập đi lập lại, ở sự sanh ra của bản ngã được lập đi lập lại, [các vị ấy] có tham ái chưa được xa lìa, có tham ái chưa được tách lìa, có tham ái chưa được từ bỏ, có tham ái chưa được tẩy trừ, có tham ái chưa được giải thoát, có tham ái chưa được dứt bỏ, có tham ái chưa được buông bỏ.

“Chúng chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi nương tựa vào điều đã bị chán ghét ấy [khổ hạnh], hoặc vào điều đã được thấy, vào điều đã được nghe, hoặc vào điều đã được cảm giác, những kẻ chủ trương luân hồi hưởng thượng kể lể về sự trong sạch, chúng chưa xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu.”

13.8. Bởi vì, người trong khi ước nguyện thì có các sự tham muốn,

Thậm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt.

Ở đây, đối với vị nào tử và sanh là không có,

Vị ấy có thể run rẩy vì cái gì, có thể tham muốn về cái gì?

Bởi vì, người trong khi ước nguyện thì có các sự tham muốn: Ước nguyện nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Người trong khi ước nguyện: Đối với người đang ước nguyện, đối với người đang ước muốn, đối với người đang ưng thuận, đối với người đang mong cầu, đối với người đang nguyện cầu. “Bởi vì, người trong khi ước nguyện” là như thế.

Các sự tham muốn: Tham muốn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

“Bởi vì, người trong khi ước nguyện thì có các sự tham muốn” là như thế.

Thậm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt.

Sự xếp đặt: Có hai sự xếp đặt: Xếp đặt do tham ái và xếp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là xếp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là xếp đặt do tà kiến.

Thậm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt: Có sự lo âu về việc chiếm đoạt vật đã được xếp đặt nên chúng run rẩy, trong khi đang bị chiếm đoạt chúng run rẩy, khi đã bị chiếm đoạt chúng run rẩy; có sự lo âu về việc biến đổi của vật đã được xếp đặt nên chúng run rẩy, trong khi vật đang bị biến đổi chúng run rẩy, khi vật đã bị biến đổi chúng run rẩy, chúng run sợ, chúng rung động.

“Thậm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt” là như thế.

Ở đây, đối với vị nào tử và sanh là không có.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt; đối với vị ấy sự ra đi, sự đi đến, sự ra đi và đi đến, thời điểm [từ trần], cảnh giới tái sinh,

hữu và phi hữu, sự tử vong, sự tái sanh, sự hạ sanh, sự tan rã, sự sanh-già-chết là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Ở đây, đối với vị nào tử và sanh là không có” là như thế.

Vị ấy có thể run rẩy vì cái gì, có thể tham muốn về cái gì? Vị ấy có thể run rẩy bởi sự luyến ái gì, có thể run rẩy bởi sự sân hận gì, có thể run rẩy bởi sự si mê gì, có thể run rẩy bởi sự ngã mạn gì, có thể run rẩy bởi tà kiến gì, có thể run rẩy bởi sự phóng dật gì, có thể run rẩy bởi hoài nghi gì, có thể run rẩy bởi các pháp tiềm ẩn gì, [nghĩ rằng]: “Có phải ta là ‘kẻ bị luyến ái’, hoặc là ‘kẻ bị sân hận’, hoặc là ‘kẻ bị si mê’, hoặc là ‘kẻ bị trói buộc’, hoặc là ‘kẻ bị bám víu’, hoặc là ‘kẻ bị tán loạn’, hoặc là ‘kẻ không dứt khoát’, hoặc là ‘kẻ cứng cỏi’?” Các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, thì do điều gì vị ấy có thể run rẩy về cảnh giới tái sanh, [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở thành ‘người địa ngục’, hoặc là ‘loài thú’, hoặc là ‘thân phận ngạ quỷ’, hoặc là ‘loài người’, hoặc là ‘thiên nhân’, hoặc là ‘người hữu sắc’, hoặc là ‘người vô sắc’, hoặc là ‘người hữu tướng’, hoặc là ‘người vô tướng’, hoặc là ‘người phi tướng phi phi tướng’?” Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy vị ấy có thể run rẩy, run sợ, rung động. “Vị ấy có thể run rẩy vì cái gì?” là như thế.

Có thể tham muốn về cái gì: Hoặc là có thể tham muốn về chỗ nào, có thể tham muốn về điều gì, có thể tham muốn, có thể khởi tham muốn, có thể nguyện cầu về nơi nào.

“Vị ấy có thể run rẩy vì cái gì, có thể tham muốn về cái gì?” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Bởi vì, người trong khi ước nguyện thì có các sự tham muốn,
Thậm chí còn có sự run sợ về các điều đã được xếp đặt.
Ở đây, đối với vị nào tử và sanh là không có,
Vị ấy có thể run rẩy vì cái gì, có thể tham muốn về cái gì?”*

13.9. Pháp nào mà một số vị đã nói là “tối thắng”,
*Trái lại, những vị khác đã nói về pháp ấy là “thấp hèn”;
Vậy trong số những vị này, lời nói nào là sự thật,
Bởi vì tất cả các vị này đều tuyên bố [mình] là thiện xảo?*

Pháp nào mà một số vị đã nói là “tối thắng”: Giáo pháp, quan điểm, cách thực hành, đạo lộ nào mà một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy: “Điều này là tối thắng, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.”

“Pháp nào mà một số vị đã nói là ‘tối thắng’” là như thế.

Trái lại, những vị khác đã nói về pháp ấy là thấp hèn: Một số Sa-môn và

Bà-la-môn đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy về giáo pháp, về quan điểm, về cách thực hành, về đạo lộ ấy rằng: “Điều ấy là thấp hèn, điều ấy là hèn kém, điều ấy là thấp kém, điều ấy là thấp thỏi, điều ấy là tồi tệ, điều ấy là nhỏ nhoi.”

“Trái lại, những vị khác đã nói về pháp ấy là ‘thấp hèn’” là như thế.

Vậy trong số những vị này, lời nói nào là sự thật: Trong số các Sa-môn và Bà-la-môn này, lời nói nào là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là chính xác, là không bị sai lệch.

“Vậy trong số những vị này, lời nói nào là sự thật” là như thế.

Bởi vì tất cả các vị này đều tuyên bố [mình] là thiện xảo: Toàn bộ tất cả các Sa-môn và Bà-la-môn này đều có học thuyết thiện xảo, có học thuyết sáng suốt, có học thuyết vững chắc, có học thuyết đúng đắn, có học thuyết thực tiễn, có học thuyết rõ rệt, có học thuyết gương mẫu, có học thuyết giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Bởi vì tất cả các vị này đều tuyên bố [mình] là thiện xảo” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

*“Pháp nào mà một số vị đã nói là ‘tối thắng’,
Trái lại, những vị khác đã nói về pháp ấy là ‘thấp hèn’;
Vậy trong số những vị này, lời nói nào là sự thật,
Bởi vì tất cả các vị này đều tuyên bố [mình] là thiện xảo?”*

13.10. Chúng đã tuyên bố pháp của chính mình là hoàn hảo,
*Hơn nữa, chúng đã tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn.
Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi,
Và đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý.*

Chúng đã tuyên bố pháp của chính mình là hoàn hảo: Một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy về giáo pháp, về quan điểm, về cách thực hành, về đạo lộ của chính mình rằng: “Điều này là đầy đủ, hoàn hảo, không thiếu sót.”

“Chúng đã tuyên bố pháp của chính mình là hoàn hảo” là như vậy.

Hơn nữa, chúng đã tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn: Một số Sa-môn và Bà-la-môn đã nói như vậy, thuyết như vậy, phát ngôn như vậy, giảng giải như vậy, diễn tả như vậy về giáo pháp, về quan điểm, về cách thực hành, về đạo lộ của người khác rằng: “Điều ấy là thấp hèn, điều ấy là hèn kém, điều ấy là thấp kém, điều ấy là thấp thỏi, điều ấy là tồi tệ, điều ấy là nhỏ nhoi.”

“Hơn nữa, chúng đã tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn” là như thế.

Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi: Sau khi chấp nhận, sau khi tiếp thu, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt như vậy, chúng tranh cãi, thực hiện sự cãi cọ, thực hiện sự cãi lộn,

thực hiện sự cãi vã, thực hiện sự tranh cãi, thực hiện sự gây gổ rằng: “Người không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng.”

“Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi” là như thế.

Và đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý: Chúng đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại”; chúng đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý rằng: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”

“Và đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Chúng đã tuyên bố pháp của chính mình là hoàn hảo,
Hơn nữa, chúng đã tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn.
Sau khi giữ khư khư [quan điểm của mình] như vậy, chúng tranh cãi,
Và đã tuyên bố quan điểm riêng của từng cá nhân là chân lý.”*

13.11. Nếu là thấp hèn do việc bị khinh miệt của người khác,
*Thì không có pháp nào là đặc biệt trong số các pháp,
Bởi vì số đông tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn,
Trong khi nói một cách chắc chắn về [pháp] của chính mình.*

Nếu là thấp hèn do việc bị khinh miệt của người khác: Nếu bởi lý do bị khinh miệt, bởi lý do bị chê bai, bởi lý do bị chê trách, bởi lý do bị gièm pha của người khác, mà kẻ khác trở thành ngu si, thấp hèn, hèn kém, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi.

“Nếu là thấp hèn do việc bị khinh miệt của người khác” là như thế.

Thì không có pháp nào là đặc biệt trong số các pháp: Thì trong số các pháp, không có pháp nào là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

“Thì không có pháp nào là đặc biệt trong số các pháp” là như thế.

Bởi vì số đông tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn: Nhiều người tuyên bố, gièm pha, chê bai, chê trách pháp của nhiều người là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi; nhiều người tuyên bố, gièm pha, chê bai, chê trách pháp của một người là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi; một người tuyên bố, gièm pha, chê bai, chê trách pháp của nhiều người là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi; một người tuyên bố, gièm pha, chê bai, chê trách pháp của một người là thấp hèn, là hèn kém, là thấp kém, là thấp thỏi, là tồi tệ, là nhỏ nhoi.

“Bởi vì số đông tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn” là như thế.

Trong khi nói một cách chắc chắn về [pháp] của chính mình: Pháp là đường lối của mình, quan điểm là đường lối của mình, lối thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng có lời nói chắc chắn, có lời nói vững chắc, có lời nói vững mạnh, có lời nói kiên định về đường lối của mình.

“Trong khi nói một cách chắc chắn về [pháp] của chính mình” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Nếu là thấp hèn do việc bị khinh miệt của người khác,
Thì không có pháp nào là đặc biệt trong số các pháp,
Bởi vì số đông tuyên bố pháp của người khác là thấp hèn,
Trong khi nói một cách chắc chắn về [pháp] của chính mình.”*

13.12. Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy,

Giống như cách chúng ngợi khen đường lối của mình.

Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là đúng đắn,

Bởi vì sự trong sạch của chúng chỉ liên quan đến cá nhân.

Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy: Việc tôn vinh pháp của chính mình là việc nào? Họ trọng vọng, cung kính, sùng bái, tôn vinh bậc Đạo sư của mình rằng: “Bậc Đạo sư này là đáng Toàn tri”; việc này là việc tôn vinh pháp của chính mình. Họ trọng vọng, cung kính, sùng bái, tôn vinh giáo lý của mình,... tập thể của mình,... quan điểm của mình,... lối thực hành của mình,... đạo lộ của mình rằng: “Đạo lộ này dẫn dắt ra khỏi”; việc này là việc tôn vinh pháp của chính mình.

Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy: Việc tôn vinh pháp của chính mình là như thế, là đúng đắn, là đang xảy ra, là chính xác, là không bị sai lệch.

“Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy” là như thế.

Giống như cách chúng ngợi khen đường lối của mình: Pháp là đường lối của mình, quan điểm là đường lối của mình, lối thực hành là đường lối của mình, đạo lộ là đường lối của mình; chúng ca ngợi, khen ngợi, tán dương, ca tụng đường lối của mình.

“Giống như cách chúng ngợi khen đường lối của mình” là như thế.

Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là đúng đắn: Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là như thế, là đúng đắn, là đang xảy ra, là chính xác, là không bị sai lệch.

“Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là đúng đắn” là như thế.

Bởi vì sự trong sạch của chúng chỉ liên quan đến cá nhân: Sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi của các Sa-môn và Bà-la-môn ấy chỉ liên quan đến cá nhân.

“Bởi vì sự trong sạch của chúng chỉ liên quan đến cá nhân” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Hơn nữa, việc tôn vinh pháp của chính mình sẽ là như thế ấy,

Giống như cách chúng ngợi khen đường lối của mình.

Toàn bộ tất cả các học thuyết có thể là đúng đắn,

Bởi vì sự trong sạch của chúng chỉ liên quan đến cá nhân.”

13.13. Đối với vị Bà-la-môn, không có việc bị dẫn dắt bởi người khác sau khi suy xét điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Do điều ấy, vị Bà-la-môn vượt lên trên các sự tranh cãi, bởi vì vị Bà-la-môn không nhìn thấy học thuyết khác là tối thắng.

Đối với vị Bà-la-môn, không có việc bị dẫn dắt bởi người khác.

Không: Là sự phủ định.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Đối với vị Bà-la-môn, không có việc bị dẫn dắt bởi người khác: Đối với vị Bà-la-môn, không có trạng thái bị dẫn dắt bởi người khác; vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy người khác, không đi đến sự bị trói buộc với người khác, vị biết, vị thấy, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm. Đối với vị Bà-la-môn, không có trạng thái bị dẫn dắt bởi người khác [để hiểu] rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy người khác, không đi đến sự bị trói buộc với người khác, vị biết, vị thấy, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm. Đối với vị Bà-la-môn, không có trạng thái bị dẫn dắt bởi người khác [để hiểu] rằng: “Tất cả các hành là khổ”;... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt”; vị Bà-la-môn không bị dẫn dắt bởi người khác, không phụ thuộc người khác, không trông cậy người khác, không đi đến sự bị trói buộc với người khác, vị biết, vị thấy, không bị mê muội, có sự nhận biết rõ, có niệm.

“Đối với vị Bà-la-môn, không có việc bị dẫn dắt bởi người khác” là như thế.

Sau khi suy xét điều đã được nắm bắt trong số các pháp.

Trong số các pháp: Là trong số sáu mươi hai tà kiến.

Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy cứu, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt, sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự nắm lấy tổng thể rằng: “Điều này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch”; điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như

thể là không có, không hiện diện, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Sau khi suy xét điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]” là như thế.

Do điều ấy, vị Bà-la-môn vượt lên trên các sự tranh cãi.

Do điều ấy: Do điều ấy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, vị Bà-la-môn vượt lên trên, vượt quá, vượt qua hẳn, vượt qua khỏi các sự cãi cọ về quan điểm, các sự cãi lộn về quan điểm, các sự cãi vã về quan điểm, các sự tranh cãi về quan điểm, các sự gây gổ về quan điểm.

“Do điều ấy, vị Bà-la-môn vượt lên trên các sự tranh cãi” là như thế.

Bởi vì vị Bà-la-môn không nhìn thấy học thuyết khác là tối thắng: Vị Bà-la-môn không nhìn thấy, không nhận thấy, không quan sát, không suy xét, không khảo sát bậc Đạo sư khác, giáo lý khác, tập thể khác, quan điểm khác, lối thực hành khác, đạo lộ khác là pháp cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý; ngoại trừ các sự thiết lập niệm, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

“Bởi vì vị Bà-la-môn không nhìn thấy học thuyết khác là tối thắng” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đối với vị Bà-la-môn, không có việc bị dẫn dắt bởi người khác sau khi suy xét điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Do điều ấy, vị Bà-la-môn vượt lên trên các sự tranh cãi, bởi vì vị Bà-la-môn không nhìn thấy học thuyết khác là tối thắng.”

13.14. [Nói rằng:] “Tôi biết, tôi thấy điều ấy chắc chắn là như thế”,

Một số tin rằng sự trong sạch là do việc thấy.

Nếu đã nhìn thấy, điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy?

Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác.

Tôi biết, tôi thấy điều ấy chắc chắn là như thế.

Tôi biết: Tôi biết bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc tôi biết bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ.

Tôi thấy: Tôi thấy bằng nhục nhãn, hoặc tôi thấy bằng thiên nhãn.

Điều ấy chắc chắn là như thế: Điều ấy là đúng đắn, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch.

“Tôi biết, tôi thấy điều ấy chắc chắn là như thế” là như thế.

Một số tin rằng sự trong sạch là do việc thấy: Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy. Một số Sa-môn và

Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.” Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy rằng: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”

“Một số tin rằng sự trong sạch là do việc thấy” là như thế.

Nếu đã nhìn thấy, điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy?

Đã nhìn thấy: Đã nhìn thấy bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc đã nhìn thấy bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ, hoặc đã nhìn thấy bằng nhục nhãn, hoặc đã nhìn thấy bằng thiên nhãn. “Nếu đã nhìn thấy” là như thế.

Điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy? Với việc nhìn thấy ấy của vị ấy thì đã làm được gì? Không có sự biết toàn diện về khổ, không có sự dứt bỏ tập, không có sự tu tập đạo, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ luyến ái, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ sân hận, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ si mê, không có sự dứt bỏ do đoạn trừ các ô nhiễm, không có sự bẻ gãy vòng quay luân hồi.

“Nếu đã nhìn thấy, điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy?” là như thế.

Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác: Những kẻ ngoại đạo ấy, sau khi đã vượt quá, sau khi đã vượt qua hẳn, sau khi đã vượt qua khỏi đạo lộ trong sạch, đạo lộ thanh tịnh, đạo lộ hoàn toàn trong sạch, đạo lộ trong trắng, đạo lộ thuần khiết, chúng nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệ, ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. “Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác” là như vậy.

Hoặc là, chư Phật, chư Thánh văn của đức Phật và chư Phật Độc Giác, sau khi đã vượt quá, sau khi đã vượt qua hẳn, sau khi đã vượt qua khỏi đạo lộ không trong sạch, đạo lộ không thanh tịnh, đạo lộ không hoàn toàn trong sạch, đạo lộ không trong trắng, đạo lộ không thuần khiết của những kẻ ngoại đạo ấy, các Ngài nói, thuyết giảng, phát ngôn, giảng giải, diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do bốn sự thiết lập niệ, do bốn chánh cần, do bốn nền tảng của thần thông, do năm quyền, do năm lực, do bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, do đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

“Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác” còn là như vậy. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“[Nói rằng:] ‘Tôi biết, tôi thấy điều ấy chắc chắn là như thế’,
Một số tin rằng sự trong sạch là do việc thấy.
Nếu đã nhìn thấy, điều gì có được cho bản thân với việc [thấy] ấy?
Sau khi bỏ qua, chúng nói về sự trong sạch theo cách khác.”*

13.15. *Một người, trong khi nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc,
Hoặc sau khi nhìn thấy thì sẽ biết chỉ mỗi chúng mà thôi.
Hãy để người ấy nhìn nhiều hay ít theo ý thích,
Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy.*

Một người, trong khi nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc: Một người trong khi nhìn bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc trong khi nhìn bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ, hoặc trong khi nhìn bằng nhục nhãn, hoặc trong khi nhìn bằng thiên nhãn thì nhìn thấy danh và sắc là thường còn, là hạnh phúc, là tự ngã, không nhìn thấy nhân sanh khởi, hoặc sự biến hoại, hoặc sự hứng thú, hoặc sự bất lợi, hoặc sự thoát ra đối với các pháp ấy.

“Một người, trong khi nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc” là như thế.

Hoặc sau khi nhìn thấy thì sẽ biết chỉ mỗi chúng mà thôi.

Sau khi nhìn thấy: Sau khi nhìn bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc sau khi nhìn bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ, hoặc sau khi nhìn bằng nhục nhãn, hoặc sau khi nhìn bằng thiên nhãn, sau khi nhìn thấy danh và sắc thì sẽ được biết chúng là thường còn, là hạnh phúc, là tự ngã, sẽ không được biết nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, hoặc sự thoát ra đối với các pháp ấy.

“Hoặc sau khi nhìn thấy thì sẽ biết chỉ mỗi chúng mà thôi” là như thế.

Hãy để người ấy nhìn nhiều hay ít theo ý thích: Trong khi nhìn thấy danh và sắc nhiều hay ít tùy theo ý thích là thường còn, là hạnh phúc, là tự ngã.

“Hãy để người ấy nhìn nhiều hay ít theo ý thích” là như thế.

Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy.

Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về sự thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn; các bậc thiện xảo ấy không nói, không thuyết giảng, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả về sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do việc thấy danh và sắc bằng trí nhận biết tâm của người khác, hoặc bằng trí nhớ lại các kiếp sống quá khứ, hoặc bằng nhục nhãn, hoặc bằng thiên nhãn.

“Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Một người, trong khi nhìn, sẽ nhìn thấy danh và sắc,
Hoặc sau khi nhìn thấy thì sẽ biết chỉ mỗi chúng mà thôi.
Hãy để người ấy nhìn nhiều hay ít theo ý thích,
Các bậc thiện xảo hẳn nhiên không nói sự trong sạch là do điều ấy.”*

13.16. Kẻ chấp chặt vào học thuyết quả thật không dễ hướng dẫn,
*Kẻ đang chú trọng quan điểm đã được xếp đặt.
Nương tựa vào cái gì thì nói điều tốt đẹp về cái ấy,
Với lời tuyên bố về sự trong sạch, kẻ ấy đã nhìn thấy thực thể ở nơi ấy.*

Kẻ chấp chặt vào học thuyết quả thật không dễ hướng dẫn: Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.” Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”

Quả thật không dễ hướng dẫn: Kẻ chấp chặt vào học thuyết là khó hướng dẫn, khó làm cho hiểu được, khó làm cho lưu tâm, khó giúp cho thấy, khó tạo được niềm tin.

“Kẻ chấp chặt vào học thuyết quả thật không dễ hướng dẫn” là như thế.

Kẻ đang chú trọng quan điểm đã được xếp đặt: Kẻ ấy sống, chú trọng quan điểm đã được sắp đặt, đã được xếp đặt, đã được tạo tác, đã được thành lập, có quan điểm là ngọn cờ, có quan điểm là biểu hiện, có quan điểm là chủ đạo, kẻ ấy sống, được vây quanh bởi quan điểm.

“Kẻ đang chú trọng quan điểm đã được xếp đặt” là như thế.

Nương tựa vào cái gì thì nói điều tốt đẹp về cái ấy.

Nương tựa vào cái gì: Nương tựa, nương nhờ, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến bậc Đạo sư nào, giáo lý nào, tập thể nào, quan điểm nào, lối thực hành nào, đạo lộ nào. “Nương tựa vào cái gì” là như thế.

Về cái ấy: Về quan điểm của mình, về sự chấp nhận của mình, về sự ưa thích của mình, về quan niệm của mình.

Nói điều tốt đẹp: Nói lời tốt đẹp, nói lời lịch sự, nói lời sáng suốt, nói lời vững chắc, nói lời đúng đắn, nói lời thực tiễn, nói lời rõ rệt, nói lời gương mẫu, nói lời giá trị dựa theo quan niệm của mình.

“Nương tựa vào cái gì thì nói điều tốt đẹp về cái ấy” là như thế.

Với lời tuyên bố về sự trong sạch, kẻ ấy đã nhìn thấy thực thể ở nơi ấy: Với lời tuyên bố về sự trong sạch, với lời tuyên bố về sự thanh tịnh, với lời

tuyên bố về sự hoàn toàn trong sạch, với lời tuyên bố về sự thuần khiết; hoặc là với sự thấy trong sạch, với sự thấy thanh tịnh, với sự thấy hoàn toàn trong sạch, với sự thấy trong trắng, với sự thấy thuần khiết. “Với lời tuyên bố về sự trong sạch” là như thế.

Ở nơi ấy: Ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình, kẻ ấy đã nhìn thấy, đã nhận thấy, đã nhìn xem, đã thấu triệt thực thể, sự đúng đắn, việc đang xảy ra, sự xác đáng, sự không bị sai lệch.

“Với lời tuyên bố về sự trong sạch, kẻ ấy đã nhìn thấy thực thể ở nơi ấy” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Kẻ chấp chặt vào học thuyết quả thật không dễ hướng dẫn,

Kẻ đang chú trọng quan điểm đã được xếp đặt.

Nương tựa vào cái gì thì nói điều tốt đẹp về cái ấy,

Với lời tuyên bố về sự trong sạch, kẻ ấy đã nhìn thấy thực thể ở nơi ấy.”

13.17. *Sau khi cân nhắc, vị Bà-la-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến], không có sự hòa theo tà kiến, cũng không có sự trôi buộc [sanh ra] do các loại trí. Và vị ấy, sau khi biết các quy ước được sanh ra từ số đông, thì hành xả, còn những kẻ khác tiếp thu.*

Sau khi cân nhắc, vị Bà-la-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến].

Không: Là sự phủ định.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến.

Sự cân nhắc: Nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Sau khi cân nhắc, vị Bà-la-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến]: Vị Bà-la-môn, sau khi cân nhắc, sau khi biết được, sau khi suy xét, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”, “Tất cả các hành là khổ”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt”, sau khi cân nhắc, sau khi biết được, sau khi suy xét, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt, [vị ấy] không đi đến, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến.

“Sau khi cân nhắc, vị Bà-la-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến]” là như thế.

Không có sự hòa theo tà kiến, cũng không có sự trói buộc [sinh ra] do các loại trí: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sinh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi tà kiến, cũng không xem tà kiến ấy là có cốt lõi, và cũng không quay về lại. “Không có sự hòa theo tà kiến” là như thế.

Cũng không có sự trói buộc [sinh ra] do các loại trí: Là không tạo lập, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự trói buộc vào tham ái hoặc sự trói buộc vào tà kiến do trí của tám sự chứng đạt [về thiên], hoặc do trí của năm thắng trí, hoặc do trí sai quấy.

“Không có sự hòa theo tà kiến, cũng không có sự trói buộc [sinh ra] do các loại trí” là như thế.

Và vị ấy, sau khi biết các quy ước được sanh ra từ số đông.

Sau khi biết: Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường.” Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” “Và vị ấy, sau khi biết” là như thế.

Các quy ước: Nói đến các quy ước về quan điểm là sáu mươi hai tà kiến.

Được sanh ra từ số đông: “Các quy ước ấy được tạo ra bởi các phạm nhân”, “được sanh ra bởi số đông” là như thế; hoặc là “các quy ước ấy được tạo ra bởi số đông gồm nhiều người khác nhau.” “Được sanh ra từ số đông” là như thế.

“Và vị ấy, sau khi biết các quy ước được sanh ra từ số đông” là như thế.

Thì hành xả, còn những kẻ khác tiếp thu: Những kẻ khác nắm lấy, bám víu, chấp chặt do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến; bậc A-la-hán hành xả, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt.

“Thì hành xả, còn những kẻ khác tiếp thu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi cân nhắc, vị Bà-la-môn không tiếp cận sự sắp đặt [do tham ái hoặc tà kiến], không có sự hòa theo tà kiến, cũng không có sự trói buộc [sinh ra] do các loại trí. Và vị ấy, sau khi biết các quy ước được sanh ra từ số đông, thì hành xả, còn những kẻ khác tiếp thu.”

13.18. *Sau khi tháo gỡ các sự trói buộc ở nơi thế gian này, bậc Hiền trí
Không hòa theo phe nhóm ở các cuộc tranh cãi đã được sanh lên.
An tịnh giữa những người không an tịnh, vị ấy hành xả,
Không tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu.*

Sau khi tháo gỡ các sự trói buộc ở nơi thế gian này, bậc Hiền trí.

Các sự trói buộc: Có bốn sự trói buộc: Tham đắm là sự trói buộc về thân, tức giận là sự trói buộc về thân, sự bám víu vào giới và phận sự là sự trói buộc về thân, sự chấp chặt “chỉ điều này là chân lý” là sự trói buộc về thân. Sự luyến ái, tham đắm vào quan điểm của mình là sự trói buộc về thân. Sự tức tối, không bằng lòng, tức giận đối với các học thuyết của kẻ khác là sự trói buộc về thân. Có kẻ bám víu vào giới, hoặc phận sự, hoặc giới và phận sự của bản thân; sự bám víu vào giới và phận sự là sự trói buộc về thân. Quan điểm của bản thân có sự chấp chặt “chỉ điều này là chân lý” là sự trói buộc về thân.

Sau khi tháo gỡ: Sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc; hoặc là sau khi tháo rời hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bị buộc trói, các vật bị buộc ràng, các vật bị cột chặt, các vật bị cột kỹ, các vật bị cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bị vướng vào, các vật bị giữ lại, các sự trói chặt. Giống như những người thực hiện sự tháo gỡ, phá vỡ cái kiêu khiêng, hoặc cỗ xe, hoặc xe tải, hoặc cỗ xe kéo liền lặn; tương tự như vậy, sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, hoặc là sau khi tháo rời, hay sau khi tháo gỡ các sự trói buộc, các vật bị buộc trói, các vật bị buộc ràng, các vật bị cột chặt, các vật bị cột kỹ, các vật bị cột chằng chịt, các vật bị máng vào, các vật bị vướng vào, các vật bị giữ lại, các sự trói chặt.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyền luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

Ở nơi này: Ở quan điểm này,... (nt)... ở thế giới loài người này.

“Sau khi tháo gỡ các sự trói buộc ở nơi thế gian này, bậc Hiền trí” là như thế.

Không hòa theo phe nhóm ở các cuộc tranh cãi đã được sanh lên: Khi cuộc tranh cãi đã sanh lên, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện giữa những người thiên vị vì mong muốn, giữa những người thiên vị vì sân hận, giữa những người thiên vị vì sợ hãi, giữa những người thiên vị vì si mê, vị ấy không đi đến sự thiên vị vì ưa thích, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm.

“Không hòa theo phe nhóm ở các cuộc tranh cãi đã được sanh lên” là như thế.

An tịnh giữa những người không an tịnh, vị ấy hành xả.

An tịnh: Trạng thái được an tịnh của luyến ái là an tịnh, trạng thái được an tịnh của sân hận là an tịnh, trạng thái được an tịnh của si mê là an tịnh,... (nt)... trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tịnh của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. “An tịnh” là như thế.

Giữa những người không an tịnh: Giữa những người không an tịnh, giữa những người không yên tịnh, giữa những người không vắng lặng, giữa những người không tịch diệt, giữa những người không tịch tịnh. “An tịnh giữa những người không an tịnh” là như thế.

Vị ấy hành xả: Bậc A-la-hán có pháp hành xả ở sáu tình huống: Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, không có ý ưa thích, không có ý ghét bỏ, hành xả, vị ấy sống, có niệm, có sự nhận biết rõ; sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... vị có bản thân đã được tu tập, đã được huấn luyện chờ đợi thời điểm.

“An tịnh giữa những người không an tịnh, vị ấy hành xả” là như thế.

Không tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu: Những kẻ khác nắm lấy, bám víu, chấp chặt do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến; bậc A-la-hán hành xả, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt.

“Không tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi tháo gỡ các sự trói buộc ở nơi thế gian này, bậc Hiền trí không hòa theo phe nhóm ở các cuộc tranh cãi đã được sanh lên. Vị ấy hành xả, an tịnh giữa những người không an tịnh, không tiếp thu, còn những kẻ khác tiếp thu.”

13.19. *Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây, không tạo ra những lậu hoặc mới, không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn, cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết; vị ấy đã được giải thoát khỏi các tà kiến, là bậc sáng trí, không bị lăm nhor ở thế gian, không có sự chê trách bản thân.*

Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây, không tạo ra những lậu hoặc mới: Các lậu hoặc trước đây nói đến sắc-thọ-tưởng-hành-thức thuộc quá khứ. Những ô nhiễm nào sanh lên liên quan đến các hành thuộc quá khứ, sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ, sau khi buông bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm ấy. “Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây” là như thế.

Không tạo ra những lậu hoặc mới: Những lậu hoặc mới nói đến sắc-thọ-tưởng-hành-thức thuộc vị lai. Trong khi không tạo nên sự mong muốn, trong

khi không tạo nên sự yêu thương, trong khi không tạo nên, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh ra sự luyến ái liên quan đến các hành thuộc vị lai.

“Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây, không tạo ra những lậu hoặc mới” là như thế.

Không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn, cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết: Vị ấy không đi đến sự thiên vị vì ưa thích, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. “Không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn” là như thế.

Cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết: Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”... (nt)... Kẻ chấp chặt vào học thuyết rằng: “Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”

“Không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn, cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết” là như thế.

Vị ấy đã được giải thoát khỏi các tà kiến, là bậc sáng trí: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy đã được thoát khỏi các tà kiến, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Bậc sáng trí: Bậc sáng trí là người sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

“Vị ấy đã được giải thoát khỏi các tà kiến, là bậc sáng trí” là như thế.

Không bị lấm nhơ ở thế gian, không có sự chê trách bản thân.

Lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tham ái. ... (nt)... điều này là lấm nhơ do tà kiến. Đối với vị ấy, sự lấm nhơ do tham ái đã được dứt bỏ, sự lấm nhơ do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự lấm nhơ do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự lấm nhơ do tà kiến, vị không bị vấy bẩn không bị lấm nhơ ở thế gian của khổ cảnh, không bị lấm nhơ ở thế gian của loài người, không bị lấm nhơ ở thế gian của chư thiên, không bị lấm nhơ ở thế gian của các uẩn, không bị lấm nhơ ở thế gian của các giới, không bị lấm nhơ ở thế gian của các xứ, không bị nhiễm bẩn, không vấy bẩn, [là người] đã không bị

lắm nhớ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Không bị lắm nhớ ở thế gian” là như thế.

Không có sự chê trách bản thân: Chê trách bản thân bởi hai lý do: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm? Chê trách bản thân rằng: “Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân.” Chê trách bản thân rằng: “Ta đã làm uế hạnh về khẩu... “Ta đã làm uế hạnh về ý... “Ta đã giết hại sinh mạng... “Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến”; như vậy là chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Hoặc là, chê trách bản thân rằng: “Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới.” Chê trách bản thân rằng: “Ta là người có các giác quan không được gìn giữ.” ... “Ta là người không biết chừng mực về vật thực.” ... “Ta không luyện tập về tinh thức.” ... “Ta không có niệm và sự nhận biết rõ.” ... “Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập.” ... “Bốn chánh căn chưa được ta tu tập.” ... “Bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập.” ... “Năm quyền chưa được ta tu tập.” ... “Năm lực chưa được ta tu tập.” ... “Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập.” ... “Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập.” ... “Khổ chưa được ta biết toàn diện.” ... “Tập chưa được ta dứt bỏ.” ... “Đạo chưa được ta tu tập.” ... “Diệt chưa được ta chứng ngộ”; như vậy là chê trách bản thân do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Trong khi không tạo nên, trong khi không làm sanh ra, trong khi không làm sanh khởi, trong khi không làm hạ sanh, trong khi không làm phát sanh ra nghiệp đã làm có sự chê trách bản thân như vậy, thì không có sự chê trách bản thân.

“Không bị lắm nhớ ở thế gian, không có sự chê trách bản thân” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi từ bỏ các lậu hoặc trước đây, không tạo ra những lậu hoặc mới, không là người đi theo sự [tác động của] mong muốn, cũng không phải là kẻ chấp chặt vào học thuyết; vị ấy đã được giải thoát khỏi các tà kiến, là bậc sáng trí, không bị lắm nhớ ở thế gian, không có sự chê trách bản thân.”

13.20. *Vị ấy là người diệt đạo binh ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác. Vị ấy, có gánh nặng đã được đặt xuống, là bậc Hiền tri đã được thoát ra khỏi, không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng dè, không có ước nguyện, [đức Thế Tôn nói vậy].*

Vị ấy là người diệt đạo binh ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác: Đạo binh nói đến đạo binh của Ma vương; uế hạnh về thân là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về khẩu là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về ý là đạo binh của Ma vương; sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm,

tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đạo binh của Ma vương.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

1. “*Các dục là đạo binh thứ nhất của người, thứ nhì nói đến sự không thích thú, thứ ba của người là đói và khát, thứ tư gọi là tham ái.*

2. *Thứ năm của người là dã dượi và buồn ngủ, thứ sáu gọi là sự khiếp đảm, thứ bảy của người là hoài nghi, thứ tám của người là gièm pha, bướng bỉnh.*

3. *Lợi lộc, sự nổi tiếng, sự trọng vọng, và danh vọng nào đã đạt được một cách sai trái, kẻ nào đề cao bản thân và khi dễ những người khác.*

4. – *Này Namuci, chúng là đạo binh của người, là quân xung kích của Hắc ám. Kẻ khiếp nhược không chiến thắng nó, và vị đã chiến thắng thì đạt được sự an lạc.*”

Khi nào tất cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đối kháng đã bị đánh bại và đã bị khuất phục, đã bị đổ vỡ, đã bị tan rã, không còn hiện diện, nhờ vào bốn Thánh đạo, vị ấy được gọi là người diệt đạo binh. Vị ấy là người diệt đạo binh ở điều đã được thấy, người diệt đạo binh ở điều đã được nghe, ở điều đã được cảm giác, ở điều đã được nhận thức.

“Vị ấy là người diệt đạo binh [ô nhiễm] ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác” là như thế.

Vị ấy, có gánh nặng đã được đặt xuống, là bậc Hiền trí đã được thoát ra khỏi.

Gánh nặng: Có ba gánh nặng: Gánh nặng các uẩn, gánh nặng ô nhiễm, gánh nặng các hành. Gánh nặng các uẩn là cái nào? Sắc, thọ, tưởng, các hành, thức ở sự nối liền tái sanh; cái này là gánh nặng các uẩn. Gánh nặng ô nhiễm là cái nào? Luyến ái, sân hận, si mê,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện; cái này là gánh nặng ô nhiễm. Gánh nặng các hành là cái nào? Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành;² cái này là gánh nặng các hành. Khi nào gánh nặng các uẩn, gánh nặng ô nhiễm và gánh nặng các hành được dứt bỏ, có lẽ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vị ấy được gọi là có gánh nặng đã được đặt xuống, có gánh nặng đã được bỏ xuống, có gánh nặng đã được để xuống, có gánh nặng đã được buông xuống, có gánh nặng đã được quăng xuống, có gánh nặng đã được tịch tịnh.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự suy xét, sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suốt, sự cân nhắc, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi, sự thông minh, pháp dẫn đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ, vật xuyên thủng, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu đài, tuệ là

² Xem chú thích về “phúc hành, phi phúc hành, bất động hành” ở trang 77. (ND)

ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là cây đèn, tuệ là báu vật, sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến; được thành tựu với trí ấy, bậc Hiền trí đạt đến bản thể hiền trí.

Ba hiền trí hạnh: Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh về ý.

Hiền trí hạnh về thân là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, ba loại thiện hạnh về thân là hiền trí hạnh về thân, trí ở đối tượng thân là hiền trí hạnh về thân, sự biết toàn diện về thân là hiền trí hạnh về thân, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về thân, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở thân là hiền trí hạnh về thân, sự chứng đạt tứ thiên có sự diệt của thân hành là hiền trí hạnh về thân; điều này là hiền trí hạnh về thân.

Hiền trí hạnh về khẩu là điều nào? Sự dứt bỏ bốn loại uế hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, bốn loại thiện hạnh về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, trí ở đối tượng khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự biết toàn diện về khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở khẩu là hiền trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt nhị thiên có sự diệt của khẩu hành là hiền trí hạnh về khẩu; điều này là hiền trí hạnh về khẩu.

Hiền trí hạnh về ý là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, ba loại thiện hạnh về ý là hiền trí hạnh về ý, trí ở đối tượng tâm là hiền trí hạnh về ý, sự biết toàn diện về tâm là hiền trí hạnh về ý, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiền trí hạnh về ý, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở tâm là hiền trí hạnh về ý, sự chứng đạt Diệt thọ tưởng có sự diệt của tâm hành là hiền trí hạnh về ý; điều này là hiền trí hạnh về ý.

5. *[Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có sự dứt bỏ tất cả.*

6. *[Chư Phật] đã nói về bậc Hiền trí về thân, bậc Hiền trí về khẩu, bậc Hiền trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiền trí thành tựu hiền trí hạnh là bậc có điều ác đã được rửa sạch.*

Được thành tựu ba pháp hiền trí hạnh này là sáu hạng hiền trí: Các bậc Hiền trí tại gia, các bậc Hiền trí xuất gia, các bậc Hiền trí Hữu học, các bậc Hiền trí Vô học, các bậc Hiền trí Độc Giác, các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí.

Các bậc Hiền trí tại gia là các hạng nào? Những người tại gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí tại gia. Các bậc Hiền trí xuất gia là các hạng nào? Những người xuất gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiền trí xuất gia. Bảy hạng Hữu học là các bậc Hiền trí Hữu học. Các vị A-la-hán là các bậc Hiền trí Vô học. Các vị Phật Độc Giác là các bậc Hiền trí Độc Giác. Các đức Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác là các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí.

7. Không phải do trạng thái im lặng mà kẻ có bộ dạng khờ khạo, ngu dốt trở thành bậc Hiền trí. Nhưng người nào, tựa như người cầm lấy cái cân rồi chọn lấy vật quý giá, là người sáng suốt.

8. Người lánh xa hẳn các điều ác, người ấy là bậc Hiền trí; do việc ấy người ấy trở thành bậc Hiền trí. Người nào hiểu rõ cả hai thế giới (nội tâm và ngoại cảnh), do việc ấy được gọi là bậc Hiền trí.

9. Vị biết được bản chất của những kẻ xấu và của những người tốt, nội phân và ngoại phân, ở tất cả thế gian, vị được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại, vị đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến]; vị ấy là bậc Hiền trí.

Đã được thoát khỏi: Bậc Hiền trí có tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái, có tâm khỏi sự sân hận, có tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự si mê,... (nt)... có tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

“Vị ấy, có gánh nặng đã được đặt xuống, là bậc Hiền trí đã được thoát ra khỏi” là như thế.

Không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa, không có ước nguyện, [đức Thế Tôn nói vậy].

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, vị ấy không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. “Không chịu sự sắp đặt” là như thế.

Không phải kiêng chừa: Tất cả phạm nhân ngu si bị luyến ái; tất cả các bậc Hữu học, tính luôn phạm nhân tốt lành thì tránh khỏi, xa lánh, tránh xa [luyến ái] nhằm đạt đến pháp chưa đạt đến, nhằm chứng đắc pháp chưa chứng đắc, nhằm chứng ngộ pháp chưa chứng ngộ; vị A-la-hán là đã tránh khỏi, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa” là như thế.

Không có ước nguyện.

Ước nguyện: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, sự ước nguyện tham ái ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là không có ước nguyện.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vị có duyên ái đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có sân hận đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có si mê đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ngã mạn đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có tà kiến đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có cây gai đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ô nhiễm đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo” là đức Thế Tôn; “vị thực hiện sự chấm dứt các hữu” là đức Thế Tôn; “vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tướng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasīṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tứ thi” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật” là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế Tôn” này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Thế Tôn.”

“Không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa, không có ước nguyện, [đức Thế Tôn nói vậy]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị ấy là người diệt đạo bình ở tất cả các pháp, ở bất cứ điều gì đã được thấy, đã được nghe, hoặc đã được cảm giác. Vị ấy, có gánh nặng đã được đặt xuống, là bậc Hiền trí đã được thoát ra khỏi, không chịu sự sắp đặt, không phải kiêng chừa, không có ước nguyện”, [đức Thế Tôn nói vậy].

“Diễn giải kinh sự dàn trận lớn” được đầy đủ - Phần thứ mười ba.

14. DIỄN GIẢI KINH MỘT CÁCH NHANH CHÓNG (TUVATAKASUTTANIDDESO)

Giờ phần “Diễn giải kinh một cách nhanh chóng” được nói đến:

14.1. Tôi hỏi Ngài, đáng Quyến Thuộc Của Mặt Trời,
Bậc Đại Ấn sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh.
Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khuru được tịch diệt,
Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian?

Tôi hỏi Ngài, đáng Quyến Thuộc Của Mặt Trời.

Câu hỏi: Có ba loại câu hỏi: Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn.

Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng chưa được biết, chưa được thấy, chưa được cân nhắc, chưa được xác định, chưa được rõ rệt, chưa được minh định thì người ta hỏi câu hỏi để biết, để thấy, để cân nhắc, để xác định, để phân biệt về điều ấy. Đây là câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy.

Câu hỏi để trao đổi điều đã thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng đã được biết, đã được thấy, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định thì người ta hỏi câu hỏi nhằm mục đích trao đổi cùng với các vị sáng suốt khác. Đây là câu hỏi để trao đổi điều đã thấy.

Câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn là loại nào? Thông thường, người bị rơi vào sự ngờ vực, bị rơi vào sự nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: “Phải chăng như vậy là đúng, phải chăng là không đúng, là cái gì đây, là thế nào đây?” Người ấy hỏi câu hỏi nhằm mục đích cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi của loài người, câu hỏi của phi nhân, câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra.

Câu hỏi của loài người là loại nào? Loài người đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các vị Tỳ-khuru hỏi, các vị Tỳ-khuru-ni hỏi, các nam cư sĩ hỏi, các nữ cư sĩ hỏi, các vị vua hỏi, các vị Sát-đế-ly hỏi, các vị Bà-la-môn hỏi, các thương buôn hỏi, các kẻ nô lệ hỏi, các người tại gia hỏi, các vị xuất gia hỏi. Đây là câu hỏi của loài người.

Câu hỏi của phi nhân là loại nào? Các phi nhân đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các loài rồng hỏi, các loài linh điều hỏi, các dạ-xoa hỏi, các

a-tu-la hỏi, các càn-thát-bà hỏi, các vị Đại Thiên vương hỏi, các Thiên chủ hỏi, các Phạm thiên hỏi, các thiên nhân hỏi. Đây là câu hỏi của phi nhân.

Câu hỏi của vị [Phật] do thần thông biến hóa ra là loại nào? Đức Thế Tôn hóa hiện ra hình dáng [vị Phật] được tạo thành bởi ý, có tất cả các bộ phận thân thể lớn nhỏ, có giác quan không bị khiếm khuyết. Vị [Phật] do thần thông biến hóa ra ấy đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn trả lời. Đây là câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của bản thân, câu hỏi về lợi ích của người khác, câu hỏi về lợi ích của cả hai. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích trong đời này, câu hỏi về lợi ích trong đời sau, câu hỏi về lợi ích tối thượng. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của sự không tội lỗi, câu hỏi về lợi ích của sự không ô nhiễm, câu hỏi về lợi ích của sự trong sạch. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quá khứ, câu hỏi về vị lai, câu hỏi về hiện tại. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về nội phần, câu hỏi về ngoại phần, câu hỏi về nội phần và ngoại phần. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiện, câu hỏi về bất thiện, câu hỏi về vô ký. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về uẩn, câu hỏi về giới, câu hỏi về xứ. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiết lập niệm, câu hỏi về chánh cần, câu hỏi về nền tảng của thần thông. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quyền, câu hỏi về lực, câu hỏi về giác chi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về Đạo, câu hỏi về Quả, câu hỏi về Niết-bàn.

Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. “Tôi hỏi Ngài” là như thế.

Đấng Quyên Thuộc Của Mặt Trời: Mặt trời nói đến Thái Dương. Thái Dương là Gotama theo dòng tộc, đức Thế Tôn cũng là Gotama theo dòng tộc. Đức Thế Tôn là bà con trong dòng tộc, là quyên thuộc trong dòng tộc của Thái Dương; vì thế, đức Phật là quyên thuộc của mặt trời.

“Tôi hỏi Ngài, đấng Quyên Thuộc Của Mặt Trời” là như thế.

Bậc Đại Ân sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh.

Sự viễn ly: Có ba sự viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh.

Thế nào là **viễn ly về thân**? Ở đây, vị Tỳ-khưu thân cận chỗ trú ngụ tách biệt, khu rừng rậm, gốc cây, sườn núi, thung lũng, khe núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đồng rom, và sống tách biệt về thân. Vị ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khát thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Đây là viễn ly về thân.

Thế nào là **viễn ly về tâm**? Đối với vị thể nhập Sơ thiền, tâm được tách biệt

khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhị thiên, tâm được tách biệt khỏi tầm và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiên, tâm được tách biệt khỏi hỷ. Đối với vị thể nhập Tứ thiên, tâm được tách biệt khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi sắc tướng, bất bình tướng, dị biệt tướng. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi Không vô biên xứ tướng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm được tách biệt khỏi Thức vô biên xứ tướng. Đối với vị thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ, tâm được tách biệt khỏi Vô sở hữu xứ tướng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được tách biệt khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Nhất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiên, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiên, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Bất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị A-la-hán, tâm được tách biệt khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, hữu ái tiềm ẩn, vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy, và mọi hiện tướng ở bên ngoài. Đây là viễn ly về tâm.

Thế nào là **viễn ly về mầm tái sanh**? Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các hành. Viễn ly về mầm tái sanh nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là viễn ly về mầm tái sanh.

Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly; viễn ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối; và viễn ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác.

An tịnh: Theo một khía cạnh, an tịnh và vị thể an tịnh cũng y như nhau, đều là bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Vị thể này là an tịnh, vị thể này là hạo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.” Hoặc là, theo một khía cạnh khác, các pháp nào vận hành đưa đến việc chứng đắc sự an tịnh, đưa đến việc chạm đến sự an tịnh, đưa đến việc chứng ngộ sự an tịnh, như là: Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các pháp này gọi là vị thể an tịnh, vị thể nương tựa, vị thể trú ẩn, vị thể nương nhờ, vị thể không sợ hãi, vị thể bất hoại, vị thể bất tử, vị thể Niết-bàn.

Bậc Đại Ân Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu định uẩn lớn lao, ... tuệ uẩn lớn lao, ... giải thoát uẩn lớn lao, ... giải thoát tri kiến uẩn lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá tan khỏi tam tối lớn lao, sự phá vỡ điều trái khuấy lớn lao, sự nhổ lên mũi tên tham ái lớn lao, sự tháo tung mối rối rắm tà kiến lớn lao, sự xô ngã ngọn cỏ ngã mạn lớn lao, sự vắng lặng pháp tạo tác lớn lao, sự thoát khỏi dòng lũ lớn lao, sự quăng bỏ gánh nặng lớn lao, sự cắt đứt vòng quay luân hồi lớn lao, việc dập tắt sự nóng nảy lớn lao, việc tịch tịnh sự bức bối lớn lao, việc nâng lên ngọn cờ giáo pháp lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu các sự thiết lập niệmlớn lao, ... các chánh cần lớn lao, ... các nền tảng của thần thông lớn lao, ... các quyền lớn lao, ... các lực lớn lao, ... các yếu tố đưa đến giác ngộ lớn lao, ... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần lớn lao, ... chân lý tuyệt đối lớn lao, bất tử, Niết-bàn” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Nguru ngự ở đâu?” là bậc Đại Ân Sĩ.

“Bậc Đại Ân Sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh” là như thế.

Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khuru được tịch diệt? Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xét đoán, sau khi phân biệt, sau khi làm rõ rệt như thế nào mà [vị Tỳ-khuru] dập tắt luyến ái, dập tắt sân hận, dập tắt si mê, dập tắt, làm an tịnh, làm yên tịnh, làm vắng lặng, làm tịch tịnh sự giận dữ, thù hận, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện của bản thân?

Vị Tỳ-khuru: Là vị Tỳ-khuru phạm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khuru là bậc Hữu học.

“Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khuru được tịch diệt?” là như thế.

Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian: Trong khi không chấp thủ, trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt đối với bốn thủ.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Bất cứ cái gì: Bất cứ cái gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

“Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Tôi hỏi Ngài, đáng Quyển Thuộc Của Mặt Trời,
Bậc Đại Ân Sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh.
Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khuru được tịch diệt,
Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian?”*

14.2. Đức Thế Tôn nói: “Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] ‘tôi là’ nhờ vào trí tuệ. Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm.”

Đức Thế Tôn nói: Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] ‘tôi là’ nhờ vào trí tuệ: Vọng tưởng chính là các pháp có tên gọi là vọng tưởng; tham ái có tên gọi là vọng tưởng, tà kiến có tên gọi là vọng tưởng. Gốc rễ của vọng tưởng tham ái là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không đúng đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của vọng tưởng tham ái. Gốc rễ của vọng tưởng tà kiến là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không đúng đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của vọng tưởng tà kiến.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vị có luyến ái đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có sân hận đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có si mê đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ngã mạn đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có tà kiến đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có cây gai đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ô nhiễm đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo” là đức Thế Tôn; “vị thực hiện sự chấm dứt các hữu” là đức Thế Tôn; “vị có thân đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi và vật dụng là thuốc men chữa bệnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tướng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasina*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tứ thi” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về

bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật” là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế Tôn” này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Thế Tôn.” “Đức Thế Tôn nói: Gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng” là như thế.

Nên chặn đứng toàn bộ... [ngã mạn] “tôi là” nhờ vào trí tuệ.

Trí tuệ: Được gọi là tuệ; tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Tôi là: Ngã mạn “tôi là”, mong muốn “tôi là”, sự tiềm ẩn “tôi là”, ở sắc; ngã mạn “tôi là”, mong muốn “tôi là”, sự tiềm ẩn “tôi là” ở thọ;... ở tưởng;... ở các hành;... ở thức. “Đức Thế Tôn nói: Gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng” là như thế.

Nên chặn đứng toàn bộ... [ngã mạn] “tôi là” nhờ vào trí tuệ: Nên ngăn cản, nên chặn đứng, nên làm tịch diệt, nên làm vắng lặng, nên làm biến hoại, nên làm tịch tịnh toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và ngã mạn “tôi là” nhờ vào trí tuệ.

“Đức Thế Tôn nói: Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] ‘tôi là’ nhờ vào trí tuệ” là như thế.

Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần.

Bất cứ điều gì: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ “*yā kācī*” này là lời nói của sự bao gồm.

Tham ái: Tham ái về cảnh sắc,... (nt)... tham ái về cảnh pháp.

Nội phần: Tham ái ấy có sự sanh lên ở nội phần. “Nội phần” là như thế. Hoặc là, nội phần nói đến tâm, tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám; ý, ý xú, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Tham ái ấy là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đối tượng với tâm. “Nội phần” còn là như thế.

“Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần” là như thế.

Để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liên lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm

ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do lánh xa thất niệm, có niệm do trạng thái đã thực hành các pháp cần phải thực hành đối với niệm, có niệm do trạng thái đã tiêu diệt các pháp đối nghịch với niệm, có niệm do trạng thái không lơ là đối với các pháp ấn chứng của niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái đã thành tựu về niệm, có niệm do trạng thái đã trú ở niệm, có niệm do trạng thái quen thuộc với niệm, có niệm do trạng thái không thối thất đối với niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái tự tại, có niệm do trạng thái được yên lặng, có niệm do trạng thái được an tịnh, có niệm do trạng thái đã thành tựu pháp của bậc chân nhân. Có niệm do tùy niệm Phật, có niệm do tùy niệm Pháp, có niệm do tùy niệm Tăng, có niệm do tùy niệm giới, có niệm do tùy niệm xả thí, có niệm do tùy niệm thiện, có niệm do niệm hơi thở vào hơi thở ra, có niệm do tùy niệm sự chết, có niệm do niệm đặt ở thân, có niệm do tùy niệm Niết-bàn. Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu niệm này, người ấy được gọi là có niệm.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ.

Việc nào là sự học tập về thắng giới? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp. Việc này là sự học tập về thắng giới.

Việc nào là sự học tập về thắng tâm? Ở đây, vị Tỳ-khuru ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tâm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly; do sự vắng lặng của tâm và tứ, đạt đến và trú thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng thuộc nội phân, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tâm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định; do sự không còn luyến ái ở hỷ, an trú xả, có niệm và có sự nhận biết rõ, và cảm nhận lạc bằng thân, đó là điều mà các bậc Thánh gọi là: “Có xả, có niệm, có sự trú vào lạc”, đạt đến và trú thiền thứ ba; và do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khổ [ở thân], do sự biến mất của hỷ tâm và ưu phiền [đã có] ngay trước đó, đạt đến và trú thiền thứ tư, có sự thanh tịnh của xả và niệm, không khổ không lạc. Việc này là sự học tập về thắng tâm.

Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khô. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng:

“Đây là khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là nhân sanh khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự diệt tận khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là nhân sanh các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự diệt tận các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.” Việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm: Nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm loại bỏ, nhằm bài trừ, nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh các tham ái ấy. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập; trong khi thấy thì nên học tập; trong khi quán xét lại thì nên học tập; trong khi quyết định tâm thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm thì nên học tập; trong khi tập trung tâm thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

“Để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

Đức Thế Tôn nói: “Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] ‘tôi là’ nhờ vào trí tuệ. Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm.”

14.3. Bất cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ

Thuộc nội phần [nơi bản thân] hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác], Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng,

Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt.

Bất cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ thuộc nội phần [nơi bản thân]: Nên nhận biết bất cứ đức tính nào của bản thân, là các pháp thiện hay là các pháp vô ký. Các điều nào là đức tính của bản thân? Ta xuất gia từ gia tộc thượng lưu; hoặc là, ta xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải; hoặc là, ta xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá; hoặc là, ta được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia; hoặc là, ta có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; hoặc là, ta là vị chuyên về Kinh; hoặc là, ta có sự ghi nhớ về Luật; hoặc là, ta là vị thuyết Pháp; hoặc là, ta là vị ngụ ở rừng; hoặc là, ta là vị chuyên đi khát thực; hoặc là, ta là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ; hoặc là, ta là vị chỉ sử dụng ba y; hoặc là, ta là vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà; hoặc là, ta là vị không ăn vật thực dâng sau; hoặc là, ta là

vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm); hoặc là, ta là vị ngu ở chỗ đã được chỉ định; hoặc là, ta là “vị đạt Sơ thiên”; hoặc là, ta là “vị đạt Nhị thiên”; hoặc là, ta là “vị đạt Tam thiên”; hoặc là, ta là “vị đạt Tứ thiên”; hoặc là, ta là “vị đạt sự thể nhập Không vô biên xứ”; hoặc là, ta là “vị đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ, ... sự thể nhập Vô sở hữu xứ, ... sự thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ”; các điều này là các đức tính của bản thân. Nên nhận biết, nên hiểu biết, nên nhận thức, nên thừa nhận, nên thấu triệt bất cứ đức tính nào của bản thân.

“Bất cứ pháp (đức tính) nào có thể biết rõ thuộc nội phần [nơi bản thân]” là như thế.

Hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác]: Các đức tính ấy là của vị thầy tế độ hoặc của vị thầy dạy học.

“Hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác]” là như thế.

Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng: Không nên thể hiện sự ngang tàng, không nên thể hiện sự bướng bỉnh, không nên thể hiện sự ngã mạn, không nên thể hiện sự kiêu hãnh, không nên thể hiện sự hãnh diện vì đức tính của bản thân hoặc vì đức tính của những người khác, không vì điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không vì điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngang cao đầu.

“Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng” là như thế.

Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt: Các bậc thiện nhân, các bậc an tịnh, các bậc chân nhân, các vị Phật, các vị Thánh văn của đức Phật, các vị Phật Độc Giác không nói, không phát biểu, không nêu ra, không chỉ bảo, không thông báo, không ấn định, không khai mở, không chia sẻ, không làm rõ, không bày tỏ rằng: “Điều ấy là sự tịch diệt.”

“Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bất cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ

Thuộc nội phần [nơi bản thân] hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác],

Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng,

Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt.”

14.4. Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn,

Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương.

Bị tác động bởi nhiều hình thức,

Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy].

Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn: Không nên sanh khởi cao ngạo rằng: “Ta là tốt hơn” về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác.

“Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn” là như thế.

Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương: Không nên sanh khởi tự ti rằng: “Ta là thua kém” về xuất thân, về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác. Không nên sanh khởi ngã mạn rằng: “Ta là ngang bằng” về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác.

“Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương” là như thế.

Bị tác động bởi nhiều hình thức: Bị tác động, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi những kiểu cách theo nhiều loại.

“Bị tác động bởi nhiều hình thức” là như thế.

Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]: Bản thân nói đến tự ngã. Trong khi sắp đặt, trong khi sắp xếp, trong khi đi đến việc sắp xếp về bản thân (như là: “Ta xuất gia từ gia tộc thượng lưu”, v.v...), không nên dừng lại [ở điều ấy].

“Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn,

Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương.

Bị tác động bởi nhiều hình thức,

Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy].”

14.5. Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm,

Vị Tỳ-khuru không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác.

Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm,

Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?

Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm: Nên làm yên lặng luyện ái, nên làm yên lặng sân hận; nên làm yên lặng si mê, nên làm yên lặng; nên làm yên tịnh, nên làm vắng lặng; nên làm tịch diệt, nên làm tịch tịnh sự giận dữ, thù hận, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện ở nội tâm.

“Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm” là như thế.

Vị Tỳ-khuru không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác: Không nên tìm kiếm, không nên tìm tòi, không nên tầm cầu sự an tịnh, sự yên tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự tịch tịnh bằng [đạo lộ] khác, bằng đạo lộ không trong sạch, bằng cách thực hành sai trái, bằng đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm; ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

“Vị Tỳ-khuru không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác” là như thế.

Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm: Đối với vị đã được an tịnh luyện ái, đối với vị đã được an tịnh sân hận, đối với vị đã được an tịnh si mê,... (nt)... đối với vị đã được an tịnh, đã được yên tịnh, đã được vắng lặng, đã được tịch diệt, đã được tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện ở nội tâm.

“Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm” là như thế.

Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?

Không có: Là sự phủ định. Không có ngã kiến rằng: “**Có tự ngã.**” Không có đoạn kiến rằng: “**Không có tự ngã.**” Không có điều đã được nắm lấy rằng: “**Có tự ngã.**” Không có điều cần được giải thoát rằng: “**Không có tự ngã.**” Người nào không có điều đã được nắm lấy thì người ấy không có điều cần được giải thoát, người nào không có điều cần được giải thoát thì người ấy không có điều đã được nắm lấy. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sự tiến tu và thối thất. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

“Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm,
Vị Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác.
Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm,
Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?”*

14.6. *Giống như ở phần giữa của biển cả*

*Là đứng yên, sóng biển không được sanh ra,
Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng,
Vị Tỳ-khưu không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu.*

Giống như ở phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra: Biển cả là sâu thẳm với độ sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần. Bốn vạn do-tuần ở phần dưới, nước rung động bởi các loài cá và rùa. Bốn vạn do-tuần ở phần trên, nước rung động bởi các cơn gió. Bốn ngàn do-tuần ở phần giữa, nước không rung động, không lay động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động; biển cả là không bị di động, không bị đụng chạm, không bị dao động, không bị loạn động, không bị quay cuồng, được vắng lặng; tại nơi ấy sóng biển không được sanh ra, biển cả là đứng yên. “Giống như ở phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra” là như vậy. Hoặc là, ở bên trong của bảy ngọn núi¹ có bảy đại dương Sīdantarā; tại nơi ấy nước không rung động, không lay động, không dao động, không run rẩy, không

¹ Là 7 ngọn núi của dãy Hy-mã-lạp có tên theo thứ tự là Yugandhara, Isadhara, Karavīka, Sudassana, Nemindhara, Vinataka và Assakanna (xem DPPN). (ND)

chấn động, không rung động; đại dương là không bị di động, không bị đụng chạm, không bị dao động, không bị loạn động, không bị quay cuồng, được vắng lặng; tại nơi ấy sóng biển không được sanh ra, biển cả là đứng yên.

“Giống như ở phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra” còn là như vậy.

Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Trầm tĩnh: Là không rung động vì lợi lộc, không rung động vì không lợi lộc, không rung động vì danh vọng, không rung động vì không danh vọng, không rung động vì lời khen, không rung động vì lời chê, không rung động vì hạnh phúc, không rung động vì khổ đau, không lay động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động. “Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh” là như thế.

Không dục vọng: Dục vọng nói đến tham ái, tức là sự luyện ái, luyện ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được cắt lìa, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng. Người ấy không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động.

“Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng” là như thế.

Vị Tỳ-khuru không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu.

Kiêu ngạo: Có bảy sự kiêu ngạo. Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra [thái độ] kiêu ngạo do luyện ái, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê, kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi nào, ở một nơi nào đó, ở bên trong, hoặc ở bên ngoài, hoặc ở bên trong và bên ngoài.

“Vị Tỳ-khuru không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Giống như ở phần giữa của biển cả

Là đứng yên, sóng biển không được sanh ra,

Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng,

Vị Tỳ-khuru không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu.”

14.7. Bạc có mắt được mở ra đã nói về

Pháp thực chứng, có sự loại trừ các hiểm họa.

Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành,

Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa.

Bạc có mắt được mở ra đã nói về.

Đã nói về: Là đã được trả lời, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. “Đã nói về” là như thế.

Bạc có mắt được mở ra: Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với năm loại mắt: Có mắt được mở ra với nhục nhãn, có mắt được mở ra với thiên nhãn, có mắt được mở ra với tuệ nhãn, có mắt được mở ra với Phật nhãn, và có mắt được mở ra với toàn nhãn.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra **với nhục nhãn** nghĩa là thế nào? Ở nhục nhãn của đức Thế Tôn hiện hữu năm màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu đen và màu trắng. Và các lông mi của đức Thế Tôn: Nơi nào các lông mi mọc, màu xanh ở nơi ấy là màu xanh tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây ummā. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu vàng, là màu vàng tuyền, màu của kim loại vàng, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây kaṇikāra. Hai bên đuôi mắt của đức Thế Tôn có màu đỏ, là màu đỏ tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu của loài mối cánh. Chính giữa [hai con mắt] có màu đen, là màu đen tuyền, không sần sùi, bóng láng, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu trái addāriṭṭhaka. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu trắng, là màu trắng tuyền, trắng tinh, trắng sáng, duyên dáng, đáng nhìn, như là ngôi sao osadhī. Nhục nhãn tự nhiên ấy, nương ở kim thân, đã được sanh lên do hạnh nghiệp tốt đẹp trong thời quá khứ; thông qua nó, đức Thế Tôn nhìn thấy xung quanh một do-tuần, ban ngày và luôn cả ban đêm. Ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố: Mặt trời đã lặn xuống, vào ngày trai giới thuộc hạ huyền [đêm cuối tháng âm lịch], nơi khu rừng già sâu thẳm và có đám mây đen lớn trôi dạt; ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố có hình thức như thế, Ngài cũng vẫn nhìn thấy xung quanh một do-tuần. Ở nơi nào đâu có vách tường, cánh cửa, tường thành, ngọn núi, bụi rậm, hoặc dây leo, cũng không là sự ngăn trở việc nhìn thấy các hình thể. Nếu sau khi làm dẫu một hạt mè rồi ném vào cỗ xe chở hạt mè, Ngài vẫn có thể nhặt lên chính hạt mè ấy. Nhục nhãn tự nhiên của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với nhục nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra **với thiên nhãn** nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: “Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có uế hạnh về thân, có uế hạnh về khẩu, có uế hạnh về ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán

thành các hành động do tà kiến. Những kẻ ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thiện hạnh về thân, có thiện hạnh về khẩu, có thiện hạnh về ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này].” Như thế, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ngài nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Và trong khi mong muốn, đức Thế Tôn có thể nhìn thấy một thế giới,² có thể nhìn thấy hai thế giới, có thể nhìn thấy ba thế giới, có thể nhìn thấy bốn thế giới, có thể nhìn thấy năm thế giới, có thể nhìn thấy mười thế giới, có thể nhìn thấy hai mươi thế giới, có thể nhìn thấy ba mươi thế giới, có thể nhìn thấy bốn mươi thế giới, có thể nhìn thấy năm mươi thế giới, có thể nhìn thấy nhất thiên (tức tiểu thế giới), có thể nhìn thấy nhị thiên (tức trung thế giới), có thể nhìn thấy tam thiên (tức đại thiên thế giới).³ Hơn nữa, Ngài mong muốn đến chừng nào thì Ngài có thể nhìn thấy đến chừng ấy. Thiên nhãn của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với thiên nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với **tuệ nhãn** nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là bậc có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi diệu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt, là bậc thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, bậc có trí đã được phát triển, đã đạt đến tuệ phân tích, đã đạt được bốn pháp tự tin, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Nguru, bậc Nhân Sur, bậc Nhân Tạng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khởi Mở, bậc Khởi Tín. Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy].

Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản

² Xem chú thích về “*Lokadhātu*” (Thế giới) ở trang 223. (ND)

³ Nhất thiên (tiểu thế giới), nhị thiên (trung thế giới), tam thiên (đại thiên thế giới):

a/ 1.000 lần (*sahassī*, nhất thiên) thế giới (*lokadhātu*) là một tiểu thế giới (*cūḷanikā lokadhātu*).

b/ 1.000 lần tiểu thế giới 1.000 x 1.000 hay 1.000 lũy thừa hai (*dvisahassī*, nhị thiên) của thế giới là một trung thế giới (*majjhimakā lokadhātu*).

c/ Theo cách tính trên, 1.000 lũy thừa ba (*tiṣahassī*, tam thiên) của thế giới và nhiều ngàn lần hơn nữa thì được gọi là đại thiên thế giới. Và thế gian bao gồm *koṭīsatasaḥasacakkavāḷa* (10.000.000 x 100.000 vũ trụ) được nhìn thấy (*Nidā*. II. 383). Ở đây, nhị thiên, tam thiên, đại thiên nên được hiểu theo nghĩa lũy thừa, nghĩa là 1.000 lũy thừa hai, 1.000 lũy thừa ba, và 1.000 lũy thừa của các số lớn hơn 3, chứ không phải là hai ngàn, ba ngàn, nhiều ngàn như nghĩa thông thường.

thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vị công bố, vị tuyên thuyết, vị chỉ dẫn mục đích, vị ban cho bất tử, bậc Pháp Chủ, đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại, với mọi biểu hiện, đều đi đến phạm vi ở trong tầm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích thâm sâu, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lợi ích không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong sạch, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng, tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật.

Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí, tất cả khẩu nghiệp ... tất cả ý nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí. Đức Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, ... về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liền đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chúng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều-có-thể-biết và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau.

Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp. Tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với sự chú tâm, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nét hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn côi chur thiên, côi Ma vương, côi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chur thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật.

Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn

cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điều là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bầu trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí; Phật trí thâm nhập tuệ của chư thiên và loài người, ngự trị và trụ lại. Những vị Sát-đế-lỵ sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suốt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bẻ đôi các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với tuệ nhân nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với **Phật nhãn** nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian, đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Cũng giống như ở hồ sen xanh hoặc ở hồ sen hồng hoặc ở hồ sen trắng, có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước, và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước, và tồn tại không bị vấy bẩn bởi nước; tương tự như vậy, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác.

Đức Thế Tôn biết rằng: “Người này có tánh luyến ái, người này có tánh sân, người này có tánh si, người này có tánh tâm, người này có tánh tín, người này có tánh giác.” Đối với người có tánh luyến ái, đức Thế Tôn thuyết bài giảng về

đề mục tử thi. Đối với người có tánh sân, đức Thế Tôn chỉ dạy sự tu tập về tâm tử. Đối với người có tánh si, đức Thế Tôn dạy bảo việc đọc tụng, việc vấn hỏi, việc lắng nghe giáo pháp lúc hợp thời, việc bàn luận giáo pháp lúc hợp thời, việc cộng trú với vị thầy. Đối với người có tánh tâm, đức Thế Tôn chỉ dạy về niệm hơi thở vào hơi thở ra. Đối với người có tánh tín, đức Thế Tôn chỉ dạy về biểu hiện đem lại sự thành tín: Sự giác ngộ tốt đẹp của đức Phật, tính chất tốt đẹp của giáo pháp, sự hành trì tốt đẹp của chúng Tăng và các giới của bản thân. Đối với người có tánh giác, đức Thế Tôn chỉ dạy về ấn chứng của pháp minh sát: Biểu hiện của vô thường, biểu hiện của khổ, biểu hiện của vô ngã.

1. *“Giống như người đứng ở đỉnh của ngọn núi đá, cũng giống như người có thể nhìn thấy dân chúng ở xung quanh, tương tự như thế ấy, bạch đấng Khôn Ngoan, bạch đấng Toàn Nhân, sau khi bước lên tòa lâu đài làm bằng giáo pháp, xin bậc đã xa lìa sầu muộn hãy quan sát chúng sanh bị rơi vào sầu muộn, bị ngự trị bởi sanh và già.”*

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với Phật nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với toàn nhãn nghĩa là thế nào? Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác.

2. *“Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở nơi đây là không được nhìn thấy, không được nhận thức, hoặc không thể biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhân.”*

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với toàn nhãn nghĩa là như vậy.

“Bậc có mắt được mở ra đã nói về” là như thế.

Pháp thực chứng có sự loại trừ các hiểm họa.

Pháp thực chứng: Pháp không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét. “Pháp thực chứng” là như thế.

Có sự loại trừ các hiểm họa.

Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp.

Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự, bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụn, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mạt, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi

từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-dàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, hoặc là như thế; các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện.

Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý, pháp che lấp “mong muốn về dục”, pháp che lấp “sân hận”, pháp che lấp “đã dưới buồn ngủ”, pháp che lấp “phóng dật và hối hận”, pháp che lấp “hoài nghi”, sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện; các điều này được gọi là hiểm họa khuất lấp.

Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế”, các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm”, các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú.”

Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế” nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy không chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế” nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm” nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành đúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đối với sự thực hành đưa đến lợi ích, đối với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đối với việc làm đầy đủ các giới, đối với việc phòng vệ các giác quan, đối với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tinh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập về bốn sự thiết lập niệm, đối với sự chuyên cần tu tập về bốn chánh cần,... về bốn nền tảng của thân thông,... về năm quyền,... về năm lực,... về bảy yếu tố đưa đến giác ngộ,... về đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, chúng đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm” nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” nghĩa là thế nào? Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật “có hang là chỗ trú” thì ngụ ở hang, các sinh vật có “nước là chỗ trú” thì ngụ ở nước, các sinh vật “có rừng là chỗ trú” thì ngụ ở rừng, các sinh vật “có cây cối là chỗ trú” thì ngụ ở cây cối; tương tự như vậy, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khuru, thế nào là vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy

dạy học, sống khổ sở không thoải mái? Đây các Tỳ-khuru, ở đây, đối với vị Tỳ-khuru, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngụ bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là ‘có học trò’. Chúng chi phối vị ấy, ‘các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy’; vì thế, được gọi là ‘có thầy dạy học’. Và thêm nữa, đây các Tỳ-khuru, đối với vị Tỳ-khuru, sau khi nghe âm thanh bằng tai,... sau khi ngửi hương bằng mũi,... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... sau khi xúc chạm bằng thân,... sau khi nhận thức pháp bằng ý, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngụ bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là ‘có học trò’. Chúng chi phối vị ấy, ‘các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy’; vì thế, được gọi là ‘có thầy dạy học’. Đây các Tỳ-khuru, quả là như vậy, vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái.” Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Đây các Tỳ-khuru, có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Đây các Tỳ-khuru, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Đây các Tỳ-khuru, sân... (nt)... Đây các Tỳ-khuru, si là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong.”

3. *“Tham là sự sanh ra điều không lợi ích, tham là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.”*

4. *“Người bị khởi tham không biết được điều lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thấy lý lẽ. Tham không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.”*

5. *“Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.”*

6. *“Người bị nóng giận không biết được điều lợi ích, người bị nóng giận không nhìn thấy lý lẽ. Sự nóng giận không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.”*

7. *“Si là sự sanh ra điều không lợi ích, si là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.”*

8. *“Người bị si mê không biết được điều lợi ích, người bị si mê không nhìn thấy lý lẽ. Si không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.”*

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp này được sanh lên thuộc nội phân; chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khô đau, sự sống không thoải mái cho

con người. Ba pháp nào? Tham, tâm Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Sân, tâm Đại vương, quả thật... (nt)... Si, tâm Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâm Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người.”

9. *“Tham, sân và si hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ý xấu xa, tựa như việc kết trái hãm hại cây tre.”*

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

10. *“Luyến ái, sân hận và si mê có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này. Ghét, thương, sự rón lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này. Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này, tựa như những bé trai buông lời con qua [bị cột chân bởi sợi chỉ dài].”*

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Có sự loại trừ các hiểm họa: Sự loại trừ các hiểm họa là sự dứt bỏ các hiểm họa, sự vắng lặng các hiểm họa, sự buông bỏ các hiểm họa, sự tịch tịnh các hiểm họa, bất tử, Niết-bàn.

“Pháp thực chứng có sự loại trừ các hiểm họa” là như thế.

Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành.

Xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành: Xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và đường lối thực hành đưa đến Niết-bàn. “Xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành” là như thế.

Thưa Ngài Đại đức: Vị [Phật] đã được hóa hiện ấy xung hô với đức Phật Thế Tôn. Hoặc là pháp nào mà Ngài đã nêu ra, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ, mọi điều ấy là tốt đẹp, tốt lành, thiện, không bị chê trách, nên được thực hành.

“Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành” là như thế.

Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa.

Về giới giải thoát: Giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp.

Và luôn cả về định nữa: Là sự ổn định, sự đứng vững, sự kiên định, sự không rối loạn, sự không tán loạn, trạng thái tâm ý không bị phân tán, sự vắng lặng, định quyền, định lực, chánh định của tâm.

“Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

“Bậc có mắt được mở ra đã nói về

Pháp thực chứng, có sự loại trừ các hiểm họa.

Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành,

Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa.”

14.8. Không nên buông thả với đôi mắt,

Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm,

Không nên thêm muốn ở các vị nệm,

Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian.

Không nên buông thả với đôi mắt: Buông thả con mắt là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả con mắt, có trạng thái buông thả ở mắt [nghĩ rằng]: “Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy”, rồi từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; buông thả con mắt là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi không thu thúc: Vị ấy vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ, nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cậu trai, nhìn các cô gái, nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiền của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuống, nhìn xem hướng chính hướng phụ; buông thả con mắt còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, có sự nắm giữ hình tượng, có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhân quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập, vị ấy không thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhân quyền, không tiến hành sự thu thúc ở nhân quyền; buông thả con mắt còn là như vậy.

Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vậy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trống, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sắt, trò tung hứng tre, lễ bốc mộ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò mộng, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cú, đấu gậy, đánh bốc, đấu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như thế; buông thả con mắt còn là như vậy.

Không buông thả con mắt là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khuru nào đó không buông thả con mắt, không có trạng thái buông thả ở mắt [không nghĩ rằng]: “Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy”, rồi không từ tu viện này đến tu viện khác, không từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, không từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, không từ thị trấn này đến thị trấn khác, không từ thành phố này đến thành phố khác, không từ quốc độ này đến quốc độ khác, không từ xứ sở này đến xứ sở khác, không đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; không buông thả con mắt là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khuru, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi thu thúc: Vị ấy đi mà không nhìn voi, không nhìn ngựa, không nhìn xe, không nhìn người đi bộ, không nhìn các phụ nữ, không nhìn các nam nhân, không nhìn các cậu trai, không nhìn các cô gái, không nhìn các cửa tiệm, không nhìn mặt tiền của các căn nhà, không nhìn lên, không nhìn xuống, không nhìn xem hướng chính hướng phụ; không buông thả con mắt còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khuru, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhân quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập. Vị ấy thực hành sự thu thúc đối với việc ấy, hộ trì nhân quyền, tiến hành sự thu thúc ở nhân quyền; không buông thả con mắt còn là như vậy. Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vậy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện,... (nt)... xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy tránh xa việc xem trình diễn có hình thức như thế ấy; không buông thả con mắt còn là như vậy.

Không nên buông thả với đôi mắt: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở mắt. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với trạng thái buông thả ở mắt, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên buông thả với đôi mắt” là như thế.

Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm: Chuyện làng xóm nói đến ba mươi hai việc nói chuyện phù phiếm, như là: Câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về trộm cướp, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về thức ăn, câu chuyện về thức uống, câu chuyện về vải vóc, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về thân quyền, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về phố phường, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện về đường xá, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại nói về hiện

trạng của thể giới, nói về hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu, hoặc là như thế.

Nên che đậy lỗi tai đối với chuyện làng xóm: Nên che đậy lỗi tai đối với chuyện làng xóm, nên không chế, nên ngăn chặn, nên bảo vệ, nên gìn giữ, nên đóng lại, nên cắt đứt.

“Nên che đậy lỗi tai đối với chuyện làng xóm” là như thế.

Không nên thèm muốn ở các vị nếm.

Vị nếm: Vị của rễ củ, vị của thân cây, vị của vỏ cây, vị của lá cây, vị của hoa, vị của trái, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, nhạt, gắt, chát, dễ chịu, khó chịu, lạnh, nóng. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn thèm khát vị nếm, họ lang thang đó đây tầm cầu các vị nếm tuyệt vời bằng đầu lưỡi. Có được vị chua, họ tầm cầu vị không chua; có được vị không chua, họ tầm cầu vị chua. ... (nt)... có được vị lạnh, họ tầm cầu vị nóng; có được vị nóng, họ tầm cầu vị lạnh. Khi có được vị nếm nào thì họ lại không vừa lòng với vị nếm ấy và tiếp tục tầm cầu, họ bị luyến ái ở các vị nếm hợp ý, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gài gủi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Đối với vị nào, tham ái này ở vị nếm đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: “Không vì vui đùa,... (nt)... sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái.”

Giống như người bơi thuốc ở vết thương chỉ nhắm đến mục đích làm cho lành lặn, hoặc giống như người nhỏ dầu ở trục xe chỉ nhắm đến mục đích chuyên chở khỏi hàng, hoặc giống như người thọ dụng thức ăn là thịt của đứa con trai chỉ nhắm đến mục đích thoát khỏi bãi sa mạc, tương tự y như thế, vị Tỳ-khưu suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: “Không vì vui đùa,... (nt)... sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái.” Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu tham ái ở vị nếm. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái ở vị nếm, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên thèm muốn ở các vị nếm” là như thế.

Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, không nên chấp mắt là của ta, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt; không nên chấp tai, mũi, lưỡi, thân, các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tướng, cõi vô tướng, cõi phi tướng phi phi tướng, cõi

một uân, cỡi bốn uân, cỡi năm uân, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức là của ta, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt.

Bất cứ cái gì: Bất cứ cái gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Không nên buông thả với đôi mắt,
Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm,
Không nên thêm muốn ở các vị nệm,
Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian.”*

14.9. Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh],

*Vị Tỳ-khuru không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì,
Không nên tham đắm sự hiện hữu,
Và không nên rung động vì các sự khiếp đảm.*

Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh].

Xúc: Xúc do bệnh. [Vị Tỳ-khuru] có thể bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh; có thể bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh ở mắt; bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh ở tai trong, do bệnh ở mũi, do bệnh ở lưỡi, do bệnh ở thân, do bệnh ở đầu, do bệnh ở lỗ tai, do bệnh ở miệng, do bệnh ở răng, do ho, do suyễn, do sổ mũi, do nhiệt, do cảm sốt, do đau bụng, do xây xẩm, do kiết lỵ, do đau bụng bão, do dịch tả, do phong cùi, do khối u, do bệnh chàm, do lao phổi, do động kinh, do mụn, do nhọt, do ghẻ ngứa, do sảy, do loét tay chân, do máu, do mật, do bệnh tiểu đường, do bệnh trĩ, do ghẻ lở, do loét hậu môn, do bệnh phát khởi từ mật, do bệnh phát khởi từ đàm, do bệnh phát khởi từ gió, do bệnh tổng hợp từ mật-dàm-gió, do bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, do bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, do bệnh thuộc dạng cấp tính, do bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, do lạnh, do nóng, do đói, do khát, do đại tiện, do tiểu tiện, bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát.

“Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh]” là như thế.

Vị Tỳ-khuru không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì: Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự than vãn, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than vãn, trạng thái than trách, lời nói, nói lầm nhảm, nói huyền thuyên, nói kẻ lẽ, lời nói kẻ lẽ, trạng thái nói kẻ lẽ.

Bất cứ điều gì: Là ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

“Vị Tỳ-khuru không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì” là như thế.

Không nên tham đắm sự hiện hữu: Không nên tham muốn dục hữu, không nên tham muốn sắc hữu, không nên tham muốn vô sắc hữu, không nên khởi tham muốn, không nên tham đắm.

“Không nên tham đắm sự hiện hữu” là như thế.

Và không nên rung động vì các sự khiếp đảm.

Sự khiếp đảm: Sự sợ hãi và sự khiếp đảm cũng y như nhau, với cùng một biểu hiện. Bởi vì, điều này đã được đức Thế Tôn đề cập đến: “Phải chăng là điều này, là sự sợ hãi và khiếp đảm ấy đang đến?” Đối tượng bên ngoài đã được nói đến là: Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, ngựa, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp, hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự. Theo một kiểu cách khác, sự sợ hãi được nói đến là sự sợ hãi, trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rờn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ có nguồn sanh khởi ở tâm, thuộc nội phần: Sợ hãi sự sanh, sợ hãi sự già, sợ hãi sự bệnh, sợ hãi sự chết, sợ hãi vua chúa, sợ hãi kẻ trộm, sợ hãi lửa, sợ hãi nước, sợ hãi sự chỉ trích của bản thân, sợ hãi sự chỉ trích của người khác, sợ hãi hình phạt, sợ hãi khổ cảnh, sợ hãi sóng nước, sợ hãi cá sấu, sợ hãi xoáy nước, sợ hãi cá dữ, sợ hãi về sinh kế, sợ hãi sự quở trách, sợ hãi do sự nhút nhát ở tập thể, sợ hãi do sự say sưa, sợ hãi do khổ cảnh; trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rờn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ của tâm.

Và không nên rung động vì các sự khiếp đảm: Sau khi nhìn thấy, hoặc sau khi nghe nhiều điều khiếp đảm, thì không nên run rẩy, không nên chấn động, không nên rung động, không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, [vị Tỳ-khuru] nên sống, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rờn lông đã được xa lìa.

“Và không nên rung động vì các sự khiếp đảm” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh],
Vị Tỳ-khuru không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì,
Không nên tham đắm sự hiện hữu,
Và không nên rung động vì các sự khiếp đảm.”*

14.10. Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống, Đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc,
*Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ,
Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng.*

Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống, đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc.

Đối với các thức ăn: Là cơm, cháo chua, bánh bột, cá, thịt.

Đối với các thức uống: Có tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen, nước đậu. Còn có tám loại thức uống khác nữa: Nước trái kosamba, nước táo ta, nước táo, nước bơ lỏng, nước dầu ăn, nước sữa, nước cháo, nước rau cải.

Đối với các vật thực nhai: Bột là vật thực nhai, bánh là vật thực nhai, rễ cây là vật thực nhai, vỏ cây là vật thực nhai, lá cây là vật thực nhai, bông hoa là vật thực nhai, trái cây là vật thực nhai.

Đối với các loại vải vóc: Có sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bò.

“Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống, đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc” là như thế.

Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ.

Sau khi nhận được: Sau khi nhận được là sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận không do gặt gẫm, không do tán phét, không do gợi ý, không do lừa bịp, không do việc thêm muốn lợi lộc bằng lợi lộc, không do việc cho củi [gỗ], không do việc cho tre, không do việc cho lá, không do việc cho bông hoa, không do việc cho trái cây, không do việc cho cây cọ rửa, không do việc cho bột tắm, không do việc cho đất sét, không do việc cho gỗ chà răng, không do việc cho nước súc miệng, không do việc nịnh hót, không do việc tặng bốc, không do việc chiêu chuộng, không do việc nói lên sau lưng, không nhờ vào khoa địa lý, không nhờ vào kiến thức thế tục, không nhờ vào khoa bói tướng, không nhờ vào khoa chiêm tinh, không do việc đi làm sứ giả, không do việc đi theo sự sai bảo, không do việc chuyển tin bằng đôi chân, không do công việc thầy thuốc, không do công việc xây dựng, không do thức ăn đối thức ăn, không do phát sanh bởi quà cáp; sau khi nhận được, sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận đúng theo pháp, một cách ngay thẳng. “Sau khi nhận được” là như thế.

Không nên tạo ra sự cất giữ: Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự cất giữ thức ăn, sự cất giữ thức uống, sự cất giữ vải vóc, sự cất giữ xe thuyền, sự cất giữ chỗ nằm, sự cất giữ vật thơm, sự cất giữ tài vật.

“Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ” là như thế.

Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng [nghĩ rằng:] “Tôi không đạt được thức ăn, tôi không đạt được thức uống, tôi không đạt được vải vóc, tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến” thì không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có

tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, [vị Tỳ-khuru] nên sống, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rón lông đã được xa lìa.

“Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống,
Đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc,
Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ,
Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng.”*

**14.11. Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây],
Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng,
Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm,
Ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khuru nên cư trú.**

Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây].

Có thiền chứng: Là có thiền chứng với sơ thiền, có thiền chứng với nhị thiền, có thiền chứng với tam thiền, có thiền chứng với tứ thiền, có thiền chứng với thiền có tầm có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm chỉ có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm không có tứ, có thiền chứng với thiền có hỷ, có thiền chứng với thiền không có hỷ, có thiền chứng với thiền đồng hành với hỷ, có thiền chứng với thiền đồng hành với khoái lạc, có thiền chứng với thiền đồng hành với lạc, có thiền chứng với thiền đồng hành với xả, có thiền chứng với thiền không tánh, có thiền chứng với thiền vô tướng, có thiền chứng với thiền vô nguyện, có thiền chứng với thiền hợp thế, có thiền chứng với thiền xuất thế, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình. “Có thiền chứng” là như thế.

Không nên buông thả bàn chân [đi đó đây]: Buông thả bàn chân là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khuru nào đó buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, vị ấy sống, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định; buông thả bàn chân là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khuru, thậm chí ở bên trong tu viện của hội chúng, cũng buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, không phải vì sự lợi ích là nguyên nhân, không phải vì công việc là nguyên nhân, bị phóng túng, có tâm không được vắng lặng, rồi từ gian phòng này đi đến gian phòng khác, từ trú xá này đi đến trú xá khác, từ nhà một mái này đi đến nhà một mái khác, từ tòa lầu đài này đi đến tòa lầu đài khác, từ tòa nhà dài này đi đến tòa nhà dài khác, từ hang động này đi đến hang động khác, từ thạch thất này đến thạch thất khác, từ cốc liêu này đi đến cốc liêu khác, từ nhà mái nhọn này đi đến nhà mái nhọn khác, từ chòi canh này đi đến chòi canh

khác, từ ngôi nhà tròn này đi đến ngôi nhà tròn khác, từ căn lều này đi đến căn lều khác, từ nhà kho này đến nhà kho khác, từ hội trường này đi đến hội trường khác, từ mái che này đi đến mái che khác, từ gốc cây này đi đến gốc cây khác. Hoặc nữa, các vị Tỳ-khưu ngồi nơi nào thì [vị ấy] đi đến nơi ấy, tại đó trở thành người thứ hai của một vị, trở thành người thứ ba của hai vị, trở thành người thứ tư của ba vị, tại đó nói huyền thuyên, việc nói nhằm nhí như là: Chuyện về vua chúa, chuyện về trộm cướp, chuyện về đại thần, chuyện về binh lính, chuyện hải hùng, chuyện về chiến tranh, chuyện về thức ăn, chuyện về thức uống, chuyện về vải vóc, chuyện về xe cộ, chuyện về giường nằm, chuyện về vòng hoa, chuyện về hương liệu, chuyện về thân quyến, chuyện về làng xóm, chuyện về thị tứ, chuyện về thành phố, chuyện về quốc độ, chuyện về đàn bà, chuyện về đàn ông, chuyện về vị anh hùng, chuyện về đường xá, chuyện tại chỗ lấy nước, chuyện về người đã chết, các chuyện tạp thoại nói về hiện trạng của thế giới, nói về hiện trạng của đại dương, chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu là như vậy, hoặc là như thế; buông thả bàn chân còn là như vậy.

Không nên buông thả bàn chân: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở bàn chân. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc buông thả bàn chân, nên trú ngụ, nên thực hành, nên cư xử, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Nên có sự thích thú trong việc thiền tịnh, được thích thú trong việc thiền tịnh, gắn bó với sự vắng lặng của tâm thuộc nội phần, có thiền không bị xa rời, thành tựu minh sát, là người gia tăng việc ngụ ở các ngôi nhà trống vắng, chứng thiền, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình.

“Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây]” là như thế.

Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng.

Hối hận: Về bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, về bối rối ở bàn chân cũng là hối hận, về bối rối ở bàn tay và bàn chân cũng là hối hận, lầm tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội. Việc nào có hình thức là sự hối hận, biểu hiện hối hận, trạng thái hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý, việc này gọi là hối hận.

Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? [Nghĩ rằng:] “Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; “ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; “ta đã làm uế hạnh về ý, ta

đã không làm thiện hạnh về ý”,... (nt)... “ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng”, sự hối hận,... (nt)... sự bối rối của ý sanh lên; “ta đã trộm cắp,... “ta đã tà hạnh trong các dục,... “ta đã nói dối,... “ta đã nói đâm thọc,... “ta đã nói thô lỗ,... “ta đã nói nhảm nhí,... “ta đã hành động tham đắm,... “ta đã hành động sân hận,... “ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên. Như vậy là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm.

Hoặc là, [nghĩ rằng:] “Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; “ta là người có các giác quan không được gìn giữ”,... “ta là người không biết chừng mực về vật thực”,... “ta không luyện tập về tỉnh thức”,... “ta không đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ”,... “bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập”,... “bốn chánh căn chưa được ta tu tập”,... “bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập”,... “năm quyền chưa được ta tu tập”,... “năm lực chưa được ta tu tập”,... “bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập”,... “đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập”,... “khổ chưa được ta biết toàn diện”,... “tập chưa được ta dứt bỏ”,... “đạo chưa được ta tu tập”,... “diệt chưa được ta chứng ngộ”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên.

Nên xa lánh trạng thái hối hận: Nên tránh khỏi, nên xa lánh, nên tránh xa trạng thái hối hận; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái hối hận; nên tránh khỏi, nên xa lánh, nên tránh xa, nên đi ra ngoài, nên rời ra, nên thoát khỏi, không bị ràng buộc với trạng thái hối hận, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Nên xa lánh trạng thái hối hận” là như thế.

Không nên xao lãng: Nên là người có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bốn phần trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] “Khi nào ta có thể làm đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giới uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tuệ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự đồng mãnh, sự không thoái chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] “Khi nào ta có thể làm đầy đủ định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ?... (nt)... “Khi nào ta có thể biết toàn diện về khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ngộ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự đồng mãnh, sự không thoái chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

“Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng” là như thế.

Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm, ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú.

Và: Là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Chỗ ngồi: Nói đến nơi nào vị ấy ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm đan, tấm da thú, thảm cỏ, thảm lá, thảm rơm.

Chỗ nằm: Nói đến chỗ ngụ: Trú xá, nhà một mái, tòa lâu đài, tòa nhà dài, hang động. “Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm” là như thế.

Ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú: Nên thực hành, nên cư xử, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng ở các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh.

“Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm, ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây],
Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng,
Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm,
Ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú.”*

14.12. Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ. Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm. Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm.

Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ: Sau khi phân chia đêm và ngày thành sáu phần, nên thức năm phần, nên nằm xuống một phần.

“Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ” là như thế.

Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm: Ở đây, vị Tỳ-khưu, vào ban ngày làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh đầu làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh giữa áp dụng thế nằm của sư tử bằng sườn bên phải, đặt bàn chân chồng lên bàn chân, có niệm, có sự nhận biết rõ, chú tâm đến ý tưởng của việc thức dậy; vào ban đêm trong canh cuối sau khi thức dậy, làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi.

Nên thân cận sự tỉnh thức: Nên thân cận, nên gần gũi, nên phục vụ, nên phục dịch, nên kề cận, nên thực hiện sự tỉnh thức. “Nên thân cận sự tỉnh thức” là như thế.

Có sự nhiệt tâm: Sự nhiệt tâm nói đến sự tinh tấn, là pháp thuộc về tâm, là sự ra sức tinh tấn, sự cố gắng, sự nỗ lực, sự siêng năng, sự tinh tấn, sự gắng sức,

sự rắng sức, sự đồng mãnh, nghị lực, trạng thái không lơ lửng sự nỗ lực, trạng thái không buông bỏ sự mong muốn, trạng thái không buông bỏ trách nhiệm, sự đề cao trách nhiệm, sự tinh tấn, tấn quyền, tấn lực, chánh tinh tấn. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu sự nhiệt tâm này, người ấy được gọi là có sự nhiệt tâm.

“Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm” là như thế.

Nên dứt bỏ hẳn sự uế oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm.

Sự uế oải: Sự uế oải, biểu hiện uế oải, trạng thái tâm uế oải, sự lười biếng, biểu hiện lười biếng, trạng thái lười biếng; điều này được gọi là sự uế oải.

Xảo trá: Xảo trá nói đến hành vi trá trở. Ở đây một vị [Tỳ-khuru] nào đó sau khi làm uế hạnh bằng thân, sau khi làm uế hạnh bằng lời nói, sau khi làm uế hạnh bằng ý, vì nguyên nhân che đậy việc ấy, định liệu ước muốn xấu xa: [Vị ấy] ước muốn rằng: “Chớ ai biết về tôi”, suy tư rằng: “Chớ ai biết về tôi”, nói lời rằng: “Chớ ai biết về tôi”, nỗ lực bằng thân rằng: “Chớ ai biết về tôi.” Việc xảo trá nào có hình thức như vậy là trạng thái xảo trá, sự cố tình không nhớ, sự trá trở, gian lận, thay đổi, tránh né, cất giấu, che giấu, che đậy, che lấp, không phơi bày, không làm rõ, khéo che đậy, việc làm ác; điều này được gọi là xảo trá.

Cười cợt: Ở đây một vị [Tỳ-khuru] nào đó cười quá trớn, hở cả răng. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, điều này là việc làm trẻ con trong Luật của bậc Thánh, tức là việc cười quá trớn, hở cả răng.”

Đùa giỡn: Có hai sự đùa giỡn: Đùa giỡn về thân và đùa giỡn về khẩu. Những việc nào là đùa giỡn về thân? Họ chơi đùa với các con voi, họ chơi đùa với các con ngựa, họ chơi đùa với các cỗ xe, họ chơi đùa với các cây cung, họ tiêu khiển cờ tám ô vuông, họ tiêu khiển cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tướng tượng ở trên không, họ chơi trò nhảy cóc, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh khăng, họ chơi trò đoán hình vẽ bằng tay, họ chơi trái cầu, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò kéo cày, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi chong chóng, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ chơi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ; đây là sự đùa giỡn về thân. Những việc nào là đùa giỡn về khẩu? Nhại tiếng trống bằng miệng, làm nhạc trống bằng miệng, làm tiếng trống vỗ bằng miệng, huýt sáo bằng miệng, đánh trống bằng miệng, làm tiếng trống daddarī bằng miệng, diễn kịch, reo hò, ca hát, cười giỡn; đây là sự đùa giỡn về khẩu.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, có kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa, là việc bí mật, là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. Vì lý do gì mà được gọi là pháp đôi lứa? Khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Giống như hai người gây nên sự cãi cọ được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự cãi lộn, hai người gây nên cuộc nói

chuyện nhảm nhí, hai người gây nên sự tranh cãi, hai người gây nên sự tranh tụng, hai người tranh luận, hai người chuyện trò được gọi là tay đôi. Tương tự như vậy, khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

Việc trang điểm: Có hai sự trang điểm: Có sự trang điểm của người tại gia, có sự trang điểm của bậc xuất gia. Việc trang điểm của người tại gia là các việc nào? Đầu tóc, bộ râu, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, đồ trang sức, vật tô điểm, vải vóc, áo khoác, khăn đội đầu, việc kỳ cọ, việc đắp bóp, việc cho người tắm rửa, vật đập vỗ, gương soi, việc tô mắt, vật tắm hoa thơm, phấn thoa ở mặt, việc bôi dầu ở mặt, vật buộc cánh tay, nơ thắt ở đầu, gậy chống, ống cây, thanh gươm, dù che, giày dép sắc sỡ, khăn bịt đầu, ngọc ma-ni, cây phát trần, [quần] các tấm vải trắng có đường biên rộng, hoặc là như thế; điều này là việc trang điểm của người tại gia. Việc trang điểm của bậc xuất gia là các việc nào? Việc trang hoàng y phục, việc trang hoàng bình bát, việc trang hoàng chỗ nằm ngồi, việc trang hoàng, trang điểm, tiêu khiển, giải trí, trạng thái mong muốn, bản tính mong muốn, hành động tô điểm, trạng thái tô điểm đối với các phần bên ngoài của cơ thể hôi thối này hoặc các vật dụng; điều này là việc trang điểm của người xuất gia.

Nên dứt bỏ hẳn sự uế oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự uế oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm luôn cả vật phụ tùng, luôn cả vật có liên quan, luôn cả vật dụng.

“Nên dứt bỏ hẳn sự uế oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ. Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm. Nên dứt bỏ hẳn sự uế oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm.”

14.13. Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh.

Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh: Các nhà bùa chú ứng dụng chú thuật ở thành phố bị bao vây hoặc ở cuộc chiến đang diễn ra, họ làm sanh lên tai họa, họ làm sanh lên bất hạnh, họ làm sanh lên bệnh tật, họ gây ra dịch sốt, họ gây ra dịch cương thi, họ gây ra bệnh dịch tả, họ gây ra bệnh kiết lỵ ở đội quân đối địch, ở những kẻ đối nghịch, ở những kẻ thù địch; các nhà bùa chú ứng dụng chú thuật là như vậy.

Những người giải mộng giải thích về giấc mơ: “Người mơ vào buổi sáng thì

kết quả là như vậy. Người mơ vào buổi trưa thì kết quả là như vậy. Người mơ vào buổi tối thì kết quả là như vậy. Người mơ vào canh đầu... Người mơ vào canh giữa... Người mơ vào canh cuối... Người mơ lúc nằm nghiêng bên phải... Người mơ lúc nằm nghiêng bên trái... Người mơ lúc nằm ngửa... Người mơ lúc nằm sấp... Người mơ thấy mặt trăng, người mơ thấy mặt trời, người mơ thấy đại dương, người mơ thấy núi chúa Sineru, người mơ thấy voi, người mơ thấy ngựa, người mơ thấy cỗ xe, người mơ thấy người lính, người mơ thấy đoàn quân, người mơ thấy khu vườn đáng yêu, người mơ thấy cánh rừng đáng yêu, người mơ thấy vùng đất đáng yêu, người mơ thấy hồ nước đáng yêu thì kết quả là như vậy”; những người giải mộng giải thích về giấc mơ là như vậy.

Những người xem tướng giải thích về tướng mạo: “Tướng của ngọc ma-ni, tướng của cây gậy, tướng của vải vóc, tướng của thanh gươm, tướng của mũi tên, tướng của cây cung, tướng của vũ khí, tướng của đàn bà, tướng của đàn ông, tướng của thiếu nữ, tướng của thiếu niên, tướng của tứ gái, tướng của tôi trai, tướng của voi, tướng của ngựa, tướng của trâu, tướng của bò mộng, tướng của bò đực, tướng của dê, tướng của cừu, tướng của gà, tướng của chim cú, tướng của kỳ đà, tướng của bông tai, tướng của rùa, tướng của nai, hoặc là như thế”; những người xem tướng giải thích về tướng mạo là như vậy.

Những nhà chiêm tinh giải thích về tinh tú: “Có hai mươi tám thời điểm tốt (tính theo thời điểm xuất hiện của các vì tinh tú). Nên tiến hành việc nhập gia vào thời điểm tốt này, nên gấn đồ trang sức vào thời điểm tốt này, nên làm lễ cưới vào thời điểm tốt này, nên gieo hạt giống vào thời điểm tốt này, nên đi đến sống chung vào thời điểm tốt này”; những nhà chiêm tinh giải thích về tinh tú là như vậy.

Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh: Không nên luyện tập, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh; hoặc là không nên nắm lấy, không nên duy trì, không nên tiếp nhận, không nên ứng dụng.

“Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh” là như thế.

Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh.

Tiếng thú kêu: Nói đến tiếng kêu của loài thú. Các nhà giải đoán tiếng thú kêu giải thích về tiếng kêu của loài thú: Họ biết tiếng kêu, tiếng gọi của các loài chim hoặc của các loài bốn chân; các nhà giải đoán tiếng thú kêu giải thích về tiếng kêu của loài thú là như thế.

Việc thụ thai: Những người hỗ trợ việc thụ thai làm cho thành tựu bào thai. Bào thai không thành lập bởi hai lý do: Bởi các vi sinh vật hoặc bởi các sự rối loạn của gió. Họ cho thuốc để diệt trừ các vi sinh vật hoặc các sự rối loạn của gió; những người hỗ trợ việc thụ thai làm cho thành tựu bào thai là như vậy.

Việc chữa bệnh: Có năm cách chữa bệnh: Thuật châm kim, thuật mổ xẻ, thuật chữa bệnh về cơ thể, thuật trừ tà, thuật chữa bệnh trẻ em.

Người đệ tử thành tín: Là người đệ tử thành tín với đức Phật, người đệ tử thành tín với Giáo pháp, người đệ tử thành tín với Tăng chúng; người ấy thành tín với đức Thế Tôn, hoặc đức Thế Tôn thừa nhận con người ấy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, những vị Tỳ-khuru nào là gặt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, này các Tỳ-khuru, đối với Ta, các vị Tỳ-khuru ấy không phải là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khuru, các vị Tỳ-khuru ấy là đã lìa khỏi Pháp và Luật này; các vị Tỳ-khuru ấy không đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Và này các Tỳ-khuru, các vị Tỳ-khuru nào là không gặt gẫm, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, này các Tỳ-khuru, đối với Ta, các vị Tỳ-khuru ấy là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khuru, các vị Tỳ-khuru ấy là không lìa khỏi Pháp và Luật này; các vị Tỳ-khuru ấy đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này.

1. *Những kẻ gặt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, những người ấy không tiến triển trong giáo pháp đã được đáng Chánh Đẳng Giác chỉ bảo.*

2. *Các vị không gặt gẫm, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, thật vậy các vị ấy tiến triển trong giáo pháp đã được đáng Chánh Đẳng Giác thuyết giảng.”*

Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh: Người đệ tử thành tín không nên phục vụ, không nên phục dịch, không nên kê cận, không nên thực hiện, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh; hoặc là không nên nắm lấy, không nên tiếp thu, không nên tiếp nhận, không nên suy xét, không nên ứng dụng.

“Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh.”

14.14. Không nên chán động vì sự chê bai, vị Tỳ-khuru khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh, nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bôn xén, sự giận dữ và việc nói đâm thọc.

Không nên chán động vì sự chê bai: Ở đây, một số người nào đó chê bai vị Tỳ-khuru: Họ chê bai, chê trách, gièm pha về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về

kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác. Khi bị chê bai, bị chê trách, bị gièm pha, [vị ấy] không nên run rẩy, không nên chần động, không nên rúng động, không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự gièm pha, vì sự không nổi tiếng, vì sự không ca tụng; nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rón lông đã được xa lìa.

“Không nên chần động vì sự chê bai” là như thế.

Vị Tỳ-khuru khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh: Ở đây, một số người nào đó ca ngợi vị Tỳ-khuru: Họ ca ngợi, khen ngợi, tán dương, ca tụng về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác. Khi được ca ngợi, được khen ngợi, được tán dương, được ca tụng, do sự ca ngợi, do sự khen ngợi, do sự nổi tiếng, do sự ca tụng, [vị ấy] không nên thể hiện sự kiêu hãnh, không nên thể hiện sự hãnh diện, không nên thể hiện sự ngã mạn, không nên thể hiện sự bướng bỉnh, do điều ấy không nên sanh ra ngã mạn, do điều ấy không nên ương ngạnh, ương bướng, ngạo cao đầu.

“Vị Tỳ-khuru khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh” là như thế.

Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bôn xén, sự giận dữ và việc nói đâm thọc.

Sự tham lam: Sự tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, sự luyến ái mãnh liệt, biểu hiện luyến ái mãnh liệt, trạng thái luyến ái mãnh liệt, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự bôn xén: Có năm loại bôn xén: Bôn xén về chỗ ở,... (nt)... sự nắm lấy được gọi là bôn xén.

Sự giận dữ: Là sự tức tối của tâm, sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc. Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ.

Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào?

[Nghĩ rằng:] “Ta sẽ được người này yêu mến, ta sẽ được quý mến, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phúc”; đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy.

Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?” Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy.

Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bòn xén, sự giận dữ và việc nói đâm thọc: Nên đuổi đi, nên xua đuổi, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự tham lam, sự bòn xén, sự giận dữ và việc nói đâm thọc.

“Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bòn xén, sự giận dữ và việc nói đâm thọc” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên chần động vì sự chê bai, vị Tỳ-khuru khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh, nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bòn xén, sự giận dữ và việc nói đâm thọc.”

14.15. Không nên tham dự việc mua bán,

Vị Tỳ-khuru không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào,

Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm,

Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc.

Không nên tham dự việc mua bán: Các việc mua bán là bị cấm đoán ở Luật, các việc ấy không được ám chỉ đến trong ý nghĩa này. Thế nào là tham dự việc mua bán? Vị [Tỳ-khuru] trao đổi bình bát, y, hoặc bất cứ vật dụng nào khác với năm hạng người [đồng đạo]⁴ trong khi thực hiện sự trao trả hoặc mong muốn lợi nhuận; tham dự việc mua bán nghĩa là như vậy. Thế nào là không tham dự việc mua bán? Vị [Tỳ-khuru] trao đổi bình bát, y, hoặc bất cứ vật dụng nào khác với năm hạng người [đồng đạo] trong khi không thực hiện sự trao trả hoặc không mong muốn lợi nhuận; không tham dự việc mua bán nghĩa là như vậy.

Không nên tham dự việc mua bán: Không nên tham dự, không nên tham gia việc mua bán; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc mua bán; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc mua bán, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên tham dự việc mua bán” là như thế.

⁴ Năm hạng người đồng đạo: Tỳ-khuru, Tỳ-khuru-ni, nữ tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni (*Nida*. II. 418).

Vị Tỳ-khuru không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào: Các ô nhiễm gây nên sự chê trách là các ô nhiễm nào? Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có thần lực, có thiên nhãn, biết được tâm người khác. Các vị ấy nhìn thấy từ đằng xa, và không được nhìn thấy mặc dầu ở gần bên; các vị ấy nhận biết tâm bằng tâm. Các vị thiên nhân cũng có thần lực, có thiên nhãn. Các vị ấy nhìn thấy từ đằng xa, và không được nhìn thấy mặc dầu ở gần bên; các vị ấy nhận biết tâm bằng tâm. Họ có thể chê trách do [tác động của] các ô nhiễm thô thiển, hoặc do các ô nhiễm trung bình, hoặc do các ô nhiễm vi tế. Ô nhiễm thô thiển là các ô nhiễm nào? Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý; các điều này được gọi là ô nhiễm thô thiển. Ô nhiễm trung bình là các ô nhiễm nào? Sự suy tư về dục, suy tư về sân hận, suy tư về hãm hại; các điều này được gọi là ô nhiễm trung bình. Ô nhiễm vi tế là các ô nhiễm nào? Sự suy tư về thân quyền, suy tư về xứ sở, suy tư về việc [hành xác để được] bất tử, suy tư liên quan đến sự trắc ần đối với người khác, suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng và sự nổi tiếng, suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ; các điều này được gọi là ô nhiễm vi tế. Không nên chê trách, không nên thực hiện việc chê trách do [tác động của] các ô nhiễm thô thiển, hoặc do các ô nhiễm trung bình, hoặc do các ô nhiễm vi tế ấy; không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra các ô nhiễm gây nên sự chê trách; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm gây nên sự chê trách; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với các ô nhiễm gây nên sự chê trách, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Ở bất cứ nơi nào: Ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

“Vị Tỳ-khuru không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào” là như thế.

Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm: Dính mắc vào làng xóm là thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khuru sống gắn bó với hàng tại gia ở làng xóm: Cùng vui, cùng buồn, hạnh phúc khi họ hạnh phúc, đau khổ khi họ đau khổ, tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Dính mắc vào làng xóm là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khuru vào buổi sáng quán y [nội], rồi cầm lấy bình bát và y đi vào làng hoặc thị trấn để khát thực, với thân không được hộ trì, với khẩu không được hộ trì, với tâm không được hộ trì, với niệm không được thiết lập, với các giác quan không được thu thúc. Vị ấy dính mắc vào chỗ này chỗ khác, nắm lấy cảnh này cảnh khác, bị trói buộc vào nơi này nơi khác, đạt đến sự bất hạnh và tổn hại ở nơi này nơi khác. Dính mắc vào làng xóm còn là như vậy.

Không dính mắc vào làng xóm là thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khuru sống không gắn bó với hàng tại gia ở làng xóm: Không cùng vui, không cùng buồn, không hạnh phúc khi họ hạnh phúc, không đau khổ khi họ đau khổ, không tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Không dính mắc vào làng xóm là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khuru vào buổi sáng quán y [nội], rồi cầm lấy

bình bát và y đi vào làng hoặc thị trấn để khát thực, với thân được hộ trì, với khẩu được hộ trì, với tâm được hộ trì, với niệm được thiết lập, với các giác quan được thu thúc. Vị ấy không dính mắc vào chỗ này chỗ khác, không nắm lấy cảnh này cảnh khác, không bị trói buộc vào nơi này nơi khác, không đạt đến sự bất hạnh và tổn hại ở nơi này nơi khác. Không dính mắc vào làng xóm còn là như vậy.

Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm: Không nên dính mắc, không nên nắm lấy, không nên bị trói buộc, không nên bị giữ lại ở làng xóm; nên là người không thêm khát, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thêm khát đã được xa lìa, có sự thêm khát đã được tách lìa, có sự thêm khát đã được từ bỏ,... (nt)... nên sống với trạng thái cao thượng tự thân.

“Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm” là như thế.

Không nên tĩ tề với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc: Việc tĩ tề là việc nào? Là nói lời chào đón, nói lời tĩ tề, nói lời tĩ tề khôn khéo, nói lời tăng bốc, nói lời tăng bốc khôn khéo, nói lời ràng buộc, nói lời ràng buộc khôn khéo, nói lời khoa trương, nói lời khoa trương khôn khéo, nói lời đường mật, nói lời nịnh hót, nói lời ngon ngọt, nói lời bợ đỡ, nói lời đâm thọc đối với những người khác của kẻ nương tựa vào lợi lộc, vào sự trọng vọng, và sự nổi tiếng của kẻ có ước muốn xấu xa, của kẻ bị thúc đẩy bởi ước muốn, của kẻ xem trọng tài vật, của kẻ chú trọng về pháp thế gian đối với những người khác. Việc nói lời mềm mỏng, nói lời dịu dàng, nói lời dễ dãi, nói lời không thô lỗ trong trường hợp ấy được gọi là tĩ tề. Thêm nữa, kẻ nói tĩ tề với người [thế tục] bởi vì hai lý do: Hoặc là nói tĩ tề với người [thế tục] bằng cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác, hoặc là nói tĩ tề với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác.

Nói tĩ tề với người [thế tục] bằng cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác nghĩa là thế nào? [Nói rằng:] “Các người có nhiều sự hỗ trợ cho tôi. Nương tựa vào các người tôi có được y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có những người khác nương theo các người, trong khi nhìn thấy các người, cũng suy nghĩ để bố thí hoặc làm cho tôi. Ngay cả tên gọi trước đây của mẹ cha đặt, tên ấy của tôi cũng đã không còn. Nhờ vào các người, tôi được biết là vị thường tới lui với gia đình của người nam nọ, là vị thường tới lui với gia đình của người nữ kia.” Nói tĩ tề với người [thế tục] bằng cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác nghĩa là như vậy.

Nói tĩ tề với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác nghĩa là thế nào? “Tôi có nhiều sự hỗ trợ cho các người. Sau khi đến với tôi, các người đã đi đến nương nhờ đức Phật, đã đi đến nương nhờ giáo pháp, đã đi đến nương nhờ Tăng chúng, đã tránh xa việc giết hại sinh mạng, đã tránh xa việc lấy vật không được cho, đã tránh xa hành vi sai trái trong các dục, đã tránh xa việc nói dối, đã tránh xa trường hợp để đuôi uống chất say là rượu và chất lên men. Tôi ban bố việc chỉ bảo cho các người, tôi ban bố sự hỏi han, tôi

nói về ngày trai giới, tôi chủ nguyện việc xây dựng. Vậy mà ngược lại, các vị lại bỏ rơi tôi, các vị trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường các vị khác.” Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác nghĩa là như vậy.

Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc: Do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, không nên tỉ tê với người [thế tục]; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc tỉ tê; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc tỉ tê, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Không nên tham dự việc mua bán,
Vị Tỳ-khuru không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào,
Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm,
Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc.”*

14.16. *Và vị Tỳ-khuru không nên là kẻ nói khoe khoang,
Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng],
Không nên học tập lối cư xử xấu xược,
Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã.*

Và vị Tỳ-khuru không nên là kẻ nói khoe khoang: Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó là có sự khoe khoang, có sự phô trương. Vị ấy khoe khoang, phô trương rằng: “Tôi thành tựu về giới”, hoặc “tôi thành tựu về phạm sự”, hoặc “tôi thành tựu về giới và phạm sự”; khoe khoang, phô trương về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác rằng: “Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá”, hoặc “tôi là vị chuyên về Kinh”, hoặc “tôi là vị trì Luật”, hoặc “tôi là vị thuyết pháp”, hoặc “tôi là vị ngụ ở rừng”,... (nt)... hoặc “tôi đạt sự thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ.” Không nên khoe khoang, không nên phô trương như vậy; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên khiến cho không còn hiện hữu việc khoe khoang; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự khoe khoang, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Và vị Tỳ-khuru không nên là kẻ nói khoe khoang” là như thế.

Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]: Việc nói ám chỉ là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó nói lời nói ám chỉ về y, nói lời nói ám chỉ về đồ ăn khát thực, nói lời nói ám chỉ về chỗ nằm ngồi, nói lời nói

ám chỉ về vật dụng là thuốc men chữa bệnh; điều này gọi là lời nói ám chỉ. Hoặc là, vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân đồ ăn khát thực, vì nguyên nhân chỗ nằm ngồi, vì nguyên nhân vật dụng là thuốc men chữa bệnh, [vị ấy] nói sự thật, nói điều dối trá, nói đâm thọc, nói không đâm thọc, nói thô lỗ, nói không thô lỗ, nói nhảm nhí, nói không nhảm nhí, nói lời khôn khéo; điều này cũng gọi là lời nói ám chỉ. Hoặc là, vị có tâm tịnh tín chỉ bảo giáo pháp cho những người khác rằng: “Ồ, quả thật họ nên lắng nghe giáo pháp của ta, sau khi lắng nghe họ nên tịnh tín vào giáo pháp, và họ nên bày tỏ biểu hiện của người đã được tịnh tín ở ta”; điều này cũng gọi là lời nói ám chỉ. **Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]:** Thậm chí ở lời chỉ bảo giáo pháp, không nên nói, không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả lời nói ám chỉ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu lời nói ám chỉ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với lời nói ám chỉ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]” là như thế.

Không nên học tập lối cư xử xác xược.

Sự xác xược: Có ba sự xác xược: Xác xược bằng thân, xác xược bằng khẩu, xác xược bằng ý.

Xác xược bằng thân là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà ăn, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến bến nước, thể hiện sự xác xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Đối với các vị Tỳ-khuru trưởng lão, [vị ấy] đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Đối với các vị Tỳ-khuru trưởng lão, [vị ấy] đi kinh hành có mang dép trong khi các ngài đi kinh hành không mang dép, đi kinh hành ở đường kinh hành cao hơn trong khi các ngài đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi các ngài đi kinh hành ở nền đất, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà ăn? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến nhà ăn: [Vị ấy] chen vào [chỗ] các Tỳ-khuru trưởng lão rồi ngồi xuống, xua đuổi các Tỳ-khuru mới tu khỏi chỗ ngồi, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà ăn.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến nhà tắm hơi: Đối với các vị Tỳ-khuru trưởng lão, [vị ấy] đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, thêm củi lửa vào không hỏi [xin phép], đóng cửa nhà tắm hơi không hỏi [xin phép], vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến bến nước? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến bến nước: Đối với các vị Tỳ-khuru trưởng lão, [vị ấy] đụng chạm khi đi xuống, đi xuống ở phía trước, đụng chạm khi tắm, tắm ở phía trước, tắm ở phía trên, đụng chạm khi đi lên, đi lên ở phía trước, đi lên ở phía trên. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến bến nước.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ trong khi đi vào xóm nhà: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khuru trưởng lão khi đi, đi ở phía trước, vượt qua rồi đi ở phía trước các vị Tỳ-khuru trưởng lão. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ đi vào” vẫn đi vào; trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ đứng” vẫn đứng; trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ ngồi” vẫn ngồi; đi vào nơi không thích hợp, đứng ở nơi không thích hợp, ngồi ở nơi không thích hợp, những nội phòng bí mật và kín đáo của gia đình, là nơi có các phụ nữ, các cô con gái, các cô con dâu, các cô thiếu nữ của gia đình đang ngồi, [vị ấy] đi vào nơi ấy một cách vội vã và xoa đầu bé trai. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xác xược bằng thân.

Xác xược bằng khẩu là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến tập thể, thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Khi chưa xin phép các Tỳ-khuru trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp, trả lời câu hỏi, tụng đọc Giới bốn (*Pātimokkha*), đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến tập thể? Ở đây, một

vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Khi chưa xin phép các Tỳ-khuru trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp cho các vị Tỳ-khuru đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói, nói pháp cho các vị Tỳ-khuru-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xúc phạm bằng khẩu khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xúc phạm bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, đã nói với người phụ nữ hoặc cô thiếu nữ như vậy: “Này cô tên thế này, này cô họ thế này, có vật gì không, có cháo không, có thức ăn không, có đồ uống không, chúng tôi sẽ uống gì, chúng tôi sẽ ăn gì, chúng tôi sẽ nhai gì?” Hoặc là nói lái nhai: “Có vật gì không?” Hoặc: “Cô sẽ bố thí cái gì?” Như vậy là thể hiện sự xúc phạm bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xúc phạm bằng khẩu.

Thế nào là thể hiện sự xúc phạm bằng ý? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc thượng lưu mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc thượng lưu, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc lớn mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc lớn, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có nhiều của cải mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có của cải quý giá..., trong khi không phải là vị chuyên về Kinh mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị chuyên về Kinh, trong khi không phải là vị trì Luật..., trong khi không phải là vị thuyết giảng pháp..., trong khi không phải là vị ngụ ở rừng..., trong khi không phải là vị chuyên đi khát thực..., trong khi không phải là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ..., trong khi không phải là vị chỉ sử dụng ba y..., trong khi không phải là vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà..., trong khi không phải là vị không ăn vật thực dâng sau..., trong khi không phải là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)..., trong khi không phải là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định..., trong khi không phải là vị có đạt sơ thiền mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt sơ thiền... (nt)... trong khi không phải là vị có đạt Phi tướng phi phi tướng xứ mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là sự xúc phạm bằng ý.

Không nên học tập lỗi cư xử xúc phạm: Không nên học tập, không nên thực hành, không nên hành xử, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng lỗi cư xử xúc phạm; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu lỗi cư xử xúc phạm; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với lỗi cư xử xúc phạm, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên học tập lỗi cư xử xúc phạm” là như thế.

Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã: Ngôn từ đưa đến sự cãi vã là loại nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó là người nói ngôn từ có hình thức

như vậy: “Người không biết Pháp và Luật này,... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng.” Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Moggallāna, khi có ngôn từ đưa đến sự cãi vã, việc nhiều lời là điều mong đợi. Khi có nhiều lời, [sẽ có] sự phóng dật, đối với người bị phóng dật [sẽ có] sự không thu thúc, đối với người không thu thúc, tâm [sẽ] xa lìa định.”

Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã: Không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả ngôn từ đưa đến sự cãi vã; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu ngôn từ đưa đến sự cãi vã; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với ngôn từ đưa đến sự cãi vã, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Và vị Tỳ-khuru không nên là kẻ nói khoe khoang,
Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng],
Không nên học tập lối cư xử xác xược,
Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã.”*

14.17. Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá, không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt, và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phạm sự.

Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá.

Việc nói lời dối trá: Nói đến việc nói dối. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó đi đến cuộc hội họp hoặc đi đến tập thể... (nt)... vì nguyên nhân về chút ít vật chất đã cố tình nói dối; việc này được gọi là việc nói lời dối trá. Thêm nữa, với ba biểu hiện này thì việc nói dối được hình thành: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”; việc nói dối được hình thành với ba biểu hiện này. Thêm nữa, với bốn biểu hiện,... (nt)... với năm biểu hiện,... (nt)... với sáu biểu hiện,... (nt)... với bảy biểu hiện,... (nt)... với tám biểu hiện thì việc nói dối được hình thành: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý tưởng, đã che giấu sự việc; việc nói dối được hình thành với tám biểu hiện này.

Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá: Không nên bị đưa đi, không nên bị dẫn đi, không nên bị lôi đi, không nên bị mang đi trong việc nói lời dối trá; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc nói lời dối trá; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc nói lời dối trá, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá” là như thế.

Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt: Sự lừa gạt là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó là lừa gạt, lừa dối. Ở người ấy có sự lừa gạt, biểu hiện lừa gạt, trạng thái lừa gạt, biểu hiện thô tháo, trạng thái thô tháo, biểu hiện gian dối, trạng thái gian dối; điều này gọi là sự lừa gạt.

Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt: Sau khi có sự cố tình, [sau khi có sự nhận biết mình] không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự lừa gạt; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự lừa gạt; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự lừa gạt, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt” là như thế.

Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phạm sự.

Và: Từ “*atha*” này là sự nối liền các câu văn... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó, trong khi sống cuộc sống khốn khó, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống cao sang rằng: “Tại sao người này lại có cuộc sống đầy đủ, thọ thực mọi thứ như là: Mầm giống từ rễ, mầm giống từ thân, mầm giống từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm, với hàm răng búa tựa như quầng sáng của tia chớp mà còn có danh xưng là Sa-môn?” Vị ấy, do cuộc sống khốn khó ấy, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống cao sang. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó, trong khi sống cuộc sống cao sang, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống khốn khó rằng: “Tại sao người này lại ít phước, ít kẻ hộ độ, không có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?” Vị ấy, do cuộc sống cao sang ấy, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống khốn khó. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó được thành tựu về tuệ. Vị ấy trả lời câu hỏi khi được chất vấn. Vị ấy suy nghĩ như vậy: “Ta được thành tựu về tuệ, còn những vị khác không được thành tựu về tuệ.” Vị ấy, do sự thành tựu về tuệ ấy, khinh khi vị khác. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó được thành tựu về giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học. Vị ấy suy nghĩ như vậy: “Ta được thành tựu về giới, còn những vị Tỳ-khuru khác có giới tồi, có ác pháp.” Vị ấy, do sự thành tựu về giới ấy, khinh khi vị khác. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó được thành tựu về phạm sự: Là vị ngụ ở rừng, hoặc là vị ngụ ở gốc cây, hoặc là vị chuyên đi khát thực, hoặc là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, hoặc là vị chỉ sử dụng ba y, hoặc là vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà, hoặc là vị không ăn vật thực dâng sau, hoặc là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), là vị ở chỗ đã được chỉ định. Vị ấy suy nghĩ như vậy: “Ta được thành tựu về phạm sự, còn những vị khác không thành tựu về phạm sự.” Vị ấy, do sự thành tựu về phạm sự ấy, khinh khi vị khác.

Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự: Do cuộc sống khốn khó, hoặc do cuộc sống cao sang, hoặc do sự thành tựu về tuệ, hoặc do sự thành tựu về giới, hoặc do sự thành tựu về phận sự, không nên khinh khi, không nên khi dễ người khác; không vì điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không vì điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngồng cao đầu.

“Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá, không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt, và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự.”

14.18. Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói

*Của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu,
Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ,
Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng.*

Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu.

Bị bôi nhọ: Bị bôi nhọ là bị mắng nhiếc, bị đụng chạm, bị khinh bỉ, bị chê trách, bị gièm pha.

Các vị Sa-môn: Bất cứ những vị nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Lời nói của những kẻ phàm phu: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người; những người ấy sỉ vả, chê bai, gây khó chịu, gây bức mình, gây tổn hại, hãm hại, quấy rối, ức hiếp, hủy hoại, phá hại, hoặc gây nên sự phá hại bằng nhiều lời nói không đáng mong, không đáng muốn, không đáng mến; sau khi nghe, sau khi lắng nghe, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi suy xét nhiều lời nói không đáng mong, không đáng muốn, không đáng mến của những người ấy.

“Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu” là như thế.

Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ.

Một cách thô lỗ: Một cách thô lỗ là một cách thô bạo.

Không nên đáp trả lại: Không nên nói lại, không nên sỉ vả lại người đang sỉ vả, không nên chọc giận lại người đang chọc giận, không nên cãi lộn với người đang cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi cộ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện

hữu sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gỗ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gỗ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ” là như thế.

Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng.

Các bậc an tịnh: Trạng thái được an tịnh của luyến ái là an tịnh, trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa; trạng thái được tịch tịnh của sân hận, của si mê, của giận dữ, của thù hận... (nt)... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. “An tịnh” là như thế.

Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng: Các bậc an tịnh không thể hiện, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh sự phản kháng, sự đối kháng, sự gây gỗ, sự chống báng.

“Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói
Của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu,
Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ,
Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng.”*

14.19. Và sau khi hiểu thông giáo pháp này,

*Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm,
Sau khi biết được sự diệt tắt là “an tịnh”,
Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama.*

Và sau khi hiểu thông giáo pháp này.

Này: Là điều đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ.

Sau khi hiểu thông giáo pháp: Sau khi biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. “Và sau khi hiểu thông giáo pháp này” là như vậy. Hoặc là, sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp là đúng đắn, là sai trái, là đúng đường lối, là sai đường lối, là có tội lỗi, là không có tội lỗi, là thấp kém, là cao quý, là đen, là trắng, là bị người hiểu biết chê trách, là được người hiểu biết khen ngợi. “Và sau khi hiểu thông giáo pháp này” còn là như vậy. Hoặc là, sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp là sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các

giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

“Và sau khi hiểu thông giáo pháp này” còn là như vậy.

Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm.

Trong khi suy gẫm: Là đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt. Đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”;... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” “Vị Tỳ-khưu, trong khi suy gẫm” là như thế.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân... (nt)... người ấy được gọi là có niệm.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập;... (nt)... nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

“Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm” là như thế.

Sau khi biết được sự diệt tắt là “an tịnh”: Sau khi biết được sự diệt tắt của luyến ái là “an tịnh”, sau khi biết được sự diệt tắt của sân hận... của si mê... (nt)... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là “an tịnh”, sau khi nhận biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

“Sau khi biết được sự diệt tắt là ‘an tịnh’” là như thế.

Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama: Về lời giáo huấn của đức Gotama, về lời giáo huấn của đức Phật, về lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng, về lời giáo huấn của đức Như Lai, về lời giáo huấn của vị Chúa của chư thiên, về lời giáo huấn của bậc A-la-hán.

Không nên xao lãng: Là nên có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bốn phần trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] “Khi nào ta có thể làm đầy đủ hoặc giới uẩn chưa được đầy đủ,... (nt)... hoặc định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ? Khi nào ta có thể biết toàn diện về khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ngộ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự đồng mãnh, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

“Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Và sau khi hiểu thông giáo pháp này,
Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm,
Sau khi biết được sự diệt tận là ‘an tịnh’,
Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama.”*

14.20. *“Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị, vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi. Chính vì thế, luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy” [đức Thế Tôn nói vậy].*

Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị.

Người chiến thắng: Người chiến thắng các sắc, người chiến thắng các thính, người chiến thắng các hương, người chiến thắng các vị, người chiến thắng các xúc, người chiến thắng các pháp, không bị ngự trị bởi bất cứ ô nhiễm nào; vị đã ngự trị các ác bất thiện pháp hạ liệt ấy, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lại.

“Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị” là như thế.

Vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi.

Pháp thực chứng: [Vị ấy] đã nhìn thấy, đã nhìn xem, đã nhận thấy, đã thấu triệt pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét, không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm.

“Vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi” là như thế.

Chính vì thế,... ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy.

Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy.

Ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy: Ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy là ở lời giáo huấn của đức Gotama, ở lời giáo huấn của đức Phật, ở lời giáo huấn của đảng Chiến Thắng, ở lời giáo huấn của đức Như Lai, ở lời giáo huấn của vị Chúa của chư thiên, ở lời giáo huấn của bậc A-la-hán.

“Chính vì thế,... ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy” là như thế.

Luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo [đức Thế Tôn nói vậy].

Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang,... (nt)... sự không xao lãng trong các thiện pháp.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ.

Trong lúc kính lễ: Trong lúc đang kính lễ bằng thân, hoặc đang kính lễ bằng khẩu, hoặc đang kính lễ bằng tâm, hoặc đang kính lễ bằng hành động thuận theo đạo lý, hoặc đang kính lễ bằng sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, hoặc đang thể hiện sự trọng vọng, đang thể hiện sự kính trọng, đang sùng bái, đang cúng dường, đang nê nang.

Nên học tập theo: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập;... (nt)... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên thực hành, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

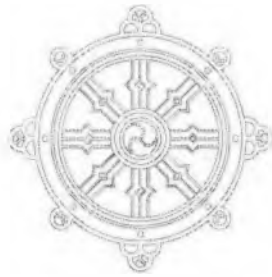
Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo [đức Thế Tôn nói vậy]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị, vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi. Chính vì thế, luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy” [đức Thế Tôn nói vậy].

“Diễn giải kinh một cách nhanh chóng” được đầy đủ - Phần thứ mười bốn.



15. DIỄN GIẢI KINH UẾ HẠNH CỦA BẢN THÂN (ATTADAṆḌASUTTANIDDESO)

Giờ phần “Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân” được nói đến:

15.1. *Sự sợ hãi sanh lên do uế hạnh của bản thân.*¹

Các người hãy nhìn xem loài người đang gây gổ.

Ta sẽ thuật lại trạng thái chấn động

Đúng theo sự việc đã làm cho Ta bị chấn động.

Sự sợ hãi sanh lên do uế hạnh của bản thân.

Uế hạnh: Có ba uế hạnh: Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý. Ba loại hành động xấu xa của thân là uế hạnh về thân, bốn loại hành động xấu xa của khẩu là uế hạnh về khẩu, ba loại hành động xấu xa của ý là uế hạnh về ý.

Sự sợ hãi: Có hai sự sợ hãi: Sự sợ hãi liên quan đời này và sự sợ hãi liên quan đời sau.

Sự sợ hãi liên quan đời này là việc nào? Ở đây, một người nào đó làm hành động xấu xa bằng thân, làm hành động xấu xa bằng khẩu, làm hành động xấu xa bằng ý, giết hại mạng sống, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá. Dân chúng sau khi bắt lấy kẻ ấy rồi trình lên đức vua: “Tâu bệ hạ, gã trộm cướp này là kẻ làm điều tội lỗi. Đối với kẻ này, xin ngài hãy giáng hình phạt theo ý muốn.” Đức vua mắng nhiếc kẻ ấy. Kẻ ấy, do duyên mắng nhiếc, khởi lên sự sợ hãi, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện.

Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui. Đức vua ra lệnh giam cầm kẻ ấy với việc trói bằng xiềng, hoặc trói bằng dây thừng, hoặc trói bằng dây xích, hoặc trói bằng dây mây, hoặc trói bằng dây leo, hoặc với việc giam trong hồ, hoặc giam trong hào, hoặc giam trong làng, hoặc giam trong thị trấn, hoặc giam trong thành phố, hoặc giam trong quốc độ, hoặc giam trong xứ sở, thậm chí còn khuyên bảo rằng: “Người không được phép ra khỏi nơi này.” Kẻ ấy, do duyên giam cầm, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uế hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện.

¹ Attadaṇḍā được dịch là “uế hạnh của bản thân” căn cứ vào lời giải thích của Chú giải: “Attadaṇḍābhayaṃ jātam attano duccaritakāraṇā jātam” (SnA. II. 566; NidA. II. 423) và “daṇḍātiduccaritā” (Sdd.). Tựa đề của bài kinh đã được ghi theo ý nghĩa ấy. (ND)

Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui. Đức vua ra lệnh đem lại tài sản của kẻ ấy: Một trăm, một ngàn, hoặc một trăm ngàn. Kẻ ấy, do duyên mắt mắt tài sản, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uest hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện.

Chỉ với chừng ấy, đức vua không được vui. Đức vua ra lệnh thực hiện nhiều loại hình phạt ở thân đối với kẻ ấy: Đánh bằng các cây roi, đánh bằng các dây mây, đánh bằng các gậy ngắn, chặt bàn tay, chặt bàn chân, chặt bàn tay và bàn chân, cắt tai, xẻo mũi, cắt tai và xẻo mũi, [đập vỡ đầu] làm thành như hũ cháo chua, lột da đầu, đốt lửa ở miệng, thiêu sống, đốt cháy ở bàn tay, lột da thành sợi, lột da thành đồng để ở chân, kéo căng thân người ở trên đất, xiên da thịt bằng lưỡi câu, khoét thịt thành đồng tiền, chà xát với chất kiềm, quay tròn ở trên thập tự giá, đánh cho như từ, rưới bằng dầu sôi, cho những con chó gặm, đặt trên giáo nhọn lúc còn sống, chặt đầu bằng gươm. Kẻ ấy, do duyên các hình phạt ở thân, cảm thọ khổ ưu. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uest hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Đức vua là chúa tể của bốn hình phạt này.

Kẻ ấy, với nghiệp của mình, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Những người giữ địa ngục cho thực hiện hình phạt “trói buộc năm cách” đối với kẻ ấy: Họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn tay, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn tay thứ hai, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn chân, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở bàn chân thứ hai, họ dùng cọc sắt đã được đốt nóng đóng vào ở giữa ngực. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, cảm nhận các thọ khổ, nhức nhối, sắc bén; nhưng kẻ ấy không thể chết đi chừng nào ác nghiệp ấy còn chưa chấm dứt. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uest hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện.

Những người giữ địa ngục bắt kẻ ấy nằm xuống và dùng những cái rìu băm nát. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, cảm nhận các thọ khổ, sắc bén, nhức nhối; nhưng kẻ ấy không thể chết đi chừng nào ác nghiệp ấy còn chưa chấm dứt. Những người giữ địa ngục nắm lấy kẻ ấy, chân phía trên đầu phía dưới và dùng những cái búa băm nát. Những người giữ địa ngục cột kẻ ấy vào cỗ xe rồi cho kéo tới kéo lui ở trên đất đã được đốt cháy, sáng rực, đỏ rực. ... (nt)... Những người giữ địa ngục bắt kẻ ấy trèo lên, trèo xuống ở ngọn núi than hừng tọ lớn đã được đốt cháy, sáng rực, đỏ rực. ... (nt)... Những người giữ địa ngục nắm lấy kẻ ấy, chân phía trên đầu phía dưới, rồi ném vào chảo đồng đã được đốt nóng, đốt cháy, sáng rực, đỏ rực. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, bị nung nấu ở bọt nước sôi sục. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, trong khi bị nung nấu ở bọt nước sôi sục, lúc thì nổi lên trên, lúc thì chìm xuống dưới, lúc thì trôi ngang. Kẻ ấy, ở tại nơi ấy, cảm nhận các thọ khổ, sắc bén, nhức nhối; nhưng kẻ ấy không thể chết đi chừng nào ác nghiệp ấy còn chưa chấm dứt. Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uest hạnh

của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Những người giữ địa ngục ném kẻ ấy vào đại địa ngục. Quả vậy, đại địa ngục ấy là:

1. [Đại địa ngục] có bốn góc, có bốn cửa lớn
Được chia thành các phần cân đối,
Được bao quanh bằng tường sắt,
Được đập lại bằng mái sắt.
2. Nền của [đại địa ngục] làm bằng sắt,
Được thiêu đốt, cháy với lửa ngọn,
Luôn luôn tỏa khắp và tồn tại
Xung quanh một trăm do-tuần.
3. [Các đại địa ngục] có sự đốt nóng khổ sở, ghê rợn, có ngọn lửa khó lại gần, có hình dạng làm rờn lông, ghê rợn, gây ra sự sợ hãi, khó chịu.²
4. Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Đông, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Tây.
5. Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Tây, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Đông.
6. Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Bắc, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Nam.
7. Khối lửa được phát khởi ở bức tường hướng Nam, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở hướng Bắc.
8. Khối lửa khủng khiếp phát xuất từ bên dưới, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở mái che [bên trên].
9. Khối lửa khủng khiếp phát xuất từ mái che, trong khi thiêu đốt những kẻ có ác nghiệp, đi đến chạm vào [khối lửa] ở mặt đất [bên dưới].
10. Cái chảo sắt đã được đốt cháy, nóng đỏ, sáng chói như thể nào thì địa ngục Avīci, ở bên dưới, bên trên và bên hông là như vậy.
11. Ở nơi ấy, những chúng sanh vô cùng hung dữ, đã gây ra trọng tội, có hành động cực kỳ ác độc, bị nung nấu và không thể chết đi.
12. Thân thể của họ, những cư dân ở địa ngục, giống như ngọn lửa. Hãy nhìn xem tính chất vững bền của nghiệp, không như tro, không như bụi.
13. Họ chạy về hướng Đông, rồi từ đó chạy về hướng Tây. Họ chạy về hướng Bắc, rồi từ đó họ chạy về hướng Nam.
14. Họ chạy đến bất cứ hướng nào, cánh cửa hướng ấy đều được đóng lại. Với niềm mong mỏi được thoát ra, các chúng sanh ấy có sự tìm kiếm lối thoát.
15. Họ không thể đi ra khỏi nơi ấy bởi vì nghiệp duyên, khi ác nghiệp của họ đã tạo có nhiều và còn chưa trả xong.

² Bốn sanh “Ân sĩ Saṅkicca” (Saṅkicajātakam), số 530, TTPV, tập 33, trang 275, câu kệ 3483. (ND)

Sự sợ hãi, khổ ưu này do đâu mà xảy đến cho kẻ ấy? Do uest hạnh của bản thân mà việc ấy đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Những khổ đau ở địa ngục, những khổ đau ở loài thú, những khổ đau ở thân phận ngựa quý, những khổ đau ở cõi người, những khổ đau ấy do đâu đã được sanh ra, do đâu đã được sanh khởi, do đâu đã được hạ sanh, do đâu đã được phát sanh, do đâu đã được xuất hiện? Do uest hạnh của bản thân mà chúng đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện.

“Sự sợ hãi sanh lên do uest hạnh của bản thân” là như thế.

Các người hãy nhìn xem loài người đang gây gỗ: Đây các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người, các người hãy nhìn xem, hãy nhận thấy, hãy quan sát, hãy suy xét, hãy khảo sát loài người đang gây gỗ, loài người đang cãi cọ, loài người đang chống đối, loài người đang đối chọi, loài người đang hằn học, loài người đang thù hận, loài người đang căm hờn, loài người đang thù hận.

“Các người hãy nhìn xem loài người đang gây gỗ” là như thế.

Ta sẽ thuật lại trạng thái chấn động: Trạng thái chấn động là sự hốt hoảng, sự khiếp sợ, sự sợ hãi, sự hành hạ, sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ.

Ta sẽ thuật lại: Ta sẽ giải bày, Ta sẽ nêu ra, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ.

“Ta sẽ thuật lại trạng thái chấn động” là như thế.

Đúng theo sự việc đã làm cho Ta bị chấn động: Đúng theo sự việc đã làm cho chính bản thân Ta bị chấn động, bị hốt hoảng, bị đưa đến trạng thái chấn động.

“Đúng theo sự việc đã làm cho Ta bị chấn động” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sự sợ hãi sanh lên do uest hạnh của bản thân.

Các người hãy nhìn xem loài người đang gây gỗ.

Ta sẽ thuật lại trạng thái chấn động

Đúng theo sự việc đã làm cho Ta bị chấn động.”

15.2. Sau khi nhìn thấy nhân loại đang chao động tựa như những con cá ở chỗ ít nước, sau khi nhìn thấy chúng chống đối lẫn nhau, sự sợ hãi đã tiến đến Ta.

Sau khi nhìn thấy nhân loại đang chao động.

Nhân loại: Là từ gọi chúng sanh. Nhân loại đang chao động với sự chao động bởi tham ái, đang chao động với sự chao động bởi tà kiến, đang chao động với sự chao động bởi ô nhiễm, đang chao động với sự chao động bởi uest hạnh, đang chao động với sự chao động bởi sự ra sức, đang chao động với sự

chao động bởi nghiệp quả; kẻ bị luyến ái đang chao động bởi luyến ái, kẻ bị sân hận đang chao động bởi sân hận, kẻ bị si mê đang chao động bởi si mê, kẻ bị trói buộc đang chao động bởi ngã mạn, kẻ bị tán loạn đang chao động bởi sự phóng dật, kẻ không dứt khoát đang chao động bởi hoài nghi, kẻ cứng cỏi đang chao động bởi các pháp tiềm ẩn, đang chao động bởi lợi lộc, đang chao động bởi không lợi lộc, đang chao động bởi danh vọng, đang chao động bởi không danh vọng, đang chao động bởi lời khen, đang chao động bởi tiếng chê, đang chao động bởi hạnh phúc, đang chao động bởi khổ đau, đang chao động bởi sanh, đang chao động bởi già, đang chao động bởi bệnh, đang chao động bởi chết, đang chao động bởi sâu-bi-khô-uru-não, đang chao động bởi khổ ở địa ngục, đang chao động bởi khổ ở loài thú, đang chao động bởi khổ ở thân phận ngựa quý, đang chao động bởi khổ của loài người,... bởi khổ bắt nguồn từ việc nhập thai,... bởi khổ bắt nguồn từ việc trụ thai,... bởi khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai,... bởi khổ gắn liền sau khi sanh ra,... bởi khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra,... bởi khổ do sự ra sức của bản thân,... bởi khổ do sự ra sức của kẻ khác,... bởi khổ do [thọ] khổ,... bởi khổ do pháp tạo tác,... bởi khổ do sự biến đổi,... bởi khổ do bệnh ở mắt,... do bệnh ở tai trong,... do bệnh ở mũi,... do bệnh ở lưỡi,... do bệnh ở thân,... do bệnh ở đầu,... do bệnh ở lỗ tai,... do bệnh ở miệng,... do bệnh ở răng,... bởi ho,... bởi suyễn,... bởi sổ mũi,... bởi nhiệt,... bởi cảm sốt,... bởi đau bụng,... bởi xây xẩm,... bởi kiết lỵ,... bởi đau bụng bão,... bởi dịch tả,... bởi phong cùi,... bởi khối u,... bởi bệnh chàm,... bởi lao phổi,... bởi động kinh,... bởi mụn,... bởi nhọt,... bởi ghẻ ngứa,... bởi sảy,... bởi loét tay chân,... bởi máu,... bởi mật,... bởi bệnh tiêu đường,... bởi bệnh trĩ,... bởi ghẻ lở,... bởi loét hậu môn,... bởi bệnh phát khởi từ mật,... bởi bệnh phát khởi từ đàm,... bởi bệnh phát khởi từ gió,... bởi bệnh tổng hợp do mật-dàm-gió,... bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết,... bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều,... bởi bệnh thuộc dạng cấp tính,... bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp,... bởi lạnh,... bởi nóng,... bởi đói,... bởi khát,... bởi đại tiện,... bởi tiểu tiện,... bởi khổ do sự xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát,... bởi khổ do cái chết của mẹ,... bởi khổ do cái chết của cha,... bởi khổ do cái chết của anh [em] trai,... bởi khổ do cái chết của chị [em] gái,... bởi khổ do cái chết của con trai,... bởi khổ do cái chết của con gái,... bởi khổ do cái chết của thân quyến,... bởi khổ do sự tổn hại về của cải,... bởi khổ do sự tổn hại vì bệnh tật,... bởi khổ do sự tổn hại về giới, đang chao động bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức, đang lay động, đang xáo động, đang run rẩy, đang chấn động, đang rung động.

Sau khi nhìn thấy: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

“Sau khi nhìn thấy nhân loại đang chao động” là như thế.

Tựa như những con cá ở chỗ ít nước: Giống như những con cá ở chỗ ít nước, ở chỗ kiệt nước, trong khi bị những con quạ, những con điều hâu, những

con cò tần công, tha đi, rĩa rỏi, chúng chao động, lay động, xáo động, run rẩy, chấn động, rung động; tương tự như vậy, nhân loại chao động do sự chao động bởi tham ái... (nt)... chao động bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức, lay động, xáo động, run rẩy, chấn động, rung động.

“Tựa như những con cá ở chỗ ít nước” là như thế.

Chúng chống đối lẫn nhau: Chúng sanh chống đối, đối chọi, hằn học, thù hằn, căm hờn, thù hận lẫn nhau: Các vị vua tranh cãi với các vị vua, các Sát-đế-ly tranh cãi với các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn tranh cãi với các Bà-la-môn, các gia chủ tranh cãi với các gia chủ, mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh [em] trai tranh cãi với anh [em] trai, chị [em] gái tranh cãi với chị [em] gái, anh [em] trai tranh cãi với chị em] gái, chị [em] gái tranh cãi với anh [em] trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè. Tại nơi ấy, chúng đạt đến sự cãi cọ, sự cãi vã, sự tranh cãi, rồi công kích lẫn nhau bằng những bàn tay, công kích lẫn nhau bằng những cục đất, công kích lẫn nhau bằng những gậy gộc, công kích lẫn nhau bằng những gươm dao. Tại nơi ấy, chúng đi đến cái chết, thậm chí sự khổ đau kề cận cái chết.

“Chúng chống đối lẫn nhau” là như thế.

Sau khi nhìn thấy, sự sợ hãi đã tiến đến Ta.

Sau khi nhìn thấy: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt, sự sợ hãi, sự hành hạ, sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ đã tiến đến.

“Sau khi nhìn thấy, sự sợ hãi đã tiến đến Ta” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi nhìn thấy nhân loại đang chao động tựa như những con cá ở chỗ ít nước, sau khi nhìn thấy chúng chống đối lẫn nhau, sự sợ hãi đã tiến đến Ta.”

15.3. Toàn bộ thế giới là không có cốt lõi,

Tất cả các phương đều bị chuyển động.

Trong khi ước muốn chỗ trú ngụ cho bản thân,

Ta đã không nhìn thấy [một nơi nào là] không bị áp chế.

Toàn bộ thế giới là không có cốt lõi.

Thế giới: Thế giới địa ngục, thế giới loài thú, thế giới naga quỷ, thế giới loài người, thế giới chư thiên, thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, thế giới chư thiên; đây gọi là thế giới. Thế giới địa ngục là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa bền vững, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thế giới loài thú... Thế giới naga quỷ... Thế giới loài người... Thế giới chư thiên... Thế giới của các

uẩn... Thế giới của các giới... Thế giới của các xứ... Thế giới này... Thế giới khác... Thế giới Phạm thiên... Thế giới chư thiên là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa bền vững, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi.

Giống như cây sậy là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây đu đủ là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây sung là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây san hô là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây pāribhaddaka là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như bọt nước là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như bong bóng nước là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như ảo ảnh là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như thân cây chuối là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như xảo thuật là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; tương tự như vậy, thế giới địa ngục là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chắc, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thế giới loài thú... Thế giới ngạ quỷ... Thế giới loài người... Thế giới chư thiên là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chắc, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thế giới của các uẩn... Thế giới của các giới... Thế giới của các xứ... Thế giới này... Thế giới khác... Thế giới Phạm thiên... Thế giới chư thiên là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi thường còn, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi an lạc, hoặc so với cái cốt lõi được gọi là cốt lõi tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chắc, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi.

“Toàn bộ thế giới là không có cốt lõi” là như thế.

Tất cả các phương đều bị chuyển động: Các pháp tạo tác nào ở phương Đông, chúng đều bị di động, bị chuyển động, bị dao động, bị đụng chạm bởi tính chất vô thường, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị ngự trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khô, là không nơi nương náu, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ. Các pháp tạo tác nào ở phương Tây... Các pháp tạo tác nào ở phương Bắc... Các pháp tạo tác nào ở phương Nam... Các pháp tạo tác nào ở phương Đông

Nam... Các pháp tạo tác nào ở phương Tây Bắc... Các pháp tạo tác nào ở phương Đông Bắc... Các pháp tạo tác nào ở phương Tây Nam... Các pháp tạo tác nào ở phương dưới... Các pháp tạo tác nào ở phương trên... Các pháp tạo tác nào ở mười phương, chúng đều bị di động, bị chuyển động, bị dao động, bị đụng chạm bởi tính chất vô thường, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị ngự trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương náu, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

Và điều này cũng đã được nói đến:

1. *“Mặc dầu cung điện ấy của Ngài rực sáng,
Trong khi đang chiếu sáng ở phương Bắc.
Sau khi nhìn thấy khuyết tật ở sắc, luôn luôn bị biến động,
Vì thế, bậc Thiện trí không vui thích ở sắc.”*
2. *“Thế gian bị hành hạ bởi chết, bị bao trùm bởi già,
Bị đắm vào bởi mũi tên tham ái, luôn luôn cháy âm ỉ bởi ước muốn.”*
3. *“Toàn bộ thế giới bị đốt cháy, toàn bộ thế giới bị bốc khói,
Toàn bộ thế giới bị phát cháy, toàn bộ thế giới bị lay động.”
“Tất cả các phương đều bị chuyển động” là như thế.*

Trong khi ước muốn chỗ trú ngụ cho bản thân: Trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu chỗ trú ngụ, nơi nương náu, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, đích đến, lối đi khác.

“Trong khi ước muốn chỗ trú ngụ cho bản thân” là như thế.

Ta đã không nhìn thấy [một nơi nào là] không bị áp chế: Ta chỉ nhìn thấy sự bị áp bức, Ta đã không nhìn thấy sự không bị áp bức. Mọi trạng thái trẻ trung bị sự già áp chế, mọi trạng thái khỏe mạnh bị bệnh hoạn áp chế, mọi sự sống bị cái chết áp chế, mọi lợi lộc bị không lợi lộc áp chế, mọi danh vọng bị không danh vọng áp chế, mọi sự khen ngợi bị sự chê bai áp chế, mọi hạnh phúc bị khô đau áp chế.

4. *“Lợi lộc và không lợi lộc, không danh vọng và danh vọng,
Khen ngợi và chê bai, hạnh phúc và khổ đau,
Các pháp này ở nơi loài người là vô thường,
Không trường tồn, có tánh chất biến đổi.”*

“Ta đã không nhìn thấy [một nơi nào là] không bị áp chế” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Toàn bộ thế giới là không có cốt lõi,
Tất cả các phương đều bị chuyển động.
Trong khi ước muốn chỗ trú ngụ cho bản thân,
Ta đã không nhìn thấy [một nơi nào là] không bị áp chế.”*

15.4. Nhưng sau khi nhìn thấy chúng chống chọi ở giai đoạn kết thúc, sự không ưa thích đã khởi lên ở Ta. Và ở đây, Ta đã nhìn thấy mũi tên khó có thể nhìn thấy đã được cắm vào trái tim (tâm thức).

Chúng chống chọi ở giai đoạn kết thúc.

Ở giai đoạn kết thúc: Sự già kết thúc mọi trạng thái trẻ trung, bệnh hoạn kết thúc mọi trạng thái khỏe mạnh, cái chết kết thúc mọi sự sống, không lợi lộc kết thúc mọi lợi lộc, không danh vọng kết thúc mọi danh vọng, sự chê bai kết thúc mọi sự khen ngợi, khổ đau kết thúc mọi hạnh phúc. “Ở giai đoạn kết thúc” là như thế.

Chúng chống chọi: Các chúng sanh có sự ham muốn trạng thái trẻ trung đối chọi với sự già, các chúng sanh có sự ham muốn trạng thái khỏe mạnh đối chọi với bệnh hoạn, các chúng sanh có sự ham muốn sự sống đối chọi với cái chết, các chúng sanh có sự ham muốn lợi lộc đối chọi với không lợi lộc, các chúng sanh có sự ham muốn danh vọng đối chọi với không danh vọng, các chúng sanh có sự ham muốn sự khen ngợi đối chọi với sự chê bai, các chúng sanh có sự ham muốn hạnh phúc đối chọi với khổ đau; chúng hăn học, thù hằn, căm hờn, thù hận.

“Chúng chống chọi ở giai đoạn kết thúc” là như thế.

Sau khi nhìn thấy, sự không ưa thích đã khởi lên ở Ta.

Sau khi nhìn thấy: Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. “Sau khi nhìn thấy” là như thế.

Sự không ưa thích [đã khởi lên] ở Ta: Sự không ưa thích, sự không thích thú, biểu hiện không thích thú, trạng thái ngao ngán, sự chán ngấy đã khởi lên.

“Sau khi nhìn thấy, sự không ưa thích đã khởi lên ở Ta” là như thế.

Và ở đây, Ta đã nhìn thấy mũi tên.

Và: Từ “*atha*” này là sự nối liền các câu văn... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

Ở đây: Ở các chúng sanh.

Mũi tên: Có bảy mũi tên: Mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê, mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sầu muộn, mũi tên nghi hoặc.

Ta đã nhìn thấy: Ta đã nhìn xem, Ta đã nhìn thấy, Ta đã nhận thấy, Ta đã thấu triệt.

“Và ở đây, Ta đã nhìn thấy mũi tên” là như thế.

Khó có thể nhìn thấy đã được cắm vào trái tim (tâm thức).

Khó có thể nhìn thấy: Khó nhìn thấy, khó nhận thấy, khó nhìn xem, khó hiểu biết, khó thấu hiểu, khó thấu triệt. “Khó có thể nhìn thấy” là như thế.

Đã được cắm vào trái tim: Trái tim nói đến tâm; tâm tức là ý, ý thức, trái tim, chất xám; ý, ý xú, ý quyền, thức, thức uẩn; từ đó ý thức giới sanh lên; đã

được cắm vào trái tim, đã được nương vào trái tim, đã được cắm vào tâm, đã được nương vào tâm, là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đối tượng với tâm.

“Khó có thể nhìn thấy đã được cắm vào trái tim (tâm thức)” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Nhưng sau khi nhìn thấy chúng chống chọi ở giai đoạn kết thúc, sự không ưa thích đã khởi lên ở Ta. Và ở đây, Ta đã nhìn thấy mũi tên khó có thể nhìn thấy đã được cắm vào trái tim (tâm thức).”

15.5. *Kẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương [luân hồi khắp các cõi], sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xuống.*

Kẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương.

Mũi tên: Có bảy mũi tên: Mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê, mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sầu muộn, mũi tên nghi hoặc.

Mũi tên luyến ái là cái nào? Sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, sự say đắm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện; cái này là mũi tên luyến ái.

Mũi tên sân hận là cái nào? [Nghĩ rằng:] “Nó đã làm điều bất lợi cho ta”, tức tối sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó đang làm điều bất lợi cho ta”, tức tối sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó sẽ làm điều bất lợi cho ta”, tức tối sanh khởi... (nt)... sự tàn nhẫn, sự lỗ mẫn, trạng thái không hoan hỷ của tâm; cái này là mũi tên sân hận.

Mũi tên si mê là cái nào? Sự không biết về khổ... (nt)... sự không biết về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, sự không biết về điểm khởi đầu, sự không biết về điểm kết thúc, sự không biết về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, sự không biết về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự không nhìn thấy nào có hình thức như vậy là sự không chứng ngộ, không thấu hiểu, không giác ngộ, không thấu triệt, không thu thập, không thâm nhập, không xem xét, không quán xét, không làm cho thấy rõ, không trong sáng, trạng thái ngu si, sự si mê, sự mê ám, sự mê muội, vô minh, sự lôi cuốn vào vô minh, sự gắn bó với vô minh, sự tiềm ẩn của vô minh, sự ngự trị của vô minh, sự ngăn trở của vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện; cái này là mũi tên si mê.

Mũi tên ngã mạn là cái nào? [Nghĩ rằng:] “Ta là tốt hơn” là ngã mạn, [nghĩ rằng:] “Ta là ngang bằng” là ngã mạn, [nghĩ rằng:] “Ta là thua kém” là ngã mạn; ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; cái này là mũi tên ngã mạn.

Mũi tên tà kiến là cái nào? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng, quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiềm trở của tà kiến, có sự

bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; cái này là mũi tên tà kiến.

Mũi tên sầu muộn là cái nào? Sự sầu muộn, sự buồn rầu, trạng thái buồn phiền, sự sầu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở nội tâm, sự bức tức ở nội tâm, sự bức bối của tâm, nỗi ưu phiền của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyền, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác; cái này là mũi tên sầu muộn.

Mũi tên nghi hoặc là cái nào? Nghi ngờ về khổ, nghi ngờ về nhân sanh khổ, nghi ngờ về sự diệt tận khổ, nghi ngờ về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, nghi ngờ về điểm khởi đầu, nghi ngờ về điểm kết thúc, nghi ngờ về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, nghi ngờ về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự nghi ngờ nào có hình thức như vậy là biểu hiện nghi ngờ, trạng thái nghi ngờ, sự nhầm lẫn, sự hoài nghi, sự lưỡng lự, sự phân vân, sự ngờ vực, sự không nắm chắc, sự không quyết định, sự không quả quyết, sự không thể xác quyết, trạng thái sừng sốt, sự bối rối của tâm; cái này là mũi tên nghi hoặc.

Kẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương: Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên luyến ái [sẽ] làm hành động xấu xa bằng thân, làm hành động xấu xa bằng khẩu, làm hành động xấu xa bằng ý, giết hại mạng sống, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên luyến ái [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Hoặc là, kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên luyến ái, trong khi tâm cầu của cải, [sẽ] dùng thuyền lao vào đại dương, đương đầu với lạnh, đương đầu với nóng, bị khổ sở bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, bị chết bởi các cơn đói khát, đi đến Tigumba, đi đến Takkola, đi đến Takkasilā, đi đến Kālamukha, đi đến Parammukha, đi đến Vesuṅga, đi đến Verāpatha, đi đến Java, đi đến Tāmālī, đi đến Vaṅga, đi đến Eḷavaddhana, đi đến Suvannakūṭa, đi đến Suvannabhūmi, đi đến Tambapaṇṇī, đi đến Suppāraka, đi đến Bharukaccha, đi đến Surattṭha, đi đến Aṅgaloka, đi đến Gaṅga, đi đến Paramagaṅga, đi đến Yona, đi đến Paramayona, đi đến Navaka, đi đến Mūlapada, đi đến sa mạc cát, đi đến lối đi phải bỏ gối, đi đến lối đi của dê, đi đến lối đi của cừu, đi đến lối đi phải chống gậy, đi đến lối đi bằng dù, đi đến lối đi phía trên lùm tre, đi đến lối đi của loài

chim, đi đến lối đi của loài chuột, đi đến lối đi khe núi, đi đến lối đi vịn vào lau sậy. Trong khi tầm cầu mà không đạt được thì cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc không có lợi lộc. Trong khi tầm cầu mà đạt được, do đã đạt được mà cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc bảo vệ [nghĩ rằng]: “Làm cách nào để các vị vua không có thể lấy đi, các kẻ trộm cướp không thể mang đi, lửa không thể thiêu cháy, nước không thể cuốn đi, những kẻ thừa tự không được yêu mến không thể lấy đi các của cải của ta?” Trong khi được kẻ ấy bảo vệ, gìn giữ như vậy, các của cải ấy bị hư hoại. Kẻ ấy cảm thọ khổ ưu phát xuất từ việc xa lìa. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên luyến ái [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây còn là như vậy.

Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên sân hận, bởi mũi tên si mê, bởi mũi tên ngã mạn [sẽ] làm hành động xấu xa bằng thân, làm hành động xấu xa bằng khẩu, làm hành động xấu xa bằng ý, giết hại mạng sống, lấy vật không được cho, đột nhập gia cư, mang đi vật cướp được, làm kẻ đạo tặc, đứng cướp dọc đường, đi đến với vợ người khác, nói lời dối trá. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên ngã mạn [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên tà kiến [sẽ] trở thành người tu lỗi thể, có hành vi phóng túng, liêm tay cho sạch, [khi đi khát thực] không đi đến khi được mời đi đến, không dừng lại khi được mời dừng lại, không nhận vật thực được mang đến, hoặc được chỉ định, không ưng thuận sự mời thỉnh. Kẻ ấy không thọ nhận [vật thực] lấy từ miệng nôi, không thọ nhận từ miệng thau chậu, không thọ nhận [vật thực] đưa qua ngưỡng cửa, hoặc đưa qua cây gậy, hoặc đưa qua cái chày, không nhận [vật thực] từ hai người đang ăn, từ người nữ mang thai, từ người nữ đang cho con bú, từ người nữ ở trong lòng người nam, hoặc từ những sự quyên góp, không nhận [vật thực] ở nơi có con chó châu chực, ở nơi có nhiều ruồi bu, không thọ nhận thịt, cá, không uống rượu, chất say, chất lên men. Kẻ ấy nhận vật thực ở một nhà và ăn chỉ một vắt, nhận vật thực ở hai nhà và ăn chỉ hai vắt,... (nt)... nhận vật thực ở bảy nhà và ăn chỉ bảy vắt. Kẻ ấy nuôi sống chỉ với một chén, nuôi sống chỉ với hai chén,... (nt)... nuôi sống chỉ với bảy chén. Kẻ ấy thọ thực một ngày một bữa, thọ thực hai ngày một bữa, thọ thực bảy ngày một bữa. Với hình thức như vậy, kẻ ấy sống gấn bó và đeo đuổi việc thọ dụng thức ăn theo phương thức nửa tháng một lần. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên tà kiến [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Hoặc là, bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên tà kiến, kẻ ấy trở thành người ăn rau, hoặc trở thành người ăn hạt kê, hoặc trở thành người ăn lúa đại, hoặc trở thành người ăn da vụn, hoặc trở thành người ăn rêu, hoặc trở thành người ăn cám, hoặc trở thành người ăn

bột nước cơm, hoặc trở thành người ăn bột vừng, hoặc trở thành người ăn hạt mè, hoặc trở thành người ăn cỏ, hoặc trở thành người ăn phân bò, hoặc nuôi sống với thức ăn là rễ và trái cây ở trong rừng, với thực phẩm là trái cây rụng xuống. Kẻ ấy mặc các loại vải sợi gai, mặc các loại vải sợi gai pha tạp, mặc các tấm vải quần tử thi, mặc các tấm vải bị quăng bỏ, mặc các loại vỏ cây, mặc các tấm da sơn dương, mặc các tấm da báo, mặc y phục sợi cỏ kusa, mặc y phục sợi vỏ cây, mặc y phục vỏ bào của gỗ, mặc mền kết bằng sợi tóc, mặc mền kết bằng lông đuôi thú, mặc y phục kết bằng lông chim cú, là người theo hạnh nhô râu tóc, sống gấn bó và đeo đuôi việc nhô râu tóc. Kẻ ấy trở thành người theo hạnh đứng thẳng, chối từ chỗ ngồi, trở thành người theo hạnh ngồi chò hỏ, gấn bó và đeo đuôi việc tinh tấn ngồi chò hỏ, trở thành người đi đứng ở thẳm cấm chông, sắp xếp việc nằm ở thẳm cấm chông, sắp xếp việc nằm ở ván gỗ, sắp xếp việc nằm ở mô đất cứng, trở thành người nằm một bên hông, có thân thể đầy bụi bám và chất dơ, trở thành người theo hạnh sống ngoài trời, ngụ ở chỗ đã nhận được, trở thành người theo hạnh ăn phân, gấn bó và đeo đuôi việc thọ dụng phân, trở thành người theo hạnh không uống nước lạnh, gấn bó và đeo đuôi việc không uống nước lạnh, sống gấn bó và đeo đuôi việc lội xuống nước tắm một đêm ba lần. Với hình thức như vậy theo nhiều cách, kẻ ấy sống gấn bó và đeo đuôi việc khổ hạnh và hành hạ thân thể. Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chề ngự, bị xâm nhập, bị sờ hữu bởi mũi tên tà kiến [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chề ngự, bị xâm nhập, bị sờ hữu bởi mũi tên sáu muộn [sẽ] sáu muộn, mệt mỏi, than vãn, đầm ngực khóc lóc, đi đến sự mê muội. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatthi này, một người đàn bà nọ có mẹ đã qua đời. Do việc qua đời của mẹ, người đàn bà này bị điên, có tâm bị tán loạn, đã đi từ đường phố này đến đường phố khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, và đã nói như vậy: ‘Ông có nhìn thấy mẹ của tôi không? Ông có nhìn thấy mẹ của tôi không?’

Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatthi này, một người đàn bà nọ có cha đã qua đời, có anh [em] trai đã qua đời, có chị [em] gái đã qua đời, có con trai đã qua đời, có con gái đã qua đời, có người chồng đã qua đời. Do việc qua đời của chồng, người đàn bà này bị điên, có tâm bị tán loạn, đã đi từ đường phố này đến đường phố khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, và đã nói như vậy: ‘Ông có nhìn thấy chồng của tôi không? Ông có nhìn thấy chồng của tôi không?’

Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatthi này, một người đàn ông nọ có mẹ đã qua đời. Do việc qua đời của mẹ, người đàn ông này bị điên, có tâm bị tán loạn, đã đi từ đường phố này đến đường phố khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, và đã nói như vậy: ‘Ông có nhìn thấy mẹ của tôi không? Ông có nhìn thấy mẹ của tôi không?’

Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatti này, một người đàn ông nọ có cha đã qua đời, có anh [em] trai đã qua đời, có chị [em] gái đã qua đời, có con trai đã qua đời, có con gái đã qua đời, có người vợ đã qua đời. Do việc qua đời của vợ, người đàn ông này bị điên, có tâm bị tán loạn, đã đi từ đường phố này đến đường phố khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, và đã nói như vậy: ‘Ông có nhìn thấy vợ của tôi không? Ông có nhìn thấy vợ của tôi không?’

Này Bà-la-môn, vào thời quá khứ, ở ngay tại Sāvatti này, một người đàn bà nọ đã đi đến thăm nhà bà con. Những người bà con ấy có ý muốn chia cắt người chồng với cô ấy rồi gả cô ấy cho một người khác. Nhưng cô ấy không muốn gả đàn ông kia. Khi ấy, người đàn bà ấy đã nói với chồng điều này: ‘Này phu quân, những người bà con này có ý muốn chia cắt chàng với thiếp rồi gả thiếp cho một người khác. Cả hai chúng ta hãy chết đi.’ Khi ấy, người đàn ông ấy đã chặt người đàn bà ấy làm hai rồi tự vẫn, [nghĩ rằng:] ‘Cả hai chúng ta sẽ chung sống sau khi chết.’” Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên sâu muộn [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên nghi hoặc [sẽ] bị rơi vào ngờ vực, bị rơi vào nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: “Phải chăng ta đã hiện hữu trong thời quá khứ? Phải chăng ta đã không hiện hữu trong thời quá khứ? Ta đã là cái gì trong thời quá khứ? Ta đã hiện hữu trong thời quá khứ như thế nào? Ta đã trở thành cái gì và đã trở thành cái gì trong thời quá khứ? Phải chăng ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai? Phải chăng ta sẽ không hiện hữu trong thời vị lai? Ta sẽ là cái gì trong thời vị lai? Ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ trở thành cái gì, rồi sẽ trở thành cái gì trong thời vị lai?” Hoặc bây giờ, có sự nghi hoặc liên quan đến thời hiện tại rằng: “Phải chăng ta hiện hữu? Phải chăng ta không hiện hữu? Ta là cái gì? Ta hiện hữu như thế nào? Ta là chúng sanh từ đâu đến? Ta đây sẽ đi đâu?” Kẻ bị đâm vào, bị xuyên thủng, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi mũi tên nghi hoặc [sẽ] chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây là như vậy.

Trong khi tạo tác ra những mũi tên ấy, kẻ tạo tác ra những mũi tên ấy chạy đến hướng Đông, chạy đến hướng Tây, chạy đến hướng Bắc, chạy đến hướng Nam do tác động của việc tạo tác ra mũi tên. Các việc tạo tác ra mũi tên ấy là chưa được dứt bỏ; do trạng thái chưa được dứt bỏ của các việc tạo tác ra mũi tên, mà [sẽ] chạy đến cảnh giới tái sanh, chạy đến địa ngục, chạy đến loài thú, chạy đến thân phận ngạ quỷ, chạy đến thế giới loài người, chạy đến thế giới chư thiên, chạy, chạy khắp, chạy vội, di chuyển đó đây từ cảnh giới tái sanh này đến cảnh giới tái sanh khác, từ sự tái sanh này đến sự tái sanh khác, từ sự nối liền tái sanh này đến sự nối liền tái sanh khác, từ sự hiện hữu này đến sự hiện hữu khác, từ sự luân hồi này đến sự luân hồi khác, từ sự luân chuyển này đến sự luân chuyển khác.

“Kẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương” là như vậy.

Sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xuống: Sau khi nhổ lên, sau khi kéo ra, sau khi lấy lên, sau khi lấy ra, sau khi rút lên, sau khi rút ra, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu chính mũi tên luyến ái, mũi tên sân hận, mũi tên si mê, mũi tên ngã mạn, mũi tên tà kiến, mũi tên sâu muợn, mũi tên nghi hoặc ấy thì chẳng những không chạy đến hướng Đông, mà còn không chạy đến hướng Tây, không chạy đến hướng Bắc, không chạy đến hướng Nam. Các việc tạo tác ra mũi tên ấy là đã được dứt bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các việc tạo tác ra mũi tên, mà không chạy đến cảnh giới tái sanh, không chạy đến địa ngục, không chạy đến loài thú, không chạy đến thân phận ngã quý, không chạy đến thế giới loài người, không chạy đến thế giới chư thiên, không chạy, không chạy khắp, không chạy vội, không di chuyển đó đây từ cảnh giới tái sanh này đến cảnh giới tái sanh khác,... từ sự tái sanh này đến sự tái sanh khác,... từ sự nối liền tái sanh này đến sự nối liền tái sanh khác,... từ sự hiện hữu này đến sự hiện hữu khác,... từ sự luân hồi này đến sự luân hồi khác,... từ sự luân chuyển này đến sự luân chuyển khác. “Sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy” là như thế.

Không chìm xuống: Không chìm xuống dòng lũ [ngũ] dục, không chìm xuống dòng lũ của hữu, không chìm xuống dòng lũ tà kiến, không chìm xuống dòng lũ vô minh, không chìm hẳn xuống, không chìm đắm, không đi đến, không đi xuống.

“Sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xuống” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Kẻ đã bị mũi tên đâm vào chạy khắp tất cả các phương [luân hồi khắp các cõi], sau khi đã nhổ chính mũi tên ấy lên thì không chạy, [và] không chìm xuống.”

15.6. *Ở nơi ấy, các môn học tập được truyền tụng,*

Những sự trói buộc nào ở thế gian,

Thì không nên quan tâm đến chúng.

Sau khi thấu suốt các dục về mọi phương diện,

Nên học tập về sự diệt tắt cho bản thân.

Ở nơi ấy, các môn học tập được truyền tụng, những sự trói buộc nào ở thế gian.

Các môn học tập: Môn học tập về voi, môn học tập về ngựa, môn học tập về cỗ xe, thuật châm kim, thuật mổ xẻ, thuật chữa bệnh về cơ thể, thuật trừ tà, thuật chữa bệnh trẻ em.

Được đọc tụng: Được trì tụng, được thuyết giảng, được phát ngôn, được

giảng giải, được diễn tả. Hoặc là, **được đọc tụng**: Được nắm lấy, được tiếp thu, được duy trì, được tiếp nhận, được suy xét nhằm việc đạt được các sự trói buộc. Các sự trói buộc nói đến năm loại dục: Các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gọi tình.³ Vì lý do gì năm loại dục được gọi là các sự trói buộc? Phần lớn chư thiên và nhân loại ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu năm loại dục; vì lý do đó, năm loại dục được gọi là các sự trói buộc.

Ở thế gian: Ở thế gian của loài người.

“Ở nơi ấy, các môn học tập được truyền tụng, những sự trói buộc nào ở thế gian” là như thế.

Thì không nên quan tâm đến chúng: Không nên quan tâm đến các môn học tập ấy hoặc năm loại dục ấy, không nên nghiêng theo chúng, không nên chiều theo chúng, không nên xuôi theo chúng, không nên hướng đến chúng, không nên xem chúng là chủ đạo.

“Thì không nên quan tâm đến chúng” là như thế.

Sau khi thấu suốt các dục về mọi phương diện.

Sau khi thấu suốt: Sau khi thấu triệt; sau khi thấu triệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”, sau khi thấu triệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”,... (nt)... sau khi thấu triệt rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Về mọi phương diện: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ “*sabbaso*” này là lời nói của sự bao gồm.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

“Sau khi thấu suốt các dục về mọi phương diện” là như thế.

Nên học tập về sự diệt tắt cho bản thân.

Học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Sự diệt tắt cho bản thân: Nhằm làm diệt tắt sự luyến ái, nhằm làm diệt tắt sự sân hận, nhằm làm diệt tắt sự si mê,... (nt)... nhằm yên lặng, nhằm yên tịnh, nhằm vắng lặng, nhằm làm diệt tắt, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện của bản thân, nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ.

³ Nên thêm vào “các thính được nhận thức bởi tai... (như trên)... các hương được nhận thức bởi mũi, các vị được nhận thức bởi lưỡi, các xúc được nhận thức bởi thân là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gọi tình” như ở văn bản Miến Điện. Các văn bản Sri Lanka, Thái Lan, PTS của Anh quốc chỉ đơn giản như đã được trình bày ở trên. (ND)

Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập;... (nt)... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

“Nên học tập về sự diệt tắt cho bản thân” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Ở nơi ấy, các môn học tập được truyền tụng,
Những sự trói buộc nào ở thế gian,
Thì không nên quan tâm đến chúng.
Sau khi thấu suốt các dục về mọi phương diện,
Nên học tập về sự diệt tắt cho bản thân.”*

15.7. Nên chân thật, không xác xược, không xảo trá, việc nói đâm thọc không còn nữa, không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt.

Nên chân thật, không xác xược.

Nên chân thật: Nên là người thành tựu lời nói chân thật, nên là người thành tựu chánh kiến, nên là người thành tựu đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. “Nên chân thật” là như thế.

Không xác xược: Có ba sự xác xược: Xác xược bằng thân, xác xược bằng khẩu, xác xược bằng ý. ... (nt)... Đây là sự xác xược bằng ý. Đối với người nào, ba sự xác xược này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không xác xược. “Không xác xược” là như thế.

“Nên chân thật, không xác xược” là như thế.

Không xảo trá, việc nói đâm thọc không còn nữa.

Xảo trá: Nói đến hành vi trá trở. Ở đây một người nào đó sau khi làm ướ hạnh bằng thân, sau khi làm ướ hạnh bằng lời nói, sau khi làm ướ hạnh bằng ý, vì nguyên nhân che đậy việc ấy, định liệu ước muốn xấu xa. [Người ấy] ước muốn rằng: “Chớ ai biết về tôi”, tư duy rằng: “Chớ ai biết về tôi”, nói lời rằng: “Chớ ai biết về tôi”, nỗ lực bằng thân rằng: “Chớ ai biết về tôi.” Việc xảo trá nào có hình thức như vậy là trạng thái xảo trá, sự cố tình không nhớ, sự trá trở, gian lận, thay đổi, tránh né, cất giấu, che giấu, che đậy, che lấp, không phơi bày, không làm rõ, khéo che đậy, việc làm ác; điều này được gọi là xảo trá. Đối với người nào, sự xảo trá này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không xảo trá.

Việc nói đâm thọc không còn nữa.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một người nào đó có lời nói đâm thọc:... (nt)... đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy. Đối với người nào,

việc nói đâm thọc này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là người có việc nói đâm thọc đã được trống vắng, có việc nói đâm thọc đã được tách biệt, có việc nói đâm thọc đã được tách rời.

“Không xảo trá, việc nói đâm thọc không còn nữa” là như thế.

Không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt: Bởi vì “không giận dữ” đã được nói đến thì sự giận dữ cũng nên được nói đến. Sự giận dữ sanh lên theo mười biểu hiện, [nghĩ rằng:] “Nó đã làm điều bất lợi cho ta”, giận dữ sanh khởi;... (nt)... Đối với người nào, sự giận dữ ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là có sự “không giận dữ.” Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự giận dữ thì có sự “không giận dữ.” Do trạng thái đã biết toàn diện về nền tảng của sự giận dữ thì có sự “không giận dữ.” Do trạng thái đã chặt đứt nhân của sự giận dữ thì có sự “không giận dữ.”

Tham: Sự tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự keo kiệt: Nói đến năm loại bòn xén: Bòn xén về chỗ ở,... (nt)... sự nắm lấy được gọi là bòn xén.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là hiền trí.

Không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt: Bậc Hiền trí đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sự xấu xa của tham và sự keo kiệt.

“Không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Nên chân thật, không xác xược, không xảo trá, việc nói đâm thọc không còn nữa, không giận dữ, bậc Hiền trí có thể vượt khỏi hẳn sự xấu xa của tham [và] sự keo kiệt.”

15.8. *Người có tâm ý hướng Niết-bàn nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự đã dươi, không nên cộng trú với sự xao lãng, không nên trụ lại ở sự cao ngạo.*

Nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự đã dươi.

Trạng thái ngủ gà ngủ gật: Là trạng thái không sẵn sàng của thân, trạng thái không thích ứng, sự ngừng lại, sự trì trệ, sự bế tắc ở bên trong, sự buồn ngủ, sự ngủ gục, sự mơ màng, sự ngủ, biểu hiện ngủ, trạng thái ngủ.

Sự uể oải: Là sự uể oải, biểu hiện uể oải, sự mệt mỏi, sự thụ động, sự lờ đờ, biểu hiện lờ đờ, trạng thái lờ đờ.

Sự dã dượi: Là trạng thái không sẵn sàng của tâm, trạng thái không thích ứng, sự chây lười, sự biếng nhác, sự lười biếng, biểu hiện lười biếng, trạng thái lười biếng, sự dã dượi, biểu hiện dã dượi, trạng thái dã dượi của tâm.

Nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự dã dượi: Nên khắc phục, nên khắc chế, nên áp chế, nên ngự trị, nên đè bẹp, nên trấn áp, nên chà đạp trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải và sự dã dượi.

“Nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự dã dượi” là như thế.

Không nên cộng trú với sự xao lãng.

Sự xao lãng cần được nói đến: Là sự buông thả hoặc sự buông xuôi trong việc buông thả của tâm ở uế hạnh về thân, ở uế hạnh về khẩu, ở uế hạnh về ý, hoặc ở năm loại dục, hoặc là trạng thái thực hành không nghiêm trang, trạng thái thực hành không liên tục, trạng thái thực hành không ổn định, có thói quen biếng nhác, trạng thái buông bỏ mong muốn, trạng thái buông bỏ bổn phận, sự không tập luyện, sự không tu tập, sự không làm thường xuyên, sự không quyết tâm, sự không chuyên cần, sự xao lãng trong việc tu tập các thiện pháp; sự xao lãng nào có hình thức như vậy là biểu hiện xao lãng, trạng thái xao lãng; việc này được gọi là sự xao lãng.

Không nên cộng trú với sự xao lãng: Không nên trú, không nên cộng trú, không nên cư trú, không nên lưu trú với sự xao lãng; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự xao lãng; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự xao lãng, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên cộng trú với sự xao lãng” là như thế.

Không nên trụ lại ở sự cao ngạo.

Sự cao ngạo: Ở đây, một người nào đó khinh khi người khác theo sự sanh ra, hoặc theo dòng họ,... (nt)... hoặc theo sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; điều này được gọi là cao ngạo.

Không nên trụ lại ở sự cao ngạo: Không nên trụ lại, không nên trụ vững trong sự cao ngạo; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cao ngạo; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cao ngạo, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên trụ lại ở sự cao ngạo” là như thế.

Người có tâm ý hướng Niết-bàn: Ở đây, một người nào đó trong khi bỏ thí vật thí, trong khi thọ trì giới, trong khi thực hành trai giới, trong khi xếp đặt nước uống nước rửa, trong khi quét dọn phòng ốc, trong khi đánh lễ bảo tháp, trong khi treo hương thơm và vòng hoa ở bảo điện, trong khi nhiễu quanh bảo điện, trong khi tạo tác bất cứ pháp tạo tác thiện nào liên quan đến tam giới,

không vì nguyên nhân là cảnh giới tái sanh, không vì nguyên nhân là sự tái sanh, không vì nguyên nhân là sự nối liền tái sanh, không vì nguyên nhân là sự hiện hữu, không vì nguyên nhân là sự luân hồi, không vì nguyên nhân là sự xoay vần, tạo tác mọi việc ấy với ý nghĩa là khỏi sự ràng buộc, nghiêng về Niết-bàn, chiều theo Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn; người có tâm ý hướng Niết-bàn là như vậy. Hoặc là, sau khi đưa tâm ra khỏi nhân tố của tất cả các pháp tạo tác, [vị ấy] đem tâm vào nhân tố bất tử [biết rằng]: “Cái này là an tịnh, cái này là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.” Người có tâm ý hướng Niết-bàn còn là như vậy.

1. “Các bậc sáng suốt không bỏ thí các vật thí vì nguyên nhân an lạc ở sự tiếp nối tái sanh để sanh ra lần nữa, nhưng các vị ấy tự nguyện bỏ thí các vật thí vì sự cạn kiệt hoàn toàn các mầm tái sanh để không sanh ra lần nữa.

2. Các bậc sáng suốt không tu tập các tầng thiền vì nguyên nhân an lạc ở sự tiếp nối tái sanh để sanh ra lần nữa, nhưng các vị ấy tự nguyện tu tập các tầng thiền vì sự cạn kiệt hoàn toàn các mầm tái sanh để không sanh ra lần nữa.

3. Trong khi mong mỏi sự tịch diệt, các vị ấy bỏ thí với tâm nghiêng theo điều ấy, hướng đến điều ấy. Giống như các con sông tiến đến gần biển cả, các vị ấy có Niết-bàn là mục tiêu chính yếu.”

“Người có tâm ý hướng Niết-bàn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Người có tâm ý hướng Niết-bàn nên khắc phục trạng thái ngủ gà ngủ gật, sự uể oải, sự đã dưng, không nên cộng trú với sự xao lãng, không nên trụ lại ở sự cao ngạo.”

15.9. Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá,

Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc,

Và nên biết toàn diện về ngã mạn,

Nên hành xử tránh xa sự vội vàng.

Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá: Việc nói lời dối trá đề cập đến việc nói dối. Ở đây, một người nào đó đi đến hiệp hội, hoặc đi đến tập thể, hoặc đi đến giữa thân quyến, hoặc đi đến giữa đoàn thể, hoặc đi đến giữa các vương tộc, rồi bị mời đến, bị hỏi cung rằng: “Thưa ông, hãy đến. Ông biết điều nào thì ông hãy nói điều ấy.” Kẻ ấy trong khi không biết đã nói là: “Tôi biết”, hoặc biết đã nói là: “Tôi không biết”, hoặc không thấy đã nói là: “Tôi thấy”, hoặc thấy đã nói là: “Tôi không thấy.” Như thế, vì nguyên nhân bản thân, hoặc vì nguyên nhân người khác, hoặc vì nguyên nhân tài sản, hoặc vì nguyên nhân vật chất nhỏ nhen rồi cố tình nói dối; việc này được gọi là việc nói lời dối trá. Thêm nữa, việc nói dối là với ba yếu tố, với bốn yếu tố, với năm yếu tố, với sáu yếu tố, với bảy yếu tố, với tám yếu tố... (nt)... việc nói dối là với tám yếu tố này.

Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá: Không nên bị đưa đi, không nên bị dẫn đi, không nên bị lôi đi, không nên bị mang đi trong việc nói lời dối trá; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc nói lời dối trá; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc nói lời dối trá, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá” là như thế.

Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc.

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió], và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc: Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc, không nên tạo ra sự mong muốn ở sắc, không nên tạo ra sự yêu thương ở sắc, không nên tạo ra sự luyến ái ở sắc, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh.

“Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc” là như thế.

Và nên biết toàn diện về ngã mạn.

Ngã mạn: Ngã mạn theo một loại: Là sự kiêu hãnh của tâm. Ngã mạn theo hai loại: Ngã mạn do tâm bốc bản thân và ngã mạn do khinh bỉ người khác. Ngã mạn theo ba loại, [nghĩ rằng:] “Ta là tốt hơn” là ngã mạn, [nghĩ rằng:] “Ta là ngang bằng” là ngã mạn, [nghĩ rằng:] “Ta là thua kém” là ngã mạn. Ngã mạn theo bốn loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do khen ngợi rồi sanh khởi ngã mạn, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo năm loại, [nghĩ rằng:] “Ta đạt được các sắc hợp ý” rồi sanh khởi ngã mạn, [nghĩ rằng:] “Ta đạt được các thính, các hương, các vị, các xúc hợp ý” rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo sáu loại: Do sự thành tựu của mắt rồi sanh khởi ngã mạn, do sự thành tựu của tai... do sự thành tựu của mũi... do sự thành tựu của lưỡi... do sự thành tựu của thân... do sự thành tựu của ý rồi sanh khởi ngã mạn. Ngã mạn theo bảy loại: Ngã mạn, cao ngạo, cao ngạo dựa trên ngã mạn, tự ti, tăng thượng mạn, ngã mạn về bản thân, ngã mạn do hiểu biết sai trái. Ngã mạn theo tám loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do không có lợi lộc rồi sanh khởi tự ti; do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do không có danh vọng rồi sanh khởi tự ti; do lời khen rồi sanh khởi ngã mạn, do lời chê rồi sanh khởi tự ti; do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn, do đau khổ rồi sanh khởi tự ti. Ngã mạn theo chín loại, [nghĩ rằng:] “Ta là tốt hơn so với người tốt hơn” là ngã mạn, “ta là ngang bằng so với người tốt hơn” là ngã mạn, “ta là thua kém so với người tốt hơn” là ngã mạn, “ta là tốt hơn so với người ngang bằng” là ngã mạn, “ta là ngang bằng so với người ngang bằng” là ngã mạn, “ta là thua kém so với người ngang bằng” là ngã mạn, “ta là tốt hơn so với người thua kém” là ngã mạn, “ta là ngang bằng so với người thua kém” là ngã mạn, “ta là thua kém so với người thua kém” là ngã mạn. Ngã mạn theo mười loại: Ở đây một người nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, hoặc về dòng dõi,...

(nt)... hoặc về sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm, điều này được gọi là ngã mạn.

Và nên biết toàn diện về ngã mạn: Nên biết toàn diện về ngã mạn với ba trường hợp biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán, biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về ngã mạn: Biết rằng, thấy rằng: “Cái này là ngã mạn theo một loại: Là sự kiêu hãnh của tâm. Cái này là ngã mạn theo hai loại: Ngã mạn do tăng bốc bản thân và ngã mạn do khinh bỉ người khác. ... (nt)... Cái này là ngã mạn theo mười loại: Ở đây, một người nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, hoặc về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác”; điều này là sự biết toàn diện về điều đã được biết.

Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như thế thì xét đoán về ngã mạn: Xét đoán là vô thường, là khổ,... (nt)... là không phải sự thoát ra;⁴ điều này là sự biết toàn diện về sự xét đoán.

Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi xét đoán như vậy thì dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu ngã mạn; điều này là sự biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Và nên biết toàn diện về ngã mạn: Nên biết toàn diện về ngã mạn với ba trường hợp biết toàn diện này.

“Và nên biết toàn diện về ngã mạn” là như thế.

Nên hành xử tránh xa sự vội vàng: Hành vi vội vàng là việc nào? Hành vi luyến ái của kẻ bị luyến ái là hành vi vội vàng, hành vi sân hận của kẻ bị sân hận là hành vi vội vàng, hành vi si mê của kẻ bị si mê là hành vi vội vàng, hành vi ngã mạn của kẻ bị trói buộc là hành vi vội vàng, hành vi tà kiến của kẻ bị bám víu là hành vi vội vàng, hành vi phóng dật của kẻ bị tán loạn là hành vi vội vàng, hành vi hoài nghi của kẻ không dứt khoát là hành vi vội vàng, hành vi tiềm ẩn của kẻ cứng cỏi là hành vi vội vàng; việc này là hành vi vội vàng.

Nên hành xử tránh xa sự vội vàng: Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với hành vi vội vàng, nên an trú, nên thực hành, nên cư xử, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Nên hành xử tránh xa sự vội vàng” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá,
Không nên tạo ra sự yêu mến ở sắc,
Và nên biết toàn diện về ngã mạn,
Nên hành xử tránh xa sự vội vàng.”*

⁴ Văn bản Miến Điện và PTS ghi “*nissaraṇato* là sự thoát ra.” (ND)

15.10. *Không nên thích thú cái cũ [ngũ uẩn quá khứ],
Không nên tạo ra sự chấp nhận cái mới [ngũ uẩn hiện tại],
Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại,
Không nên sầu muộn,
Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn.*

Không nên thích thú cái cũ [ngũ uẩn quá khứ].

Cái cũ: Nói đến các sắc-thọ-tướng-hành-thức thuộc quá khứ. Không nên thích thú, không nên tán thưởng, không nên bám chặt các hành thuộc quá khứ do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt.

“Không nên thích thú cái cũ [ngũ uẩn quá khứ]” là như thế.

Không nên tạo ra sự chấp nhận cái mới [ngũ uẩn hiện tại].

Cái mới: Nói đến các sắc-thọ-tướng-hành-thức thuộc hiện tại. Không nên tạo ra sự chấp nhận, không nên tạo ra sự mong muốn, không nên tạo ra sự yêu thương, không nên tạo ra sự duyên ái, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh các hành thuộc hiện tại do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến.

“Không nên tạo ra sự chấp nhận cái mới [ngũ uẩn hiện tại]” là như thế.

Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại, không nên sầu muộn: Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại, đang bị giảm thiểu, đang bị suy giảm, không còn hiện hữu, đang bị đi mất, đang bị biến mất, thì không nên sầu muộn, không nên mệt mỏi, không nên bám víu, không nên than vãn, không nên đầm ngực khóc lóc, không nên đi đến sự mê muội. Trong khi mắt đang bị tiêu hoại, đang bị giảm thiểu, đang bị suy giảm, không còn hiện hữu, đang bị đi mất, đang bị biến mất,... trong khi tai... mũi... lưỡi... thân... sắc... thính... hương... vị... xúc... gia tộc... đồ chúng... chỗ ngụ... lợi lộc... danh vọng... lời khen... hạnh phúc... y phục... đồ ăn khát thực... chỗ nằm ngồi... vật dụng là thuốc men chữa bệnh đang bị tiêu hoại, đang bị giảm thiểu, đang bị suy giảm, không còn hiện hữu, đang bị đi mất, đang bị biến mất thì không nên sầu muộn, không nên mệt mỏi, không nên bám víu, không nên than vãn, không nên đầm ngực khóc lóc, không nên đi đến sự mê muội.

“Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại, không nên sầu muộn” là như thế.

Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn.

Sự lôi cuốn: Nói đến tham ái, tức là sự duyên ái, duyên ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Vì lý do gì mà lôi cuốn được gọi là tham ái? Do tham ái, [chúng sanh] lôi kéo, lôi theo, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào sắc, [chúng sanh] lôi kéo, lôi theo, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào thọ... tưởng... các hành... thức... cảnh giới tái sanh... sự tái sanh... sự nối liền tái sanh... sự hiện hữu... sự luân hồi... sự luân chuyển; vì lý do ấy mà lôi cuốn được gọi là tham ái.

Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn: Không nên nương tựa tham ái, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu tham ái; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Không nên thích thú cái cũ [ngũ uẩn quá khứ],
Không nên tạo ra sự chấp nhận cái mới [ngũ uẩn hiện tại],
Trong khi [cái gì] đang bị tiêu hoại, không nên sầu muộn,
Không nên phụ thuộc vào sự lôi cuốn.”*

15.11. Ta nói thêm khát là “dòng lũ lớn”,
*Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh,
[Sự bám vào] đối tượng là sự chấn động,
Dục là bãi lầy khó vượt qua được.*

Ta nói thêm khát là “dòng lũ lớn”: Thêm khát nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Dòng lũ lớn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Ta nói thêm khát là “dòng lũ lớn”: Ta nói về, Ta nêu ra, Ta chỉ báo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Thêm khát là ‘dòng lũ lớn.’”

“Ta nói thêm khát là ‘dòng lũ lớn’” là như thế.

Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh: Dòng nước mạnh nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Tham muốn nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh: Ta nói về, Ta nêu ra,... (nt)... Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Tham muốn là dòng nước mạnh.”

“Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh” là như thế.

[Sự bám vào] đối tượng là sự chấn động: [Sự bám vào] đối tượng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự chấn động nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

“[Sự bám vào] đối tượng là sự chấn động” là như thế.

Dục là bãi lầy khó vượt qua được: Dục là bãi lầy, dục là vũng bùn, dục là ô nhiễm, dục là đầm lầy, dục là sự vương bận khó vượt qua, khó vượt trội, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi.

“Dục là bãi lầy khó vượt qua được” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Ta nói thềm khát là ‘dòng lũ lớn’, Ta nói tham muốn là dòng nước mạnh, [sự bám vào] đối tượng là sự chấn động, dục là bãi lầy khó vượt qua được.”

15.12. Trong khi không chệch khỏi sự thật, bậc Hiền trí, vị Bà-la-môn, đứng ở đất liền. Vị ấy sau khi buông bỏ tất cả, vị ấy quả thật được gọi là “bậc An tịnh.”

Trong khi không chệch khỏi sự thật, bậc Hiền trí: Trong khi không chệch khỏi lời nói chân thật, trong khi không chệch khỏi chánh kiến, trong khi không chệch khỏi đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là hiền trí.

“Trong khi không chệch khỏi sự thật, bậc Hiền trí” là như thế.

Vị Bà-la-môn, đứng ở đất liền: Đất liền nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Vị Bà-la-môn, đứng ở đất liền: Đứng ở đất liền là đứng ở hòn đảo, đứng ở nơi nương náu, đứng ở nơi trú ẩn, đứng ở nơi nương nhờ, đứng ở nơi không sợ hãi, đứng ở bất hoại, đứng ở bất tử, đứng ở Niết-bàn.

“Vị Bà-la-môn, đứng ở đất liền” là như thế.

Vị ấy sau khi buông bỏ tất cả: Tất cả nói đến mười hai xứ: Mắt và các sắc, tai và các thanh,... (nt)... ý và các pháp. Khi nào sự mong muốn và luyến ái ở các xứ thuộc nội phần và ngoại phần được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì tất cả là đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ. Khi nào tham ái, tà kiến và ngã mạn được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì tất cả là đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ. Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì tất cả là đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ.

“Vị ấy sau khi buông bỏ tất cả” là như thế.

Vị ấy quả thật được gọi là “bậc An tịnh”: Vị ấy được gọi, được thuyết, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là “bậc An tịnh, bậc Yên tịnh, bậc Vắng lặng, bậc Tịch diệt, bậc Tịch tịnh.”

“Vị ấy quả thật được gọi là bậc ‘An tịnh’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Trong khi không chệch khỏi sự thật, bậc Hiền trí, vị Bà-la-môn, đứng ở đất liền. Vị ấy sau khi buông bỏ tất cả, vị ấy quả thật được gọi là ‘bậc An tịnh’.”

15.13. *Quả thật, vị ấy là bậc đã hiểu biết, vị ấy là bậc đã đạt được sự thông hiểu; sau khi biết được giáo pháp, vị ấy không nương tựa [vào tham ái và tà kiến]. Vị ấy, trong khi cư xử chân chánh ở thế gian, không mong cầu đối với bất cứ người nào ở nơi đây.*

Quả thật, vị ấy là bậc đã hiểu biết, vị ấy là bậc đã đạt được sự thông hiểu.

Bậc đã hiểu biết: Bậc đã hiểu biết là vị đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Bậc đã đạt được sự thông hiểu: Sự thông hiểu nói đến trí ở bốn đạo,... (nt)... đã xa lìa sự luyến ái đối với tất cả các cảm thọ, sau khi đã vượt qua mọi hiểu biết, vị ấy là bậc đã đạt được sự thông hiểu.

“Quả thật, vị ấy là bậc đã hiểu biết, vị ấy là bậc đã đạt được sự thông hiểu” là như thế.

Sau khi biết được giáo pháp, vị ấy không nương tựa [vào tham ái và tà kiến].

Sau khi biết: Là sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; sau khi nhận biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”;... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Không nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến, không nương tựa vào mắt,... không nương tựa vào tai,... không nương tựa vào mũi,... (nt)... không nương tựa vào các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sông với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Sau khi biết được giáo pháp, vị ấy không nương tựa [vào tham ái và tà kiến]” là như thế.

Vị ấy, trong khi cư xử chân chánh ở thế gian: Khi nào sự mong muốn và luyến ái ở các xứ thuộc nội phần và ngoại phần được dứt bỏ, có lẽ đã được cắt

lia, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thể [vị ấy] sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng chân chánh ở thế gian. Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành⁵ được dứt bỏ, có rồi đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thể [vị ấy] sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng chân chánh ở thế gian.

“Vị ấy, trong khi cư xử chân chánh ở thế gian” là như thế.

Không mong cầu đổi với bất cứ người nào ở nơi đây: Mong cầu nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, sự mong cầu tham ái này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy không mong cầu đổi với bất cứ vị Sát-đế-ly, hoặc vị Bà-la-môn, hoặc thương buôn, hoặc kẻ nô lệ, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia, hoặc vị trời, hoặc người nhân loại nào ở nơi đây.

“Không mong cầu đổi với bất cứ người nào ở nơi đây” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Quả thật, vị ấy là bậc đã hiểu biết, vị ấy là bậc đã đạt được sự thông hiểu; sau khi biết được giáo pháp, vị ấy không nương tựa [vào tham ái và tà kiến]. Vị ấy, trong khi cư xử chân chánh ở thế gian, không mong cầu đổi với bất cứ người nào ở nơi đây.”

15.14. Ở đây, vị nào vượt qua các dục,

Sự quyền luyến ở thế gian khó vượt qua được,

Vị ấy không sầu muộn, không ưu tư,

Có dòng chảy đã được cắt đứt, không còn sự trôi buộc.

Ở đây, vị nào vượt qua các dục, sự quyền luyến ở thế gian khó vượt qua được.

Vị nào: Vị nào là người như thế, được gắn bó như thế, được định đặt như thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy, hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Sự quyền luyến: Có bảy sự quyền luyến: Quyền luyến do luyến ái, quyền luyến do sân hận, quyền luyến do si mê, quyền luyến do ngã mạn, quyền luyến do tà kiến, quyền luyến do ô nhiễm, quyền luyến do uế hạnh.

⁵ Xem chú thích về “phúc hành, phi phúc hành, bất động hành” ở trang 77. (ND)

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Sự quyền luyện ở thế gian khó vượt qua được: Vị nào đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi các dục và các sự quyền luyện ở thế gian [là các pháp] khó vượt qua, khó vượt trội, khó vượt lên, khó vượt khỏi, khó vượt qua hẳn, khó vượt qua khỏi.

“Ở đây, vị nào vượt qua các dục, sự quyền luyện ở thế gian khó vượt qua được” là như thế.

Vị ấy không sầu muộn, không ưu tư: [Vị ấy] không sầu muộn về vật đã bị biến đổi; không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] “Mắt của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn; [nghĩ rằng:] “Tai của ta... “Mũi của ta... “Lưỡi của ta... “Thân của ta... “Các sắc của ta... “Các thính của ta... “Các hương của ta... “Các vị của ta... “Các xúc của ta... “Gia tộc của ta... “Đồ chúng của ta... “Chỗ ngụ của ta... “Lợi lộc của ta... “Danh vọng của ta... “Lời khen của ta... “Hạnh phúc của ta... “Y phục của ta... “Đồ ăn khát thực của ta... “Chỗ nằm ngồi của ta... “Vật dụng là thuốc men chữa bệnh của ta... “Mẹ của ta... “Cha của ta... “Anh [em] trai của ta... “Chị [em] gái của ta... “Con trai của ta... “Con gái của ta... “Bạn bè của ta... “Thân hữu của ta... “Thân quyến của ta... “Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đầm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. “Không sầu muộn” là như thế.

Không ưu tư: Không ưu tư là không có ưu tư, không nhận xét, không suy xét, không suy gẫm; hoặc là không bị sanh, không bị già, không bị chết, không từ trần, không sanh ra; “không ưu tư” là như thế.

“Vị ấy không sầu muộn, không ưu tư” là như thế.

Có dòng chảy đã được cắt đứt, không còn sự trôi buộc: Dòng chảy nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, dòng chảy tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là có dòng chảy đã được cắt đứt.

Không còn sự trôi buộc: Là sự trôi buộc của luyến ái, sự trôi buộc của sân hận, sự trôi buộc của si mê, sự trôi buộc của ngã mạn, sự trôi buộc của tà kiến, sự trôi buộc của ô nhiễm, sự trôi buộc của uế hạnh. Đối với vị nào, các sự trôi buộc này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là không còn sự trôi buộc.

“Có dòng chảy đã được cắt đứt, không còn sự trôi buộc” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Ở đây, vị nào vượt qua các dục,

Sự quyền luyện ở thế gian khó vượt qua được,

Vị ấy không sầu muộn, không ưu tư,

Có dòng chảy đã được cắt đứt, không còn sự trôi buộc.”

15.15. *Điều nào trước đây [quá khứ], người hãy làm khô héo điều ấy.*

Chớ có sự vương bận sanh khởi đến người sau này [vị lai].

Nếu người không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa [hiện tại],

Người sẽ sống, được yên tịnh.

Điều nào trước đây [quá khứ], người hãy làm khô héo điều ấy: “Những ô nhiễm nào sanh lên liên quan đến các pháp tạo tác thuộc quá khứ, người hãy làm khô cạn, hãy làm khô héo, hãy làm khô ráo, hãy làm khô queo, hãy làm không còn mầm giống, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm ấy.” “Điều nào trước đây [quá khứ], người hãy làm khô héo điều ấy” là như vậy. Hoặc là, “các pháp tạo tác là các nghiệp thuộc quá khứ chưa chín muồi, hoặc đã trở quả, người hãy làm khô cạn, hãy làm khô héo, hãy làm khô ráo, hãy làm khô queo, hãy làm không còn mầm giống, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu các pháp tạo tác là các nghiệp ấy.”

“Điều nào trước đây [quá khứ], người hãy làm khô héo điều ấy” còn là như vậy.

Chớ có điều vương bận sanh khởi đến người sau này [vị lai]: “Sau này là nói đến thời vị lai. Những điều [vương bận] nào sanh lên liên quan đến các pháp tạo tác thuộc vị lai: Luyến ái là vương bận, sân hận là vương bận, si mê là vương bận, ngã mạn là vương bận, tà kiến là vương bận, ô nhiễm là vương bận, uế hạnh là vương bận, mong rằng những điều vương bận này chớ sanh khởi, chớ xuất hiện đến người; người chớ làm sanh ra, chớ làm sanh khởi, chớ làm hạ sanh, chớ làm phát sanh, người hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu những điều vương bận này.”

“Chớ có điều vương bận sanh khởi đến người sau này [vị lai]” là như thế.

Nếu người không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa [hiện tại]: “Khoảng giữa nói đến các sắc, thọ, tưởng, hành, thức thuộc hiện tại. Người sẽ không chấp nhận, người sẽ không tiếp thu, người sẽ không nắm lấy, người sẽ không bám víu, người sẽ không tán thưởng, người sẽ không bám chặt các pháp tạo tác thuộc hiện tại do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến; người sẽ dứt bỏ, sẽ xua đi, sẽ làm chấm dứt, sẽ làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt.”

“Nếu người không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa [hiện tại]” là như thế.

Người sẽ sống, được yên tịnh: “Do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh đối với luyến ái, do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh đối với sân hận,... (nt)... do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện, được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch

tịnh; người sẽ sống, sẽ trú ngụ, sẽ sinh hoạt, sẽ vận hành, sẽ bảo hộ, sẽ hộ trì, sẽ bảo dưỡng.”

“Người sẽ sống, được yên tịnh” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Điều nào trước đây [quá khứ], người hãy làm khô héo điều ấy. Chớ có sự vướng bận sanh khởi đến người sau này [vị lai]. Nếu người không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa [hiện tại], người sẽ sống, được yên tịnh.”

15.16. Đối với vị nào không có vật đã được chấp là của ta

*Liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện,
Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có,
Vị ấy quả thật không bị thua thiệt ở thế gian.*

Đối với vị nào không có vật đã được chấp là của ta liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện.

Về mọi phương diện: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ “*sabbaso*” này là lối nói của sự bao gồm.

Danh: Bốn nhóm không có sắc.⁶

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Vật đã được chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến.

Đối với vị nào không có vật đã được chấp là của ta liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện: Trạng thái chấp là của ta liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện đối với vị nào là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị nào không có vật đã được chấp là của ta liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện” là như thế.

Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có: [Vị ấy] không sầu muộn về vật đã bị biến đổi; không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] “Mắt của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn; [nghĩ rằng:] “Tai của ta... “Mũi của ta... “Lưỡi của ta... “Thân của ta... “Các sắc của ta... “Các thính của ta... “Các hương của ta... “Các vị của ta... “Các xúc của ta... “Gia tộc của ta... “Đồ chúng của ta... “Chỗ ngụ của ta... “Lợi lộc của ta... (nt)... “Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không

⁶ Bốn nhóm không có sắc: Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. (ND)

than vãn, không đắm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. “Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có” là như vậy. Hoặc là, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi tình trạng không có, bởi cảm thọ khổ, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đắm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. “Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có” còn là như vậy. Hoặc là, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh ở mắt... (nt)... bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đắm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. “Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có” còn là như vậy. Hoặc là, trong khi không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại [nghĩ rằng]: “Quả thật đã có cho ta chăng? Cái ấy quả thật không có cho ta! Quả thật sẽ có cho ta chăng? Quả thật ta không đạt được cái ấy!”, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đắm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội.

“Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có” còn là như vậy.

Vị ấy quả thật không bị thua thiệt ở thế gian: Đối với vị nào, có bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: “Hoặc là cái này thuộc về tôi, hoặc là cái này thuộc về những người khác”, đối với vị ấy, có sự mất mát. Bởi vì, điều này cũng đã được nói đến:

1. *“Khi cỗ xe và ngựa, ngọc ma-ni và bông tai bị mất mát,
Khi con và vợ bị mất mát tương tự y như thế,
Khi tất cả của cải không còn được sử dụng,
Tại sao Ngài không buồn bực ở thời điểm sầu muộn?”*
2. *Các cửa cải rời bỏ con người trước (của cải bị mất mát lúc còn sống),
Hoặc con người lìa bỏ các cửa cải trước (chết không đem theo của cải).
Này kẻ mong muốn ngũ dục, các cửa cải không được trường tồn,
Vì thế, Ta không sầu muộn ở thời điểm sầu muộn.*
3. *Mặt trăng mọc lên, tròn dần rồi lại khuyết.
Mặt trời sau khi lặn xuống thì biến mất.
Này Sattuka, các pháp thế gian đã được Ta nhận biết;
Vì thế, Ta không sầu muộn ở thời điểm sầu muộn.”⁷*

Đối với vị nào, không có bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: “Hoặc là cái này thuộc về tôi, hoặc là cái này thuộc về những người khác”, đối với vị ấy, không có sự mất mát. Bởi vì, điều này cũng đã được nói

⁷ Bản sanh “Bông tai ngọc ma-ni” (*Maṇikuṇḍalajātakaṃ*), số 351, TTPV, tập 32, trang 207, câu kệ 709, 710. (ND)

đến: “Thưa Sa-môn, Ngài có vui thích không?” “Này Thiên tử, đã đạt được cái gì [mà vui thích]?” “Thưa Sa-môn, vậy thì Ngài có sầu muộn không?” “Này Thiên tử, cái gì bị mất mát [mà phải sầu muộn]?” “Thưa Sa-môn, vậy thì Ngài không vui thích và không sầu muộn?” “Này Thiên tử, đúng vậy.”

4. *“Quả thật, sau một thời gian dài, chúng ta nhìn thấy vị Bà-la-môn đã được diệt tắt hoàn toàn, là vị Tỳ-khưu không có vui thích, không có phiền muộn, đã vượt qua sự vương mắc này ở thế gian.”*

“Vị ấy quả thật không bị thua thiệt ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Đối với vị nào không có vật đã được chấp là của ta
Liên quan đến danh và sắc về mọi phương diện,
Và [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có,
Vị ấy quả thật không bị thua thiệt ở thế gian.”*

15.17. Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: “Cái này thuộc về tôi”,
*Hoặc “[cái này] thuộc về những người khác” về bất cứ điều gì,
Vị ấy trong lúc không tìm kiếm trạng thái chấp là của ta,
[Biết rằng:] “Không có gì thuộc về ta”, nhờ thế không sầu muộn.*

Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: “Cái này thuộc về tôi”, hoặc “[Cái này] thuộc về những người khác” về bất cứ điều gì.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Đối với vị nào, bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: “Hoặc là cái này thuộc về tôi, hoặc là cái này thuộc về những người khác” là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; “đối với vị nào không có [ý nghĩ]: ‘Cái này thuộc về tôi’, hoặc ‘[cái này] thuộc về những người khác’ về bất cứ điều gì” là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, thân này không thuộc về các người, cũng không thuộc về những người khác. Này các Tỳ-khưu, thân này nên được xem là nghiệp cũ đã được tạo tác, đã được cố ý, [và] được cảm thọ. Này các Tỳ-khưu, về điều ấy, vị đệ tử của các bậc Thánh, có sự nghe nhiều, khéo léo tác ý đúng đường lối về pháp tùy thuận duyên khởi như vậy: Khi cái này có mặt, cái kia có mặt; do sự sanh khởi của cái này, cái kia sanh khởi. Khi cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do sự diệt tận của cái này, cái kia diệt tận. Tức là, do duyên vô minh, các hành [sanh khởi]; do duyên các hành, thức [sanh khởi];... (nt)... Như thế là sự sanh lên của toàn bộ khổ uẩn này. Nhưng chính do sự diệt tận hoàn toàn không còn luyến ái đối với vô minh, có sự diệt tận của các hành... (nt)... Như thế là sự diệt tận của toàn bộ

khổ uẩn này.” “Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: ‘Cái này thuộc về tôi’, hoặc ‘[cái này] thuộc về những người khác’ về bất cứ điều gì” còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

1. *“Người hãy xem xét thế giới là trống không,
Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm.
Sau khi nhỏ lên tà kiến về tự ngã,
Như vậy có thể vượt qua sự chết.
Người đang xem xét thế giới như vậy,
Thần chết không nhìn thấy [người ấy].”*

“Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: ‘Cái này thuộc về tôi’, hoặc ‘[cái này] thuộc về những người khác’ về bất cứ điều gì” còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, cái gì không thuộc về các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Và này các Tỳ-khuru, cái gì không thuộc về các người? Này các Tỳ-khuru, sắc không thuộc về các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức không thuộc về các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Này các Tỳ-khuru, các người nghĩ gì về điều ấy, là việc người ta có thể mang đi cỏ, củi, cành, lá ở khu rừng Jeta này, hoặc có thể đốt cháy chúng, hoặc có thể hành xử chúng tùy theo nhu cầu? Thậm chí ý nghĩ như vậy có thể khởi lên ở các người rằng: ‘Có phải người ta mang chúng ta đi, hoặc đốt cháy chúng ta, hoặc hành xử chúng ta tùy theo nhu cầu không?’” “Bạch Ngài, điều này không đúng.” “Điều ấy có nguyên nhân là gì?” “Bạch Ngài, bởi vì cái ấy [cỏ, củi, cành, lá] không phải là tự ngã của chúng con hoặc thuộc về tự ngã của chúng con.” “Này các Tỳ-khuru, tương tự y như thế, cái gì không thuộc về các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Và này các Tỳ-khuru, cái gì không thuộc về các người? Này các Tỳ-khuru, sắc không thuộc về các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức không thuộc về các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người.” “Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: ‘Cái này thuộc về tôi’, hoặc ‘[cái này] thuộc về những người khác’ về bất cứ điều gì” còn là như vậy.

Bởi vì, điều này cũng đã được nói đến:

2. *“Này trưởng làng, đối với người đang nhìn thấy đúng theo bản thể sự sanh lên của các pháp một cách rõ rệt, sự liên tục của các hành một cách rõ rệt thì không có sự sợ hãi.*

3. Khi nào bằng trí tuệ nhìn thấy thế gian giống như cỏ và củi thì không ước nguyện bất cứ điều gì khác, ngoại trừ sự không còn nổi lên tái sanh.”

“Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: ‘Cái này thuộc về tôi’, hoặc ‘[cái này] thuộc về những người khác’ về bất cứ điều gì” còn là như vậy.

Tỳ-khuru-ni Vajirā đã nói với Ma vương ác độc điều này:

4. “Này Ma vương, sao ngươi hằng định là ‘chúng sanh’? Phải chăng đó là tà kiến của ngươi? Cái này thuần túy là sự chông chất của các hành. Ở đây, chúng sanh không được tìm thấy.

5. Giống y như việc ráp chung lại các bộ phận thì có tiếng gọi là ‘cỗ xe’; tương tự như vậy, khi các uẩn hiện diện thì có sự công nhận là ‘con người’.

6. Bởi vì chỉ có khổ được hình thành,

Khổ tồn tại và tiêu hoại

Không gì khác ngoại trừ khổ được hình thành

Không cái gì khác ngoài khổ được diệt tận.”

“Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: ‘Cái này thuộc về tôi’, hoặc ‘[cái này] thuộc về những người khác’ về bất cứ điều gì” còn là như vậy.

“Này các Tỳ-khuru, tương tự y như thế, vị Tỳ-khuru quán sát sắc đến luôn cả tiến trình của sắc, quán sát thọ... tưởng... các hành... thức đến luôn cả tiến trình của thức. Trong khi vị ấy đang quán sát sắc đến luôn cả tiến trình của sắc, trong khi đang quán sát thọ... tưởng... các hành... thức đến luôn cả tiến trình của thức, ý niệm về ‘tôi’ hay ‘thuộc về tôi’ hay ‘tôi là’ đều không khởi lên ở vị ấy.” “Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: ‘Cái này thuộc về tôi’, hoặc ‘[cái này] thuộc về những người khác’ về bất cứ điều gì” còn là như vậy.

Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ‘thế giới là trống không, thế giới là trống không’ là điều được nói đến. Bạch Ngài, về phương diện nào thì được gọi là: ‘Thế giới là trống không’?” “Này Ānanda, bởi vì quả thật là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã; vì thế được gọi là: ‘Thế giới là trống không.’ Và này Ānanda, cái gì là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã? Này Ānanda, mắt là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Các sắc là trống không... Nhãn thức là trống không... Nhãn xúc là trống không... Cảm thọ nào sanh lên do duyên nhãn xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng là trống không. Tai là trống không... Các thanh là trống không... Mũi là trống không... Các hương là trống không... Lưỡi là trống không... Các vị là trống không... Thân là trống không... Các xúc là trống không... Ý là trống không... Các pháp là trống không... Ý thức là trống không... Ý xúc là trống không... Cảm thọ nào sanh lên do duyên ý xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Này Ānanda, bởi vì quả thật là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã; vì thế được gọi là: ‘Thế giới là trống không.’”

“Đối với vị nào không có [ý nghĩ]: ‘Cái này thuộc về tôi’, hoặc ‘[cái này] thuộc về những người khác’ về bất cứ điều gì” còn là như vậy.

Vị ấy trong lúc không tìm kiếm trạng thái chấp là của ta.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, trong khi không tìm thấy, trong khi không tìm kiếm, trong khi không đạt đến, trong khi không đạt được.

“Vị ấy trong lúc không tìm kiếm trạng thái chấp là của ta” là như thế.

[Biết rằng:] “Không có gì thuộc về ta”, nhờ thế không sầu muộn: [Vị ấy] không sầu muộn về vật đã bị biến đổi; không sầu muộn khi vật bị biến đổi. [Nghĩ rằng:] “Mất của ta bị biến đổi”, vị ấy không sầu muộn. [Nghĩ rằng:] “Tai của ta... (nt)... “Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi”, vị ấy không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đắm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội.

“[Biết rằng:] ‘Không có gì thuộc về ta’, nhờ thế không sầu muộn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Đối với vị nào, không có [ý nghĩ]: ‘Cái này thuộc về tôi’,
Hoặc ‘[cái này] thuộc về những người khác’ về bất cứ điều gì,
Vị ấy trong lúc không tìm kiếm trạng thái chấp là của ta,
[Biết rằng:] ‘Không có gì thuộc về ta’, nhờ thế không sầu muộn.”*

15.18. Không ganh ghét, không thèm khát,

Không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi,

Điều ấy là sự lợi ích mà Ta nói,

Khi được hỏi về vị không lay động.

Không ganh ghét, không thèm khát, không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi: Điều nào là sự ganh ghét? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó là có sự ganh ghét, rồi ganh tỵ, khó chịu, trói buộc lòng ganh tỵ với sự lợi lộc, trọng vọng, cung kính, sùng bái, kính lễ, cúng dường của vị khác; sự ganh ghét nào có hình thức như vậy là hành động ganh ghét, sự ganh tỵ, biểu hiện ganh tỵ, trạng thái ganh tỵ, sự khó chịu, biểu hiện khó chịu, trạng thái khó chịu; điều này được gọi là sự ganh ghét. Đối với vị nào, sự ganh ghét này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là không ganh ghét.

Không thèm khát: Thèm khát nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, sự thèm khát ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không thèm khát. Vị ấy không thèm khát ở

sắc, ở thình,... (nt)... không thêm khát ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thêm khát đã được xa lìa, có sự thêm khát đã được tách lìa, có sự thêm khát đã được từ bỏ, có sự thêm khát đã được tẩy trừ, có sự thêm khát đã được giải thoát, có sự thêm khát đã được dứt bỏ, có sự thêm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. “Không ganh ghét, không thêm khát” là như thế.

Không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi.

Dục vọng: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng. Vị ấy không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chân động, không rung động. “Không dục vọng” là như thế.

Bình đẳng ở mọi nơi: Mọi nơi nói đến mười hai xứ: Mắt và các sắc,... (nt)... ý và các pháp. Khi nào sự mong muốn và luyến ái ở các xứ thuộc nội phần và ngoại phần được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vị ấy được gọi là bình đẳng ở mọi nơi. Vị ấy tự tại ở tất cả các nơi, trung dung ở tất cả các nơi, hành xả ở tất cả các nơi. “Không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi” là như thế.

“Không ganh ghét, không thêm khát, không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi” là như thế.

Điều ấy là sự lợi ích mà Ta nói, khi được hỏi về vị không lay động: Khi được hỏi về người không lay động, khi được vấn, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin, Ta nói về bốn điều lợi ích này; Ta nói, Ta nêu ra,... (nt)... Ta bày tỏ rằng: “Vị ấy không ganh ghét, không thêm khát, không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi.”

“Điều ấy là sự lợi ích mà Ta nói, khi được hỏi về vị không lay động” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Không ganh ghét, không thêm khát,
Không dục vọng, bình đẳng ở mọi nơi,*

*Điều ấy là sự lợi ích mà Ta nói,
Khi được hỏi về vị không lay động.”*

15.19. Đối với vị không dục vọng, đang nhận thức,
*Thì không có bất cứ sự tích lũy nghiệp nào.
Vị ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiệp,
Nhìn thấy an toàn ở mọi nơi.*

Đối với vị không dục vọng, đang nhận thức: Dục vọng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng. Vị ấy không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động. “Đối với vị không dục vọng” là như thế.⁸

Đang nhận thức: Đang hiểu biết, đang nhận biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt. Đối với vị đang hiểu biết, đang nhận biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; đối với vị đang hiểu biết, đang nhận biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”;... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

“Đối với vị không dục vọng, đang nhận thức” là như thế.

Thì không có bất cứ sự tích lũy nghiệp nào: Các sự tích lũy nghiệp nói đến phúc hành, phi phúc hành và bất động hành.⁹ Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thế thì các sự tích lũy nghiệp là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Thì không có bất cứ sự tích lũy nghiệp nào” là như thế.

Vị ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiệp: Sự tạo nghiệp nói đến phúc hành, phi phúc hành và bất động hành. Khi nào phúc hành, phi phúc hành và bất động hành được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi,

⁸ Dịch theo văn bản Pāli của Tam tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS. (ND)

⁹ Xem chú thích về “phúc hành, phi phúc hành, bất động hành” ở trang 77. (ND)

không bị ràng buộc với khởi đầu, với sự tạo nghiệp, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Vị ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiệp” là như thế.

Nhìn thấy an toàn ở mọi nơi: Luyến ái là nhân tố gây ra sợ hãi, sân hận là nhân tố gây ra sợ hãi, si mê là nhân tố gây ra sợ hãi,... (nt)... các ô nhiễm là các nhân tố gây ra sợ hãi. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với nhân tố gây ra sợ hãi là luyến ái... (nt)... Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các nhân tố gây ra sợ hãi là các ô nhiễm, vị ấy nhìn thấy an toàn ở mọi nơi, nhìn thấy không sợ hãi ở mọi nơi, nhìn thấy không tai họa ở mọi nơi, nhìn thấy không bất hạnh ở mọi nơi, nhìn thấy không nguy hiểm ở mọi nơi.

“Nhìn thấy an toàn ở mọi nơi” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Đối với vị không dục vọng, đang nhận thức,
Thì không có bất cứ sự tích lũy nghiệp nào.
Vị ấy đã tránh xa khỏi sự tạo nghiệp,
Nhìn thấy an toàn ở mọi nơi.”*

15.20. *“Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, không là trong số những người ưu việt. Được an tịnh, đã xa lìa sự bồn xồn, vị ấy không nắm giữ, không rời bỏ” [đức Thế Tôn nói vậy].*

Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, không là trong số những người ưu việt.

Bản thể hiền trí: Nói đến trí, tức là tuệ, sự nhận biết... (nt)... đã vượt qua sự quyền luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là hiền trí. Bậc Hiền trí không mô tả, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng: “Ta là ngang bằng”, hoặc “ta là tốt hơn”, hoặc “ta là thua kém.”

“Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, không là trong số những người ưu việt” là như thế.

Được an tịnh, vị ấy đã xa lìa sự bồn xồn.

An tịnh: Trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng đối với luyến ái là an tịnh; trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tịnh đối với sân hận... đối với si mê... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. “Vị ấy được an tịnh” là như thế.

Đã xa lìa sự bồn xồn: Có năm loại bồn xồn: Bồn xồn về chỗ ở... (nt)... sự nắm lấy, điều này được gọi là bồn xồn. Đối với vị nào, sự bồn xồn này đã được

dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là có sự bỏn xẻn đã được xa lìa, có sự bỏn xẻn đã được tách lìa, có sự bỏn xẻn đã được từ bỏ, có sự bỏn xẻn đã được tẩy trừ, có sự bỏn xẻn đã được giải thoát, có sự bỏn xẻn đã được dứt bỏ, có sự bỏn xẻn đã được buông bỏ.

“Được an tịnh, vị ấy đã xa lìa sự bỏn xẻn” là như thế.

Vị ấy không nắm giữ, không rời bỏ.

Không nắm giữ: Vị ấy không nắm giữ, không chấp thủ, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt sắc. Vị ấy không nắm giữ, không chấp thủ, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt thọ... tưởng... các hành... thức... cảnh giới tái sanh... sự tái sanh... sự nối liền tái sanh... sự hiện hữu... sự luân hồi... sự luân chuyển. “Không nắm giữ” là như thế. **Không rời bỏ:** Vị ấy không dứt bỏ, không xua đi, không làm chấm dứt, không làm cho không còn hiện hữu sắc. Vị ấy không dứt bỏ, không xua đi, không làm chấm dứt, không làm cho không còn hiện hữu thọ... tưởng... các hành... thức... cảnh giới tái sanh... sự tái sanh... sự nối liền tái sanh... sự hiện hữu... sự luân hồi... sự luân chuyển.

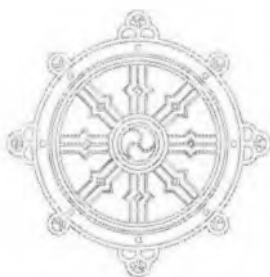
Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Vị ấy không nắm giữ, không rời bỏ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, không là trong số những người ưu việt. Được an tịnh, đã xa lìa sự bỏn xẻn, vị ấy không nắm giữ, không rời bỏ” [đức Thế Tôn nói vậy].

“Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân” được đầy đủ - Phần thứ mười lăm.



16. DIỄN GIẢI KINH VỀ SĀRIPUTTA (SĀRIPUTTASUTTANIDDESO)

Giờ phần “Diễn giải kinh về Sāriputta” được nói đến:

16.1. *Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy,
[Đại đức Sāriputta đã nói thế ấy]
Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào.
Bậc Đạo Sư, vị có giọng nói êm dịu như thế,
Bậc Có Đốt Chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā.*

Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy: Từ đây trở về trước, đức Thế Tôn ấy chưa được thấy trước đây bởi chính con bằng con mắt này, bởi bản ngã này; vào lúc đức Thế Tôn, sau khi trải qua [an cư] mùa mưa ở cung trời Tam Thập Tam, tại gốc cây san hô, nơi bảo tọa của đức trời Sakka,¹ được tháp tùng bởi hội chúng chư thiên, đã ngự xuống thành Saṅkassa bằng cầu thang làm bằng ngọc ma-ni [đặt] ở chính giữa; cảnh tượng này trước đây chưa được nhìn thấy.

“Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy” là như thế.

Đại đức Sāriputta đã nói thế ấy.

Thế ấy: Từ “*iccā*” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Đại đức: Từ “*āyasmā*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Sāriputta: Là tên của vị Trưởng lão ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

“Đại đức Sāriputta đã nói thế ấy” là như thế.

Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào.

Chưa từng: Là sự phủ định.

Hoặc: Từ “*udā*” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Của bất cứ người nào: Của bất cứ ai, của vị Sát-đế-ly, hoặc của vị Bà-la-môn,

¹ *Paṇḍukambalasilāyam*: Dịch sát nghĩa là “ở tảng đá phủ tấm mền màu cam”. (ND)

hoặc của thương buôn, hoặc của kẻ nô lệ, hoặc của người tại gia, hoặc của vị xuất gia, hoặc của vị trời, hoặc của người nhân loại.

“Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào” là như thế.

Bậc Đạo Sư, vị có giọng nói êm dịu như thế: Giọng nói êm dịu như thế là giọng nói ngọt ngào, giọng nói đáng yêu, giọng nói đi vào trái tim, có âm thanh dịu dàng như tiếng hót của loài chim Karavīka. Hơn nữa, âm thanh phát ra từ miệng của đức Thế Tôn ấy có tám yếu tố: Không bị lấp bấp, có thể hiểu được, dịu dàng, nghe êm tai, chắc nịch, không bị loãng, sâu sắc và có âm vang. Hơn nữa, đức Thế Tôn ấy giảng giải cho hội chúng như thế ấy bằng tiếng nói; âm giọng của Ngài không thoát ra bên ngoài của hội chúng. Hơn nữa, đức Thế Tôn ấy có âm thanh của Phạm thiên, có giọng nói của loài chim karavīka. “Vị có giọng nói êm dịu” là như thế.

Bậc Đạo Sư: Bậc Đạo Sư là đức Thế Tôn, người chỉ đạo đoàn xe. Giống như người chỉ đạo đoàn xe giúp chúng sanh vượt qua hiểm lộ, giúp vượt qua hiểm lộ có trộm cướp, giúp vượt qua hiểm lộ có thú dữ, giúp vượt qua hiểm lộ có khó khăn về vật thực, giúp vượt qua hiểm lộ không có nước, giúp cho vượt lên, giúp cho vượt ra, giúp cho vượt khỏi, giúp cho đạt đến vùng đất hoàn toàn an ổn; tương tự như vậy, đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe giúp chúng sanh vượt qua hiểm lộ, giúp vượt qua hiểm lộ của sanh, giúp vượt qua hiểm lộ của già, giúp vượt qua hiểm lộ của bệnh, giúp vượt qua hiểm lộ của chết, giúp vượt qua hiểm lộ của sầu muộn, giúp vượt qua hiểm lộ của than vãn, giúp vượt qua hiểm lộ của khổ, giúp vượt qua hiểm lộ của ưu phiền và lo âu, giúp vượt qua hiểm lộ của luyến ái, giúp vượt qua hiểm lộ của sân hận, giúp vượt qua hiểm lộ của si mê, giúp vượt qua hiểm lộ của ngã mạn, giúp vượt qua hiểm lộ của tà kiến, giúp vượt qua hiểm lộ của ô nhiễm, giúp vượt qua hiểm lộ của uế hạnh, giúp vượt qua sự nắm giữ của luyến ái, giúp vượt qua sự nắm giữ của sân hận, giúp vượt qua sự nắm giữ của si mê, giúp vượt qua sự nắm giữ của ngã mạn, giúp vượt qua sự nắm giữ của tà kiến, giúp vượt qua sự nắm giữ của ô nhiễm, giúp vượt qua sự nắm giữ của uế hạnh, giúp cho vượt lên, giúp cho vượt ra, giúp cho vượt khỏi, giúp cho đạt đến vùng đất hoàn toàn an ổn, bất tử, Niết-bàn. “Đức Thế Tôn, người chỉ đạo đoàn xe” là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đạo Ngự, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khơi Mỏ, bậc Khởi Tín. “Đức Thế Tôn, người chỉ đạo đoàn xe” còn là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. “Đức Thế Tôn, người chỉ đạo đoàn xe” còn là như vậy.

“Bậc Đạo Sư, vị có giọng nói êm dịu như thế” là như vậy.

Bậc Có Đồ Chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā: Đức Thế Tôn, sau khi lìa khỏi hội chúng Tusitā, có niệm, có sự nhận biết rõ, đã ngự xuống vào thai bào của người mẹ. “Bậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā” là như vậy. Hoặc là, chư thiên được gọi là Tusitā; các vị ấy vui sướng, vừa lòng, hoan hỷ, vui mừng, sanh tâm phỉ lạc; Ngài đã đi đến vị thể của bậc có đồ chúng từ thế giới chư thiên. “Bậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā” còn là như vậy. Hoặc là, các vị A-la-hán được gọi là Tusitā; các vị ấy vui sướng, vừa lòng, hoan hỷ, có tâm tư hoàn mãn; Ngài đã đi đến vị thể của bậc có đồ chúng của các vị A-la-hán. “Bậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā” còn là như vậy.

Bậc Có Đồ Chúng: Đức Thế Tôn là bậc Có Đồ Chúng; “vị Thầy của đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “bậc Đạo Sư của đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “vị chăm nom đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “vị giáo huấn đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “vị chỉ dạy đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “vị tự tin tiếp cận đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “đối với Ngài, đồ chúng lắng nghe, lóng tai nghe, thiết lập tâm mong muốn hiểu biết” là bậc có đồ chúng; “vị đưa đồ chúng ra khỏi bất thiện pháp và sách tấn thiện pháp” là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Tỳ-khuru là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Tỳ-khuru-ni là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nam cư sĩ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nữ cư sĩ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng vua chúa là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Sát-đế-ly... vị có đồ chúng Bà-la-môn... vị có đồ chúng thương buôn... vị có đồ chúng nô lệ... vị có đồ chúng chư thiên... vị có đồ chúng Phạm thiên là bậc có đồ chúng; vị có hội chúng là bậc có đồ chúng, là vị Thầy của đồ chúng.

Đã đi đến: Đã đi đến, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến thành Saṅkassa.

“Bậc có đồ chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā” là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

“Từ đây trở về trước, con chưa từng được thấy,

[Đại đức Sāriputta đã nói thế ấy]

Hoặc chưa từng được nghe của bất cứ người nào,

Bậc Đạo Sư, vị có giọng nói êm dịu như thế,

Bậc Có Đồ Chúng, đã đi đến từ cõi trời Tusitā.”

16.2. Đối với thế gian có cả chư thiên,

Bậc Hữu Nhân được nhìn thấy là như thế.

Sau khi xua đi tất cả tâm tối,

Chỉ một mình, Ngài đã đạt đến sự khoái cảm.

Đối với thế gian có cả chư thiên: Đối với thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người.

“Đối với thế gian có cả chư thiên” là như thế.

Bạc Hữu Nhân được nhìn thấy là như thế: Chư thiên nhìn thấy đức Thế Tôn ngồi ở cung trời Tam Thập, tại gốc cây san hô, nơi bảo tọa của đức trời Sakka đang thuyết pháp như thế nào, loài người nhìn thấy như thế ấy; loài người nhìn thấy như thế nào, chư thiên nhìn thấy như thế ấy; Ngài được nhìn thấy giữa chư thiên như thế nào, Ngài được nhìn thấy giữa loài người như thế ấy; Ngài được nhìn thấy giữa loài người như thế nào, Ngài được nhìn thấy giữa chư thiên như thế ấy. “Bạc Hữu Nhân được nhìn thấy là như thế” là như vậy. Hoặc ngược lại, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, không rèn luyện, được nhìn thấy có vẻ đã được rèn luyện; không an tịnh, được nhìn thấy có vẻ đã được an tịnh; không yên tịnh, được nhìn thấy có vẻ đã được yên tịnh; không tịch tịnh, được nhìn thấy có vẻ đã được tịch tịnh.

1. *“Tựa như bông tai làm bằng đất sét là đồ giả mạo,
Tựa như một nửa tiền bằng đồng được phủ lên lớp vàng,
Chúng sống ở thế gian, được che đậy dưới lớp vỏ bọc,
Bên trong thì không trong sạch, bên ngoài thì sáng rõ.”*

Đức Thế Tôn được nhìn thấy không là như vậy.

Đức Thế Tôn, theo sự thật, với sự đúng đắn, bằng thực thể, với sự xác đáng, với sự không bị sai lệch, với sự đúng theo bản thể; đã được rèn luyện, Ngài được nhìn thấy với sắc thái đã được rèn luyện; đã được an tịnh, Ngài được nhìn thấy với sắc thái đã được an tịnh; đã được yên tịnh, Ngài được nhìn thấy với sắc thái đã được yên tịnh; đã được tịch tịnh, Ngài được nhìn thấy với sắc thái đã được tịch tịnh; và chư Phật Thế Tôn có các oai nghi không phải sắp đặt [trước], các Ngài đã thành tựu về nguyện vọng. “Bạc Hữu Nhân được nhìn thấy là như thế” còn là như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn có thanh danh, đã đạt đến danh thơm và tiếng tốt như thế này, như thế khác, và còn hơn thế nữa ở cõi rồng, ở cõi linh điều, ở cõi dạ-xoa, ở cõi a-tu-la, ở cõi càn-thát-bà, ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, ở cõi trời Đế-thích, ở cõi Phạm thiên và ở cõi chư thiên. “Bạc Hữu Nhân được nhìn thấy là như thế” còn là như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn đã được thành tựu mười lực, bốn pháp tự tin, bốn tuệ phân tích, sáu thắng trí, sáu pháp của vị Phật; Ngài được nhìn thấy, được biết, được nhận biết do oai lực, do năng lực, do đức hạnh, do sự tinh tấn và do tuệ.

2. *“Những người tốt tỏa sáng ở nơi xa, ví như núi Hy-mã-lạp. Những kẻ xấu ở đây [vân] không được nhìn thấy, giống như những mũi tên được bắn ra vào ban đêm.”*

“Bạc Hữu Nhân được nhìn thấy là như thế” còn là như vậy.

Bạc Hữu Nhân: Đức Thế Tôn là bạc Hữu Nhân với năm loại nhãn [con mắt]: Bạc Hữu Nhân với nhục nhãn, bạc Hữu Nhân với thiên nhãn, bạc Hữu Nhân với tuệ nhãn, bạc Hữu Nhân với Phật nhãn, bạc Hữu Nhân với toàn nhãn.

Đức Thế Tôn là bạc Hữu Nhân với nhục nhãn nghĩa là thế nào? Ở nhục nhãn của đức Thế Tôn hiện hữu năm màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu đen và màu trắng. Và các lông mi của đức Thế Tôn: Nơi nào các lông mi

mọc, màu xanh ở nơi ấy là màu xanh tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây ummā. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu vàng, là màu vàng tuyền, màu của kim loại vàng, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây kanikāra. Hai bên đuôi mắt của đức Thế Tôn có màu đỏ, là màu đỏ tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu của loài mối cánh. Chính giữa [hai con mắt] có màu đen, là màu đen tuyền, không sần sùi, bóng láng, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu trái addāriṭṭhaka. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu trắng, là màu trắng tuyền, trắng tinh, trắng sáng, duyên dáng, đáng nhìn, như là ngôi sao osadhī. Nhục nhãn tự nhiên ấy, nương ở kim thân, đã được sanh lên do hạnh nghiệp tốt đẹp trong thời quá khứ; thông qua nó, đức Thế Tôn nhìn thấy xung quanh một do-tuần, ban ngày và luôn cả ban đêm.

Ngay cả vào lúc tối tăm nhất hội đủ bốn yếu tố: Mặt trời đã lặn xuống, vào ngày trai giới thuộc hạ huyền [đêm cuối tháng âm lịch], nơi khu rừng già sâu thẳm và có đám mây đen lớn trôi dạt; ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố có hình thức như thế, Ngài cũng vẫn nhìn thấy xung quanh một do-tuần. Ở nơi nào đâu có vách tường, cánh cửa, tường thành, ngọn núi, bụi rậm, hoặc dây leo, cũng không là sự ngăn trở việc nhìn thấy các hình thể. Nếu sau khi làm dẫu một hạt mè rồi ném vào cỗ xe chở hạt mè, Ngài vẫn có thể nhặt lên chính hạt mè ấy. Nhục nhãn tự nhiên của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với nhục nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với thiên nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, vì ấy biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: “Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có uez hạnh về thân, có uez hạnh về khẩu, có uez hạnh về ý, vu không các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiến. Những kẻ ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thiện hạnh về thân, có thiện hạnh về khẩu, có thiện hạnh về ý, không vu không các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này].” Như thế, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ngài nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Và trong khi mong muốn, đức Thế Tôn có thể nhìn thấy một thế giới,² có thể nhìn thấy hai thế giới, có thể nhìn thấy ba thế giới, có thể nhìn thấy bốn thế giới, có thể nhìn thấy năm thế giới, có thể nhìn thấy mười thế giới, có thể nhìn thấy hai mươi thế giới, có thể nhìn thấy ba mươi thế giới, có thể nhìn thấy bốn mươi thế giới, có thể nhìn thấy năm mươi thế giới, có thể nhìn thấy nhất thiên tức tiểu thế giới, có thể

² Xem chú thích về “*Lokadhātu*” (Thế giới) ở trang 223. (ND)

nhìn thấy nhị thiên tức trung thể giới, có thể nhìn thấy tam thiên tức đại thiên thể giới.³ Hơn nữa, Ngài mong muốn đến chừng nào thì Ngài có thể nhìn thấy đến chừng ấy. Thiên nhãn của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với thiên nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với tuệ nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là bậc có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiểu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt, là bậc thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, bậc có trí đã được phát triển, đã đạt đến tuệ phân tích, đã đạt được bốn pháp tự tin, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Ngưu, bậc Nhân Sư, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khởi Mở, bậc Khởi Tín.

Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vị công bố, vị tuyên thuyết, vị chỉ dẫn mục đích, vị ban cho bất tử, bậc Pháp Chủ, đức Như Lai.

Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại, với mọi biểu hiện, đều đi đến phạm vi ở trong tầm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích thâm sâu, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lợi ích không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong sạch, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng, tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí, tất cả khẩu nghiệp, tất cả ý nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí. Đức Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, có trí không bị chướng ngại về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình

³ Xem chú thích về Nhất thiên (Tiểu thể giới), Nhị thiên (Trung thể giới), Tam thiên (Đại thiên thể giới) ở trang 294. (ND)

của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liền đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chúng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều-có-thể-biết và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau.

Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp. Tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với sự chú tâm, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn.

Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nét hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tâm nhìn bị vấy bụi ít và có tâm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điều là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bầu trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí; Phật trí thâm nhập tuệ của chư thiên và loài người, ngự trị, và trụ lại. Những vị Sát-đế-lỵ sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suốt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bề ngoài các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với tuệ nhân nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với Phật nhân nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian, đã nhìn thấy các chúng sanh có tâm nhìn bị vấy bụi ít và có tâm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một

cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Cũng giống như ở hồ sen xanh hoặc ở hồ sen hồng hoặc ở hồ sen trắng, có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước, và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước và tồn tại không bị vấy bẩn bởi nước; tương tự như vậy, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tâm nhìn bị vấy bụi ít và có tâm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác.

Đức Thế Tôn biết rằng: “Người này có tánh luyện ái, người này có tánh sân, người này có tánh si, người này có tánh tâm, người này có tánh tín, người này có tánh giác.” Đối với người có tánh luyện ái, đức Thế Tôn thuyết bài giảng về đề mục tử thi. Đối với người có tánh sân, đức Thế Tôn chỉ dạy sự tu tập về tâm từ. Đối với người có tánh si, đức Thế Tôn dạy bảo việc đọc tụng, việc vấn hỏi, việc lắng nghe giáo pháp lúc hợp thời, việc bàn luận giáo pháp lúc hợp thời, việc cộng trú với vị thầy. Đối với người có tánh tâm, đức Thế Tôn chỉ dạy về niệm hơi thở vào hơi thở ra. Đối với người có tánh tín, đức Thế Tôn chỉ dạy về biểu hiện đem lại sự thành tín: Sự giác ngộ tốt đẹp của đức Phật, tính chất tốt đẹp của giáo pháp, sự hành trì tốt đẹp của chúng Tăng, và các giới của bản thân. Đối với người có tánh giác, đức Thế Tôn chỉ dạy về ấn chứng của pháp minh sát: Biểu hiện của vô thường, biểu hiện của khổ, biểu hiện của vô ngã.

3. *“Giống như người đứng ở đỉnh đầu của ngọn núi đá, cũng giống như người có thể nhìn thấy dân chúng ở xung quanh, tương tự như thế ấy, bạch đáng Khôn Ngoan, bạch đáng Toàn Nhân, sau khi bước lên tòa lâu đài làm bằng giáo pháp, xin bậc đã xa lìa sầu muộn hãy quan sát chúng sanh bị rơi vào sầu muộn, bị ngự trị bởi sanh và già.”*

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với Phật nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với toàn nhân nghĩa là thế nào? Toàn nhân nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác.

4. *“Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở nơi đây là không được nhìn*

thấy, không được nhận thức, hoặc không thể biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế Đức Như Lai là bậc Toàn Nhân.”

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với toàn nhân nghĩa là như vậy.

“Bậc Hữu Nhân được nhìn thấy là như thế” là như thế.

Sau khi xua đi tất cả tăm tối: Sau khi xóa đi, sau khi đuổi đi, sau khi từ bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tất cả sự tăm tối bởi luyến ái, sự tăm tối bởi sân hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi tà kiến, sự tăm tối bởi ô nhiễm, sự tăm tối bởi uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn.

“Sau khi xua đi tất cả tăm tối” là như thế.

Chỉ một mình, Ngài đã đạt đến sự khoái cảm: Đức Thế Tôn là một mình, một mình theo quy định của đời sống xuất gia, một mình với ý nghĩa không người thứ hai, một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái, một mình “có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn”, một mình “có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn”, một mình “có si mê đã được xa lìa hoàn toàn”, một mình “hoàn toàn không còn ô nhiễm”, một mình “đã đi con đường độc đạo”, một mình “đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng.” “Một mình” là như thế.

Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong lúc đang còn thanh xuân, có tóc đen nhánh của tuổi trẻ, được thành tựu tuổi thanh niên tốt lành, vào giai đoạn đầu của tuổi thọ, trong khi mẹ và cha không mong muốn, với khuôn mặt đầy nước mắt, đang khóc lóc, đang than van; Ngài, sau khi cắt đứt mọi sự vương bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vương bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vương bận về thân quyến, [sau khi cắt đứt sự vương bận về bạn bè và thân hữu,]⁴ sau khi cắt đứt sự vương bận về việc tích trữ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa không người thứ hai nghĩa là thế nào? Trong khi đã được xuất gia như vậy, Ngài một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Ngài sống một mình, đi một mình, đứng một mình, nằm một mình, đi vào làng để khát thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa không người thứ hai nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là thế nào? Ngài

⁴ Đoạn này được thêm vào theo các tạng Miến Điện, Thái Lan và PTS; tạng Tích Lan không có. (ND)

một mình như vậy, không người thứ hai, trong khi sống không bị xao lãng, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyết, ở bờ sông Nerañjarā, nơi gốc cây Bồ-đề, trong khi đang nỗ lực sự nỗ lực vĩ đại, sau khi đã phá tan Ma vương, Thần chết, Hắc ám, thân quyến của những kẻ bị xao lãng, cùng với đạo quân binh; Ngài đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự vương mắc là mạng lưới tham ái.

5. *“Có tham ái là bạn hữu, trong khi luân chuyển một thời gian dài đến cõi này và cõi khác, con người không vượt qua được luân hồi.”*

6. *Sau khi biết được sự bất lợi như vậy, [biết được] tham ái là nguồn sanh khởi của khổ, vị Tỳ-khưu, có tham ái đã được xa lìa, không có sự nắm giữ, có niệm, nên ra đi du phương.”*

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là vị một mình “có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn” nghĩa là thế nào? Là vị một mình “có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn” do trạng thái đã được dứt bỏ đối với luyến ái, là vị một mình “có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn” do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sân hận, là vị một mình “có si mê đã được xa lìa hoàn toàn” do trạng thái đã được dứt bỏ đối với si mê, là vị một mình “hoàn toàn không còn ô nhiễm” do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm.

Đức Thế Tôn là vị một mình “đã đi con đường độc đạo” nghĩa là thế nào? Con đường độc đạo nói đến bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cân, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

7. *“Vị nhìn thấy sự tiêu hoại và chấm dứt của sanh, có lòng thương tưởng đến điều lợi ích, nhận biết con đường độc đạo. Trong thời quá khứ các vị đã vượt qua, [trong thời vị lai] các vị sẽ vượt qua, và [trong thời hiện tại] các vị đang vượt qua dòng lũ bằng con đường này.”*

Đức Thế Tôn là vị một mình “đã đi con đường độc đạo” nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là vị một mình “đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng” nghĩa là thế nào? Giác ngộ nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thâm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Nhờ vào trí giác ngộ ấy, đức Thế Tôn đã giác ngộ rằng: “Tất cả các hành là vô thường”, đã giác ngộ rằng: “Tất cả các hành là khổ”, đã giác ngộ rằng: “Tất cả các pháp là vô ngã”, đã giác ngộ rằng: “Vô minh duyên cho các hành”,... (nt)... đã giác ngộ rằng: “Sanh duyên cho lão, tử”, đã giác ngộ rằng: “Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành”,... (nt)... đã giác ngộ rằng: “Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử”, đã giác ngộ rằng: “Đây là khổ”, đã giác ngộ rằng: “Đây là nhân sanh khổ”, đã giác ngộ rằng: “Đây là sự diệt tận khổ”, đã giác ngộ rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”, đã giác ngộ rằng: “Đây là các lậu hoặc”,... (nt)... đã giác ngộ rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc”, đã giác ngộ rằng: “Các pháp này cần

được biết toàn diện”, đã giác ngộ rằng:... cần được dứt bỏ... cần được tu tập... cần được chứng ngộ”, đã giác ngộ về nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hưng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra của sáu xúc xứ; đã giác ngộ về nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hưng thú, sự bất lợi, và sự thoát ra năm thủ uẩn; đã giác ngộ về nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hưng thú, sự bất lợi và sự thoát ra bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió]; đã giác ngộ rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Hoặc là, điều gì có thể giác ngộ [bởi Sơ đạo], có thể giác ngộ [bởi Nhị đạo], có thể giác ngộ [bởi Tam đạo], có thể giác ngộ [bởi Tứ đạo], có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ, Ngài đã giác ngộ [Sơ đạo], đã giác ngộ [Nhị đạo], đã giác ngộ [Tam đạo], đã giác ngộ [Tứ đạo], đã giác ngộ đúng đắn, đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ toàn bộ điều ấy nhờ vào trí giác ngộ ấy. Đức Thế Tôn là vị một mình “đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng” nghĩa là như vậy.

Đã đạt đến sự khoái cảm.

Sự khoái cảm: Khoái cảm của việc xuất gia, khoái cảm của sự viễn ly, khoái cảm của sự yên tịnh, khoái cảm của sự giác ngộ.

Đã đạt đến: Đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ.

“Chỉ một mình, Ngài đã đạt đến sự khoái cảm” là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

*“Đối với thế gian có cả chư thiên,
Bậc Hữu Nhân được nhìn thấy là như thế.
Sau khi xua đi tất cả tăm tối,
Chỉ một mình, Ngài đã đạt đến sự khoái cảm.”*

16.3. Với ý định [hỏi] câu hỏi cho số đông đã được gán bó ở nơi này, con đã đi đến gặp Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đáng Tự Tại, vị Không Gạt Gắm, bậc Có Đồ Chúng đã đi đến.

Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đáng Tự Tại.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn, đáng Tự Chủ, vị không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Đức Phật: Với ý nghĩa gì là đức Phật? “Vị đã giác ngộ các chân lý” là đức Phật. “Vị đã giúp cho chúng sanh giác ngộ” là đức Phật. Do trạng thái toàn tri là đức Phật. Do trạng thái nhìn thấy tất cả là đức Phật. Do trạng thái không bị người khác dẫn dắt là đức Phật. Do trạng thái nở rộ [các đức hạnh] là đức Phật. Do được công nhận đã cạn kiệt các lậu hoặc là đức Phật. Do được công nhận

⁵ Bốn động từ *bujjhati*, *anubujjhati*, *paṭibujjhati* và *sambujjhati* có cùng một gốc động từ là *√budh*, có nghĩa là “giác ngộ”, được thêm vào các tiếp đầu ngữ *anu*, *pati*, *sam* để tạo thành ba động từ khác với ý nghĩa đã được thay đổi ít nhiều. Ý nghĩa của bốn động từ trên đã được viết theo sự giải thích của *Chú giải* (*Nidā*. II. 440). (ND)

không có tùy phiền não là đức Phật. “Vị có duyên ái đã được xa lìa hoàn toàn” là đức Phật. “Vị có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn” là đức Phật. “Vị có si mê đã được xa lìa hoàn toàn” là đức Phật. “Vị hoàn toàn không còn ô nhiễm” là đức Phật. “Vị đã đi con đường độc đạo” là đức Phật. “Vị độc nhất đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng” là đức Phật. Do trạng thái đã phá tan sự không giác ngộ là đức Phật. Do việc đạt được sự giác ngộ là đức Phật. “Đức Phật”, tên gọi này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra. Sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn, do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Phật.” “Ngài, đức Phật” là như thế.

Bậc Không Nương Nhờ: Có hai sự nương tựa: Nương tựa vào tham ái và nương tựa vào tà kiến.

Việc nào là nương tựa vào tham ái? Cho đến vật đã được tạo lập ranh giới, đã được tạo lập biên giới, đã được tạo lập giới hạn, đã được tạo lập hạn định, đã thuộc sở hữu, đã được chấp là của ta bởi cái gọi là tham ái rằng: Cái này là của tôi, cái ấy là của tôi, chùng này là của tôi, cho đến chùng này là của tôi, các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc, các vật trải lót, các vật đắp, các tôi trai và tớ gái, dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lửa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại và nhà kho của tôi, và luôn cả toàn thể đại địa cầu, đều được chấp là của ta do tác động của tham ái, được giải rộng ra cho đến một trăm lẻ tám ái; việc này là nương tựa vào tham ái.

Việc nào là nương tựa vào tà kiến? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng, quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến; là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; việc này là nương tựa vào tà kiến.

Đối với đức Phật Thế Tôn, sự nương tựa vào tham ái được dứt bỏ, sự nương tựa vào tà kiến được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự nương tựa vào tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự nương tựa vào tà kiến; đức Thế Tôn không nương nhờ mắt, không nương nhờ tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không nương nhờ các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tướng, cõi vô tướng, cõi phi tướng phi phi tướng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được

nhận thức; không nương tựa, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Ngài, đức Phật, bậc không nương nhờ” là như thế.

Đấng Tự Tại: Đức Thế Tôn là đấng Tự Tại với năm biểu hiệu: Tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn, tự tại với ý nghĩa “đã từ bỏ”, tự tại với ý nghĩa “đã vượt qua”, tự tại với ý nghĩa “đã giải thoát”, tự tại với việc diễn giải điều ấy.

Đức Thế Tôn tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là tự tại về lợi lộc, tự tại về không lợi lộc, tự tại về danh vọng, tự tại về không danh vọng, tự tại về lời khen, tự tại về lời chê, tự tại về hạnh phúc, tự tại về khổ đau; nếu người ta thoa một cánh tay với dầu thơm, nếu người ta đeo một cánh tay với cái rìu thì không có luyến ái về điều ấy, không có bất bình về điều ấy, Ngài đã lìa bỏ sự ưa chuộng và bất bình, đã vượt qua khỏi sự hưng phấn và chán nản, đã vượt qua hẳn sự chiều chuộng và chống đối; đức Thế Tôn tự tại về đối tượng ước muốn và không ước muốn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa “đã từ bỏ” nghĩa là thế nào? Đối với đức Thế Tôn, sự luyến ái đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; sự sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện đã được từ bỏ, đã được tẩy trừ, đã được giải thoát, đã được dứt bỏ, đã được buông bỏ; đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa “đã từ bỏ” nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa “đã vượt qua” nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã hoàn mãn cuộc hành trình, đã hoàn mãn hướng đi, đã đi đến điểm cuối cùng, đã hộ trì Phạm hạnh, đã đạt đến kiến tối thượng, đã tu tập đạo lộ, đã dứt bỏ ô nhiễm, đã thấu triệt sự không thể thay đổi, đã chứng ngộ diệt đế.

Đối với Ngài, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đạo đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ. Điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết toàn diện đã được biết toàn diện, điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điều cần được tu tập đã được tu tập, điều cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Ngài đã hất tung rào chắn [vô minh], đã san lấp nương rãnh [luân hồi tái sanh], đã nhổ lên cột trụ [tham ái], không còn chốt cửa, là Thánh thiện, đã hạ xuống ngọn cờ [ngã mạn], đã đặt xuống gánh nặng, đã tháo khỏi ách, đã dứt bỏ hẳn ngũ dục, đã thành tựu sáu căn, có một sự bảo hộ [niệm], có bốn sự nâng đỡ, đã xua đi sự độc đoán, có sự tâm cầu đã được hoàn toàn cởi bỏ, có

tâm tư không bị xáo trộn, có thân hành đã được an tịnh, có tâm khéo được giải thoát, có tuệ khéo được giải thoát, toàn hảo, đã được hoàn mãn, là con người tối thượng, con người tốt đỉnh, đã đạt được sự thành đạt tốt đỉnh.

Ngài không tích lũy [nghiệp] cũng không loại trừ, tồn tại sau khi đã loại trừ [ô nhiễm]; không dứt bỏ [ô nhiễm] cũng không chấp thủ, tồn tại sau khi đã dứt bỏ; không tự kết nối [tham ái] cũng không tháo gỡ, tồn tại sau khi đã tháo gỡ; không dập tắt [lửa phiền não] cũng không đốt cháy, tồn tại sau khi đã dập tắt; tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giới uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về định uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về tuệ uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giải thoát uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giải thoát tri kiến uẩn của bậc Vô học; tồn tại sau khi đã thấu suốt chân lý, tồn tại sau khi đã vượt qua dục vọng, tồn tại sau khi đã trấn áp lửa phiền não, tồn tại do không đi vòng quanh [ở luân hồi], tồn tại sau khi đã thọ trì lời giảng, tồn tại do thân cận với giải thoát, tồn tại với sự thanh tịnh của từ, tồn tại với sự thanh tịnh của bi, tồn tại với sự thanh tịnh của hỷ, tồn tại với sự thanh tịnh của xả, tồn tại với sự thanh tịnh tốt cùng, tồn tại với sự thanh tịnh của trạng thái không còn tham ái, tà kiến và ngã mạn, tồn tại với trạng thái đã được giải thoát, tồn tại với trạng thái đã được hài lòng, tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn, tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới, tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ, tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của kiếp sống, tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển, tồn tại trong kiếp sống cuối cùng, tồn tại trong thân xác cuối cùng. Với việc duy trì thân xác cuối cùng là đức Thế Tôn.

*“Đối với vị ấy, sự hiện hữu này là cuối cùng,
Thân xác này là sau chót,
Việc sanh tử luân hồi,
Việc hiện hữu lần nữa không có đối với vị ấy.”*

Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa “đã vượt qua” nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa “đã giải thoát” nghĩa là thế nào? Đối với đức Thế Tôn, tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái; tâm đã được thoát khỏi, đã được giải thoát, đã khéo được giải thoát khỏi sự sân hận... khỏi sự si mê... khỏi sự giận dữ... khỏi sự thù hận... khỏi sự gièm pha... khỏi sự ác ý... khỏi sự ganh tỵ... khỏi sự bòn xén... khỏi sự xảo trá... khỏi sự lừa gạt... khỏi sự bướng bỉnh... khỏi sự hung hăng... khỏi sự ngã mạn... khỏi sự cao ngạo... khỏi sự đam mê... khỏi sự xao lãng... khỏi tất cả ô nhiễm... khỏi tất cả uế hạnh... khỏi mọi sự lo lắng... khỏi mọi sự bức bối... khỏi mọi sự nóng nảy... khỏi tất cả các pháp tạo tác bất thiện; đức Thế Tôn tự tại với ý nghĩa “đã giải thoát” nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn tự tại với việc diễn giải điều ấy nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn khi giới hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có giới”; khi tín hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có tín”; khi tấn hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có tấn”; khi niệm hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có niệm”; khi định hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta định tĩnh”; khi tuệ hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có tuệ”; khi minh hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có ba minh”; khi thắng trí hiện diện, tự tại với việc diễn giải điều ấy rằng: “Ta có sáu thắng trí”, đức Thế Tôn tự tại với việc diễn giải điều ấy nghĩa là như vậy.

“Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đáng Tự Tại” là như thế.

Vị Không Gạt Gắm, bậc Có Đồ Chúng đã đi đến.

Không gạt gắm: Có ba kiểu cách gạt gắm: Kiểu cách gạt gắm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng, kiểu cách gạt gắm liên quan đến các oai nghi, kiểu cách gạt gắm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Kiểu cách gạt gắm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng là kiểu cách nào? Ở đây, các gia chủ thỉnh mời vị Tỳ-khưu về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, có sự tầm cầu, do sự mong muốn được nhiều hơn về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh, rồi từ chối y phục, từ chối đồ ăn khát thực, từ chối chỗ nằm ngồi, từ chối vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy đã nói như sau: “Lợi ích gì cho vị Sa-môn với y phục đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên nhặt các mảnh vải từ bãi tha ma, hoặc từ đồng rác, hoặc từ vải bỏ của tiệm vải, rồi làm y hai lớp và mặc vào. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với đồ ăn khát thực đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên duy trì mạng sống bằng vất thức ăn do việc đi khát thực. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với chỗ nằm ngồi đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên ngụ ở góc cây, hoặc là ngụ ở mộ địa, hoặc là ngụ ở ngoài trời. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với vật dụng là thuốc men chữa bệnh đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên chế tạo thuốc men với nước tiểu bò hoặc với mủ cây haritakī.” Từ đó trở đi, vị ấy mặc y thô tẻ, ăn đồ ăn khát thực thô tẻ, sử dụng chỗ nằm ngồi thô tẻ, sử dụng vật dụng là thuốc men chữa bệnh thô tẻ. Các gia chủ biết về vị ấy như vậy:

“Vị Sa-môn này ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách biệt, không giao du, có sự ra sức tinh tấn, thuyết về hạnh từ khước”, rồi thỉnh mời [vị ấy] về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh nhiều hơn nữa. Vị ấy đã nói như sau: “Do sự hiện diện của ba pháp, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của đức tin, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của vật thí, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của các bậc xứng đáng được cúng dường, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu. Và các người là có đức tin, có vật thí, còn tôi là người thọ nhận. Nếu tôi không thọ nhận, như vậy các người sẽ mất phần phước báu. Không có

lợi ích gì cho tôi với việc này, nhưng vì lòng thương tưởng đến các người mà tôi thọ nhận.” Từ đó trở đi, vị ấy thọ nhận nhiều y phục, thọ nhận nhiều đồ ăn khát thực, thọ nhận nhiều chỗ nằm ngồi, thọ nhận nhiều vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Những sự nhũu mày có hình thức như vậy là trạng thái nhũu mày, sự gặt gẫm, thái độ gặt gẫm, trạng thái gặt gẫm; đây là kiểu cách gặt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng.

Kiểu cách gặt gẫm liên quan đến các oai nghi là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính, [nghĩ rằng:] “Như vậy mọi người sẽ tôn kính ta”, rồi tạo dáng đi, tạo dáng đứng, tạo dáng ngồi, tạo dáng nằm, lập nguyện rồi mới đi, lập nguyện rồi mới đứng, lập nguyện rồi mới ngồi, lập nguyện rồi mới nằm, đi như là đã đắc định, đứng như là đã đắc định, ngồi như là đã đắc định, nằm như là đã đắc định, là người tham thiền giữa công chúng. Những việc tạo dáng ra vẻ nghiêm trang của các oai nghi có hình thức như vậy là biểu hiện tạo dáng, việc tạo dáng, sự nhũu mày, trạng thái nhũu mày, sự gặt gẫm, thái độ gặt gẫm, trạng thái gặt gẫm; đây là kiểu cách gặt gẫm liên quan đến các oai nghi.

Kiểu cách gặt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính, [nghĩ rằng:] “Như vậy mọi người sẽ tôn kính ta”, rồi nói lời liên quan đến Thánh pháp. Nói rằng: “Vị nào mặc y như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào mang bình bát, mang bát nhỏ bằng đồng, mang bình nước, mang đồ lọc nước, mang chìa khóa, mang dép, mang dây thắt lưng, mang dây buộc, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào có thầy tế độ như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào có thầy dạy học... có các vị đồng thầy tế độ... có các vị đồng thầy dạy học... có các bạn bè... có các vị đồng quan điểm... có các vị thân thiết... có các vị thân hữu như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào ngụ ở trú xá như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào ngụ ở nhà một mái... ngụ ở tòa lâu đài... ngụ ở tòa nhà dài... ngụ ở hang động... ngụ ở thạch thất... ngụ ở cốc liêu... ngụ ở nhà mái nhọn... ngụ ở chòi canh... ngụ ở ngôi nhà tròn... ngụ ở căn lều... ngụ ở hội trường... ngụ ở mái che... ngụ ở gốc cây như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.”

Hoặc là, vị giả nhân giả nghĩa, vị nhũu mặt nhãn mày, vị gặt gẫm lừa dối, vị tỉ tê nài nỉ, thể hiện ở khuôn mặt [để người khác hiểu lầm rằng]: “Vị Sa-môn này đã đạt được các sự thể nhập an tịnh có hình thức như thế này”, rồi thuyết bài giảng thâm sâu, bí hiểm, vi tế, ẩn tàng, vô thượng ở thế gian, gắn liền với không tánh, tương đương với pháp ấy. Những sự nhũu mày có hình thức như vậy là trạng thái nhũu mày, sự gặt gẫm, thái độ gặt gẫm, trạng thái gặt gẫm; đây là kiểu cách gặt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Đối với đức Phật Thế Tôn, ba kiểu cách gặt gẫm này đã được dứt bỏ, đã

được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vì thế đức Phật là vị không gặt gẫm. “Vị không gặt gẫm” là như thế.

Bậc Có Đồ Chúng đã đi đến.

Bậc Có Đồ Chúng: Đức Thế Tôn là bậc Có Đồ Chúng; “vị thầy của đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “bậc Đạo Sư của đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “vị chăm nom đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “vị giáo huấn đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “vị chỉ dạy đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “vị tự tin tiếp cận đồ chúng” là bậc có đồ chúng; “đối với Ngài, đồ chúng lắng nghe, lắng tai nghe, thiết lập tâm mong muốn hiểu biết” là bậc có đồ chúng; “vị đưa đồ chúng ra khỏi bất thiện pháp và sách tấn thiện pháp” là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Tỳ-khưu là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Tỳ-khưu-ni là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nam cư sĩ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nữ cư sĩ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng vua chúa là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Sát-đế-ly là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Bà-la-môn là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng thương buôn là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng nô lệ là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng chư thiên là bậc có đồ chúng; vị có đồ chúng Phạm thiên là bậc có đồ chúng; vị có hội chúng là bậc có đồ chúng, là vị thầy của đồ chúng.

Đã đi đến: Đã đi đến, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến thành Saṅkassa.

“Vị Không Gặt Gẫm, bậc Có Đồ Chúng đã đi đến” là như thế.

Cho số đông đã được gặt bó ở nơi này.

Cho số đông: Là cho số đông các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các bậc xuất gia, chư thiên và loài người.

Đã được gặt bó: Những người tùy tùng, những người hầu cận, những người học trò đã được gặt bó.

“Cho số đông đã được gặt bó ở nơi này” là như thế.

Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến: Là người có nhu cầu với câu hỏi, con đã đi đến; có ý muốn hỏi câu hỏi, con đã đi đến; có ý muốn nghe câu hỏi, con đã đi đến. “Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến” là như vậy. Hoặc là, có sự đi đến, sự tiến đến, sự đến gần, sự ngồi gần của những người có nhu cầu về câu hỏi, của những người có ý muốn hỏi câu hỏi, của những người có ý muốn nghe câu hỏi. “Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến” còn là như vậy. Hoặc là, Ngài có sự hiểu biết về câu hỏi, Ngài cũng có năng lực, Ngài có khả năng để thuyết giảng, để giải thích điều được hỏi bởi con, Ngài hãy dời đi gánh nặng này.

“Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến” còn là như vậy.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

“Với ý định [hỏi] câu hỏi cho số đông đã được gặt bó ở nơi này, con đã đi đến gặp Ngài, đức Phật, bậc Không Nương Nhờ, đáng Tự Tại, vị Không Gặt Gẫm, bậc Có Đồ Chúng đã đi đến.”

16.4. Đối với vị Tỳ-khuru đang nhòm góm [sanh, già, bệnh, chết, v.v...] đang thân cận chỗ ngồi trống vắng, gốc cây, hoặc mộ địa, hoặc ở các hang động của những ngọn núi.

Đối với vị Tỳ-khuru đang nhòm góm.

Đối với vị Tỳ-khuru: Đối với vị Tỳ-khuru phạm nhân tốt lành hoặc đối với vị Tỳ-khuru là bậc Hữu học.

Đang nhòm góm: Đang nhòm góm với sanh, đang nhòm góm với già,... với bệnh,... với chết,... với các nỗi sầu-bi-khổ-ưu-não; đang nhòm góm với khổ ở địa ngục, với khổ ở loài thú, với khổ ở thân phận nạ quý, với khổ của loài người, với khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, với khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, với khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai, với khổ gắn liền sau khi sanh ra, với khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, với khổ do sự ra sức của bản thân, với khổ do sự ra sức của kẻ khác, với khổ do [thọ] khổ, với khổ do pháp tạo tác, với khổ do sự biến đổi; với khổ do bệnh ở mắt, với khổ do bệnh ở tai trong, với khổ do bệnh ở mũi, với khổ do bệnh ở lưỡi, với khổ do bệnh ở thân, với khổ do bệnh ở đầu, với khổ do bệnh ở lỗ tai, với khổ do bệnh ở miệng, với khổ do bệnh ở răng, với ho, với suyễn, với sổ mũi, với nhiệt, với cảm sốt, với đau bụng, với xây xâm, với kiết lỵ, với đau bụng bão, với dịch tả, với phong cùi, với khối u, với bệnh chàm, với lao phổi, với động kinh, với mụn, với nhọt, với ghẻ ngứa, với sảy, với loét tay chân, với máu và mật, với bệnh tiêu đường, với bệnh trĩ, với ghẻ lở, với loét hậu môn, với bệnh phát khởi từ mật, với bệnh phát khởi từ đàm, với bệnh phát khởi từ gió, với bệnh tổng hợp [do mật-dàm-gió], với bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, với bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, với bệnh thuộc dạng cấp tính, với bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, với lạnh, với nóng, với đói, với khát, với đại tiện, với tiểu tiện; với khổ bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát; với khổ do cái chết của mẹ, với khổ do cái chết của cha, với khổ do cái chết của anh [em] trai... do cái chết của chị [em] gái... do cái chết của con trai... do cái chết của con gái... do cái chết của thân quyến... do sự tổn hại về của cải... do sự tổn hại vì bệnh tật... do sự tổn hại về giới... đang nhòm góm với khổ do sự tổn hại về kiến thức, đang bị phiền phức, đang chán nản, đang chán ghét.

“Đối với vị Tỳ-khuru đang nhòm góm” là như thế.

Đang thân cận chỗ ngồi trống vắng.

Chỗ ngồi: Nói đến nơi nào vị ấy ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm đan, tấm da thú, thảm cỏ, thảm lá, thảm rom. Chỗ ngồi ấy là trống vắng, tách biệt, tách rời với việc thấy các cảnh sắc không thích hợp; là trống vắng, tách biệt, tách rời với việc nghe các âm thanh không thích hợp; là trống vắng, tách biệt, tách rời với năm loại dục không thích hợp. Trong khi thân cận, trong khi gần gũi, trong khi phục vụ, trong khi phục dịch, trong khi kề cận, trong khi sử dụng chỗ ngồi tách biệt ấy.

“Đang thân cận chỗ ngồi trống vắng” là như thế.

Gốc cây, hoặc mộ địa: Gốc cây chỉ là gốc cây; mộ địa chỉ là mộ địa.

“Gốc cây, hoặc mộ địa” là như thế.

Hoặc ở các hang động của những ngọn núi: Ngọn núi chỉ là ngọn núi; hốc núi chỉ là hốc núi; hang núi chỉ là hang núi; những chỗ bên trong ngọn núi được gọi là các vùng bụng của ngọn núi.

“Hoặc ở các hang động của những ngọn núi” là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

“Đối với vị Tỳ-khuru đang nhòem góm [sinh, già, bệnh, chết, v.v...] đang thân cận chỗ ngồi trống vắng, gốc cây, hoặc mộ địa, hoặc ở các hang động của những ngọn núi.”

16.5. Ở những chỗ trú ngụ cao thấp, có bao nhiêu sự khiếp đảm ở nơi ấy mà vị Tỳ-khuru không nên run rẩy bởi chúng ở chỗ nằm ngồi không tiếng động?

Ở những chỗ trú ngụ cao thấp.

Ở những chỗ cao thấp: Ở những chỗ cao thấp là ở những chỗ thấp kém hoặc cao sang, ở những chỗ tốt đẹp hoặc xấu xa.

Chỗ trú ngụ: Nói đến trú xá, nhà một mái, tòa lâu đài, tòa nhà dài, hang động.

“Ở những chỗ trú ngụ cao thấp” là như thế.

Có bao nhiêu sự khiếp đảm ở nơi ấy.

Kuvanto: Là đang la lớn, đang kêu la, đang hét lên, đang tạo ra âm thanh. Hoặc là, **kīvanto:** Là có bao nhiêu, ước lượng bao nhiêu, xác định bao nhiêu, nhiều đến bao nhiêu các sự khiếp đảm ấy? Là các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự.

“Có bao nhiêu sự khiếp đảm ở nơi ấy” là như thế.

Mà vị Tỳ-khuru không nên run rẩy bởi chúng.

Bởi chúng: Bởi những sự khiếp đảm ấy; sau khi nhìn thấy hoặc sau khi nghe được các sự khiếp đảm thì không nên run rẩy, không nên chấn động, không nên rung động, không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ; nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, [vị Tỳ-khuru] nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rờn lông đã được xa lìa.

“Mà vị Tỳ-khuru không nên run rẩy bởi chúng” là như thế.

Ở chỗ nằm ngồi không tiếng động: Là ở trú xứ có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh.

“Ở chỗ nằm ngồi không tiếng động” là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

“Ở những chỗ trú ngụ cao thấp, có bao nhiêu sự khiếp đảm ở nơi ấy mà vị Tỳ-khuru không nên run rẩy bởi chúng ở chỗ nằm ngồi không tiếng động?”

16.6. Đối với vị đang đi đến khu vực chưa từng đi đến,

*Có bao nhiêu hiểm họa ở thế gian
Mà vị Tỳ-khưu cần khắc phục chúng
Ở các chỗ nằm ngồi xa vắng?*

Có bao nhiêu hiểm họa ở thế gian.

Có bao nhiêu: Có bao nhiêu là ước lượng bao nhiêu, xác định bao nhiêu, nhiều đến bao nhiêu các hiểm họa ấy? Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp.

Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự; bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụn, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm... (nt)... lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát. Các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện.

Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý, pháp che lấp “mong muốn về dục”, pháp che lấp “sân hận”, pháp che lấp “đã dưới buồn ngủ”, pháp che lấp “phóng dật và hối hận”, pháp che lấp “hoài nghi”, sự luyến ái, sân, si mê, giận dữ, thù hận, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện. Các điều này được gọi là hiểm họa khuất lấp.

Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế”, các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm”, các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú.”

Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế” nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy không chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế” nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm” nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành đúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đối với sự thực hành không đối chọi, đối với sự thực hành đưa đến lợi ích, đối với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đối với việc làm đầy đủ các giới, đối với việc phòng vệ các giác quan, đối với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tỉnh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập bốn sự thiết lập niệm, đối với sự chuyên cần tu tập bốn chánh cần,... bốn nền tảng của

thần thông,... năm quyền,... năm lực,... bảy yếu tố đưa đến giác ngộ,... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần; chúng đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm” nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” nghĩa là thế nào? Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật “có hang là chỗ trú” thì ngụ ở hang, các sinh vật có “nước là chỗ trú” thì ngụ ở nước, các sinh vật “có rừng là chỗ trú” thì ngụ ở rừng, các sinh vật “có cây cối là chỗ trú” thì ngụ ở cây cối; tương tự như vậy, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khuru, thế nào là vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái?

Này các Tỳ-khuru, ở đây, đối với vị Tỳ-khuru, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngụ bên trong vị ấy; vì thế được gọi là “có học trò.” Chúng chi phối vị ấy, “các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy”; vì thế được gọi là “có thầy dạy học.” Và thêm nữa, này các Tỳ-khuru, đối với vị Tỳ-khuru, sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngụ bên trong vị ấy; vì thế được gọi là “có học trò.” Chúng chi phối vị ấy, “các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy”; vì thế được gọi là “có thầy dạy học.” Này các Tỳ-khuru, quả là như vậy, vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Này các Tỳ-khuru, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Này các Tỳ-khuru, sân... (nt)... Này các Tỳ-khuru, si là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Thật vậy, này các Tỳ-khuru, ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong.”

1. “Tham là sự sanh ra điều không lợi ích, tham là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.

2. Người bị khởi tham không biết được điều lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thấy lý lẽ. Tham không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.

3. Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.

4. Người bị nóng giận không biết được điều lợi ích, người bị nóng giận không nhìn thấy lý lẽ. Sự nóng giận không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.

5. Si là sự sanh ra điều không lợi ích, si là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.

6. Người bị si mê không biết được điều lợi ích, người bị si mê không nhìn thấy lý lẽ. Si không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.”

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp được sanh lên thuộc nội phần; chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Ba pháp nào? Tham, tâm Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Sân, tâm Đại vương, quả thật... (nt)... Si, tâm Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâm Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người.”

7. “Tham, sân và si, hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ý xấu xa, tựa như việc kết trái hãm hại cây tre.”

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

8. “Luyến ái, sân hận và si mê có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này.

Ghét, thương, sự rón lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này.

Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này,

Tựa như những bé trai buông lời con quạ [bị cột chân bởi sợi chỉ dài].”

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Có bao nhiêu hiểm họa ở thế gian” là như thế.

Đối với vị đang đi đến khu vực chưa từng đi đến.

Khu vực chưa từng đi đến: Nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự

lia khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Khu vực ấy trước đây chưa đi đến, khu vực ấy đã không được đi đến trước đây trong thời gian dài này.

9. *“Giống như người mang cái bát dầu được chứa đầy ngang tới miệng đi vòng quanh, người đang ước nguyện khu vực trước đây chưa đi đến [Niết-bàn] nên hộ trì tâm của mình như vậy.”*⁶

Đối với vị đang tiến đến, đang đi đến, đang tiến về khu vực trước đây chưa đi đến.

“Đối với vị đang đi đến khu vực chưa từng đi đến” là như thế.

Mà vị Tỳ-khuru cần khắc phục chúng.

Chúng: Những hiểm họa mà vị [Tỳ-khuru] cần khắc phục, cần ngự trị, cần đề bẹp, cần trấn áp, cần chà đạp.

“Mà vị Tỳ-khuru cần khắc phục chúng” là như thế.

Ở các chỗ nằm ngòai xa vắng: Ở nơi cuối cùng, ở nơi xa vắng, ở vùng ranh giới, hoặc ở rìa của núi đá, hoặc ở mép rừng, hoặc ở cuối sông, hoặc ở bờ nước, nơi không được cày bừa, không được gieo hạt, ở trú xứ vượt qua khỏi mép rừng không người lai vắng.

“Ở các chỗ nằm ngòai xa vắng” là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

*“Đối với vị đang đi đến khu vực chưa từng đi đến,
Có bao nhiêu hiểm họa ở thế gian
Mà vị Tỳ-khuru cần khắc phục chúng
Ở các chỗ nằm ngòai xa vắng?”*

16.7. Đối với vị này, cách thức nói năng nên là như thế nào?

Đối với vị này, hành xử ở đây nên là như thế nào?

Đối với vị Tỳ-khuru có bản tánh cương quyết,

Giới và phạm sự [của vị này] nên là như thế nào?

Đối với vị này, cách thức nói năng nên là như thế nào? Là hỏi về sự thanh tịnh của khẩu rằng: “Nên có cách thức nói năng như thế nào, được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì?” Sự thanh tịnh của khẩu là thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khuru sau khi dứt bỏ việc nói dối, là người tránh xa việc nói dối, có lời nói chân thật, liên quan đến sự thật, chắc chắn, đáng tin, không dối gạt thế gian; sau khi dứt bỏ lời nói đâm thọc, là người tránh xa lời nói đâm thọc; sau khi nghe ở chỗ này, không là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, không là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người kết hợp những kẻ đã bị chia rẽ, là người khuyến khích những kẻ hòa hợp, là người thỏa thích việc hợp nhất, thích thú việc hợp nhất, hân hoan việc hợp nhất, là người nói lời tạo ra sự hợp

⁶ Bốn sanh “Cái bát dầu” (*Telapattajātakaṃ*), số 96, *TTPV*, tập 32, trang 41, câu kệ 96. (ND)

nhất; sau khi dứt bỏ lời nói thô lỗ, là người tránh xa lời nói thô lỗ; lời nói nào là dịu ngọt, êm tai, đáng yêu, đi vào tim, tao nhã, làm đẹp lòng nhiều người, làm hợp ý nhiều người, là người nói lời có hình thức như thế. Sau khi dứt bỏ việc nói nhảm nhí, là người tránh xa việc nói nhảm nhí, là người nói đúng thời, nói về sự thật, nói về mục đích, nói về Pháp, nói về Luật, là người nói lời có giá trị, hợp thời, có lý lẽ, có chủ đề, liên quan đến mục đích. Là người được thành tựu bốn thiện hạnh về khẩu, [vị ấy] nói lời nói tránh xa bốn sự sai trái, là vị đã tránh khỏi ba mươi hai việc nói phù phiếm, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Là người nói về mười đề tài nói chuyện, như là nói về ít ham muốn, nói về sự tự biết đủ, nói về viễn ly, nói về không giao du, nói về sự ra sức tinh tấn, nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về sự biết và thấy về giải thoát, nói về sự thiết lập niệm, nói về chánh căn, nói về nền tảng của thân thông, nói về quyền, nói về lực, nói về yếu tố đưa đến giác ngộ, nói về Đạo, nói về Quả, nói về Niết-bàn; là người đã kiềm chế ở lời nói, đã cố sức, đã kiềm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đã hộ trì, đã thu thúc.

“Đối với vị này, cách thức nói năng nên là như thế nào?” là như thế.

Đối với vị này, hành xử ở đây nên là như thế nào? Là hỏi về hành xử rằng: “Nên có hành xử như thế nào, được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì?” Có nơi là hành xử, có nơi là không phải hành xử.

Nơi không phải hành xử là nơi nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có kỹ nữ là hành xử, hoặc có góa phụ là hành xử, hoặc có gái lỡ thời là hành xử, hoặc có người vô căn là hành xử, hoặc có Tỳ-khuru-ni là hành xử, hoặc có quán rượu là hành xử, sống gần bó với các vị vua, với các quan đại thần của vua, với các ngoại đạo, với các đệ tử của ngoại đạo bằng sự kết giao không thích hợp. Hoặc hơn nữa, những gia đình nào là không có đức tin, không tịnh tín, không như là giếng nước, là những kẻ sĩ vả, là những kẻ chê bai, là những kẻ không mong muốn điều tốt đẹp, không mong muốn điều lợi ích, không mong muốn sự thoải mái, không mong muốn sự an toàn trong mỗi ràng buộc đối với các vị Tỳ-khuru, đối với các vị Tỳ-khuru-ni, đối với các cận sự nam, đối với các cận sự nữ; vị ấy phục vụ, thân cận, gần gũi các gia đình có hình thức như thế. Điều này được gọi là không phải hành xử.

Hoặc là, khi đã vào đến xóm nhà, lúc đi theo con đường, vị [Tỳ-khuru] đi không thu thúc: Vị ấy vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ, nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cô gái, nhìn các cậu trai, nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiền của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuống, nhìn xem hướng chính hướng phụ. Điều này được gọi là không phải hành xử.

Hoặc là, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, vị ấy có sự nắm giữ hình tướng, có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy... (nt)... có ý quyền không được thu thúc trong khi sông, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập; vị ấy không thực hành sự thu thúc đối

với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhân quyền, không tiến hành sự thu thúc ở ý quyền. Điều này được gọi là không phải hành xử.

Hoặc hơn nữa, một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vậy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trống, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sắt, trò tung hứng tre, lễ bốc mộ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò mộng, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cú, đấu gậy, đánh bốc, đấu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như thế ấy. Điều này được gọi là không phải hành xử. Năm loại dục cũng là không phải hành xử.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, các người chớ du hành ở nơi không phải hành xử, ở lãnh vực của kẻ thù. Này các Tỳ-khuru, đối với kẻ đang du hành ở nơi không phải hành xử, ở lãnh vực của kẻ thù, Ma vương sẽ có được cơ hội, Ma vương sẽ có được đối tượng. Và này các Tỳ-khuru, đối với vị Tỳ-khuru, cái gì là không phải hành xử, là lãnh vực của kẻ thù? Tức là năm loại dục. Năm loại nào? Các sắc được nhận thức bởi mắt là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gọi tình; các thanh được nhận thức bởi tai... (nt)... các hương được nhận thức bởi mũi... (nt)... các vị được nhận thức bởi lưỡi... (nt)... các xúc được nhận thức bởi thân là đáng mong, đáng muốn, đáng mến, đáng yêu, liên hệ đến dục, gọi tình. Này các Tỳ-khuru, đối với vị Tỳ-khuru, nơi này là không phải hành xử, là lãnh vực của kẻ thù.” Điều này cũng được gọi là không phải hành xử.

Hành xử là nơi nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó không có kỹ nữ là hành xử, không có góa phụ là hành xử, không có gái lỡ thời là hành xử, không có người vô căn là hành xử, không có Tỳ-khuru-ni là hành xử, không có quán rượu là hành xử, sống không gắn bó với các vị vua, với các quan đại thần của vua, với các ngoại đạo, với các đệ tử của ngoại đạo bằng sự kết giao không thích hợp. Hoặc hơn nữa, những gia đình nào là có đức tin, tịnh tín, như là giếng nước, có sự chói sáng bởi y ca-sa, có sự qua lại của các vị ân sĩ, là những người mong muốn điều tốt đẹp, mong muốn điều lợi ích, mong muốn sự thoải mái, mong muốn sự an toàn trong mỗi ràng buộc đối với các vị Tỳ-khuru, đối với các vị Tỳ-khuru-ni, đối với các cận sự nam, đối với các cận sự nữ, vị ấy phục vụ, thân cận, gần gũi các gia đình có hình thức như thế. Điều này được gọi là hành xử.

Hoặc là, khi đã vào đến xóm nhà, lúc đi theo con đường, vị Tỳ-khuru thu thúc khi đi: Vị ấy không nhìn voi, không nhìn ngựa, không nhìn xe, không nhìn người đi bộ,... (nt)... không nhìn xem hướng chính hướng phụ lúc đi. Điều này được gọi là hành xử. Hoặc là, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, vị Tỳ-khuru không có sự nắm giữ hình tướng,... (nt)... tiến hành sự thu thúc ở ý quyền.

Điều này được gọi là hành xứ. Hoặc hơn nữa, một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, rồi sống không đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vậy; tức là múa, hát, đờn,... (nt)... xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy tránh xa việc xem trình diễn có hình thức như thế ấy. Điều này được gọi là hành xứ. Bốn sự thiết lập niệm cũng là hành xứ.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, các người hãy du hành ở hành xứ, ở lãnh vực thuộc về người cha của mình. Này các Tỳ-khuru, đối với người đang du hành ở hành xứ, ở lãnh vực thuộc về người cha của mình, Ma vương sẽ không có được cơ hội, Ma vương sẽ không có được đối tượng. Và này các Tỳ-khuru, đối với vị Tỳ-khuru, cái gì là hành xứ, là lãnh vực thuộc về người cha của mình? Tức là bốn sự thiết lập niệm. Bốn là gì? Này các Tỳ-khuru, ở đây vị Tỳ-khuru sống có sự quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, sống có sự quan sát pháp trên các pháp, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, sau khi đã loại trừ tham đắm và ưu phiền ở thế gian. Này các Tỳ-khuru, đối với vị Tỳ-khuru, nơi này là hành xứ, là lãnh vực thuộc về người cha của mình. Điều này cũng được gọi là hành xứ. Nên là vị thành tựu hành xứ tương tự như thế này.”

“Đối với vị này, hành xứ ở đây nên là như thế nào?” là như thế.

Giới và phạm sự nên là như thế nào? Nên là vị có giới và phạm sự như thế nào? Là hỏi về sự thanh tịnh của giới và phạm sự được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì? Sự thanh tịnh của giới và phạm sự là việc gì? Có việc là giới và còn là phạm sự, có việc là phạm sự mà không phải là giới. Việc nào là giới và còn là phạm sự? Ở đây, vị Tỳ-khuru là người có giới, sống thu thúc với sự thu thúc trong Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học. Việc nào, trong trường hợp ấy, là sự tự chế ngự, sự thu thúc, sự không vi phạm, việc này là giới. Cái nào là sự thọ trì, cái ấy là phạm sự. Giới với ý nghĩa thu thúc, phạm sự với ý nghĩa thọ trì. Việc này được gọi là giới và còn là phạm sự. Việc nào là phạm sự mà không phải là giới? Tám pháp từ khước: Pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vị chuyên đi khát thực, pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà, pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định; việc này được gọi là phạm sự mà không phải là giới. Việc thọ trì sự tinh tấn được gọi là phạm sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Hãy sẵn lòng để cho còn lại chỉ da, gân, xương, hãy để cho thịt và máu ở thân xác khô cạn. Việc nào có thể đạt được với sức mạnh của người nam, với sức lực của người nam, với tinh tấn của người nam, với nỗ lực của người nam, khi còn chưa đạt được việc ấy thì sẽ không có ngừng lại sự tinh tấn.” Việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phạm sự mà không phải là giới.

Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Khi mũi tên tham ái chưa được nhổ lên, ta sẽ không ăn, ta sẽ không uống, ta không đi ra khỏi trú xá, ta cũng sẽ không nằm xuống một bên hông”; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phạm sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Ta sẽ không lìa khỏi tư thế kiết-già này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ”; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phạm sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Ta sẽ không đứng dậy khỏi chỗ ngồi, ta sẽ không bước khỏi đường kinh hành, ta sẽ không rời khỏi trú xá, ta sẽ không rời khỏi nhà một mái, ta sẽ không rời khỏi tòa lâu đài, ta sẽ không rời khỏi tòa nhà dài, ta sẽ không rời khỏi hang động, ta sẽ không rời khỏi thạch thất, ta sẽ không rời khỏi cốc liêu, ta sẽ không rời khỏi nhà mái nhọn, ta sẽ không rời khỏi chòi canh, ta sẽ không rời khỏi ngôi nhà tròn, ta sẽ không rời khỏi căn lều, ta sẽ không rời khỏi hội trường, ta sẽ không rời khỏi mái che, ta sẽ không rời khỏi gốc cây này cho đến khi nào tâm của ta còn chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ”; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phạm sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi sáng này”; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy được gọi là phạm sự mà không phải là giới. Vị ra sức và xác định tâm rằng: “Ta sẽ đem lại, ta sẽ hoàn tất, ta sẽ chứng đắc, ta sẽ chạm đến, ta sẽ chứng ngộ Thánh pháp ngay trong buổi trưa... trong buổi chiều... trước bữa ăn... sau bữa ăn... vào canh đầu... vào canh giữa... vào canh cuối... vào hậu bán nguyệt... vào tiền bán nguyệt... vào mùa mưa... vào mùa lạnh... vào mùa nóng... ở chặng đầu của tuổi thọ... ở chặng giữa của tuổi thọ... ở chặng cuối của tuổi thọ này”; việc thọ trì sự tinh tấn có hình thức như vậy cũng được gọi là phạm sự mà không phải là giới.

Điều này là sự thanh tịnh của giới và phạm sự. Nên là vị thành tựu sự thanh tịnh của giới và phạm sự như thế này.

“Giới và phạm sự nên là như thế nào?” là như thế.

Đối với vị Tỳ-khuru có bản tánh cương quyết.

Đối với vị có bản tánh cương quyết: Đối với vị có sự ra sức tinh tấn, có sự dũng mãnh, có sự nỗ lực vững chãi, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bốn phạm trong các thiện pháp. Hoặc là, đối với vị tự mình đã dẫn thân, vì mục đích của việc ấy mà vị [Tỳ-khuru] đã dẫn thân [nhằm thấu triệt] về mục đích của bản thân [A-la-hán quả], về cách thức [Thánh đạo], về tướng trạng, về nguyên nhân, về tính chất hợp lý hay không hợp lý; đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Tất cả các hành là vô thường”; đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Tất cả các hành là khổ”; đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Tất cả các pháp là vô ngã”; đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Vô minh duyên cho các hành”;... (nt)... đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Sanh duyên cho lão, tử”; đối với vị

tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành”;... (nt)... đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử”; đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Đây là khổ”;... (nt)... đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”; đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Đây là các lậu hoặc”;... (nt)... đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc”; đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Các pháp này cần được biết rõ”;... (nt)... đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Các pháp này cần được chứng ngộ”; đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt] nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, sự thoát ra đối với sáu xúc xú; đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt] nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi, sự thoát ra đối với năm thủ uẩn;... (nt)... đối với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió]; đối với vị tự mình đã dẫn thân [nhằm thấu triệt]: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Đối với vị Tỳ-khuru: Đối với vị Tỳ-khuru phạm nhân tốt lành, hoặc đối với vị Tỳ-khuru là bậc Hữu học.

“Đối với vị Tỳ-khuru có bản tánh cương quyết” là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

“Đối với vị này, cách thức nói năng nên là như thế nào? Đối với vị này, hành xử ở đây nên là như thế nào? Đối với vị Tỳ-khuru có bản tánh cương quyết, giới và phạm sự [của vị này] nên là như thế nào?”

16.8. Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì,

Mới có sự chuyên nhất [của tâm], chín chắn, có niệm,

Có thể loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân,

Ví như người thợ kim hoàn có thể loại bỏ cấu bẩn của bạc?

Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì: Vị ấy sau khi nhận lấy, sau khi thọ trì, sau khi nhận lấy cho mình, sau khi thọ trì cho mình, sau khi nắm lấy, sau khi bám víu, sau khi chấp chặt việc học tập gì. “Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì” là như thế.

Mới có sự chuyên nhất [của tâm], chín chắn, có niệm.

Có sự chuyên nhất: Có tâm được nhất điểm, có tâm không bị tản mạn, có tâm ý không bị phân tán, có sự vắng lặng, có định quyền, có định lực,... (nt)... có chánh định.

Chín chắn: Chín chắn là sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm

trong khi tu tập sự thiết lập niệm trên việc quan sát pháp ở các pháp; vị ấy được gọi là có niệm. “Có niệm” là như thế.

Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì: Là hỏi đến việc học tập về thắng giới.

Có sự chuyên nhất: Là hỏi đến việc học tập về thắng tâm.

Chín chắn: Là hỏi đến việc học tập về thắng tuệ.

Có niệm: Là hỏi về sự thanh tịnh.

“Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì, mới có sự chuyên nhất [của tâm], chín chắn, có niệm” là như thế.

Có thể loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân, ví như người thợ kim hoàn có thể loại bỏ cấu bẩn của bạc: Người thợ kim hoàn nói đến người thợ vàng; bạc nói đến vàng. Giống như người thợ vàng loại ra, loại trừ, loại bỏ cấu bẩn thô thiển của vàng; loại ra, loại trừ, loại bỏ cấu bẩn hạng trung của vàng; loại ra, loại trừ, loại bỏ cấu bẩn vi tế của vàng; tương tự như vậy, vị Tỳ-khưu loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm thô thiển của bản thân; ... các ô nhiễm trung bình của bản thân; loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm vi tế của bản thân.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu bụi bặm luyến ái, bụi bặm sân hận, bụi bặm si mê, bụi bặm ngã mạn, bụi bặm tà kiến, bụi bặm do ô nhiễm, bụi bặm do uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn.

Hoặc là, vị ấy loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tà kiến nhờ vào chánh kiến... tà tư duy nhờ vào chánh tư duy... tà ngữ nhờ vào chánh ngữ... tà nghiệp nhờ vào chánh nghiệp... tà mạng nhờ vào chánh mạng... tà tinh tấn nhờ vào chánh tinh tấn... tà niệm nhờ vào chánh niệm... tà định nhờ vào chánh định... tà trí nhờ vào chánh trí... loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tà giải thoát nhờ vào chánh giải thoát.

Hoặc là, vị ấy loại ra, loại trừ, loại bỏ, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện nhờ vào đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

“Có thể loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân, ví như người thợ kim hoàn có thể loại bỏ cấu bẩn của bạc” là như thế.

Vì thế, Trưởng lão Sāriputta đã nói rằng:

“Vị ấy sau khi thọ trì việc học tập gì,

Mới có sự chuyên nhất [của tâm], chín chắn, có niệm,

Có thể loại bỏ bụi bặm [ô nhiễm] của bản thân,

Ví như người thợ kim hoàn có thể loại bỏ cấu bẩn của bạc?”

16.9. [Đức Phật nói: “Này Sāriputta]

*Ta sẽ tuyên thuyết cho người về điều ấy theo như Ta nhận biết,
Tức là sự thoải mái [an trú] dành cho vị nhờm góm [sanh, già, v.v...],
Cho vị thật sự đang thân cận chỗ ngồi nằm trổng vắng,
Có sự mong muốn quả vị giác ngộ thuận theo giáo pháp.”*

Tức là sự thoải mái [an trú] dành cho vị nhờm góm.

Dành cho vị nhờm góm: Dành cho vị đang nhờm góm với sanh,... với già,... với bệnh,... với chết,... với các sự sâu-bi-khổ-tru-não; dành cho vị đang nhờm góm với khổ do sự tổn hại về kiến thức, dành cho vị đang bị phiền phức, dành cho vị đang chán nản. “Dành cho vị nhờm góm” là như thế.

Tức là sự thoải mái: Điều gì là sự thoải mái, là sự an trú thoải mái, Ta sẽ thuyết về điều ấy. Sự an trú thoải mái là điều nào? Sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn; điều này là sự an trú thoải mái.

“Tức là sự thoải mái [an trú] dành cho vị nhờm góm” là như thế.

Sāriputta: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Trưởng lão ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vị có luyện ái đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có sân hận đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có si mê đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ngã mạn đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có tà kiến đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có cây gai đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ô nhiễm đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo” là đức Thế Tôn; “vị thực hiện sự chấm dứt các hữu” là đức Thế Tôn; “vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiên, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiên], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tướng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasīṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tứ thi” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết

lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật” là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế Tôn” này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn đã nói rằng: Nay Sāriputta” là như thế.

Cho vị thật sự đang thân cận chỗ ngồi nằm trông vắng: Chỗ ngồi nói đến nơi nào vị ấy ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm đan, tấm da thú, thảm cỏ, thảm lá, thảm rơm. Chỗ nằm nói đến chỗ ngụ: Trú xá, nhà một mái, tòa lâu đài, tòa nhà dài, hang động. Chỗ nằm ngồi ấy là trông vắng, tách biệt, tách rời với việc thấy các cảnh sắc không thích hợp, với việc nghe các âm thanh không thích hợp,... (nt)... là trông vắng, tách biệt, tách rời với năm loại dục không thích hợp; đối với vị đang phục vụ, đang phục dịch, đang kê cận, đang sử dụng chỗ ngồi nằm tách biệt ấy.

“Cho vị thật sự đang thân cận chỗ ngồi nằm trông vắng” là như thế.

[Cho vị] có sự mong muốn quả vị giác ngộ thuận theo giáo pháp.

Quả vị giác ngộ: Nói đến trí [ở bốn đạo], tuệ, tuệ quyền, tuệ lực,... (nt)... trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến ở bốn đạo. Dành cho vị đang giác ngộ [Sơ đạo], đang giác ngộ [Nhị đạo], đang giác ngộ [Tam đạo], đang giác ngộ [Tứ đạo], đang chứng đắc, đang chạm đến, đang chứng ngộ quả vị giác ngộ ấy. “[Cho vị] có sự mong muốn quả vị giác ngộ” là như thế.

Thuận theo giáo pháp: Những thuận pháp đưa đến giác ngộ là những pháp nào? Sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ; các pháp này là những thuận pháp đưa đến giác ngộ. Hoặc là, sự thấy rõ các phần trước đó đối với bốn đạo; các pháp này gọi là những thuận pháp đưa đến giác ngộ.

“Có sự mong muốn quả vị giác ngộ thuận theo giáo pháp” là như thế.

Ta sẽ tuyên thuyết cho người về điều ấy theo như Ta nhận biết.

Điều ấy: Là thuận pháp đưa đến giác ngộ.

Ta sẽ tuyên thuyết: Ta sẽ tuyên thuyết, Ta sẽ nêu ra, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ.

Theo như Ta nhận biết: Theo như Ta nhận biết là theo như Ta đang nhận biết, đang hiểu biết, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt, không do

nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, Ta sẽ thuyết giảng cho người pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét.

“Ta sẽ tuyên thuyết cho người về điều ấy theo như Ta nhận biết” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Phật nói: “Này Sāriputta]

Ta sẽ tuyên thuyết cho người về điều ấy theo như Ta nhận biết,

Tức là sự thoải mái [an trú] dành cho vị nhàm ghét [sanh, già, v.v...],

Cho vị thật sự đang thân cận chỗ ngồi nằm trống vắng,

Có sự mong muốn quả vị giác ngộ thuận theo giáo pháp.”

16.10. Vị Tỳ-khuru, sáng trí, có niệm, sống trong khuôn khổ, không nên sợ hãi đối với năm điều sợ hãi: Đối với các loài nhặng và loài mòng, đối với các loài bò trườn, đối với các sự va chạm với con người, đối với các loài bốn chân.

Vị sáng trí không nên sợ hãi đối với năm điều sợ hãi.

Vị sáng trí: Vị sáng trí, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh, anh hùng thì không nên sợ hãi, không nên run sợ, không nên kinh sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên rơi vào sự kinh sợ đối với năm điều sợ hãi; nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rón lông đã được xa lìa.

“Vị sáng trí không nên sợ hãi đối với năm điều sợ hãi” là như thế.

Vị Tỳ-khuru có niệm, sống trong khuôn khổ.

Vị Tỳ-khuru: Là vị Tỳ-khuru phạm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khuru là bậc Hữu học.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp; vị ấy được gọi là có niệm.

Sống trong khuôn khổ: Có bốn khuôn khổ: Khuôn khổ của sự thu thúc về giới, khuôn khổ của sự thu thúc các giác quan, khuôn khổ của việc biết chừng mực về vật thực, khuôn khổ của sự luyện tập về tinh thức.

Khuôn khổ của sự thu thúc về giới là điều gì? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học. Trong khi quán xét trạng thái ghê tởm ở nội tâm, vị ấy sống

trong khuôn khổ của sự thu thúc về giới ở nội tâm, không phá vỡ ranh giới; điều này là khuôn khổ của sự thu thúc về giới.

Khuôn khổ của sự thu thúc các giác quan là điều gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, vị ấy không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy... (nt)... tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... Sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... Sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, vị ấy không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập; vị ấy thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn quyền, tiến hành sự thu thúc ở ý quyền. Trong khi quán xét bài giảng về “Bị cháy rục”,⁷ vị ấy sống trong khuôn khổ của sự thu thúc các giác quan thuộc nội phân, không phá vỡ ranh giới; điều này là khuôn khổ của sự thu thúc các giác quan.

Khuôn khổ của việc biết chừng mực về vật thực là điều gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: “Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc điếm tô, mà chỉ để duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ và không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không làm lỗi và sự sống được thoải mái.” Trong khi quán xét ví dụ về việc nhỏ dầu ở trục xe, việc bôi thuốc ở vết thương và thịt của đứa con trai; vị ấy sống trong khuôn khổ của việc biết chừng mực về vật thực, không phá vỡ ranh giới; điều này là khuôn khổ của việc biết chừng mực về vật thực.

Khuôn khổ của sự luyện tập về tỉnh thức là điều gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu vào ban ngày làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh đầu làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh giữa áp dụng thế nằm của sư tử bằng sườn bên phải, đặt bàn chân chồng lên bàn chân, có niệm, có sự nhận biết rõ, chú tâm đến ý tưởng của việc thức dậy; vào ban đêm trong canh cuối sau khi thức dậy, làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi. Trong khi quán xét việc an trú một đêm làm người hiền, vị ấy sống trong khuôn khổ của sự luyện tập về tỉnh thức, không phá vỡ ranh giới; điều này là khuôn khổ của sự luyện tập về tỉnh thức.

“Vị Tỳ-khưu có niệm, sống trong khuôn khổ” là như thế.

Đối với các loài nhặng và loài mòng, đối với các loài bò trườn.

Loài nhặng: Nói đến các con ruồi nâu.

Loài mòng: Nói đến tất cả các loài ruồi. Vì lý do gì mà loài mòng là nói đến

⁷ Xem Tạng Luật, *Đại phẩm 1*, *TTPV*, tập 4, trang 73. (ND)

tất cả các loài ruồi? Chúng bay lên đáp xuống rồi cắn; vì lý do ấy, loài mòng là nói đến tất cả các loài ruồi.

Các loài bò trườn: Nói đến loài rắn.

“Đối với các loài nặng và loài mòng, đối với các loài bò trườn” là như thế.

Đối với các sự va chạm với con người, đối với các loài bốn chân: Các sự va chạm với con người nói đến có thể là các kẻ cướp, hoặc là những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự. Chúng có thể hỏi vị Tỳ-khuru câu hỏi, hoặc có thể lên án học thuyết, có thể sỉ vả, có thể chê bai, có thể gây khó chịu, có thể gây bức mình, có thể gây tổn hại, có thể hãm hại, có thể quấy rối, có thể ức hiếp, có thể hủy hoại, có thể phá hại, hoặc có thể gây nên sự phá hại. Bất cứ sự phá hại nào từ con người là sự va chạm với con người.

Đối với các loài bốn chân: Là các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi. Chúng có thể chà đạp vị Tỳ-khuru, có thể nhai nghiền, có thể gây tổn hại, có thể hãm hại, có thể quấy rối, có thể ức hiếp, có thể hủy hoại, có thể phá hại, hoặc có thể gây nên sự phá hại. Sự phá hại từ loài bốn chân là bất cứ sự sợ hãi nào do loài bốn chân [tạo ra].

“Đối với các sự va chạm với con người, đối với các loài bốn chân” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị Tỳ-khuru, sáng trí, có niệm, sống trong khuôn khổ, không nên sợ hãi đối với năm điều sợ hãi: Đối với các loài nặng và loài mòng, đối với các loài bò trườn, đối với các sự va chạm với con người, đối với các loài bốn chân.”

16.11. *Cũng không nên kinh sợ đối với những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khi nhìn thấy nhiều điều khiếp đảm của họ. Và vị tàm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa.*

Cũng không nên kinh sợ đối với những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khi nhìn thấy nhiều điều khiếp đảm của họ: Những kẻ theo các giáo phái khác nói đến những người nào không tịnh tín với đức Phật, Giáo pháp và Tăng chúng, trừ ra bảy hạng người đồng đạo. Họ có thể hỏi vị Tỳ-khuru câu hỏi, hoặc có thể lên án học thuyết, có thể sỉ vả, có thể chê bai, có thể gây khó chịu, có thể gây bức mình, có thể gây tổn hại, có thể hãm hại, có thể quấy rối, có thể ức hiếp, có thể hủy hoại, có thể phá hại, hoặc có thể gây nên sự phá hại. Sau khi nhìn thấy, hoặc sau khi nghe nhiều điều khiếp đảm của họ thì không nên run rẩy, không nên chần động, không nên rung động, không nên run sợ, không nên kinh sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy; [vị Tỳ-khuru] nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rón lông đã được xa lìa.

“Cũng không nên kinh sợ đối với những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khi nhìn thấy nhiều điều khiếp đảm của họ” là như thế.

Và vị tâm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa: Và còn có những việc khác nữa cần phải được kiềm chế, cần phải được ngự trị, cần phải được đề bệ, cần phải được trấn áp, cần phải được chà đạp.

Những hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp. ... (nt)... Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Vị tâm cầu điều tốt đẹp: Có những hiểm họa cần phải được kiềm chế, cần phải được ngự trị, cần phải được đề bệ, cần phải được trấn áp, cần phải được chà đạp bởi vì đang tầm cầu, bởi vì đang tìm tòi, bởi vì đang tìm kiếm sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích,... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

“Và vị tâm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Cũng không nên kinh sợ đối với những kẻ theo các giáo phái khác, ngay cả sau khi nhìn thấy nhiều điều khiếp đảm của họ. Và vị tâm cầu điều tốt đẹp còn phải khắc phục những hiểm họa khác nữa.”

16.12. Bị tác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn đói,

Nên chịu đựng sự lạnh, rồi sự nóng.

Bị tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách, vị ấy, bậc không trú xứ,

Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi.

Bị tác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn đói: Sự xúc chạm của bệnh tật nói đến sự xúc chạm của cơn bệnh. Có thể là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi sự xúc chạm của cơn bệnh; có thể là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi cơn bệnh ở mắt; có thể là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi cơn bệnh ở tai;... bởi cơn bệnh ở mũi;... bởi cơn bệnh ở lưỡi;... bởi cơn bệnh ở thân;... bởi các sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát.

Cơn đói: Nói đến sự thiếu ăn. Có thể là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi sự thiếu ăn.

“Bị tác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn đói” là như thế.

Nên chịu đựng sự lạnh, rồi sự nóng.

Sự lạnh: Bị lạnh là bởi hai lý do: Bị lạnh do tác động của sự rối loạn của thủy đại ở bên trong [cơ thể], hoặc bị lạnh do tác động của thời tiết ở bên ngoài.

Sự nóng: Bị nóng bởi hai lý do: Bị nóng do tác động của sự rối loạn của hỏa đại ở bên trong [cơ thể], hoặc bị nóng do tác động của thời tiết ở bên ngoài. “Sự nóng, rồi sự lạnh” là như thế.

Nên chịu đựng: Nên kham nhẫn đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát,

các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát; nên là người có bản tánh chịu đựng đối với các lời nói lăng mạ công kích, đối với các cảm thọ khổ đau, sắc bén, khốc liệt, nhức nhối, không thích thú, không hợp ý, chết người, thuộc về cơ thể đã sanh khởi.

“Nên chịu đựng sự lạnh, rồi sự nóng” là như thế.

Bị tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách, vị ấy, bậc không trú xứ.

Vị ấy, bởi những việc ấy: Là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi sự xúc chạm của cơn bệnh, bởi cơn đói, bởi sự lạnh và bởi sự nóng. “Vị ấy, bị tác động bởi những việc ấy” là như thế.

Theo nhiều cách: Là bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi những biểu hiện theo nhiều cách thức. “Vị ấy, bị tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách” là như thế.

Bậc không trú xứ: Là vị không tạo ra cơ hội cho tâm thức đồng sanh với các sự tạo tác. “Bậc không trú xứ” là như thế. Hoặc là, vị không tạo ra cơ hội cho uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý. “Bậc không trú xứ” còn là như thế.

“Bị tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách, vị ấy, bậc không trú xứ” là như thế.

Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi: Sự nỗ lực tinh tấn nói đến: “Pháp thuộc về tâm, sự ra sức tinh tấn, sự cố gắng, sự ra sức, sự siêng năng, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thoái chí, sự đồng mãnh, nghị lực, trạng thái không lơ lửng sự nỗ lực, trạng thái không buông bỏ sự mong muốn, trạng thái không buông bỏ trách nhiệm, sự duy trì trách nhiệm, sự tinh tấn, tấn quyền, tấn lực, chánh tinh tấn.”

Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi: Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi là nên thể hiện một cách chắc chắn, nên có sự thọ trì vững chãi, nên có sự thọ trì đứng vững.

“Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bị tác động bởi sự xúc chạm của bệnh tật, của cơn đói,

Nên chịu đựng sự lạnh, rồi sự nóng.

Bị tác động bởi những việc ấy theo nhiều cách, vị ấy, bậc không trú xứ,

Nên thể hiện sự nỗ lực tinh tấn một cách vững chãi.”

**16.13. Không nên thực hiện việc trộm cắp, không nên nói lời dối trá,
Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm,
Khi nào nhận biết được trạng thái bị khuấy động của tâm,
Nên xua đi [nghĩ rằng]: “Nó là phe cánh của Hắc ám.”**

Không nên thực hiện việc trộm cắp, không nên nói lời dối trá.

Không nên thực hiện việc trộm cắp: Ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi dứt bỏ việc lấy vật không được cho, nên tránh xa việc lấy vật không được cho, là người nhận lấy vật đã được cho, là người có sự mong đợi vật được cho, nên sống với bản thân có trạng thái trong sạch, không trộm cắp. “Không nên thực hiện việc trộm cắp” là như thế.

Không nên nói lời dối trá: Ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi dứt bỏ việc nói lời dối trá, nên tránh xa việc nói lời dối trá, là người có lời nói chân thật, liên quan đến sự thật, chắc chắn, đáng tin, không lường gạt thế gian.

“Không nên thực hiện việc trộm cắp, không nên nói lời dối trá” là như thế.

Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm.

Từ tâm: Là sự thân thiện đối với chúng sanh, biểu hiện thân thiện, trạng thái thân thiện, sự trắc ẩn, biểu hiện trắc ẩn, trạng thái trắc ẩn, sự tìm kiếm lợi ích, lòng thương tưởng, sự không tức giận, không độc ác, không sân, cội nguồn của thiện.

Các loài yếu đuối: Những hạng nào có khát vọng, có tham ái chưa được dứt bỏ, và những hạng nào có sự sợ hãi và khiếp đảm chưa được dứt bỏ. Vì lý do gì được gọi là yếu đuối? Chúng run sợ, khiếp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ; vì lý do ấy được gọi là yếu đuối.

Mạnh bạo: Những hạng nào có khát vọng, có tham ái đã được dứt bỏ, và những hạng nào có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ. Vì lý do gì được gọi là mạnh bạo? Chúng không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ; vì lý do ấy được gọi là mạnh bạo.

Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm: Nên tiếp xúc, nên lan tỏa đến các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm, nên lan tỏa với tâm ý bao la, vĩ đại, không đo lường được, không thù oán, không độc ác, đồng hành với từ ái, rồi an trú.

“Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm” là như thế.

Khi nào nhận biết được trạng thái bị khuấy động của tâm.

Khi nào: Là vào lúc.

Của tâm: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám; ý, ý xú, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Do ược hạnh về thân, tâm bị khuấy động, bị khuấy rối, bị di động, bị đụng chạm, bị dao động, bị chao đảo, không được vắng lặng; do ược hạnh về khẩu... do ược hạnh về ý... do luyến ái... do sân hận... do si mê... do giận dữ... do thù hằn... do gièm pha... do ác ý... do ganh tỵ... do bòn xén... do xảo trá... do lừa gạt... do bướng bỉnh... do hung hăng... do ngã mạn... do cao ngạo... do đam mê... do xao lãng... do tất cả ô nhiễm... do tất cả ược hạnh... do mọi sự lo lắng... do mọi sự bức bối... do mọi sự nóng nảy... do tất cả các pháp tạo tác bất thiện; tâm bị khuấy động, bị khuấy rối, bị di động, bị đụng chạm, bị dao động, bị chao đảo, không được vắng lặng.

Khi nào nhận biết được trạng thái bị khuấy động của tâm: Nên biết, nên hiểu biết, nên nhận thức, nên thừa nhận, nên thấu triệt tình trạng bị khuấy động của tâm.

“Khi nào nhận biết được trạng thái bị khuấy động của tâm” là như thế.

Nên xua đi [nghĩ rằng]: “Nó là phe cánh của Hắc ám.”

Hắc ám: Tức là Ma vương, kẻ có nghiệp đen, chúa tể [về dục], kẻ làm cho chấm dứt, không cho giải thoát, thân quyến của xao lãng.

Nó là phe cánh của Hắc ám, [nghĩ rằng:] “Nó là phe cánh của Ma vương, cạm bẫy của Ma vương, lưới câu của Ma vương, miếng mồi của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, mồi nhử của Ma vương, hành xứ của Ma vương, sự trói buộc của Ma vương”, rồi nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu. “Nên xua đi [nghĩ rằng]: Nó là phe cánh của Hắc ám” là như vậy. Hoặc là, **nó là phe cánh của Hắc ám,** [nghĩ rằng:] “Nó là phe cánh của Ma vương, phần bất thiện, nguyên do của khổ, có kết quả khổ, dẫn đến địa ngục, dẫn đến loài thú, dẫn đến thân phận ngựa quỳ”, rồi nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu.

“Nên xua đi [nghĩ rằng]: Nó là phe cánh của Hắc ám” còn là như vậy.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Không nên thực hiện việc trộm cắp, không nên nói lời dối trá,
Nên tiếp xúc với các loài yếu đuối hay mạnh bạo bằng từ tâm,
Khi nào nhận biết được trạng thái bị khuấy động của tâm,
Nên xua đi [nghĩ rằng]: ‘Nó là phe cánh của Hắc ám.’”*

16.14. Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo. Sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững. Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên chế ngự chúng một cách chắc chắn.

Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo.

Sự giận dữ: “Là sự tức tối, sự tức giận của tâm,... (nt)... sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm.”

Cao ngạo: “Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó khinh khi người khác dựa vào sự xuất thân, dựa vào dòng dõi,... (nt)... hoặc dựa vào sự việc này khác.”

Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo: Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và của sự cao ngạo; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự giận dữ và sự cao ngạo.

“Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo” là như thế.

Sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững: Gốc rễ của giận dữ là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không đúng đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của giận dữ. Gốc rễ của cao ngạo

là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không đúng đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của cao ngạo.

Sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững: Sau khi đào lên, sau khi nâng lên, sau khi nâng bổng, sau khi bưng lên, sau khi bưng lên hẳn, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu gốc rễ của sự giận dữ và của sự cao ngạo, nên đứng vững, nên trụ vững.

“Sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững” là như thế.

Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên chế ngự chúng một cách chắc chắn.

Và: Từ “*atha*” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Được yêu mến: Có hai đối tượng được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh được yêu mến? Ở đây là những người nào có lòng mong muốn điều tốt đẹp, có lòng mong muốn điều lợi ích, có lòng mong muốn sự thoải mái, có lòng mong muốn sự an toàn trong mỗi ràng buộc đối với kẻ ấy: Là người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh [em] trai, hoặc chị [em] gái, hoặc con trai, hoặc con gái, hoặc các bạn bè, hoặc các thân hữu, hoặc các thân quyến, hoặc những người cùng huyết thống; những người này là các chúng sanh được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác được yêu mến? Các sắc hợp ý, các thính... các hương... các vị... các xúc hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác được yêu mến.

Không được yêu mến: Có hai đối tượng không được yêu mến: Các chúng sanh hoặc các pháp tạo tác. Những người nào là các chúng sanh không được yêu mến? Ở đây là những người nào không có lòng mong muốn sự tân hóa, không có lòng mong muốn điều lợi ích, không có lòng mong muốn sự thoải mái, không có lòng mong muốn sự an toàn trong mỗi ràng buộc đối với kẻ ấy, có lòng mong muốn đoạt lấy mạng sống [của kẻ ấy]; những người này là các chúng sanh không được yêu mến. Các pháp nào là các pháp tạo tác không được yêu mến? Các sắc không hợp ý, các thính... các hương... các vị... các xúc không hợp ý; các pháp này là các pháp tạo tác không được yêu mến.

Một cách chắc chắn: Cụm từ “*addhā*” này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói không sai trái, lời nói khẳng định.

Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên ngự trị chúng một cách chắc chắn: Đối với vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, có khoái lạc hoặc không khoái lạc, có hạnh phúc hoặc khổ đau, có hỷ tâm hoặc ưu tâm, được ước muốn hoặc không được ước muốn, trong khi khắc phục thì nên ngự trị; hoặc trong khi ngự trị thì nên khắc phục.

“Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên ngự trị chúng một cách chắc chắn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên rơi vào quyền lực của sự giận dữ và cao ngạo, sau khi đào lên gốc rễ của chúng rồi, nên đứng vững. Và trong khi khắc phục vật được yêu mến hoặc không được yêu mến, nên ngự trị chúng một cách chắc chắn.”

16.15. *Sau khi chú trọng về tuệ, với sự hoan hỷ về thiện pháp,
Nên đề nén các hiểm họa ấy,
Nên không chế sự không ưa thích ở chỗ trú ngụ xa vắng,
Nên không chế bốn pháp tạo nên sự than vãn.*

Sau khi chú trọng về tuệ, với sự hoan hỷ về thiện pháp.

Tuệ: Tuệ là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Sau khi chú trọng về tuệ: Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó, sau khi chú trọng về tuệ, sống có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiện, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, rồi đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, nghiêng theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo. “Sau khi chú trọng về tuệ” là như vậy.

Hoặc là, trong khi đi, vị ấy nhận biết: “Tôi đi”; hoặc khi đứng, vị ấy nhận biết: “Tôi đứng”; hoặc khi ngồi xuống, vị ấy nhận biết: “Tôi ngồi xuống”; hoặc trong khi nằm, vị ấy nhận biết: “Tôi đang nằm”; hoặc thân của vị ấy được sử dụng như thế nào thì nhận biết nó như thế ấy. “Sau khi chú trọng về tuệ” còn là như vậy. Hoặc là, vị ấy có sự thực hành việc nhận biết rõ trong khi đi tới đi lui, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi nhìn qua nhìn lại, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi co tay duỗi tay, có sự thực hành việc nhận biết rõ trong việc mang y hai lớp, bình bát, y phục, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi ăn uống nhai nếm, có sự thực hành việc nhận biết rõ ở hành động đại tiện tiểu tiện, có sự thực hành việc nhận biết rõ khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi ngủ, khi thức, khi nói, khi im lặng. “Sau khi chú trọng về tuệ” còn là như vậy.

Với sự hoan hỷ về thiện pháp: Hỷ và hân hoan sanh lên do năng lực tùy niệm Phật là “sự hoan hỷ về thiện pháp”, hỷ và hân hoan sanh lên do năng lực tùy niệm Pháp... do năng lực tùy niệm Tăng... do năng lực tùy niệm giới... do năng lực tùy niệm xả thí... do năng lực tùy niệm thiên... do năng lực niệm hơi thở vào hơi thở ra... do năng lực niệm sự chết... do năng lực niệm đặt ở thân... do năng lực tùy niệm Niết-bàn là “sự hoan hỷ về thiện pháp.”

“Sau khi chú trọng về tuệ, với sự hoan hỷ về thiện pháp” là như thế.

Nên đề nén các hiểm họa ấy.

Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa

khuất lấp. ... (nt)... các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện. ... (nt)... các điều này được gọi là hiểm họa khuất lấp. ... (nt)... Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” là như vậy.

Nên đề nén các hiểm họa ấy: Nên đề nén, nên ngự trị, nên đề bệ, nên trấn áp, nên chà đạp các hiểm họa ấy.

“Nên đề nén các hiểm họa ấy” là như vậy.

Nên không chế sự không ưa thích ở chỗ trú ngụ xa vắng.

Sự không ưa thích: Sự không ưa thích, biểu hiện không ưa thích, sự không thích thú, biểu hiện không thích thú, sự không hài lòng, sự chán ngấy.

Ở chỗ trú ngụ xa vắng: Hoặc ở những chỗ nằm ngòai xa vắng, thì nên không chế, nên ngự trị, nên đề bệ, nên trấn áp, nên chà đạp sự không ưa thích những pháp này pháp khác.

“Nên không chế sự không ưa thích ở chỗ trú ngụ xa vắng” là như thế.

Nên không chế bốn pháp tạo nên sự than vãn: Nên không chế, nên áp chế, nên ngự trị, nên đề bệ, nên trấn áp, nên chà đạp bốn pháp sẽ tạo ra sự than vãn.

“Nên không chế bốn pháp tạo nên sự than vãn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Sau khi chú trọng về tuệ, với sự hoan hỷ về thiện pháp,
Nên đề nén các hiểm họa ấy,
Nên không chế sự không ưa thích ở chỗ trú ngụ xa vắng,
Nên không chế bốn pháp tạo nên sự than vãn.”*

16.16. “Vậy ta sẽ ăn gì? Hoặc ta sẽ ăn ở đâu?

Có thật chẳng ta đã ngủ khổ sở? Hôm nay, ta sẽ ngủ ở đâu?”

Vị Hữu học, không có sự vương vấn nhà ở,

Nên loại bỏ những suy tư có tính chất than vãn này.

Vậy ta sẽ ăn gì? Hoặc ta sẽ ăn ở đâu?

Vậy ta sẽ ăn gì? [Nghĩ rằng:] “Tôi sẽ thọ vật thực gì, cơm, hay cháo chua, hay bánh bột, hay cá, hay thịt?” “Vậy ta sẽ ăn gì?” là như thế.

Hoặc ta sẽ ăn ở đâu? [Nghĩ rằng:] “Tôi sẽ thọ thực ở đâu, ở gia đình Sát-đế-ly, hoặc ở gia đình Bà-la-môn, hoặc ở gia đình thương buôn, hoặc ở gia đình nô lệ?”

“Vậy ta sẽ ăn gì? Hoặc ta sẽ ăn ở đâu?” là như thế.

Có thật chẳng ta đã ngủ khổ sở?

Hôm nay, ta sẽ ngủ ở đâu? [Nghĩ rằng:] “Đêm nay, tôi đã ngủ một cách khổ sở trên tấm ván, hoặc ở chiếc chiếu ngắn, hoặc ở mảnh da thú, hoặc ở thảm cỏ, hoặc ở thảm lá, hoặc ở thảm rơm. Đêm tới, tôi sẽ ngủ một cách sung sướng ở giường, hay ở ghế, hay ở nệm, hay ở cái gối, hay ở trú xá, hay ở nhà một mái, hay ở tòa lâu đài, hay ở tòa nhà dài, hay ở hang động?”

“Có thật chẳng ta đã ngủ khổ sở? Hôm nay, ta sẽ ngủ ở đâu?” là như thế.

Những suy tư có tính chất than vãn này.

Những suy tư này: Hai suy tư liên quan đến đồ ăn khát thực, hai suy tư liên quan đến chỗ nằm ngồi.

Có tính chất than vãn: Có tính chất kẻ lẽ, có tính chất than vãn.

“Những suy tư có tính chất than vãn này” là như vậy.

Vị Hữu học, không có sự vương vấn nhà ở, nên loại bỏ.

Vị Hữu học: Vì lý do gì được gọi là Hữu học? “Vị học tập” là Hữu học. Và học tập gì? Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. Học tập về thắng giới là việc nào?... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, vị ấy học tập; trong khi biết... (nt)...; trong khi thấy... (nt)...; trong khi quán xét lại... (nt)...; trong khi quyết định tâm, vị ấy học tập; trong khi hướng đến đức tin, vị ấy học tập; trong khi ra sức tinh tấn... (nt)...; trong khi thiết lập niệm... (nt)...; trong khi tập trung tâm... (nt)...; trong khi nhận biết bằng tuệ, vị ấy học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, vị ấy học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện... (nt)...; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ... (nt)...; trong khi tu tập pháp cần được tu tập... (nt)...; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, vị ấy học tập, hành xử, hành theo, thọ trì và học tập. Vì lý do ấy, vị ấy được gọi là Hữu học. Vị Hữu học nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm loại bỏ, nhằm bài trừ, nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết... (nt)... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng. “Vị Hữu học nên loại bỏ” là như thế.

Không có sự vương vấn nhà ở: Thế nào là có sự vương vấn nhà ở? Ở đây, một vị nào đó có sự vương bận về gia tộc,... (nt)... vương bận về đồ chúng,... (nt)... vương bận về chỗ ngụ,... (nt)... vương bận về y phục,... (nt)... vương bận về đồ ăn khát thực,... (nt)... vương bận về chỗ nằm ngồi, có sự vương bận về vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có sự vương vấn nhà ở là như vậy. Thế nào là có sự không vương vấn nhà ở? Ở đây, vị Tỳ-khưu không có sự vương bận về gia tộc,... (nt)... không vương bận về đồ chúng,... (nt)... không vương bận về chỗ ngụ,... (nt)... không vương bận về y phục,... (nt)... không vương bận về đồ ăn khát thực,... (nt)... không vương bận về chỗ nằm ngồi,... (nt)... có sự không vương bận về vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có sự không vương vấn nhà ở là như vậy.

1. “Các vị đã đi đến Magadha, đã đi đến Kosala,
Còn một số vị ở lãnh địa xứ Vajjī,
Tựa như những con nai di chuyển không có sự quyền luyện,
Các vị Tỳ-khưu sống không có sự vương vấn.

2. *Lành thay, người có tánh hạnh, lành thay việc đã khéo thực hành,
Cuộc sống không nhà luôn luôn là tốt đẹp,
Việc học hỏi về ý nghĩa, hành động cung kính,
Điều ấy là đời sống Sa-môn của vị không sở hữu vật gì”;*

“Vị Hữu học, không có sự vương vấn nhà ở, nên loại bỏ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“*Vậy ta sẽ ăn gì? Hoặc ta sẽ ăn ở đâu?*

Có thật chăng ta đã ngủ khổ sở? Hôm nay, ta sẽ ngủ ở đâu?’

Vị Hữu học, không có sự vương vấn nhà ở, nên loại bỏ

Những suy tư có tính chất than vãn này.”

16.17. *Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thời,
Vị ấy nên biết chừng mực ở đây, với mục đích vừa lòng.
Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy, có đời sống kiềm chế ở trong làng,
Dầu cho bị xúc phạm, không nên nói lời nói thô lỗ.*

Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thời.

Vật thực: Cơm, cháo chua, bánh bột, cá, thịt.

Y phục: Có sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô và loại bằng chỉ bố.

Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thời: Sau khi nhận được y, sau khi nhận được đồ ăn khát thực không do gặt gẫm, không do tán phét, không do gợi ý, không do lừa bịp, không do việc thêm muốn lợi lộc bằng lợi lộc, không do việc cho củi [gỗ], không do việc cho tre, không do việc cho lá, không do việc cho bông hoa, không do việc cho trái cây, không do việc cho cây cọ rửa, không do việc cho bột tắm, không do việc cho đất sét, không do việc cho gỗ chà răng, không do việc cho nước súc miệng, không do việc nịnh hót, không do việc tăng bốc, không do việc chiều chuộng, không do việc nói lên sau lưng, không nhờ vào khoa địa lý, không nhờ vào kiến thức thế tục, không nhờ vào khoa bói tướng, không nhờ vào khoa chiêm tinh, không do việc đi làm sứ giả, không do việc đi theo sự sai bảo, không do việc chuyển tin bằng đôi chân, không do công việc thầy thuốc, không do thức ăn đổi thức ăn, không do phát sanh bởi quà cáp, sau khi đạt được, sau khi nhận được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận đúng theo pháp, một cách ngay thẳng.

“Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thời” là như thế.

Vị ấy nên biết chừng mực ở đây, với mục đích vừa lòng.

Vị ấy nên biết chừng mực: Nên biết chừng mực bởi hai lý do: Trong lúc thọ nhận hoặc trong lúc thọ dụng. Thế nào là biết chừng mực trong lúc thọ nhận? Trong khi được bố thí chỉ chút ít, vị [Tỳ-khuru] thọ nhận vì lòng trắc ẩn đến hàng tại gia, vì sự hộ trì đến hàng tại gia, vì lòng thương tưởng đến hàng tại gia. Trong khi được bố thí nhiều, vị [Tỳ-khuru] thọ nhận y để bảo dưỡng thân

thể, thọ nhận vật thực để bảo dưỡng cái bụng. Như vậy là biết chừng mực trong lúc thọ nhận.

Thế nào là biết chừng mực trong lúc thọ dụng? Vị [Tỳ-khuru] sử dụng y phục sau khi đã suy xét đúng đắn rằng: Chỉ nhằm để diệt trừ sự lạnh, để diệt trừ sự nóng, để diệt trừ các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, chỉ nhằm mục đích che đậy sự hổ thẹn vì lỏa lồ. Vị [Tỳ-khuru] sử dụng đồ ăn khát thực sau khi đã suy xét đúng đắn rằng: Không phải để chơi giỡn, không phải vì đam mê, không phải để tô điểm, không phải để trang sức, mà chỉ nhằm để duy trì, để nuôi dưỡng thân thể này, để ngăn ngừa sự tổn hại, để hỗ trợ sự thực hành Phạm hạnh, [nghĩ rằng:] “Như vậy ta tiêu diệt cảm thọ cũ, sẽ không làm sanh lên cảm thọ mới và sự sông còn, sự không bị chê trách, và sự cư trú thoải mái sẽ có đến ta.” Vị [Tỳ-khuru] sử dụng chỗ nằm ngồi sau khi đã suy xét đúng đắn rằng: Chỉ nhằm để diệt trừ sự lạnh, để diệt trừ sự nóng, để diệt trừ các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, chỉ nhằm mục đích xua đi các hiểm họa của thời tiết, nhằm mục đích vui thích trong việc thiền tịnh. Vị [Tỳ-khuru] sử dụng vật dụng là thuốc men chữa bệnh sau khi đã suy xét đúng đắn rằng: Chỉ nhằm để diệt trừ cảm thọ [khô] do các căn bệnh đã phát khởi, để hoàn toàn không còn đau đớn. Như vậy là biết chừng mực trong lúc thọ dụng.

Vị ấy nên biết chừng mực: Bởi hai lý do này, nên nhận biết, nên hiểu biết, nên thừa nhận, nên thấu triệt sự chừng mực. “Vị ấy nên biết chừng mực” là như thế.

Ở đây, với mục đích vừa lòng: Vị Tỳ-khuru trong giáo pháp này tự biết đủ với bất luận y nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận y nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về y mà đạt đến sự tầm cầu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được y thì không băn khoăn, và khi đã nhận được y thì thọ dụng, không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận y nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tăng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vị Tỳ-khuru đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa.

Và thêm nữa, vị Tỳ-khuru tự biết đủ với bất luận đồ ăn khát thực nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận đồ ăn khát thực nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về đồ ăn khát thực mà đạt đến sự tầm cầu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được đồ ăn khát thực thì không băn khoăn, và khi đã nhận được đồ ăn khát thực thì thọ dụng, không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận đồ ăn khát thực nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tăng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vị Tỳ-khuru đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa.

Và thêm nữa, vị Tỳ-khưu tự biết đủ với bất luận chỗ nằm ngồi nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận chỗ nằm ngồi nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về chỗ nằm ngồi mà đạt đến sự tâm cầu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được chỗ nằm ngồi thì không băn khoăn, và khi đã nhận được chỗ nằm ngồi thì thọ dụng, không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận chỗ nằm ngồi nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tăng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vị Tỳ-khưu đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa.

Và thêm nữa, vị Tỳ-khưu tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu, có lời ca ngợi về sự tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu, và không vì nguyên nhân về vật dụng là thuốc men chữa bệnh mà đạt đến sự tâm cầu sai trái, không phù hợp; khi không nhận được vật dụng là thuốc men chữa bệnh thì không băn khoăn, và khi đã nhận được vật dụng là thuốc men chữa bệnh thì thọ dụng, không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự buông xả. Và hơn nữa, do sự tự biết đủ với bất luận vật dụng là thuốc men chữa bệnh nào dầu tốt hay xấu ấy, cũng không tăng bốc bản thân, không khinh bỉ vị khác. Bởi vì, vị khôn khéo, không biếng nhác, có sự nhận biết rõ, có niệm trong trường hợp ấy nói đến vị Tỳ-khưu đã đứng vào dòng dõi của các bậc Thánh được biết tiếng là cao thượng từ thời xa xưa.

“Vị ấy nên biết chừng mực ở đây, với mực đích vừa lòng” là như thế.

Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy, có đời sống kiềm chế ở trong làng.

Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy: Đã được bảo vệ, đã được gìn giữ, đã được hộ trì, đã được thu thúc về y phục, về đồ ăn khát thực, về chỗ nằm ngồi, về vật dụng là thuốc men chữa bệnh. “Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy” là như vậy. Hoặc là, đã được bảo vệ, đã được gìn giữ, đã được hộ trì, đã được thu thúc về các xứ. “Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy” còn là như vậy.

Sống kiềm chế ở trong làng: Đã kiềm chế, có bản thân đã được kiềm chế, có bản thân đã được kiềm giữ, đã được bảo vệ, đã được gìn giữ, đã được hộ trì, đã được thu thúc ở trong làng.

“Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy, có đời sống kiềm chế ở trong làng” là như thế.

Dầu cho bị xúc phạm, không nên nói lời nói thô lỗ: Bị xúc phạm, bị mắng nhiếc, bị khinh bỉ, bị đụng chạm, bị chê trách, bị gièm pha, không nên nói lại, không nên đáp lại một cách thô lỗ, một cách thô bạo, không nên sỉ vả lại người đang sỉ vả, không nên chọc giận lại người đang chọc giận, không nên cãi lộn với người đang cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi cọ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự

gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự cãi cọ, sự cãi lộn, sự cãi vã, sự tranh cãi, sự gây gổ. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gổ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Dầu cho bị xúc phạm, không nên nói lời nói thô lỗ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Sau khi đạt được vật thực và y phục lúc đúng thời,
Vị ấy nên biết chừng mực ở đây, với mục đích vừa lòng.
Vị ấy được bảo vệ về các điều ấy, có đời sống kiểm chế ở trong làng,
Dầu cho bị xúc phạm, không nên nói lời nói thô lỗ.”*

16.18. Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây],

Nên gắn bó với việc tham thiền, nên có nhiều tỉnh thức,

Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân định tĩnh,

Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận.

Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây]: Có mắt buông lung là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khuru nào đó buông thả con mắt, có trạng thái buông thả ở mắt [nghĩ rằng]: “Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy”; rời từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; có mắt buông lung là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khuru, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi không thu thúc: Vị ấy vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ, nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cậu trai, nhìn các cô gái, nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiền của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuống, nhìn xem hướng chính hướng phụ; có mắt buông lung còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khuru, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, có sự nắm giữ hình tướng, có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập, vị ấy không thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn quyền, không tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; có mắt buông lung còn là như vậy.

Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vậy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trống, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sắt, trò tung hứng tre, lễ bốc mộ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò

mộng, đầu bò đực, đầu dê, đầu cừu, đầu gà, đầu chim cú, đầu gậy, đánh bốc, đầu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như thế; có mắt buông lung còn là như vậy.

Không có mắt buông lung là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó không buông thả con mắt, không có trạng thái buông thả ở mắt [không nghĩ rằng]: “Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy”; rồi không từ tu viện này đến tu viện khác, không từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, không từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, không từ thị trấn này đến thị trấn khác, không từ thành phố này đến thành phố khác, không từ quốc độ này đến quốc độ khác, không từ xứ sở này đến xứ sở khác, không đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; không có mắt buông lung là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi thu thúc: Vị ấy đi mà không nhìn voi,... (nt)... không nhìn xem hướng chính hướng phụ; không có mắt buông lung còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, không có sự nắm giữ hình tướng,... (nt)... không tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; không có mắt buông lung còn là như vậy.

Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin,... (nt)... xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy tránh xa việc đeo đuổi để xem trình diễn có hình thức như thế ấy; không có mắt buông lung còn là như vậy. “Có mắt nhìn xuống” là như thế.

Và không buông thả bàn chân: Buông thả bàn chân là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, từ tu viện này đến tu viện khác,... (nt)... đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; buông thả bàn chân là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khưu, thậm chí ở bên trong tu viện của hội chúng, cũng buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, không phải vì sự lợi ích là nguyên nhân, không phải vì công việc là nguyên nhân, bị phóng túng, có tâm không được vắng lặng, rồi từ gian phòng này đi đến gian phòng khác, từ trú xá này... (nt)... chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu là như vậy, hoặc là như thế; buông thả bàn chân còn là như vậy.

Và không buông thả bàn chân: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở bàn chân; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc buông thả bàn chân, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn; nên có sự thích thú trong việc thiền tịnh, được thích thú trong việc thiền tịnh, gắn bó với sự vắng lặng của tâm thuộc nội phần, có thiền không bị xa rời, thành tựu minh sát, là người gia tăng việc ngụ ở các ngôi nhà trống vắng, chứng thiền, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình.

“Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây]” là như thế.

Nên gắn bó với việc tham thiền, nên có nhiều tỉnh thức.

Nên gắn bó với việc tham thiền: Gắn bó với việc tham thiền vì hai lý do: Gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền với việc làm sanh khởi sơ thiền chưa được sanh khởi; gắn bó, gắn vào, gắn chặt, gắn liền với việc làm sanh khởi nhị thiền, tam thiền, tứ thiền chưa được sanh khởi; gắn bó với việc tham thiền là như vậy. Hoặc là, luyện tập, tu tập, thực hành thường xuyên sơ thiền đã được sanh khởi; luyện tập, tu tập, thực hành thường xuyên nhị thiền, tam thiền, tứ thiền đã được sanh khởi; gắn bó với việc tham thiền còn là như vậy.

Nên có nhiều tỉnh thức: Ở đây, vị Tỳ-khuru, vào ban ngày làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh đầu làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh giữa áp dụng thế nằm của sư tử bằng sườn bên phải, đặt bàn chân chồng lên bàn chân, có niệm, có sự nhận biết rõ, chú tâm đến ý tưởng của việc thức dậy; vào ban đêm trong canh cuối sau khi thức dậy, làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi.

“Nên gắn bó với việc tham thiền, nên có nhiều tỉnh thức” là như thế.

Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân định tĩnh.

Hành xả: Là sự hành xả, biểu hiện của hành xả, biểu hiện của hành xả vượt trội, trạng thái bình đẳng của tâm, trạng thái an tịnh của tâm, trạng thái trung dung của tâm ở tứ thiền.

Có bản thân định tĩnh: Là sự ổn định, sự đứng vững, sự kiên định, sự không rối loạn, sự không tán loạn, trạng thái tâm ý không bị phân tán, sự vắng lặng, định quyền, định lực, chánh định của tâm.

Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân định tĩnh: Có tâm được nhất điểm, có tâm không bị tán loạn, có tâm ý không bị phân tán dựa trên nền tảng của sự hành xả ở tứ thiền.

“Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân định tĩnh” là như thế.

Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận.

Sự suy nghĩ: Có chín sự suy tư: Suy tư về dục; suy tư về sân hận; suy tư về hãm hại; suy tư về thân quyền; suy tư về xứ sở; suy tư về chư thiên; suy tư liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác; suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng và sự nổi tiếng; suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ. Các việc này gọi là chín sự suy tư. Sự nghĩ tưởng về dục là chỗ trú của các suy tư về dục, sự nghĩ tưởng về sân hận là chỗ trú của các suy tư về sân hận, sự nghĩ tưởng về hãm hại là chỗ trú của các suy tư về hãm hại. Hoặc là, vô minh là chỗ trú, tác ý không đúng đường lối là chỗ trú, ngã mạn về bản thân là chỗ trú, không hổ thẹn [tội lỗi] là chỗ trú, không ghê sợ [tội lỗi] là chỗ trú, phóng dật là chỗ trú của các suy nghĩ, của các suy tư, của các tư duy.

Sự hối hận: Về bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, về bối rối ở bàn chân cũng là hối hận, về bối rối ở bàn tay và bàn chân cũng là hối hận, lầm tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội. Sự hối hận nào có hình thức như vậy là biểu hiện hối hận, trạng thái hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý, việc này gọi là hối hận.

Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã làm uế hạnh về khẩu, ... “Ta đã làm uế hạnh về ý, ... “Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã trộm cắp, ... “Ta đã tà hạnh trong các dục, ... “Ta đã nói dối, ... “Ta đã nói đâm thọc, ... “Ta đã nói thô lỗ, ta đã không tránh xa việc nói thô lỗ, ... “Ta đã nói nhảm nhí, ... “Ta đã hành động tham đắm, ... “Ta đã hành động sân hận, ... “Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến.” Như vậy là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm.

Hoặc là, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta là người có các giác quan không được gìn giữ.” ... “Ta là người không biết chừng mực về vật thực.” ... “Ta chưa luyện tập về tinh thức.” ... “Ta chưa đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ.” ... “Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập.” ... “Bốn chánh cần chưa được ta tu tập.” ... “Bốn nền tảng của thân thông chưa được ta tu tập.” ... “Năm quyền chưa được ta tu tập.” ... “Năm lực chưa được ta tu tập.” ... “Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập.” ... “Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập.” ... “Khổ chưa được ta biết toàn diện.” ... “Tập chưa được ta dứt bỏ.” ... “Đạo chưa được ta tu tập.” ... “Diệt chưa được ta chứng ngộ.”

Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận: Nên cắt đứt, nên cắt, nên cắt rời, nên cắt lìa, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự suy nghĩ, chỗ trú của sự suy nghĩ và sự hối hận.

“Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Có mắt nhìn xuống và không buông thả bàn chân [đi đó đây],

Nên gắn bó với việc tham thiền, nên có nhiều tỉnh thức,

Sau khi nỗ lực về hành xả, có bản thân định tĩnh,

Nên cắt đứt chỗ trú của sự suy nghĩ và [nên cắt đứt] sự hối hận.”

16.19. Bị quả trách bởi những lời nói, vị [Tỳ-khuru] có niệm nên hoan hỷ.

Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh.

Nên thoát lên lời nói tốt lành, [lời nói] không vượt quá giới hạn.

Không nên suy nghĩ về chuyện phiếm luận của những người [khác].

Bị quả trách bởi những lời nói, vị [Tỳ-khuru] có niệm nên hoan hỷ.

Bị quả trách: Các vị thầy tế độ, hoặc các vị thầy dạy học, hoặc các vị đồng thầy tế độ, hoặc các vị đồng thầy dạy học, hoặc các bạn bè, hoặc các vị đồng quan điểm, hoặc các vị thân thiết, hoặc các vị thân hữu quả trách rằng: “Này Đại đức, đối với ông điều này là không phù hợp, đối với ông điều này là không được đặt đến, đối với ông điều này là không thích hợp, đối với ông điều này là không hợp với bản tánh.” [Vị ấy] nên thiết lập niệm, rồi nên vui thích, nên thích thú, nên vui mừng, nên tùy hỷ, nên ước muốn, nên ưng thuận, nên ước nguyện, nên mong cầu, nên nguyện cầu sự quả trách ấy. Cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu, sau khi nhận được tràng hoa sen, hoặc tràng hoa nhài, hoặc tràng hoa đủ loại, nên thọ lãnh bằng hai tay và đặt lên ở đỉnh đầu, rồi nên vui thích, nên thích thú, nên vui mừng, nên tùy hỷ, nên ước muốn, nên ưng thuận, nên ước nguyện, nên mong cầu, nên nguyện cầu sự quả trách ấy.

1. “*Nên nhận biết người thông minh, có sự nhìn thấy được lỗi lầm, có lời nói khiến trách, như là người chỉ ra những của cải chôn giấu [cho mình]; nên giao thiệp với người sáng suốt như thế ấy. Đối với người giao thiệp với vị như thế ấy, thì trở nên tốt hơn, không có xấu hơn.*”

2. “*Người [nào] có thể giáo giới, có thể chỉ dạy, có thể ngăn cản điều không tốt lành, thật vậy đối với những người tốt thì người ấy được yêu mến, đối với những người xấu thì không được yêu mến.*”

“Bị quả trách bởi những lời nói, vị [Tỳ-khuru] có niệm nên hoan hỷ” là như thế.

Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh.

Các vị đồng Phạm hạnh: Là những vị có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bản (*Pātimokkha*)], có sự học tập giống nhau.

Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh: Nên phá vỡ trạng thái tâm hân học, bản tánh cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh; nên phá vỡ năm sự cứng cỏi của tâm; nên phá vỡ ba sự cứng cỏi của tâm; nên đập vỡ, nên phá vỡ, nên đập tan sự cứng cỏi do tham ái, sự cứng cỏi do sân hận, sự cứng cỏi do si mê.

⁸ Xem chú thích về “Năm sự cứng cỏi của tâm” ở trang 55. (ND)

⁹ Ba sự cứng cỏi của tâm: Sự cứng cỏi của luyến ái, sự cứng cỏi của sân hận, sự cứng cỏi của si mê (xem trang 55). (ND)

“Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh” là như thế.

Nên thốt lên lời nói tốt lành, [lời nói] không vượt quá giới hạn: Nên thốt ra lời nói được khởi lên từ trí tuệ. Nên thốt ra, nên thốt lên lời nói liên hệ đến mục đích, liên hệ đến giáo pháp, hợp thời, có lý lẽ, có cơ sở. “Nên thốt lên lời nói tốt lành” là như thế.

[Lời nói] không vượt quá giới hạn.

Giới hạn: Có hai giới hạn: Giới hạn về thời điểm và giới hạn về luân lý. Giới hạn về thời điểm là gì? Không nên nói lời nói không phải thời, không nên nói lời nói không phải lúc, không nên nói lời nói không phải thời không phải lúc, không nên nói lời nói không hợp thời, không nên nói lời nói không hợp lúc, không nên nói lời nói không hợp thời không hợp lúc.

3. “*Thật vậy, kể nào khi thời điểm chưa đến mà thốt lên [lời nói] không phải lúc, kể ấy bị giết chết nằm dài, tựa như chim cu con.*”¹⁰

Điều này là giới hạn về thời điểm.

Giới hạn về luân lý là gì? Khi bị luyến ái không nên nói lời nói, khi bị sân hận không nên nói lời nói, khi bị si mê không nên nói lời nói, không nên nói lời nói dối, không nên nói lời nói đâm thọc, không nên nói lời nói thô lỗ, không nên nói lời nói nhảm nhí, không nên nói, không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả; điều này là giới hạn về luân lý.

“Nên thốt lên lời nói tốt lành, [lời nói] không vượt quá giới hạn” là như thế.

Không nên suy nghĩ về chuyện phiếm luận của những người [khác].

Những người [khác]: Là các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. Không nên suy nghĩ, không nên làm sanh khởi sự suy nghĩ, không nên làm sanh khởi tâm, không nên làm sanh khởi sự suy tầm, không nên làm sanh khởi sự chú tâm về lời buộc tội, về lời gièm pha, về sự chê bai, về sự chê trách, về sự không nổi tiếng, về sự không ca tụng, về sự hư hỏng về giới, hoặc về sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc về sự hư hỏng về quan điếm, hoặc về sự hư hỏng về nuôi mạng.

“Không nên suy nghĩ về chuyện phiếm luận của những người [khác]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“*Bị quả trách bởi những lời nói, vị [Tỳ-khưu] có niệm nên hoan hỷ.*

Nên phá vỡ sự cứng cỏi đối với các vị đồng Phạm hạnh.

Nên thốt lên lời nói tốt lành, [lời nói] không vượt quá giới hạn.

Không nên suy nghĩ về chuyện phiếm luận của những người [khác].”

¹⁰ Bốn sanh “Kokālika” (*Kokālikajātakaṃ*), số 331, *TTPV*, tập 32, trang 189, câu kệ 628. (ND)

16.20. *Và hơn thế nữa, có năm loại bụi bặm ở thế gian; đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ. Nên không chế sự luyến ái ở các sắc, ở các thính, rồi ở các vị, ở các hương, ở các xúc.*

Và hơn thế nữa, có năm loại bụi bặm ở thế gian.

Và: Từ “*atha*” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Có năm loại bụi bặm: [Luyến ái ở] sắc là bụi bặm, [luyến ái ở] thính là bụi bặm, [luyến ái ở] hương là bụi bặm, [luyến ái ở] vị là bụi bặm, [luyến ái ở] xúc là bụi bặm.

1. *Luyến ái là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,
Từ “bụi bặm” này là tên gọi của luyến ái.
Các vị sáng suốt, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
Các vị ấy sống trong giáo pháp của bậc đã tách lìa bụi bặm.*
2. *Sân hận là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,
Từ “bụi bặm” này là tên gọi của sân hận.
Các vị sáng suốt, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
Các vị ấy sống trong giáo pháp của bậc đã tách lìa bụi bặm.*
3. *Si mê là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,
Từ “bụi bặm” này là tên gọi của si mê.
Các vị sáng suốt, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
Các vị ấy sống trong giáo pháp của bậc đã tách lìa bụi bặm.*

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

“Và hơn thế nữa, có năm loại bụi bặm ở thế gian” là như thế.

Đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ.

Đối với chúng: Là đối với sự luyến ái ở sắc, đối với sự luyến ái ở thính, đối với sự luyến ái ở hương, đối với sự luyến ái ở vị, đối với sự luyến ái ở xúc.

Vị có niệm: Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu niệm này, người ấy được gọi là có niệm.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. Việc nào là sự học tập về thắng giới? ... (nt)... Việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ: Người có niệm nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm loại

bỏ, nhằm bài trừ, nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh đối với chúng: Đối với sự luyện ái ở sắc, đối với sự luyện ái ở thanh, đối với sự luyện ái ở hương, đối với sự luyện ái ở vị, đối với sự luyện ái ở xúc. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập;... (nt)... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

“Đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ” là như thế.

Nên không chế sự luyện ái ở các sắc, ở các thanh, rồi ở các vị, ở các hương, ở các xúc: Nên không chế, nên áp chế, nên ngự trị, nên đè bẹp, nên trấn áp, nên chà đạp sự luyện ái ở các sắc, ở các thanh, ở các vị, ở các hương, ở các xúc.

“Nên không chế sự luyện ái ở các sắc, ở các thanh, rồi ở các vị, ở các hương, ở các xúc” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Và hơn thế nữa, có năm loại bụi bặm ở thế gian; đối với chúng, vị có niệm nên học tập để dẹp bỏ. Nên không chế sự luyện ái ở các sắc, ở các thanh, rồi ở các vị, ở các hương, ở các xúc.”

16.21. *“Vị Tỳ-khuru có niệm, có tâm khéo được giải thoát, nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy. Vị ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp, có trạng thái chuyên nhất [của tâm], vị ấy có thể diệt trừ sự tăm tối”, [đức Thế Tôn nói vậy].*

Nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy.

Ở các [pháp] ấy: Ở các sắc, ở các thanh, ở các vị, ở các hương, ở các xúc.

Sự mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyện ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục,... (nt)... sự che lấp do mong muốn ở các dục.

Nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy: Nên loại bỏ, nên dẹp hẳn, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự mong muốn ở các pháp ấy.

“Nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy” là như thế.

Vị Tỳ-khuru có niệm, có tâm khéo được giải thoát.

Vị Tỳ-khuru: Là vị Tỳ-khuru phạm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khuru là bậc Hữu học.

Có niệm: Niệm là sự tùy niệm,... (nt)... chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến niệm này,... (nt)... người ấy được gọi là có niệm.

Vị Tỳ-khuru có niệm, có tâm khéo được giải thoát: Đối với vị thể nhập Sơ

thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhị thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi tâm và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi hỷ. Đối với vị thể nhập Tứ thiền, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sắc tướng, bất bình tướng, dị biệt tướng. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, tâm... (nt)... khỏi Không vô biên xứ tướng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm... (nt)... khỏi Thức vô biên xứ tướng. Đối với vị thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi Vô sở hữu xứ tướng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phận sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Nhất lai, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiển, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Bất lai, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị A-la-hán, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, hữu ái tiềm ẩn, vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy, và mọi hiện tướng ở bên ngoài.

“Vị Tỳ-khưu có niệm, có tâm khéo được giải thoát” là như thế.

Vị ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp.

Đúng thời điểm: Khi tâm bị phóng túng là thời điểm của [tu tập] định, khi tâm đã được định tĩnh là thời điểm của minh sát.

1. *Vị nỗ lực tâm vào thời điểm [này] và kiềm chế tâm vào thời điểm khác, khích lệ tâm đúng thời điểm, tập trung tâm vào thời điểm [thích hợp], hành xả đúng thời điểm, vị hành giả ấy là người rành rẽ về thời điểm.*

2. *Việc nỗ lực là vào thời điểm nào? Việc kiềm chế là vào thời điểm nào? Thời điểm cần khích lệ là vào thời điểm nào? Và thời điểm của vắng lặng là thời điểm như thế nào? Làm thế nào giúp cho các hành giả nhìn thấy thời điểm hành xả của tâm?*

3. *Khi tâm bị lui sụt là [thời điểm của] việc nỗ lực, nhưng khi tâm bị phóng túng là [thời điểm của] việc kiềm chế, khi tâm đi đến sự không hưng thú, vào khi ấy nên khích lệ tâm.*

4. *Vào lúc tâm đã được khích lệ, không bị lui sụt, không bị phóng túng, thời điểm ấy là của sự vắng lặng và của an chứng, tâm thích thú ở bên trong [của đề mục].*

5. Theo đúng phương thức này, vào lúc [tâm] được định tĩnh, sau khi nhận biết tâm đã được định tĩnh, nên hành xả tâm vào khi ấy.

6. Vị sáng trí, hiểu rõ về thời điểm, biết về thời điểm, rành rẽ về thời điểm nên suy xét ân chứng của tâm đúng thời điểm, thuận theo thời điểm.

Vị ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp: Trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: “Tất cả các hành là khổ”; trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: “Tất cả các pháp là vô ngã”;... (nt)... trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

“Vị ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp” là như thế.

Có trạng thái chuyên nhất [của tâm], vị ấy có thể diệt trừ sự tăm tối, [đức Thế Tôn nói vậy].

Có trạng thái chuyên nhất [của tâm]: Có tâm được nhất điểm, có tâm không bị tán mạn, có tâm ý không bị phân tán, có sự vắng lặng, có tuệ quyền, có tuệ lực, có chánh định. “Có trạng thái chuyên nhất [của tâm]” là như thế.

Vị ấy có thể diệt trừ sự tăm tối: Là có thể tiêu diệt, có thể diệt trừ, có thể dứt bỏ, có thể xua đi, có thể làm chấm dứt, có thể làm cho không còn hiện hữu tất cả sự tăm tối bởi luyến ái, sự tăm tối bởi sân hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi tà kiến, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi ô nhiễm, sự tăm tối bởi uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vị có luyến ái đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có sân hận đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có si mê đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ngã mạn đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có tà kiến đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có cây gai đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ô nhiễm đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo” là đức Thế Tôn; “vị thực hiện sự chấm dứt các hữu” là đức Thế Tôn; “vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của Pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiên, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiên], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự” là đức Thế

Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tướng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasiṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tử thi” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật” là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế Tôn” này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Thế Tôn.”

“Có trạng thái chuyên nhất [của tâm], vị ấy có thể diệt trừ sự tăm tối, [đức Thế Tôn nói vậy]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị Tỳ-khưu có niệm, có tâm khéo được giải thoát, nên loại bỏ sự mong muốn ở các pháp ấy. Vị ấy, đúng thời điểm, trong khi suy xét toàn diện một cách đúng đắn về giáo pháp, có trạng thái chuyên nhất [của tâm], vị ấy có thể diệt trừ sự tăm tối”, [đức Thế Tôn nói vậy].

“Diễn giải kinh về Sāriputta” được đầy đủ - Phần thứ mười sáu.

ĐẠI DIỄN GIẢI ĐƯỢC CHẤM DỨT.

